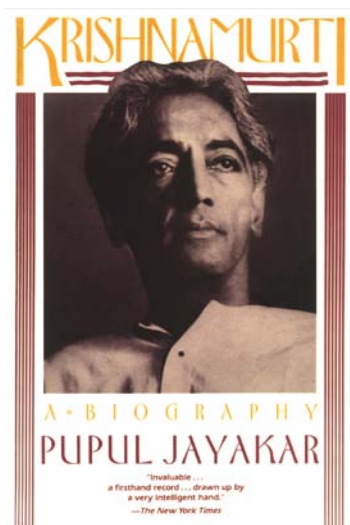


J. KRISHNAMURTI



“vô giá . . .
một ghi lại trực tiếp . . . được sắp xếp bởi
một bàn tay rất thông minh.”

— *The New York Times* —

TIỂU SỬ CỦA KRISHNAMURTI

Krishnamurti's biography by Pupul Jayakar

[www.scribd.com/.../Pupul-Jayakar-Krishnamurti-A-Biography]

Lời dịch: Ông Không

www.jkrishnamurtionghong.com

Tập I/II

— Tháng 4-2011—

Thành kính cáo lỗi tác giả Pupul Jayakar – Ấn độ – vì không có điều kiện nên đã phải “ăn cắp” trên Internet nguyên tác tiếng Anh *Krishnamurti-A- Biography*.

ÔNG KHÔNG

Gửi tới Krishnaji bằng những thành kính sâu thẳm

TẬP I

Nội dung

TẬP I

Lời tựa:

“Một bài hát trao tặng một con chim bị cột chặt”

Phần 1. Krishnamurti thời trẻ tuổi 1895-1946

1. “Người ta được sinh ra trong hư không và người ta được sinh ra là hư không.”
2. Tổ chức Thông thái và Thứ bậc Huyền bí
3. Giác mộng: “Liệu đó là Ngài – Chúa của con?”
4. “Mẹ ơi, Lạy mẹ, hãy Sờ mặt con. Nó vẫn còn ở đó?”
5. “Ở đây sống của chúng tôi là một hoạt động mãnh liệt phía bên trong.”
6. “Tôi và người em của tôi là một.”
7. “Nhân cách của J. Krishnamurti đã được nuốt t rợn trong những ngọn lửa.”
8. Krishnamurti ở Ojai: Những năm quên lãng, 1938-1947

Phần 2. Krishnamurti ở Ấn độ 1947-1949

9. Họp mặt bạn bè
10. “Bạn là thế giới.”
11. “Hãy đi đi và kết bạn cùng cây cối.”
12. “Có khuôn mặt đó bên cạnh tôi.”

13. “Tại sao bạn không bắt đầu lau chùi bậc thềm cửa trước của nhà bạn, bộ phận con đường của bạn mà là chính bạn.”
14. “Dưới những tia sáng cuối cùng của mặt trời, nước là màu sắc của những bông hoa mới nở.”
15. “Cái trí vận hành như bộ phận của tổng thể là vô hạn.”

Phần 3. Phơi bày Lời giảng 1950-1959

16. “Tôn giáo ~~lên~~ diện khi những cái trí đã hiểu rõ những công việc của chính nó.”
17. “Đường như cái trí lan rộng vô tận.”
18. “Liệu có thể có hành động không-hậu quả?”
19. “Nói bằng Toàn Bộ đầu”

Phần 4. Con sông của Thấu triệt 1960-1977

20. “Qua sự Phủ nhận có Sáng tạo.”
21. “Cái trí tự-thâm nhập thăm thẳm vào chính nó tiến hành một hành hương không-trở lại.”
22. “Hãy thức dậy.”
23. “Hạnh phúc thay cho con người không-là gì cả”. Thư gửi một người bạn trẻ.

TẬP II

Phần 5. Thay đổi Tầm nhìn 1962 -1977

24. “Con người không có tánh sáng tạo dựng lên những học viện chết rồi.”
25. “Cần thiết phải đặt ra những nghi vấn không-đáp án.”

26. “Tình yêu không biết đến đau khổ.”
27. “Người quan sát là Vật được quan sát.”
28. “Viên đá cuội trong Cái Ao”
29. “Cõi lưng cọp.”
30. “Bạn ấy rất mong manh.”
31. “Đừng giữ những kỷ niệm của bạn ấy trong cái trí của bạn, việc đó sẽ níu kéo bạn ấy lại quả đất này. Hãy thả cho bạn ấy đi.”

Phần 6. Tóm tắt Lời giảng 1978-1985

32. “Từ hôm nay liệu bạn có thể nhìn ba mươi năm như quá khứ? Không phải từ ba mươi năm nhìn hôm nay?”
33. “Năng lượng là vũ trụ, nó cũng là hỗn độn. Đó là nguồn của sự sáng tạo.”
34. Phủ nhận và Cái trí cổ xưa.
35. “Người ta đã chạm vào cái nguồn năng lượng của tất cả sự việc-sự vật.”
36. “Nghĩ ngờ như bản thể của sự tìm hiểu tôn giáo”
37. “Bỗng nhiên tôi thấy khuôn mặt đó.”
38. “Liệu có thể duy trì bộ não rất tươi trẻ?”
39. “Bản chất của Thượng đế.”
40. “Ý nghĩa của chết.”
41. “Học Chết đi chính bạn trọn vẹn.”
42. Những giới hạn của tư tưởng.
43. “Người ta có thể tâm nhập sâu thẳm bao nhiêu?”
44. “Cái trí tốt lành”
45. “Thời gian là gì?”
46. “Dòng giống của từ bi”
47. “Không-khởi đầu, không-kết thúc”: Krishnamurti lúc chín mươi tuổi

Phần kết

Ghi chú
Minh họa

Lời tựa

Vào cuối những năm 1950 J. Krishnamurti, được mọi người ở Ấn độ và bạn bè khắp thế giới gọi là Krishnaji, đã gợi ý tôi viết một quyển sách về sống của ông, được dựa trên những ghi chú tôi đã lưu lại từ lần đầu tiên gặp ông vào năm 1948. Tôi bắt đầu viết quyển sách này năm 1978.

Tôi đã cố gắng viết về Krishna murti như Con người, Người Thầy, và những liên hệ của ông cùng nhiều người đàn ông và đàn bà mà đã hình thành nên lộ phận của toàn cảnh nước Ấn độ. Quyển sách tập trung vào sống của Krishnaji ở Ấn độ giữa những năm 1947 và 1985, nhưng rất cần thiết phải có sự ghi lại nào đó về sống thời niên thiếu của ông như một cơ sở để từ đó tiết lộ câu chuyện của Krishnamurti về tuổi. Những tài liệu mới nào đó, đến lúc này chưa được xuất bản, cũng được đề cập.

Độc giả mau chóng sẽ nhận ra rằng Krishnamurti được gọi bởi nhiều cái tên khác nhau trong quyển sách này. Tôi đã nói đến Krishnamurti như Krishna khi ông còn là một người thanh niên trẻ, bởi vì ông được gọi như thế tại thời điểm đó; như Krishnaji từ 1947, bởi vì lúc đó đối với tôi ông là một Người Thấy và Người Thầy Vĩ đại. *Ji* là một thuật ngữ bày tỏ sự tôn kính được thêm vào danh tánh đàn ông và đàn bà ở Bắc Ấn độ; thậm chí tên của một đứa trẻ cũng có một hậu tố được thêm vào trong một gia đình truyền thống, bởi vì người ta nghĩ rằng sẽ bất lịch sự khi gọi một người bằng tên

của anh ấy hay chị ấy. Ở Nam Ấn độ không có hậu tố được thêm vào và từ ngữ *ji* không ai bắt đến. Có thể rằng Annie Besant, bởi vì sự liên hệ mật thiết của bà với Varanasi, đã thêm hậu tố *ji* vào tên của Krishna như một thuật ngữ bày tỏ sự quý mến và sự tôn kính.

Hầu hết những người thầy tôn giáo ở Ấn độ đều thêm một tiền tố vào danh tánh của họ, như Maharshi, Acharya, Swami, hay Bhagwan. Krishnaji không bao giờ chấp nhận bất kỳ tước hiệu nào như thế. Trong những nói chuyện hay trong những nhật ký của ông, Krishnaji gọi chính ông hoặc là “K” hoặc là “chúng ta” không-cá nhân, để đề nghị một vắng mặt của “cái tôi”, ý thức về tánh cá thể của cái ngã. Vì vậy, trong quyển sách này, khi tôi nói về Con người hay Người Thầy trong một cách không-cá nhân, tôi gọi là Krishnamurti hay K.

Krishnaji đồng ý thực hiện những đối thoại cùng tôi, và những đối thoại này hình thành một phần của quyển sách. Hầu hết những phần viết ra đều từ những ghi chú do tôi lưu giữ trong suốt thời gian hay ngay lập tức sau khi chấm dứt những đối thoại và những nói chuyện. Từ 1972 trở về sau, một số trong những đối thoại được thâu băng và đã được trích dẫn từ đó.

Những việc xảy ra nào đó được bàn luận trong quyển sách – những gặp gỡ của Krishnaji với Indira Gandhi, sự liên hệ của ông với Annie Besant – có thể đã gây ra những tranh luận. Những chương này tôi đã đọc ra tiếng cho Krishnaji nghe để nhận được những bình phẩm của ông. Tôi cũng gửi cho Indira Gandhi chương sách về những gặp gỡ của bà với ông; bà đã đề nghị vài thay đổi nhỏ, mà đã được viết vào.

Tôi muốn bày tỏ sự biết ơn sâu xa của tôi đến Sri Rajiv Gandhi vì đã cho phép được in vào đây những lá thư

của Indira Gandhi; đến Krishnamurti Foundation, nước Anh, vì cho phép xuất bản những đối thoại được thực hiện bởi tôi và Krishnamurti tại Brockwood Park; đến Krishnamurti Foundation, Ấn Độ vì đã cho phép xuất bản những đối thoại và nói chuyện ở Ấn Độ; đến Smt. Radha Burnia, Chủ tịch, Theosophical Society, vì tất cả sự tử tế và giúp đỡ của bà trong công việc tạo ra tài liệu có giá trị tiện dụng từ văn khố của Theosophical Society; đến Sri Achyut Patwardhan vì nhiều nói chuyện của ông; đến Smt. Sunanda Patwardhan vì cho phép tôi tiếp cận những ghi chú và những ghi lại cá nhân của bà; đến con gái của tôi, Radhika và chồng cô ấy, Hans Herzberger, vì những lời phê bình xây dựng; đến Sri Murli Rao vì những bản thảo nào đó mà ông lưu ý tôi phải quan tâm; và đến những bạn bè khác đã chia sẻ những trải nghiệm của họ với tôi. Tôi cũng muốn bày tỏ sự biết ơn đến Sri Asoke Dutt vì sự giúp đỡ to tát và tình thân hữu của ông trong công việc xuất bản quyển sách này; đến Clayton Carlson của Harper & Row vì những đề nghị, quan tâm, và trợ giúp vô giá; đến Sri Benoy Sarkar vì sự giúp đỡ vô giá của ông trong công việc phân loại và đối chiếu những bức ảnh; đến The National Institute of Design, Ahmedabad; đến những người thừa kế của Mitter Bedi; đến Asit Chandmal; Mark Edwards, và A. Hamid, vì cho phép sử dụng những bức ảnh của họ; đến A. V. Jose vì sự ủng hộ và trông nom toàn bộ sự xuất bản; và đến M. Janardhanan vì đã kiên nhẫn với tôi trong quá trình chuẩn bị bản thảo.

**“Một bài hát tặng cho một con chim
bị cột chặt”**

*Hãy thức dậy, hãy sống lại, vì đã tới gần người thầy vĩ đại,
hãy học hành. Con đường chông gai ấm, vượt qua nó
giống như cạnh bên của một lưỡi dao cạo.*

KATHA UPANISHAD III

Lần đầu tiên tôi gặp Krishnamurti vào tháng giêng năm 1948. Tôi ba mươi hai tuổi và đã đến sống ở Bombay sau khi lấy người chồng của tôi, Mammohan Jayakar, năm 1937. Người con duy nhất của tôi, một người con gái, Radhika, được sinh ra một năm sau đó.

Nước Ấn độ đã độc lập được năm tháng và tôi thấy một tương lai sáng sủa trải dài trước mặt. Sự gia nhập riêng của tôi vào chính trị sắp sửa xảy ra. Đó là một thời điểm khi những người đàn ông và đàn bà đã tham gia trong sự đấu tranh giành độc lập cũng đã chuyển thành điều gì lúc đó được gọi là những chương trình xây dựng hoặc xã hội được đề xướng bởi Mahatma Gandhi. Chương trình này bao gồm mọi khía cạnh của xây dựng quốc gia, đặc biệt những hoạt động có liên quan đến làng mạc ở Ấn độ. Từ năm 1941 tôi bắt đầu hoạt động nhiều trong những vấn đề thuộc công việc tổ chức có liên quan đến sự thịnh vượng, những công nhân lao động

chân tay, những kỹ nghệ trong nhà của phụ nữ trong làng. Đối với tôi, nó là một khởi sự khắc nghiệt và thử thách. Cùng sự tự do, hậu quả của sự chia cắt đất nước dẫn đến sự làm việc của tôi tại trung tâm của tổ chức cứu trợ chính được thành lập ở Bombay cho những người tỵ nạn từ Pakistan đang tràn vào quốc gia.

Một buổi sáng Chủ nhật tôi đến thăm mẹ tôi, sống ở Malabar Hill, Bombay, trong một căn nhà gỗ không đúng quy cách, cũ kỹ, mái lợp bằng tôn dùng cho nông thôn. Tôi gặp mẹ và người em gái của tôi, Nandini đang chuẩn bị sẵn sàng để ra ngoài. Họ nói với tôi rằng Sanjeeva Rao, người đã học cùng người cha của tôi ở King's College, Cambridge, đến thăm mẹ tôi. Ông thấy rằng thậm chí sau nhiều năm chịu tang chồng, mẹ vẫn còn đau khổ nhiều bởi cái chết của cha tôi. Ông đã gợi ý rằng mẹ có thể vui được nỗi buồn khi gặp Krishnamurti. Bỗng nhiên một hình ảnh hiện ra trong đầu óc tôi: khoảng giữa những năm 1920, trường học tại Varanasi* nơi tôi là học sinh ngoại trú. Tôi nhớ lại đã thấy một Krishnamurti rất trẻ, một người rất đẹp, gầy, ngồi bắt chéo chân, mặc quần áo màu trắng, và tôi, một trong năm mươi đứa trẻ, đang rải những bông hoa trước ông ...

Sáng hôm đó tôi không có việc gì phải làm, vì vậy tôi đi tháp tùng mẹ. Khi chúng tôi đến nhà của Ratansi Morarji trên đường Carmichael, nơi Krishnamurti đang ở, tôi thấy Achyut Patwardhan, đang đứng bên ngoài lối vào. Trong những năm gần đây ông đã trở thành một người đấu tranh cho sự cách mạng và tự do, nhưng tôi đã biết ông từ khi chúng tôi còn là những đứa trẻ tại Varanasi vào những năm 1920. Chúng tôi

* Benares

nói chuyện với nhau được vài phút trước khi vào phòng khách ngồi chờ Krishnamurti.

Krishnamurti lặng lẽ vào phòng, và toàn bộ giác quan của tôi nổ tung; tôi có một nhận biết mãnh liệt và đột ngột về sự vô hạn và hào quang rực rỡ. Ông lấp kín căn phòng bằng sự hiện diện của ông, và trong khoảnh khắc tôi bị tan biến. Tôi không thể làm gì khác ngoài trừ nhìn ông chằm chằm.

Nandini giới thiệu người mẹ mỏng manh, nhỏ xíu của tôi và tiếp theo quay lại giới thiệu tôi. Chúng tôi ngồi xuống. Ngần ngừ một chốc lát, mẹ tôi bắt đầu kể về cha tôi, tình yêu của mẹ với cha tôi, và sự mất mát khủng khiếp của mẹ, mà dường như mẹ không thể chấp nhận được. Mẹ hỏi Krishnamurti rằng liệu mẹ sẽ gặp lại cha trong thế giới kế tiếp. Đến lúc đó sự mãnh liệt của nhận biết cao độ về sự hiện diện của ông được gọi lên lúc ban đầu đã bắt đầu tan dần, và tôi ngồi ngả người ra ghế để nghe điều gì tôi đã mong đợi là một câu trả lời gây thỏa mãn. Tôi biết rằng nhiều người bị đau khổ đã viếng thăm ông, và tôi nghĩ rằng ông sẽ biết những từ ngữ gây thỏa mãn cho họ.

Bất ngờ, ông nói. “Tôi xin lỗi, thưa Bà. Bà đã đến nhầm người rồi. Tôi không thể trao cho bà sự thỏa mãn như bà tìm kiếm.” Tôi ngồi bật dậy, bối rối. “Bà muốn tôi bảo cho bà rằng bà sẽ gặp lại người chồng của bà sau khi chết, nhưng bà muốn gặp lại người chồng nào? Người đàn ông đã kết hôn với bà, người đàn ông đã sống cùng bà khi bà còn trẻ, người đàn ông đã chết, hay người ngày hôm nay, ông ấy đã chết?” Ông ngừng lại và im lặng trong vài phút. “Bà muốn gặp người chồng nào? Bởi vì, chắc chắn, người đàn ông đã chết không giống như người đàn ông đã kết hôn với bà.”

Tôi cảm thấy đầu óc của tôi dựng dậy vì chú ý; tôi đã nghe điều gì đó đang gây thách thức lạ thường. Mẹ tôi có vẻ

bán loạn. Mẹ không được chuẩn bị để chấp nhận rằng thời gian có thể tạo ra bất kỳ sự khác biệt nào trong người đàn ông bà đã thương yêu. Mẹ nói, “Chồng tôi sẽ không thay đổi.” Krishnamurti trả lời, “Tại sao bà muốn gặp tôi? Điều gì bà nhớ không phải người chồng của bà, như ng ký ức về người chồng của bà.” Ông lại ngừng, cho phép những từ ngữ thấm sâu.

“Thưa bà, hãy tha thứ cho tôi.” Ông chấp hai tay và tôi tăng dần nhận biết về sự hoàn hảo trong những cử chỉ của ông. “Tại sao bà cứ nuôi sống kỷ niệm của người chồng? Tại sao bà muốn tái tạo người chồng trong cái trí của bà? Tại sao bà cố gắng sống trong sự đau khổ và tiếp tục cùng sự đau khổ đó?” Tôi cảm thấy một kích động tăng nhanh của những giác quan: sự khước từ phục tùng theo chiều hướng đồng ý của ông đang đảo lộn mọi thứ. Cái trí của tôi bùng bùng để gặp gỡ sự rõ ràng và sự chính xác trong những từ ngữ của ông. Tôi cảm thấy rằng tôi đã hiệp thông cùng cái gì đó mệnh mang và hoàn toàn mới mẻ. Mặc dù những từ ngữ nghe có vẻ gay gắt, có sự dịu dàng trong đôi mắt của ông và một chất lượng của an ủi tuôn ra từ ông. Ông nắm tay mẹ tôi trong khi ông đang nói.

Nandini thấy rằng mẹ tôi rất rối loạn. Em thay đổi cuộc nói chuyện và bắt đầu kể cho Krishnamurti về những người còn lại trong gia đình. Em giới thiệu cho ông rằng tôi là một công nhân xã hội quan tâm đến chính trị. Ông trông rất nghiêm nghị khi quay về hướng tôi và hỏi tại sao tôi lại làm công tác xã hội. Tôi đáp lại bằng cách kể cho ông về sự phong phú trong sống của tôi. Ông mỉm cười. Nó khiến cho tôi cảm thấy rối loạn và căng thẳng. Sau đó ông nói, “Chúng ta giống như cái người cố gắng đổ đầy nước vào một cái xô có những lỗ thủng. Nước được đổ vào càng nhiều bao nhiêu,

nó càng bị chảy ra nhiều bấy nhiêu, và cái xô vẫn chẳng có giọt nước nào.”

Ông đang dụi dằm nhìn tôi mà không có ý châm chọc. Ông hỏi, “Bạn đang cố gắng chạy trốn cái gì? Công việc xã hội, vui thú, đang sống trong đau khổ – đây không là tất cả những tẩu thoát, những nỗ lực để lấp kín sự trống không bên trong hay sao? Liệu trống không này có thể được lấp kín? Và tuy nhiên, lấp kín trống không này lại là toàn tiến hành thuộc sự tồn tại của chúng ta.”

Tôi phát hiện những từ ngữ của ông gây rối loạn nhiều lắm, nhưng cảm thấy chúng phải được tìm hiểu. Đối với tôi, hành động là sống; và điều gì ông nói không thể hiểu nổi. Tôi hỏi ông liệu ông muốn tôi ngồi ở nhà và không làm gì cả. Ông lắng nghe; và tôi có một cảm giác đặc biệt rằng đang lắng nghe của ông không giống như bất kỳ việc gì tôi đã từng nhận biết hay trải nghiệm. Sau đó ông mỉm cười bởi câu hỏi của tôi, và căn phòng lấp đầy. Chẳng mấy chốc sau, chúng tôi cáo từ. Krishnamurti nói với tôi, ‘Chúng ta sẽ gặp lại.’

Cuộc gặp gỡ đã làm cho tôi rất rối loạn. Tôi không thể ngủ được, những từ ngữ của ông cứ nảy ra trong cái trí của tôi. Khi những ngày trôi qua, tôi bắt đầu tham dự những nói chuyện ông đang thực hiện tại vườn của Sir Chunilal Mehta, cha chồng của Nandini. Tôi thấy quá khó khăn để hiểu rõ những gì Krishnamurti đang nói, nhưng sự hiện diện của ông làm tan biến tôi và tôi tiếp tục tham dự. Ông nói về sự hỗn loạn của thế giới như sự chiếu rọi của sự hỗn loạn cá thể. Ông bảo cho chúng tôi rằng tất cả những tổ chức và “những chủ nghĩa” đã thất bại, và rằng trong sự theo đuổi an toàn của chúng ta chúng ta đang lên những tổ chức mới mà quay ngược lại phản bội chúng ta.

Tôi có cảm giác rằng tôi không đang gặp gỡ ông tại mức độ mà ông đang nói. Sau một vài ngày tôi xin phép có một phỏng vấn.

Tôi bị chuyển động bởi sự thôi thúc để gặp gỡ ông, để được chú ý bởi ông, để tìm hiểu sự bí mật mà lan tỏa trong sự hiện diện của ông. Tôi sợ hãi điều gì sẽ xảy ra, nhưng tôi không thể xua tan nó. Trong hai ngày trước cuộc phỏng vấn của chúng tôi, tôi đã lập kế hoạch điều gì tôi sẽ nói với ông và tôi sẽ nói nó như thế nào. Khi tôi bước vào phòng tôi thấy ông đang ngồi thẳng lưng và bắt chéo hai chân trên nền nhà, mặc một *kurta* trắng không vết bẩn phủ qua đầu gối. Ông đứng phắt dậy, những ngón tay giống như những cánh hoa dài chấp lại chào hỏi. Tôi ngồi xuống đối diện ông. Ông thấy tôi bị căng thẳng và ông bảo tôi ngồi yên lặng.

Sau một lúc tôi bắt đầu nói. Trước đó tôi đã luôn luôn tự tin về chính mình, vì vậy mặc dù do dự, chẳng mấy chốc tôi phát hiện rằng tôi đang nói chuyện bình thường và điều gì tôi đã lập kế hoạch để nói được tuôn ra. Tôi nói về sự phong phú của sống và làm việc của tôi, về sự quan tâm đến những người không có quyền lợi, sự ham muốn tham gia vào chính trị của tôi, công việc của tôi trong phong trào công nhân, sự thích thú nghệ thuật của tôi. Tôi hoàn toàn mê mải vào điều gì tôi phải nói, ấn tượng tôi đang cố gắng tạo ra. Tuy nhiên, sau một vài khoảnh khắc, tôi có một cảm giác khó chịu rằng ông không đang lắng nghe tôi. Tôi ngược lên và thấy ông đang nhìn tôi chăm chăm; có một dò hỏi trong đôi mắt của ông và một tìm kiếm thăm thẳm. Tôi ngần ngừ và bỗng nhiên im lặng. Sau một lúc ông nói, “Tôi đã nhận ra bạn tại những bàn luận. Khi bạn yên tĩnh, có một buồn bã vô cùng trên khuôn mặt của bạn.”

Tôi quên hẳn đi điều gì tôi đã dự tính nói, quên bằng mọi thứ ngoại trừ sự đau khổ trong tôi. Tôi đã khước từ cho phép sự đau khổ đó trở dậy. Nó được che đậy kín bưng đến độ hiếm khi nào nó tác động vào ý thức bên ngoài của tôi. Tôi bị kinh hãi bởi ý tưởng rằng những người khác sẽ biểu lộ sự thương hại và thông cảm với tôi, và đã che đậy sự đau khổ của tôi bằng những tầng của sự hung hăng. Tôi chưa bao giờ nói về điều này cho bất kỳ ai – ngay cả chính tôi cũng không thừa nhận sự cô độc này: nhưng trước người lạ mặt yên lặng này, tất cả những mặt nạ đều được lột ra. Tôi nhìn vào đôi mắt của ông và chính là khuôn mặt riêng của tôi mà tôi thấy được phản ảnh lại. Giống như sự phun trào mạnh mẽ của một mạch nước bị kiềm hãm lâu, những từ ngữ tuôn ra.

Tôi còn nhớ khi là một đứa trẻ, một trong năm đứa trẻ, nhút nhát và hèn lành, bị vùi dập bởi những khinh thường không đáng kể. Màu sẫm của nước da trong một gia đình nơi mọi người đều có da trắng, không được lưu ý, một người con gái khi đáng lẽ ra tôi phải là một cậu trai, sống trong một ngôi nhà rộng lớn không đúng quy cách, bị bỏ quên suốt nhiều tiếng đồng hồ, đọc những quyển sách mà hiếm khi tôi hiểu được. Tôi nhớ lúc đang ngồi trên một hàng hiên dài đối diện những cây cổ thụ; lắng nghe những truyện cổ tích về những yêu tinh và những anh hùng, về Hatim và Ali Baba – những câu chuyện dân gian về vùng đất cổ xưa này được kể bởi một người thợ may Hồi giáo có bộ râu quai nón bạc, Immamuddin, suốt ngày ngồi bên cạnh cái máy may trên hàng hiên. Tôi nhớ đã nghe bài hát *Ram Charit Manas** của

* *Ram Charit Manas* là câu chuyện của Rama và Sita từ thiên sử thi *Ramayana* được soạn trong ngôn ngữ địa phương bởi thi sĩ Tulsidas trong một khổ thơ bốn câu thêm vào thiên sử thi.

Tulsida được hát bởi Ram Khilavan, người cu li *punkah* nghèo đang quạt cho chúng tôi, và mùi thơm của những tấm thảm *khus* mát lạnh vào một ngày mùa hè. Tôi nhớ đã dạo bộ cùng nữ gia sư người Ireland, học về cây cối và tên của những bông hoa, hài lòng trong những chuyện kể về lịch sử của vua chúa và hoàng hậu nước Anh, Arthur và Guinevere, Henry thứ tám và Ann Boleyn; không bao giờ chơi những con búp bê, hiếm khi nô đùa cùng những đứa trẻ khác. Tôi nhớ lại đã sợ cha tôi, tuy nhiên vẫn len lén khâm phục cha.

Tôi nhớ lại vào lúc mười một tuổi những nẩy nở dậy thì bắt đầu trong tử cung của tôi, lần ra máu đầu tiên, và cùng nó một nở hoa kỳ diệu. Lớn lên và còn trẻ tuổi là trạng thái mê say. Được khâm phục, được sống mạnh mẽ – cưỡi ngựa, bơi lội, chơi quần vợt, nhảy múa. Bằng sự phóng túng hoang dã tôi chạy đua để gặp gỡ sống của tôi.

Tôi nhớ lại đi đến nước Anh, vào đại học và sự kích thích của cái trí, gặp gỡ chồng của tôi, quay lại Ấn, kết hôn, và sanh con gái tôi Radhika.

Chắc chắn, thật mau lẹ tôi chối từ vai trò của một người nội trợ. Tôi mê say công việc xã hội, chơi bài bridges và poker với số tiền đặt cược to, sống ngay tại tâm điểm của đời sống trí thức và xã hội của Bombay. Tiếp theo một mang thai khác; trong tháng thứ bảy một ca động kinh tạo ra những cơn co giật dữ dội và bị mù hoàn toàn.

Tôi nhớ lại sự khổ sở hỗn loạn của mù lòa tăm tối và những cơn bùng nổ ào ạt của màu sắc: màu xanh sậm, màu của chim xanh neelkantha, màu của lửa xanh. Bộ não bị tàn phá bởi những cơn co giật của thân thể; sự kết thúc của nhịp tim đập và cái chết của đứa bé không thấy mặt; sự yên lặng chết chóc nặng nề của tử cung. Thị lực có lại qua một

màn sương, như những đốm sáng, đang hội tụ để tạo ra hình dáng.

Cái trí của tôi ngừng lại, những từ ngữ kết thúc, và tôi nhìn lại vào con người đẹp đẽ. Nhưng sự đau khổ hành hạ về cái chết của người cha yêu quý chẳng mấy chốc lại thức dậy trong tôi, và ~~h~~ nữa có nỗi khổ sở không thể chịu đựng nổi đang xé nát quả tim tôi.

Những từ ngữ không muốn ngừng lại. Tôi kể về nhiều vết thương của sống, sự đấu tranh để sinh tồn, sự nhẫn tâm đang gia tăng, sự chai cứng đang ăn mòn chậm chạp, sự hung hăng và tham vọng. Sự thôi thúc trong tôi, đang đòi hỏi thành công. Sau đó một mang thai khác, sinh ra một bé gái nhỏ xíu, khuôn mặt đẹp đẽ, nhưng bị dị dạng. Nước mắt đầm đìa trong đau khổ và lại nữa cái chết của đứa trẻ. Tám năm căn cỗi của cái trí, quả tim, và tử cung; và cuối cùng chết.

Trong sự hiện diện của ông quá khứ, được giấu giếm trong bóng tối của sự quên lãng quá lâu, đã tìm được hình dạng và thức giấc. Ông như một cái gương phản ảnh lại. Không sự hiện diện của cá nhân, của người đánh giá, để nhận xét và làm biến dạng. Tôi luôn cố gắng giữ lại cái gì đó thuộc quá khứ của tôi, nhưng ông sẽ không cho phép tôi. Lúc này, trong cánh đồng của từ bị, có một chất lượng của sức mạnh vô hạn. Ông nói, “Tôi có thể thấy nếu bạn muốn tôi thấy.” Và thế là những từ ngữ trong nhiều năm đã hủy hoại tôi lại được tuôn ra. Nói ra chúng tạo cho tôi sự đau khổ vô cùng, nhưng lắng nghe của ông lại giống lắng nghe của những cơn gió hay sự lan rộng vô hạn của nước.

Tôi đã ở cùng Krishnaji * suốt hai tiếng đồng hồ. Khi tôi rời căn phòng thân thể của tôi cảm thấy bị vỡ tan, và tuy

* Trước khi có điện ở Ấn độ, mỗi bungalow có một cái cột gỗ dài được treo ngang dưới trần nhà cao, với một miếng diềm vải dày che nó. Một

nhiên một hồi phục đã tuôn chảy qua tôi. Tôi đã tiếp xúc một cách quan sát ríi mẽ, một cách lắng nghe mới mẽ, mà không có phản ứng, một lắng nghe mà bắt nguồn từ một nơi xa xôi và một chiều sâu thăm thẳm. Trong khi tôi đang nói, ông thể hiện sự nhận biết được không những điều gì đang được nói – những diễn tả, những cử chỉ, những thái độ – nhưng còn cả nhận biết được điều gì đang xảy ra quanh ông – con chim đang hót trên cây phía bên ngoài ửa sổ, một bông hoa đang rơi khi cái lọ. Ở khoảng giữa khúc than của tôi ông hỏi: “Bạn có thấy bông hoa đang rơi đó?” Cái trí của tôi ngừng lại, bối rối.

Tôi đã lắng nghe Krishnamurti suốt nhiều ngày. Tôi đến những nói chuyện của ông, tham gia những bàn luận, ngẫm nghĩ, bàn luận điều gì ông đang trình bày cùng bạn bè của tôi. Vào buổi chiều ngày 30 tháng 1, khi tất cả chúng tôi tụ họp tại nhà của Ratansi Morarji, Achyut được mời đến nghe điện thoại. Anh ấy quay lại, mặt tái mét.

“Gandhiji vừa bị ám sát,” anh ấy nói. Trong một tích tắc, thời gian ngừng lại. Krishnaji trở nên rất yên lặng. Dường như ông nhận biết được mỗi người chúng tôi và những phản ứng của chúng tôi. Trong chúng tôi, một suy nghĩ duy nhất bật ra: Người sát nhân là một người Hồi giáo hay Ấn giáo? Người anh của Achyut hỏi, “Có tin tức gì về kẻ giết người không?” Achyut trả lời rằng anh ấy không biết.

sợi dây rối với cột qua một cái lỗ trong tường ra hàng hiên phía bên ngoài, nơi một người đàn ông đang ngồi kéo sợi dây và vì vậy đang chuyển động cái quạt, để tạo ra một luồng gió nhẹ nhẹ trong sức nóng kinh hãi của Bắc Ấn vào những tháng mùa hè. Những miếng vải che *khus* thơm phưng phức được treo trên những cửa ra vào và cửa sổ. Khi được thấm ướt, gió nóng thổi qua chúng được chuyển thành một cơn gió thơm thơm, mát mẽ.

Những kết luận tiếp theo liệu kẻ giết người là Hồi giáo đã rõ ràng cho tất cả chúng tôi. Chúng tôi ngồi bật dậy một cách yên lặng, và lần lượt từng người một rời căn phòng.

Tin tức Gandhi đã bị ám sát bởi một người Brahmin từ Poona lan tràn khắp thành phố; những cuộc nổi loạn chống lại người Brahmin bùng lên ở Poona. Bạn có thể nghe sự thì thầm nhẹ nhõm từ những người dân cư ngụ Hồi giáo. Chúng tôi lắng nghe giọng nói đau khổ của Jawaharlal Nehru đang nói chuyện với quốc gia. Toàn quốc gia hầu như bị tê liệt. Điều không thể hiểu được đã xảy ra, và trong một khoảnh khắc ngắn ngủi những người đàn ông và đàn bà tự vấn lương tâm của họ.

Vào ngày 1 tháng hai một số khán giả kín đáo tụ họp lại để nghe nói chuyện của Krishnamurti. Ông được đặt ra một câu hỏi khó: “Những nguyên nhân thực sự về cái chết cuối cùng của Mahatma Gandhi là gì?”

Krishnamurti trả lời, “Tôi không hiểu những phản ứng của bạn là gì khi bạn nghe tin tức. Phản ứng của bạn là gì? Bạn quan tâm đến nó như một mất mát thuộc cá nhân, hay như một thể hiện của khuynh hướng về những sự kiện thế giới? Những sự kiện thế giới không phải không liên quan đến những điều xảy ra; chúng có liên quan. Nguyên nhân thực sự về cái chết cuối cùng của Gandhiji ở trong bạn. Nguyên nhân thực sự là bạn. Bởi vì bạn là cộng đồng, bạn khuyến khích tinh thần phân chia – qua tài sản, qua giai cấp, qua học thuyết, qua có những tôn giáo, những giáo phái, những người lãnh đạo khác nhau. Khi bạn gọi mình là một người Ấn giáo, một người Hồi giáo, một người Hỏa giáo, hay Thượng đế biết cái gì nữa, chắc chắn nó sinh ra sự xung đột trong thế giới.”

Vào những ngày tiếp theo đó chúng tôi bàn luận về bạo lực, gốc rễ của nó và sự kết thúc của nó. Đối với

Krishnamurti, không-bạo lực như một lý tưởng là ảo tưởng. Thực tế là sự kiện của bạo lực, sự nảy sinh của nhận biết mà đã hiểu rõ bản chất của bạo lực và sự kết thúc của bạo lực trong “cái ngay lúc này”: cái hiện tại của sự tồn tại mà trong đó hành động, một mình nó, có thể xảy ra được.

Trong những nói chuyện tiếp theo, ông nói về những vấn đề hàng ngày đang thách thức nhân loại – sợ hãi, tức giận, ghen tuông, sức ép dữ dội của chiếm hữu. Khi nói về những liên hệ như cái gương cho tự-khám phá, ông đã sử dụng ví dụ về người chồng và người vợ, sự liên hệ gần gũi nhất và tuy nhiên thường đạo đức giả và nhẫn tâm nhất. Những người đàn ông nhìn những người vợ của họ bằng đôi mắt ngượng ngùng. Vài người Ấn giáo cổ hũ đi ra khỏi những nói chuyện, không thể hiểu rõ sự liên hệ giữa người chồng và người vợ có liên quan gì đến bài giảng thuộc tôn giáo. Krishnaji từ chối chuyển động khỏi ‘cái gì là,’ cái thực sự. Ông từ chối bàn luận những trừu tượng như Thượng đế hay vĩnh hằng trong khi cái trí lại là một vũng xoáy của dục vọng, hận thù, và ghen tuông. Tại thời điểm đó một vài người trong số khán giả của ông bắt đầu cảm thấy rằng ông không tin tưởng Thượng đế.

Giữa tháng hai tôi đến gặp ông lại. Ông hỏi tôi liệu tôi có nhận thấy bất kỳ sự khác biệt nào trong qui trình suy nghĩ của tôi. Tôi trả lời rằng tôi không có nhiều suy nghĩ như trước kia. Cái trí của tôi không còn huyền thuyên nhiều như trước kia.

Ông nói, “Nếu bạn đang cố gắng hiểu rõ về chính mình, bạn sẽ nhận thấy rằng qui trình suy nghĩ của bạn đã chậm lại từ từ, rằng cái trí của bạn không còn huyền thuyên liên tục nữa.” Ông yên lặng một chút; tôi chờ đợi ông tiếp tục. “Cố gắng theo sát mỗi suy nghĩ đến khi nó kết thúc, theo

sát nó đến tận đoạn kết. Bạn sẽ phát giác rằng điều này rất khó khăn, bởi vì ngay khi một suy nghĩ hiện diện thì nó lại được tiếp nối bởi một suy nghĩ khác. Cái trí từ chối hoàn tất một suy nghĩ. Nó chạy trốn từ suy nghĩ sang suy nghĩ.” Đây là như thế. Khi tôi cố gắng theo dõi một suy nghĩ, tôi luôn luôn nhận ra rằng nó lẩn trốn người theo dõi mau lẹ biết chừng nào.

Sau đó tôi hỏi ông làm thế nào người ta có thể hoàn tất một suy nghĩ. Ông trả lời, “Suy nghĩ chỉ có thể kết thúc khi người suy nghĩ hiểu rõ về chính anh ấy, khi anh ấy thấy rằng người suy nghĩ và suy nghĩ không là hai qui trình tách rời. Rằng người suy nghĩ là suy nghĩ, và người suy nghĩ tự-tách rời chính anh ấy khỏi suy nghĩ bởi vì sự tiếp tục và tự-phòng vệ của anh ấy. Vậy là người suy nghĩ đang liên tục sản sinh suy nghĩ mà đang biến đổi và đang thay đổi.” Ông ngừng lại.

“Liệu người suy nghĩ tách khỏi những suy nghĩ của anh ấy?” Có những khoảng ngừng lâu giữa những câu nói của ông, như thể ông chờ đợi những từ ngữ thâm nhập thật xa xôi và thật thăm thẳm. “Xóa sạch suy nghĩ, người suy nghĩ ở đâu? Bạn sẽ phát giác rằng suy nghĩ không hiện diện. Vậy là khi bạn hoàn tất mỗi suy nghĩ đến tận cùng của nó, dù tốt lành hay xấu xa – mà gian nan cực kỳ – cái trí chậm chậm lại. Muốn hiểu rõ về cái tôi, cái tôi đang vận hành phải được nhìn ngắm. Điều này chỉ có thể xảy ra khi cái trí chậm chậm lại – và bạn chỉ có thể thực hiện việc này bằng cách theo sát mỗi suy nghĩ đến tận cùng của nó từ khi nó nảy sinh. Vậy là bạn sẽ thấy rằng những chỉ trích của bạn, những ham muốn của bạn, những ghen tuông của bạn sẽ lộ diện trước một ý thức trống không và tuyệt đối yên lặng.”

Lắng nghe ông suốt một tháng, cái trí của tôi đã linh động; nó không còn cố định, và cứng ngắt trong lớp vỏ bọc.

Tôi hỏi, “Nhưng khi ý thức bị bịt kín bởi những thành kiến, những ham muốn, những kỷ niệm, lúc đó liệu nó có thể hiểu rõ sự suy nghĩ?”

“Không,” ông trả lời, “bởi vì nó liên tục đang hành động vào suy nghĩ – đang tẩu thoát khỏi nó hay đang xây dựng trên nó.” Lại nữa ông yên lặng. “Nếu bạn theo sát mỗi suy nghĩ đến tận cùng sự hoàn tất của nó, bạn sẽ thấy rằng tại khúc cuối của nó có sự yên lặng. Từ đó có mới mẻ lại. Suy nghĩ mà sản sinh từ sự yên lặng này không còn có sự ham muốn như sức mạnh thúc đẩy của nó, nó trỗi dậy từ một trạng thái không bị bịt kín bởi ký ức.

“Nhưng lại nữa nếu suy nghĩ trỗi dậy như thế không được hoàn tất, nó để lại một cặn bã. Vậy thì không có mới mẻ lại và cái trí lại bị trói buộc trong một ý thức mà là quá khứ, bị trói buộc bởi quá khứ, bởi ngày hôm qua. Mỗi suy nghĩ, sau đó ới suy nghĩ kế tiếp, là ngày hôm qua – mà không có thực tế.

“Sự tiếp cận mới mẻ là sự kết thúc thời gian,” Krishnaji kết luận. Tôi đã không hiểu rõ, nhưng rời khỏi đó cùng những từ ngữ đang rung động trong tôi.

Thỉnh thoảng vào buổi chiều Nandini và tôi lái xe đưa Krishnaji tới The Hanging Garden trên Malabar Hill, hay tới bãi biển Worli. Nhiều lúc chúng tôi dạo bộ cùng ông, thấy rằng rất khó khăn để theo kịp dải chân dài của ông. Nhiều lần ông muốn dạo bộ một mình và quay lại sau một tiếng đồng hồ, một người lạ. Trong những dạo bộ cùng chúng tôi thỉnh thoảng ông thường nói về tuổi trẻ của ông, sống của ông ở Theosophical Society Tổ chức Thông thái, và những ngày đầu tiên của ông tại Ojai, California. Ông kể cho chúng tôi về người em của ông Nitya, về những người bạn của ông Rajagopal và Rosalind, và Happy Valley School. ~~Thỉnh~~

xuyên khi ông nói về quá khứ, ký ức của ông sẽ rõ ràng, chính xác. Vào những lúc khác ông trở nên không rành mạch và nói ông không nhớ. Ông hay cười lắm và tiếng cười của ông rất sâu và vang vọng. Ông chia sẻ những chuyện đùa, ông hỏi chúng tôi những câu hỏi về quá khứ của chúng tôi và chúng tôi kể lên như thế nào. Ông cũng nói về Ấn độ, háo hức tìm hiểu những quan điểm của chúng tôi về điều gì đang xảy ra trong quốc gia. Chúng tôi ngập ngừng và nhút nhát; một ý thức của huyền bí và sự hiện diện tràn ngập của ông khiến cho chúng tôi quá khó khăn để thân mật cùng ông, hay để nói về những việc nhỏ nhất trong sự hiện diện của ông. Nhưng tiếng cười của ông mang ông lại gần chúng tôi hơn.

Vào những ngày khác chúng tôi bàn luận về sự suy nghĩ. Ông thường hỏi, “Bạn đã nhìn ngắm sự sinh ra của một suy nghĩ? Bạn đã nhìn ngắm sự kết thúc của nó?” Một ngày khác ông sẽ nói, “Hãy sử dụng một suy nghĩ, ở lại cùng nó, nắm chặt nó trong ý thức, bạn sẽ thấy gian nan biết chừng nào khi muốn nắm chặt một suy nghĩ như nó là để kết thúc sự suy nghĩ.”

Tôi đã kể cho Krishnaji rằng từ khi tôi gặp ông, tôi đã thức dậy trong những buổi sáng, không còn suy nghĩ, nhưng cùng âm thanh của những con chim, và những tiếng nói xa xa của đường phố đang trôi chảy qua cái trí của tôi.

Đối với những người Ấn độ, người lạ ngồi thẳng lưng yên lặng, người hành khất đang đứng chờ tại lối ra của nhà và cái trí đang chứa đựng một mời mọc đến trạng thái khác lạ, là một biểu tượng của uy quyền. Nó khơi dậy trong người chủ nhà – người đàn bà hay người đàn ông – những khao khát cuồng nhiệt, sự khốn khổ, và một vươn ra thuộc thân thể và phía bên trong đến cái không thể đạt được. Nhưng người thầy này cười cợt và đùa giỡn; ông dạo bộ cùng chúng tôi, rất gần

gũi và tuy nhiên lại rất xa cách. Đây do dự, chúng tôi mời ông đến ăn tối tại nhà người mẹ của chúng tôi.

Ông đến nhà miêng mỉm cười, mặc một *dhoti*, một *kurta* dài, và một *angavastram*,* và được tặng những bông hoa bởi người mẹ nhỏ nhắn của chúng tôi. Mẹ không bao giờ nhận được một giáo dục chính thức, nhưng sự nhã nhặn tự nhiên của cái trí, sự duyên dáng và thanh cao của mẹ, đã khiến mẹ có thể gặp gỡ và nói chuyện cùng Krishnaji. Mẹ là một góa phụ của một viên chức cao cấp thuộc hành chính của Ấn độ. Trong khi sống cùng cha tôi, mẹ đã chia sẻ trong đời sống xã hội và trí thức của cha, đã gặp gỡ những học giả và những công nhân xã hội, và chính mẹ cũng là một công nhân xã hội nhiệt thành. Kiên cường và sắc sảo, mẹ đã phá vỡ sự ràng buộc truyền thống từ đầu cuộc sống hôn nhân của bà. Mẹ nói tiếng Anh rất tự nhiên, tiếp đãi rất nhiệt thành, nấu ăn ngon miêng. Trong thời niên thiếu của tôi, chúng tôi có hai người đầu bếp: một người cho những bữa cơm chay Gujarati, và một người khác cho những món ăn phương Tây; người hầu Goan đứng chờ tại bàn ăn. Cái chết của cha tôi đã làm tan nát mẹ, nhưng nhà của mẹ tôi liên tục vang lên những tiếng cười, có Krishnaji tham gia vào. Chẳng mấy chốc, ông

* Một *dhoti* là một miếng vải cotton dệt bằng tay dài năm yard và rộng bốn mươi lăm inch, không được khâu, với một đường viền tròn có màu đỏ tía hay đen. Nó được buộc quanh eo, được xếp li phía trước, và được nhúm lại giữa hai chân để được chắt chẽ sau lưng, phủ qua chiều dài mắt cá chân. Nó là một bộ áo quần thanh lịch dùng mặc trong những dịp lễ hội. *Kurta* là một áo sơ mi khâu, rộng, không có cổ với hai ống tay dài, và nó dài dưới hai đầu gối. Một *angavastram* là một khăn choàng cotton chưa tẩy trắng khâu bằng tay với một đường viền màu đen, chàm hay đỏ sẫm cùng một kiểu mẫu màu vàng. Được gấp lại và phủ qua vai, nó được dùng tại mọi dịp lễ hội, đặc biệt ở Nam Ấn.

cảm thấy thoải mái, và thường xuyên đến ăn tối. Đến cuối tháng ba chúng tôi có thể nói chuyện tự nhiên cùng ông; tuy nhiên sau mỗi nói chuyện và bàn luận của ông, chúng tôi bắt đầu nhận biết được rõ ràng những khoảng cách đã tách rời chúng tôi và sự huyền bí mà chúng tôi không thể tiếp xúc hay đo lường.

Gần cuối tháng ba, tôi kể cho Krishnaji về trạng thái cái trí của tôi và những suy nghĩ đã theo đuổi tôi; về những khoảnh khắc yên lặng và những bùng nổ của những hoạt động điên cuồng; về những ngày khi cái trí của tôi bị trói buộc trong sự đau khổ của không trở thành. Tôi bị xao nhãng bởi sự nhậy nhót tới lui liên tục này của cái trí.

Ông cầm tay tôi và chúng tôi yên lặng. Cuối cùng, ông nói, “Bạn bị kích động, tại sao?” Tôi không biết, và ngồi yên lặng. “Tại sao bạn có tham vọng? Bạn muốn giống như bất kỳ người nào đó đã thành công mà bạn quen biết?”

Tôi do dự và sau đó trả lời, “Không.”

“Bạn có một bộ não tốt lành,” ông tiếp tục, “một dụng cụ tốt lành mà không được sử dụng đúng đắn. Bạn có một thôi thúc đã bị hướng dẫn sai lầm. Tại sao bạn tham vọng? Tại sao bạn muốn trở thành? Tại sao bạn muốn phạm bộ não của bạn?”

Bỗng nhiên tôi tỉnh giấc. “Tại sao tôi có tham vọng? Liệu tôi có thể hoàn thiện tôi là gì? Tôi ~~h~~ rộn thực hiện, thành tựu. Chúng tôi không thể giống như ông.”

Ông nhìn trêu chọc. Trong chốc lát ông không nói gì cả, thả cho cái gì âm ỉ bên trong tôi tự phơi bày. Sau đó ông hỏi, “Bạn có khi nào một mình, không sách, không radio? Hãy thử nó và thấy điều gì xảy ra.”

“Tôi sẽ bị điên, tôi không thể một mình.”

“Thử nó và thấy. Muốn cái trí được sáng tạo, phải có yên lặng. Một yên lặng thăm thẳm mà chỉ có thể hiện diện khi bạn đã đối diện sự cô độc của bạn.

“Bạn là một người đàn bà, và tuy nhiên bạn có nhiều tánh đàn ông trong bạn. Bạn đã hờ hững người đàn bà. Hãy nhìn vào chính bạn.”

Tôi cảm thấy một khuấy động sâu thẳm phía bên trong tôi, sự vỡ vụn của nhiều lớp vỏ vô cảm. Lại nữa tôi cảm thấy sự đau khổ đang xé nát thân tâm.

“Bạn muốn sự thương yêu, Pupul, và bạn không tìm được nó. Tại sao bạn chìa cái chén ăn xin của bạn ra?”

“Tôi không biết,” tôi nói, “Đó là một việc mà tôi chưa bao giờ thực hiện. Tôi thà chết hơn là xin xỏ sự thương yêu.”

“Bạn đã không xin xỏ nó. Bạn đã bóp nghẹt nó. Tuy nhiên cái chén ăn xin luôn luôn ở đó. Nếu cái chén của bạn đã đầy bạn sẽ không bao giờ chìa nó ra. Chính bởi vì cái chén nghèo khó nên nó ở đó.”

Trong một khoảnh khắc tôi nhìn vào chính tôi. Khi còn bé, tôi thường hay khóc. Khi là một người lớn tôi không cho phép bất kỳ điều gì có thể gây tổn thương cho tôi. Tôi chống đối nó thật hung tợn và tấn công. Ông nói, “Nếu bạn thương yêu, vậy thì bạn không đòi hỏi. Vậy thì nếu bạn thấy một người không thương yêu bạn, bạn sẽ giúp đỡ người đó thương yêu, mặc dù đó là người nào khác.”

Tôi thấy về chính tôi rất rõ ràng – sự cay đắng, sự khô khan. Tôi quay về phía ông. “Nhìn thấy nó khủng khiếp quá. Tôi không biết nghĩ gì về chính tôi.”

“Bạn không đang giải quyết vấn đề bằng cách chỉ trích bạn. Không có sự giàu có đang tuôn tràn trong bạn, nếu giàu có bạn sẽ không cần đến sự thông cảm hay thương yêu. Tại sao bạn không giàu có? Hãy theo dõi, đây là cái gì bạn là.

Bạn không chỉ trích một người đàn ông mà có một căn bệnh. Đây là căn bệnh của bạn. Hãy nhìn ngắm nó đầy bình thản và đơn giản, cùng từ bi. Sẽ là đốt nát khi chỉ trích hay bênh vực. Chỉ trích là một chuyển động khác của quá khứ để tự-củng cố chính nó. Hãy nhìn ngắm điều gì xảy ra trong cái trí tăng ý thức bên ngoài của bạn. Tại sao bạn hung hăng? Tại sao bạn muốn là trung tâm của bất kỳ nhóm người nào?

“Khi bạn nhìn ngắm cái trí tăng ý thức bên ngoài, dần dần tăng bên trong sẽ quăng ra những hàm ý của nó – trong những giấc mộng, ngay cả trong trạng thái thức giấc của suy nghĩ.”

Chúng tôi đã nói chuyện trên một tiếng đồng hồ, nhưng khoảng thời gian đó không có ý nghĩa. Trong sự hiện diện của ông có một thấu ngăn lại về ý thức thời gian như khoảng thời gian của người ta. Tôi kể cho ông nghe về những thay đổi đang xảy ra trong sống của tôi. Tôi không còn chắc chắn về chính tôi và công việc của tôi. Mặc dù những ham muốn và những thôi thúc của tôi vẫn trỗi dậy, chúng không còn sức sống.

Tôi kể cho ông rằng tôi đã nhận ra nhiều công việc mà tôi đang thực hiện đều được đặt nền tảng trên sự tự-phóng đại. Dường như tôi không thể tham gia vào cuộc sống chính trị nữa. Cuộc sống xã hội của tôi cũng đang thay đổi một cách cơ bản. Trong tất cả mọi việc, tôi không thể chơi poker được nữa. Tôi đã thử chơi bài, nhưng phát giác rằng ý định mưu mẹo hơn mọi người đã mất tiêu rồi. Tự động, tôi có những khoảnh khắc của tỉnh thức khi đang chơi poker mà khiến cho việc lừa bịp không còn có thể xảy ra được. Krishnaji ngả đầu về sau và cười và cười và cười.

Tôi kể cho ông rằng thỉnh thoảng tôi cảm thấy một cân bằng vô hạn phía bên trong, giống như một con chim lượn lơ

cùng gió. Tất cả ham muốn đã tan biến trong mãnh liệt này, chính nó tự-triệt tiêu. Vào những lúc khác, tôi bị ngập chìm trong những trở thành. Nơi thả neo của tôi đang di chuyển và tôi trôi giạt lênh đênh. Tôi không biết có gì ở phía trước. Tôi chưa bao giờ đã cảm thấy quá hoang mang về chính tôi như thế.

Krishnaji nói, “Hạt giống đã được gieo, hãy cho phép nó nảy mầm – hãy cho phép nó nằm im lìm trong một thời gian. Cái này hoàn toàn mới mẻ đối với bạn. Đến cùng nó mà không-định kiến, không-nhận thức, không-niềm tin; sự va chạm đã trực tiếp, lúc này cái trí cần sự nghỉ ngơi. Đừng thúc bách nó.”

Chúng tôi ngồi yên lặng. Krishnaji nói, “Hãy nhìn ngắm về chính bạn. Bạn phải có một thôi thúc mà rất ít người đàn bà có. Trong quốc gia này, những người đàn ông và đàn bà kiệt quệ quá dễ dàng, quá sớm sủa trong sống của họ. Nó là khí hậu, cách sống, sự trì trệ. Hãy thấy rằng sự thôi thúc không biến mất. Trong giải phóng chính bạn khỏi sự hung hăng, đừng trở thành tẻ nhạt và ôn hòa. Được tự do khỏi sự hung hăng không có nghĩa trở nên yếu đuối hay khúm núm.”

Lặp lại, sau đó ông bảo tôi, “Hãy nhìn ngắm cái trí của bạn, không cho phép một suy nghĩ tẩu thoát, dù xấu xa, dù hung dữ. Nhìn ngắm mà không-chọn lựa, không-cân nhắc, không-nhận xét, không-cho phương hướng hay cho phép sự suy nghĩ bám rễ trong cái trí. Nhìn ngắm thật nghiêm túc.”

Khi tôi rời phòng, ông đứng dậy tiễn tôi ra cửa. Khuôn mặt của ông yên tĩnh, thân thể của ông thẳng đứng giống như một cây thông tuyết. Trong một tích tắc, bị tràn ngập bởi vẻ đẹp của ông, tôi hỏi, ‘Ông là ai?’ Ông trả lời, “Không đặt thành vấn đề tôi là ai. Chính điều gì bạn suy nghĩ

và thực hiện và liệu bạn có thể tự-thay đổi chính bạn mới là quan trọng.”

Khi tôi đi chậm chậm về nhà bỗng nhiên tôi nhận ra rằng, trong nhũn n ối chuyện mà tôi đã trải qua cùng Krishnaji, ông không bao giờ nói một lời nào về chính ông. Không nhắc đến bất kỳ trải nghiệm cá nhân nào, không một chuyển động nào của cái tôi đã tự-biểu lộ về chính nó. Chính vì điều này đã khiến cho ông trở thành một người lạ, dù bạn biết ông rõ ràng đến chừng nào. Giữa một cử chỉ thân thiện, nói chuyện thân mật, người ta cảm thấy nó – một khoảng cách bất ngờ, những yên lặng bắt nguồn từ ông, một ý thức không có điểm tập trung. Và tuy nhiên trong sự hiện diện của ông, người ta cảm thấy sự hào phóng của một quan tâm vô hạn.

PHẦN 1

KRISHNAMURTI THỜI TRẺ TUỔI

1895 - 1946

CHƯƠNG 1

“Người ta được sinh ra trong hư không và người ta được sinh ra là hư không.”

Bị nung nóng bởi mặt trời, những tảng đá như chạm trổ, trong số những tảng đá cổ xưa nhất trong thế giới, nâng niu ngôi làng Mandanapalle vùng Chittoor của Andhra Pradesh, Nam Ấn độ. Từ vùng đất thiêng liêng Tirupati qua Rishi Valley đến Anantapur, những quả đồi trải dài có đỉnh được chụp lên bởi những tảng đá láng bóng, nằm rải rác những thung lũng nhỏ. Lượng mưa ít, dân số thưa thớt. Những cây me và *gul mohar* cho những bóng mát và màu sắc sặc sỡ. Nó là mảnh đất thiêng liêng, *punysasthal*, nơi những huyền bí và những thánh nhân đã sống và đã giảng dạy hàng thế kỷ, thân thể của họ được mai táng ở đó để thánh hóa đất đai. Ở đây, vào ngày 12 tháng 5, 1895, sau nửa đêm ba mươi phút, một người con trai được sinh ra bởi Sanjeevamma, người vợ của Jiddu Narianiah, một công chức trung bình.

Tổ tiên của Jiddu Krishnamurti, một Brahmin của tầng lớp thấp, có nguồn gốc từ Giddu hay Jiddu, một ngôi làng nằm giữa những cánh đồng lúa phì nhiêu ủa bờ biển Andhra. Ông nội của Krishnamurti, Gurumurthi, cũng là một công chức trung bình; nhưng ông của ông ấy, Ramakrishna, nổi tiếng vì học thức uyên bác của ông, sự hiểu biết của ông về Phạn ngữ và kinh *Vedas*, có một vị trí quan trọng trong ngành luật pháp của The British East India Company.

Nhà của Narianiah ở Madanapalle, một trong những vùng bị hạn hán nhiều nhất của Nam Ấn, rất nhỏ; ngột ngạt và có hai tầng, mặt trước nhà chật hẹp hướng về một con đường, chảy dọc theo nó là một đường mương rút nước. Tất cả nước dùng cho nhà ủa Narianiah được sử dụng từ cái

giếng gần bên và được đem về bởi những dụng cụ chuyên nước để trữ trong những vại bằng đồng được đánh bóng hay những thùng bằng đất cát ở trong nhà.

Krishnamurti được sinh ra bởi Sanjeevamma trong căn phòng *puja* của nhà bà. Ý nghĩa của điều này đã bị bỏ sót bởi những người viết tiểu sử về Krishnamurti. Đối với một truyền thống của Ấn giáo, sống trong những dãy núi Himalayas có đỉnh phủ tuyết hay trong Kanyakumari ở sâu phía Nam, trong nơi trú ngụ thuộc thành phố hay những ngôi nhà vùng quê, phòng *puja* là nơi thiêng liêng, trung tâm của ngôi nhà, nơi *griha devatas*, những vị thần giữ nhà, được thờ phụng; nó là một căn phòng được làm để báo điềm tốt lành cho tương lai với những bông hoa và hương trầm và ngâm nga những câu thần chú thiêng liêng. Căn phòng dành cho những vị thần này chỉ có thể được đi vào sau một nghi thức tắm và mặc những bộ quần áo sạch sẽ. Sinh đẻ, chết chóc, và chu kỳ kinh nguyệt được coi như là sự ô uế của nghi thức. Khi có sinh đẻ và chết chóc, người chủ nhà và gia đình của anh ấy cùng chia sẻ sự ô uế và bị cấm không được thực hiện nghi thức *puja* hàng ngày; thay vì vậy một Brahmin từ ngôi đền địa phương được mời đến để thực hiện nghi lễ hàng ngày. Điều mà một đứa trẻ nên được sinh ra ở đó là không thể tưởng tượng được.

Người vợ và cũng là người em họ của Narianiah, Sanjeevamma là một người đàn bà nhân từ và sùng đạo. Bà được cho là có nhãn quan tâm linh, kinh nghiệm, và có thể thấy màu sắc trong những hào quang của con người. Giống như đôi tai của một nhạc sĩ hòa hợp hoàn hảo cùng một nhạc cụ đàn dây, vì vậy như một người mẹ đôi tai của bà hoà hợp cùng những nhịp tim của em bé mà đã chờ đợi trong lò nung của thân thể bà, chẳng mấy chốc sẽ khởi sự con đường của nó

qua những cánh cổng đồ sộ của sự sống. Những điềm báo về sự lạ thường của sinh nở này chắc chắn đã trao cho bà cái nhìn tiên tri và khuyến khích, nếu không bà không thể thách thức những vị thần như thế.

Vào đầu buổi tối ngày 11 tháng 5, Sanjeevamma cảm thấy những điềm báo về sự sắp sửa sinh nở đứa trẻ. Đứa trẻ này sẽ là đứa con thứ tám, và bà ý thức rõ ràng những chuẩn bị theo thói quen cần thiết cho sự sinh nở. Thế là bà chuẩn bị căn phòng, hát những bài hát Telugu* cho người chồng của bà trong giọng du dương của bà, và nghỉ trên một tấm thảm trong tầng trên của ngôi nhà. Gần về nửa đêm những cơn đau bắt đầu. Bà đánh thức Naraniah, đi đến căn phòng nơi bà đã chuẩn bị, và nằm xuống trên một tấm thảm chờ sinh đứa con. Một người đàn bà địa phương, một người họ hàng thành thạo cho công việc đỡ đẻ, đến giúp đỡ trong khi người chồng chờ bên ngoài. Sanjeevamma không đau đớn nhiều. Suốt giai đoạn đó những từ ngữ duy nhất mà bà bật ra là, “*Rama, Rama*

Anjaneya,” một cái tên khác dành cho Hanuman.† Vào lúc 12:30, sáng sớm ngày 12 tháng 5, người đỡ đẻ mở cửa và nói với Naraniah, “*Sirsodayam*, cái đầu nhìn thấy rồi.” Theo truyền thống, đó là khoảnh khắc chính xác của sinh ra đời.

* Telugu là một ngôn ngữ Dravidia được nói bởi người dân của Andhra Pradesh ở Ấn độ, trong nó có nhiều Phạn ngữ.

† Hanuman, người có mặt khi tôn sùng vị anh hùng thiêng liêng Rama của thiên sử thi Ramayana, là một vị thần của con người, được thờ phụng khắp Ấn độ. Ở Ấn độ Hanuman cũng được biết đến như Anjaneya.

Trong căn phòng nhỏ xíu được thắp sáng bởi những cây đèn **đau**, trong sự hiện diện của *ishta devata*, thần giữ nhà, Krishnamurti có hơi **th** đầu tiên của ông. Từ những không gian được bảo vệ của tử cung, đứa bé đi vào những không gian của thế giới.

“Người ta được sinh ra trong hư không và người ta được sinh ra là hư không.”

Sáng hôm sau lá số tử vi của đứa trẻ được tiên đoán bởi Kumara Shrowthulu, một người chiêm tinh nổi tiếng của vùng đó. Ông ấy bảo cho Narianiah rằng đứa trẻ này sẽ là một con người rất vĩ đại. Lá số tử vi rất phức tạp; đứa trẻ sẽ gặp phải nhiều trở ngại trước khi đứa trẻ lớn lên để trở thành một người thầy vĩ đại.

Suốt mười một ngày của thời kỳ được quy định, đứa trẻ nghỉ ngơi trong một bầu không khí được tái tạo trong môi trường của tử cung. Đứa trẻ nằm trong bóng tối lơ mơ, được ru nhẹ nhẹ trong một cái nôi vải đặt kế cận người mẹ của đứa trẻ. Giống như tất cả những sinh sản truyền thống của Ấn độ, đường vào ánh sáng chói lòa của mặt trời và thế giới của Krishnamurti phải xảy ra dần dần.

Vào ngày thứ sáu sau khi sinh ra, nghi thức đặt tên được tổ chức. Trong gia đình bị trói buộc bởi truyền thống, chắc chắn đứa con trai **th** tám phải được đặt tên là Krishnamurti, biểu tượng của Krishna, vị thần của người chăn bò mà là đứa trẻ thứ tám.

Ba năm sau, năm 1898, một cậu trai khác được sinh ra bởi Sanjeevamma. Cậu được đặt tên là Nityanada, “**ảnh** phúc vĩnh cửu.”

Khi Krishna được sáu tuổi *upanayanama* được thực hiện. Đây là một nghi lễ của sự khởi sự vào *brahmacharya*,

thời kỳ của sự kỷ luật trong trắng mà là chặng đầu tiên trong sống của một Brahmin. Nghi lễ xảy ra tại Kadiri, nơi Naraniah đã được thụ nhận trước kia.

Sợi chỉ xe lại thiêng liêng được choàng quanh hai vai của Krishna và câu thần chú gayatri huyền bí, sự cầu khẩn mặt trời, được thi thắm vào tai của Krishna bởi người cha của cậu. Ông ấy được dạy để lặp lại câu thần chú bằng ngữ điệu, nhấn giọng, và cử chỉ đúng. Chắc chắn ông ấy đã học để lặp lại câu thần chú *gayatri* với mặt trời vào lúc bình minh và thực hiện những nghi lễ Sandhi vào hoàng hôn, tắm theo nghi lễ, và không bị bất kỳ hình thức nào của sự ô uế. Ông ấy cũng phải được dạy để lặp lại kinh *Vedas*.

Theo sự diễn tả của Naraniah, “Nó là một nghi lễ mà những cậu trai Brahmin phải trải qua khi đến thời điểm đưa họ vào thế giới giáo dục. Nó xảy ra giữa tuổi năm hay bảy, tùy theo sức khỏe và khả năng của đứa trẻ. Vì vậy khi Krishna đã đến tuổi đó, một ngày phải được dành ra cho nghi lễ này. Đó là phong tục của chúng tôi phải tổ chức nó thành một lễ hội gia đình, và bạn bè lẫn thân quyến đều được mời dự bữa tối.”

Khi tất cả mọi người tụ họp, Krishna được tắm và được mặc vào bộ quần áo mới. Sau đó cậu bé được mang vào và đặt trên hai đầu gối của người cha, trong khi bàn tay vươn dài của Naraniah đỡ một cái khay bạc rắc đầy hạt gạo. Mẹ của cậu, đang ngồi bên cạnh Naraniah, kế tiếp cầm ngón trỏ bàn tay phải của cậu, và vẽ ngón tay đó trên gạo từ ngữ thiêng liêng AUM, mà trong bản dịch tiếng Phạn của nó chỉ gồm có một chữ duy nhất – chữ đầu tiên trong mẫu tự chữ cái trong tiếng Phạn và trong tất cả những ngôn ngữ bản xứ.

“Tiếp theo,” Naraniah nói, “nhấn của tôi được tháo ra khỏi ngón tay, và được đặt giữa ngón đó và ngón cái của cậu

bé; và người vợ của tôi, đang cầm bàn tay nhỏ, lại vẽ từ ngữ thiêng liêng trong ký tự Telugu bằng chiếc nhẫn. Tiếp theo, không dùng nhẫn, chữ đó lại được vẽ ba lần. Sau việc này, những câu thần chú được lặp lại bởi người giáo sĩ chủ lễ để cầu nguyện cho cậu trai được ban tặng trí thông minh và tinh thần. Sau đó, dắt theo Krishna, vợ tôi và tôi lái xe đến ngôi đền Narasimhaswami để bày tỏ sự sùng kính và cầu nguyện cho sự thành công trong tương lai của cậu con trai. Từ đó chúng tôi lái xe đến ngôi trường gần nhất, nơi Krishna được giao cho thầy giáo, mà thực hiện, trong cát, cùng nghi lễ vẽ từ ngữ thiêng liêng. Trong khi đó, nhiều em học sinh tụ tập trong lớp học, và chúng tôi phát cho các em những đồ vật đẹp để thết đãi các em. Thế là chúng tôi đã bắt đầu công việc học hành của cậu con trai, theo phong tục của chúng tôi. Sau đó chúng tôi lái xe về nhà và cùng ăn uống với họ hàng và bạn bè của chúng tôi.”

Krishna và người em trai của cậu Nitya rất gần gũi nhau, nhưng theo bản chất họ hoàn toàn khác biệt. Nitya thông minh lạ thường. Thậm chí “trước thời gian cậu ấy biết nói, khi cậu thấy những bé trai khác đi học, cậu ấy sẽ lấy một cái bảng đá và cây bút chì và đi theo chúng.” Krishnamurti là một đứa trẻ yếu ớt và phải chịu đựng những cơn sốt rét nghiêm trọng. Có một khoảng thời gian cậu bị những cơn co giật, và trong nguyên một năm không được đến trường bởi vì bị chảy máu ở mũi và miệng.

Krishnamurti không hứng thú mấy trong trường học và công việc học vấn, nhưng lại ưa thích trải qua nhiều tiếng đồng hồ nhìn ngắm những đám mây, những con ong, những con kiến và những con côn trùng, và nhìn vào những khoảng không mênh mông. Cậu được mọi người miêu tả là bệnh hoạn và tinh thần không phát triển. Trạng thái mơ màng của

cậu, chẳng nói bao nhiêu lời, không quan tâm những công việc của thế gian, và mắt nhìn chăm chăm vào thế giới phía bên ngoài cửa sổ, thấy xa xa khỏi những đường chân trời, bị nhận định sai lầm là chậm phát triển về trí óc bởi người thầy giáo.

Krishnamurti trẻ tuổi, bất kể trạng thái có vẻ mơ màng của cậu, rất thích thú tất cả những dụng cụ thuộc máy móc. Có một ngày Krishna trốn học. Đi tìm cậu, người mẹ phát giác cậu ở một mình trong phòng, đang mê mải tháo tung cái đồng hồ. Cậu sẽ không rời khỏi phòng, và không ăn uống gì cả cho đến lúc cậu đã tháo rời mọi bộ phận của cái đồng hồ, sau khi đã hiểu rõ nó vận hành ra sao, đặt máy móc trở lại vị trí cũ của nó.

Cậu trai Krishna quyền luyến người mẹ nhiều, người dường như nhận biết được bản chất độc đáo của con trai bà. Sanjeevamma chết năm 1905, và cái chết của bà khiến cho cậu bị rối loạn và lơ đãng. Nhiều năm sau, mùa hè năm 1913, Krishnamurti quyết định viết tự truyện của ông, khi ông ở Paris. Ông đặt cho nó tựa đề “Năm mươi năm cuộc đời của tôi,” dự tính khi những năm qua đi sẽ “thêm vào những việc mới xảy ra, và đến năm 1975 tôi sẽ sắp xếp lại tựa đề.” Tiếc thay, câu chuyện phải hủy bỏ sau vài trang đầu tiên. Tuy nhiên, bản thảo gần tiết lộ nhiều hiểu biết lý thú về những cảm giác và cuộc sống lúc ban đầu cùng người mẹ của cậu. Lúc mười tám tuổi những kỷ niệm về thời niên thiếu của cậu vẫn còn rõ ràng, và có một thương tâm khi cậu diễn tả lại những ảo tưởng về người mẹ sau cái chết của bà:

Những kỷ niệm hạnh phúc nhất về thời niên thiếu của tôi vây quanh người mẹ yêu quý, người trao cho chúng tôi tất cả sự chăm sóc thương yêu mà tiêu biểu nơi những người mẹ Ấn độ. Tôi không thể nói rằng tôi thực sự hạnh phúc nơi trường học, bởi vì những thầy giáo không

tử tế lắm và bắt tôi làm những bài học quá khó đối với tôi. Tôi thích những trò chơi miễn là chúng không quá mạnh mẽ, bởi vì sức khoẻ tôi yếu lắm. Cái chết của mẹ tôi khiến cho anh em tôi mất đi người thương yêu và chăm sóc cho chúng tôi ~~nhất~~ nhất, và cha tôi quá bận rộn bởi công việc của ông nên không lưu ý đến chúng tôi nhiều được. Tôi sống một sống thông thường như mọi đứa trẻ bình thường khác của Ấn độ cho đến khi tôi đến Adyar năm 1908 [thật ra nó là tháng giêng năm 1909].

Đối với tôi, Adyar có một quan tâm đặc biệt bởi vì cha tôi thường tham dự những hội nghị của Tổ chức Thông thái ở đó. Cha cũng tổ chức những gặp gỡ trong nhà của chúng tôi ở Mandanapalle cho việc học hành của Theosophy và tôi hiểu về Adyar từ cha mẹ. Mẹ tôi có một căn phòng *puja* nơi mẹ đều đặn thờ cúng, trong căn phòng là những bức tranh của những vị thần Ấn độ và cũng có cả một bức ảnh của Mrs. Besant trong trang phục Ấn độ đang ngồi bất chéo chân trên một *chowki* hay cái đệm nhỏ phủ da hổ.

Tôi thường ở nhà trong khi anh em của tôi đi học bởi vì tôi bị sốt nhiều lắm – thật ra hầu như mỗi ngày, và tôi thường đi vào căn phòng *puja* khoảng buổi trưa khi mẹ thực hiện những nghi lễ hàng ngày. Lúc đó mẹ sẽ kể cho tôi về Mrs. Besant và về Nghiệp và Luân hồi và cũng đọc cho tôi từ quyển kinh *Mahabharata* và *Ramayana* và từ những quyển kinh Ấn độ khác. Tôi chỉ vào khoảng bảy hay tám tuổi, vì vậy tôi không thể hiểu nhiều lắm, nhưng tôi nghĩ tôi đã cảm thấy rất nhiều rằng thật ra tôi không thể hiểu được.

Viết về mẹ tôi nhắc tôi nhớ lại vài chuyện xảy ra mà có lẽ đáng được đề cập. Trong chừng mực nào đó, chắc chắn mẹ tôi sống tâm linh nhiều, và thường thấy người chị của tôi đã chết cách đây khoảng hai hay ba năm. Họ nói chuyện với nhau và có một nơi đặc biệt trong vườn nơi chị tôi thường đến. Mẹ tôi luôn luôn biết khi nào chị tôi ở đó và thỉnh thoảng dắt tôi đến nơi đó và sẽ hỏi tôi liệu tôi cũng thấy người chị chứ. Thoạt đầu tôi cười khi nghe như thế nhưng mẹ bảo tôi nhìn kỹ lại và sau đó thỉnh thoảng tôi đã thấy chị tôi. Và từ lúc đó trở đi tôi luôn luôn có thể thấy chị tôi. Tôi phải thú nhận rằng tôi sợ lắm, bởi vì tôi đã thấy chị khi chết và thân thể của chị khi hỏa thiêu. Tôi thường chạy ào về phía mẹ tôi và mẹ bảo với tôi rằng không có lý do gì phải sợ hãi. Tôi là thành viên duy nhất trong gia đình, ngoại trừ mẹ tôi, thấy những cảnh này, mặc dù tất cả đều tin chúng. Mẹ tôi cũng có thể thấy những hào quang của con người, và thỉnh thoảng tôi cũng thấy chúng. Tôi không nghĩ mẹ biết ý

nghĩa của những màu sắc đó. Có nhiều việc xảy ra khác nữa cũng cùng bản chất nhưng lúc này tôi không nhớ rõ. Chúng tôi thường kể chuyện về Sri Krishna mà tôi cảm thấy cuốn hút một cách đặc biệt và một lần tôi hỏi mẹ tại sao ông ấy luôn luôn được tượng trưng trong màu sắc là màu xanh. Mẹ bảo cho tôi rằng hào quang của Ngài là màu xanh nhưng tôi không hiểu làm thế nào mẹ biết điều đó.

Mẹ tôi rất nhân từ. Mẹ từ tể với những cậu trai nghèo và đều đặn cung cấp lương thực cho những người thuộc tầng lớp riêng của bà. Mỗi cậu trai đến nhà chúng tôi vào một ngày đặc biệt trong tuần, và đi tới những nhà khác vào những ngày khác. Hàng ngày chúng tôi có những người ăn xin thường đến nhà từ rất xa để nhận gạo, *dal* và thỉnh thoảng quần áo.

Trước khi đến Adyar, anh em tôi theo học tại nhiều trường, trường học thú vị nhất là ngôi trường ở Madanapalle. Đầu tiên tôi học trường này khi tôi là một đứa bé, bởi vì tôi được sinh ra ở Mandanapalle. Cha tôi là một viên chức chính phủ, ông liên tục được chuyển đi từ nơi này sang nơi khác, và vì vậy sự giáo dục của chúng tôi bị gián đoạn nhiều.

Sau cái chết của mẹ tôi, những vấn đề càng tôi tệ thêm, bởi vì thực sự không còn ai chăm sóc chúng tôi. Liên quan đến cái chết của mẹ, tôi được phép đề cập rằng tôi thấy mẹ thường xuyên sau khi mẹ chết, tôi nhớ có một lần đi theo hình bóng của mẹ tôi khi nó đi lên cầu. Tôi vươn tay ra và dường như nắm được áo của mẹ, nhưng mẹ biến mất ngay khi chúng tôi đến đầu cầu thang. Chỉ mới cách đây một thời gian ngắn, tôi thường thấy mẹ theo sau khi tôi đi học. Tôi đặc biệt nhớ điều này bởi vì tôi nghe âm thanh của những cái vòng mà những người đàn bà Ấn độ thường đeo nơi cổ tay. Thoạt đầu tôi thường quay đầu nhìn lại hơi hơi sợ hãi và tôi thấy hình dáng mờ mờ của cái áo mẹ hay mặc và một phần của khuôn mặt. Điều này xảy ra thường xuyên khi tôi đi khỏi nhà.

CHƯƠNG 2

Tổ chức Thông thái và Thứ bậc Huyền bí

Madame Helen Petrovna Blavatsky (1831-1891), thường được gọi là H. P. B, là một người đàn bà lạ thường theo những thông tin thâm thập được. Cùng tầm nhìn tâm linh và đôi mắt thôi miên xuyên thấu, và cùng một nhân cách kích động sự tranh luận, bà đã xuất hiện trên vùng đất Ấn độ năm 1879. Một người Nga chính gốc, bà khẳng định đã sống ở Tây ạng nhiều năm và tiếp xúc trực tiếp với những Manhatman* hay những Bậc Thầy của Huynh đệ huyền bí. Chính nơi đó, bà đã học hành từ vị đạo sư của bà, người thầy của bà, những học thuyết được giữ gìn tốt của những hiền nhân Tây ạng. Trong khi bà ở Châu âu năm 1873, những Bậc Thầy của bà yêu cầu bà tìm kiếm Đại tá Henry Steele Olcott, một người bạn nghiên cứu tâm linh ở Mỹ. Vâng lời, bà đến đó, gặp Đại tá Olcott, và đến năm 1875 Theosophical Society Tổ chức Thông thái đã được hình thành. Chẳng mấy chốc họ đi cùng nhau – trước hết đến Bombay và sau đó đến Ceylon, nơi họ nhận được sự khai tâm của Phật giáo, và sau đó đến Madras. Năm 1882 Bộ Chỉ huy của Tổ chức Thông thái đã được thành lập tại Adyar, Madras.

Tổ chức Thông thái được đặt nền tảng trên những nguyên lý cơ bản của một tình huynh đệ toàn cầu của nhân loại, mà tìm kiếm để học hành sự thông thái cổ xưa và tìm hiểu những bí mật che giấu của thiên nhiên và những khả năng tiềm tàng của con người. Nó thiết lập một thứ bậc huyền bí được rút ra từ những truyền thống của Phật giáo và Ấn giáo, đặc biệt những kinh điển thuộc Tây tạng.

* Manhatma, một thuật ngữ tiếng Phạn có nghĩa “tinh thần vĩ đại,” “linh hồn vĩ đại,” hay “người thầy.”

Đứng đầu của thứ bậc là Sanat Kumar, được đề cập trong kinh Tantras, trong Bhagvat, và trong những lời kinh về sự thay đổi đầu tiên, vì đang ở tuổi mười sáu tràn trẻ sức sống, mãi mãi tươi trẻ, tự do khỏi tất cả thời gian, như quá khứ, hiện tại, và tương lai; trong thứ bậc huyền bí ông được coi như Chúa của Thế giới. Dưới Kumar là Buddha. Và dưới Buddha là ba người đứng đầu biểu trưng của hệ mặt trời: Bồ tát Maitreya, Buddha tương lai; Mahachohan, ~~th~~ hình thể không tìm được trong bất kỳ quyển kinh cổ nào của Phật giáo hay Ấn giáo; và Manu, một trong những người cha của nhân loại, theo kinh *Rig Veda*. Liên quan lẫn nhau, họ tượng trưng quả tim như từ bi, cái đầu như trí tuệ, và hai bàn tay như kỹ năng trong hành ~~đ~~ng. Dưới họ là những Manhatman hay những Bậc Thầy, mà trong nhiều năm kế tiếp chính họ sẽ tiên hóa để là những bồ tát và những Mahachohan. Thầy Koot Hoomi (hay Thầy K. H., như ông được biết đến) có thân thể của một Kashmiri Brahmin, trong khi Thầy Morya (Thầy M.) có thân thể của một thái tử Rajput. Hai Bậc Thầy này đã hướng dẫn công việc của Tổ chức Thông thái và những môn đồ mà đã trải qua những khai tâm khác nhau dưới sự hướng dẫn nhân từ của họ.

Vào cuối thế kỷ mười chín những tin đồn về Đấng Cứu thế hay Thầy Thế giới sắp đến đã loan truyền trong những cộng đồng huyền bí. H. P. B. đã viết trước khi bà chết năm 1891 rằng mục đích thực sự của Tổ chức Thông thái là chuẩn bị cho sự giáng sinh của Thầy Thế giới.

Năm 1889 Annie Besant (1847-1933) tình ~~à~~ đọc quyển *Học thuyết bí mật* của Blavatsky, và sau đó gặp người sáng lập của Tổ chức Thông thái. Besant, hay A. B., là một người chống đối, một người suy nghĩ tự do, một người đấu tranh mạnh mẽ cho những nguyên nhân mà bà nghĩ rằng

đúng đắn. Hùng biện và tận tụy, bà có một khả năng tổ chức thuộc trật tự rất cao. Bà là một người vận động nhiệt thành cho sự tự do suy nghĩ, quyền lợi của nữ giới, đoàn kết thương mại, chủ nghĩa xã hội thay đổi từ từ, và kiểm soát sanh đẻ. Nhưng quyển sách của Blavatsky đã thay đổi bà hoàn toàn. Bà chuyển những năng lượng vô hạn của bà khỏi chủ nghĩa vật chất và chủ nghĩa vô thần để hướng về sự theo đuổi huyền bí và thiêng liêng. Những bạn bè và những người khâm phục bà – trong số họ là Bernard Shaw, Sidney và Beatrice Webb và Charles Bradlaugh – bị sững sốt khi bà gia nhập Tổ chức Thông thái. Chia tay những người bạn cũ, và nhận biết được sự hoài nghi về công việc mới của bà sẽ khuấy động nơi những người đã khâm phục bà, bà viết:

Nhưng lúc này, cũng như tại những thời điểm khác, trong cuộc đời của tôi, tôi không đủ can đảm để mua hòa bình ằng một đổi gạt. Một nhu cầu cấp bách thúc đẩy tôi phải nói sự thật, bởi vì tôi thấy nó, dù lời nói có làm hài lòng hay gây thất vọng, dù nó mang lại ngợi khen hay chê bai. Sự trung thành tuyệt đối đến Sự thật đó khiến tôi phải giữ gìn sự trong sạch, dù tình bạn bè có thể nứt rạn hay những ràng buộc của con người có thể bị cắt đứt. Bà có lẽ dẫn tôi vào sa mạc, tuy nhiên tôi phải theo sau bà; bà có lẽ tước đoạt tất cả thương yêu, tuy nhiên tôi phải đeo đuổi bà, mặc dù bà giết chết tôi, tuy nhiên tôi sẽ tin cậy bà, và tôi không yêu cầu bất kỳ lời nào ghi trên bia mộ của tôi ngoại trừ

“Bà đã cố gắng theo đuổi Sự Thật.”

Khi bà đến Ấn độ vào năm 1893, lúc bốn mươi sáu tuổi, sự quan tâm và những nói chuyện nhiệt thành về Ấn độ suốt cuộc đời của bà đã bắt đầu.

Bà hiểu rõ Ấn độ không quan tâm nhiều lắm về điều gì bà cảm thấy là nhiệm vụ thực sự của nó trong thế giới – đặc tính thiên tài về những tôn giáo và hiểu biết thuộc tinh

thần của quốc gia này. Bà đưa ra mấu chốt này tại một trong những giảng thuyết đầu tiên của bà:

Nếu tôn giáo không còn ở đây, nó sẽ không còn ở bất kỳ nơi nào nữa và trong tay của Ấn độ được ủy thác trách nhiệm thiêng liêng phải thấp sáng ngọn đuốc của tinh thần trong những lớp sương mù và những cơn bão của chủ nghĩa vật chất đang gia tăng. Nếu ngọn đuốc đó rơi khỏi bàn tay của Ấn độ, lửa của nó sẽ bị dập tắt bởi bàn chân của vô số con người hối hả, hăm hở sục sạo những món hàng trần tục; và nếu Ấn độ, bị mất đi Tinh thần, sẽ không còn trong lai, nhưng sẽ chuyển vào sự tối tăm, như Hy Lạp và La mã đã trải qua.

Annie Besant tìm hiểu những quyển sách thiêng liêng của Ấn độ, học tiếng Phạn, tổ chức những bài luận cùng những người lãnh đạo tôn giáo của quốc gia. Bị cuốn hút bởi những đam mê của những từ ngữ bà trình bày, nhiều người trí thức và những người khao khát trẻ tuổi lũ lượt kéo đến gặp bà và gia nhập Tổ chức Thông thái. Lắng nghe bằng sự chú ý say mê và được nung nóng bởi sự hùng biện của bà là một cậu trai trẻ, Jawaharlal Nehru mười hai tuổi. Cậu đã đến nghe Mrs. Besant dưới ảnh hưởng của giáo viên người Ireland gốc Bỉ của cậu, Ferdnand T. Brooks, một người nhiệt thành của tổ chức.

Bị cuốn hút bởi học thuyết và tài hùng biện của Besant, cậu đã đến gặp người cha, Motilal Nehru (người theo chủ nghĩa quốc gia và là một luật sư nổi tiếng mà sau đó thành lập đảng Congress), và xin phép gia nhập Tổ chức Thông thái. Motilal cười. Ông cũng đã là một thành viên của Tổ chức Thông thái trong những ngày của Madame Blavatsky. Sự xin phép được chấp thuận, và mười ba tuổi Jawaharlal Nehru đã trở thành một thành viên và được khai tâm bởi chính Mrs. Besant. Cậu tham dự một hội nghị ở

Varanasi và thầy Đại tá Olcott với bộ râu quai nón bạc. Khi Nehru trẻ tuổi rời đó để đến Harrow, Tổ chức Thông thái chẳng mấy chốc phai nhạt trong ý thức của cậu. Nhưng ba năm tiếp xúc với nó sẽ để lại một ấn tượng cho cậu và nhân cách của cậu, mà sau đó cậu đã công nhận sự ngưỡng mộ Annie Besant của cậu.

Với cái chết của Đại tá Olcott năm 1907, Annie Besant trở thành chủ tịch của Tổ chức Thông thái và một phân chia dữ dội của những phe phái bên trong Tổ chức Thông thái đã xảy ra từ trước biến cố này. Ngay sau khi Mrs. Besant nắm quyền, bà tiếp xúc gần gũi với Charles Webster Leadbeater hay C. W. L. (1847-1934), một mục sư theo giáo phái Anh có năng lực tiên tri nổi tiếng. Vài năm trước, những chuyện xảy ra liên quan đến sự đồng tính luyến ái giữa ông ấy và những cậu trai trẻ đã dẫn đến việc trục xuất ông khỏi Tổ chức; nhưng Mrs. Besant nhận biết được những khả năng tâm linh của ông và từ chối chấp nhận những hình phạt về ông ấy, đã chấp thuận cho ông ấy trở lại Tổ chức ngay khi bà làm chủ tịch. Mau lẹ, Leadbeater ở thứ bậc cao trong Thứ bậc Huyền bí của Tổ chức Thông thái.

Narianiah về hưu không còn phục vụ trong chính phủ vào năm 1908. Với đồng lương ít ỏi 125 rupees một tháng, ông thấy không thể duy trì gia đình đông người của ông – ngoài các cậu con, ông cũng có trách nhiệm phải cấp dưỡng cho người chị và các cháu trai. Ông đã tham gia Tổ chức Thông thái năm 1882, và bây giờ ông viết cho Mrs. Besant đề xin một công việc ở Adyar. Thoạt đầu bà từ chối, vì nhận biết rằng những rắc rối của một gia đình đông người sẽ ảnh hưởng đến sự an bình và yên tĩnh trong khuôn viên của Tổ chức. Nhưng Narianiah kiên trì, và chẳng mấy chốc ông ở Adyar, làm việc như người thư ký phụ tá cho Esoteric

Section (E. S.). Ông nhận một ngôi nhà nhỏ xíu phía ngoài Tổ chức; người chị của ông trông nom những công việc trong nhà.

Hàng ngày Krishna và người em Nitya phải đi bộ đến trường tại Mylapore, nơi tánh lơ đàng của Krishna bị trừng phạt nghiêm khắc. Cậu vẫn mơ màng và không hứng thú học hành; thầy giáo đánh giá cậu hơi hơi loạn trí. Nhưng người cô của Krishnamurti lại rất ưa thích cậu Krishna trẻ, không quyển luyến thế gian và có đôi mắt mơ màng, và nhận biết được sự thông minh ~~đm~~ nở của cậu, đặt tên cậu là Dronachari, ~~gống~~ như Drona, đạo sư của Pandavas và Kauravas trong thiên sử thi *Mahabharata*.

Các cậu trai của Narianiah thường đi tắm trên bãi biển Adyar, nơi Leadbeater thấy họ. Năm 1899 chủ đề bài giảng của Mrs. Besant tại Adyar là “Avatars” “Giáng ~~tiết~~.” Năm 1908, suốt chuyến đi giảng thuyết tốc hành ở Mỹ, bà nói liên tục về Thầy Thế giới sắp đến. Suốt nhiều ngày Leadbeater, quan sát Krishnamurti, mỗi lúc càng ý thức được sự hiện diện của cậu trai trẻ và hào quang lạ thường không bị ô uế bởi tánh vị kỷ.

Vào một buổi chiều Mr. Leadbeater, khi trở về căn phòng sau buổi đi bơi thường lệ, kể cho Ernest Wood, một thanh niên trẻ đang giúp đỡ Leadbeater trong những tìm hiểu huyền bí của ông, rằng một trong những cậu trai có một hào quang lạ thường; đó là Krishnamurti. Wood biểu lộ sự ngạc nhiên – anh biết những cậu trai, và chắc chắn Krishnamurti không là ~~ột~~ trong những người sáng láng. Nhưng Leadbeater quả quyết rằng ngày nào đó chính Krishnamurti sẽ trở thành một người thầy tinh thần và một người giảng thuyết vĩ đại. Wood hỏi, “Vĩ đại như thế nào? Vĩ đại bằng

Mrs. Besant?” Leadbeater đọc người ta kể lại đã trả lời rằng, “Vĩ đại hơn nhiều.”

Krishnamurti diễn tả sự gặp gỡ Leadbeater của cậu – mà hoàn toàn có thể là người Châu Âu đầu tiên cậu đã gặp – trong tự truyện của cậu:

Đầu tiên khi chúng tôi đến Adyar, chúng tôi sống trong một cái nhà gần khu in ấn mới. Hàng ngày chúng tôi đi học tại trường Mylapore. Vào những buổi sáng sớm và tối chúng tôi chuẩn bị những bài học ở nhà. Sau một thời gian chúng tôi bắt đầu bơi lội ngoài biển cùng những cậu trai khác sống gần đó. Vào một trong những dịp này, năm 1909, lần đầu tiên chúng tôi gặp người bạn thân mến và người anh lớn tuổi của tôi, C. W. Leadbeater. Sự gặp gỡ khá ngẫu nhiên.

Như tôi có thể nhớ lại, anh ấy (Leadbeater) đang đi xuống biển cùng Mr. Van Manen và những người khác để bơi. Tôi không nhớ bất kỳ nói chuyện đáng kể nào, đặc biệt vì tôi không biết tiếng Anh giỏi lắm. Sau gặp gỡ này chúng tôi gặp nhau rất thường xuyên và thỉnh thoảng anh mời chúng tôi đến nhà của anh hay nói khác hơn một bungalow. Anh ấy đang sống trong một bungalow kiểu xây dựng ở sông tại thời điểm khi tôi viết những hàng này.

Lần đầu tiên khi đến phòng của anh ấy tôi sợ hãi lắm, bởi vì hầu hết những cậu trai Ấn Độ đều sợ hãi những người Châu Âu. Tôi không hiểu tại sao sự sợ hãi này lại được sinh ra; nhưng một trong những nguyên nhân, khi tôi là một cậu trai, có nhiều kích động thuộc chính trị và những tưởng tượng của chúng tôi bị kích động bởi những bàn tán quanh chúng tôi. Tôi cũng phải thú nhận rằng thông thường những người Châu Âu ở Ấn Độ chẳng tử tế gì mấy đối với chúng tôi, và tôi thường thấy nhiều hành động tàn nhẫn của họ mà khiến chúng tôi càng cay đắng thêm. Tôi ước ao những người Anh ở Ấn Độ có thể hiểu rõ rằng những cậu trai Ấn Độ cũng thương yêu tổ quốc của họ nhiều như những người Anh thương yêu tổ quốc của họ và cũng cảm thấy bất kỳ sự sỉ nhục nào đều sâu đậm, dù là không cố ý.

Vì vậy, chúng tôi ngạc nhiên vô cùng khi phát giác một người Anh mà ững là một người thuộc Tổ chức Thông thái khác biệt đến chừng nào. Chúng tôi mau chóng rất thân thiện với Mr. Leadbeater, và đều đặn anh ấy giúp đỡ chúng tôi những bài học. Thời gian sau Mr. R. B.

Clarke, một kỹ sư trẻ, đến Adyar và họ sắp xếp cùng cha tôi rằng người em Nitya của tôi và tôi nên nghỉ học để được giáo dục tại Adyar bởi Mr. Leadbeater và Mr. Clarke. Thật mau lẹ chúng tôi tiến bộ hơn lúc trước rất nhiều. Sống trở thành rất đều đặn. Chúng tôi đến bungalow của Leadbeater từ sáng sớm, học cho đến thời gian được gọi là điêm tâm, mà chúng tôi ăn ở nhà, và sau đó quay lại học tiếp với anh ấy. Buổi chiều chúng tôi chơi quần vợt hay đi ra biển học bơi. Cha tôi rất vui mừng khi thấy sự tiến bộ của chúng tôi và cuối cùng, ngày 14 tháng tám 1907 quyết định rằng chúng tôi không cần đi đến trường nữa.

Krishnamurti đã nhận được sự lưu ý bởi Leadbeater tại thời điêm khi người Anh này đang đảm trách một thâm nhập thuộc tâm linh vào những sống đời trước của những người gần gũi ông. Chẳng mấy chốc ông bắt đầu dò dẫm vào những sống đời trước của Krishnamurti. Những đột phá vào quá khứ huyền bí của Krishna sau đó được xuất bản như “những sống của Alcyone.” Tên Alcyone được rút ra từ “halcyon,” vì sao sáng nhất trong chòm Pleiades. Những thâm nhập tiết lộ một danh sách rõ ràng về những lần ra đời quá khứ khi Krishna đã là một môn đệ của Buddha, và những lần ra đời khác khi sự từ bi và thông minh của cậu đã phát triển và tỏa sáng.

Tại thời điêm những cậu trai được phát hiện, phần đầu phía trước của các em được cạo láng (đó là phong tục của Nam Ấn độ); Krishnamurti có mái tóc dài đến đầu gối. Cậu gầy còm và suy dinh dưỡng. Chẳng mấy chốc, Krishnamurti và người em Nitya bắt đầu công việc học hành ở Adyar. Thoạt đầu những luật lệ nghiêm ngặt của giai cấp Brahmin về thực phẩm được duy trì, nhưng những luật lệ đó được thả lỏng khi Leadbeater từ từ mất kiên nhẫn và ông bắt đầu tách rời hai cậu ra khỏi sự ảnh hưởng của người cha. Thế là Narianiah bắt đầu tạo ra những khó khăn. Ngay lập tức, Leadbeater viết cho Mrs. Besant rằng người đàn ông đã mất

đi sự sáng suốt và rơi vào sự ảnh hưởng của “Những thế lực đen tối.” Tiếp theo, những chỉ thị được “thâu nhận” bởi Leadbeater từ Master Koot Hoomi. Thông điệp như thế này:

Họ đã sống lâu đời trong địa ngục; cố gắng chỉ cho họ cái gì đó của thiên đàng. Ta muốn họ nhận được mọi thứ đối nghịch với những điều kiện trước của họ. Thay vì thù hận, kinh tởm, đau khổ, tội lỗi, không đều độ, không được chăm sóc và dơ bẩn, ta muốn họ được vây quanh bởi một bầu không khí của thương yêu và hạnh phúc, tự tin, điều độ, sự sạch sẽ thân thể và sự thuần khiết tinh thần hoàn hảo ... Tách rời họ càng xa bao nhiêu càng tốt để ở trong hào quang của bạn và của Annie để cho họ có thể được bảo vệ khỏi những xấu xa và những suy nghĩ xác thịt ... Ta muốn bạn tập cho họ sống văn minh; dạy họ dùng muỗng và nĩa, cắt móng tay và đánh răng, ngồi thoải mái trên những cái ghế thay vì chồm hồm trên mặt đất, ngủ đúng cách trên giường, không phải trong một góc giống như một con chó.

Không thể hình dung được rằng một Bậc Thầy của sự thông minh – mà cũng là một Brahmin Kashmiri – có thể đã viết lá thư này, được chứa đầy những gợi ý của thuộc địa và thành kiến rõ ràng của thời Victoria. Sự khinh miệt của những người Anh ở Ấn độ liên quan đến văn hóa và những thói quen sinh hoạt của Ấn độ đều thể hiện trong lá thư này. Nó được viết ra tại thời gian khi những người đàn ông, đàn bà, và trẻ em, giàu có hay nghèo khổ, ở Nam Ấn độ ngồi và ngủ trên một tấm thảm trên nền nhà, và nơi gia đình sum họp đã cung cấp sự ấm áp và một ý thức của phụ thuộc lẫn nhau hiếm khi nào thể hiện ở phương Tây.

Cũng khó khăn để tin tưởng rằng những anh em của cậu lại bản thủ trong những thói quen của họ; là những người Brahmin, chắc chắn họ phải tắm nhiều lần một ngày. Tắm theo nghi lễ diễn ra trước một lần tắm bằng dầu là một kỷ luật được tuân thủ nghiêm ngặt. Răng phải đều đặn được

chải sạch bởi một cọng cây sần đầu, có lẽ là chất tẩy ứ tốt nhất còn tồn tại; chắc chắn giặt giũ quần áo hàng ngày cũng là nhiệm vụ đều đặn của một gia đình.

Vào nửa đầu của thế kỷ thứ hai mươi, những người Ấn độ được đánh giá bởi những người Anh đang cai trị Ấn độ như một bộ phận tất yếu của lãnh thổ quốc gia – phải được duy trì tại một khoảng cách vừa đủ, phải được khoan dung nhất; nhưng dù ở bất kỳ tình huống nào một người Ấn độ không được khuyến khích để thân thiết, và một thái độ hạ thấp mình xuống lan tỏa trong hầu hết mọi sự liên hệ. Do bởi trong môi trường này mà cậu bé Krishna, được sinh ra là một Brahmin nhưng trong một gia đình rất thấp kém trong thứ bậc viên chức, bỗng nhiên được công nhận bởi một người Anh huyền bí lập dị, trong một lóe sáng của sự thấu triệt tâm linh, và sau đó được công nhận như phương tiện của sự hiện thân của Bồ tát Maitreya.

Krishna và Nitya được cứu khỏi những kiềm tỏa thuộc ngôi nhà bé tí của họ để vào trong sự hoành tráng của những tòa nhà thuộc bộ Chỉ huy Tổ chức Thông thái và những vùng đất vô hạn của nó. Hai cậu trai được đảm trách bởi C. W. L., một người đàn ông da trắng được kính trọng có bộ râu quai nón dài mà nói một ngôn ngữ bí truyền của những Bậc Thầy tỏa sáng và những người khai tâm, những sống thuộc quá khứ và những hóa thân rực rỡ. Hệ thần kinh nhạy cảm lạ thường và những nhận biết của Krishna, được hướng đến ăn khớp với một tình trạng mong chờ, có thể đã tiếp xúc với kho báu của tầng ý thức phía bên trong thuộc chủng tộc. Nền quá khứ Brahmin và sự mô tả bằng hình tượng của nó cung cấp những sợi chỉ dọc cho sợi chỉ ngang trên khung ải của hình tượng thuộc Tổ chức Thông thái. Những hình dạng do suy nghĩ và những hình ảnh nhìn bằng mắt đang truyền bá trong bầu

không khí của Adyar, được phủ kín bởi những sự thật và những ảo tưởng huyền bí, được làm cho rõ ràng đối với người mới khai tâm trẻ tuổi. Khi còn là ậu bé , Krishna đã thấy những ảo ảnh của đứa trẻ Krishna thiêng liêng trong ngôi nhà mộ đạo của mẹ cậu, vì vậy lúc này cậu thấy những Bậc Thầy, Buddha, và Sanat Kumar – người thanh niên đang mỉm cười đầy ánh nắng mặt trời mà là người đứng đầu của thứ bậc Tổ chức Thông thái. Những lực lượng bí truyền, nếu họ tồn tại, và chắc chắn Leadbeater, đòi hỏi phương tiện của họ là một thân thể Brahmin, cùng di sản của nhạy cảm, ăn chay, và sạch sẽ, cùng một bộ não mà qua hàng thế kỷ đã quan tâm đến cái khác lạ, cùng sự tinh tế, sức mạnh và nhận biết cần thiết để bám chặt vào phía bên trong của cái trí và vật chất, cùng khả năng thấu nhận những khối lượng vô hạn của năng lượng mà nó sẽ được mời mọc để chứa đựng.

Trở trêu thay, ngay khi họ đã được chấp thuận vào vòng tay của Tổ chức Thông thái, mọi việc có thể thực hiện được đều được vận dụng để thấy rằng Krishna và Nitya được lột sạch tất cả chất lượng của Ấn độ. Hầu như chắc chắn rằng những người thầy thông thái của Krishnamurti đã quyết định cậu trai và người em của cậu bắt buộc chỉ nói tiếng Anh, vì vậy ngôn ngữ Telugu du dương dần dần bị quên lãng; kinh Vedas và những bài thánh ca được học thời niên thiếu đều bị xóa sạch. Tóc của họ được cắt và chải tách ra ở trung tâm. Họ được dạy học bằng tiếng Anh; họ học cách ăn bằng một cái muỗng và cái nĩa và để hai khủy tay của họ sát vào thân thể khi họ đưa nĩa lên miệng; mặc quần áo phương Tây một cách thoải mái; thấy rằng những nếp gấp của quần được ủi và đánh bóng gầy của họ đến khi chúng sáng bóng. Họ được dạy cách tắm theo kiểu của người Anh. “Những cậu trai phải trở thành quý ngài người Anh bởi vì trong lược đồ tiến hóa

của Leadbeater, quý ngài người Anh trở thành đỉnh chót vót của sự phát triển con người.”

Rủi thay, cái vỏ bọc và sự giáo dục phía bên ngoài không để lại dấu vết nào trên cái trí đang ngủ im lìm, không tiếp xúc được. Có E, đúng sự thật rằng cậu trai, được dành riêng để là một Người Thầy sẽ dẫn dắt thế giới, phải được tự do khỏi mọi quy định của sự sinh đẻ và quốc gia. Để thành tựu số mạng của cậu, không biên giới nào có thể giam giữ hay kiềm chế cậu.

Theo C. Jinarajadasa, sau đó là **ch** tịch của Tổ chức Thông thái, **ư** đào tạo được nghiêm ngặt đưa vào khuôn phép. Những bữa ăn, học hành, và những trò chơi đều theo một thời khóa biểu tuyệt đối với mục đích tập cho những cậu trai sự tỉnh táo với thời gian và những hoàn cảnh. Đạp xe đạp không phải để vui chơi, nhưng để tập luyện cho có sự tự tin vào chính mình và **ch** đựng được sự gian khổ. Có một trường hợp họ bị bắt buộc đạp xe đến Chingelpet và quay lại, tổng cộng là sáu mươi tư **ăm**. Để loại bỏ sự sợ hãi, Leadbeater đọc cho họ nghe những truyện ma kinh hoàng.

Bảy mươi lăm năm sau khi kể cho chúng tôi về thời kỳ này thuộc sống của ông, Krishna nói về cậu trai Krishna và sự liên hệ của cậu với Leadbeater. “Cậu trai đã luôn luôn nói, ‘Em sẽ làm bất kỳ việc gì anh muốn.’ Có một yếu tố của khúm núm, vâng lời. Cậu trai luôn mơ màng, dễ thay đổi, bối rối; dường như cậu không thêm biết đến việc gì đang xảy ra. Cậu giống như một cái thùng, có một cái lỗ to trong nó, bất kỳ thứ gì đổ vào, đều chảy qua, không thứ gì được giữ lại.” Họ gọi cậu là *phương tiện*, cậu chấp nhận điều đó mà không có bất kỳ thắc mắc nào. Không chống đối trong cậu, không ngờ vực và cũng không hỏi han. Krishnamurti cũng kể về những khả năng tâm linh của cậu. Cậu có thể đọc điều gì

được viết trong một lá thư chưa mở, đọc những suy nghĩ của con người, thấy những bà tiên nhỏ nhắn. Nhưng có vẻ cậu không hoàn toàn hiểu rõ được ý nghĩa của những khả năng siêu nhiên này; đối với cậu chúng chẳng quan trọng gì cả.

Những Bậc Thầy đã chỉ thị cho Mrs. Besant và Leadbeater phải bảo vệ thân thể của Krishnamurti suốt hai năm và vì vậy chuẩn bị nó cho sự kiện hóa thân. Mọi thứ được thực hiện để bảo đảm việc này; sau đó Krishnamurti thường kể lại rằng mặc dù Leadbeater và những người khác quyết định những điều kiện mà sống bên ngoài của Krishnamurti sẽ phát triển theo chúng, không nỗ lực nào được thực hiện để can thiệp vào tinh thần của cậu hay đục khoét bộ não của cậu, bởi vì họ nói, “Thượng đế đang chuẩn bị nó.”

Thường xuyên, Leadbeater không kiên nhẫn với Krishna – sự mơ màng của cậu chọc giận ông, đặc biệt là thói quen đứng há hốc miệng. Có một lần ông đánh vào cằm Krishna rất mạnh để bắt buộc cậu phải ngậm miệng lại. Sau đó Krishna nói rằng hành động bạo lực này phá vỡ tất cả sự liên hệ giữa Krishna và Leadbeater.

Ngay trước khi Mrs. Besant quay lại Ấn, Krishna được thử thách bởi những Bậc Thầy. Khi Mrs. Besant đến Madras tháng mười một năm 1909, bà thấy cùng với Leadbeater một “cậu trai mắt to háo hức” bước đến một cách nhút nhát để đặt một vòng hoa quanh cổ của bà. Giọng của Leadbeater cất lên, ‘Đây là Krishna của chúng ta.’”

Do sự xuất hiện của bà, từ từ một bức tường bảo vệ được dựng lên quanh cậu. Một nhóm các cậu trai đặc biệt được tuyển chọn để chơi đùa cùng cậu; không người nào được phép ngồi trên ghế của cậu hay sử dụng cây vợt tennis của cậu. Mọi việc cậu làm đều được theo dõi chặt chẽ.

Để bảo đảm rằng Narianiah sẽ không cản trở sự đào tạo, chốc lát sau một thông điệp được gửi tới từ những Bậc Thầy rằng các cậu trai phải đi về nhà người cha của các cậu càng ít bao nhiêu càng tốt. Mrs. Besant thuyết phục người cha giao quyền bảo hộ hai cậu trai cho bà. Chẳng mấy chốc tất cả những viếng thăm của hai cậu đến nhà của Narianiah chấm dứt.

Trong thời gian Mrs. Besant ở Adyar, bà gặp Krishna hàng ngày. Chính là suốt thời kỳ này mà những hạt giống của sự liên hệ với cậu, được đặt nền tảng trên tình yêu và sự tin tưởng vô hạn, được gieo hạt. Trong những tháng trước khi Mrs. Besant quay lại Ấn độ, Leadbeater khẳng định rằng mỗi đêm đã đưa Krishna lên trên thế giới tâm linh để được dạy dỗ bởi những Bậc Thầy. Cậu trai đã được tiếp xúc với sống bí truyền của Tổ chức khi được quan sát bởi Leadbeater và tiếp xúc với ngôn ngữ quanh những sự việc huyền bí. Những chân dung của những Bậc Thầy và những Mahatma được treo trong đền thờ, nhà tham thiền của Khu Bí truyền; những khuôn mặt và những cái tên được thấm nhuần bởi Krishna để tăng trưởng và hòa tan thành một cùng sống thực tế hàng ngày của cậu. Mrs. Besant gặp Krishna lần đầu tiên ngày 27 tháng mười một năm 1909, và ngày 5 tháng mười hai cậu đã được chấp thuận vào Khu Bí truyền của Tổ chức Thông thái.

Bà sẽ rời Adyar để đi Varanasi những ngày sau đó.

CHƯƠNG 3

Giấc mộng: “Đó là Ngài, Chúa của con?”

Công việc gì đã đưa Mrs. Besant tới Varanasi tại thời điểm đó, khoảnh khắc quan trọng nhất trong sống của bà? Tại sao bà không ở lại Adyar tại thời điểm của sự khai tâm thứ nhất? Liệu dưới sự hướng dẫn của những huyền bí và những thánh nhân, chính bà cũng đang tìm kiếm một bảo đảm về Krishnamurti từ Thứ bậc Huyền bí? Liệu bà phải trải qua những khai tâm yoga để bảo vệ cậu trai mà sẽ là Thầy Thế giới?

Hơn bảy mươi năm sau, khi nói chuyện với những học giả uyên bác và những người tinh thông về Brahmin của Varanasi, tôi thu thập được sự hiểu biết rằng trong những năm đầu tiên ở Varanasi, Mrs. Besant đã tiếp xúc với Swami Vishudhanand và môn đệ của ông ấy, Gopinath Kaviraj. Swami Vishudhanand là một vị thánh nổi tiếng, với nhiều *siddhis* hay những quyền năng huyền bí. Ông cũng khẳng định những liên kết trực tiếp đến một hệ thống thờ cúng huyền bí và học thuyết của Tây tạng; khởi nguồn ở Ấn độ, học thuyết này đã tồn tại trong hình thức ban sơ của nó trong một trung tâm có trách nhiệm nặng nề thuộc tâm linh ở mãi tận Manasarovar Lake, Tây tạng. Tại trung tâm này người ta nói nhiều bồ tát và thánh nhân vĩ đại đã tụ họp lại, không phải trong dạng vật chất của họ, nhưng có lẽ trong dạng như những trung tâm của năng lượng. Một trong những học thuyết được bảo vệ nhiều nhất của họ là một học thuyết được bí mật truyền khẩu, liên quan đến chu kỳ vĩnh viễn của thời gian – cùng những luyện tập yoga và khai huyệt và sự di chuyển của ý thức. Yoga này, vô cùng nguy hiểm, đã khởi

nguồn ở Ấn độ trước Buddha và sự giảng thuyết của Ngài rất lâu. Sau đó nó biến mất ở Ấn độ, nhưng đã sống sót được trong những người thông thái nơi trung tâm bí mật đó ở Tây tạng.

Liệu có thể rằng, qua Swami Vishudhanand, Mrs. Besant đã nhận biết được học thuyết “quay lại” hay sự di chuyển của ý thức và những liên kết gần gũi của nó với yoga khai huệ. Học giả Jagannath Upadhyaya của Varanasi, người đã tìm thấy một bản sao của nguyên bản quyền *Kala Chakra Tantra*, và là người đang đảm trách sự nghiên cứu về nó, giải thích cho Krishnaji rằng học giả Gopinath Kaviraj xác nhận Tổ chức Thông thái rút ra đa phần trong số những lời giảng huyền bí của nó từ học thuyết huyền bí này. Ông tiếp tục nói rằng Swami Vishudhanand và Gopinath Kaviraj, trong những năm đầu tiên của thế kỷ thứ hai mươi, đã nói chuyện với Mrs. Besant về sự Giáng thế sắp xảy ra của Bồ tát Maitreya và sự hóa thân của Ngài trong một thân thể con người, theo Swami, thân thể được chọn là thân thể của Krishnamurti. Trả lời của Krishnaji rất mau lẹ. “Maitreya không thể hóa thân, nó sẽ giống như bầu trời đang hóa thân. Chính là đi giảng mà hóa thân.” Một ngày khác, khi đang nói về cùng chủ đề, như thể qua một xé toang của thời gian, bỗng nhiên Krishnaji thấy một hình ảnh. Ông nói, “Amma [A. B.] đang cỡi một con ngựa viếng thăm Kaviraj.”

Khi tôi nghe điều này, tôi bị kích thích sự tò mò. Hình ảnh của Mrs. Besant đang cỡi một con ngựa chiến màu trắng trong đầu thế kỷ thứ hai mươi qua những con đường nhỏ xíu của Varanasi để viếng thăm *sadhus*, những người tu khổ hạnh ăn xin, hoàn toàn là ma thật; tôi đã tìm hiểu thêm nữa và phát giác rằng Mrs. Besant rất thích cỡi ngựa và có thể rằng bà có cỡi ngựa đến những gặp gỡ của bà với những đạo sư

của Varanasi. Toàn bộ sự tìm hiểu này hé lộ ánh sáng mới mẻ vào phương cách trong đó **hi** học thuyết và thấu triệt huyền bí đã thâm nhập vào Khu Bí truyền của Tổ chức Thông thái. Có lẽ sự trung thành tuyệt đối của Mrs. Besant rằng Bồ tát Maitreya sẽ hóa thân qua thân thể của Krishnamurti là do **đi** những tiếp xúc đầu tiên này với những đạo sư Varanasi và những liên kết của họ với thứ bậc huyền bí. Leadbeater, cùng những tài năng tâm linh rõ ràng của ông, bị trĩu nặng bởi nghệ thuật diễn đạt bằng tượng trưng của phương Tây về những huyền bí; những cái nguồn cung cấp dòng chảy của Ấn độ vào thế giới huyền bí của Tổ chức Thông thái chỉ có thể đã đến từ những cái nguồn bị chìm ngập trong truyền thống của Tây tạng và Ấn độ.

Trong khoảng ba tuần lễ sau khi Krishna gia nhập Khu Bí truyền, Leadbeater đã điện tín cho Mrs. Besant rằng cậu trai đã được chấp nhận bởi Thầy Koot Hoomi như môn **đ** của Ngài. Việc đó xảy ra chỉ sau năm tháng từ khi Krishna được phát hiện bởi Leadbeater.

Khi viết cho Mrs. Besant trong chữ viết tay thật đẹp, có lẽ do kết quả của sự luyện tập kiên nhẫn bằng cách chép sách, Krishna diễn tả nghi lễ chấp thuận vào ngày 3 tháng giêng, 1930:

Mẹ yêu quý của con,

Vui lắm mẹ ơi! Khi chúng con đến nhà của Thầy chúng con, chúng con thấy Thầy và Thầy Morya và Thầy Djwal Kul tất cả đang đứng nói chuyện, và họ nói chuyện rất hòa nhã. Tất cả chúng con đều phủ phục mình xuống, và Thầy bế con lên ngồi trên đầu gối của Thầy, và hỏi con liệu rằng con sẽ quên trọn vẹn chính bản thân con và không bao giờ có một suy nghĩ ích kỷ, nhưng chỉ suy nghĩ làm thế nào để giúp đỡ thế giới và con trả lời chắc chắn con sẽ thực hiện được, và con chỉ muốn giống như Thầy một ngày nào đó. Kế tiếp Thầy hôn con và dơ tay phủ qua đầu con, và dường như trong chùng mực nào đó con là bộ phận của

Thầy, và con cảm thấy hoàn toàn khác hẳn và rất rất hạnh phúc, và con đã trải qua cảm giác đó kể từ lúc đó trở đi. Kế tiếp tất cả ba người ban phước lành cho con và chúng con đi khỏi. Nhưng sáng hôm sau trong Điện Thờ khi con cảm ơn Thầy lần nữa, con lại cảm thấy bàn tay của Thầy ấn thật mạnh trên đầu con giống như vào buổi tối.

Bây giờ con đã đi 254 dặm, và con thích những chuyến đi này nhiều lắm. Mẹ sẽ trở về với chúng con mau không? Con gửi cho mẹ rất nhiều thương yêu mỗi ngày nhiều lần lắm.

Người con trai thương yêu của mẹ,
Krishna

Thời gian thử thách rất ngắn, và chẳng mấy chốc những biến cố lạ lùng theo sau. Một người chiêm tinh nổi tiếng, G. E. Sutcliff, đã nhìn thấy một vị trí rất lạ lùng của những hành tinh cho ngày 11 tháng giêng. Những điện tín được trao đổi giữa Leadbeater và Mrs. Besant, và cuối cùng bà được thông tin rằng sự khai tâm đầu tiên của Krishna sẽ xảy ra vào tối ngày 11 sang ngày 12 tháng giêng. Mrs. Besant không thể có mặt, nhưng bà đưa ra những chỉ thị rằng những cái cửa Điện thờ của Khu Bí truyền và hành lang dẫn qua phòng của bà sẽ được đóng lại, cả Krishna và Leadbeater sẽ sử dụng phòng của bà trong suốt thời gian xảy ra sự kiện quan trọng này.

Sau đó người ta kể lại rằng Krishnamurti và Leadbeater đã thoát khỏi những thân thể của họ trong suốt hai đêm và một ngày, thỉnh thoảng quay lại vào chúng để nhận thêm chất nuôi dưỡng nào đó. Krishna nằm trên giường của Mrs. Besant, Leadbeater trên nền nhà. Vào ngày 12 tháng giêng, họ ra khỏi phòng và gặp một số những người thân niên của Tổ chức đang đợi họ.

Trong số họ là người cha của Krishna, Narianiah, và người em, Nitya. Krishna viết cho Mrs. Besant ngay sau đó, diễn tả những điều huyền bí xảy ra:

Đêm đầu tiên khi con rời thân thể của con, ngay lập tức con đến nhà của Thầy và con thấy Thầy đứng đó cùng với Thầy Morya và Thầy Djwal Kul. Thầy nói chuyện với con lâu lắm và rất tử tế, và dạy bảo cho con tất cả mọi việc về sự khai tâm, và con nên phải làm gì. Sau đó, tất cả chúng con cùng đi đến nhà của Chúa Maitreya, nơi trước kia con đã đến đó một lần, và ở đó chúng con gặp nhiều Thầy – Thầy Venetian, Thầy Jesus, Thầy Count, Thầy Serapis, Thầy Hilarion, và hai Thầy Morya và K. H. Chúa Maitreya ngồi chính giữa và những Thầy khác đứng quanh Chúa theo một hình bán nguyệt. [Ở đây Krishna vẽ một lược đồ để xếp những vị trí của Huynh đệ tập họp được rõ ràng.] Sau đó Thầy cầm bàn tay phải của con và Thầy Djwal Kul cầm bàn tay trái của con, và họ dắt con đến trước mặt Chúa Maitreya, mẹ [Mrs. Besant] và chú [Leadbeater] đang đứng gần đằng sau con. Chúa nhìn con mỉm cười, nhưng Chúa hỏi Thầy: “Đây là ai mà người cho gặp ta?” Và Thầy trả lời: “Đây là một ứng viên để được xin phép vào Huynh đệ Vĩ đại Great Brotherhood.”

[Những Thầy hiện diện ở đó chấp thuận sự xin phép của
Thầy để cho con gia nhập Huynh đệ vĩ đại.]

Sau đó Chúa quay về phía con và gọi về hướng Shamballa: “Làm cho Ta việc này, Ô Chúa của Sự Sống và Ánh sáng, trong Danh Ngài và vì Ngài?” Và ngay lập tức Vì Sao Bạc lóe lên trên đầu của Ngài và trên mỗi phía của nó trong không gian một hình bóng đứng ở đó – một là Chúa Gautama Buddha và ~~ngư~~ còn lại là Mahachohan. Và Chúa Maitreya quay lại và gọi con bằng tên thực sự của Cái Tôi của con, và đặt tay của Ngài trên đầu của con và nói “Trong danh của Một Người Khởi đầu, các vì sao của người chiếu sáng trên chúng ta, Ta nhận người vào Huynh đệ của Sự Sống Vĩnh Hằng.” [Đêm kế tiếp họ được dẫn đến thăm Sanat Kumar.]

... bởi vì Ngài là một cậu trai không lớn hơn con bao nhiêu, nhưng người đẹp trai nhất mà con đã từng thấy, tất cả đang chiếu sáng và rực rỡ, và khi Ngài mỉm cười nó giống như ánh mặt trời. Ngài mạnh mẽ giống như biên câ, để cho không có gì chống lại Ngài trong một khoảnh khắc, và tuy nhiên Ngài không là gì ngoại trừ tình yêu, đến độ con có thể tuyệt đối không sợ Ngài.

Thư trả lời Krishna của Mrs. Besant không có sẵn để trích dẫn, nhưng bà viết cho Leadbeater trong những từ ngữ sôi nổi, khẳng định sự kiện đó. Thư từ giữa Mrs. Besant và Krishna bộc lộ tình yêu và sự quan tâm vô hạn của bà với cậu trai. Những từ ngữ của bà bộc lộ sự quan tâm đến cậu rất nhiều:

Ngày 31 tháng ba năm 1910

Krishna yêu quý, ậu trai bé tí thiêng liêng ủa mẹ, mẹ không hiểu liệu con có nhìn thấy hay cảm thấy mẹ trong thiên định buổi sáng nơi mẹ đến với con, *con* làm trong thế giới tâm linh của con, nhưng con có làm trong bộ não của con ở đây? Và rất thường xuyên trong ngày mẹ gửi một hình dạng-suy nghĩ để tỏa hai cánh của nó bao bọc con.

Có một gặp gỡ thật đông người ở Calcutta về chủ đề thú vật và mẹ kể cho mọi người về Con Chim cổ đỏ đã cố gắng rút cái đinh ra khỏi bàn tay của Christ trên Thánh giá. Đó không là một câu chuyện của một sự kiện nhưng của một sự thật thực tế, giống như câu chuyện của Shri Rama đang vỗ về những con sóc có những đường vân xinh xinh [đúng nguyên văn]. Có một lần tại Sarnath nơi Buddha giảng bài pháp đầu tiên của ngài, mẹ nhìn lại để thấy nó; và một con nai nhỏ xuất hiện và cạ mũi vào bàn tay của ngài. Chúa là tất cả tình yêu, vì vậy những thú vật không sợ hãi Ngài. Bảo với Nitya yêu quý rằng mẹ hôn cậu ấy trên cái đầu bé tí dễ thương của cậu ấy mỗi sáng, và cũng gửi cho cậu ấy một hình dạng-suy nghĩ nữa. Con biết rằng mẹ thương yêu con rất nhiều Krishna của mẹ, và mãi mãi.

Người mẹ yêu quý của con.

Krishna trả lời lại ngày 5 tháng tư, năm 1910:

Dĩ nhiên, bộ não vật chất của con nhớ mãi lúc mẹ ôm con vào lòng, bởi vì con đang cố gắng khiến cho ý thức của con luôn luôn giống hệt, nhưng vẫn vậy con luôn luôn không chắc chắn lắm về nó. Con luôn luôn đang làm việc cho điều gì được cần đến cho bước thứ hai, nhưng sẽ

phải mất một thời gian. Con nghĩ, con không có nhiều ngờ vực hay mê tín, nhưng thật khó khăn lắm khi loại bỏ ảo tưởng của cái tôi, nhưng con sẽ thực hiện nó. Con vẫn hoàn toàn không biết phải làm thế nào, nhưng dẫu vậy nó sẽ được thực hiện.

Con vừa đọc xong “Những Đứa con của Đất Mẹ” và trong khoảng ba ngày kế tiếp, chúng con sẽ đọc xong “Câu chuyện về Cuộc Chiến tranh Vĩ đại.” Con đã đọc những truyện về “Chim Cổ đỏ và Con Sóc,” nhưng con vẫn chưa nhìn thấy một con chim cổ đỏ. Đã được 1250 năm kể từ lần cuối con ở tại Sanarth, nhưng con hy vọng cũng đi đến đó trong sống này. Có một cái cột to màu xám ở đó và một con sư tử trên nó và những cái cột nhỏ hơn quanh nó trong nửa vòng tròn. Mẹ sẽ quay lại với chúng con mau không? Con gửi cho mẹ rất nhiều thương yêu mỗi ngày.

Đứa con trai yêu quý của mẹ, Krishna.

Một bức ảnh được chụp ngay sau sự khai tâm đầu tiên của Krishna, năm tháng sau khi cậu đã được “phát hiện” bởi Leadbeater, phơi bày một *brahmacharin* trẻ, một cậu trai tinh khiết trong suy nghĩ, từ ngữ và hành vi, được choàng trong một *angavastram*, một miếng vải mặc trong lễ hội. Đó là một khuôn mặt mỏng manh cùng những gợi ý của sức mạnh vô biên. Trong chân dung, tóc xõa ngay trên hai vai của cậu; đôi mắt của cậu phản chiếu *akash*, không gian và âm thanh vô tận. Miệng hơi hé mở, không mỉm cười, cũng không nghiêm nghị; một nụ xoài non rớt không có ý ~~mon~~ của cái tôi, nhưng chỉ có năng lượng của sự sống, một khuôn mặt hồn nhiên, hoàn toàn không gọn chút gian trá: “Giọt nước đầu tiên của biển cả, cũng vậy, nhựa non của cây cối trong rừng.”

Nhiều người viết tiểu sử về Krishna, diễn tả ông tại thời điểm sự phát hiện bởi Leadbeater, nói về ông như chậm hiểu, thậm chí khờ dại, nhem nhuốc, cầu thả, chỉ có đôi mắt to nổi bật khuôn mặt của cậu. Ngạc nhiên thay, không có bình phẩm gì về vẻ đẹp lạ thường của ông.

Tháng chín năm 1910 Mrs. Besant đang ở Adyar, đưa hai anh em đến Varanasi . Chính ở đây Krishna đã yêu cầu được nhận lại những ghi lại mà người ta nói cậu đã viết ở Adyar, và chúng sẽ hình thành tư liệu cho quyển sách đầu tay của cậu, *At the Feet of the Master Tại Chân Thầy*.

Sự xuất hiện của quyển sách khuấy động một tranh luận quan trọng. Được đặc biệt gói lại bằng da thuộc màu xanh và được ký tên bởi Krishna, một bản sao được dành tặng cho Thầy Koot Hoomi và được đặt dưới gối của Krishna bị biến mất trước buổi sáng. Vô số những bản sao của quyển sách được bán ra. Tại thời điểm đó tiếng Anh của Krishna còn yếu, và nhiều người phê bình khẳng định rằng quyển sách đã được viết bởi Leadbeater. Quyển sách rất dễ hiểu, kết hợp lời giảng của Tổ chức Thông thái và giáo lý cơ bản rõ ràng của Ấn giáo.

Chắc chắn rằng, thậm chí nếu những ghi chú này thực sự được viết bởi Krishna dưới sự hướng dẫn của Thầy K. H., vẫn phong mang một dấu ấn rõ ràng của Leadbeater. Người ta kể rằng khi bị hỏi vặn bởi người cha của cậu, Krishna phủ nhận đã viết quyển sách này.

Khoảng năm mươi năm sau, người vật lý George Sudarshan hỏi Krishna về nguồn gốc tác giả của *Tại Chân Thầy*. Krishna trả lời, “Cái người viết quyển sách đó đã biến mất rồi.” Ông từ chối nói thêm bất kỳ điều gì về nó.

Năm 1911, Mrs. Besant đến nước Anh cùng hai đứa trẻ. Bạn bè và những người ngưỡng mộ cũ của bà ở Ấn độ đã rất chỉ trích về việc gì họ nói đến như toàn “công việc kinh doanh Đáng Cứu thế,” và bà đã bị công kích gay gắt bởi tờ *The Hindu*, một tờ báo hàng ngày có nhiều ảnh hưởng được xuất bản ở Madras. Chẳng mấy chốc nhiều thành viên của Tổ chức Thông thái từ khắp Ấn độ, một số người là bạn bè thân

của bà, đều phản đối công khai về sự tôn sùng của bà: “một cậu trai bé tí người Ấn mà bà gọi là Alcyone.” Bất kể sự phản đối công khai, giễu cợt, và sự từ bỏ Tổ chức của một số thành viên nổi tiếng của nó, Mrs. Besant đứng vững như một tảng đá, sự trung thành của bà không bị lay chuyển, bám chặt vào những chỉ thị của những Bậc Thầy rằng Krishna sẽ là phương tiện cho Buddha Maitreya.

Trước khi rời đó để đến nước Anh, Mrs. Besant đã nhờ một người thợ may giỏi nhất Bombay may cho hai cậu trai rất nhiều quần áo đúng một phương Tây. Khi họ đến nhà ga Charing Cross, họ được ngênh đón bởi những người thuộc Tổ chức Thông thái, Krishna mặc một quần tây và một áo vét tông kiểu Norfolk.

Mrs. Besant đưa hai cậu đến ở tại nhà người bạn Miss Bright. Trong quyển sách của cô, *Old Memories and Letters of Annie Besant Những Kỷ niệm Xa xưa và Những Lá thư của Annie Besant*, Esther Bright diễn tả hai cậu trai được bảo trợ của Mrs. Besant:

Chính là ngôi nhà này mà A. B. đưa hai cậu trai bảo trợ trẻ tuổi người Ấn đến, hai anh em Krishnamurti và Nityanandam. Họ ở đây cùng chúng tôi. Thật lý thú khi nhìn ngắm những phản ứng của họ với lối sống phương Tây – rất nhút nhát và dè dặt – nhưng hăng hái hầu như việc gì đang xảy ra trong thế giới phương Tây đặc biệt của chúng tôi, và thường xuyên, không nghi ngờ, rất phê bình chúng tôi! Đặc biệt về chủ đề Gạo ! Có một lần Nitya đã nói rất nghiêm túc “Con không nghĩ Miss Bright hiểu lắm, chúng con thích cơm biết chừng nào.” Cậu là một người nhỏ nhắn xinh đẹp, một khuôn mặt nghiêm trang và đôi mắt tò mò, thân thiện, háo hức; một bản chất tế nhị, cao thượng trong thân thể người Ấn nhỏ nhắn. A. B. dành hết cuộc đời cho hai cậu trai này và trao cho hai cậu tất cả sự thương yêu đằm thắm và tử tế có thể được. Thật vui khi thấy ba người vui vẻ cùng nhau ...

Chia tay Krishna được một lúc, Mrs. Besant viết vào ngày 29 tháng mười một:

Mẹ đang gửi cho con những con sóng thương yêu dồn dập, giống như những đợt sóng đang đổ xô nhào lộn qua khoảng trống của một cơn cát ngậm; chúng không xô đẩy con lung tung, nhưng chỉ bao bọc và bảo vệ thân thể quý báu mà Chúa sẽ khoác vào.

Mẹ thương Krishna yêu quý riêng của mẹ, cái tôi mà mẹ đã thương yêu quá nhiều năm ; Bao nhiêu năm? Mẹ không biết . Từ khi chúng ta đã là những con thú tung tăng, và đã bảo vệ túp lều con con của Thầy chúng ta? Có lẽ vẫn còn lâu hơn; có lẽ khi chúng ta là cây cối, chúng ta sản xuất ra những cái tua mảnh khảnh quấn quít vào nhau trong ánh mặt trời và cơn bão. Và có lẽ chúng ta là những khoáng sản – Ó, cách đây lâu lắm rồi – Mẹ là chút chút tinh thể và con là chút chút vàng non trong mẹ.

Krishna và Nitya quay lại Ấn độ cùng Mrs. Besant trong thời gian ngắn vào tháng mười hai năm 1911. Những công kích chống lại Mrs. Besant đang tiếp tục. Hai anh em theo cùng Mrs. Besant đến Varanasi. Theo Mrs. Besant và Leadbeater, chính là nơi này mà sự mau lẹ đầu tiên của tinh thần sẽ xảy ra, sau đó Mrs. Besant công bố rằng không còn nghi ngờ gì cả Krishnamurti đã được chọn lựa bởi Bồ tát Maitreya như phương tiện của Ngài.

Năm 1912, Mrs. Besant và hai cậu trai quay lại Châu Âu. Narianiah miễn cưỡng cho phép hai người con trai của ông rời xa, khi hiểu rõ rằng hai đứa trẻ sẽ được tách khỏi mọi liên hệ với Leadbeater. Tại thời gian đó, tin tức về những xu hướng tình dục của Leadbeater đang được nói tự do trong cộng đồng của người Anh ở Madras, và tự nhiên người cha phải không bằng lòng nếu có bất kỳ sự tiếp xúc nào của hai cậu con với ông ấy. Khi Mrs. Besant sắp sửa rời Ấn độ với hai cậu trai bảo trợ, những sợ hãi của Narianiah lại được đánh

thức và ông đe dọa nộp hồ sơ kiện để đòi lại hai cậu con. Nhưng bà thuyết phục người cha cho phép hai cậu theo bà và chuẩn bị thi vào học tại Oxford. Tuy nhiên, bởi vì nghe nói rằng khi đến Châu Âu Mrs. Besant đã đưa hai cậu này đến Taormina ở Ý, nơi Leadbeater đang chờ đợi để giúp đỡ Krishna trải qua sự khai trí lần thứ hai của cậu, cuối cùng Narianiah đã nộp hồ sơ đòi lại quyền trông nom hai cậu con của ông ấy. Mrs. Besant quay lại Ấn độ và đấu tranh với vụ kiện bằng sức mạnh ý chí, sự sốt sắng, và năng lượng vô hạn của bà; bà xuất hiện một mình trong những phiên tòa và bằng sự khôn khéo lạ thường đã tranh luận với vài chuyên gia về luật giỏi nhất của quốc gia. Bà thua vụ kiện cả trong tòa Sơ thẩm và tòa Tối cao của Madras; nhưng cuối cùng bà thắng vụ kiện trong sự kháng án của bà lên Privy Council Hội đồng Cố vấn Hoàng gia.

Krishna và Nitya không ở Ấn độ từ 1912 đến 1922.

Sự liên hệ giữa Mrs. Besant và Krishna chỉ có thể được duy trì qua thư từ. Krishna viết cho bà mỗi tuần trình bày sự học hành của cậu, những giấc mơ của cậu, những vấn đề của cậu. Cậu bắt đầu quyên góp tiền cho công việc của Mrs. Besant ở Ấn độ và hứa đóng góp 2s 6d một tuần từ tiền riêng của cậu. Trong suốt chuyến viếng thăm một nhà sĩ vào tuần cuối cùng của tháng tám năm 1912, một chút cocain nhẹ cho vào răng khôn ủa cậu dẫn đến một giấc mơ lạ thường đêm đó về Chúa Maitreya. Cậu diễn tả giấc mơ trong một lá thư gửi tới Mrs. Besant – chữ viết nguệch ngoạc khắp trang giấy, những từ ngữ bị cắt bớt, những hàng chữ leo lên xuống:

Con nhớ đã ở trong một căn phòng trên một căn phòng E. S. [Esoteric Section Khu Bí truyền] cùng Clark e. * Có một gặp gỡ E. S. mà

* Russel B. Clarke (Dick) là một kỹ sư và một người trong Tổ chức đã đến ở tại Adyar năm 1910 và đang giúp đỡ C. W. Leadbeater trong công

Mẹ tổ chức. Gặp gỡ chấm dứt và Clark và con lên lầu vào phòng của con. Cửa sổ của con nhìn vào căn phòng E. S. Tình cờ con đi đến cửa sổ và thấy một người trong phòng E. S. Thoạt đầu con hơi giật mình, bởi vì con thấy mọi người đều ra khỏi phòng sau khi gặp gỡ và chính con đã khóa cửa lại. Con cảm thấy khá lo lắng về nó và hơi sợ hãi nhưng, con tự nhủ mình “có gì ở đó mà phải sợ hãi?” Thế là, con gọi Clarke và đi xuống. Con đi xuống khá nhanh và khi con ở dưới chân cầu thang, con ngược lên nhìn Clarke, nhưng anh không hiện diện ở đó. Con nghe một loại ồn ào nào đó và con thấy như dưới đây: Một hình dáng dường như đi ra từ bức tranh của Chúa Maitreya và những hình dáng khác từ những bức tranh của những Bậc Thầy. Con thấy hai chân của một người đàn ông và chỉ thấy đến cổ của ông ấy, bởi vì con không thể thấy đó là khuôn mặt của người nào vì nó được phủ bằng một loại vải bằng vàng. Con biết người đó là ai vì Ngài có mái tóc dài và bộ râu quai nón nhọn phía dưới và con muốn chắc chắn nên con hỏi rất khiêm tốn & những từ ngữ rất rõ ràng. Con hỏi “Có phải đó là Ngài, Chúa của con?”... Ngài gỡ miếng vải che khỏi khuôn mặt của Ngài và chắc chắn con biết, đó là Chúa Maitreya. Sau đó, con phủ phục xuống và Ngài vươn bàn tay ủa Ngài trên con để ban phước lành. Sau đó Ngài ngồi xuống trên nền nhà hai chân bắt chéo lại và con cũng ngồi xuống trên nền nhà hai chân bắt chéo lại. Sau đó Ngài bắt đầu nói chuyện với con và bảo cho những sự việc mà con không nhớ được. Sau đó con phủ phục xuống và Ngài rời khỏi đó.

Vài tiếng đồng hồ sau, con và một bạn trai người Ấn độ đang dạo bộ trên một con đường và cả hai bên đều có những hòn núi và những con sông và con trông thấy một người đàn ông đang tiến về phía chúng con , ông cao ráo và vóc dáng rất đẹp. Khi hình dáng đó đến gần chúng con , con biết đó là ai và bảo người bạn của con đi khỏi đi. Người bạn của con trả lời anh ấy muốn thấy người đó là ai. Đến thời điểm đó, hình dáng đã rất gần chúng con và con sắp sửa phủ phục xuống thì Ngài dơ tay lên không cho làm như thế. Người bạn của con ở đằng sau con. Chúa quay về hướng người bạn của con và nói với anh ấy “Người muốn gì ở đây?” Người bạn của con không trả lời Ngài. Sau đó Chúa lại nói với anh ấy

việc của ông. Khi hai cậu bé Krishna và Nitya được phát hiện, Clarke trở thành gia sư của họ.

“nếu người không muốn bất kỳ điều gì, người nên đi khỏi đây.” Người bạn của con vẫn còn đứng ở đó không trả lời. Sau đó Chúa nhắc bàn tay của Ngài lên và chỉ nó về hướng người bạn của con và bởi vì con gần bàn tay của Ngài, con nghe thấy một loại tiếng ồn âm âm như thể một chiếc xe lửa đã chạy qua. Con quay về phía người bạn của con và thấy anh ấy từ từ ngã xuống. Người bạn của con không cử động như thể anh ấy bị chết rồi. Sau đó con phủ phục xuống, và Chúa Maitreya nói “Người bạn của con đó khá tò mò” và con không thể trả lời Ngài và con rất ân hận vì con đã mang người bạn của con theo cùng.

RIÊNG TƯ

Chúa nói, con nghĩ đây là điều gì Ngài nói – “Raja [C. Jinarajadasa] sẽ đi đến Mỹ sau khi George [Arundale, thầy giáo riêng của Krishna ở nước Anh giữa 1912 và 1914] đến năm sau và Clarke sẽ ở lại.” Ngài bảo với con rằng con sẽ tiến bộ nhanh và điều gì nữa mà con không nhớ. Con nhớ Chúa rất rõ ràng. Khuôn mặt của Ngài giống như một miếng dát kính được phủ bằng một lớp vàng mỏng; nói cách khác, như Mẹ đã nói, giống như bắp chín. Khuôn mặt của Ngài rực rỡ và tỏa sáng.

Ngài rất tử tế với con. Một hay hai lần Ngài đặt bàn tay của Ngài trên vai con. Ngài nói về Mẹ và George. Chúng con nói chuyện rất lâu. Cuối cùng, con hỏi Ngài “Có bất kỳ mệnh lệnh nào không Chúa của con?” và Ngài đáp lại, “người không cần quá trang trọng.” Sau đó con phủ phục xuống một lần nữa. Ngài nói, “Chúng ta sẽ gặp nhau thường xuyên.”

Con cảm thấy như thể con có thể nói chuyện cùng Ngài mãi mãi và con thấy hình dáng của Chúa Maitreya biến mất. Sau đó con thức giấc và đó là năm giờ rưỡi. Sau đó cũng vậy, con viết ra điều này... Krishna.

Qua những năm xa nhau Mrs. Besant tiếp tục viết đề đơn cho Krishna, diễn tả sống của bà, dạy cậu viết đúng chính tả, và vân vân. Những lá thư của bà phản ảnh sự quan tâm đến cậu trai của bà và những phẩm chất lạ thường của bà như một người thầy. Vào ngày 9 tháng 10 năm 1912, bà nhận thấy khả năng viết chính tả rất kém của cậu và viết:

Mẹ rất vui khi con đang học đều đặn những bài học. Làm ơn chú ý vào chúng khi con đang học, và giữ cho cái trí của con bền bỉ và *suy nghĩ*, như con học với mẹ. Rất quan trọng khi con phải quán triệt những sự việc thông thường này, và hãy thực hiện cho chúng ta tất cả giáo trình được tín nhiệm tại Oxford. Mẹ muốn những từ ngữ parallel bars better mà không có hai chữ R; con viết hai chữ ll đúng; từ ngữ unparalleled là một trong những từ ngữ rắc rối thường được ra khi viết chính tả. Mẹ không nghĩ có bất kỳ quy tắc nào về chữ “r” là một chữ hay hai chữ bởi vì chúng ta viết từ ngữ harass với một chữ, và từ ngữ embarrass [nguyên văn] với hai chữ. Trong khi đọc sách, chúng ta học để biết một từ ngữ trông như thế nào, và nếu nó bị viết sai chính tả, nó giống như một người khập khiễng.

Mẹ rời đây để đi đến Adyar vào lúc nửa đêm ngày 20, và sẽ có một đón tiếp được dành cho mẹ bởi những người ở Madras, để thể hiện rằng họ không thông cảm với những người *Ấn giáo*.

Trao rất nhiều thương yêu đến con và Nitya yêu quý,

Người mẹ yêu quý riêng của con.

Một năm sau, để trả lời cho một phê bình về việc viết không đúng quy tắc của cậu, Krishna viết cho Mrs. Besant, “Con rất ân hận rằng Chúa Maitreya phải nhắc ba lần về chữ viết của con.”

Mrs. Besant, đang đấu tranh cho vụ kiện quyền bảo trợ hai cậu, và bị kẹt trong vũng xoáy của đời sống chính trị ở Ấn độ, giao Krishna và Nitya dưới sự chăm sóc của C. Jinarajadasa và sau đó George Arundale. Bị thay đổi liên tục vì họ phải đi từ nơi này sang nơi khác, thầy dạy kèm này sang thầy dạy kèm khác, có vẻ chẳng có bao nhiêu bàn luận và giáo dục về tinh thần đã xảy ra trong suốt thời gian đó. Một thời điểm hai anh em được gửi đến một trường học gần Rochester. Sống của họ bị làm cho đau khổ bởi những cậu trai khác, mà nói những chuyện đùa bản thiêu và gọi hai anh em là “những con quỳ đen.”

Khi Krishna ở Ấn độ, trong những năm đầu tiên, cậu có một tiếp xúc sinh động cùng những Bạc Thầy: nhưng ở nước Anh, chẳng mấy chốc cậu bắt đầu nghi ngờ và không hứng thú lắm trong bất kỳ hoạt động huyền bí nào. Cậu kể với một người bạn rằng có một lần khi Thầy K. H. đang đứng trước cậu, đang nói với cậu, cậu đã đi thẳng đến Thầy và đi xuyên qua Thầy. Những Bạc Thầy, theo Krishna, sẽ không bao giờ hiện ra lại với cậu.

Vào ngày 15 tháng tư năm 1913, quan tòa Blackwell của Tòa án cấp cao Madras ra phán quyết về vụ kiện được thừa bởi Narianiah rằng ông được nhận lại quyền bảo trợ hai người con trai, Krishna và Nitya.

Quan tòa danh giá kết luận rằng mặc dù chứng cứ của Narianiah, người cha, không được tin cậy, nguyên đơn không hiểu rõ khi ông ký tên vào giấy đồng ý quyền bảo trợ rằng con trai của ông sẽ được nuôi như một “phương tiện của những quyền năng siêu nhiên” và, vì vậy, có một quyền lợi để thay đổi quyết định của ông khi ông ấy hiểu ra như thế.

Quan tòa của ông từ chối thông qua quyền bảo trợ, bởi vì những cậu trai là cư dân của Ấn độ thuộc Anh và chỉ là cư dân tạm trú của nước Anh. Vì vậy, quan tòa công bố hai cậu dưới sự bảo trợ của tòa án và ra lệnh hai cậu phải được giao cho người cha của họ vào ngày hoặc khoảng chừng ngày 26 tháng 5 năm 1913.

Tuy nhiên, một lệnh hoãn thi hành án cho phép Mrs. Besant, người quyết định kháng án lên Hội đồng Cố vấn Anh. Bà đã điện tín cho Krishna và đã nhận được một điện tín trả lời từ Raja, Nitya, và Krishna, bày tỏ sự tin tưởng hoàn toàn nơi bà.

Bà viết cho Krishna vào ngày 17 tháng tư:

Con trai yêu quý của mẹ,

Bức điện tín thương yêu của con, được ký bởi con, Raja, Nitya, cho mẹ nhiều hài lòng. Con và Nitya được an toàn tuyệt đối. Không người nào có thể chạm đến hai con. “Mẹ bảo vệ.” Và Vì sao của Vị Vua Vĩ đại chiếu sáng trên tất cả chúng ta, và bàn tay của Chúa Maitreya bảo vệ các con. Không phải chính Ngài đã ra lệnh mẹ bảo vệ các con hay sao? Đó là niềm tự hào và đặc ân của mẹ khi làm như thế, cậu trai được ban phước của mẹ.

Mẹ đang vui lắm và đang nhớ lại bằng cách nào con, [và] mẹ phi ngựa dọc theo thung lũng của dãy núi Himalayas khi chúng ta đi xuống để vào Ấn độ.

Người mẹ thương yêu riêng của con.

Con nghĩ từ ngữ galloped hay gallopped trông đúng hơn? Người ta viết nó trong cả hai cách. Mẹ nghĩ hai chữ pp trông giống những cú nhảy của một con ngựa nhiều hơn.

Cùng sự bùng nổ của chiến tranh năm 1914, thầy giáo dạy kèm của Krishna, đã tình nguyện gia nhập Red Cross và tìm được một chức vụ cao trong bệnh viện King George. Krishna và Nitya, háo hức làm việc, cũng công hiến sự phục vụ của họ, nhưng không có kết quả. Bất kể sự kiện rằng nhiều binh lính Ấn độ đang chiến đấu vì nước Anh, thành kiến chủng tộc vẫn còn ở đỉnh điểm. Sự hiện diện của những người Ấn độ có nước da sẫm trong một bệnh viện của người da trắng bị phản đối bởi những người có thẩm quyền. Sau áp lực to tát từ những nguồn có ảnh hưởng, Krishna tìm được công việc trong một bệnh viện gần Tô chức Thông thái, nhưng chỉ được cho phép cạo rửa nền nhà. Cậu viết cho Mrs. Besant ngày 1 tháng 7 năm 1915:

Mẹ yêu quý nhất của con.

Cám ơn mẹ rất nhiều về lá thư của mẹ. Dĩ nhiên, con sẽ thực hiện điều gì mẹ mong muốn và con sẽ không đụng đến thịt hoặc bất kỳ loại nào như thế. Lúc này chúng

con đang làm việc trong một bệnh viện gần Tổ chức Thông thái với Dr. Guest. Con thích làm việc ở đó và con bận rộn từ sáng sớm đến gần 7 giờ tối. Con nghĩ George cũng thích công việc của anh ấy và con nghĩ anh ấy hạnh phúc lắm. Dĩ nhiên chúng con đang làm việc dưới quyền của Dr. Guest và con thích nó nhiều lắm.

Con nghĩ mọi thứ sẽ tiến triển tốt đẹp.

Con trai hết lòng riêng của mẹ.

Krishna.

Nhưng ngày 15 tháng bảy, họ đã bị yêu cầu rời bỏ công việc. Trong một lá thư khác gửi cho Mrs. Besant, được viết từ Greenwood Gate, Withyham, Sussex, Krishna nói:

...con đã làm việc cật lực cho một thay đổi tại bệnh viện bởi vì có nhiều người của Tổ chức và con là một người Ấn độ không được yêu cầu của Ủy ban. Họ cũng không cần bất kỳ người làm việc không được trả tiền nào. Tất cả họ đều rất ganh tị và rất nhỏ nhen. Lady Williamson, người vợ của Chủ tịch, Sir Archibald Williamson, muốn làm bà chủ với tất cả mọi người kể cả Dr. Guest và ông ấy được bổ nhiệm như người đứng đầu của bệnh viện bởi War Office Văn phòng Chiến tranh. Lúc này Dr. Guest là Major Guest và ông ấy khá mê say tất cả việc này. Ủy ban yêu cầu con và những người khác rời khỏi và vì vậy con đã không làm việc ở đó từ ngày hôm qua. Con buồn lắm bởi vì con thích công việc rất nhiều và chính xác là con đang mê say nó. Bây giờ con sẽ phải tìm việc gì đó mà sẽ làm con bận rộn và nghĩ về những người khác và thoát khỏi chính con. Con sẽ làm điều gì mẹ bảo con và sẽ hữu ích ...

Hai anh em cố gắng hết sức để tìm việc làm nhưng đều bị từ chối. Krishna viết vào ngày 18 tháng 8 năm 1915:

... Con đã cố gắng rất nhiều để tìm việc làm tại bất kỳ nơi nào thuộc bất kỳ loại nào nhưng rất khó khăn. Trước hết, con là một người Ấn độ và có vẻ không người nào ưa thích họ...con cố muốn làm việc, trong như [nguyên văn] mẹ bảo con quên cái tôi đi, con nghĩ đó là cách duy nhất, làm việc. Con hy vọng điều đó sẽ tốt.

Sự kiện rằng cậu là một người Ấn độ và, vì thế, không thể chấp nhận được, trở thành một điệp khúc lặp đi lặp lại trong những lá thư của cậu gửi tới Mrs. Besant.

Những thư trả lời của Mrs. Besant không có sẵn để trích dẫn, nhưng những người phụ nữ già cứng đầu chung quanh Krishna cảm thấy cậu quá lông bông và chắc chắn đã phàn nàn với Mrs. Besant. Krishna viết cho Mrs. Besant vào ngày 7 tháng mười:

Con biết, từ trước đến nay con đã không coi trọng sống của con một cách nghiêm túc và con sẽ sửa đổi nó từ ngay lúc này. Từ thứ hai tới con sẽ bắt đầu công việc học hành của con. Con đã thu xếp để học hành sau lá thư mẹ đã viết cho Lady De la Warr. Con sẽ học tiếng Phạn, tiếng Anh, toán, lịch sử và tiếng Pháp. Con đang có những bài học cho mỗi môn và con có ý định vào trường Oxford ngay khi có thể được. Con sẽ học hết sức mình và sau Oxford, có công việc của con được xếp đặt cho con bởi những Bạc Thầy và chính mẹ. Rất thành thật con có ý thực hiện việc này và con *hứa* làm việc này bằng bất kỳ giá nào.

Bất kể những lá thư này, hai anh em cảm thấy rất cô độc, bất hạnh, và cảm thấy hoàn toàn bị bỏ đi. Mất hết ảo tưởng, có vẻ họ không còn hứng thú gì đến những giảng dạy của Tổ chức. Krishna viết cho Leadbeater về Nitya:

Em cảm thấy rất cô độc, giống như hầu hết chúng tôi, và không có ai mà em đặc biệt ưa thích hay thương yêu và gắng hết sức mình. Em rất cay đắng, khó chịu và lạnh lùng. Em chịu đựng đau khổ nhiều. Tôi nghĩ như thế. Tôi không thể giúp đỡ em nhiều lắm. Em cần người nào đó thương yêu em trước hết và nhiều nhất và người nào đó mà em có thể trút ra tất cả những phiền muộn. Em cần một người mẹ để thương yêu như tôi có với Lady Emily.

Người bạn duy nhất của Krishna ở Anh là Lady Emily Lutyens, vợ của Edwin Lutyens, kiến trúc sư giàu sức tưởng

tượng đã thiết kế New Delhi. Ba mươi sáu tuổi khi lần đầu tiên cô gặp Krishna, cô có mặt, cùng với một đám đông lớn tại sân ga Charing Cross Road, để tiếp đón Mrs. Besant và cậu trai trẻ tuổi huyền bí Alcyone. Khi cô thấy cậu trai trẻ mắt to tóc dài người Ấn độ, người mà lúc đó mới mười sáu tuổi, cô cảm thấy rất xúc động. Lady Emily trở nên rất thân thiện với Krishna, bị bối rối và cô độc khi bị vây quanh bởi những lạ lẫm. Thoạt đầu người chồng của cô, Edwin Lutyens vui mừng lắm. Sau đó ông trở nên khó chịu, vì ông cảm thấy Lady Emily đang bỏ bê ông và con cái. Mrs. Besant rất buồn bực, bởi vì bà cảm thấy rằng bất kỳ bầu không khí tình cảm nào quanh Krishna đều phá hoại nhiệm vụ mà cậu được trù liệu. Tuy nhiên, trong những lá thư Krishna tiếp tục viết cho Mrs. Besant, cậu giải thích về Lady như người tốt lành hơn, nghiêm túc hơn, và cố gắng rất nhiều.

Tên của hai anh em được đăng ký cho kỳ thi nhập học Balliol College tại Oxford. Nhưng hiệu trưởng của Balliol, lo ngại về những tranh cãi đã nảy sinh quanh Krishna, từ chối cậu với lý do “nguyên tắc chung rằng trường của ông không muốn có bất kỳ điều gì liên quan đến một Đảng Cứu thế da nâu.”

Mọi nỗ lực của Mrs. Besant để thu xếp cho sự nhập học của họ vào bất kỳ trường đại học nào khác ở Oxford hay Cambridge đều cũng thất bại. Krishna cũng không thể đậu bất kỳ kỳ thi nhập học nào vào London University. Cậu thường học hàng ngày nhưng, khi đối diện với một kỳ thi, sẽ rời khỏi và để lại một tờ giấy trắng.

Hai anh em đang sống với Miss Dodge ở Wimbledon. Miss Dodge là một phụ nữ người Mỹ rất giàu có và nhân từ. Bị tàn tật bởi bệnh viêm khớp, cô đã tài trợ cho nhiều hoạt động của Tổ chức Thông thái. Cô là một người bạn của Lady

Emily Lutyens, người đã giới thiệu cô với Mrs. Besant và Tổ chức. Krishna và Nitya đi lại mỗi ngày đến London, nơi họ đang học, cùng sự khó khăn cực kỳ, để đậu những kỳ thi nhập học của London University. “Chính tại thời gian này mà họ đã học mặc quần áo phù hợp, và cảm thấy thoải mái trong một gia đình quý tộc.” Họ đã bắt đầu đi đến những tiệm may đắt tiền và viếng rạp hát. Krishna đang chẳng thể hiện bao nhiêu dấu hiệu của thực hiện sự hứa hẹn được tiên đoán cho cậu bởi Leadbeater và Mrs. Besant. Khi Krishna lớn hơn Mrs. Besant sẽ hỏi cậu, “Con yêu quý của mẹ, điều gì sẽ xảy ra cho con?” Bà thấy rằng Krishna chỉ quan tâm đến quần áo và xe ô tô. Nhưng sự tin tưởng của bà vào vai trò của Krishna mà những Bậc Thầy đã tiên đoán vẫn không bị lay chuyển.

Trong khi đó, tại hội nghị của Thông thái được tổ chức tại Varanasi tháng mười hai năm 1913, C. W. Leadbeater đã phát hiện một thanh niên Brahmin mười ba tuổi từ Madras có tên là D. Rajagopal. Bị cuốn hút bởi hào quang của cậu, C. W. L. tiên đoán một tương lai rực rỡ cho cậu – thậm chí đến mức độ nói rằng trong một cuộc đời tương lai cậu sẽ là Phật kế tiếp trên sao Thủy. Được nhận nuôi bởi Leadbeater, Rajagopal được gửi đến nước Anh cùng C. Jinarajadasa năm 1920. Chẳng mấy chốc cậu đã vào học ở Cambridge, nơi cậu đã học ngành luật và đậu kỳ thi hạng xuất sắc.

Khi Krishna và Rajagopal gặp nhau lần đầu tiên, có một thái độ xa cách, và bạn bè của Krishna đối xử với Rajagopal bằng sự khiếm nhã và xem thường. Rajagopal, bị tổn thương nhiều bởi thái độ của họ, gắng sức che giấu những cảm giác của cậu. Tuy nhiên, đến năm 1922, sự liên hệ giữa Krishna, Nitya, và Rajagopal đã cải thiện đáng kể.

Sau chiến tranh, khi đã thất bại trong mọi nỗ lực của vào đại học của cậu, Krishna đến Paris và ở cùng những người bạn gia đình Manziarly. Họ là một gia đình đông người, ấm cúng, và giới thiệu cậu với Paris. Krishna gặp gỡ những vũ công, những người viết văn, những họa sĩ, những nhạc sĩ. Cậu đang hiểu rõ một thế giới sáng tạo mới. Nó là sự say mê. Trong một thời gian ngắn trách nhiệm về vai trò của Đảng Cứu thế hơi bị lãng quên.

Một buổi tối, Krishna dự một tiếp tân khoản đãi cậu. Trong số nhiều cá nhân hiện diện là vài tướng lĩnh trong bộ quân phục hội hè; nhiều người đã tụ họp vì tò mò để thấy cậu trai trẻ đẹp này được giao sứ mệnh là đảng cứu thế. Một số người, những người khác lại đầy ngưỡng mộ.

“Nhiều người chờ đợi đảng cứu thế mới xuất hiện như một con người thuộc phương Đông” với “giọng nói của Elijah.” “Đảng cứu thế” tỏ ra là “một thanh niên trẻ thanh lịch trong cái quần dài vải flannel.” Cử chỉ của anh ấy thờ ơ và thậm chí hơi nhàm chán. Khi được chất vấn về gánh nặng quá sức khi được gọi là một hóa thân của một Thần thánh, anh cười lớn tiếng. “Tôi phải nói nó là một gánh nặng. Ngay lúc này điều tôi quan tâm nhất là liệu Suzanne Lenglen sẽ có thể không thua Helen Wills [tại Wimbledon].”

Tháng mười hai năm 1921, sau khi vắng mặt chín năm. Krishnamurti và người em Nitya trở lại Ấn độ. Krishnamurti đang thấy Ấn độ mới mẻ lại ; suốt lần viếng thăm này cậu sẽ kết bạn , quan sát môi trường sống quanh cậu, và thiết lập lại một giao tiếp với những Bạc Thầy.

Hai anh em quyết định thăm người cha của họ, Narianiah, mà đã không tiếp xúc hay nhận tin tức của họ được mười năm. Người chị dâu của anh G. Sharada, người đã lấy anh kè của Krishna khi chị ấy mười lăm tuổi, đã bị xúc

động nhiều và tràn trề nước mắt khi chị kể với tôi những năm sau đó vào năm 1984 về những bản tin đã được lưu hành của sự gặp gỡ giữa Narianiah và hai cậu con trai của ông. Không thể thăm Tổ chức Thông thái, ông đã tìm kiếm tin tức của gia đình từ phía bên ngoài Tổ chức. Qua nhiều năm không một ai trong hai cậu trai đã viết thư cho ông, và khi ông nhận được điện tín báo rằng họ sẽ viếng thăm ông, ông đã sụt sùi khóc. Theo lệnh của ông, người chị dâu đã bỏ ra hai ngày chuẩn bị những thức ăn đặc biệt mà ông biết hai cậu con trai của ông trước kia ưa thích lắm.

Đó là một chiều tối khi hai anh em đến. G. Sharada nói, chị rất nhút nhát, và chờ phía bên ngoài trên hàng hiên khi Krishnamurti và Nitya đến thăm. Khi diễn tả về Krishnamurti, chị nói, “Cậu ấy trông vượt khỏi sự diễn tả, rất rực rỡ – đầy ánh sáng. Cậu có một bước đi mau lẹ lạ lùng, và cao hơn những người khác nhiều.” Chị cúi đầu khi chị thấy cậu. Để chọc chị, cậu đặt hai bàn tay che mặt lại, như thể cậu đã không thấy chị. Nitya khiển trách cậu và nói, “Tại sao anh làm như thế? Chị ấy nhút nhát tự nhiên, giống như một cô gái Ấn độ.”

Narianiah ghen ngào khi ông thấy hai cậu trai, và đứng dậy chào đón họ. Krishnamurti và Nitya phủ phục mình trước ông và đặt trán của họ chạm vào bàn chân của ông. Narianiah ôm họ và bắt đầu khóc lóc. Krishnamurti ngồi xuống cùng ông và, theo lời G. Sharada, “an ủi ông.” Sau đó họ nói về Mrs. Besant. Người cha và hai cậu con của ông không nói tiếng Telugu, nhưng tiếng Anh. Kẹo và thức ăn thơm ngon được làm đặc biệt đưa ra mời hai anh em. Hai cậu e thẹn và bối rối, và hoang mang không biết phải cư xử như thế nào. Cuối cùng, họ ăn rất ít. Krishnamurti không ăn, nhưng Nitya ăn một quả cam.

Narianiah đang bị bệnh tiểu đường và có vấn đề về thận. Sự kích động tình cảm khi gặp hai cậu con của ông khiến ông phải đi vào phòng rửa mặt; và như được yêu cầu bởi nghi lễ, ông rửa hai bàn chân của ông. Sau đó việc này được giải thích có nghĩa rằng Narianiah đã rửa hai bàn chân của ông bởi vì chúng đã bị sờ vào bởi hai cậu con của ông, người mà ông coi như những người hạ đẳng.

Hai anh em chỉ ở lại nửa tiếng đồng hồ trong chuyến thăm đầu tiên của họ. Theo lời G. Sharada, họ đến thăm ba ngày liên tiếp, sau đó không còn thăm nữa.* Narianiah muốn đến Tổ chức Thông thái để gặp hai cậu con trước khi họ rời Ấn độ, nhưng bị ngăn cản bởi người con cả của ông. Narianiah chết năm 1924. Ông không gặp lại hai cậu con kể từ lúc đó.

* Trong *Krishnamurti's Journal Nhật ký của Kṛiṣṇamurti*, trang 36, có một câu chuyện khác hẳn điều gì G. Sharada đã kể. Tôi đã đọc bài viết trong bản thảo của tôi cho Krishnaji. Anh nói anh không nhớ. Thịnh thoảng khi anh nhắc về quá khứ, những kỷ niệm riêng của anh thường lẫn lộn với điều gì những người khác đã kể cho anh.

CHƯƠNG 4

***“Mẹ ơi! Làm ơn sờ mặt con.
Nó vẫn còn ở đó?”***

Vào đầu năm 1922, Krishnaji và Nitya đi tàu từ Colombo đến Sydney, Úc, để tham dự một hội nghị của Tổ chức Thông thái được tổ chức ở đó. Krishnamurti và C. W. L. gặp lại nhau sau mười một năm, và có vẻ cậu hạnh phúc khi gặp lại người anh thông thái cũ của cậu. Những buộc tội đồng tính luyến ái chống lại Leadbeater ở Úc được khơi dậy, và tình trạng bất hòa bùng nổ trong số những người Thông thái nghiêm túc, mà Krishna cố gắng hết sức để xoa dịu đi.

Cũng ở Sydney mà Krishna gặp James Wedgewood. Trước lúc đó, Wedgewood đã được phong chức một giám mục của Liberal Catholic Church.* Năm 1916 tiếp tục ông đã phong chức C. W. L. Giám mục của Liberal Catholic Church cho Úc. C. W. L. hài lòng, bởi vì việc này liên quan đến không chỉ những nghi lễ và những chiếc áo choàng lộng lẫy gắn bó với Giáo hội, nhưng còn cả một nghi lễ mới bằng tiếng Anh.

Vì Nitya vẫn còn chưa khỏe, sau khi hội nghị chấm dứt hai anh em quyết định quay lại Châu Âu qua đường San Francisco và nước Mỹ. A. P. Warrington, Tổng Thư ký của

* Liberal Catholic phát sinh từ một nhóm người German Catholic phản đối chống lại Church of Roma về giáo điều không thể sai lầm của giáo hoàng năm 1870. Nó liên kết với Catholic Church của Holland cũ, lan tràn trong số những giáo sĩ Catholic và Anglican, nhưng có ít người theo sau.

Tổ chức Thông thái ở Mỹ, cũng có mặt ở Sydney cho cuộc hội nghị. Ông mời Krishna và Nitya dành ra chút ít thời gian ở Ojai, California, một vùng cổ thuộc người bản xứ của Mỹ gần Santa Barbara, có khí hậu khô ráo, rất tốt để chữa bệnh lao phổi. Khi thời gian rời Sydney của họ đến gần, C. W. L. nhận được một thông điệp từ Thầy K. H. cho Krishna, mà gây xúc động Krishna nhiều lắm.

Một chuyến đi thật dài, và Nitya trở bệnh nặng trên tàu. Nhưng cuối cùng cậu bình phục, và họ đến California. Đó là chuyến thăm đầu tiên của họ, và Krishna bị mê đắm bởi vẻ đẹp của vùng quê. Sau một chuyến đi đến một cánh rừng gỗ đỏ, cậu nhận xét sự uy nghi của cây cối và sự tương đồng của chúng với những thánh đường ngụy nga.

Cuối cùng, Krishna và Nitya đến Ojai, nơi họ sống trong một ngôi nhà được vây quanh bởi sáu mẫu đất. Sau đó tài sản này được mua cho hai anh em bởi Annie Besant, và được đặt tên lại là Arya Vihara, tu viện của những con người cao cả.

Krishnamurti đã bắt đầu tham thiền đều đặn mỗi sáng sớm, và bị kinh ngạc bởi sự thanh thản mà cái trí phản ứng. Cậu phát giác rằng cậu có thể duy trì hình ảnh của Maitreya trong ý thức nguyên một ngày. Cậu, như cậu nói, “đang bình thản hơn và yên lặng hơn.” Toàn quan điểm về sống của cậu đang thay đổi. Những cánh cửa đang mở toang phía bên trong. Từ Ojai, Krishnamurti viết cho Leadbeater:

Như anh biết rõ, em đã không là điều gì được gọi là “hạnh phúc” trong nhiều năm; mọi thứ em tiếp xúc đều tạo cho em sự bất mãn; điều kiện tinh thần của em như anh biết, người anh yêu quý nhất của em, đã rất tồi tệ... em đã thay đổi nhiều từ điều gì em là ở Úc. Tự nhiên em đã suy nghĩ liên tục và cân nhắc kỹ lưỡng về thông điệp mà Thầy K. H. trao cho em khi ở Úc.

Tháng tám năm 1922 Krishnamurti sẽ chìm đắm vào trạng thái thức giấc mãnh liệt thuộc tinh thần mà đã thay đổi nguồn sống của cậu. Trong truyền thống của Ấn độ, yogi mà chìm đắm trong mê cung phức tạp của ý thức thức dậy những năng lượng *kundalini** bùng nổ và những lãnh vực hoàn toàn mới mẻ của những hiện tượng thuộc tinh thần, đang thâm nhập vào những vùng đất không biết được của cái trí. Một yogi tiếp xúc những năng lượng cơ bản này và trải qua sự khai trí huyền bí được công nhận là rất nhạy cảm với những nguy hiểm cực kỳ; thân thể và cái trí đối diện với những nguy hiểm có thể dẫn đến điên khùng hay chết.

Yogi lọc hành những giáo điều huyền bí và trải nghiệm sự thức dậy của năng lượng ngủ yên im lìm dưới sự hướng dẫn của vị đạo sư. Ngay khi yogi trở thành một người tinh thông, những thay đổi này của ý thức trên vùng đất của ý

* Nguyên lý năng lượng *kundalini*, nằm ngủ im lìm cho đến khi được đánh thức bởi một yogi, được ví như một con rắn; nó xuất phát tại vùng đáy của cột sống phía sau cơ quan sinh dục, và đi lên qua *sushumna nadi*, xuyên thủng và đánh thức *chakra* bằng *chakra* cho đến khi nó thoát ra qua trung tâm của da đầu, nơi lỗ hổng phía sau đầu. Sáu *chakra* của *yoga kundalini* được coi như là sáu trung tâm của năng lượng vũ trụ bùng nổ nhưng im lìm thuộc bản chất của lửa. Lộ trình mà những trung tâm này được đặt nằm dọc theo cột sống. Những *chakra* được ví như một bông sen: được thức dậy bởi quyền năng của con rắn hay *kundalini*, nó nở ra và hướng lên trên.

Trên phía bên kia của *sushumna* hay dây thần kinh động mạch giữa là những kênh thuộc mặt trời và mặt trăng, *ida* và *pingala* cuốn quanh *sushumna* giống như những con rắn. Điểm giữa hai chân mày là *chakra* thứ sáu hay điểm nút của năng lượng. Cùng sự nở hoa của bông sen hàng ngàn cánh trong da đầu, người yogi được giải thoát; trong anh ấy, anh ấy có một nguồn năng lượng vô hạn không bị hao tán.

thức được bộc lộ trong một loạt những sự kiện huyền bí. Thân thể và cái trí phải trải qua một giai đoạn cực kỳ nguy hiểm. Người tinh thông được vây quanh và được bảo vệ bởi những học trò của ông ấy; sự huyền bí và sự yên lặng che chở lan tỏa bầu không khí.

Ở Ojai, Nitya và Rosalind Williams, một người Mỹ trẻ của Tổ chức, hiện diện khi Krishnamurti trải nghiệm đa số trong những sự kiện. Cả Krishnamurti và Nitya đều gợi cho Annie Besant những tường thuật về những sự kiện. Những tường thuật của Nitya diễn tả rất sinh động sự khốn khổ của người anh cậu. Krishna bị đau đớn, ngất xỉu, gọi mẹ của cậu bằng tiếng Telugu, đòi hỏi được dắt ra những cánh rừng ở Ấn độ, phàn nàn về sự bản thủ, yêu cầu Nitya và Rosalind không chạm vào cậu. Krishna nói về sự hiện diện của những Con người vĩ đại; một trống không của ý thức-Krishna là rõ ràng, và cùng nó thỉnh thoảng có một cảm thấy của sự hiện diện vĩ đại. Cuối cùng, Krishna ra khỏi nhà và ngồi dưới một cây tiêu. Sự diễn tả của Nitya, mặc dù bị quy định bởi thuật ngữ Thông thái, tiết lộ sự bối rối và sự lo lắng và sự quan tâm rất nhiều cho người anh kè của cậu. Krishnamurti cũng viết một câu chuyện về những chuyện xảy ra cho Mrs. Besant:

Ngày 17 tháng tám, con cảm thấy đau buốt tại gáy cổ và con phải giảm sự tham thiền mười lăm phút. Con đau buốt thay vì bớt đi như con đã hy vọng lại trở nên tồi tệ hơn. Cục điểm xảy ra vào ngày 19. Con không thể suy nghĩ, con cũng không thể làm bất kỳ việc gì, và con được những người bạn ở đây ép buộc phải nằm trên giường. Sau đó hầu như con bị bất tỉnh, mặc dù con nhận biết rõ ràng được việc gì đang xảy ra chung quanh con. Con hồi tỉnh lại khoảng buổi trưa mỗi ngày. Ngày đầu tiên trong khi con đang ở trạng thái đó và nhận biết được nhiều về những sự việc sự vật quanh con, con có trải nghiệm lạ thường nhất đầu tiên. Có một người đàn ông đang sửa con đường; người đàn ông đó là chính con; cái rìu ông ấy cầm là chính con; mọi viên đá mà ông ấy đang đập vỡ là một phần

của con; cọng cỏ mỏng manh là chính thân tâm ủa con và cái cây bên cạnh người đàn ông là chính con. Hầu như con có thể cảm thấy và suy nghĩ giống như người sửa đường, và con có thể cảm thấy gió đang thổi qua cái cây và con kiến bé tí trên cọng cỏ con cảm thấy. Những con chim, bụi bặm và chính sự ồn ào là một phần của con. Ngay lúc đó có một chiếc xe chạy ngang qua ở xa xa; con là người tài xế, động cơ xe và những cái lốp xe; khi chiếc xe chạy xa khỏi con, con đang chạy xa khỏi chính con. Con ở trong mọi thứ, hay khác hơn mọi thứ ở trong con, không sức sống hay có sức sống, hòn núi, con giun và tất cả những sinh vật đang thở. Suốt ngày con ở trong tình trạng hạnh phúc này. Con không thể ăn bất kỳ thứ gì, và lại nữa khoảng sáu giờ con bắt đầu mất đi thân thể vật chất của con, và một cách tự nhiên cái yếu tố vật chất làm việc gì nó thích; con nửa mê nửa tỉnh.

Buổi sáng của ngày kế tiếp [ngày 20] hầu như giống hệt như ngày hôm trước. Suốt ngày con không ăn gì cả, và con không thể chịu đựng quá nhiều người trong phòng. Con có thể cảm thấy họ đang khá tò mò và những rung động của họ làm đau đớn những dây thần kinh của con. Chiều hôm đó khoảng lúc sáu giờ giống như vậy con cảm thấy tồi tệ hơn bao giờ. Con không muốn người nào gần con và cũng không muốn người nào chạm vào con. Con đang cảm thấy mệt mỏi và yếu ớt kinh khủng. Con nghĩ rằng con đang khóc bởi vì sự kiệt sức hoàn toàn và mất đi khả năng kiểm soát thân thể. Bộ đầu của con khá nặng nề và trên đỉnh đầu cảm thấy như thể nhiều cây kim đang được xuyên thủng vào trong. Trong khi con đang ở trong trạng thái này, con cảm thấy rằng cái giường con đang nằm, giống hệt như ngày hôm trước, bần thiêu và góm ghiếc vượt khỏi sức tưởng tượng, và con không thể nằm trong nó nữa. Bỗng nhiên con thấy mình đang ngồi trên nền nhà và Nitya và Rosalind bảo con lên giường. Con yêu cầu họ đừng chạm vào con và la lớn rằng cái giường không sạch sẽ. Con tiếp tục như thế này trong một khoảng thời gian cho đến khi cuối cùng con lang thang ra hàng hiên và ngồi kiệt sức trong một vài khoảnh khắc và trở nên hơi hơi bình thần lại. Con lất đầu hồi tỉnh và cuối cùng Mr. Warrington [Tổng Thư ký của Tổ chức Thông thái ở Mỹ] bảo con đi ra dưới cây tiêu gần ngôi nhà. Ở đó con ngồi kiết già trong tư thế tham thiền. Vì vậy khi con ngồi được một chốc lát, con cảm thấy chính con ra khỏi thân thể của con. Con thấy chính con đang ngồi ở đó với những chiếc lá non nớt, mảnh mai của cây tiêu phủ trên con. Con đang đối diện hướng Đông.

Trước mặt con là thân thể của con và trên đầu con thấy Ngôi sao rực rỡ và rõ ràng. Sau đó con có thể cảm thấy sự rung động của Chúa Buddha; con ngắm nghĩa Chúa Maitreya và Thầy K. H. Con hạnh phúc lắm, thanh thản và an bình. Con vẫn có thể thấy thân thể của con và con đang bay lượn lơ lửng và phía bên trong chính con là sự êm đềm của đáy một cái hồ thăm thẳm không thể đo lường được. Giống như cái hồ, con cảm thấy thân thể vật chất của con là một cái hồ không đáy. Giống như cái hồ, con cảm thấy rằng thân thể vật chất của con cùng những cảm xúc và cái trí của nó có thể bị lặn tẩn trên mặt, nhưng không thứ gì, không, nói cho chính xác hơn không thứ gì có thể khuấy rây sự êm đềm của linh hồn con. Sự hiện diện của những Đấng Vĩ đại ở cùng con trong một khoảng thời gian và sau đó Họ tan biến. Con hạnh phúc vô cùng bởi vì con đã thấy. Không gì có thể giống như thế. Con đã uống nơi những giọt nước tinh khiết trong lành tại ngay nguồn của vòi nước của sự sống và linh hồn của con được an ủi. Không bao giờ con có thể khát nữa, không bao giờ con có thể ở trong sự tối tăm hoàn toàn nữa. Con đã thấy Ánh sáng. Con đã chạm được từ bi mà chữa trị khỏi tất cả phiền muộn và đau khổ; nó không dành cho con, nhưng cho thế giới. Con đã đứng trên đỉnh núi và nhìn ngắm những Đấng Vĩ đại. Không bao giờ con có thể ở trong sự tối tăm hoàn toàn; con đã thấy ánh sáng rực rỡ và hồi phục. Nguồn nước Sự thật đã được phơi bày cho con và sự tối tăm đã được xua tan. Tình yêu trong tất cả vinh quang của nó đã làm say sưa quả tim của con; và quả tim của con không bao giờ có thể bị khép lại. Con đã uống nơi cái nguồn của hân hoan và Vẻ đẹp vĩnh hằng. Con được thẩm thấu cùng Thượng đế!

Trong mười ngày tiếp theo thân thể của Krishna yên tĩnh, đang hồi phục. Tuy nhiên, vào ngày 3 tháng chín, có những dấu hiệu của một đang thức dậy của những cảm xúc trong cột sống của cậu và của ý thức đang rời khỏi thân thể của cậu. Chẳng mấy chốc những thời kỳ của đau buốt bắt đầu. Ba người chứng kiến hiện diện: Nitya, Rosalind, và Mr. Warrington. Nitya ghi lại từng chi tiết, nhưng không ai có thể hiểu rõ những sự kiện này biểu hiện điều gì. Những ghi chú này mang chữ ký của Nitya và ghi ngày 11 tháng hai năm 1923, được gửi đến Mrs. Besant. Chỉ vừa mới được tìm ra lại,

chúng nằm nhiều năm trong một hồ sơ linh tinh ở văn khố Adyar. Nitya đã viết, “Con rất khó khi quyết định liệu viết như thể nó là một qui trình khoa học; hay như thể nó là một nghi lễ thiêng liêng trong một ngôi đền. Những sự kiện được tập trung và được bắt đầu mỗi chiều khoảng 6 giờ. Chúng kéo dài trong một thời kỳ đều đặn và sẽ chấm dứt tại cùng thời gian muộn trong buổi chiều lúc 8 giờ – một vài ngày chúng kéo dài đến mãi 9 giờ tối.”

Chuỗi sự kiện dường như đã xảy ra như dưới đây: Mỗi chiều Krishna tham thiền dưới cây tiêu. Vào ngày 3 tháng chín, sau khi anh đã chấm dứt những tham thiền của anh, anh đi vào nhà trong trạng thái nửa mê nửa tỉnh và nằm xuống. Anh bắt đầu rên rỉ và phàn nàn về sức nóng kinh khủng; anh rùng mình chút ít và sụp xuống trên ghế trường kỷ. Khi anh khôi phục toàn bộ ý thức anh không nhớ việc gì đã xảy ra, mặc dù anh cảm thấy một khó chịu chung chung mơ hồ. Chiều kế tiếp lại xảy ra những hiện tượng như thế. Ngày 5 tháng chín anh đi xuống Hollywood để xem một vở bi kịch về sống của Christ. Anh đã sắp xếp để xem vở kịch này lâu rồi và không muốn phá vỡ sự hứa hẹn. Krishna kê cho Nitya sau đó rằng trong khi anh đang xem kịch chiều đó, anh cảm thấy dần dần mất ý thức và cần có một nỗ lực vô cùng anh mới có thể đánh thức mình được. Anh quay lại Ojai vào buổi chiều ngày 6. Vào tối ngày 7 tháng chín, ngày sau trăng tròn, vẫn còn rất sáng. Nitya tiếp tục:

Khi Krishna xuất hiện từ cây tiêu, chúng con có thể thấy anh rất rõ ràng. Anh trông giống một bóng ma trong bộ quần áo Ấn độ của anh, khi anh đi bằng một bước chân kéo lê nặng nề chao đảo một chút ít, hiếm khi nào có thể giữ được tư thế thẳng. Khi anh tiến lại gần hơn, chúng con có thể thấy đôi mắt của anh, chúng có một cái nhìn chết rồi đầy lạ thường trong chúng, và mặc dù anh thấy chúng con anh không biết một người nào cả; anh vẫn có thể nói mạch lạc nhưng anh đang trở nên không ý

thức rất mau. Nó trông quá nguy hiểm khi trông thấy anh đang đi nghiêng ngả đến độ Rosalind hay Mr. Warrington cố gắng đến gần đỡ anh, nhưng anh sẽ la lên “làm ơn đừng chạm, ô i, làm ơn, đau lắm.” Sau đó anh sẽ đi vào hàng hiên và nằm xuống trên giường. Chúng con đã kéo tất cả những cái màn xuống, vì thế rất tối trong đó mặc dù vẫn còn có ánh sáng trăng. Rosalind sẽ ngồi gần bên. Sau chốc lát, anh sẽ ngồi dậy và nói với người nào đó mà không ai trong chúng con có thể thấy, “cái gì! Vâng tôi đang đến” và bắt đầu đi ra và Rosalind sẽ cố gắng ngăn anh lại, nhưng anh sẽ nói “Anh không sao đâu, làm ơn đừng chạm vào anh. Anh hoàn toàn không sao cả” và giọng nói của anh sẽ nghe có vẻ bình thường mặc dù hơi hơi tức tối. Bị lừa dối bởi câu nói này, Rosalind sẽ bỏ anh một mình và hiểm khi anh bước được hai bước, sẽ có một cú ngã kinh hãi lắm và anh ngã sòng soài úp mặt xuống, không thêm chú ý anh ngã nơi nào hay như thế nào. Phía ngoài trên hàng hiên có những cái hộp lòi ra từ dưới một cái ghế băng dài mà suốt chiều dài của hàng hiên; nhưng anh tuyệt đối không nhận biết được tất cả việc này, và anh sẽ ngã xuống bất kỳ nơi nào, ngã không thể kiểm hãm được chính xác như thể anh đang bị ngắt xiu; thỉnh thoảng anh sẽ ngồi dậy trên giường và sau khi làm bầm đờu gì đó anh sẽ nghĩ về phía sau ng h emột tiến g rằm trên giường và thỉnh thoảng ngã về phía trước xuống nền nhà. Anh cần chú ý cẩn thận mỗi khoảnh khắc, và vẫn vậy khi anh nhận ra việc này anh có vẻ bức bối và sẽ khẳng định trong một giọng nói rõ ràng “Anh không sao đâu, làm ơn hãy tin tưởng anh, anh hoàn toàn không sao mà.” Nhưng ngay cả khi anh nói câu đó anh sẽ kéo lê và lạc giọng. Tất cả thời gian này anh đang rên rỉ và lắc lư về việc không thể ngồi yên được, làm bầm không mạch lạc và phàn nàn về cột sống của anh.

Bất kỳ sự ồn ào nào, thậm chí nói chuyện thấp giọng nhất, sẽ làm cậu bức bối và cậu sẽ van xin những người bạn của cậu đừng nói về cậu, bỏ cậu lại một mình; bởi vì mỗi lần họ nói về cậu nó gây tổn thương cho cậu. Và thế là nó tiếp diễn cho đến 8 giờ. Trước tám giờ một chút, cậu sẽ trở nên an bình hơn, yên ổn hơn, và thỉnh thoảng cậu sẽ đi ngủ; dần dần, cậu sẽ trở nên tỉnh táo và bình thường lại.

Vào tối mùng mười tháng chín, Krishna bắt đầu gọi mẹ của cậu. Cậu gọi nhiều lần, sau đó cậu nói, “Nitya, em có thấy mẹ không?” Khi cậu quay về ý thức bình thường, cậu kể cho Nitya rằng khi đôi mắt của cậu ngừng lại trên Rosalind, khuôn mặt người mẹ của họ len vào giữa và khuôn mặt của Rosalind sẽ hòa tan với khuôn mặt người mẹ của họ. Những kỷ niệm thời niên thiếu của cậu được khơi dậy và cậu sống lại những trải nghiệm thời niên thiếu.

Chẳng mấy chốc, Nitya và Warrington nhận ra rằng Krishna đang tải qua những chuyển hướng rất nguy hiểm của ý thức hay sự thức dậy của *kundalini*, và cảm thấy bầu không khí “độc nạp” bởi điện; họ cảm thấy như thể họ là những người bảo vệ của một ngôi đền nơi những nghi lễ thiêng liêng đang được thực hiện. Thỉnh thoảng, những người ở cùng Krishna cảm thấy sự hiện diện của Đấng Vĩ đại đang điều khiển những ca giải phẫu, mặc dù họ không bao giờ có thể thấy hay nhận dạng được nó. Nhưng thân thể của Krishna, giữa những cơn đau đốn, sẽ nói chuyện với *hiện diện* không thấy được, người có vẻ là một người bạn và một người Thầy. Krishna không thể chịu được ánh sáng hay âm thanh; cậu sẽ la lớn khi bị chạm vào dù nhẹ nhất; cậu không thể chịu nổi quá nhiều người vây quanh cậu; thân thể và cái trí dường như tăng đến một mức độ cao nhất của sự nhạy cảm. Một đau đốn lơ mơ bỗng nhiên sẽ tập trung vào một điểm và sau đó trở thành đau buốt, cậu sẽ đẩy mọi người đi và phàn nàn về sức nóng.

Đến ngày 18 tháng chín, một chặng mới bắt đầu. Sự đau đốn mãnh liệt thêm. Krishna đang *lờ hiện diện không thấy được* những câu hỏi. Trạng thái bồn chồn đã gia tăng; đôi mắt của cậu mở to nhưng không đang thấy; cậu sẽ run rẩy

và rên rĩ; thỉnh thoảng cậu sẽ la lớn vì đau đớn, “Làm ơn, ôi, làm ơn cho tôi một phút.” Sau đó cậu sẽ gọi mẹ.

Vào ngày 18 tháng chín, lúc 8:30 chiều, cậu đang ngồi trên ghế dài, thức giấc và hoàn toàn có ý thức, đang nói chuyện và đang lắng nghe; nhưng trong một vài phút cậu lại đi khỏi. Thân thể, mà giống như một vết thương hở, bắt đầu trải qua sự đau đớn kinh hoàng giống hệt nhau. Sự đau đớn dường như đã chuyển động đến một phần mới mẻ của thân thể không quen thuộc với sức nóng chết người, và khóc nức nở của cậu sẽ kết thúc trong một tiếng hét dễ sợ được kiềm chế lại. Krishna ở trong bóng tối và Nitya nghe “thân thể nói, nức nở, hét lên trong đau đớn và thậm chí van xin cho hoãn thi hành một khoảnh khắc.” Chẳng mấy chốc, họ học để nhận ra hai giọng nói: một, “yếu tố Vật chất,” thân thể, như Nitya viết về nó, và giọng còn lại là giọng của Krishna. Vào lúc chín giờ kém mười lăm phút, Krishna sẽ tỉnh lại, cuối cùng, cho tối đó. Thời gian cho tiến trình này dường như được đo lường, như thể một chất lượng nào đó của công việc phải được thực hiện mỗi chiều tối, và nếu trong bất kỳ cách nào nó bị cản trở khi bắt đầu nó sẽ được thực hiện lại tại khúc cuối.

Trong mười lăm đêm kế tiếp, mỗi đêm cậu sẽ hỏi, giữa thời kỳ đau đớn của cậu, mấy giờ rồi. Không thay đổi, tới từng phút, nó luôn luôn là 7:30 tối.

Khi cậu quay lại ý thức bình thường, sự đau đớn sẽ hoàn toàn được tiêu tan. Cậu lắng nghe Nitya và Rosalind kể lại cho cậu việc gì đã xảy ra; nhưng nó như thể là họ đang nói về một người khác.

Ngày 19 tháng chín, sự đau đớn dường như còn tồi tệ hơn trước kia. Nó bắt đầu ngay tức khắc sau khi cậu bắt đầu bất tỉnh, không có bất kỳ những mở đầu nào, và trở nên mỗi

lúc một tội tệ hơn cho đến lúc bỗng nhiên Krishna vụt đứng thẳng trên hai bàn chân của cậu và chạy hết tốc lực. Họ giữ cậu lại rất khó khăn, vì sợ rằng cậu sẽ ngã xuống những tảng đá. Cậu giằng co để thoát đi. Sau một thời gian, cậu bắt đầu khóc nức nở và bật ra một tiếng la kinh hãi, “Ồi, Mẹ ơi! Tại sao mẹ đã sinh ra con, tại sao mẹ đã sinh ra con cho việc này?” Đôi mắt của cậu, theo Nitya, “trông không có ý thức lạ lùng, hoang dại và đồ ngẫu, không nhận ra ai cả ngoại trừ Mẹ.” Cậu phàn nàn rằng một ngọn lửa đang đốt cháy cậu, và những tiếng nức nở trở nên khủng khiếp đến độ cậu bắt đầu nghẹt thở và kêu ục ục; nhưng việc này kết thúc thật mau. “Và lại nữa khi nó bắt đầu không chịu đựng nổi, bỗng nhiên anh sẽ đứng dậy và vụt chạy, và chúng con sẽ vây quanh anh. Ba lần anh cố gắng chạy thoát và khi anh thấy chúng con vây quanh anh, anh sẽ bình thản lại một chút xíu. Tại những khoảng thời gian khi cơn đau mãnh liệt anh sẽ van xin được nghỉ ngơi một vài phút và sau đó anh sẽ bắt đầu nói với ‘Mẹ’ của anh hoặc chúng con sẽ nghe anh nói với ‘Họ’. thỉnh thoảng anh sẽ nói bằng sự cam đoan mạnh mẽ, ‘vâng, trái lại tôi có thể chịu đựng nhiều hơn nữa, đừng để ý đến thân thể, tôi không thể bắt nó ngừng sụt sùi.’”

Tối ngày 20 tháng chín, cơn đau thậm chí còn bớt hơn nhiều, và Krishna cố gắng chạy thoát năm hay sáu lần. Thân thể của cậu sẽ xoắn lại trong những vị trí lạ lùng và nguy hiểm, bởi vì đau đớn quá nhiều. Nitya viết rằng có một lần Krishna, đang nức nở và sụt sùi, bỗng nhiên đặt đầu qua hai đầu gối trên nền nhà và quay tròn, gân gầy cổ của cậu; nhưng may mắn thay Rosalind ở gần bên và lật cậu trở lại. Cậu trở nên hoàn toàn bất động và trong một khoảnh khắc gần như chúng tôi không cảm thấy tim của cậu đang đập.

Ngày hôm sau Rosalind phải đi khỏi trong vài ngày. Khi cô ấy không ở đó qui trình bớt quyết liệt, nhưng cậu tiếp tục phàn nàn về một đau đớn lạ lùng ở phía dưới thấp bên phía trái của cột sống.

Có một lần, Krishna có vẻ bị quần trí và cảm thấy rằng người nào đó đang rình rập quanh nhà. Cậu khăng khăng đòi hỏi phải đi đến bức tường thấp vây quanh nhà và lớn tiếng nói, “Đi đi, người có ý gì mà đến đây? Đi đi. Ta không cần biết người đi đâu, đi ra phía sau cũng quả đồi, nhưng đi khỏi đây ngay tức khắc.” Sau đó, cậu quay lại và nằm xuống. Chốc sau cậu bắt đầu la lên, “Làm ơn quay lại Krishna.” Cậu tiếp tục gọi Krishna cho đến khi cậu trôi vào trạng thái không ý thức. Đây là lần đầu tiên cậu gọi tên riêng của cậu. Đêm đó sự đau đớn phía sau cổ của cậu gia tăng nhiều.

Khi Rosalind quay lại, sự đau đớn trở nên tồi tệ hơn và cậu phàn nàn về một đốt cháy nóng ran trong cột sống và cậu không thể chịu được quá nhiều ánh sáng, ngay cả ánh sáng của trăng non. Lại nữa, khoảng giữa của tiến trình cậu đứng dậy để xua đuổi một người không thấy được nào đó. Cậu có vẻ tức giận và *hiện diện không thấy được* không quay lại. Ngay sau khi ánh sáng khiến cậu không thể chịu đựng được, họ phải đưa cậu vào trong nhà. Một buổi chiều, gần đến 5 giờ, bầu không khí trong ngôi nhà thay đổi; nó trở nên yên lặng, an bình hơn và chẳng mấy chốc họ cảm thấy một Hiện diện vĩ đại mà chịu trách nhiệm công việc. Nitya kể lại nó như thế, “Những động cơ vĩ đại đang chạy và suốt vài tiếng đồng hồ, ngôi nhà rung động.”

Ngày 2 tháng mười, một giai đoạn mới bắt đầu. Sự đau đớn đã chuyển lên khuôn mặt và đôi mắt của Krishna. Cậu cảm thấy rằng họ đang làm việc trên đôi mắt của cậu và nói, “Mẹ ơi, làm ơn sờ mặt con, nó vẫn còn ở đó chứ?” và

chốc lát sau, “Mẹ ơi, đôi mắt của con biến mất rồi, cảm thấy chúng, chúng đã biến mất rồi.” Khi cậu nói câu này cậu bắt đầu nức nở và rên rỉ. Việc này tiếp tục đến 8 giờ tối. Đến 9 giờ tối, cậu run rẩy và lắc mạnh và hầu như không thể thở được.

Có vẻ như thể “Krishna thực sự” phát giác khó khăn cực kỳ khi quay vào thân thể của cậu. Theo Nitya, “mỗi lần anh cố gắng thức dậy, nó gây ra sự run rẩy này.”

Ngày 3 tháng mười, cậu nói với Rosalind, “Mẹ, mẹ sẽ chăm sóc con nhé, con sẽ đi khỏi đây xa lắm,” và sau đó bị bất tỉnh. Tỉnh thoảng sau đó cậu bắt đầu nói với Rosalind, hỏi chị ấy Krishna ở đâu. Cậu bảo với chị ấy rằng cậu đã giao cho chị ấy chịu trách nhiệm, và bây giờ chị ấy không biết Krishna ở đâu. Và Krishna bắt đầu khóc, bởi vì cậu đã mất Krishna. Cậu không chịu ngủ trước khi Krishna quay lại, sau đó một tiếng rưỡi.

Một buổi sáng trong khi họ ở nhà của Warrington, Krishna rời khỏi thân thể của cậu. Cậu đã bảo với Rosalind rằng cậu phải đi rất xa và chị ấy phải chăm sóc cậu. Hai tiếng sau cậu bắt đầu nói. Thấy bàn tay của Rosalind, cậu có vẻ kinh ngạc và hỏi, “Mẹ, tại sao da của mẹ lại trắng?” Cậu nhìn vào chị ấy và nói, “Mẹ trẻ hơn nhiều, chuyện gì đã xảy ra?” Sau đó, “Mẹ, Krishna đang đi vào, nhìn kia, anh đang đứng ở đó.” Và khi Rosalind nhìn cậu ấy trông như thế nào, cậu trả lời, “Anh ấy là một người đàn ông cao, đẹp, rất trang nghiêm. Anh ấy sợ anh một chút xíu.” Sau đó cậu nói, “Nhưng, mẹ không biết anh ấy à, Mẹ, anh ấy là con trai của mẹ, anh ấy biết mẹ.”

Vào đêm mùng 4 tháng mười Krishna chịu đựng đau khổ nhiều hơn thường lệ, sự đau đớn tập trung trong khuôn mặt và đôi mắt của cậu. Cậu liên tục nói, “Ôi, làm ơn lấy

khoan dung tôi,” và, “Tôi không có ý đó, dĩ nhiên, bạn nhân từ lắm.”

Sau đó, cậu bảo với Nitya rằng họ đang tẩy rửa đôi mắt của cậu để cậu có lẽ được cho phép thấy “Ngài.” Nó là, cậu nói, “Giống như đang bị trói chặt trong sa mạc, khuôn mặt của người ta đối diện mặt trời đang khắc lửa, với những mí mắt của người ta bị cắt trụ lùi.”

Trễ hơn vào đêm đó, Nitya thấy Krishna đang ngồi tham thiền và lại nữa cảm thấy hiện diện rộn ràng của một Vị đại đang tràn ngập căn phòng. Tất cả đầu đón đã được tan biến. Nitya viết, “Krishna không thấy khuôn mặt của Ngài, chỉ có thân thể của Ngài đang chiếu sáng trắng xoá.”

Sáng hôm sau, Krishna ở trong một tâm trạng phản kháng, cậu nửa tỉnh nửa mê nhưng quả quyết đòi ra ngoài. Họ phải chặn cậu lại. Sau đó cậu kể lại rằng cậu đã cảm thấy một đốm cháy kinh hoàng trong cột sống và muốn tìm một khe suối trong hẻm núi để cậu có thể ngâm thân thể trong nó, để giảm bớt sự đốt cháy.

Lại nữa ngay sau đó những người bạn của cậu cảm thấy Hiện diện Vị đại. “Đôi mắt của Krishna sáng rực và toàn khuôn mặt của anh đều đẹp lên. Cùng sự có mặt của Hiện diện, bầu không khí đã thay đổi lạ thường. Chúng tôi cảm thấy sự có mặt của một Đấng uy nghi lạ thường và Krishna trông có được một hạnh phúc lạ thường trên khuôn mặt của cậu.” Krishna bảo Nitya, Rosalind, và Warrington tự chuẩn bị cho chính họ, bởi vì một người khách vĩ đại sẽ ghé thăm đêm đó. Cậu yêu cầu bức tranh của Chúa Buddha được đặt trong phòng của cậu.

Sau đó, khi Krishna đi vào sự tham thiền của cậu, cậu kể cho họ rằng Đấng Vị đại đã đi khỏi sau khi sự tham thiền của Krishna chấm dứt.

Tối đó là một buổi tối đau khổ kinh hoàng khi con thấy nó, đối với con có vẻ rằng nó là một buổi tối đau đớn nhất mà Krishna đã từng chịu đựng. Anh trải qua sự đau đớn khủng khiếp những buổi tối kế tiếp, và có vẻ chúng còn tồi tệ hơn nhiều, nhưng con nghĩ đây là do bởi tình trạng yếu ớt rất thương tâm bị gây ra bởi buổi tối đó. Trước khi sự đau đớn thực sự bắt đầu, chúng con nghe Krishna nói chuyện với Người Thầy chịu trách nhiệm. Anh được yêu cầu không được kể bất kỳ điều gì về việc gì đang được thực hiện cho anh và anh đưa ra lời hứa của anh; sau đó anh được bảo rằng người khách sẽ quay lại muộn vào lúc 8:15. Krishna nói, “Anh hãy sẽ đến lúc 8:15, vậy thì chúng ta hãy bắt đầu thật mau.” Sau đó ngay trước khi nó được bắt đầu, anh đang đứng thẳng và chúng con nghe anh ngã xuống một tiếng rầm dễ sợ và sau đó chúng con nghe Krishna xin lỗi “Con rất xin lỗi vì con đã ngã, con biết con không được ngã.” Suốt buổi tối anh nhận biết được thân thể vật chất của anh hơn bất kỳ lúc nào trước đó. Họ bảo với anh rằng anh không được cử động, bởi vì thường thường anh đang nhăn nhó, lẩn lộn và quần quai bởi sự đau đớn. Nhưng lúc này anh hứa hẹn với “Họ” anh sẽ không cử động và lặp đi lặp lại anh nói “Con sẽ không cử động, con hứa con sẽ không cử động.” Thế là anh đan những ngón tay vào nhau thật chặt và với hai bàn tay đan chặt lại phía sau lưng anh, anh nằm ngả lưng, trong khi sự đau đớn dễ sợ tiếp tục. Tối đó anh thấy rất khó thở và anh thở hổn hển liên tục và anh bị nghẹt thở lặp đi lặp lại và khi sự đau đớn vượt khỏi sức chịu đựng và anh không còn thở được nữa, anh chỉ còn cách ngất xỉu. Tối đó anh bị ngất xỉu ba lần, và lần đầu tiên anh bị ngất xỉu, chúng con không biết việc gì đã xảy ra; chúng con đã nghe anh thở hổn hển và bị nghẹt thở và khóc nức nở bởi sự đau đớn và bỗng nhiên sau một hổn hển kéo dài có sự yên lặng chết rồi. Khi chúng con gọi tới anh, không có trả lời và chúng con đi vào phòng và mò mẫm về phía anh, bởi vì căn phòng tối đen như mực và chúng con không biết anh nằm ở đâu. Chúng con phát giác anh đang nằm ngả lưng bất động và những ngón tay của anh đan chặt vào nhau đến độ có vẻ anh giống như [một] cái tháp từ đá. Chúng con vội vã làm anh hồi tỉnh và việc này xảy ra ba lần. Mỗi lần anh hồi tỉnh lại, anh sẽ xin lỗi Họ vì đã phạm thời gian và nói với Họ rằng anh đã cố gắng hết sức để kiểm soát mình, nhưng rằng nó vượt quá sự kiểm soát. Thỉnh thoảng Họ cho anh một không gian thở nhe nhe và sự đau đớn sẽ ngừng lại và giữa những lẩn lộn quần quai của sự đau đớn

anh sẽ bắt đầu đùa giỡn với người đang làm công việc và anh sẽ cười cợt như thể toàn công việc này là một trò chơi. Và thế là nó tiếp tục một tiếng mười lăm phút. Đến 7:15 Krishna bắt đầu yêu cầu gặp Mẹ của anh và khi Rosalind rón rén đi vào, anh trợn mắt căng thẳng nhiều và gọi lớn tiếng “ai đó, ai đó, ai đó?” và khi đi vào phòng anh bị ngất xỉu. Sự kiện bất kỳ người nào đi vào phòng trong khi anh đang ở trong trạng thái nhạy cảm này dường như gây bức tức cho anh. Chị ở cùng anh trong chốc lát và sau đó anh yêu cầu chị ra khỏi phòng “bởi vì Ngài sắp đến.” Vì vậy con và Rosalind ở ngoài hàng hiên và Krishna ngồi phía bên trong, tư thế hoa sen, như thể đang tham thiền. Sau đó chúng con cả mắt thấy, như chúng con đã cảm thấy sớm hơn, trong buổi chiều, Hiện diện Vĩ đại.

Sau đó, khi cả con và Rosalind đều ở trong căn phòng Krishna bắt đầu nói chuyện với những người chúng con không thể thấy được. Công việc đã được tin chắc là thành công và rõ ràng họ đang chúc mừng anh, và căn phòng đầy những người khách viếng thăm tất cả đều mong muốn vui mừng cùng Krishna, nhưng có quá nhiều người làm anh không thoải mái. Chúng con nghe anh nói “Không có gì phải chúc mừng tôi cả, chính các bạn đã làm cùng sự việc.”

Sau đó, chắc là họ đã rời đi bởi vì anh thờ dài thật sâu và nằm yên lặng rất lâu, quá kiệt sức không cử động được. Sau đó anh bắt đầu nói, “Mẹ,” anh nói, “bây giờ mọi chuyện sẽ khác hẳn, sống sẽ không bao giờ giống hết cho tất cả chúng ta sau tất cả việc này.” Và lại nữa, “Con đã thấy Ngài, Mẹ, và bây giờ không còn gì quan trọng nữa.” Lặp đi lặp lại anh nói điều này và chúng con cảm thấy sự thật của nó, sống sẽ không bao giờ giống hết cho tất cả chúng con.”

Tối đó khi chúng con đi ngủ ngay trước khi chúng con ngủ Krishna bắt đầu nói chuyện với người nào đó mà con không thể thấy được. Con nghe Krishna chấm dứt nói chuyện. Chắc chắn một người đàn ông đã được gọi đến bởi Thầy D. K. để tiếp tục canh chừng thân thể suốt đêm; Krishna bắt đầu nói với ông ấy là anh cảm thấy ân hận làm sao khi gây cho ông ấy tất cả rắc rối đó. Đây là một trong những sự kiện đáng lưu ý nhất trong tất cả. Sự lễ phép và sự ân cần của Krishna rất lạ thường, liệu anh có ý thức tổng thể hay liệu nó chỉ là phần thân thể đang nói. Người đàn ông đến canh chừng mỗi buổi tối sau công việc này được sáu hay bảy buổi tối. Krishna sẽ nói “Bây giờ tôi đã thấy Ngài. Không còn phải sợ hãi gì nữa”

Trước thời điểm này, thân thể đã trở nên rất yếu ớt và sẽ liên tục trôi vào trạng thái không ý thức.

Vị trí của sự đau đớn đang chuyển hướng liên tục. Một ít ngày sau, ngày 6 tháng mười, sự đau đớn đã chuyển đến mảnh da đầu. Cái gì đó dường như đã mở ra trong bộ đầu của anh, mà đang gây cho anh sự tra tấn không thể diễn tả được. Có một khoảnh khắc anh hét lên, “Làm ơn đóng nó lại, làm ơn đóng nó lại.” Anh thét lên kinh hoàng, nhưng họ cứ tiếp tục mở nó ra từ từ. Khi anh không còn có thể chịu đựng được sự đau đớn nữa, Krishna hét lên và sau đó ngất xỉu. Tại khúc cuối của bốn mươi lăm phút, anh nằm mà không còn một chút cử động nhỏ nhoi nào. Chậm chậm, ý thức quay lại. Ngạc nhiên thay, những người bạn của anh phát giác họ đang nói chuyện với Krishna như một đứa trẻ, khoảng bốn tuổi hay thậm chí còn nhỏ hơn. Cậu đang sống lại những khoảng đời nào đó của những năm đầu tiên. Cậu thấy ba cảnh rõ rệt. Thứ nhất, người mẹ của cậu đang sinh ra một đứa trẻ. Chứng kiến sự đau đớn của mẹ cậu là một cú sốc khủng khiếp cho cậu, và cậu rên rỉ và la lên và tiếp tục la lên, “Ôi, Mẹ tội nghiệp. Mẹ tội nghiệp, mẹ thật can đảm Mẹ.”

Cảnh thứ hai là Krishna và người em của cậu như những đứa trẻ, đang nằm bị bệnh sốt rét rất nặng.

Cảnh cuối cùng là cái chết của người mẹ cậu. Cậu không thể hiểu được việc gì đang xảy ra. Khi cậu thấy những bác sĩ cho mẹ uống thuốc, cậu van xin mẹ đừng uống nó. “Đừng uống nó Mẹ ơi, đừng uống nó, nó độc hại lắm và nó sẽ không giúp ích cho mẹ đâu. Những bác sĩ không biết gì cả. Ông ấy là một người xấu xa, làm ơn đừng uống nó Mẹ ơi.” Một lát sau, trong một giọng kinh hoàng, cậu nói, “Tại sao mẹ yên lặng vậy, Mẹ? Việc gì đã xảy ra và tại sao bố che mặt

bố bằng một miếng *dhotti* của bố? Trả lời con, Mẹ, trả lời con Mẹ, trả lời con?” Giọng nói của đứa trẻ tiếp tục la lên cho đến khi cậu hồi tỉnh và Krishnamurti quay lại. Lại nữa đêm đó hiện diện đến để canh chừng cho cậu trong khi cậu ngủ.

Đêm sau, theo Nitya, “Họ xuất hiện để đang giải phẫu da đầu của cậu nữa.” Cậu quá đau đớn và hét lên kinh hoàng – thậm chí còn bị ngắt xiu tám lần – khi nó trở nên quá khốc liệt. “Anh van xin họ mở nó ra từ từ và chậm chậm để cho anh có thể dần dần quen thuộc với từng mức độ.” Anh bị nghẹt thở và thở rất khó khăn.

Chốc lát sau, lại nữa cậu trở thành một đứa trẻ, và người ta có thể cảm thấy sự miễn cưỡng phải đi học của cậu. “Mẹ, con không cần đi học hôm nay – đúng chứ? Con bệnh nặng lắm Mẹ à.” Và sau một lúc “Mẹ, cho con ở với mẹ, con sẽ làm bất kỳ việc gì mẹ muốn, con sẽ lấy dầu cho, nếu mẹ muốn, nhưng cho con ở với mẹ.” Và sau đó, “Mẹ ơi, mẹ biết, mẹ giấu chúng con hộp bánh biscuit; ồ, con ăn cắp bánh từ cái hộp đó. Con đã làm nó lâu, lâu lắm rồi.” Khi Rosalind cười, Krishna bị tổn thương rất nhiều, và nói, “Mẹ, mẹ luôn luôn chế nhạo con, tại sao mẹ chế nhạo con?”

Vẫn vậy tiếp theo, sau khi nói nhiều về những con rắn, những con chó con, và những người ăn xin, “anh nói về việc đi đến điện thờ nơi anh thấy một bức tranh của một phụ nữ đang ngồi tư thế hoa sen trên da một con hươu. Nitya nhớ mang máng rằng nó có lẽ là một bức tranh của A. B. và gợi ý điều này. Krishna không biết tên của người phụ nữ ‘ai đó?’ anh hỏi ‘bà ta hao hao giống người nào đó anh biết, nhưng thật ra bà ấy không giống lắm, bà ấy hơi khác.’ ”

Chẳng mấy chốc, một thay đổi không thể chối cãi được. Đến lúc này cậu có thể rời thân thể của cậu một cách dễ dàng và mau lẹ thường, và sự quay lại không còn gây ra

run rẩy nữa. Cậu sẽ kể lại sau vào đêm đó rằng họ đã ngừng mở trong trung tâm bộ đầu của cậu.* Người đàn ông mà họ không thể thấy được lại đến để tiếp tục canh chừng.

Khi ngày tiếp tục, Krishna nói ít lại; cậu tiếp tục ngất xỉu vào ban đêm, nhưng cậu tỉnh dậy mau và cậu có nhiều sức sống hơn.

Vẫn còn có những thời điểm khi cậu trở thành một đứa trẻ. Có một lần cậu kể về một chuyến đi trong một chiếc xe bò kéo dài ba hay bốn ngày.

Vào ngày 18 tháng mười sự đau đớn trở thành từng đợt thường xuyên, nhưng cao điểm của nó sẽ làm cho cậu bị kiệt sức. “Lại nữa chúng con được ban phước bằng một chuyến viếng thăm từ Đấng Vĩ đại. Ngày 19 là một trải nghiệm rất lạ thường sau khi anh đi vào từ tham thiền của anh, anh bắt đầu gọi Krishna lặ đi lặ lại. Anh gọi lớn tiếng, “Krishna, làm ơn Krishna, đừng bỏ tôi.””

Sau đó, cậu nói với Nitya và Rosalind và yêu cầu họ “chăm sóc Krishna cẩn thận, không bao giờ đánh thức anh mau lẹ quá, không làm anh giật mình, bởi vì việc đó rất nguy hiểm”, “những công việc có lẽ đóng lại” nếu có bất kỳ việc gì tiến triển sai lầm. Những công việc giảm xuống đều đặn, và tháng mười một năm 1923 chúng đã chấm dứt.

Tiến trình, không thể giải thích được bởi Leadbeater và Mrs. Besant, sẽ tiếp tục ngắt đoạn trong những tháng tiếp theo. Thân thể của cậu sẽ bị mổ xẻ rất đau đớn, nó sẽ quản

* Đây có thể là một dính dáng đến việc mở trong da đầu trong *kundilini* yoga được nói đến như Sahasrara hay Brahmarandhra – hoa sen một ngàn cánh mở rộng, nghỉ ngơi trong trống không tối thượng. Cùng công việc mở này hiện diện sự hợp nhất và sự giải thoát cuối cùng cho những yogi.

quai khắp mọi nơi, và thỉnh thoảng sẽ đập mạnh trên nền nhà. Krishnamurti thường xuyên phải yêu cầu em của cậu hay bất kỳ người nào có mặt ra khỏi căn phòng, bởi vì họ phát giác rằng chúng kiến sự hành hạ khôn khổ của Krishna thật là khó khăn. Cậu sẽ ngất xỉu lặp đi lặp lại, và khi kết thúc trông cậu sẽ mệt nhoài.

Năm 1924, Krishna và vài người bạn đi ra nước ngoài, nơi những trải nghiệm tiếp tục. Gần đến sự kết thúc đau đớn kinh khủng của Krishna, cậu ngắm nghía những hình ảnh của Buddha, Maitreya, và những Bậc Thầy khác của Thứ bậc Huyền bí. Nitya, bị bối rối rất nhiều, viết cho Mrs. Besant vào ngày 24 tháng ba từ Ojai vào chuyến đi quay lại của họ từ Pergine, Ý:

Lúc này tiến trình của Krishna đã có một bước tiến rõ ràng. Một tối khác, nó bắt đầu như thường lệ, không ai trong chúng con chờ đợi bất kỳ việc gì chưa từng xảy ra hay mới mẻ. Bỗng nhiên, tất cả chúng con cảm thấy một luồng sức mạnh vô hạn trong ngôi nhà, mãnh liệt hơn con đã từng cảm thấy từ khi chúng con ở đây; Krishna thấy Chúa và những

Bậc Thầy; con cũng nghĩ ngôi sao* đã chiếu sáng đêm đó, bởi vì tất cả chúng con đều cảm thấy một ý thức mãnh liệt của kính trọng và hầu như

* The Order of the Star of the East, một tổ chức quốc tế, được thành lập bởi Annie Besant và C. W. Leadbeater năm 1911. Mrs. Besant và C. W. L. được cho danh nghĩa Những Người Bảo vệ của The New Order và Krishna được tu y và bổ là Người Đứng đầu của nó. Những người đại diện được bổ nhiệm và những văn phòng được thành lập cho mỗi quốc gia. Huy hiệu của The Order là một ngôi sao bạc năm cánh. Một tuần

sợ hãi mà con đã cảm thấy trước khi ngôi sao ló dạng. Sau đó Krishna bảo cho chúng con biết rằng dòng luân chuyển bắt đầu như thường lệ tại đáy của cột sống và lên đáy của cổ, tiếp theo một luồng rẽ sang hướng trái, luồng còn lại rẽ sang hướng phải của bộ đầu của anh và cuối cùng chúng hội tụ tại trung tâm của cái trán; khi chúng gặp một ngọn lửa lung linh từ cái trán của anh. Đó là nét chính ối thiếu của việc gì đã xảy ra ; không ai trong chúng con **bi** nó có nghĩa gì nhưng đêm đó sức mạnh quá mãnh liệt đến độ dường như nó đánh dấu một chặng đường rõ rệt. Con đoán chừng nó phải có nghĩa sự khai mở của mắt thứ ba.

Ngoại trừ hình ảnh của “Chúa,” phần còn lại là một diễn tả thường biết về sự thức dậy của *kundalini*.

CHƯƠNG 5

báo tùm quý được in ở Adyar có tên là *Herald of the Star*, với Krishna là người biên tập của nó. Phát hành đầu tiên tháng giêng năm 1911. Năm 1914, văn phòng xuất bản được chuyển đến nước Anh.

“Ở đây, sống của chúng tôi là một sống của hoạt động nội tâm mãnh liệt.”

Một nhóm bạn bè thân thiết của anh theo cùng Krishna đến Pergine ở Ý. Lady Emily, cùng hai cô con gái Betty và Mary, cũng có mặt; cũng cả Helen Knothe, một phụ nữ trẻ người Mỹ và một trong những người bạn thân của Krishnaji; Dr. Shivakamu, chồng của Rukmini Arundale; Malti, vợ của Patwardhan; một người bạn thân khác của K, Ruth, John Cordes, người đại diện ở Áo của *Star*, đã ở Adyar năm 1911 và 1912 và lúc đó chịu trách nhiệm cho đào tạo, sức khỏe, và những bài tập thể dục của Krishna. Rama Rao và Jadunandan Prasad, những người đồng hợp tác thân thiết của K ở Ấn độ, Và D. Rajagopal cũng trong nhóm. Câu chuyện không được biết đến này của K ở Pergine được tìm thấy trong số những giấy tờ của Shiva Rao sau khi anh chết. Mặc dù sự nhận dạng của tác giả không biết được, tài liệu có vẻ trung thực.

Ngày 29 tháng tám năm 1924:

Ở đây sống của chúng tôi là một sống của hoạt động nội tâm mãnh liệt và hầu như hoàn toàn theo quán tính ở phía bên ngoài. Hay đó là việc gì nó nên là và việc gì Krishnaji mong muốn.

Vào những kỳ nghỉ trước thuộc loại này, khi Krishna đã tụ họp quanh anh những người anh mong muốn giảng dạy và giúp đỡ và đã lui về một nơi yên tĩnh nào đó xa khỏi nền văn minh, đã không có một kế hoạch sắp đặt sẵn của hành động. Dĩ nhiên, Krishnaji đã nói chuyện cá nhân với mỗi người đi theo, nhưng trước đó chưa bao giờ những Bậc Thầy đã nói chuyện với tất cả tập thể chúng tôi cùng một lúc, như trong nhóm hiện nay của chúng tôi, để cho mỗi thứ bậc và những người vẫn còn tách rời có lẽ lắng nghe và nói chuyện cởi mở về họ.

Chúng tôi hiện diện ở đây chỉ vì một mục đích, thực hiện “những bước” rõ rệt và qua đó trở nên hữu dụng một cách trực tiếp đối với Họ. Mỗi người có cơ hội của anh ấy, mỗi người tại một chặng đường khác nhau, và vì vậy có thể phục vụ những người ở trên và giúp đỡ những người ở dưới. (Những thuật ngữ như ở trên hay ở dưới có lẽ dẫn đến sự hiểu sai, tôi sử dụng chúng không hàm ý một người cao hơn hay thấp hơn, nhưng chỉ là một phân biệt.)

Thời khóa biểu cho một ngày là, tham thiền vào lúc tám giờ mười lăm, ăn sáng tám giờ ba mươi. Một chuyến dạo bộ xuống một cánh đồng lờm chờm mênh mông nơi chúng tôi chơi rounders khảng một hay hai tiếng, và sau đó nói chuyện một tiếng dưới những cái cây, về những Bậc Thầy và về làm thế nào để phục vụ Họ. Ăn trưa lúc 12:30 – nghỉ ngơi hay công việc cá nhân, nếu muốn, cho đến ba giờ; những trò chơi trong sân của Castle, tắm và ăn tối lúc sáu giờ. Sau đó tất cả chia tay để nghỉ đêm, vài người chúng tôi đi đến tháp Square nơi sẽ chuẩn bị chuyên sâu tiếp tục một tiếng đồng hồ. Ngủ 8:30.

Dĩ nhiên, Krishnaji là nhân vật trung tâm của mỗi ngày; của trò chơi, và của công việc. Quanh anh mọi thứ

[được] tập trung; sống của Krishnaji là một sống của sự hiến dâng tuyệt đối cho Chúa, sự tôn sùng thật đam mê của lý tưởng và vẻ đẹp – và tuy nhiên anh là con người quá hoàn hảo và rất gần gũi với bạn bè. Không từ ngữ nào có thể mô tả nhân cách của anh, nhưng dường như anh giống như một con người đã tự hoàn chỉnh chính mình đến một mức độ tuyệt vời, hơn là một hiện diện thiêng liêng trong một hình dạng con người không hoàn hảo. Chắc chắn điều gì Chúa sẽ ao ước, sẽ là một công cụ con người hoàn hảo, để cho Ngài có thể tiếp xúc với nhân loại trên mức độ riêng của nó. Sự thiêng liêng mà Chính Ngài sẽ thể hiện qua công cụ. Ngoại trừ sự hiện thân của Thầy Thế giới đến thế giới của Thầy, không bao giờ có một hiệp thông giữa những thứ Thiêng liêng và những thứ mà là con người. Bởi vì thông thường con người vươn lên Thiêng liêng và khoảnh khắc nó tiếp xúc được nó trở thành một cùng Thiêng liêng, nhưng trong trường hợp này Thiêng liêng hạ xuống một công cụ con người, sử dụng nó, làm việc qua nó như chính nó tự tạo thành một đơn vị và tách khỏi nó, và lui về lại để cho công cụ vẫn còn là một công cụ con người. Chắc chắn sự tiến hóa của một công cụ con người thường quá mau lẹ đến độ hầu như tức khắc nó trở thành siêu nhân (qua sự phục vụ này) nhưng đây là một qui trình tách rời. Con người có lẽ vươn lên và trở thành Thiêng liêng nhưng anh ấy không thể sử dụng những quyền năng của Thiêng liêng trong khi anh ấy vẫn còn là con người. Trái lại, Thiêng liêng có thể hạ xuống và sử dụng những quyền năng của con người, mặc dù anh ấy không còn là con người nữa.

Hôm nay, tại bữa ăn sáng Krishnaji rất sinh động, và như thường lệ nói chuyện của chúng tôi không thể in ra được. Sáng hôm sau, một nói chuyện rất nghiêm túc hay một công

việc gian nan của buổi chiều, Krishnaji sẽ thường xuyên bông lông nhiều, nói những chuyện đùa và cười cợt chúng rất náo động, cùng những bốt phát đột ngột vang to của tiếng cười ngất nghẻo, hay tiếng cười khúc khích kéo dài, lan truyền qua những người khác. Hai điều lạ lùng về anh – thứ nhất, khả năng của anh để thay đổi từ một tâm trạng nghiêm túc, thực sự và vinh quang nhất, thành một tâm trạng giỡn cợt và đùa bỡn [,] tức khắc ; thứ hai, không câu chuyện đùa dù thô thiển đến chừng nào mà anh thốt ra, khiến cho bầu không khí thông thường có thể góp phần vào câu chuyện đó. Có vẻ như thể vẻ đẹp của anh, sự rõ ràng tuyệt đối của hiện diện của anh, quét sạch mọi thứ trước mặt nó, đến độ anh có thể tiếp xúc bất kỳ người nào, hay vật nào hay chủ đề nào, và chuyển tải sự hồn nhiên của anh vào nó, trao tặng nó không khí trong lành bởi sự hiện diện của anh. Krishnaji cố gắng nhớ lại những trải nghiệm riêng của anh. Khi lần đầu tiên anh và Nitya gặp C. W. L., anh đưa cho họ xem những bức tranh của Thầy M. và Thầy K. H. và hỏi họ Thầy nào họ ưa thích hơn. Khi họ chọn bức tranh của Thầy K. H., anh nói đó chính là điều anh suy nghĩ.

Khi Krishnaji còn nhỏ, những Bậc Thầy rất thực sự đối với anh, chính là vậy nên anh viết “Ngay chân Thầy,” tiếp theo đến thời kỳ khi đối với anh *thực sự* không còn mãnh liệt lắm, anh chỉ tin tưởng bởi vì điều gì C. W. L. và A. B. đã nói. Lúc này lại nữa thực sự mãnh liệt đã quay trở lại. Nitya nói rằng nhóm của chúng tôi sẽ tạo ra một bầu không khí mà phải “thu hút” sự chú ý của Họ. Anh nói về những ảnh hưởng khác biệt tại Ojai, vào những đêm khác nhau. Ảnh hưởng của Thầy M. như một quyền năng mà làm cho bạn cảm thấy có khả năng về bất kỳ việc gì. Ảnh hưởng của Thầy K. H. như sự độ lượng hoàn hảo – nó có vẻ như là mật ngọt đang chảy

vào bạn khi Ngài nói. Và ảnh hưởng của Thầy K. H. như sự trong sáng tuyệt đối, sự minh bạch hoàn hảo. Tiếp theo, ảnh hưởng vĩ đại nhất của tất cả những ảnh hưởng, ảnh hưởng của Chúa, như chúng tôi cũng đã cảm thấy tại Ehrwald* – an bình – “an bình mà chuyển thành sự hiểu rõ.”

Krishnaji nói về Adyar như về một ngôi nhà quyền năng phi thường, nơi hoặc bạn trở thành một vị thánh, trở nên điên khùng, hoặc bị đuổi đi như người vô dụng bởi một người quan sát luôn luôn chính xác.

Tôi chưa bao giờ thấy anh đẹp rực rỡ như lúc này vào những buổi tối, tại những thời điểm này. Đôi mắt của anh tươi cười bằng một hân hoan siêu thoát lạ thường, mà là hoan hỉ và tuy nhiên lại quá thanh thoát. Sự thanh thoát và một hân hoan tha thiết và thuần khiết choàng quanh anh, và biểu hiện trong những đường nét và những khúc khủy, và một hương thơm của những bông hồng lan tỏa và bao bọc anh. Thỉnh thoảng, anh run ẩy như thể bị lạnh và vào những lúc khác anh lại quá mệt mỏi, nhưng vào những đêm này, những đêm đặc biệt này mà tôi đang nói, Krishna thực sự, tất cả điều đó khiến cho anh là cái gì anh là trong ý nghĩa sâu thẳm nhất, đến và nhìn ra ngoài qua đôi mắt của anh.

Ngày 1 tháng giêng năm 1924:

Lady Emily so sánh Rajagopal với St. Peter . Có vẻ anh là Người Hề Vui nhộn trong số những môn đệ hiện nay; và anh thiết tha thương yêu chức vụ của anh như High Court Jester Anh Hề. Muốn biết Krishnaji, người ta phải biết những

* Krishna, Nitya, và một số trong những bạn bè của họ đã viếng thăm Ehrwald ở Áo trước chuyến đi của họ đến Pergine.

người theo anh. Lúc trước, Rajagopal là St. Bernardus Clairveaux, và vào những thời điểm khác, anh đã là một giáo sĩ được kính trọng; và cả vị thánh lẫn giáo sĩ trỗi dậy nơi anh lặp đi và lặp lại. Đặc biệt có lẽ là người sau. Anh nói liên tục, và khi nói năng lại dài dòng và nhạt nhẽo, thật ra anh lên lớp về đạo đức một cách rộng tuếch. Anh ham mê hay nói khác hơn giả vờ rất ưa thích thức ăn, điều này là chủ đề chính của anh cho những câu chuyện đùa vân vân. Khi Krishnaji bị căng thẳng và mệt mỏi, hay nói chung cả nhóm, bị buồn chán, Rajagopal luôn luôn có sẵn vài câu chuyện đùa, hay những cụm từ vui nhộn, và anh tự động cười dai dẳng đến độ mọi người phải cười theo. Người ta nói rằng một phẩm chất mà tất cả những Bậc Thầy phải có, và nếu không có nó thì tất cả những môn đệ không thể tiến bộ được, là khiếu hài hước. Và sống thuộc tinh thần càng được dẫn dắt nhiều bao nhiêu, điều này càng trở nên rõ ràng nhiều bấy nhiêu. Khiếu hài hước sẽ giải tỏa sự căng thẳng của những cảm thấy và những suy nghĩ dưới những tình huống gay go nhất, và thường thường chắc chắn việc đó ngăn cản một cắt đứt rõ ràng trong công việc, hay cá thể trong một người. Chắc chắn sự dí dỏm của Rajagopal không thuộc loại nhạy bén và rõ ràng nhất, nhưng sau đó, nó cho phép Krishnaji và những người khác tham gia và góp thêm sự hài hước của họ. Không cần phải nói, Rajagopal nhận được nhiều chọc ghẹo, nhưng tiếp theo mọi người đến gần Krishna cũng vậy, mà là một cách anh gây ảnh hưởng mọi người; đặc biệt thuộc những phương cách nào đó.

Một trong những lý thuyết của Krishnaji là rằng người ta phải chắc chắn có thể phát triển chỉ qua duy nhất sự hân hoan, đến với Thượng đế một cách tự nhiên như một bông hoa nở trước ánh sáng mặt trời. Một thời gian, nó có vẻ gây

lo lắng cho anh, rằng mọi người anh gặp gỡ từ trước đến nay đã phát triển trong những cách quanh co của đau khổ, và vì vậy chẳng có bao nhiêu người nhận được cách đơn giản của hân hoan. Tôi nghĩ thậm chí tôi đã nghe anh nói rằng chưa bao giờ gặp bất kỳ ai phát triển chỉ qua duy nhất sự hân hoan; dẫu vậy nó có lẽ xảy ra được, mà sẽ trở thành rất thông dụng chỉ khi nào văn minh hiện nay của chúng ta không quá phức tạp. “Hãy tự nhiên, hãy vui vẻ.” Thế là Rajagopal có một vai trò quan trọng trong sự kiện to tát này, trong đó Krishnaji là người đầu tiên sẽ cười, người dễ dàng nhất sẽ được vui vẻ. “Hãy là một Thượng đế, và vui đùa một mình.”

Nói về hai năm được đào tạo bởi Leadbeater của anh, Krishnaji nói anh bị “chấn nản đến độ rơi nước mắt,” theo nghĩa đen. Tất cả những ham muốn bị đốt cháy; ví dụ, K và N xin những chiếc xe đạp, (có thể bởi vì họ là những cậu trai còn nhỏ họ đã gây bực mình cho Leadbeater khi xin xe đạp); những chiếc xe đạp được tìm ra và đạp xe mười dặm không chỉ được thực hiện một lần nhưng họ phải thực hiện nó mỗi ngày trong suốt hai năm. Cũng vậy họ diễn tả một ham muốn xin ăn cháo; họ có nó – nhưng lại nữa, mỗi ngày trong suốt một năm; nếu họ có hai bàn chân bần thủ, hay như một lần Nitya ném một viên đá vào một con ếch, nó là “Môn đệ của những Bậc Thầy không làm những việc này.” Nhưng chắc chắn lúc đó có vẻ rất khó khăn cho cậu trai da sẫm bé tí mà sẽ trở thành Krishna của ngày hôm nay – Chúa Jesus của ngày mai.

Anh đã trải qua nhiều sống như một người đàn bà, và những sống này đã để lại một dấu vết rất sâu đậm trong nhân cách của anh; khả năng lạ thường của anh về giáo dục làm cho anh không giống như mọi người đàn ông khác. Thịnh thoảng anh có thể hung dữ giống hệt như con người ngược lại

của anh, nhưng việc này luôn luôn cho một mục đích. Một cụm từ sắc bén ngắn gọn, mà đôi mắt lóe sáng của anh nhấn mạnh đến một mức độ không thể chịu đựng nổi, đó là tất cả. Krishnaji sẽ không bao giờ đề nghị nói chuyện với bất kỳ người nào, nếu một tiếp cận không được thực hiện, và sau đó trong hai hay ba lần đầu tiên mà một nói chuyện nghiêm túc được bắt đầu, anh nhút nhát ghê lắm.

Ngày 8 tháng chín năm 1924:

Lady Emily, Cordes và tôi ở trong phòng của Krishnaji. Krishnaji đang ở trong một phòng tầng dưới. Thời gian vào khoảng bảy giờ mười lăm phút, và mọi chuyện đều giống hết như những tối thông thường, ngoại trừ một yên lặng huyền bí ập xuống chúng tôi. Nơi nào đó trong cái tháp Nitya, Ramao Rao và Rajagopal đang hát thánh ca, và mùi hương trầm phảng phất trong phòng qua những chỗ nứt trên cửa ra vào. Tất cả chúng tôi cảm thấy Hiện diện của Ngài, làm thế nào ngay cả những người góc gèch nhất mà không nhận ra được sự an bình không thể diễn tả được đang lan tỏa trong khu nhà. Chúng tôi ngồi “yên lặng lạ thường và hạnh phúc vô cùng” suốt một tiếng đồng hồ.

Sau đó, khi tất cả chúng tôi tập hợp lại cùng nhau, và Krishnaji ngồi giữa chúng tôi, nó như thể là chúng tôi chỉ vừa tìm được nhau; và khi chúng tôi kể về việc gì đã xảy ra, một tiếng cười ngọt ngào thấp giọng, của sự hân hoan vô cùng, không thể diễn tả được dường như bật ra trong đôi môi của chúng tôi. “Nếu bây giờ nó như thế này, nó sẽ là gì khi thời gian đến?”

Ngày 14 tháng chín năm 1924:

Chiều nay thay vì chơi “bóng chuyền” như thường lệ, tất cả chúng tôi đều nằm dài trên những tảng đá chung quanh Square Tower. Krishnaji ngồi chồm hồm trên những tảng đá cùng Ramao Rao, say mê ngắm nghía một con ốc sên nhỏ màu vàng. Có một lần cách đây vài năm, tôi nhớ đã ở cùng Krishnaji khi anh tìm thấy một đàn kiến và trải qua nguyên buổi sáng cho chúng ăn đường, chọc ghẹo chúng và quan sát chúng khuân tống và dựng lại tổ của chúng. Vừa nãy, một con ốc sên khác được tìm ra và hai con bị bắt buộc bò qua nhau và bò lên xúng vách đá lởm chởm dốc đứng. Năm ngoái tại Ehrwald, anh nằm dài giữa những đám cỏ cao và hoa dại, bỗng nhiên một con bướm đậu trên bàn tay anh, và chốc lát sau anh lại có một hay hai con vẫy cánh thẳng băng trên đầu ngón tay của anh. Sự thích thú của anh không có giới hạn. Anh có tình yêu tất cả những sinh vật to lớn hay nhỏ bé, thật ra bất kỳ thứ gì đẹp đẽ và thiên nhiên đều khiến anh vui vẻ; anh sẽ đuổi theo một con cáo cáo và theo dõi những cử động của nó và thuộc lòng màu sắc hai cánh của nó; hay với câu “Tôi nói !” thông thường của anh, anh sẽ đứng mê mẩn trước một cảnh đẹp. “Chỉ nhìn ngắm cái hồ đó, nó rất êm ả, giống như tảng băng – và xanh đậm. Thấy những phản ảnh trong nó? Ồ, em nên thấy Geneva Lake – quá xanh.”

Krishnaji đọc một đoạn văn ngắn từ quyển “The Gospel of Buddha” “Lời vàng của Phật” trong khi tham thiền mỗi sáng. Thật ra anh là một người mộ đạo và chính âm thanh của danh tánh Chúa Buddha, hầu như có vẻ khiến anh rung động bởi một cảm giác tôn sùng tột đỉnh. Hôm nay có một câu, trong đó Chúa Buddha nói rằng, môn đệ sống trong thế giới phải giống như một bông sen. Ở Ấn độ, bông sen,

tượng trưng sự tinh khiết. Khả năng nở hoa trọn vẹn trong khi vẫn bám rễ trong một cái ao bùn loãng của nó biểu hiện khả năng nở hoa trong sự tinh khiết và trỗi dậy từ bất kỳ điều kiện nào dù tối tăm hay ô uế của con người.

Chiều nay Krishnaji đang nói chuyện với tôi. Anh nói về Chúa Buddha và trạng thái hiện diện đó mà không có cái tôi. Những ngày này anh đang suy nghĩ về tuyệt đối không-cá nhân, và dường như anh đã lặn sâu vào cái giếng tinh khiết đó nơi không bị ô uế bởi bùn lầy của cái tôi. Và khi anh nói về Chúa Buddha, một thế giới mới mẻ trải dài trước mặt người ta, trong đó tất cả tham vọng và tình yêu cá nhân đều tan biến và đã trở thành con số không, chỉ một tình yêu vô bờ bến không-cá nhân không-lay động còn hiện diện. Sự nhận ra trọn vẹn của sống không-cái tôi chỉ thức dậy trong Krishnaji khi anh ở Ojai, và thậm chí anh thấy rằng nó hầu như không thể diễn tả được. Anh kể về làm thế nào khi tất cả những Bậc Thầy tụ họp cùng nhau, Chúa Buddha hiện diện giống như cơn gió phía bắc, quá tự do khỏi bất kỳ cái gì giống như cái tôi. Anh nói: “Bất kỳ lúc nào anh thấy bức tranh của Chúa Buddha, anh tự nhủ với mình, anh sẽ giống hệt như thế.”

Hình ảnh của Chúa Maitreya đã hiện ra cho anh rất nhiều dịp. Ở Pergine, khi xuất hiện lần cuối cùng Ngài sẽ trao cho Krishnaji một thông điệp – “Hạnh phúc mà người đang tìm kiếm không phải ở đâu xa xôi; nó ở trong mỗi viên đá thông thường.” Trong một thông điệp khác, Ngài chuyển tải “Đừng tìm kiếm những Hiện diện Vĩ đại khi họ có lẽ ở rất gần con.” Ba buổi tối kế tiếp, Krishnaji sẽ thường xuyên cười đùa, kể những câu chuyện hài hước – nhiều thành viên của nhóm người bị choáng váng khi anh cư xử như thế.

CHƯƠNG 6

“Tôi và em tôi là m ội”

Mrs. Besant tham gia vào bối cảnh chính trị ở Ấn độ năm 1913, ngay trước khi bùng nổ Thế chiến Thứ nhất. Dưới sự hướng dẫn và những phước lành của Rishi Agastya (người, theo Tổ chức Thông thái, có trách nhiệm đặc biệt trong Thứ bậc Huyền bí về Số mạng của Ấn độ), bà được quăng vào trung tâm của sự sôi sục chính trị đang hùng hực.

Bà đã nổi tiếng khắp quốc gia rồi. Được biết đến về khả năng diễn thuyết sáng chói của bà, bà được công nhận như một người giáo dục của trật tự tốt đỉnh và được khâm phục về sự can đảm của bà như một người đổi mới xã hội. Bởi vì sự quan tâm của bà đến những giá trị mới mẻ, và cùng sự tự hào vô bờ bến của bà trong tư tưởng và văn hóa của Ấn độ, sự tham gia vào chính trị của bà được hoan nghênh bởi nhiều bạn bè trí thức và những người khâm phục bà. Cùng với tính khí của bà chắc chắn rằng bà sẽ đam mê chính trị nhiều lắm. Chẳng mấy chốc bà không còn liên quan với Thứ bậc Huyền bí nữa; những thấu triệt vào thiêng liêng của bà và những khả năng tâm linh của bà bắt đầu suy yếu, và bà phải phụ thuộc vào C. W. Leadbeater để nhận được những thông điệp từ thế giới huyền bí của những Bậc Thầy.

Năm 1925, cùng tuổi già đang gia tăng, những khả năng thuộc tinh thần của bà bắt đầu suy giảm và kèm theo nó sự kiểm soát kiên bền tay sắt của bà về những công việc của Tổ chức Thông thái. Những mưu mô và những tính toán để có được quyền hành đối với bà và vì vậy đối với Tổ chức đang đạt đến đỉnh điểm. Nhận biết được sự thất bại của bà trong công việc làm thức dậy lại *kundalini shakti chakras* (hay sáu trung tâm của năng lực tâm linh đang ngủ yên được đặt dọc theo cột sống) và những thèm khát của bà để tiếp tục

có lại sự tiếp xúc với những Mahatma, nhiều người quen biết của bà quả quyết có những quyền năng tiên tri và khả năng tiếp nhận được những chỉ dẫn từ những Bậc Thầy. Học đòi sự huyền bí, khẳng định đã đánh thức con rắn *kundalini*, tìm kiếm quyền lực và buông thả tự do trong ảo tưởng, thường thường liên kết điều gì không phù hợp với lược đồ của những sự việc sự vật của họ như bắt nguồn từ những thế lực đen tối, những hành động của những thành viên thâm niên của nó sẽ tạo ra một giễu cợt về Tổ chức Thông thái.

Ở Sydney, Úc, Leadbeater, bọc trong những cái áo choàng màu tím cùng cái thánh giá ~~am~~ đá quý và cây gậy phép của chức Giám mục và năng lượng cho sự hiện ra của chủng tộc gốc thứ sáu*. Vây quanh ông bởi những cậu trai và cô gái nhỏ tuổi là những môn đệ được chọn lựa của ông, những quyền năng huyền bí của ông và những ứng dụng của chúng đã đạt đến những mức độ kỳ quái. Ông đang hấp dẫn những nữ trang cho những nàng tiên trong National Park ở Sydney, để bù đắp lại sự cho phép đưa vài nàng tiên về lại “The Manor” “Trang viên,” nơi ông và những môn đệ sống. Để gia tăng những nguồn huyền bí của ông, trong khi đang qua phà ở hải cảng Sydney, Leadbeater khẳng định đang tạo ra những mạng lưới không nhìn thấy được mà ông giăng bắt những nàng tiên nước từ biển cả; mà dính kết họ vào hào

* *Arhat* là một thuật ngữ *sramanic* thể hiện sự thành tựu cao nhất thuộc tinh thần cho một thầy tu dưới Buddha. Trong thứ bậc thuộc tinh thần của Tổ chức Thông thái, adept là những bậc thầy hay những mahatman. Thành viên của Great White Brotherhood, họ đã đạt được sự hoàn hảo nhưng vẫn còn giữ hình dạng con người, để giúp đỡ sự tiến hóa của những người Tìm kiếm trên con đường của Môn đệ.

quang của ông, ông gửi họ ra ngoài theo nhu cầu để cứu giúp những người đang bị đau khổ.

Ở Châu Âu, George Arundale và Wedgwood khẳng định đã thiết lập một kênh giao tiếp trực tiếp với Thứ bậc Huyền bí và đã được chấp thuận là những môn đệ bởi Mahacholan. Bầu không khí tràn đầy hứng khởi khi nhiều người khai trí mới được công bố bởi Mrs. Besant sau khi được thông qua bởi Arundale.

Bởi vì đã được phong chức Giám mục của Liberal Catholic Church, Arundale và Wedgwood “bọc màu tím” liên tiếp đạt được rất mau lẹ Arhathood bằng cách vượt qua những khai trí thứ ba và thứ tư của họ. Người vợ của Arundale, Rukmini,* vượt qua ba giai đoạn khai trí trong ba ngày. Mrs. Besant và Leadbeater ã là những Arhat rồi, đã vượt qua khai trí thứ tư. Krishnamurti, ở Ojai đang chăm sóc Nitya người em trai bệnh nặng của anh, không nhận biết được sự sôi sục huyền bí đang diễn ra ở Huizen, Netherlands và sau đó ở Star C amp, Ommen, một hội nghị hàng năm được tham dự bởi những thành viên của The Order of The Star. Không có sự công nhận của anh, một công bố được thực hiện rằng thân thể tinh thần của anh từ Ojai và thân thể tinh thần của Jinarajadasa từ Adyar đã đi đến và hiện ra trước sự tề tựu trang nghiêm của những người trong Thứ bậc Huyền bí để nhận được những ban phước lành của hai người trong chuyến hành trình của họ qua sự khai trí thứ tư. Sau đó khi trại bế mạc, Mrs. Besant ở Huizen đã mời Lady Emily, Miss

* Rukmini là người vợ Brahmin Nam Ấn của George Arundale. Bà xuất thân từ một gia đình nổi tiếng thuộc Tổ chức Thông thái. Là một cá nhân có văn hóa nổi bật, bà thành lập một trường âm nhạc và vũ danh tiếng, Kalakshetra, ở Madras. Bà chết năm 1986.

Bright, và Shiva Rao đến phòng của bà và nói cho họ rằng bà và Leadbeater, Krishnaji, Arundale, và Wedgwood đã vượt qua sự khai trí thứ năm và cuối cùng của họ. Bây giờ tất cả họ không chỉ là những Arhat nhưng còn là những Adept, và vì vậy được giải thoát khỏi nghiệp lực và sinh lại.

Một bài tường thuật in trong tạp chí của Tổ chức *Herald of the Star* cho sự hiểu biết nào đó về trại Ommen, nơi những tin tức quan trọng này được công bố bởi Mrs. Besant. Dưới đầu đề “Bởi lệnh của Vua,” tờ Herald xuất bản những từ ngữ của Mrs. Besant:

Thầy Thế giới mới sẽ chọn, như trước đây, 12 Môn đệ của Ngài. Tôi chỉ có sự yêu cầu đề cập bảy người đã đến bậc Arhatship... Hai người đầu, người anh của tôi Charles Leadbeater, và tôi, đã vượt qua mức khai trí vĩ đại tại cùng thời gian. Những Arhat khác là, C. Jinarajadasa, George Arundale, mà sự phong chức của ông như Giám mục là cần thiết, để là bước cuối cùng của sự chuẩn bị của ông cho bậc thứ tư quan trọng của sự khai trí. Oscar Kollerstron, Mrs. Rukmini Arundale, Krishnaji, và Giám mục Wedgwood.

Sau đó, tôi nhận ra rằng bà đã gây ra một lỗi lầm nghiêm trọng khi gộp cả danh tánh của Krishnamurti, mà là phương tiện, trong danh sách của những Môn đệ, bà sửa chữa sự tuyên bố của bà. Những danh sách khác nhau đã tồn tại trong đó được bao gồm danh tánh của Lady Emily, Nitya, Rajagopal, và Theodore St. John, 01 người được bảo trợ mười lăm tuổi có mái tóc vàng của Leadbeater.

Sau đó, Mrs. Besant tiếp tục công bố ba mục đích hoạt động mà Tổ chức sẽ tuân theo trong tương lai. Một tôn giáo thế giới mới mẽ phải được thành lập, với Mrs. Besant như người đứng đầu. Một trường đại học thế giới mới mẽ phải được thành lập với Mrs. Besant như hiệu trưởng. Arundale

như người ủy nhiệm, và Wedgwood người quản lý – bởi vì, theo Mrs. Besant, “ông ấy biết cả hai mặt – thông thường và huyền bí.” Bà tiếp tục nói rằng “các bạn không nên phản đối họ bởi vì họ là bộ phận thuộc công việc của Vua.” Trong khi đó Arundale, khẳng định khả năng tiên tri, nói:

Tôi nghĩ không ai trong thế giới mà có một khả năng quá lạ thường, quá cao quý về tự-quên bằng cái tôi, như người em của tôi Nitya có. Cái cách em mất mình trong người anh của em là một trong những sự việc phi thường nhất mà tôi đã từng thấy. Và tôi muốn các bạn ghi nhớ điều gì tôi đang nói hôm nay, bởi vì tôi mạo muội bày tỏ nó trong khả năng tiên tri. Tôi nghĩ rằng khi những năm tháng trôi qua, chúng ta sẽ không những thấy Krishnamurti theo một sống mà em ấy rất hiền dăng, nhưng chúng ta cũng thấy bên tay phải của em là người em vĩ đại của em được công nhận khắp thế giới như một trong những người lãnh đạo chính trị xuất sắc nhất.

Nitya chết bốn tháng sau khi những điều này được công bố.

Trong khi đó, bệnh tật của Nitya đã đến giai đoạn trầm trọng hơn. Arundale đã giao cho Rajagopal, người có mặt tại trại và đã được phong chức Trợ tế của Liberal Catholic Church, một lá bùa hộ mạng để mang đến đưa cho Nitya, đã được hấp lực đặc biệt bởi Mahachohan. Những Đấng Vĩ đại của Thứ bậc đã tuyên bố rằng Nitya sẽ sống và là một trong những cột trụ chính cho công việc của Thầy Thế giới. Theo Arundale, “Sống của Nitya là ân huệ của Krishna khi trở thành một Arhat.”

Krishna, khi nghe những tường thuật về những Môn đệ và những Arhat, những khai trí mau lẹ, thế giới tôn giáo và những trường đại học thế giới, bị bối rối và đau khổ nhiều lắm. Để lại Nitya dưới sự bảo vệ của những Bậc Thầy, anh khởi hành đến Châu Âu với Rajagopal. Lady Emily, người đã

có mặt tại trại và chính bà đã trải qua sự khai trí thứ hai, đã đến đón anh tại bến tàu. Krishnamurti nói với bà, quan điểm của anh về chuyện đó là không thể hiểu được. Anh chối từ chấp nhận những khai trí hay những Môn đệ. Anh ngờ vực rất nhiều về tôn giáo thế giới và trường đại học thế giới. Anh không muốn gây tổn thương Mrs. Besant trong tuổi già của bà, và vì vậy kiềm chế không tuyên bố công khai sự phản đối của anh; nhưng anh chuyển tải những nghi ngờ của anh đối với bà.

Mrs. Besant bị tan nát bởi sự phủ nhận của anh về những khai trí, những Môn đệ, tôn giáo thế giới, và trường đại học thế giới. Tinh thần của bà bắt đầu bị suy sụp rất mau lẹ. “Bà biểu hiện những dấu hiệu của lão suy, mất trí nhớ và một khuynh hướng tập trung vào quá khứ.” Nhưng trong bất kỳ cách nào, điều này không cướp đi những hoạt động của bà hay sự tận tụy hoàn toàn của bà cho Krishnamurti như Thầy Thế giới.

Đầu tháng mười một năm 1925 Mrs. Besant, Krishnaji, Rajagopal, Rosalind, Wedgwood, Shiva Rao, và Rukmini và George Arundale đến Ấn Độ để tham dự những lễ kỷ niệm đặc biệt Toàn xá được tổ chức ở Adyar. Sự trung thành nơi những Bậc Thầy của Krishnamurti và sự cam đoan của họ về sức khỏe của Nitya là không phải ngờ vực. Đầu năm 1925, trong khi ở Adyar, Nitya đã bị bệnh nặng lắm. Ngày 10 tháng hai năm 1925, Krishnamurti viết một lá thư cho Mrs. Besant diễn tả một giấc mơ trong đó anh viếng thăm Huynh đệ Vĩ đại và van xin họ cho người em của anh được sống khỏe mạnh:

Theo giấc mơ của con, con nhớ lại đã đi đến nhà của Thầy và năn nỉ và van xin cho Nitya được khỏe mạnh lại và cho em được sống. Thầy nói rằng con phải đến gặp Chúa Maitreya và con đến đó và con cầu

khẩn ở đó, nhưng con có ấn tượng rằng đó không là công việc của Ngài và rằng con nên đến gặp Mahachohan. Thế là, con đi đến đó. Con nhớ tất cả việc này rất rõ ràng. Ngài được diu đến cái ghế của Ngài, bằng sự cao cả vô cùng & sự hiểu rõ lạ thường cùng đôi mắt nhân từ và nghĩnh trang. Sự diễn tả thừa thãi của con là quá vô lý, nhưng, nó không thể chuyển tải ấn tượng to tát về tất cả việc này. Con thưa với Ngài rằng con sẽ hy sinh hạnh phúc của con hay bất kỳ việc gì được đòi hỏi để cho phép Nitya sống, bởi vì con cảm giác việc này đang được quyết định. Ngài lắng nghe con và trả lời “Em ấy sẽ khỏe.” Thật khuấy khỏa rằng tất cả lo lắng của con hoàn toàn được tan biến và con sung sướng vô ngần.

Nói về sự chuẩn bị riêng của con, con không biết điều gì đã được quyết định nhưng con sẵn sàng làm bất kỳ việc gì. Công việc tiến triển rất tồi tệ và con đang cảm thấy rất mệt mỏi và khá yếu ớt, nhưng không thể giúp được gì cả.

Cám ơn Thượng đế, mẹ sẽ ở đây, người mẹ riêng của con & con yêu mẹ, bằng tất cả quả tim và tâm hồn của con.

Krishna của mẹ.

Sự gặp gỡ trực tiếp này với những Bậc Thầy đã thuyết phục Krishnaji về những quyền năng của những Đấng Vĩ đại để kéo dài sống của Nitya. Nếu chúng ta ngừng lại một chốc lát để tìm hiểu sự tiếp xúc của Krishnaji với những Bậc Thầy, những hiện thân của họ, và sự giao tiếp với họ của Krishnaji, nó trở nên rõ ràng rằng sự gặp gỡ của anh với Thầy K. H., Mahachohan, Maitreya, và Buddha là ảo tưởng, thường trong trạng thái giác mộng. Điều này đã xảy ra như thế khi anh còn là một cậu trai trẻ; với ý thức nhạy cảm của anh được định hướng về những hình dạng thuộc suy nghĩ và hình tượng bí truyền của Leadbeater, một cách tự nhiên anh thấy những Bậc Thầy trong những hình bóng tương tự được vẽ lên tranh trong Khu Huyền bí của Tổ chức Thông thái. Chính là như thế khi anh diễn tả những gặp gỡ của anh với Thầy K. H. trong những lá thư đầu tiên gửi đến Mrs. Besant của anh, và những dấu vết của nó sẽ được tìm thấy trong tiến trình ở Ojai,

mặc dù trước lúc đó anh đã được tự do khỏi những ảo tưởng, những hiện thân thuộc vật chất, và những hình tượng nhìn bằng mắt. Trong những năm đầu tiên, không có sự phân chia rạch ròi được tồn tại thực sự cho Krishnaji giữa trạng thái mơ mộng và trạng thái thức giấc. Đối với anh, những ảo tưởng, những giấc mơ và những hiện thân thực sự của những hình dạng thuộc suy nghĩ dường như có cùng thực tế. Sau đó, anh nói rằng tất cả những hình ảnh và những hiện thân, dù sâu đậm đến chừng nào, đều là những chiếu rọi của cái trí. Cùng cái chết của Nitya và sự đau khổ bùng nổ mà đưa anh mặt đối mặt với thực tế, tất cả những liên hệ thuộc vật chất với những Bậc Thầy đều kết thúc.

Thậm chí trước khi đó, trên boong tàu quay về Ấn độ, Arundale bắt đầu tiếp nhận và chuyển đi những thông điệp từ Mahachohan khiển trách Krishnamurti về sự nghi ngờ của anh và tinh tế gợi ý rằng nếu anh không chấp nhận những tiết lộ khai sáng được tiếp nhận và chuyển đi bởi Arundale tại Huizen và Ommen, và ~~kh~~ định danh tánh của những người đã được khai trí thành Adept, Nitya sẽ chết. Krishnamurti khước từ.

Trong khi đang ở Suez Canal, Krishnaji nhận được một điện tín từ Nitya nói rằng em đã nhiễm phải bệnh cúm. Ngày hôm sau, một điện tín khác được nhận trong đó Nitya nói rằng, “Cúm trầm trọng hơn nhiều. Cầu nguyện cho em.” Krishnamurti, sự trung thành không bị lay chuyển, nói với Shiva Rao rằng những Bậc Thầy đã không cho phép anh rời khỏi Ojai nếu số mạng của em anh phải chết. Vào ngày 13 tháng mười một, giữa một cơn bão sấm sét, họ nhận được một điện tín báo rằng Nitya đã chết.

Shiva Rao, người đang ở cùng cabin với Krishnamurti, đã kể một câu chuyện sinh động về việc gì tiếp theo:

Mrs. Besant yêu cầu tôi đưa bà đến cabin của Krishnamurti. Bà đi vào trong một mình, để nói chuyện với anh. Tin đó làm anh sụp đổ hoàn toàn: nó còn tác động nhiều hơn thế, như chính tôi đã thấy trong suốt phần còn lại của chuyến hành trình. Toàn triết lý về sống của anh – sự trung thành tuyệt đối trong tương lai như được phác thảo bởi Mrs. Besant và Mr. Leadbeater, sự tham dự tất yếu của Nitya trong nó, đã bị tan nát tại khoảnh khắc đó. Khi đêm trôi, anh sẽ sụp sùi và than thở và khóc lóc tâm thiết về Nitya, thỉnh thoảng bằng ngôn ngữ Telugu, mà trong ý thức tỉnh táo của anh, anh không thể nói. Ngày qua ngày, dường như anh đã thay đổi, kiểm soát anh vững và ng trong một nỗ lực để đổi diện sống – nhưng không còn Nitya.

Krishna và Nitya đã cùng nhau chia sẻ sự cô đơn của họ trong một thế giới xa lạ; cùng nhau cười đùa; cùng nhau kể những câu chuyện hài hước; cùng nhau đi – cùng nhau đặt kế hoạch cho sống và công việc tương lai của họ.* Viết sau cái chết của người em, Krishnaji sẽ nói, “Một giấc mộng cũ đã chết rồi và một giấc mộng mới đang được sinh ra. Một tầm nhìn mới đang được hiện diện và một ý thức mới đang được bộc lộ – tôi đã khóc, nhưng tôi không mong những người khác phải khóc; nhưng, nếu họ khóc, tôi biết nó có nghĩa gì. Lúc này, tôi biết, bây giờ chúng tôi không tách rời.

* Trong một lá thư từ Ojai ngày 28 tháng hai năm 1923, Nitya đã viết cho Mrs. Besant “Krishna và con đây những kế hoạch mà chúng con muốn thực hiện ở Ấn độ; và chúng con muốn nói chuyện với mẹ về chúng và cả hai chúng con muốn quay về, trong sống của con chưa bao giờ con cảm thấy nhớ quê hương Ấn độ như thế. Dĩ nhiên, con đang bắt đầu nhận ra một chút ít, điều gì mẹ cảm thấy về Ấn độ.

Gửi mẹ tất cả thương yêu
Nitya.”

Em và tôi sẽ cùng nhau làm việc, bởi vì tôi và người em của tôi là một.”

Trước thời gian Krishnamurti, cùng Dr. Besant, đến Adyar, Krishnamurti đã sống lại từ sự chạm trán bất thành linh cùng đau khổ và có được sự bình thản vô hạn, sự tỏa sáng, và sự tự do khỏi tất cả cảm tính và cảm xúc. Nhưng sự tin tưởng của anh trong những Bậc Thầy và Thứ bậc Huyền bí đã trải qua một cách mạng hoàn toàn. Hiếm khi anh lại nói về những Bậc Thầy trong hình dạng vật chất. Trong những năm sau, khi ngừng nói về thời kỳ này. Krishnamurti chấp nhận rằng có lẽ sự mãnh liệt của đau khổ đã châm ngòi một nhận biết bao la, không còn vướng vào thế gian. Một thông minh đã phải mất nhiều năm dài mới chín chắn, mà đã nằm im lìm không được vận dụng, sẽ vận hành trong khoảnh khắc kịch liệt của đau khổ.*

* Trong một bài viết gửi đến International Self-Preparation ngay sau cái chết của Nitya, Krishnaji đã viết, “Ví dụ, khi người em của tôi chết, tôi cảm thấy hoàn toàn bị mất hút. Bạn không có ý tưởng về tôi đã cảm thấy như thế nào suốt hai hay ba ngày – còn nhiều hơn nữa, có lẽ một tuần lễ. Tôi vẫn còn nhớ em; tôi sẽ luôn luôn nhớ em phần thân thể; nhưng tôi cảm thấy rằng em và tôi đang cùng nhau làm việc, rằng chúng tôi đang dạo bộ cùng con đường, trên cùng sườn núi, đang ngắm cùng bông hoa, cùng những sinh vật, cùng bầu trời xanh, cùng những đám mây và những cái cây. Đó là lý do tại sao tôi cảm thấy như thể tôi là bộ phận của em; và chỉ khi nào tôi bị mệt tôi mới bắt đầu nói: ‘Em tôi không có ở đây’. Nhưng ngay lập tức, cái trí của tôi khiển trách và bảo với tôi một suy nghĩ như thế là quá vô lý.”

CHƯƠNG 7

“Nhân cách của Krishnamurti đã được nuốt trọn trong những ngọn lửa.”

Trước khi hội nghị Jubilee Toàn xá bắt đầu ở Adyar, Mrs. Besant ó gắng giải quyết những căng thẳng giữa Krishnaji và những người thâm niên đứng đầu của Tổ chức Thông thái. Bà đưa Ngời Thầy trẻ tuổi đến phòng nơi Leadbeater, Jinarajadasa, Arundale, và Wedgwood đã tụ họp, và hỏi K liệu anh sẽ thâu nhận những người đó được tuyển chọn như những Apostle, như những môn đệ của anh. K trả lời rằng anh sẽ chỉ thâu nhận Mrs. Besant.

Tại Star Congress tiếp theo sau hội nghị Jubilee, K nói chuyện dưới cây bồ đề cổ; mặt trời được tinh lọc qua những cành cây vươn rộng và vô số rễ của nó, biến nó thành một cánh rừng ma thuật của ánh sáng và những cái bóng. Bỗng nhiên, giữa nói chuyện của anh, anh khích động khán giả bằng cách chuyển từ ngôi thứ ba sang ngôi thứ nhất. Liên quan đến Thầy Thế giới sắp đến anh nói, “Ngài hiện diện chỉ dành cho những người mà mong muốn, mà khao khát, mà ao ước –” và bỗng nhiên sau đó, “Ta đến cho những người mà cần đến sự thông cảm, mà ao ước hạnh phúc, mà đang thiết tha tìm được hạnh phúc trong tất cả mọi sự việc sự vật. Ta đến để đổi mới và không tàn phá, Ta đến không phải để hủy diệt, nhưng để xây dựng.” Nhiều người có mặt cảm thấy âm thanh của giọng nói thay đổi, một sức mạnh và quyền năng nằm trong những từ ngữ. Sau đó Mrs. Besant sẽ nói, “Sự kiện đánh dấu sự thánh hóa của phương tiện được chọn lựa.”

Từ Adyar, Krishnamurti sẽ viếng thăm Varanasi vào tháng hai. Anh sẽ tổ chức những nói chuyện với những nam sinh và nữ sinh của những trường học tại Kamaccha. Anh quay lại và bị sốt nặng bởi ngộ độc thực phẩm. Anh được khuyên nghỉ ngơi và đi thẳng tới Ootacamund. Trong khi đang ở đó anh

Đang thử nghiệm với chính tôi, thoát đầu không thành công lắm, đang cố gắng khám phá làm thế nào tôi có thể tách khỏi chính tôi và thấy thân thể như nó là. Tôi đã và đang thử nghiệm điều này được hai hay ba ngày – nó có thể đã được một tuần lễ – và tôi phát giác rằng qua một khoảng thời gian nào đó tôi có thể dễ dàng tách khỏi thân thể và nhìn ngắm nó. Tôi đang đứng bên cạnh giường ngủ của tôi, và có thân thể trên giường – một cảm giác lạ thường nhất. Và từ ngày hôm đó đã có một ý thức rõ rệt của sự tách khỏi, của sự phân chia giữa người cai trị và vật được cai trị, để cho thân thể, mặc dù nó có những mong mỏi của nó, những ham muốn của nó để lang thang ra khỏi và sống và tự thụ hưởng một cách tách rời cho chính nó, trong bất kỳ phương cách nào không can thiệp vào Cái Tôi thực sự.

Mùa xuân năm 1926, Mrs. Besant theo cùng Krishnaji trở lại nước Anh. Anh đang suy nghĩ nghiêm túc về việc thực hiện *sannyasa*,* và kể về nó cho một số bạn bè.

* *Sannyasa* là một trạng thái của đang hiện diện, một trạng thái của chết đi thể giới và xã hội. Những *sannyasin* giữ những lời thề của *sannyasa*. Được bắt đầu bởi một đạo sư, anh ấy được cho một chiếc áo cà sa, chấm dứt là một thành viên của xã hội, và ở phía ngoài cái khung của nó, hầu

Sau đó, tháng bảy, K đi đến Ommen. Mặc dù Mrs. Besant có mặt, chính anh thực hiện những nói chuyện bên cạnh lửa trại tại Ommen. Krishnamurti đang biểu lộ một hân hoan vô cùng và một cảm thấy của chất lượng hòa hợp duy nhất cùng vũ trụ. Những từ ngữ của anh không tuân theo sự giảng dạy của Thông thái chính thống và Wedgwood, người có mặt ở đó, bị rối tung lên. Ông nói nhỏ với Mrs. Besant rằng không phải Chúa Maitreya đang nói qua Krishnamurti, nhưng một người quyền năng nào đó thuộc thể lực đen tối. Sau đó chính Annie Besant nói về điều này với Người Thầy trẻ tuổi. Bị choáng váng bởi câu nói của bà, anh trả lời rằng nếu bà tin tưởng việc này, anh sẽ không bao giờ nói lại nữa. Bà rút lại những phê bình của bà và tối hôm sau Krishnamurti nói cùng những người cắm trại, “Đạo bộ qua những quả đồi của Ấn độ mùa đông vừa qua, ở đó hiện ra trước mặt tôi Lý tưởng của tôi, Thương yêu của tôi, Đạo sư của tôi, Thầy Vĩ đại của tôi và liên tục từ cảnh đó, dường như tôi đã thấy tất cả cây cối qua Ngài, tất cả núi non, tất cả những cái hồ nhỏ xíu, tất cả những côn trùng bé tí và liên tục từ cảnh đó, sự hiểu rõ đó về những sự vật vẫn còn giữ nguyên.” Chất lượng hòa hợp duy nhất này cùng *đạo sư* và sự huyền bí của sống tiếp tục là đề mục trong những nói chuyện của anh.

Tại nói chuyện cuối cùng Krishnamurti nói, “Tôi đã thay đổi quá nhiều trong suốt mười lăm ngày vừa qua – cả phía bên trong và phía bên ngoài thân thể của tôi, khuôn mặt của tôi, hai bàn tay của tôi, toàn thân tâm của tôi đã thay đổi.

như không liên quan đến những luật pháp, những nghi lễ, những tôn sùng, những hiến dâng thuộc xã hội, và vân vân. Những *sannyasin* từ bỏ giai cấp, gia đình, và nhận vào một cái tên mới biểu hiện sự sinh ra lại.

Phương cách duy nhất để hít thở không khí trong lành của sự sống là bằng thay đổi liên tục, não động liên tục, bất mãn liên tục này.”

Viết về trại Ommen 1926, Esther Bright đã nói:

Thế là A. B. ngồi cạnh anh tại Camp Fires, cùng một thương yêu nồng ấm trong quả tim của bà, đang dò hỏi, đang thương yêu, đang ngưỡng mộ, không luôn luôn đang hiểu rõ, nhưng cùng niềm tin lạ thường nhất rằng anh là Sứ giả của Thời đại Mới mẽ, và rằng trong thời gian tất cả sẽ được làm cho sáng tỏ. Và cùng nhau họ dạo qua đám đông tụ họp chật ních của những người đàn ông và những người đàn bà, xuống con đường nhỏ dẫn đến trung tâm, nơi lữ trại đã được sắp xếp sẵn – những đồng cành cây, những khúc cây và những cành con chông chắt, và cùng nhau họ thấp sáng lửa trại – cái đầu bạc trắng già nua ưu việt, và cái đầu đen và những nét đầy ân cần, tinh tế của Krishnaji, đang cùng nhau cúi xuống. Những ngọn lửa bùng bùng, và tất cả đều cùng nhau ngồi yên lặng một khoảng thời gian...

“*Nhưng anh là một người thầy*” người bạn trung thành của anh, Rajagopal nói với anh vào một ngày tại Ommen, khi một nhóm người chúng tôi cùng nhau thòp, đang bàn luận những vấn đề khó hiểu. Krishnaji yên lặng một lúc, và sau đó nói một cách đơn giản, “Tôi đưa ra một cây đèn cho bạn.”

Từ tháng 8 năm 1926 đến tháng 4 năm 1927, Annie Besant và Krishnamurti cùng nhau ở tại Ojai. Có thể đó là thời gian lâu nhất họ cùng nhau trải qua sống từ tuổi trẻ của anh. Vì thấy được một cần thiết nào đó cho sự hiện diện của bà, Annie Besant hủy bỏ chuyến quay lại Ấn độ của bà và nhiều cuộc hẹn chờ đợi bà ở đó. Trong khi ở Ojai bà và Krishnamurti trồng cây, và bà bận rộn mua những mảnh đất ở Ojai Valley cho cái gì mà sau này được gọi là Happy Valley Foundation. Sống tương đối gần gũi anh bà trở nên ý thức được anh đã tiến xa biết chừng nào đối với sự giảng dạy của Tổ chức Thông thái chính thống.

Mrs. Besant đang thấy một Krishnamurti mới mẻ. Bà có một nhận biết đang gia tăng rằng sự tiên tri lúc anh còn nhỏ rằng thân thể của Krishnamurti sẽ là phương tiện qua đó một phần của ý thức Maitreya sẽ hóa thân là không đúng đắn, và rằng ý thức của Krishnamurti và Chúa Maitreya có thể sẽ hợp nhất. Bà sẽ xác nhận điều này trong một lá thư gửi Arundale vào ngày 12 tháng mười “J. K. luôn luôn đang thay đổi, nhưng có vẻ không phải là anh bước ra và Chúa bước vào, có vẻ hao hao giống như sự hòa tan của ý thức.”

Mỗi lúc một rõ rệt rằng không phải những năm được hình thành trong Tổ chức Thông thái dưới sự chỉ dẫn của Leadbeater, cũng không phải những khắc nghiệt của sống của anh trong suốt những năm chiến tranh ở nước Anh, cũng không phải thời gian được trải qua bởi Krishnamurti trong trung tâm của giới quý tộc người Anh đã đúc khuôn bộ não của anh. Nó không thể được lập trình, nhưng được nghỉ ngơi – đang nhìn ngắm, đang lắng nghe, không bị bận tâm.

Sau một thời gian ấp ủ lâu, cái trí của Krishnamurti, đã tỏa ra trên những tầng bề mặt mà mang máng thâm nhận và phản ứng theo thứ bậc và nghi lễ của Tổ chức Thông thái, và đã trở dậy tánh ban sơ, không một tí vết. Một năng lượng mãnh liệt được cần đến để lật tung gốc rễ của cái trí con người – để nghi ngờ, để nhận biết, để phủ nhận cấu trúc của ý thức con người, để thâm nhập vào phía bên trong của sự suy nghĩ và cảm thấy khi nó vận hành, để phá vỡ tất cả những hiểu biết và nhận biết mới mẻ lại. Mộc mạc và một sống của khắc khổ không những hòa tan cùng con người của anh nhưng còn, như anh sẽ nói, “một tất yếu để bảo toàn năng lượng.”

Sự thức dậy của anh đã phát sáng. Những từ ngữ của anh có một chất lượng đơn giản kinh ngạc. Ngày 9 tháng hai Krishnamurti viết cho Leadbeater:

Em biết sứ mệnh của em và công việc của em. Em biết bằng sự chắc chắn rằng em đang hòa tan vào ý thức của Người Thầy duy nhất và rằng Ngài sẽ lấp kín em hoàn toàn. Em cảm thấy và em cũng biết rằng cái tách của em gằn gằn đầy lên miệng và nó sẽ tràn ra mau thôi. Từ bây giờ đến đó em phải chờ đợi và bằng sự kiên nhẫn tha thiết. Em khao khát làm và sẽ làm cho mọi người hạnh phúc.

Trước khi Mrs. Besant rời nước Mỹ, bà phát biểu trước Báo chí Mỹ: “Một lần nữa Tinh thần Thiêng liêng đã giáng xuống một con người, Krishnamurti, người mà trong thời gian sống của anh là hoàn hảo như những người biết anh có thể chứng thực. Thầy Thế giới ở đây.”

Tại khai mạc của Star Camp tại Ommen năm 1927, Krishnamurti nói một ngôn ngữ hoàn toàn đối lập với sự giảng dạy của Tổ chức Thông thái. Ngày 30 tháng sáu anh nói, “Trong nhiều sống và trong tất cả sống này, và đặc biệt vài tháng vừa qua, tôi đã đấu tranh để được tự do – được tự do khỏi bạn bè của tôi, những quyển sách của tôi, những kết giao của tôi. Bạn phải đấu tranh cho cùng sự tự do như thế. Phải có sự bất an liên tục phía bên trong bạn.” Krishnamurti đang phản kháng. Không người thầy hay uy quyền nào gây thỏa mãn anh. “Ai mang sự thật?”, anh sẽ chất vấn.

Anh đang tự chất vấn mình để tìm ra sự thật đằng sau hình dạng của Thầy Thế giới. Anh kể cùng những người lắng nghe rằng khi còn là một cậu trai anh đã thấy Chúa Krishna cầm một cây sáo; trong Tổ chức Thông thái cùng Leadbeater, anh thấy Thầy K. H. và sau đó Chúa Maitreya, trong hình dạng mà những người kết giao với anh đã tin tưởng. Trong những

năm vừa qua, trong sự đau khổ cùng cực của anh, anh đã thấy Buddha, trong sự hài lòng và vinh quang của anh.

Những Thương Yêu mà anh nói là Krishna, ỨNG BẬC THẦY, Buddha – và xa xa khỏi tất cả những người này. “Những Thương yêu là bầu trời bao la, bông hoa, mọi con người. Krishnamurti không ở phía bên ngoài nhưng ở phía bên trong của họ. Bởi vì sự đau khổ của anh, anh đã trở thành một cùng bức tranh.”

Chẳng mấy chốc, Jinarajadasa sẽ đến trại, và rất mau lẹ ông ấy nghi ngờ những khẳng định của Krishnamurti. Bởi vì rõ ràng rằng Krishnamurti đang phủ nhận tất cả uy quyền, thậm chí những uy quyền cơ bản nhất; như sự tin tưởng những Bậc Thầy và con đường huyền bí. Ngày 11 tháng bảy, trong nói chuyện bên lửa trại của anh, anh trả lời Jinarajadasa: “Tôi và những Thương yêu của tôi là một. Tâm nhìn là tổng thể. Đối với tôi, đó là sự giải thoát.” Và tiếp theo: “Nhân cách của J. Krishnamurti đã được nuốt trọn trong ngọn lửa – điều gì xảy ra sau đó không đặt thành vấn đề – liệu tia lửa vẫn còn trong ngọn lửa hay thoát khỏi.”

Năm sau, mùa hè 1928, Krishnamurti có mặt tại Eerde ở Hà lan. Anh đã bắt đầu nói với bạn bè của anh về việc có thể giải tán The Order of The Star.

Một tập họp rất đông trên ba ngàn người chờ Krishnamurti tại trại Ommen, kéo dài từ ngày 2 đến ngày 12 tháng tám. Bằng sự minh bạch vô cùng, anh nói về sự cần thiết cho những người lắng nghe phải loại bỏ tất cả những nền tảng của uy quyền, đặc biệt uy quyền của Thầy Thế giới. Mỗi người phải sống chỉ cùng ngọn đèn bên trong. Sau đó, khi trả lời một người đại diện của hãng Reuter có mặt ở đó, anh nói, “Buddha, Christ không bao giờ đã khẳng định là siêu phàm, chính là người môn đệ mà, qua sự tôn sùng của anh ấy, đã cho sự siêu phàm vào

người thầy.” Người phóng viên đầy kinh ngạc, sau đó, Thầy Thế giới tiếp tục nói về chơi golf và được người ta chấp khi chơi, mà là cộng thêm 2. Krishnamurti đã chơi golf trên vài sân golf nổi tiếng nhất trong thế giới.

Tin tức về sự bất hòa giữa Krishnamurti và Tổ chức Thông thái lan truyền thật mau lẹ. Annie Besant không tham dự trại Ommen, và khi nghe điều gì Krishnamurti đã phát biểu, bà ngã bệnh rất nặng. Theo một lời thuật lại bà đã bị suy sụp tinh thần, ngất xỉu, và bất tỉnh. Bà bị bệnh lâu lắm. Những khả năng tinh thần của bà biến dần từ từ; bà bị mất trí nhớ và không bao giờ hoàn toàn hồi phục. Bà đã được kể lại rằng Krishnamurti đã từ chối chấp nhận vai trò của Đấng Cứu thế theo những giới hạn được xếp đặt bởi Tổ chức Thông thái.

Khi bà quay lại Ấn độ, bà đã hồi tỉnh đầy đủ và quyết định đóng cửa Khu Bí truyền, tâm điểm của sự giảng dạy huyền bí bên trong Tổ chức, tuyên bố rằng Thầy Thế giới đã hiện diện ở đây, và không ai có quyền để giảng dạy. Vào ngày 30 tháng mười một năm 1928, bà viết cho Krishnamurti, khi anh đang trên đường đến Adyar:

Yêu quý,

Mẹ đang nhờ Mr. Varma mang một lá thư được gởi đến tất cả những Thư ký liên quan đến Khu Bí truyền E. S., bởi vì mẹ cam đoan rằng tất cả những học trò của chúng ta phải hiến dâng họ vào sự học hành về những mong muốn và những lý tưởng của con, và xóa sạch tất cả những giảng dạy xưa cũ cho hiện tại. Vì vậy, mẹ đang đình chỉ toàn bộ Khu Bí truyền vô thời hạn, dành tất cả sự giảng dạy cho con. Mẹ rất tiếc không có mặt khi con đến, nhưng chẳng thể nào được.

Tất cả tình yêu của mẹ chuyên đến con Yêu quý.

Mẹ.

Tuy nhiên, vài tháng sau, Mrs. Besant mở lại những áp lực từ những thành viên khác và mở cửa lại Khu Bí truyền. Bà cũng nói với Krishnamurti rằng bà muốn từ chức chủ tịch của Tổ chức Thông thái và chỉ mong muốn ngồi tại

chân anh và lắng nghe lời giảng; nhưng anh từ chối không cho phép bà làm như thế.

Vào ngày 3 tháng tám năm 1929, trong hiện diện của Mrs. Besant và ba ngàn hội viên của The Order of The Star có mặt tại trại Ommen, Krishnamurti tuyên bố quyết định giải tán The Order of The Star, mà anh là chủ tịch. Nói chuyện cùng những hội viên là một tóm tắt của những thấu triệt đã nảy ra trong anh suốt những năm tháng kể từ sau cái chết của người em. Nói chuyện có lẽ là một phát biểu phôi thai về vị trí của anh, một phát biểu vẫn còn y nguyên suốt sống của anh: “Tôi khẳng định rằng Sự thật là một mảnh đất không lối vào, và bạn không thể tiếp cận nó bằng bất kỳ con đường nào cả, bằng bất kỳ tôn giáo nào, bằng bất kỳ giáo phái nào. Đó là quan điểm của tôi, và tôi trung thành với điều đó một cách tuyệt đối và vô-điều kiện. Sự thật, bởi vì không bị giới hạn, không bị quy định, không thể tiếp cận bởi bất kỳ con đường nào, không thể được tổ chức; cũng không có bất kỳ tổ chức nào cần phải được hình thành để dẫn dắt hay để ép buộc con người theo bất kỳ con đường đặc biệt nào. Nếu đầu tiên bạn hiểu rõ điều đó, vậy thì bạn sẽ phát giác rằng tổ chức một niềm tin là điều không thể xảy ra được. Một niềm tin chỉ là một vấn đề thuộc cá nhân, và bạn không thể và không được tổ chức nó. Nếu bạn thực hiện, nó trở thành chết rồi, cố định; nó trở thành một tín điều, một giáo phái, một tôn giáo, để được áp đặt vào những người khác. Sự thật bị thu hẹp lại và là trò gôn cột cho những người nhu nhược, cho những người chỉ bị bắt mãi trong chốc lát. Sự thật không thể bị hạ xuống, trái lại cá thể phải nỗ lực để vươn lên nó. Bạn không thể mang đỉnh núi xuống thung lũng. Nếu bạn muốn đến được đỉnh núi, bạn phải đi qua thung lũng, leo lên những sườn dốc, không sợ hãi những vách núi hiểm nghèo. Bạn

phải trèo lên hướng Sự thật, nó không thể được bước xuống hay được tổ chức cho bạn. Tôi không muốn phụ thuộc vào bất kỳ tổ chức nào của một loại tinh thần, làm ơn hiểu rõ điều này. Lại nữa, tôi khẳng định rằng không tổ chức nào có thể dẫn dắt con người đến tánh tinh thần. Nếu một tổ chức được tạo ra cho việc này, nó trở thành một cái nặng, một hèn nhất, một ngục tù, và chắc chắn phải làm què quặt cá thể, và ngăn cản anh ấy không phát triển, không thiết lập trạng thái độc nhất của anh ấy, mà nằm trong sự khám phá cho chính anh ấy về Sự thật tuyệt đối, không bị quy định. Vì vậy đó là một lý do tại sao tôi đã quyết định, giống như tôi tình cờ là người Đứng đầu của The Order, giải tán nó. Không ai đã thuyết phục tôi đến sự quyết định này.

“Đây không là một hành động vĩ đại, bởi vì tôi không muốn những người theo sau, và tôi có ý điều này. Khoảnh khắc bạn theo sau người nào đó bạn không còn theo đuổi sự thật. Tôi không quan tâm liệu bạn chú ý đến điều gì tôi nói hay không. Tôi khao khát thực hiện một việc nào đó trong thế giới và tôi có ý định thực hiện nó bằng một tập trung không lay động. Chính tôi chỉ đang quan tâm đến một điều cốt lõi: đưa con người đến sự tự do. Tôi khao khát giúp đỡ anh ấy được tự do khỏi tất cả những chuông cũi, khỏi tất cả những sợ hãi, và không thành lập những tôn giáo, những giáo phái mới, cũng không thiết lập những lý thuyết mới và những triết lý mới. Vậy thì tự nhiên bạn sẽ hỏi tôi, tại sao tôi lại đi khắp thế giới, tiếp tục nói chuyện. Tôi sẽ nói cho bạn lý do gì tôi làm việc này: không phải vì tôi ham muốn một nhóm người theo sau, không phải vì tôi thèm khát một nhóm đặc biệt của những môn đệ đặc biệt. (Con người thích khác biệt với những con người anh em của họ nhiều làm sao, những phân biệt của họ có lẽ lỗ bịch, vô lý, nhỏ nhen làm sao: tôi không muốn

khuyến khích sự vô lý đó.) Tôi không có những môn đệ, không có những tông đồ, hoặc trên quả đất này hoặc trên lãnh vực của tinh thần.

“Một phóng viên báo chí đã phỏng vấn tôi, nghĩ rằng đó là một hành động vĩ đại khi giải tán một tổ chức có hàng ngàn hội viên. Đối với anh ấy đó là một hành động vĩ đại bởi vì, anh ấy hỏi, ‘Anh sẽ làm gì sau đó, anh sẽ sống như thế nào? Anh sẽ không có những người theo sau, mọi người sẽ không còn lắng nghe anh nữa.’ Nếu chỉ có năm người mà sẽ lắng nghe, mà sẽ sống, mà hướng về vĩnh hằng, điều đó quá đủ rồi.

“Như tôi vừa nói, tôi chỉ có một mục đích: giúp đỡ con người được tự do, thúc đẩy anh ấy hướng về tự do; giúp đỡ anh ấy đập vỡ tất cả những giới hạn, bởi vì chỉ một mình điều đó sẽ cho anh ấy sự hạnh phúc vĩnh cửu, sẽ cho anh ấy sự nhận biết không bị quy định của cái tôi.

“Bởi vì tôi được tự do, tổng thể, không bị quy định – không phải một phần, không phải tương đối, nhưng Sự thật tổng thể mà là vĩnh hằng – tôi khao khát những người, mà tìm kiếm để hiểu rõ tôi, để được tự do, không phải để theo sau tôi, không phải để từ tôi sáng chế một cái cũ mà sẽ trở thành một tôn giáo, một giáo phái. Ngược lại, họ nên được tự do khỏi tất cả những sợ hãi – khỏi sợ hãi của tôn giáo, khỏi sợ hãi của không được cứu rỗi, khỏi sợ hãi của tinh thần, khỏi sợ hãi của tình yêu, khỏi sợ hãi của chết, khỏi sợ hãi của ngay cả sống. Như một họa sĩ vẽ một bức tranh bởi vì anh ấy nhận được sự thỏa mãn trong bức tranh đó, bởi vì nó là sự tự-diễn tả của anh ấy, sự vinh quang của anh ấy, sự hạnh phúc của anh ấy, vì vậy tôi làm việc này và không phải bởi vì tôi muốn bất kỳ thứ gì từ bất kỳ người nào.

“Bạn quen thuộc với uy quyền, hay quen thuộc với bầu không khí của uy quyền mà bạn nghĩ sẽ dẫn dắt bạn đến tinh thần. Bạn nghĩ và hy vọng rằng một người khác có thể, bằng những quyền năng lạ thường – một phép lạ – chuyên chở bạn đến lãnh vực của sự tự do vĩnh cửu mà là Hạnh phúc. Toàn âm nhìn của bạn về số g [được] đặt nền tảng trên uy quyền đó.

“Đến lúc này bạn đã lắng nghe tôi được ba năm, mà không có bất kỳ sự thay đổi nào đang xảy ra ngoại trừ trong một ít người. Bây giờ hãy phân tích điều gì tôi đang nói, hãy phê bình, để cho bạn có thể hiểu rõ một cách thấu đáo, một cách cơ bản. Khi bạn tìm kiếm một uy quyền để dẫn dắt bạn đến tinh thần, một cách tự động chắc chắn bạn phải dựng lên một tổ chức quanh uy quyền đó. Bằng chính sự sáng chế tổ chức đó, mà, bạn nghĩ, sẽ giúp đỡ uy quyền này dẫn dắt bạn đến tinh thần, bạn bị nhốt trong một cái cũi.

“Thay vì những phân biệt thuộc tinh thần cũ kỹ, thay vì những tôn sùng cũ kỹ, bạn có những tôn sùng mới mẻ. Tất cả các bạn đều phụ thuộc vào người nào đó để có tinh thần của bạn, vào người nào đó để có sự hạnh phúc của bạn, vào người nào đó để có sự khai sáng của bạn; và mặc dù các bạn đã chuẩn bị cho tôi suốt mười tám năm, khi tôi nói tất cả điều này là không cần thiết, khi tôi nói rằng các bạn phải dẹp đi tất cả chúng và nhìn vào chính các bạn cho sự khai sáng, cho sự vinh quang, cho sự tinh khiết, và cho sự vô nhiễm của cái tôi, không một người nào trong các bạn sẵn lòng làm nó. Có lẽ có một ít người, nhưng rất, rất ít.

“Vì vậy tại sao cần có một tổ chức?

“Tại sao phải có những người đạo đức giả, giả dối đang theo sau tôi, hện thân của Sự thật? Làm ơn hãy nhớ rằng tôi không đang nói điều gì đó gay gắt hay tàn nhẫn,

nhưng chúng ta đã đến một tình huống khi bạn phải đối diện với những sự việc như chúng là. Năm ngoái tôi đã nói rằng tôi sẽ không thỏa hiệp. Lúc đó, chẳng có bao nhiêu người lắng nghe tôi. Năm nay tôi đã trình bày điều đó rất rõ ràng. Tôi không biết bao nhiêu ngàn người khắp thế giới – những hội viên của The Order – đã chuẩn bị cho tôi suốt mười tám năm, và tuy nhiên lúc này họ không sẵn lòng lắng nghe một cách tổng thể, không điều kiện, đến điều gì tôi nói.

“Vì vậy tại sao phải có một tổ chức?”

“Như trước kia tôi đã nói, mục đích của tôi là giúp đỡ con người được tự do vô điều kiện, bởi vì tôi khẳng định rằng tinh thần duy nhất là sự vô nhiễm của cái tôi mà là vĩnh hằng, là sự hòa hợp giữa lý trí và tình yêu. Đây là Sự thật tuyệt đối, không bị quy định mà là chính Sự sống. Vì vậy, tôi muốn giúp đỡ con người được tự do, hân hoan như chim chóc trong bầu trời xanh, thênh thang, độc lập, ngậy ngát trong sự tự do đó. Và tôi, người các bạn đã chuẩn bị suốt mười tám năm, lúc này nói rằng, các bạn phải được tự do khỏi tất cả những sự việc này, phải được tự do khỏi tất cả những phức tạp của bạn, những vướng víu của bạn. Muốn có cái này, bạn không cần có một tổ chức được đặt nền tảng trên niềm tin thuộc tinh thần. Tại sao lại phải có một tổ chức cho năm hoặc mười người trong thế giới mà hiểu rõ, mà đang đấu tranh, mà đã gạt đi tất cả những sự việc nhỏ nhen? Và đối với những người nhu nhược, không thể có tổ chức nào giúp đỡ họ tìm được Sự thật, bởi vì Sự thật ở trong mọi người; nó không xa, nó không gần; nó hiện diện ở đó vĩnh hằng.

“Những tổ chức không thể khiến cho các bạn được tự do. Không con người nào từ phía bên ngoài có thể khiến cho các bạn được tự do: không có sự tôn sùng được tổ chức, không có sự hy sinh chính các bạn cho một nguyên nhân, có

thể khiến cho các bạn được tự do; không uồn nấn các bạn vào một tổ chức, không quăng các bạn vào công việc, có thể khiến cho các bạn được tự do. Các bạn dùng [một] máy đánh chữ để viết những lá thư, nhưng bạn không đặt nó trên bàn thờ và thờ phụng nó. Nhưng đó lại là việc gì các bạn đang làm khi những tổ chức trở thành sự quan tâm chính của các bạn. ‘Có bao nhiêu hội viên trong nó?’ Đó là câu hỏi đầu tiên tôi được hỏi bởi tất cả những phóng viên báo chí. ‘Anh có bao nhiêu người theo sau? Nhờ số lượng tham gia của họ tôi sẽ đánh giá liệu anh nói là sự thật hay giả dối.’ Tôi không biết có bao nhiêu người. Tôi không quan tâm đến điều đó. Thậm chí, nếu có một người đã được tự do, từng đó cũng đủ rồi.

“Lại nữa, các bạn có ý tưởng rằng chỉ những người nào đó mới giữ chìa khóa của Vương quốc Hạnh phúc. Không ai giữ nó. Không ai có uy quyền để giữ chìa khóa đó. Chìa khóa đó là cái tôi riêng của các bạn, và trong sự thăng hoa và trong sự tinh khiết và trong sự vô nhiễm của chính cái tôi đó là Vương quốc Vĩnh hằng.

“Vì vậy, các bạn sẽ thấy rằng toàn cấu trúc mà các bạn đã dựng lên, tìm kiếm sự giúp đỡ phía bên ngoài, phụ thuộc vào những người khác cho sự thanh thản của các bạn, cho hạnh phúc của các bạn, cho sức mạnh của các bạn là điều phi lý cực kỳ. Cái này chỉ có thể tìm được bên trong chính các bạn.

“Vậy là tại sao phải có một tổ chức?

“Bạn đã quá quen thuộc được chỉ bảo bạn đã hoàn thiện đến mức độ nào, tình trạng tinh thần của bạn ra sao. Thật ngô nghê làm sao! Người nào ngoại trừ chính bạn có thể bảo cho bạn liệu phía bên trong bạn tốt lành hay xấu xa?

Người nào ngoại trừ chính bạn có thể bảo cho bạn liệu bạn không tội lỗi? Bạn không nghiêm túc trong những việc này.

“Nhưng những người thực sự khao khát để hiểu rõ, đang hướng đến để tìm được vĩnh hằng, không khởi đầu và không một kết thúc, sẽ đi cùng nhau bằng một mảnh liệt la thường, sẽ là một hiểm họa cho mọi thứ không cốt lõi, cho những ảo tưởng, cho những cái bóng. Và họ sẽ tập trung, họ sẽ trở thành ngọn lửa, bởi vì họ hiểu rõ. Chúng ta phải sáng tạo một nhóm như thế, và đó là mục đích của tôi. Bởi vì tình bằng hữu trung thực đó – mà có vẻ bạn không biết – sẽ có sự hợp tác thực sự về vai trò của mỗi người. Và việc này không phải vì uy quyền, không phải vì được cứu rỗi, không phải hy sinh cho một nguyên nhân, nhưng bởi vì bạn thực sự hiểu rõ, và thế là có thể sống trong vĩnh hằng. Đây là một việc to tát hơn tất cả vui thú, hơn tất cả hy sinh.

“Vì vậy đây là vài lý do tại sao, sau khi suy nghĩ cẩn thận suốt hai năm, tôi đã đưa ra quyết định này. Nó không phải một động cơ nhất thời. Tôi đã không bị thuyết phục phải thực hiện nó bởi bất kỳ người nào – tôi không bị thuyết phục trong những việc như thế. Suốt hai năm, tôi đã suy nghĩ về điều này, chậm chậm, cẩn thận, kiên nhẫn, và bây giờ tôi đã quyết định giải tán The Order, như tôi tình cờ là người đứng đầu của nó. Các bạn có thể thành lập những tổ chức khác và chờ đợi người nào đó. Tôi không quan tâm đến việc đó, và cũng không quan tâm đến việc tạo ra những chuồng cũ mới, những trang trí mới cho những chuồng cũ đó. Sự quan tâm duy nhất của tôi là giúp đỡ con người được tự do một cách tuyệt đối, không điều kiện.”

Sau đó, nhiều tổ chức và những quỹ khác nhau bị đóng cửa, những đất đai và những điền trang rộng lớn được giao lại cho những người dâng tặng ban đầu. Một văn phòng

nhỏ được thành lập với Rajagopal như người tổ chức chính, để đảm trách những xuất bản và những nói chuyện của Krishnamurti. Đến lúc này, Krishnamurti đang nổi lên như một triết gia thế tục, hoàn toàn căm ghét tất cả những niềm tin thuộc tôn giáo, và nhiều hội viên tích cực của Tổ chức Thông thái khẳng định rằng Thầy Thế giới sắp đến đã bị hu hỏng.

CHƯƠNG 8

Krishnamurti ở Ojai Những năm quên lãng, 1938 -1947

Krishnamurti rút khỏi Tổ chức Thông thái năm 1930. Năm đó viết trong tờ *International Star Bulletin* anh đã nói, “Lời giảng của tôi cũng không huyền bí hay bí ẩn bởi vì tôi nắm giữ cả hai như những giới hạn được áp đặt trên con người trong sự tìm kiếm Sự thật của anh ấy.” Một lo ngại của Mrs. Besant khi nghe tin tức về sự rút khỏi của anh là sự băn khoăn về tương lai của Krishnamurti. Bà nhận biết được sự khiếm khuyết hoàn toàn về những giá trị thế giới của Krishnamurti và lo lắng làm thế nào anh sẽ sống sót trong thế giới hung tợn này mà không có sự bảo vệ của Tổ chức. Tôi nghe nói rằng bà thuyết phục B. Sanjeeva Rao và vợ của ông, Padmabai, những người giáo dục nổi tiếng và những người quen biết gần gũi của bà, rút khỏi Tổ chức Thông thái, để cho họ có thể tham gia công việc của Krishna, ở cùng anh và bảo vệ anh.

Anh không quay lại Ấn độ mãi đến tháng mười một năm 1932. Từ Bombay anh đi thẳng đến Adyar để thăm Mrs. Besant. Bà đã rất yếu ớt, mất trí nhớ, và đang sống trong quá khứ. Nhưng bà nhận ra đứa con trai yêu quý thân yêu của bà. Thật là một bi kịch khi gặp bà, và Krishnamurti buồn bã lắm. Khi anh trở lại từ Varanasi anh sẽ gặp lại bà. Anh đã nuôi một bộ râu quai nón và bà phê bình về khuôn mặt đẹp đẽ của anh và nói rằng trông anh mỏng manh quá và nên chăm sóc sức khỏe nhiều vào. Đây là lần gặp gỡ cuối cùng của họ.

Nói chuyện của anh tại hội nghị Thông thái được tổ chức ở Adyar đã gặp phải những chỉ trích gay gắt từ những

người thân niên của Tổ chức. Nhiều năm sau anh kể với tôi rằng họ đã vây quanh anh và vặn hỏi anh không thương xót, yêu cầu anh xác nhận hay phủ nhận sự tồn tại của những Bậc Thầy. Anh đã từ chối trả lời.

Trên đường quay lại Châu Âu, anh gặp George Bernard Shaw tại nhà Sir Chunilal Mehta. Họ nói về Mrs. Besant. Shaw hỏi thăm về sức khỏe của bà. “Rất khỏe,” Krishnamurti trả lời, “nhưng tại tuổi già của bà, bà không thể suy nghĩ liên tiếp.” “Bà không bao giờ có thể,” Shaw nói nhỏ. Krishnamurti chỉ mỉm cười.

Sau đó, Shaw sẽ diễn tả về Krishnamurti cho Heskith Pearson như con người đẹp đẽ nhất mà ông đã từng gặp.

Annie Besant chết tại Adyar ngày 20 tháng chín năm 1933. Nửa thế kỷ sau tôi hỏi Krishnamurti về ảnh hưởng cái chết của Mrs. Besant đối với anh như thế nào. Một cái nhìn rất nghiêm nghị lóe ra trên đôi mắt của anh khi anh trả lời. “Tôi đọc thông báo về cái chết của mẹ trong tờ *The New York Times* – họ không bao giờ thông tin cho tôi.”

Suốt hai sống của họ, được xoắn chặt vào nhau, Mrs. Besant và cậu trai Krishna, con nuôi của bà đã trải qua quá ít thời gian cùng nhau. Nhưng từ những lá thư sớm nhất của Mrs. Besant gửi cho Krishna, một mảnh liệt của thương yêu, một con sóng, tuôn chảy từ bà để vươn tới và quyện vào cậu con, ôm ấp cậu và bảo vệ cậu.

Những ràng buộc của họ hòa tan giữa bà và Krishna, vượt khỏi thời gian và không gian. Khi còn là một cậu trai mỗi tuần anh đều đặn viết cho bà diễn tả những giấc mơ của anh, những học hành của anh, sống hàng ngày của anh, và những vấn đề con con của anh. Trước tiên, bà là một người mẹ, lo âu rằng không một nguy hiểm nào đó xảy đến cho cậu con trai; tiếp theo là người thầy; khi năm tháng trôi qua bà

thỉnh thoảng trở thành người môn đệ và ngồi ngay tại chân anh lắng nghe những lời giảng của anh. Khi trí năng của bà cạn kiệt, những khả năng về tinh thần của bà giảm đi và những lá thư gửi tới Krishna của bà trở nên ít quan trọng; những lá thư của anh lại vẫn biểu lộ sự trì mến, tuy nhiên trang trọng hơn. Nhưng tình yêu và kính trọng sâu thẳm của Krishna đối với bà không suy giảm suốt sống của anh.

Bà là một ảnh hưởng không phải trong việc đúc khuôn hay đưa ra phương hướng cho cái trí và lời giảng của anh, nhưng trong việc cung cấp nền tảng cho sự an toàn tổng thể của tình yêu. Anh đã thấy ngọn lửa hùng hực trong lửa sống vĩ đại của bà và suy giảm thành những đám than hồng, nhưng sự nhiệt tình và tình yêu không ích kỷ của Mrs. Besant có lẽ là một nhân tố bất biến duy nhất trong sống ban đầu của anh.

Kèm theo sự giải tán The Order of The Star, nhóm những người trẻ luôn luôn tụ tập quanh Krishna đã bị tan rã. Thời gian đó, sự tổ chức những chương trình đi lại và những nói chuyện của anh được phân chia giữa Jadunandan Prasad, một người bạn trẻ được yêu quý nhiều, và Rajagopal. Cái chết đột ngột của Jadu vào năm 1931, lúc ba mươi lăm tuổi, khiến cho Krishna chẳng còn bao nhiêu người đồng hành. Nhiều người đã rời bỏ Tổ chức Thông thái cùng anh cảm thấy bị lạc lõng và tuyệt vọng; Tổ chức đã cung cấp chỗ ở, sự an ủi, và một mục đích trong sống. Tiền bạc không dễ kiếm được.

Jadu đã là một người bạn thân. Krishna viết cho Padmabai Sanjeeva Rao ở Varanasi, chia sẻ sự đau khổ của cô. Những lá thư này tiết lộ cái trí của Krishna trong những ngày tiếp theo sau khi anh từ bỏ làm hội viên của Tổ chức Thông thái. Ngày 30 tháng tám năm 1931, anh viết:

Akkaji yêu quý nhất của tôi,

Thật quá kinh hoàng khi Jadu đã ra đi. Nó thực sự quá bi thương và Padmabai thương yêu, tôi có thể tưởng tượng bạn phải đang cảm thấy ra sao và bạn phải buồn thảm biết chừng nào. Hầu như tôi không thể tin tưởng một việc như thế có thể xảy ra được. Jadu chỉ mới đang ổn định trong công việc và bạn không biết được anh ấy được ưa thích đến chừng nào trong chuyến đi của anh ấy và anh ấy đã thành công như thế nào. Suốt thời gian của trại, tôi đã nghe nói rằng tôi đã nhận được một điện tín từ John Ingleman – Jadu đã bị đột quỵ vì say nóng và áp lực máu của anh là 220; hai nữa vài ngày sau, rằng anh đang khỏe lại từ từ. Tự nhiên chúng tôi lo âu về nó nhưng anh ấy không nghĩ rằng bất kỳ việc gì trầm trọng đang trở dậy. Khi tôi đến đây, tôi đã nhận được một điện tín như bạn đã biết. Akkaji, đúng là bạn đã bị đau lòng lắm và tôi ước rằng tôi ở cùng bạn, nhưng . . .!

Trong lá thư của bạn – cảm ơn bạn rất nhiều vì đã viết cho tôi – như bạn viết, bạn đã tiên đoán bao nhiêu người còn sống khi tất cả chúng ta gặp lại nhau! Nitya đã đi rồi và tiếp theo là Jadu. Jadu rất thông minh, được yêu quý nhiều và nhận xét rất sắc sảo. Chúng ta sẽ nhớ anh ấy và Padmabai yêu quý nhất của tôi, tất cả tình yêu của tôi ở cùng bạn.

Bạn buồn rầu ghê lắm và đây sẽ là một xúc động kinh hoàng. Akka, chẳng còn có bao nhiêu người của chúng ta nên chúng ta phải xích lại gần nhau thêm nữa và chúng ta phải thay đổi và chúng ta phải nhận ra không có gì quan trọng hơn là sanh và tử. Chúng ta phải nhận ra nó và nỗ lực là vô cùng. Tôi ao ước tôi ở cùng bạn nhưng hoàn cảnh này phải như vậy thôi. Sống giống như thế đó và hung tợn nếu chúng ta không là ông chủ của nó.

Tôi ao ước, tôi ở cùng bạn, Akka yêu quý nhất.

Thư trả lời của Padmabai chắc đã diễn tả nỗi buồn sâu đậm riêng của cô ấy, bởi vì trong một lá thư khác, ngày 29 tháng mười một, Krishna kể về nỗi buồn của anh khi Nitya chết, sự tìm hiểu vào nguyên nhân đau khổ của anh, và một thức dậy rực sáng.

Padmabai yêu quý nhất của tôi,

Cám ơn bạn rất nhiều về lá thư của bạn. Tôi biết, Padmabai, sự chiến đấu bạn phải đang chịu đựng, Akkaji, bởi vì chúng ta muốn hương thơm của tình yêu chỉ qua một người, cái chết [làm tối tăm] tình yêu của chúng ta. Sẽ luôn luôn có chết chùng nào sự hiểu rõ của chúng ta bị giới hạn bởi tầm nhìn vị kỷ, cá nhân. Tôi kể cho bạn. Akkaji thân mến, chùng nào còn có ý thức của chính người ta, còn có chết, cô độc và đau khổ. Tôi đã trải qua điều này khi Nitya chết và tôi đã hiểu rõ điều gì nằm sau đau khổ, nguyên nhân của nó. Tôi đã vượt khỏi chết. Vì vậy, Akkaji, đây là thời gian để hiểu rõ trong sự rối loạn của đau khổ và cô độc này. Bạn phải hiểu rõ, dò dẫm vào tầng ý thức sâu thẳm nhất và bạn sẽ thấy, Padmabai thân mến, rằng có cái gì đó trường cửu hơn, vĩnh hằng hơn tất cả những con người. Tất cả chúng ta đều phải chết và trong khi bạn đang ở trong sự rối loạn của đau khổ này, đây là thời điểm phải hiểu rõ. Đừng trì hoãn nó, Akkaji. Trong buồn bã, bạn phải tìm được cách vượt khỏi và không chờ đợi hay cho phép đau khổ gặm nhấm quả tim của bạn và cô độc làm tối tăm nụ cười của bạn. Vì vậy, Padmabai, hãy háo hức để hiểu rõ, mặc dù nó đau đớn lắm. Tách rời cái trí của bạn khỏi đau khổ, cô độc và tìm hiểu và bạn sẽ thấy rằng qua tự do khỏi ý thức riêng của bạn, bạn vượt khỏi sanh và tử. Hãy thử nó Padmabai và đừng nói đây chỉ là những từ ngữ.

Tôi ao ước tôi ở cùng bạn, có lẽ tôi có thể giúp đỡ bạn. Ôi, Padmabai, bạn không có ý tưởng về sự hân hoan của tình yêu không cá nhân thực sự.

Bạn ở trong những suy nghĩ của tôi và trong quả tim của tôi.

Tất cả tình yêu của tôi, Padmabai yêu quý nhất của tôi. Tình yêu của tôi gọi đến mọi người.

Krishna.

Những lá thư của anh bày tỏ một khao khát về Ấn độ; anh đang trôi giạt xa khỏi nhiều bạn bè thân thiết ở phương Tây mà anh quen biết từ thời niên thiếu. Từ Ojai, anh viết về cô đơn, nghỉ ngơi và vào *samadhi*.

Padmabai yêu quý nhất của tôi,

Cám ơn bạn rất nhiều về lá thư ngày 29 tháng mười. Tôi rất ân hận rằng bạn đang trải qua một thời gian khó khăn và tôi ao ước tôi ở đó để giúp đỡ bạn vượt qua. Sẽ rất tốt khi được nói về mọi thứ và phải chờ đợi đến khi chúng ta gặp nhau lại, mà sẽ chỉ mãi đến cuối năm tới. Tôi đã ở một mình suốt mười lăm ngày qua và tôi đã nhìn lại những suy nghĩ của những năm vừa qua. Tôi ao ước tôi có thể có một nói chuyện tốt cùng bạn mà sẽ giúp ích nhiều hơn là viết.

Nơi này đẹp lắm và một ngày (?) bạn phải đến đây. Tôi đang nghỉ ngơi hoàn toàn và vào *samadhi*.^{*} Tôi chỉ thấy con người vào những ngày Chủ nhật và những ngày khác trong tuần tôi đang dành cho sự suy nghĩ. Rajagopal và Rosalind đang ở Hollywood vì Rajagopal phải khám bệnh thấp khớp khá nặng của anh.

Tôi nghe nói khỏe Amma rất kém và người ta nghĩ mẹ không thể sống bao lâu nữa. Ramma Rao viết cho tôi rằng mẹ bị điếc đặc và hầu như không thể nhận biết. Thật là bi thương và tôi không hiểu việc gì sẽ xảy đến cho Tổ chức Thông thái...

Cùng tất cả tình yêu của tôi,
Krishna

Người bạn của Krishna, Rama Rao bị mù và bệnh rất nặng. Kèm theo cái chết của Jadu, Krishna chỉ còn Rajagopal và người vợ của anh (họ đã lấy nhau năm 1927), những người vẫn ở cùng anh và được tự do để theo cùng anh khắp những châu lục.

Khi Nitya còn sống, vai trò của Rajagopal trong sống của người thầy trẻ tuổi chỉ ở vòng ngoài – Nitya đã phụ trách tất cả những vấn đề tổ chức liên quan đến công việc của Krishnamurti. Cái chết của Nitya đã tạo ra một khoảng trống trong vận hành công việc mà cần phải lấp kín. Chắc chắn, lúc đầu là Jadu và sau đó Rajagopal đảm đương, lập kế hoạch

* *Samadhi*: Một trạng thái của giải thoát cuối cùng Một trạng thái nơi thực thể cái tôi đã ngừng tồn tại và người tìm kiếm đã tan biến. Một trạng thái của hợp nhất cùng vũ trụ.

cho những giảng thuyết và những chuyến đi và thiết lập cơ sở để phục vụ cho công việc tương lai của anh. Hôn nhân của Rajagopal với Rosalind, một trong những người bạn rất thân của Nitya, đã đưa Rajagopal gần gũi Krishnamurti nhiều hơn. Chẳng mấy chốc Arya Vihar ở Ojai trở thành ngôi nhà thường trú của họ.

Một liên hệ được sinh ra từ một hành động thân thiện để bảo vệ Krishnamurti trẻ tuổi, mỏng manh – người không có sự hiểu biết hoàn toàn về thế giới đã khiến cho sự bảo vệ là cần thiết – chậm chậm trải qua một thay đổi to tát. Trong thời kỳ đầu tiên thuộc sống của anh, được bảo vệ bởi Mrs. Besant, anh là Thầy Thế giới sắp đến – và những thái độ của những người bạn hợp tác phản ảnh sự nhận biết này và một kính trọng. Luôn luôn có một khoảng cách giữa Thầy Thế giới và những môn đệ của ngài.

Tuy nhiên, kèm theo sự giải tán những tổ chức và sự phủ nhận tất cả thứ bậc tinh thần bởi Krishnamurti, những thái độ mới là điều không tránh khỏi. Dần dần, khoảng cách giữa người thầy và những người quen biết giảm bớt. Chẳng mấy chốc, Rajagopal và Rosalind gánh vác nhiệm vụ của những người bảo vệ, *sarvadhikaris*, những người nắm giữ uy quyền quanh người thầy trẻ tuổi, đảm trách tất cả sự thực hiện quyết định trong sống cá nhân của Krishnamurti và công việc liên quan đến lời giảng của anh. Người thanh niên trẻ tuổi ngập ngừng, nhút nhát đang thận trọng tiến bước trong đại dương muôn màu của năng lượng đang được giải phóng bên trong anh, dò dẫm tìm kiếm những từ ngữ có thể ch ứa đựng những quan sát và những thấu triệt của anh, hoàn toàn không quan tâm đến những công việc của thế giới. Anh sung sướng khi giao mọi thứ trong bàn tay sành sỏi của Rajagopal. Không như mơ màng, thụ động, ngây thơ, và thậm chí còn

quá trẻ con. Những môn đệ trước của anh, đang sống gần gũi Krishnamurti, phát giác anh rất hăm hở làm những công việc nhà hèn hạ nhất; và điều này làm mờ đi sự tinh tế của họ. Họ đã mất đi sự tiếp xúc cùng bao la trong thời gian đó và từ từ bắt đầu đối xử với anh như một đứa trẻ, mà có thể bị la mắng, bị bỏ quên, bị dọa nạt, bị sai bảo phải làm gì và phải gặp gỡ ai.

Nó là một phần thuộc sự huyền bí của Krishnamurti mà, theo thời gian và lại nữa, anh đã cho phép điều này. Chính bản chất của anh đã khiến cho bất kỳ phản ứng hay hành động hung hăng hoặc quyết đoán nào không thể xảy ra được. Anh không bao giờ mất bình tĩnh. Cái trí dễ bảo của anh, không có cái tôi, và hoàn toàn ~~hủy~~ những người chung quanh khiến cho những người khác có thể xem như thể là đương nhiên. Anh sẽ ký bất kỳ giấy tờ nào được đặt trước anh bởi những người bạn thân, và thậm chí, thỉnh thoảng còn lặp lại những điều phi lý của họ. Việc này dẫn đến những hành động và những câu nói dường như mâu thuẫn, mà đã làm rối loạn những người bạn của anh. Tuy nhiên, khi anh có vẻ hoàn toàn bị vây quanh và bị chi phối, tình huống sẽ nổ tung từ những phức tạp của nó, để lại Krishnamurti không chạm đến được, tự do chuyển động; trái lại những người chi phối anh sẽ bị bỏ lại đầy tức giận, bị rối loạn, thường là tan nát.

Giữa những năm 1933 và 1939, Krishnamurti nhiều lần đến Ấn độ, tổ chức những nói chuyện cùng những lượng khán giả khá đông. Kèm theo cái chết của Mrs. Besant năm 1933 và sự chọn lựa George Arundale làm chủ tịch của Tổ chức Thông thái năm 1934, tất cả liên hệ giữa Krishnamurti và Tổ chức đã bị cắt đứt. Krishnamurti đã nói về Tổ chức Thông thái như một niềm tin có tổ chức, “và ý tưởng của một

Bậc Thầy đang dẫn dắt con người đến Sự thật không khi nào có trong niềm tin của tôi.”

Thế giới và truyền thông đã không còn hứng thú “Thầy Thế giới” sau khi anh phủ nhận vai trò của Tổ chức Thông thái đã tưởng tượng cho anh. Trong một khoảng thời gian dài, tên của anh biến mất khỏi báo chí và anh sống một sống vô danh.

Hướng về cuối những năm đó, một tổ chức mới, Krishnamurti Writings Inc. (K. W. I.), được thành lập có bộ chỉ huy đặt tại Ojai. Krishnamurti là người đứng đầu trên danh nghĩa, nhưng Rajagopal giữ một vai trò then chốt trong việc quyết định hội viên của tổ chức mới và những lãnh vực hoạt động của nó. Tuy nhiên, có một lãnh vực nơi người thầy trẻ tuổi, dù lương lực như thế nào, chối từ cho phép bất kỳ sự xâm phạm nào: Đó là sự khai mở, sự nở hoa của cái trí mới mẻ, và nên tảng yên lặng của sự nhận biết đang hình thành.

Krishnamurti ở Ojai năm 1939 khi Chiến tranh Thế giới lần thứ hai bùng nổ ở Châu Âu. Gần tám năm anh sống ở Ojai trong sự biệt lập tương đối. Chiến tranh đã kiểm chế những di chuyển của anh, và anh không còn có thể đi lại được nữa. Anh đã bị triệu tập bởi Ủy ban Nghĩa vụ quân sự của Mỹ, và phải đưa ra những giải thích chi tiết về vấn đề tại sao anh không thể chiến đấu và gia nhập quân đội. Ủy ban đề nghị anh nên trở về Ấn Độ. Anh đồng ý và yêu cầu họ gửi anh về, nhưng không có phương tiện vận chuyển. Thế là họ cho phép anh ở lại, nhưng anh bị cấm tổ chức những nói chuyện và phải báo cáo đều đặn cho cảnh sát.

Trong những năm sau, Krishnamurti sẽ kể về những năm quên lãng đó ở Ojai. Anh yêu mến những đạo bộ của anh trong những tĩnh mạch của những hòn núi vây quanh Ojai Valley. Anh đi bộ “khủng khiếp,” suốt vô số dặm, trải qua

nguyên những ngày dài trong vùng hoang dã, một mình, ăn uống cầu thả, lắng nghe và nhìn ngắm, dò dẫm thế giới bên trong và quanh quanh anh. Anh kể lại những tình tiết khi gặp những con rắn rung chuông và những con gấu hoang, đối diện chúng mà không có bất kỳ chuyển động nào của thân thể và cái trí. Con thú hoang ngừng lại, đôi mắt cảnh giác, thận trọng của nó đang gặp gỡ đôi mắt lặng lẽ của Krishnamurti trong nhiều phút; con thú, đang nhận biết được một vắng mặt hoàn toàn của sự sợ hãi, sẽ quay lại và đi khỏi.

Cái trí đang nhìn ngắm của Krishnamurti, tự do khỏi bất kỳ áp lực và phương hướng bên trong, đã nở rộ; và cùng nó một nhận biết cơ bản mãnh liệt, một nhận biết thân thể-cái trí qua đó đất, những viên đá, những cái cây, những chiếc lá đang nhú, những con côn trùng, những con bò sát, những con chim, những con thú chuyển tải câu chuyện về lịch sử của quả đất và sự bí mật của hồ sâu thăm thẳm của thời gian. Anh nói, “Khi tôi đi, tôi không suy nghĩ không có suy nghĩ. Tôi chỉ nhìn... Tôi nghĩ rằng những đạo bộ cô đơn của tôi đúng là đã làm cái gì đó.”

Krishnamurti nở lại thời gian làm vườn ở Arya Vihar, trồng hoa hồng và rau, vắt sữa bò, rửa chén đĩa. Sự thích thú mãnh liệt trong những đồ vật thuộc máy móc, mà anh đã có từ niên thiếu, sẽ tiếp tục; anh vẫn còn thích tháo rời những chiếc đồng hồ và những động cơ xe hơi để hiểu rõ chúng vận hành như thế nào, và sau đó ráp chúng vào lại. Anh đã được tặng một chiếc xe hơi bởi vài người bạn. Xăng hiếm lắm, nhưng, bất kỳ khi nào có thể, Krishnamurti thích lái hết tốc độ theo những con đường quanh co của thung lũng.

Những tường thuật về chiến tranh và sự tàn phá Hiroshima và Nagasaki đi bom nguyên tử đã khiến anh

ngập tràn sự kinh hoàng không thể diễn tả được, nhưng đã thức dậy những thấu triệt vào bản chất của bạo lực và tội lỗi. Đặc biệt thấu triệt này đã được làm sống động thêm cho anh vào một ngày khi anh đi đến vùng Santa Barbara gần bên. Một người đàn bà đến gần anh, cho anh những món kỷ niệm ở Nhật. Krishnamurti từ chối, nhưng bà ta quả quyết chỉ cho anh cái gì bà ta có trong cái lộp. Bà ta mở nó ra và trong đó là một cái tai và cái mũi của con người đã bị quất lại.

Miss Muriel Payne, người khẳng định đã săn sóc Krishnamurti ở Ojai khi anh bệnh nặng, kể với tôi rằng sự phản ứng của anh đối với sự tàn phá và tàn bạo của chiến tranh là rất đau thương. Anh hỏi đi hỏi lại, “Ích lợi của nói chuyện của tôi là gì?” Anh tìm kiếm nơi nương tựa một mình trong những hòn núi, cùng cây cối và những thú hoang. Anh trải qua nhiều tuần lễ cô đơn trong một cái chòi ở Wrightwood, trong những hòn núi San Gabriel gần Los Angeles, và ở Sequoia, xa hơn về phía Nam. Anh đã để một bộ râu quai nón.

Krishnaji kể lại công việc hàng ngày thuộc sống của anh trong cabin gỗ có chút ít đồ đạc trong vùng rừng rú. Anh thường thức dậy sớm vào buổi sáng, dạo bộ rất lâu, nấu bữa sáng, rửa chén đĩa và lau nhà và một tiếng đồng hồ mỗi ngày nghe bản hòa âm thứ chín của Beethoven (chỉ có một đĩa), lắng nghe, tham thiền. Không có quyển sách nào. Vào buổi chiều anh sẽ hát thánh ca tiếng Phạn được ghi nhớ từ thời niên thiếu của anh. Bài ưa thích nhất của anh là một bài tôn vinh Daksinamurti – Shiva là đạo sư tối thượng. Âm thanh của tiếng Phạn cất lên từ những chiều sâu của bụng anh – nó tràn ngập những cánh rừng, những âm thanh trinh nguyên được lắng nghe bởi những cái cây cổ thụ gỗ đỏ và cây thông, bởi chồn, gấu, và rấn rung chuông. Một con nhện ở chung cái

chòi cùng anh. Mỗi buổi sáng, Krishnamurti quét màngh nhện, trong đó có những con ruồi và những con côn trùng bị vướng bẫy; cẩn thận nhặt con nhện lên, anh sẽ đặt nó phía bên ngoài cái chòi, nhưng mỗi buổi sáng, con nhện cứ quay lại, giăng màngh nhện của nó. Một khổ thơ từ kinh *Upanishads*, được học thuộc trong thời niên thiếu của anh, có lẽ đã hiện ra trong cái trí của anh. “Như một con nhện lòi ra [khỏi chính nó] bằng cách [giăng] những sợi chỉ [từ thân thể riêng của nó], vậy là cũng như thế từ cái tôi này, tất cả sự sống thở, tất cả những thế giới, tất cả những thần thánh, tất cả những sinh vật tình cò trời dậy trong tất cả những phương hướng.”

Suốt nhiều ngày, nghi ễ giữa con nhện và Krishnamurti tiếp tục, một truyền đạt không từ ngữ; cuối cùng vào một ngày Krishnamurti nói với con nhện, “Pax, chúng ta hãy ở chung cùng cái chòi.”

Krishnamurti thỉnh thoảng có những người khách viếng thăm. Aldous Huxley, người đã định cư ở California và đang mất dần thị lực, dạo bộ cùng Krishnamurti trong nhiều tiếng đồng hồ. Thỉnh thoảng họ nói về những giác quan và sự mù lòa. Krishnamurti giúp Huxley; quyền năng chữa bệnh thức dậy. Anh sử dụng nó rất ít và bí mật, khá nhút nhát về nó, và thậm chí xin lỗi trước khi nói về nó.

Nhiều năm sau, khi được hỏi anh có ý gì khi anh nói về tất cả những giác quan đang vận hành cùng lúc, Krishnaji kể về việc gặp một người bạn bị mù khi anh đang sống trong những quả đồi. Họ đã bàn luận về những giác quan. Sau đó, một mình trong cái chòi, Krishnamurti trải qua một tuần lễ với hai mắt bị kín lại, để hiểu rõ việc gì xảy ra khi một giác quan mà người ta lệ thuộc bị hư hỏng. Anh nói về mỗi lỗ chân lông của anh, bởi vì thức dậy trọn vẹn, mỗi giác quan cẩn thận vận hành, đang bù đắp cho giác quan bị mất; về mọi

thứ phải ở trong vị trí đúng đắn của nó, phía bên trong và phía bên ngoài.

Cũng có những hàm ý rằng tại thời điểm đó, anh đã thử nghiệm nhiều khổ hạnh khắc khe của yoga – nhịn ăn một thời kỳ dài; quan sát hoàn toàn yên ả trong nhiều ngày; che kín những cơ quan thuộc giác quan bằng hai bàn tay để chặn đứng khả năng nhìn, âm thanh, và hơi thở; và nhận thấy rõ vô số vang dội của âm thanh phía bên trong. Nhưng anh loại bỏ những tư thế yoga này và coi như trò chơi, vòng ngoài, và không quan trọng.

Vẻ đẹp tỏa sáng và cuộc sống tuổi thơ, huyền thoại đầy xúc động của Krishnamurti đã kích thích sự hiếu kỳ và quan tâm của nhiều tác giả, diễn viên, và những người tìm kiếm đã định cư tại và quanh Los Angeles, ngoài Huxley ra. Gerald Heard là một trong những người đầu tiên của những người huyền bí phương Tây định cư ở California và mê say tìm hiểu tôn giáo của Ấn độ. Ông là một người bạn của Huxley, Krishnamurti, Christopher Isherwood, và Prabhavanand, một thầy tu của The Ram Krishna Mission. Huxley và Heard đã trở thành những người bạn thân của Krishnamurti. Nó là một liên hệ lạ lùng. Krishnamurti trong cuối những năm 1930 và đầu những năm 1940, rất nhút nhát, và có lẽ đã không cho phép những vô-giới hạn bên trong anh tự phơi bày. Ngược lại, không thể hiểu rõ sự phê bình về anh của Maria Huxley. Bà nói về anh trong những năm 1938 đến 1939, “Anh rất quyến rũ và vui nhộn và rất đơn giản. Anh phải đau khổ biết chừng nào khi anh được đối xử như một tiên tri?”

Aldous Huxley và người vợ đầu tiên của ông, Maria, thích đi picnic, giống như Krishnamurti. Anita Loos, viết về Los Angeles trong cuối những năm 1930, kể lại một vụ rắc rối mà, như bà viết nó, “đáng ra có thể xảy ra ở Alice trong

Wonderland.” Tại một picnic như thế, những người khách gồm gia đình Huxley và Krishnamurti; Greta Garbo, mặc quần vải mềm nhũn của đàn ông và đội một cái mũ méo mó; Charlie Chaplin và người vợ đẹp của ông Paulette Goddard, mặc bộ đồ nông dân Mexico; Bertrand Russel (người được diễn tả bởi Anita Loos như một “Nàng tiên nhỏ bé vui vẻ”); và tác giả Christopher Isherwood.

Không tìm được một khu picnic phù hợp, cuối cùng họ đi xuống mảnh đất đầy bụi rậm của sông Los Angeles. Khi họ đang chuẩn bị bày biện thức ăn đặc biệt của họ – Garbo mang ~~ũng~~ bó rau xanh, Goddard có rượu champagne và caviar, Krishnamurti cùng ~~con~~ cảnh – bỗng nhiên một người cảnh sát to lớn xuất hiện và hỏi, “Việc gì đang xảy ra ở đây vậy?”

Họ ngừng tất cả những chuẩn bị, “im lặng vì súng sọt.” Một người cảnh sát xuất hiện, tay cầm một khẩu súng. “Không một ai trong nhóm này biết đọc hay sao?” Ông ta hỏi Aldous Huxley, chỉ tay tới một cái bảng “Không xâm phạm.” Huxley năn nỉ người cảnh sát, hứa sẽ dọn dẹp nơi này và nó sẽ sạch sẽ hơn cả trước khi họ đến. Người cảnh sát tức giận và ra lệnh cho Huxley “Biến khỏi đây – và nó có nghĩa ngay bây giờ.” Huxley, đang suy nghĩ rằng nó có lẽ làm nguôi giận người cảnh sát bằng cách đề cập vài người nổi tiếng, chỉ vào Charlie Chaplin và Greta Garbo.

“Đừng lừa bịp tôi,” người cảnh sát hầm hè, “Tôi đã thấy những ngôi sao này trên màn ảnh và không ai mặc những bộ đồ kiểu này. Ra khỏi đây, các bạn những kẻ lang thang, nếu không tôi sẽ bắt tất cả các bạn.” Và thế là, Anita Loos nói, “Chúng tôi cuốn lều lại giống như những người Ả rập và lặng lẽ đi khỏi...”

Khoảng giữa những năm 1940, Krishnamurti và Huxley đã trở thành những người bạn thân. Họ gặp gỡ thường xuyên và dạo bộ cùng nhau nhiều lần. Huxley nói và Krishnamurti lắng nghe. Huxley bị bối rối; kiến thức rộng rãi của ông gặp quá nhiều khó khăn khi muốn hiểu rõ một cái trí được sinh ra từ sự nhận biết không bị vấy bẩn bởi hiểu biết. Luân phiên, Huxley lắng nghe và học yên lặng khi Krishnamurti nói về sự nhận biết, về thời gian, và về sự hiểu rõ. Điều mà cái trí của Krishnamurti đã gây hứng thú cho Huxley là quá rõ ràng. Tại một trong những dạo bộ, ông bảo cho Krishnamurti “rằng ông sẽ đổi tất cả mọi thứ để có được một nhận biết hiệp thông cùng sự thật, nhưng cái trí của ông không thể thực hiện điều đó. Nó bị nhét đầy bởi những hiểu biết.” Christopher Isherwood kể lại một nói chuyện với Huxley. Isherwood đang kể cho Huxley về những chỉ dẫn tham thiền được dạy cho ông bởi đạo sư của ông, Swami Prabhavanand, “thế là, ngay lập tức Aldous bảo tôi rằng Krishnamurti không bao giờ tham thiền trên “những vật” như những bông sen, những ánh sáng, những thần thánh nam nữ và thậm chí còn tin tưởng rằng nếu làm như thế, có lẽ dẫn đến sự mất trí.”

Nhớ lại sự liên hệ của anh với Huxley và Gerald Heard, Krishnamurti kể, “Tôi nhút nhát ghê lắm. Tất cả bọn họ đều là những người trí thức vô cùng. Tôi lắng nghe họ. Tôi xen vào một hay hai câu.” Nhiều thư từ qua lại giữa Krishnamurti và Huxley, và những ghi chú của Huxley về giai đoạn đó trong sống của ông, bị cháy rụi trong một vụ hỏa hoạn mà tiêu hủy ngôi nhà và tất cả những tài liệu của ông. Sau đó, Huxley đã viết lời giới thiệu cho quyển sách của Krishnamurti *The First and Last Freedom Tự do Đầu tiên và Cuối cùng*. Năm 1961, ngay trước khi ông chết, Huxley đã

nghe Krishnamurti nói tại Saanen, Thụy sĩ. Viết cho một người bạn, ông diễn tả nó “như trong số những sự việc ấn tượng nhất mà tôi đã lắng nghe... nó giống như lắng nghe bài giảng của Buddha – thật quyền năng, thật uy quyền bên trong, thật là một phủ nhận không khoan nhượng để cho phép bất kỳ một người bình thường nào những tẩu thoát hay những thay thế, bất kỳ những đạo sư, những người cứu rỗi, những người cha, những giáo hội. Tôi chỉ cho bạn sự đau khổ và kết thúc sự đau khổ, và nếu bạn không đáp ứng những điều kiện để kết thúc sự đau khổ; dù bạn gặp gỡ bất kỳ những đạo sư, những giáo hội, vân vân mà bạn có lẽ tin tưởng, hãy chuẩn bị cho sự tiếp tục vô tận của đau khổ.”

Tại Ojai, suốt những năm chiến tranh, Krishnamurti nhớ lại đã viếng thăm Gerald Heard ở Trabuco, “một câu lạc bộ của những huyền bí” được xây dựng cách Los Angeles một vài dặm bởi Gerald Heard và Felix Green, một người Anh nghiên cứu về Hán học rất quan tâm đến sự tìm hiểu tôn giáo Ấn độ. Gerald Heard, được diễn tả đầy hùng biện bởi Christopher Isherwood như “một trong vài người tạo ra sự tưởng tượng ảo thuật vĩ đại và những người phơi bày sự kỳ diệu của sự sống” đã xây dựng một khu ẩn dật có một sảnh tham thiền nhìn ra biển Thái bình dương. Krishnamurti viếng thăm Trabuco một tuần lễ do lời mời của Gerald Heard. Khi diễn tả về Trabuco cho chúng tôi, Krishnamurti nói về sự giống nhau của nó với một tu viện dòng Không nói – ngoại trừ rằng những con người ở đây có thể đến để ẩn dật và không bị trói buộc trong phần còn lại thuộc sống của họ. Những buổi tham thiền diễn ra khoảng sáu lần một ngày. Những người ở đó được cho phép nói chuyện vào buổi sáng, nhưng sau bữa trưa, sự yên lặng nghiêm ngặt được áp đặt. Krishnamurti tham gia trong năm buổi tham thiền; đang

ngồi kiết già trên nền nhà nhiều tiếng đồng hồ trong sảnh tham thiền được che tối, anh cảm thấy những suy nghĩ sôi sục trong những cái trí của những người đang tham thiền quanh anh. Bóng tối dày đặc được sử dụng như một trợ giúp để tạo ra cái trí yên lặng. Bầu không khí ma quái và những suy nghĩ hung bạo, hỗn loạn của những người khác gây bức dọc Krishnamurti nhiều lắm, và anh không bao giờ viếng thăm lại Trabuco.

Có lẽ lời bình phẩm sâu sắc nhất lại đến từ “những người đứng ngoài” đang sống trên Bờ biển Thái bình dương trong những năm 1940 và 1950 là từ Henry Miller, một tác giả sôi động, tục tĩu của một số trong những người viết văn xuôi hay nhất nổi lên từ Bắc Mỹ trong thế kỷ thứ hai mươi. Trong những năm cuối đời của ông Miller trở thành một người ẩn dật và sống tại Big Sur trên bờ biển phía Nam San Francisco. Ông chưa bao giờ gặp Krishnamurti; nhưng sau khi đọc một quyển sách viết về anh bởi Carlo Suarez, Miller đã viết:

Krishnamurti đã phủ nhận nhiều hơn bất kỳ người nào tôi có thể suy nghĩ ngoại trừ Christ. Tại cơ bản, quá đơn giản để hiểu rõ bản chất mộc mạc của anh đến độ rất dễ dàng nắm bắt được những hỗn loạn mà những từ ngữ và những hành động trực tiếp, chân thật của anh đã gây ra. Con người miễn cưỡng chấp nhận điều gì có thể nắm bắt dễ dàng.

Tôi chưa bao giờ gặp Krishnamurti, mặc dù tôi sẽ nghĩ rằng gặp được anh sẽ là một ân huệ vô cùng hơn là gặp bất kỳ người nào đang sống.

Nghề nghiệp của anh, độc nhất trong lịch sử những người lãnh đạo tinh thần, nhắc nhở người ta về thiên sử thi Gilgamesh nổi tiếng. Được hoan nghênh trong thời thanh niên của anh như Đấng Cứu rỗi sắp đến, Krishnamurti từ bỏ vai trò đã được chuẩn bị cho anh, hất hủi tất cả những môn đệ, bác bỏ tất cả những người thông thái và những người thầy. Anh khởi sự bằng không niềm tin và không giáo điều mới mẻ, chất

vấn mọi thứ, vun đắp sự ngờ vực (đặc biệt trong những khoảnh khắc ngây ngất), và, do nỗi sợ đấu tranh quả cảm và sự kiên trì, đã tự-giải thoát chính anh khỏi ảo tưởng và vui thú, khỏi kiêu ngạo và hão huyền, và mọi hình thức tinh tế của thống trị người khác. Anh đã đến tận nguồn của sự sống để thấu nhận sự nuôi dưỡng và cảm hứng. Muốn kháng cự lại những mưu mô và những giảng bầy của những người tìm kiếm, bắt anh làm nô lệ và trục lợi anh, đòi hỏi sự cảnh giác vô cùng. Anh đã giải thoát linh hồn của anh, nếu có thể diễn tả như thế, khỏi thế giới trần tục và thế giới trên cao, vì vậy mở toang đến nó “thiên đàng của những người anh hùng.”

Liệu cần thiết phải định nghĩa trạng thái này?

Năm 1945, khi chiến tranh kết thúc, Krishnamurti sẽ đi đến New Zealand, nhưng cảm thấy bị bệnh rất nặng. Anh bị nhiễm trùng đường tiết niệu, sốt cao, và bị hôn mê trong những thời kỳ dài. Có thể rằng những thay đổi lớn lao về tinh thần đã xảy ra trong anh suốt thời gian bệnh tật này. Anh nói về tự hồi phục một mình anh, về thân thể bị bỏ lại một mình. Những bác sĩ khám bệnh cho anh, nhưng có vẻ không thể chẩn đoán bệnh tật của anh, không thuốc men nào được kê ra.

PHẦN 2

KRISHNAMURTI Ở ẤN ĐỘ

1947 – 1949

CHƯƠNG 9
Họp mặt bạn bè

Vào ngày 15 tháng tám năm 1947, Ấn độ được độc lập và Jawaharlal Nehru là thủ tướng đầu tiên. Có đặc tính hỗn loạn và tuy nhiên không bạo lực, sự đấu tranh giành độc lập từ đầu thế kỷ thứ hai mươi được hướng dẫn bởi Mahatma Gandhi. Năm 1944, sự can đảm của đấu tranh không bạo lực chống lại sức mạnh quân đội của Đế quốc Anh đã thôi thúc những con người trong một thế giới đang đấu tranh để tự khôi phục lại sau cuộc chiến tranh bạo lực nhất trong lịch sử.

Nhưng sự độc lập ở Ấn độ cũng tạo ra một hậu quả cay đắng. Đề đạt được nó, tiểu lục địa rộng lớn đã bị phân chia, những lãnh thổ ở phía Bắc, Tây, và Đông bị cắt khỏi vùng đất chính, để thành lập The Islamic State of Pakistan mới. Những gia đình bị phân chia, tình bằng hữu bị tan vỡ. Bạo lực bùng nổ; tàn sát, hãm hiếp, hôi của, đốt phá được thấy rõ trong những vùng biên giới và vùng nội địa. Nhiều cuộc di cư to lớn của con người đã xảy ra; những người Ấn giáo chuyển về phía Đông, những người Hồi giáo phía Tây. Những người cai trị mới của Ấn độ, hầu hết đều đã trải qua nửa đời người trong ngục tù, bỗng nhiên được triệu tập để mang lại trật tự cho một lục địa đang bốc cháy và giải quyết vấn đề ty nạn thuộc loại chưa bao giờ được chứng kiến trước kia.

Krishnamurti đến Ấn độ, hai tháng sau độc lập, chắc chắn không thể là thời điểm thích hợp nhất. Một thế hệ già nua ở Ấn đang trôi chết, và thế hệ mới sanh ra bị bủa vây bởi sự khó nhọc và tan vỡ những giấc mộng. Những giết chóc nảy ra cùng sự tự do và sự phân chia của Ấn độ đã trở thành bi kịch cho những cái trí được áp ủ trong những lý thuyết bất bạo động. Chẳng có bao nhiêu thời gian để ngừng lại, để suy

nghĩ, để nhìn về tương lai xa xôi, để ngẫm nghĩ, để đặt ra những nghi vấn cơ bản. Đối với những người lãnh đạo và những người xây dựng Ấn độ, hành động được đặt nền tảng trên sự lập tức đã lấn lướt khả năng xảy ra của hành động được sinh ra từ tầm nhìn xa.

Những kho báu vô hạn của năng lượng được nằm im lìm trong thân thể và cái trí non nớt kinh ngạc của Krishnamurti. Khuôn mặt của anh năm 1947 dường như khác biệt về chất lượng khi so sánh với những bức ảnh chụp đầu tiên của anh trong những năm 1920 và 1930. Chắc chắn rằng thời gian rút lui thật lâu ở Ojai, được gây ra bởi những sức mạnh vượt khỏi sự kiểm soát của anh, đã cung cấp những không gian trong đó những năng lượng bùng nổ có thể hội tụ lại. Một thông minh đang hình thành, một hoàn hảo của cái trí, quả tim, và thân thể mà đẹp đẽ, uy nghi, và tinh tảo lạ thường. Khi được hỏi về những năm ở Ojai, anh nói, “Tôi nghĩ nó là một thời kỳ của không thách thức, không đòi hỏi, không hướng ngoại. Tôi nghĩ nó là một loại của mọi thứ được giữ bên trong, mọi thứ được nén lại; và khi tôi rời Ojai tất cả nó vỡ tung.”

Một tình trạng được nung nóng sáng rực phía bên trong đã thay đổi khuôn mặt của Krishnamurti; cổ xưa nhưng không ô ỉa bởi thời gian. Đôi mắt đen xanh phản ánh tầm nhìn sâu của người thầy. Trông không thăm thẳm tuy nhiên lại đặt nền tảng trong từ bi, chúng là đôi mắt tiên tri đã thấu suốt những khoảng cách vô hạn. Mái tóc hơi hơi bạc của anh, chải ngược về phía sau, phơi bày vẻ đường bệ của cái trán. Hai dải tai dài, bộ đầu và xương sống thẳng đứng, eo vừa vặn, hai vai suông. Anh bước đi bằng những sải chân dài, hai bàn chân ấn xuống, chìm vào đất, tạo ra những không gian trong đó anh đi. Hai cánh tay dài thẳng xuống hai bên hông,

hai lòng bàn tay mở và lật vào trong. Từ lần đầu tiên gặp gỡ anh của tôi, tôi để ý thấy sự bất động lạ thường của thân thể anh. Khi yên ĩnh không có nhiều chuyển động của bộ đầu, hai vai, hay cột sống; khi cần thiết hành động xảy ra, thân thể phản ứng bằng một nghiêm trang và duyên dáng tự nhiên, bằng sự chính xác và một hao phí năng lượng tối thiểu.

Khi nói chuyện hai bàn tay đảm đương những cử chỉ tượng trưng, chúng mở ra, nghi ngờ, dò hỏi, chứa đựng, chỉ hướng. Khi thư giãn, hai bàn tay nghỉ ngơi.

Lần đầu tiên anh đến Ấn độ một mình. Tất cả những ràng buộc và những kiểm hãm đã buông bỏ. Suốt sống của anh, anh đã được giam cầm, được bảo vệ. Thoạt đầu, bởi sự thương yêu và quan tâm của cha anh, sau đó bởi Tổ chức Thông thái và những mong đợi của họ về nhiệm vụ anh sẽ đảm trách như Thầy Thế giới. Khi anh rời Tổ chức Thông thái, những nghi lễ và những thứ bậc của nó, sống bên ngoài của anh được phụ trách bởi Rajagopal và Rosalind. Chín năm ở Ojai đã chia cách anh khỏi những người bạn ở Ấn. Từ từ, những người bạn trung thành, già yếu đang chết đi hay đang bị gạt đi. Tuy nhiên, lúc này không có ai để chất vấn, đề hoạch định ngày tháng của anh, để quyết định anh sẽ gặp ai, anh nên đi đâu. Phía bên ngoài và phía bên trong, anh hoàn toàn tự do.

Suốt những năm, bất kỳ khi nào anh quay lại Ấn độ, hành động đầu tiên của anh sẽ là cởi bỏ quần áo phương Tây và mặc vào quần áo Ấn độ. Cùng sự thay đổi quần áo này, tính cách, những thái độ, và những phản ứng của anh cũng thay đổi. Ở phương Tây anh trang trọng hơn, với những cách cư xử tế nhị thuộc Thế giới Cổ kỹ. Anh theo một sống rút lui, gặp gỡ rất ít người; những bàn luận lâu và những thấu triệt khỏi sự tại bữa sáng hay bữa trưa, được thân mật quyện vào

sống của anh ở Ấn độ, không hiện diện. Những nhận biết nảy ra trong những dạo bộ hay trong những nói chuyện ngẫu nhiên rõ ràng đã không được ghi lại.

Với cái áo choàng của Ấn độ, chiều dài của nó cho anh hình dáng của một khất sĩ, tự nhiên anh đảm trách vai trò của Người Thầy. Nhiều thế kỷ của sự trầm tư và quan tâm đến trạng thái khác lạ bị ngủ im lìm trong đất đai của Ấn độ đã thấm thấu trong anh. Anh trông có vẻ cao hơn, hai vai xuôi được phô bày bởi hình dáng của cái áo. Bước đi của anh có sự oai vệ của voi chúa trong một cánh rừng.

Những người đàn ông và đàn bà trẻ tuổi đã tụ họp quanh Krishnaji ở Bombay (nhiều người trong số họ, giống như tôi, sẽ ở cùng anh trên ba mươi năm) đến từ những ngành khác nhau – chính trị, văn chương, học thuật, và xã hội. Nhiều người trong số họ đã tham gia vào sự đấu tranh giành tự do và đã được tôn vinh là những anh hùng chính trị. Đây kinh hoàng bởi những biến cố tiếp theo sự chia cắt Ấn độ, họ mất đi sự thấu hiểu tiên tri để thấy sự hỗn loạn sẽ đối diện Ấn độ của tương lai. Tuy nhiên, họ dư thừa nhạy cảm để không chia sẻ trong trạng thái mãn nguyện hoang dại của sự tự do mà đã dẫn dắt vô số người tin tưởng rằng kèm theo sự rút lui của sự cai trị của người Anh ở Ấn độ, một Kỷ nguyên Vàng được đặt nền tảng trên những giá trị đạo đức của chủ nghĩa không tôn giáo, chủ nghĩa xã hội, và một kết thúc của sự nghèo đói đã bắt đầu lộ diện.

Họ đã lờ mờ thấy được sự khô cằn của tham vọng, cay đắng, và tham lam nằm phía sau những khẩu hiệu và những từ ngữ phô trương. Những lý tưởng dẫn dắt họ qua những năm đấu tranh chính trị đã tan thành mây khói đối với họ, và kèm theo nó là những cấu trúc từ ngữ đã nuôi nấng họ. Họ bị

đối diện với sự hoang mang, sự mâu thuẫn, và cái gì có vẻ là một bức tường trở trệ.

Họ tụ họp lại bởi vì sự rạn vỡ và từ bi tỏa ra từ sự hiện diện của Krishnamurti; và bởi vì những đau buồn và những tuyệt vọng cá nhân, sự đau khổ, mà họ cũng không thể đối diện hay xua đuổi; và sự vô dụng của họ để cho một phương hướng có ý nghĩa đến sống của họ. Buddha đã ra lệnh cho những người theo ngài bằng tiếng gọi “*Ehi Etha,*” Hãy đến đây các người. Tiếng gọi yên lặng của Krishnamurti cũng cùng bản chất.

Trong số những người gặp gỡ K tại phi trường là Sir Chunilal Mehta, một người tư bản công nghiệp nổi tiếng, đã phục vụ như một hội viên của Hội đồng Chính phủ trong điều gì lúc đó là chức vụ chủ tịch Bombay. Một người ngưỡng mộ nhiệt thành của K, Sir Chunilal quá sung sướng khi, quay về nhà, ông kể cho người con dâu Nandini về “một con người trẻ tuổi kỳ diệu này, mà chạy xuống những bậc thang máy bay – và giống như một tia sáng tiến về phía chúng tôi.” K đang ở tại nhà của Ratansi Morarji trên Carmichael Road. Nó là ngôi nhà thoáng mát vào những buổi sáng, và nhiều người đã tụ họp khi Chunilal Mehta và Nandini đi vào. Tốt nhất điều gì đã xảy ra nên được kể trong những từ ngữ của Nandini:

“Tôi đi đến ngôi trên nền nhà trong một góc phòng, cảm thấy hơi hơi căng thẳng. Tôi thấy một hình bóng trong một cái áo *kurta* dài rộng màu trắng đang ngồi lưng thẳng băng ở xa. Căn phòng đông nghẹt người, và K đang ở giữa một bàn luận. Kakaji [Sir Chunilal] đang ngồi đối diện K và chẳng mấy chốc đã tham gia vào bàn luận. Một phút sau K, mặt của ông đang nhìn hướng khác, quay lại và điềm tĩnh nhìn tôi trong vài giây. Thời gian ngừng lại đối với tôi. Ông

quay lại và tiếp tục bàn luận của ông. Thỉnh thoảng sau đó, ông quay lại và nhìn sâu vào đôi mắt của tôi, và lại nữa thời gian ngừng lại. K tiếp tục bàn luận của ông. Nhưng tôi hoàn toàn không biết được điều gì đang được nói.

“Bàn luận chấm dứt và mọi người bắt đầu đứng dậy rời đi. Tôi chồm dậy và thấy K đang đứng trước mặt tôi. Thấy K đang tiến đến gần tôi, Kakaji vội vã chạy đến và giới thiệu tôi như là ‘Nandini, con dâu của tôi’ – Krishnaji đã bắt đầu cười to, không mỉm cười, nhưng cười to – tôi chưa bao giờ nghe tiếng cười sâu và vang rền như thế. Âm thanh của một dòng suối Himalayas đang chảy từ tảng đá này sang tảng đá khác, đang hòa lẫn cùng một dòng suối khác. Ông hỏi, ‘Tại sao bạn đến?’ Không kiềm chế được những giọt nước mắt bắt đầu lăn xuống hai má của tôi. Ông tiếp tục cười vang và nước mắt của tôi tiếp tục chảy. Ông cầm tay tôi và cầm thật chặt. Lại nữa ông hỏi, ‘Tại sao bạn đến?’ và cuối cùng tôi có thể nói, mặc dù những giọt nước mắt cứ đều đều chảy ra. ‘Con ~~ai~~ mong đợi suốt ba mươi năm để gặp ông.’ [Nandini ba mươi tuổi tại thời điểm đó.] Tiếng cười của K tiếp tục. Sau đó, buông tay tôi ra, ông đặt lòng bàn tay trên đầu tôi và để ở đó một vài giây. *Pranams** của tôi đối với ông bộc lộ qua những giọt nước mắt của tôi.

“Trong xe hơi dường như Kakaji hơi bối rối, quay lại bảo tôi, ‘Con thấy ông chứ? Điều mà ông lưu ý đến con là một ân huệ to tát cho con. Đừng bị điều đó làm con choáng váng.’ Mỗi ngày, tôi bắt đầu theo Kakaji để gặp K. Một buổi

* Những từ ngữ pranam và namaskara có cùng ý nghĩa ngoại trừ rằng pranam có một đặc điểm kính trọng nhiều hơn trong nó. Nó là một hình thức truyền thống của sự chào hỏi, hai tay chắp lại giống như trong cầu nguyện.

sáng K hỏi, ‘Bạn không muốn gặp tôi hay sao?’ Tôi không trả lời. Tôi không biết liệu có thể gặp ông.”

K sẽ rời đây để đi Madras mau thôi, và chỉ khi anh quay lại, Nandini mới bắt đầu gặp anh.

Maurice Friedman, một kỹ sư người Balan, cũng ở tại Carmichael Road để gặp K khi anh đến. Một người đàn ông nhỏ lưng còng, ông mặc một *kurta* và một bộ *pyjama* rộng không vừa vặn lắm. Khó khăn để xác định tuổi tác của ông. Là một người trong Tổ chức từ khi còn niên thiếu, ông đã đến Ấn độ để làm việc như một kỹ sư ở Bangalore. Thật mau chóng, ông không còn **lưng** th ú trong công việc, khoác vào một chiếc áo cà sa, giữ những lời thề, và trở thành một khát sĩ, mang tên là Bharatanand. Từ vị trí cực bắc của Ấn độ đến Kanyakumari ở sâu về phía Nam, ông thực hiện chuyến hành hương – bàn chân **tàn**, ăn thức ăn người ta cho, ở trong *maths* (những tu viện) hay dưới những cái cây, bàn luận với những yogi và fakir. Ông đã gặp những người thông thái và có những bàn luận cùng những người thầy tôn giáo, nhưng phát giác rằng sự thức dậy không nằm trong mã bề ngoài của chiếc áo cà sa và cái chén ăn xin. Thế là, từ bỏ chiếc áo cà sa, ông đến và ở lại tại *ashram thiền viện* của Ramana Maharshi trong vùng sâu phía Nam. Ramana được coi như là một người đã giải thoát; một vị thánh đã cởi bỏ tất cả những trói buộc và đã thăng hoa cái tôi.

Một câu chuyện đáng ngờ kể lại làm thế nào Friedman đến một con sông có lũ vào một ngày nào đó. Suy nghĩ về sống và nguyên nhân, ông tự nhủ với mình, “Nếu tôi sẽ chết, tôi sẽ bị cuốn đi; nếu tôi phải sống, những dòng nước sẽ cứu tôi.” Thế là ông trằm mình vào dòng nước cuồng nộ, và được quăng lên bờ. Ba lần ông trằm xuống, và ba lần nước không thấu nhận ông. Thế là, bị dày vò bởi thân thể nhưng không

nản lòng trong tinh thần, ông nói, “Số mạng muốn tôi sống.” Ông quay lại tu viện. Nửa đường ông gặp Ramana Maharshi, người đã nhìn ông và nói đầy nhẹ nhàng nhưng nghiêm nghị, “Đừng đùa giỡn ngu xuẩn với bản thân của bạn nữa.”

Trong khi là một *khất sĩ*, Friedman đã sống vài năm tại Sevagram, *ashram* thiền viện của Gandhiji gần Wardha, ở Maharashtra. Ông đã dùng những kỹ năng kỹ sư của ông để giúp đỡ phát triển ambar charkha, bánh xe quay nhiều trục, và đã tham dự nhiều chương trình phát triển được khởi sự bởi Gandhiji. Quan tâm sâu sắc đến K và những lời giảng của anh, ông đã đến Bombay để ở cùng anh. Friedman đã tham gia những bàn luận rất nhiệt thành, nhận vào trách nhiệm thông dịch, và mở đầu những bình phẩm của ông bằng, “Nói cách khác...” Nồng nhiệt, tế nhị, thông minh, rất hiếu kỳ, nhưng với một tiếp cận hơi bị biến dạng đối với sống, ông hành hạ mình bởi những trói buộc của ông, không thể thâm nhập vượt khỏi những giới hạn tự tạo riêng của ông về những từ ngữ và những ý tưởng.

Jamnadas Dwarkadas, một người khách kiên trì khác, là một người mập mạp mặc một *dhoti*, một cái mũ Gandhi màu trắng, và *kurta*. Dwarkadas xuất thân từ một gia đình rất giàu có ở Kutch. Định cư từ lâu ở Bombay, nhiều anh em đã nổi tiếng trong ~~những~~ lĩnh vực khác nhau. Jamnadas Dwarkadas, một người chính trị và kinh doanh, đã là một người cộng tác và bạn thân của Dr. Annie Besant. Có một tâm hồn hào phóng và một hy sinh tận tụy với K, ông đã trao tặng rất nhiều của cải của ông. Qua nhiều năm ông ~~đã~~ mất những của cải gia đình, nhưng sự rộng rãi và sự thay đổi bất hạnh của ông đã không làm giảm sút bản chất hào phóng của ông. Ông sẽ ôm chầm K, khóc lóc đầy cảm xúc, và ngồi yên lặng đôi mắt nhắm lại suốt những bàn luận, một cái nhìn

ngậy ngát trên khuôn mặt tròn trĩnh hiền hậu của ông. Ông sẽ kể cho chúng tôi những câu chuyện về thời niên thiếu của Krishnamurti; bởi vì Jamnadas có một trí nhớ phi thường và một kho dự trữ của những chuyện vặt. Trẻ em trong gia đình tôi tụ tập quanh ông, bởi vì ông khiến cho chúng bị mê hoặc bởi những câu chuyện của K và Dr. Besant. Một *vaishnava*,* ông mang cho K những vòng hoa nhài rất đẹp đan lẫn với những cánh hoa hồng để giống như những viên ngọc trai và hồng ngọc; ông sẽ khẳng khẳng rằng K phải đeo vòng hoa thơm ngát này sau những bàn luận và những nói chuyện của ông. Tôi nhớ lại đang đứng cùng Nandini tại chân cầu thang dẫn đến hành lang nơi K tổ chức những bàn luận. K đứng tại đầu cầu thang, một hình bóng mảnh khảnh màu trắng, với hoa nhài quanh cổ anh, một vòng hoa dài đến tận hai đầu gối. Luôn luôn gần chạng vạng tối khi những bàn luận chấm dứt, và những tia ánh sáng thường óng lên trên mái tóc của K, chải ngược khỏi trán, trong khi đôi mắt của anh mỉm cười nhìn xuống chúng tôi.

Cũng vậy, trong số những người tụ họp tại Madras để gặp gỡ K trong tháng mười năm 1947 là một người hóa học trẻ có tên là Balasundaram, đang dạy tại Institute of Science ở Bangalore. K đang ở tại Sterling Road, Madras, nơi ông nói chuyện và tổ chức những bàn luận trước công chúng. Người chủ nhà của ông là R. Madhavachari, người đại diện ở Ấn độ của Krishnamurti Writings Inc. và là một kỹ sư ở Southern Railways.

* Một *vaishnava* là một người tôn sùng Krishna. Nhưng từ ngữ này cũng chuyển tải một lối sống đạo đức nào đó, như ăn chay, bố thí, từ tế và hiến dâng.

Số người tham dự tại những nói chuyện rất ít; một vài người cũ thuộc Tổ chức Thông thái, vài tác giả và giáo sư, và một ít người trẻ là khán giả. Trong số họ là Shanta Rao, vũ công *bharat natyam**; cô dành nguyên ngày ở Sterling Road, mang cho K nức cam, giúp phục vụ thức ăn của anh, và đóng vai như một *dwarpal*, một người giữ cửa phía bên ngoài cửa ra vào của K.

Đây là những năm trước khi Shanta Rao nổi tiếng, rục rờ trên lãnh thổ Ấn độ, như một trong những vũ công *bharat natyam* sáng chói nhất đã trình diễn trong nước Ấn độ tự do. Shanta tham gia môi trường của K bằng cùng sự hùng biện và sự hiện diện được bảo đảm giống như cô trình diễn trên một sân khấu. Cô sẽ dành những thời gian thật dài ở Madras lắng nghe những nói chuyện của anh, có những phỏng vấn với anh, hay chỉ ở phía sau. Trẻ tuổi, cùng một thân thể như báo gấm và cái trí mạnh mẽ, kiêu căng, cô đã học *Natya Sastras*† và đã học nhảy múa dưới kỷ luật của những đạo sư vĩ đại về *bharat natyam* và *kathakali*.‡ Sự tự tin vô cùng hiển hiện rất rõ ràng trong tư thế và những từ ngữ của cô. Cô chất

* *Bharat natyam*: những vũ điệu được sinh ra từ những nghi thức thờ cúng trong những ngôi đền của Ấn độ. Từ giữa thế kỷ thứ hai mươi *bharat natyam* bắt đầu được nhảy múa bởi những người phụ nữ thuộc giai cấp cao hơn và được chuyển từ ngôi đền đến sân khấu, từ nghi thức đến nghệ thuật và giải trí.

† *Natya Sastras*, được viết giữa năm 200 Trước CN và 200 Sau CN bởi hiền nhân Bharat Muni, là một quyển sách chuyên luận về những nghệ thuật kịch nghệ, kịch câm, vũ, nghệ thuật dàn dựng sân khấu. Một lý thuyết về thẩm mỹ đã hình thành yếu tố cơ bản của quyển sách.

‡ *Kathakali* là vũ điệu, kịch câm và kịch nghệ. Được phụ họa bởi tiếng trống mạnh và bài hát, nó phát triển trong những cung điện của những vị vua Nayar của Kerala. Những câu chuyện được đặt nền tảng trên những

vấn K về bản chất của vẻ đẹp – liệu nó ở phía bên ngoài hay phía bên trong, và mức độ đo lường của nó là gì.

Có lẽ cô đã gây ảnh hưởng K, người đã viết về một vũ công trong quyển *Commentaries on Living Bình luận về Sống* của ông:

Cô là một vũ công, không phải do nghề nghiệp nhưng do chọn lựa. Đúng là cô đã cảm thấy tự hào về nghệ thuật của cô, bởi vì có sự kiêu ngạo quanh cô – không chỉ sự kiêu ngạo của thành công nhưng còn cả sự kiêu ngạo của sự công nhận bên trong nào đó về giá trị tinh thần riêng của cô. Giống như một người khác sẽ thỏa mãn với sự thành công phía bên ngoài, cô ấy hài lòng với sự tiến bộ thuộc tinh thần. Cô ấy không chỉ nhảy múa, nhưng cũng tổ chức những nói chuyện về nghệ thuật, về vẻ đẹp, và về sự thành công thuộc tinh thần.

Một người khách khác mà cộng tác mật thiết cùng K qua những năm ở Ấn độ của anh là Sunanda nhanh nhẹn, có đôi mắt nai, con gái một hội viên cũ của Tổ chức Thông thái, có một trí tuệ nhạy bén và đang học luật và đang chuẩn bị cho kỳ thi vào bộ Ngoại giao. Cũng vậy, hàng ngày cô dành ra khoảng thời gian nào đó cùng K tại Sterling Road – nói về những giấc mộng cho tương lai của cô, những vấn đề cá nhân của cô, hay quan sát anh khi anh đang đánh bóng đôi giày hay ngồi yên lặng trong khi anh đang viết thư. K đùa cợt với cô, ca hát cùng cô, ~~ho~~ với cô rằng cô còn quá nhỏ để suy nghĩ về việc ổn định sống, và khuyến cô ra ngoài để quan sát

thiên sử thi, *Mahabharata* và *Ramayana*. Những vị vua Nayar thuộc tầng lớp quân đội. Xã hội là mẫu quyền. Những Brahmin đều có học thức và quyền hành. Những trang phục, những mặt nạ vẽ hình màu, và những cử chỉ rất kiêu cách được hòa hợp thành hình thức *kathakali* của vũ điệu.

thế giới. Những giác quan của cô hừng hực, cô phản ứng đầy đam mê trước sự hiện diện của K và bị quét sạch bởi sự chú ý vô hạn của anh.

Trong những năm đó, K rất dễ đến gần. Mukund Pada, một thanh niên trẻ mà sau đó sẽ khoác vào chiếc áo cà sa, nhiều năm sau đã viết cho tôi về gặp gỡ của anh với K năm 1947:

Trở lại Madras, lần đầu tiên vào tháng mười hai tôi tham dự một nói chuyện bởi một người thuộc Tổ chức Thông thái có tên là J. Krishnamurti như được diễn tả bởi một người lớn tuổi. Nói chuyện đã khiến tôi choáng váng và lật tung tôi khỏi tâm điểm của tôi. Đang đứng lạc lõng và vô vọng sau nói chuyện, Krishnaji đang đi ngang qua tôi, bỗng nhiên ngừng lại và choàng một cánh tay quanh tôi yêu cầu Shri Madhavachari sắp xếp một phòng vấn cho tôi vào một thời điểm nào đó. Phòng vấn giữa một viên sỏi tâm thường và núi Himalayas là một luồng gió của Vũ trụ, Vĩnh hằng. Nó để lại cho tôi một vỡ vụn và run rẩy khắp chân tay. Khi Krishnaji đang nói, tôi bị sét đánh trong một nhận biết rằng những hạt giống của thông điệp của ông đã hiện diện ở đó trong bộ não của tôi rồi. Chính là tiếng nói của Sự thật đã chuyển tải sang tôi. Những từ ngữ cuối cùng của ông cho tôi lúc chia tay, khi ông đến cửa ra vào, “Thưa bạn, hai bông hoa hay hai vật có thể tương tự, nhưng không giống nhau,” bỗng nhiên mở toang một không gian vô hạn. Lặng lẽ, những từ ngữ hiện ra trong cái trí của tôi. “Vâng, thưa ông, ông là Ân lành đang đạo bộ lẫn trong con người. Hai bông hoa có lẽ tương tự. Ông là bông hoa không có gai – tôi, tôi có nhiều gai hơn bông hoa.” Ô, ông đã cười lạ thường làm sao – tiếng cười của ông giống như một tiếng sét đánh trong một đám mây đông.

Dr. Balasundaram phát hiện rằng những người thuộc Tổ chức Thông thái cũ đã già nua. C. Jinarajadasa, lúc đó là chủ tịch của Tổ chức Thông thái và đang đội một cái mũ màu tía, thường xuyên viếng thăm Krishnaji. Họ có những nói chuyện lâu, nhưng Krishnamurti không đi vào khu vực của

Tổ chức Thông thái – mặc dù anh đạo bộ lâu trên bãi biển Adyar. Sanjeeva Rao, một người quen cũ của Dr. Besant và một người giáo dục nổi tiếng đã xây dựng những học viện giáo dục của Krishnaji ở Varanasi, và người vợ của ông Padmabai, một người bạn của Krishnaji và một người giáo dục cũng nổi tiếng như thế trong quyền hạn riêng của bà, là những người khách bền bỉ.

Một nhóm bàn luận nhỏ đã bắt đầu, nhưng hầu hết những người tham gia đều rất mệt mỏi và già nua và chẳng có bao nhiêu sự tiếp xúc cùng lời giảng mới mẻ to tát. K bảo họ, “Các bạn đang bám vào cái đã được biết. Hãy buông bỏ đi.” Họ trông bối rối, cố gắng để ra vẻ mạnh mẽ, nhưng chẳng có bao nhiêu năng lượng được sinh ra.

Balasundaram diễn tả cho tôi một khoảnh khắc thâm thúy suốt một bàn luận về “sự kết thúc của cái đã được biết.” Một người già của Tổ chức tên là Narhari Rao đã giơ tay lên và, trong một giọng nói run run, đã nói với Krishnaji, “Chờ đã, thưa ông, chờ đã – cái không biết được đang đến.”

B. Sanjeeva Rao theo cùng Krishnaji khi rời anh t Madras quay lại Bombay vào đầu tháng giêng năm 1948. Họ đang ở với Ratanji Morarji tại Carmichael Road. Mỗi buổi sáng và buổi chiều Krishnaji sẽ ngồi trong phòng khách, được trang trí theo phong cách Trung hoa, ghé chạm trổ, và những bức màn khảm đá quý. Những người muốn gặp anh vào thăm và ngồi cùng anh, đưa ra những câu hỏi, bàn luận những vấn đề hay nói cho anh tin tức của ngày hôm đó.

Nổi bật trong số những người viếng thăm là hai thanh niên trẻ mặc *khadi* vải se trắng và thêu bằng tay sạch sẽ: Rao Sahib Patwardhan và Achyut Patwardhan. Người cha của họ là một người địa phương giàu có và được kính trọng của Ahmadnagar ở Maharashtra, đã là hội viên của Tổ chức

Thông thái, và đã là một môn đệ thuần thành của Annie Besant. Ông chết trẻ, để lại gánh nặng của một gia đình đông con cho người con trai cả, Rao Sahib Patwardhan. Trước khi qua đời ông đã trấn trối cho hai cậu trai lớn rằng họ phải dâng hiến sống của họ cho Krishnaji và công việc của anh. Dù xảy ra bất kỳ việc gì trong tương lai, họ không bao giờ phủ nhận người thầy vĩ đại.

Đẹp trai, đầy nam tính, khắc khổ, cùng một chính trực không thể lay động, Rao Sahib và Achyut là hai anh em nhiệt tâm. Trong gia đình của anh, Rao Sahib là một gia trưởng độc đoán. Mê mải sự học hành, không kiên nhẫn với phụ nữ ngoại trừ vài người hiếm hoi mà phù hợp với tiêu chuẩn của bộ não và quả tim của anh, anh tự đặt cho anh những tiêu chuẩn về đạo đức và thực hành một khắc khổ khiến cho sống trở thành đau khổ với gia đình của anh và đặt những giới hạn dựa vào tiềm năng của anh. Anh say mê làm việc để cải thiện sự nghèo đói và túng thiếu và kết hợp chặt chẽ với Sarva Seva Sangh, một tổ chức phục vụ được thành lập quanh Gandhiji; nhưng chính lý tưởng chứ không phải sự vận hành của công việc mà cuốn hút anh. Anh không là một người xây dựng, cũng không là một người tổ chức. Có lẽ bài học rằng không có gì là không có giá trị đã lần tránh anh. Cuộc vận động của đấu tranh cho sự tự do rất to tát, và những diễn viên đã đảm trách vai trò của những anh hùng. Sự đấu tranh đã không chuẩn bị những người chiến đấu của độc lập này cho một công nghệ làm việc mà sẽ đòi hỏi một hiểu rõ về mọi chi tiết cần thiết của sự phát triển. Một thấu triệt vào những sự việc có vẻ tầm thường là một phần thuộc thiên tài Gandhiji và nền kinh tế phát triển trong quốc gia của ông. Hai mươi năm độc lập sẽ trôi qua trước khi sự thật cốt lõi được sáng sủa.

Rao Sahib ắt mãnh liệt, nhưng anh ấy lại yếu ớt và nhạy cảm đến vẻ đẹp. Một lãng mạn, sự khắc khổ và giác quan đã đấu tranh bên trong con người anh và khiến anh lưỡng lự và xoá tan ngay cả dấu hiệu nhỏ nhoi nhất thuộc ý tưởng vật chất của những giác quan. Lãnh vực duy nhất anh cho phép buông thả là trong sự liên hệ với K, và trong trồng hoa hồng hay bụi parijataka.

Sự việc anh không bao giờ phá vỡ những giới hạn của sự khắc khổ tự áp đặt và môi trường hạn chế là một bi kịch cá nhân. Bên trong anh là một cái hồ dự trữ, có thể thâm nhập và truyền đạt bằng sự phong phú. Sự hung hăng thuộc Brahmin và sự phủ nhận để khẳng định điều gì phù hợp tiêu chuẩn đạo đức của anh, cùng một bất lực để thâm nhập bất kỳ thứ gì đến những giới hạn của nó, đã sinh ra sự xung đột và khiến cho anh bị quy định và bị giới hạn.

Người em của anh, Achyut, là một người trí năng, một từ ngữ ở Ấn độ có nhiều ý nghĩa rất rộng. Anh sống trong một thời đại hoan nghênh Karl Marx như người sáng lập của con người được giác ngộ mới mẻ, và Achyut, cùng hai người bạn của anh Jai Prakash Narain và Acharya Narendra Dev, đã trở nên không còn kiên nhẫn với sự lãnh đạo truyền thống cổ lỗ, mà quan tâm chính đến sự duy trì tình trạng bảo thủ. Cùng nhau, họ thành lập Đảng Xã hội của Ấn độ. Trái ngược hoàn toàn với Rao Sahib, Achyut không có cảm xúc; trong anh cái trí điều phối hành động. Anh là một người lãnh đạo của con người, một người chiến đấu; và suốt một thời kỳ dài thuộc sống của anh, những kết cuộc đã khẳng định những phương tiện. Nhưng sự bất lực để mang những mặt nạ hay để giấu giếm những cảm xúc của anh đã ức chế anh. Anh có một tánh khí hung bạo và hiếm khi nào có thể cho phép bị cản trở.

Năm 1929, khi sự đấu tranh cho tự do ở Ấn độ lên đến đỉnh điểm, hai anh em đến gặp Krishnamurti, “Ông thực sự có ý điều đó khi ông nói ‘phủ nhận tất cả uy quyền?’” K trả lời, “Vâng, cái trí phải khước từ uy quyền và tìm hiểu mọi thứ.” Phản ứng của Achyut là rằng, đối với anh, sự tự do của Ấn độ là sự tự do quan trọng duy nhất. Bằng sự nhận xét này, anh rời Krishnamurti, và anh cùng Rao Sahib lặn xả vào sự đấu tranh giành độc lập – chiến đấu chống lại sự cai trị thuộc địa của người Anh, bị bỏ tù rất lâu, kết bạn bên trong những bức tường nhà tù, đọc sách và suy gẫm.

Năm 1938, lần cuối cùng Krishnamurti ở Ấn độ trước năm 1947, Achyut gặp anh ở Rishi Valley. * Madrid đã rơi vào Nội chiến Tây ban nha và Achyut rơi nước mắt. Nói chuyện với Achyut, K đã nói rằng trong sự thất bại này anh thấy sự khởi đầu của Chiến tranh Thế giới lần thứ hai. Anh phê bình rằng anh không thấy nhiều khác biệt giữa chủ nghĩa phát xít và chủ nghĩa cộng sản. Achyut kịch liệt phủ nhận điều này. K đã lặp lại, “Cả hai đều là những chủ nghĩa chuyên chế.” Nó là một sự thật chính mà Achyut sẽ nhận ra trong những năm sau.

Phong trào Quit India năm 1942[†] khiến cho Rao Sahib Sahib vào tù, trong khi Achyut rút vào bí ẩn vô mục đích,

* Rishi Valley, cách Madanapalle nơi sinh của Krishnaji mười dặm, được đặt tên như thế do quả đồi có hình tháp, Rishi Konda, nằm ở phía tây của thung lũng. Đang tìm kiếm để có một vị trí thích hợp cho một trường học, Krishnaji, cùng vài người bạn, đã bắt gặp cây đa to lớn từ vệ đường. Anh ngừng lại và nói, “Đây là nơi đó.”

† Một cuộc họp của toàn ủy viên quốc hội Ấn độ được tổ chức ở Bombay vào ngày 16 tháng chín năm 1942. Ý định chính là đáp ứng sự thông báo về việc chính phủ Anh quốc sẽ “Bỏ Ấn độ.” Nghị quyết được đón chào bằng sự hoan hô nồng nhiệt. Đêm đó, Mahatma Gandhi,

tìm kiếm sống vô danh và ẩn náu ngang dọc khắp Ấn độ. Anh và Jai Prakash Narain trở thành những người anh hùng cách mạng của những ngày đen tối, sợ hãi tuy nhiên lại say mê. Trái ngược Jai Prakash, Achyut không bao giờ bị bắt giữ, trốn thoát khỏi mạng lưới của cảnh sát hết lần này sang lần khác – bằng cách trốn lánh trong một bệnh viện, hóa trang như một người thư ký bần cùng, để một bộ râu quai nón, và choàng một cái khăn phủ đầu.

Năm 1947, anh đến gặp K, kiệt sức và vỡ mộng. Kèm theo sự tự do, những thúc giục nhỏ nhen cho quyền hành đã ngủ im lìm trong số những người lãnh đạo Quốc hội đang nổi lên. Sốt cuộc đấu tranh, cảm giác chống những người Brahmin ở Maharashtra không ảm đạm. Những người lãnh đạo, những công nhân xây dựng, những người trí thức ở Maharashtra chủ yếu là những người Brahmin. Cùng sự độc lập, những động cơ giành bổng lộc của văn phòng đã khuyến khích sự hình thành những nhóm người bên trong Quốc hội. Rất bị bức bối bởi những mưu mô và kèm theo một sống tình cảm bị tan nát, Achyut quay lại nguồn gốc của anh và tìm kiếm lời khuyên từ Krishnamurti.

Achyut bày ỏ những mâu thuẫn của anh, và K đưa Achyut đi dạo. Chỉ vào một cái cây, anh quay về phía Achyut và nói, “Hãy quan sát cái cây – chiếc lá xanh non đã chuyển thành vàng úa. Chiếc lá không làm gì với nó. Nó được sinh ra, héo khô và rụng xuống. Bất kỳ quyết định nào để ở lại với chính trị hay rời xa nó, bất kỳ quyết định nào được thực hiện bởi sự chọn lựa đều sai lầm. Mọi vật xảy ra trong hướng riêng của nó. Hãy ngừng phiền muộn.”

Jawaharlal Nehru, và ~~những~~ người lãnh đạo quốc hội bị bắt giữ ở Bombay và những nơi khác của Ấn độ.

Achyut đến gặp Gandhiji vào cuối năm 1947. Anh thưa với ông rằng anh sẽ rời bỏ chính trị trong vài tháng nữa. Gandhiji hỏi anh rằng anh sẽ làm gì. Khi nghe anh trả lời rằng anh sẽ dành thời gian cùng Krishnamurti, ông rất vui mừng. Ông kể cho Achyut về những biến cố khủng khiếp của sự phân chia đất nước. Ông đã nói rằng ông đang trải qua một tình trạng tối tăm vô cùng. Ông không thể thấy bất kỳ ánh sáng nào.

Achyut tải qua năm kế tiếp cùng K ở Bombay, Ootacamund, Poona, Delhi, và Varanasi. Cuối năm Achyut kể cho Krishnamurti rằng khi anh ở cùng K, tất cả những năng lực của anh đều được đánh thức. Câu trả lời của K là, “Hãy cẩn thận, đừng thu nhận một chút ít của điều này, để che giấu điều gì bạn đã biết rồi. Điều gì bạn nghĩ bạn cảm thấy chỉ là một lý thuyết. Trong bất kỳ trường hợp nào đừng cho phép cái trí của bạn bị kích động bởi tôi.” Vào đầu năm 1949, Achyut quay lại Delhi để biên tập một tuần báo Xã hội; nhưng những đồng nghiệp của anh nhận biết được những thay đổi sâu thẳm đang xảy ra trong anh, mà sẽ dẫn đến sự chia tay cuối cùng với Đảng Xã hội và chính trị.

Rao Sahib là một hội viên của Ủy ban làm việc ở Quốc hội. Một người bạn của Jawaharlal Nehru và Sardar Patel,* tương lai của anh trong chính trị dường như được bảo đảm. Nhưng cũng vậy anh cảm thấy sự nghẹt thở và sự xấu xa của đấu tranh cho vị trí và quyền hành đã nở ra trong số những người bạn xưa kia của anh. Ủy ban soạn thảo hiến pháp sắp sửa họp. Rao Sahib được mong đợi sẽ là một trong những người tham gia, nhưng những người bạn thân của anh

* Vallabhai Patel và Sardar Patel là cùng một người. Vallabhai là tên được đặt ra và Patel là tên giai cấp. Sardar, có nghĩa người lãnh đạo, là một thuật ngữ của yêu mến và kính trọng.

đã thuyết phục Vallabhai Patel và Jawaharlal Nehru loại trừ anh. Rao Sahib bị tổn thương nhiều lắm, nhưng sự kiêu ngạo và ương ngạnh của anh khiến cho anh không thể đấu tranh với bạn bè hay yêu cầu Nehru. Sự thất vọng cá nhân đã bị quên lãng sau hậu quả của sự chia cắt; hận thù, đổ máu, và độc ác bị sinh ra bởi sự di chuyển dân số đã gây đổ vỡ những tổ chức của Sahib, được xây dựng trên những giá trị và những lý tưởng của Gandhi. Anh gặp Krishnamurti, bàn luận sự mâu thuẫn của anh cùng K, lắng nghe những nói chuyện của K. Bộ quần áo *khadi kurta* hồ cứng tinh khiết và cái mũ Gandhi được đội nghiêng một cách ngông nghênh, và khuôn mặt của anh cùng nụ cười quyền rũ âm áp, được trông thấy sáng chiếu quanh Krishnamurti.

Được nuôi nấng trong một bầu không khí quảng ra những thách thức to tát và đòi hỏi những phản ứng cũng to tát, Rao Sahib và Achyut không bao giờ chấp nhận bất kỳ sự đau khổ, tức giận, thất vọng cá nhân nào. Đối với họ những tánh cá nhân là chật hẹp, nông cạn. Lãnh vực quan tâm của họ phải bao gồm những trừu tượng rộng lớn – con người, những tập thể, những người nghèo khổ. Sự đau khổ của họ chỉ có ý nghĩa khi nó liên quan đến sự đau khổ vô hạn của con người. Nhiều năm sau, Achyut sẽ kể với tôi, “Đó là ảo tưởng vô cùng” mà đã giam giữ Rao trong ngục tù.

Tuy nhiên, ự s mãnh liệt và sự tỏa sáng của Krishnamurti đã chạm những con suối sâu thẳm. Người Thầy đã vron ra lắng một ngọn lửa đam mê. Krishnamurti mỉm cười, và Rao mỉm cười cùng anh. Những giọt nước mắt chảy ra từ đôi mắt của Rao, vì *bhakti*,* cũng là một phần của đặc tính Maharashtrian, đợc thức dậy. Rao Sahib, bằng sự

* *Bhakti*: Một niềm tin được đặt nền tảng trên sự hiến dâng cho Krishna.

thương yêu tuôn trào, hai bàn tay ~~ph~~ lại sẽ nói, “Thưa Thầy, có một bài thơ Maharashtrian, Saint Tukaram, người đã nói, ‘Khi *vithal* * đi vào nhà của một người tất cả an bình được tỏa ra.’ ” Vào những buổi tối, Rao và Achyut sẽ hát “Abhangas” của Tukaram. “*Adi Beja Ekle*” là bài hát ưa thích nhất của Rao. Anh có một giọng sâu, đầy cảm xúc. Vào những dịp khác họ tham gia cùng Krishnamurti trong “*Purusha Shukta*” của *Rig Veda*. Họ ngồi thẳng lưng, những ngón âm của tiếng Phạn vang lại và lấp kín hai tai và đôi mắt. Những nguyên âm vang rền và mạnh mẽ, mỗi âm nổi lên rõ rệt. Giọng trầm bổng của *vedic* được đan quyện trên lửa, trên gió, trên những quả tim và hơi thở của người hát và người nghe. Chúng tôi tụ tập lại và lắng nghe, thậm chí chỉ là những người bé tí – con gái của tôi Radhika, mười tuổi, và cháu trai của tôi Asit, chín tuổi. Đôi mắt mở to, họ được cuốn vào sự hiện diện rực rỡ của Krishnamurti, một con người bùng bùng bởi sự mãnh liệt. Đó là những khoảnh khắc mê say.

CHƯƠNG 10

“*Bạn là thế giới*”

* *Vithal*: Một tên khác cho Krishna, người chăn bò thiêng liêng.

Trong những năm sau, Krishnamurti sẽ nói về chính anh ấy, “Thức dậy trọn vẹn xảy ra ở Ấn độ trong năm 1947 và 1948.” Suốt những năm đó, năm cách truyền đạt cần thiết cho toàn bộ lời giảng đang được nảy mầm: những nói chuyện trước công chúng, những đối thoại và những bàn luận, những phỏng vấn cá nhân, những thấu triệt có vẻ ngẫu nhiên được bộc lộ vào những dạo bộ hay tại bàn ăn, và những yên lặng. Krishnamurti đang gửi thiệu cho những người quen biết và những người lắng nghe về con sông của tự-hiểu rõ về chính mình, về một hành trình của khám phá “về chính người ta mà không một khởi đầu” mà trong chuyển động của nó đập tan những giới hạn của cái trí, mở toang những biên giới mới mẻ của sự nhận biết. Nó là một lời giảng khổ hạnh, không phải trong sự đòi hỏi của nó để từ bỏ hay hy sinh phía bên ngoài (mặc dù trong thực tế, khổ hạnh và một sống đúng đắn là nền tảng từ đó lời giảng bắt nguồn), nhưng trong sự phủ nhận toàn bộ tất cả những nương tựa, những cái nặng, và những nghi lễ, thậm chí những tinh tế nhất.

Sự phủ nhận đạo sư như là trung tâm cho sự tìm hiểu tôn giáo ở Ấn độ là sự phủ nhận tột đỉnh của tất cả uy quyền thuộc tinh thần; bởi vì khi không có một quyền sách giải thích về thiêng liêng, đạo sư là người khởi xướng, người thầy, lối dẫn đến sự thật. Qua không thừa nhận vị trí của bất kỳ trung gian nào giữa người tìm kiếm và sự thật của anh, Krishnamurti đòi hỏi sự trách nhiệm tổng thể nơi người tìm kiếm. Đối với người tìm kiếm anh nói, “Sự thật ở gần, bạn không phải tìm kiếm. Sự thật ở trong ‘cái gì là’, và đó là vẻ đẹp của nó.” Nhưng đối với người khao khát mà phía bên trong vẫn còn là một môn đệ, có sự hoang mang, bởi vì không có nơi nào để đi, không có mục đích nào để đến, không có đỉnh núi nào để leo lên. Không có đạo sư nào để

hứa hẹn sự ngây ngất và những ánh sáng nổ tung, không những tầm nhìn hay *siddhis*, những quyền năng siêu nhiên, để duy trì một tìm kiếm; tất cả những hiện tượng siêu giác quan khi chúng ấy sinh phải được quan sát và gạt đi. Sự quan tâm duy nhất là ở cùng sự thức dậy của một nhận biết đang sống: đang thấy và đang lắng nghe cái thực sự trong phía bên ngoài, khi được bộc lộ trong sự liên hệ cùng con người và thiên nhiên; và trong phía bên trong khi được bộc lộ trong những suy nghĩ và những cảm thấy mà là nội dung thực sự của cái trí.

Sự nhận biết *lãnh vực giới hạn* này, trực tiếp và thông suốt, là sự khởi đầu của hiểu rõ về chính mình, về cái tôi như “là.” Quan sát sự suy nghĩ khi nó đã nảy ra trong ý thức, và khi nó đã biến mất, giữ chặt ngay tại đuôi của nó và không buông rơi, là có những thấu triệt vào bản chất của sự suy nghĩ và quan sát “cái gì là.”

Nhưng “cái gì là,” trong chuyển động vùn vụt của nó, liên tục đang thay đổi, đang biến đổi, trong luồng không ổn định. Một nhận biết đang trôi chảy từ những giác quan bị trói chặt vào một cái trí cố định trì trệ, bị giam giữ trong sự suy nghĩ được sinh ra từ quá khứ, đã không có năng lượng hay sự linh động để theo đuổi và là một cùng hiện tại, “ngay lúc này” của sự tồn tại, và hành động từ sự nhận biết đó. Luôn luôn con người đang tìm kiếm để đúc khuôn chuyển động của sự suy nghĩ, đang chiếu rọi hành động vào tương lai như “tôi sẽ là,” và thế là đang ngăn cản hành động trong hiện tại. Krishnamurti hỏi, “Đó là ai mà tìm kiếm để đúc khuôn hay thay đổi sự suy nghĩ hay cho nó một phương hướng? Xóa sạch sự suy nghĩ, người suy nghĩ ở đâu? Nếu người suy nghĩ là sự suy nghĩ – vậy là anh ấy không thể hành động hay thay đổi sự suy nghĩ. Suy nghĩ phải kết thúc.”

Khi được hỏi, “Làm thế nào người ta biết về chính người ta? Có gì để biết? Người ta tìm kiếm cái gì? Người ta khởi sự ở đâu?” anh trả lời, “Nghĩ vấn đề càng phức tạp nhiều bao nhiêu, rối loạn càng áp đảo nhiều bao nhiêu, sự tiếp cận phải càng nhiều đơn giản và hồn nhiên bấy nhiêu. Con người không biết phương cách, thế là việc duy nhất anh ấy có thể thực hiện là không đấu tranh nữa và bằng bất kỳ năng lượng lẫn dụng cụ nào anh ấy có, hãy quan sát cái là ngục tù. Nó là cái đơn giản, cái trĩu nặng đau khổ, cái người tìm kiếm thực sự mà là sự hy vọng. Cái đơn giản bị nghiền nát bởi sự vô nghĩa riêng của nó, đến độ nó không còn tin tưởng sự hòa nhập của những ý định riêng của nó nữa.”

Nhiều người đến gặp anh để tìm kiếm sự chữa trị phần thân thể. Đối với họ anh nói, “Tại một thời điểm tôi cũng có chữa bệnh phần thân thể; nhưng tôi thấy chữa trị cái trí, trạng thái bên trong của thân tâm còn qu an trọng hơn nhiều. Chỉ tập trung vào chữa trị phần thân thể có lẽ trở nên nổi tiếng, thu hút những đám đông to lớn, nhưng nó sẽ không dẫn con người đến hạnh phúc.”

Trong quyển *Bình phẩm về Sống Tập 1*, anh viết: “Chúng ta là một chủng tộc già nua; chúng ta lang thang để tìm kiếm mọi thứ trong những nơi thật xa xôi khi nó lại rất gần gũi chúng ta. Về đẹp luôn luôn ở đó, không bao giờ ở đây, sự thật không bao giờ trong những tổ ấm của chúng ta nhưng trong nơi xa xôi nào đó. Chúng ta đi qua phía bên kia của thế giới để tìm người thầy, và chúng ta đi không nhận biết được người thầy; chúng ta không hiểu rõ những sự việc thông thường của sống, những đấu tranh và những hân hoan hàng ngày và vẫn vậy chúng ta lại gắng sức để nắm bắt cái huyền bí và cái giấu giếm.”

Những nói chuyện trước công chúng ở Bombay của Krishnamurti vào tháng giêng năm 1948 được tổ chức trên những bãi cỏ thuộc khu cư ngụ rộng lớn của Sir Chumilal Mehta trên Ridge Road. Krishnamurti đi vào mặc trong một *dhotti* viền đỏ, một *kurta* trắng tinh, và một *angavastram*. Cởi *sandals* ra, anh ngồi tư thế kiết già trên một cái bục, lưng của anh thẳng băng và không cử động. Quay đầu qua lại, anh nhìn năm trăm người ngồi trên mặt đất hay trên ghế trước mặt anh. Trong số họ là những khát sĩ, những người thuộc Tổ chức Thông thái cũ, vài giáo sư, và một ít những người thuộc phong trào đấu tranh cho tự do đội mũ loại vải *khadi*. Có ít người trẻ; nhưng những người kinh doanh giàu có của Bombay, những bạn bè của Sir Chumilal, đều hiện diện.

Trong những năm đầu tiên đó, Krishnamurti lột trần những người giàu có. Anh sẽ nói, “Bạn không thể lẫn lộn thượng đế và tiền bạc. Sự thật không dành cho cái người thọc bàn tay của anh ấy vào túi của người hàng xóm – cái người trục lợi và nhét đầy quả tim của anh ấy bằng những quả của quả đất.” Cái nhìn chăm chăm của Krishnamurti cuốn hút những người lắng nghe của anh vào một phạm vi hợp nhất của sự chú ý. Nhưng nó không do bởi một cái nhìn mà đã phân loại như một nhóm người riêng biệt. Sự chuyển tải trực tiếp tỏa ra từ Krishnamurti thiết lập sự hiệp thông cùng cá thể của những người đàn ông và đàn bà; mỗi người đều cảm thấy rằng Krishnamurti đang nói chuyện với một mình cô ấy hay anh ấy. Trong những năm đầu tiên đó, vai trò của Krishnamurti là vai trò của một người bạn, cầm tay của người đàn ông đang đau khổ và đạo bộ cùng anh ấy qua những con đường hẻo lánh và những chiều sâu của cái trí, của suy nghĩ và cảm thấy. Anh chuyển động từng bước một, cùng sự kiên nhẫn vô hạn, mở toang vấn đề, dò dẫm, thâm nhập, lột bỏ tất

cả những chạy trốn khỏi sự kiện. Chỉ bảo người lắng nghe quan sát, như trong một cái gương, sự đau khổ, sự tức giận, sự sợ hãi, sự cô độc. Chỉ bảo anh ấy nghỉ ngơi trong không gian giữa những suy nghĩ – chuyển động từ suy nghĩ này sang suy nghĩ khác; để thấy, khi bị đẩy đến tận gốc rễ của nó và cái nguồn của nó, suy nghĩ tan biến trong nguyên nhân của sinh ra nó.

Trong khi đang nói, Krishnamurti không những nhận biết được những người đang lắng nghe những từ ngữ mà anh đang nói, nhưng còn nhận biết được việc gì đang xảy ra quanh anh – những con chim đang líu lo, một chiếc lá đang rơi, âm thanh của một cây sáo đang thổi ở xa xa. Có một đồng thời của sự nhận biết, một đang thấy, đang lắng nghe bao gồm tất cả, mà không ngăn cản những việc đang xảy ra bên ngoài hay những việc đang xảy ra bên trong, nhưng cho phép nó trôi chảy qua cái trí, đến độ không thứ gì bị loại trừ, không thứ gì là một xao nhãng. Duy nhất con sông đang chảy của sự hiện diện, của “cái gì là.”

Nhiều người đang nghe anh lần đầu tiên. Định nghĩa về từ ngữ của anh đã hoàn toàn thay đổi, và thậm chí những người như Sanjeeva Rao, đã ở cùng anh nhiều năm, phát giác rằng hiểu rõ anh thật khó khăn. Điều gì anh nói có vẻ đơn giản. “Tôi sắp sửa nói ‘Cái gì là’ và tôi sẽ theo sát chuyển động của ‘Cái gì là.’” Tiếp theo đến khán giả, “Hãy theo sát không phải những từ ngữ của tôi, nhưng chuyển động của suy nghĩ, cái đang năng động trong bạn.” Khi công nhận sống “như là,” kết thúc sự xung đột. “Đang thấy của ‘Cái gì là’ là sự tự do của ‘Cái gì là.’”

Bị bịt kín bởi những từ ngữ và những ý tưởng, và bị trói buộc trong cái bẫy của đang trở thành, những cái trí của những người lắng nghe K, mà chưa bao giờ “đã thấy” một

cách trực tiếp sự suy nghĩ khi nó vận hành – sự chuyển động của nó, những phức tạp của nó, và những không gian nó tạo ra khi nó chuyển động – đấu tranh để hiểu rõ. “Liệu tôi mà là kết quả của quá khứ có thể – tôi có thể vượt khỏi thời gian?” Krishnamurti hỏi. “Bạn có thoát khỏi thời gian khi bạn quan tâm lạ thường. Bạn hoàn hảo dễ dàng – không phải thuộc thời gian tuần tự nhưng thuộc tâm lý – trong sự tồn tại không thời gian đó.”

Trong những năm đầu tiên đó, Krishnaji hiếm khi thừa nhận một vị trí đối đầu trực tiếp với “Cái tôi,” cái thực thể vị kỷ. Anh không bao giờ nêu ra nghi vấn, “Tôi là ai?”; ngược lại, anh tiếp cận “Cái tôi” qua phủ nhận những phát triển quanh cái tôi, những phẩm chất mà kết hợp lại để hình thành “Cái tôi” và trao cho nó sự thực tế. Sự phủ nhận này, sự tan rã của bản chất và những phẩm chất, dập tắt ý muốn của sự suy nghĩ mà nhờ đó “Cái tôi” hiển hiện và nhờ đó chính cái tôi tự tiếp tục. Sự nhận biết và phủ nhận của tất cả đang trở thành thuộc tâm lý là sự kết thúc của suy nghĩ, của thời gian, và của yếu tố cơ bản của “Cái tôi.”

Khi thấy bản chất của cái trí và cấu trúc của nó và những lực lượng đã vận hành trong ý thức của con người, những thấu triệt nảy ra: Chính bản chất của cái trí và sự suy nghĩ làm giới hạn chúng ta và là nguyên nhân của ngục tù và đau khổ của chúng ta. Đối với K, tất cả những nỗ lực để thay thế hay thay đổi tại mức độ của nội dung và ý nghĩa, một chuyển động bên trong cánh đồng của những đối nghịch, dù tốt nhất cũng chỉ là một đáp án từng phần, không thể giải quyết được những thôi thúc cơ bản và phức tạp lạ lùng mà lắng đọng tại những chiều sâu của cái trí.

Những vấn đề thách thức con người có thể kết thúc, không phải bằng những lý tưởng mà đã chiếu rọi một thay

đổi dần dần của đau khổ thành hạnh phúc, tham lam thành tình yêu, nhưng bằng một đột biến trong bản chất của nền tảng mà từ đó đau khổ bám rễ. Vì vậy, sự thay đổi hay đột biến không ở trong chất lượng hay mức độ, nhưng trong bản chất, cấu trúc, và kích thước.

Được hiểu theo nghĩa thông thường, lời giảng của Krishnamurti thay đổi ngay tại sự định hướng của vấn đề của con người. Nó liên quan đến một cách mạng tại tâm điểm của ý thức con người và sự phát hiện về một liên hệ suy nghĩ-không gian mới mẻ – để cho cái trí, đang chuyển động trong một kích thước nhân-quả, thời gian-không gian thực chiều dài, tự đổi ngược hướng và một đồng thời của sự nhận biết thuộc giác quan nảy ra. Đồng thời này, bằng chính sự vận hành của nó, phủ nhận bất kỳ thực thể tự cho mình là trung tâm nào. Nó đã thức dậy những khả năng và những dụng cụ mới mẻ của thâm nhập, một năng lượng mới mẻ đã được bắt đầu vận hành, đang phủ nhận những giới hạn.

Krishnaji nói, “Chỉ sự thật mới hoàn toàn cởi bỏ tình trạng bị quy định. Muốn nhận biết sự thật, phải có đang tập trung của sự chú ý. Điều này không có nghĩa lẩn tránh khỏi xao nhãng. Không có sự việc như xao nhãng, bởi vì sống là một chuyển động và phải được hiểu rõ như một tiến hành tổng thể.”

K đang nói chuyện với một số khán giả mà suốt một thế kỷ đã được giáo dục trong những trường học nói tiếng Anh và được nuôi nấng trên những lý tưởng dân chủ của phương Tây, cùng sự nhấn mạnh của nó vào quyền bầu cử và một xã hội theo chủ nghĩa bình đẳng. Những nguyên tắc mà Hiến pháp Ấn độ đang được hình thành sẽ dẫn dắt đến một sôi sục vô cùng bên trong tất cả những ngõ ngách của xã hội. Những người bị thiệt thòi về quyền lợi sẽ từ từ nhận biết

được quyền hành họ có được. Kèm theo việc này, một thay đổi mau lẹ và làm xơ cứng những cấu trúc của giai cấp. Những áp lực sẽ chùng chất trong những năm sắp tới.

Cái trí của Ấn độ, bị giam giữ trong những thế kỷ của thần thoại, biểu tượng, quan tâm đến “cái khác lạ,” trong giữa thế kỷ hai mươi đã được tô điểm bởi những lý thuyết của những người triết lý xã hội Ấn độ của những thế kỷ thứ mười chín và hai mươi; vì đang phản đối chống lại những mê tín và những tằm tối đã xói mòn tinh thần Ấn độ, họ đã chấp nhận một vỏ ngoài của tình trạng bị quy định của phương Tây để che đậy những thế kỷ âm ỉ của truyền thống. Những lực lượng và những năng lượng của quá khứ cổ xưa, trí tuệ của nó và bạo lực của nó, nằm ngủ im lìm và không được khai phá. Kèm theo sự tự do, con người hướng tới những người lãnh đạo, cả chính trị lẫn tôn giáo, để chỉ ra con đường; họ không thể hiểu rõ nhịp độ thay đổi và những lực lượng gây bùng nổ mà chẳng mấy chốc sẽ tàn phá những phương cách sống truyền thống của họ và những giá trị của họ. Sự đòi hỏi thay đổi xã hội ở Ấn độ đã gây ra một quan tâm đang tán dương cho “nhiều hơn” trong những bộ phận nào đó của xã hội. Và phía bên trong và hòa nhập vào sự quan tâm này là một phân phối lại sự giàu có. Nhưng, bên trong một cấu trúc dân chủ, sự xô đẩy để có “nhiều hơn” không thể bị giới hạn trong những nhu cầu hợp pháp của những người bị thiệt thòi về quyền lợi, nhưng thấm thấu vào sự quy định của con người; chắc chắn, nó dẫn đến sự giải phóng của những sức mạnh lúc trước bị kiềm hãm bởi những liên hệ truyền thống, cùng những bóc lột của chúng nhưng cũng còn cả cùng những trách nhiệm của chúng. Được liên kết đến việc này, những áp lực bị sinh ra bởi một dân số đang gia tăng mau lẹ và sự leo thang nhanh chóng trong những máy móc để có thể

theo kịp những tiến bộ trong công nghệ. Một chuyển hướng om sòm đến những giá trị và những thái độ vật chất sẽ bảo hòa xã hội và những liên hệ Ấn độ. Những người mới giàu có – những người chủ đất và những người tư bản công nghiệp – những nhóm quyền hành đang trỗi dậy của “những người chậm tiến,” và một tổ chức chống đối xã hội đang phát triển nhanh đã đấu tranh đòi hỏi những công nhận của giàu có và quyền hành.

Phương Tây lậu chiến cũng đang bị hỗn loạn, chiến tranh đã sinh ra những tài nguyên vô tận của vật chất và khoa học, và những chuyên gia về kỹ thuật được đào tạo để sáng chế những dụng cụ hủy diệt đã phải tìm ra những con đường mới cho những kỹ năng của họ. Chẳng mấy chốc, khoa học điều khiển tự động đã trưởng thành và những dụng cụ tự động đang hình thành trên những bản vẽ. Đến cuối những năm 1940 người ta có thể thấy những kích động của việc gì sẽ đến. Tại mức độ vật chất, có vẻ con người sẵn sàng để thông trị thế giới – tất cả những vấn đề dường như đều có thể giải quyết được.

Một khía cạnh dễ dàng nhận thấy của hiện tượng hậu chiến là sự sản xuất vũ khí chiến tranh và một dòn dập hàng hóa tiêu thụ (tập trung vào những nền kinh tế phục vụ cho những người chế tạo đồ phế liệu) và những dụng cụ được chế tạo để trở thành lỗi thời. Cùng với nó là một tập trung vào sự sáng chế của kỹ nghệ giải trí, kèm theo những đồ dùng và những vật dụng linh tinh trong nhà sẽ tràn ngập những chợ búa và những cái trí của đàn ông, đàn bà, và đứa trẻ.

Năm 1947, sự ảnh hưởng vào Ấn độ của phương Tây và những công nghệ đang bùng nổ vẫn còn rất nhỏ. Thảm kịch của sự chia cắt và hậu quả của nó đã chấn động những nền tảng của mọi con người có suy nghĩ. Nhưng đây chỉ là

những báo hiệu nhỏ nhoi trên bề mặt mà sẽ bộc lộ sự hỗn loạn và bạo lực trong tương lai. Krishnamurti, cùng tâm nhìn sâu thẳm của người thầy, nắm bắt được những hỗn loạn đang sôi sục này. Anh đang thận trọng dò dẫm vào vùng đất Ấn độ, khoét sâu vào những cái trí của những người đàn ông và đàn bà, đang quan sát, đang ~~át~~thấn, đang thăm dò môi trường sống, đang tham gia vào những căng thẳng và những mâu thuẫn mà sẽ xói mòn cái trí và quả tim. “Ngôi nhà đang cháy,” anh tha thiết nói cho những người lắng nghe – nhưng sự mãnh liệt và sự khẩn thiết không hiện diện nơi những người nghe anh.

Những thấu triệt cơ bản tập trung trong lời giảng đã được sinh ra từ sự quan tâm tha thiết của anh và sự nhận biết vô hạn của anh.

Con người – không phải trong trừu tượng, nhưng trong “cái tôi,” thực thể vị kỷ trong sự liên hệ của anh ấy với một người khác – tạo ra xã hội và thế giới. “Bạn là thế giới” là một nguyên lý cơ bản của lời giảng. Hành động thuộc chính trị và xã hội không bao giờ có thể thay đổi thế giới tại gốc rễ của nó nếu cá thể không tự thay đổi chính anh ấy tại cơ bản. “Những hệ thống không bao giờ có thể thay đổi con người, con người luôn luôn thay đổi hệ thống,” K nói. Khi được chất vấn về sự vô vọng của cá thể đơn độc khi muốn thay đổi xã hội và thế giới, Krishnamurti trả lời rằng khối lượng nước đang gặm thét của con sông Ganga đang bị lũ lụt, tại nguồn của nó là một giọt nước đơn độc, và rằng tất cả những hành động chủ yếu đã thay đổi con người đều đã được sinh ra từ một con người đơn độc.

Sự thay đổi của cá thể không là một tiến trình từ từ. Thay đổi là một tức khắc – chính là tích tắc mà con người đã thấy chính anh ấy trong cái gương của sự liên hệ – cùng con

người, thiên nhiên, và cùng chính anh ấy. Nói về sự liên hệ, Krishnamurti sử dụng những ví dụ mật thiết nhất: sự liên hệ của người chồng và người vợ; người chủ và người thợ. Mặc dù nhiều người lắng nghe đã bị bức dọc bởi sự kiên định của Krishnamurti khi nói về sự đạo đức giả nằm dưới những liên hệ này, họ sẽ nhận ra sự thật về những thấu triệt của anh. Anh nói rằng “đang thấy” mà không có bất kỳ chuyển động nào để làm biến dạng hay thay đổi cái gì đã được thấy chỉ có thể xảy ra khi hoạt động định hướng của người thấy đã kết thúc. Đây là tích ắc của sự đột biến; sự sanh ra của những thấu triệt mà luân phiên thay đổi xã hội và sáng tạo một thế hệ mới mẻ. Sự thay đổi thực sự không là kết quả của bất kỳ cách mạng nào thuộc cánh tả hay cánh hữu, nhưng là một cách mạng từ những giá trị thuộc tri giác sang những giá trị đó mà không là kết quả của sự ảnh hưởng môi trường sống.

Có sẵn trong sự tức khắc của đột biến là những thấu triệt của Krishnamurti vào thời gian. Anh đã nhận biết rằng “cái đang sắp sửa là” và “cái đang chấm dứt là,” hay cây non đang lớn lên thành cây bò đê, dính dáng đến thời gian thuộc chiều dài, là không thể chối bỏ trong tiên hành của sự sống. Năng lượng bị giam giữ trong vật chất và lệ thuộc vào những quy luật của thời gian như một mũi tên là vô trật tự – nó phải tàn tạ, phân hủy, và kết thúc. Krishnamurti nói, “Có một thời gian tuần tự và thời gian của cái trí. Thời gian mà là chính cái trí. Có sự lẫn lộn giữa hai. Thời gian tâm lý là một qui trình của đang trở thành.” Thời gian như đang trở thành này, “tôi sẽ là,” được sinh ra từ ảo tưởng và là một hiện thân của “cái tôi”; cả tự-nuôi dưỡng lẫn tự-tạo ra năng lượng, đang tự-duy trì và đang tự-nâng đỡ chính nó qua sự dốt nát riêng của nó, bằng qui trình này, đang lưu trữ năng lượng tiềm tàng của nó

như ý thức. Ý thức này được nhận biết bởi cá thể qua sự vận hành của những giác quan.

“Cái tôi” như sản phẩm của thời gian tâm lý, đang tự biểu lộ chính nó như sự suy nghĩ, không thể hành động để thay đổi hay làm tự do chính nó. Chỉ qua một tiếp cận phủ định, sự nhận biết và sự phủ nhận của tất cả suy nghĩ thuộc tâm lý – như một ham muốn để thay đổi “cái gì là” thành “cái gì nên là” – mới có thể có sự nhận biết hiệp thông của “cái gì là” và một tự do khỏi thời gian được sinh ra từ cái tinh thần.

Trong trạng thái của đang nhận biết này, cái trí không đang sử dụng sự suy nghĩ để tự làm sống lại chính nó. Cũng không có người suy nghĩ lẫn suy nghĩ, cũng không có người trải nghiệm lẫn trải nghiệm. Cái trí bị trói buộc trong đang trở thành là sản phẩm của thời gian, mà đã tự thay đổi chính nó. Từ tiếp cận này, đang nảy ra từ sự phủ nhận điều giả dối khi nó phát sinh, trỗi dậy sự thật lạ thường mà đang thấy và đang lắng nghe sự kiện một cách hiệp thông – một cách hồn nhiên, mà không có suy nghĩ đang tìm kiếm để sửa đổi hay thay đổi sự kiện, một không-vận hành của suy nghĩ và ý muốn vào những góc rẽ sâu thẳm của hận thù, tức giận, tham lam, sợ hãi – làm tan biến trạng thái. Có một đột biến trong bản chất của vấn đề như tức giận hay sợ hãi và sự giải phóng của một năng lượng bị giam giữ trong những trạng thái, một năng lượng không bị vấy bẩn bởi thời gian và, thế là, không phụ thuộc vào những quy luật của nó. Trạng thái này không liên quan, nó cũng không là đối nghịch của hận thù, tức giận, hay sợ hãi. Đưa ra vấn đề dựa vào những đối nghịch, như lý tưởng, là trò ma mãnh mà cái trí đùa giỡn để tự-tiếp tục chính nó; bởi vì lý tưởng chứa đựng bên trong chính nó hạt giống của đối nghịch riêng của nó. Chỉ một nhận biết tổng thể, không phân chia mới có thể xóa sạch người quan sát và vật

được quan sát. Đang thấy của “cái gì là,” là đột biến của “cái gì là.”

Sự suy nghĩ tách rời cái trí khỏi quả tim. Cái trí, cùng những gốc rễ của nó trong hoạt động tự quan tâm, dẫn đến một gia tăng trong những giá trị vật chất và đang làm cạn kiệt dần dần những nhân tố cốt lõi và những phản ứng mà nuôi nấng nhân loại này.

Sự phủ nhận tình yêu là khuynh hướng hủy diệt trong con người. Chỉ khi nào cái trí yên nghỉ trong quả tim và hoạt động tự quan tâm được xóa sạch hoàn toàn thì lòng nhân đạo có sự nở hoa riêng của nó.

Sự khai quang những ngõ ngách bí mật của cái trí và sự nảy sinh của thấu triệt hiện diện một cách tự nhiên cho Krishnamurti. Giống như trẻ, thật dễ dàng, đầy bao dung, anh có thể mở cánh cửa và nói, “Nhìn kìa. Nhận đi. Nó ở đó, tại sao bạn ngần ngại?”

Nhờ vào những tháng ở Bombay mà sự đối thoại như một dụng cụ cơ bản cho sự thâm nhập lời giảng của Krishnamurti được sinh ra. Qua những năm tháng, nó sẽ nở hoa trong tinh tế và thấu triệt. Trong những năm đầu, những bàn luận nhóm được thực hiện trong hình thức câu hỏi và trả lời. Trong những bàn luận, sự chính xác và sự thâm nhập thông suốt vào những chiều sâu giấu giếm của cái trí như là sự kiện hiển nhiên đã không xảy ra.

Những bàn luận đầu tiên ở Bombay năm 1948 bị rối loạn và phân tán. Một câu hỏi được đưa ra cho Krishnamurti. Cái trí linh động của anh thấu nhận câu hỏi và đáp lại nó, thách thức người hỏi và nhóm người phải thâm nhập đáp án phía bên trong lãnh vực của hiểu rõ về chính mình. Không nói chậm chậm, cùng nhiều ngắt giọng, dồn về phía trước như thể mỗi trả lời là lần đầu tiên. Anh lắng nghe những phản ứng

của anh bằng cùng sự cởi mở và thâm nhận như anh lắng nghe giọng nói của người hỏi. Năng lượng của trả lời của anh được gặp gỡ bởi những cái trí đang đấu tranh, đang vật lộn với sự rối loạn, bị quy định để trả lời từ ký ức và bị quy định để tìm kiếm sự giải đáp từ một uy quyền cao hơn, phía bên trong hay phía bên ngoài, từ tinh thần hay thuộc thể gian. Chúng tôi phát giác rằng hiểu rõ cách nói chuyện của Krishnaji rất khó khăn. Chúng tôi căng sức để hiểu rõ những từ ngữ của Krishnaji và vận dụng chúng cho những cái trí riêng của chúng tôi. Chúng tôi gắng sức để phỏng chừng, để vượt khỏi những từ ngữ bằng những dụng cụ duy nhất của sự tìm hiểu sẵn có – ký ức và sự suy nghĩ. Nhưng đây lại chính là những dụng cụ đang bị thách thức, và có một ý thức của ngờ ngác. Những manh mối đang tan biến dần dần và cái trí, đang bám vào những từ ngữ, là một trận chiến của tuyệt vọng và xung đột.

Krishnaji liên tục lặp đi lặp lại về đang thấy “cái gì là,” sự thật, và không phải “cái gì nên là,” ảo tưởng; về sự cần thiết cho con người tự thay đổi chính anh ấy trước khi anh ấy có thể thay đổi xã hội, bởi vì anh ấy là xã hội. Anh nói về giải thoát khỏi ký ức; ký ức mà kháng cự và biến dạng và ngăn cản sự hiểu rõ về hiện tại, ký ức mà là ý thức “cái tôi,” và về bản chất của “đang là” và “đang trở thành.” Trong những bàn luận, Krishnaji từ chối đưa ra một đáp án tức khắc, một giải pháp dễ dàng. Đối với K, bất kỳ phản ứng nào đối với một nghi vấn cơ bản đều kết thúc sự thăm dò vào nghi vấn đó. Anh đòi hỏi một tìm hiểu, một đang thấy và thâm nhập vào chính nghi vấn; không phải như một qui trình phân hai phía bên ngoài, nhưng đang thấy cả bản chất của phản ứng lẫn nền tảng từ đó nghi vấn và đáp án nảy sinh. Ngừng lại, suy nghĩ, là sự thức dậy của cái trí “đang lắng

nghe” và “đang thấy” mà tiêu hủy ảo tưởng của phía bên ngoài và phía bên trong, đang thức dậy một trạng thái mà có thể xử lý nghi vấn.

Những bàn luận thâm nhập từ từ. K chuyển động từ suy nghĩ sang suy nghĩ, đẩy, chặn, lui, tiến. Trong chính chuyển động của quan sát từng bước sang từng bước của cái trí, qui trình suy nghĩ chậm lại cho đến khi, trong một tích tắc, những nhận biết của những người tham gia thức dậy và có sự hiệp thông trực tiếp của sự nhận biết cùng cái trí và tình trạng thay đổi liên tục của nó. “Đang thấy” đầu tiên của cái trí là điểm khởi đầu của sự thâm nhập. Nó là đầu mối mà gỡ rối và phơi bày và, ngay trong đang phơi bày đó, khai sáng nghi vấn và đáp án.

Những người thâm nhập cùng K đang khám phá cấu trúc và bản chất của ý thức và tính kiên cường lẫn sức mạnh vô cùng ủa qui trình suy nghĩ. Trong “quan sát” chuyển động của cái trí bị trói buộc và “thấy” sự không thỏa đáng riêng của nó có sự kích thích và sự kinh hãi của khám phá, của vào một một vùng đất chưa được vẽ trên bản đồ.

Suy nghĩ bị nhốt trong những khe rãnh, không thể phá vỡ ngục tù riêng của nó. Bằng cách bàn luận, thấy, quan sát, thách thức, và nghi ngờ; những khe rãnh trong đó suy nghĩ chuyển động và qui trình của trở thành được sinh ra, đang bị tiêu tan.

Một phương pháp mới mẻ được sinh ra từ đang thấy và đang lắng nghe đang bộc lộ, những nhận biết mới mẻ đang thức dậy. Một nền tảng của quan sát và thâm nhập đang được thiết lập. Năng lượng được sinh ra bởi nghi vấn không bị cho phép hao tán trong những phản ứng và những trả lời phản xạ mà nảy sinh từ kho lưu trữ của ký ức. K đang thách thức những cái trí của những người tham gia. Mỗi tế bào trong

thân thể và cái trí của K đều được thức dậy. Đang chất vấn không ngưng nghỉ của anh mở toang cái tinh thần; và khi sức lực và tinh thần chung của những người nghe trở nên vững chắc, luân phiên cái trí của K được thách thức một cách thăm thẳm. Trong ngay đang thách thức của K, kia kia nảy ra những thấu triệt quý báu vào tình tạng bị quy định của con người.

Như một antena, cái trí của K tỏa ra ngoài để cảm giác những cái trí của những người tham gia. Khi bàn luận bị sa lầy hay nhóm người đi vào những lý luận vô ích và bàn luận không đem lại kết quả, cái trí của K sẽ lao vào thật nhanh, cứu bàn luận khỏi bị lún sâu. Anh giới thiệu vào bàn luận bản chất của tình yêu, chết, sợ hãi và đau khổ; những cảm giác và những tình huống ở bề mặt và quả tim; và bỗng nhiên bàn luận hiệp thông trực tiếp, rành rành cùng vấn đề.

Sự đột phá trong những bàn luận bắt đầu vào một buổi sáng năm 1978, khi Rao Sahib Patwardhan nói rằng những lý tưởng và những niềm tin dẫn dắt anh ấy vào sự đấu tranh thuộc chính trị đã tan thành mây khói đối với anh ấy. Anh ấy bị đối diện một bức tường trắng xóa và cảm thấy rằng thời gian đã đến cho anh ấy để rà soát lại những niềm tin cơ bản. Sau đó anh ấy hướng về Kishnaji và hỏi anh có ý gì qua cụm từ “đang suy nghĩ sáng tạo.” Krishnaji, đang ngồi yên lặng, đang chú ý lắng nghe Rao Sahib, bật chân đứng dậy và ngồi xuống kế cận anh ấy. Nghiêng về phía trước, anh hỏi, “Bạn muốn thâm nhập nó, thưa bạn, và thấy liệu bạn có thể trải nghiệm trạng thái suy nghĩ sáng tạo ngay lúc này?” Rao bị bối rối và nhìn K, không thể hiểu rõ anh đang nói gì.

K bắt đầu, “Làm thế nào người ta suy nghĩ?” Rao trả lời, “Một vấn đề nảy sinh, và gặp gỡ vấn đề đó những suy nghĩ nảy ra.”

K hỏi, “Bạn cố gắng giải quyết một vấn đề như thế nào?” “Tìm ra một đáp án,” Rao nói.

“Làm thế nào bạn tìm ra một đáp án và làm thế nào bạn biết rằng nó là đáp án đúng? Chắc chắn bạn không thể thấy toàn nội dung của vấn đề – vậy thì làm thế nào đáp án của bạn có thể là đáp án đúng?”

“Nếu lần đầu tiên tôi không tìm được đáp án đúng, tôi thử những cách khác để tìm được nó,” Rao trả lời.

“Nhưng dù bạn cố gắng tìm ra một đáp án bằng bất kỳ cách nào, nó sẽ chỉ là một đáp án từng phần, và bạn cần một đáp án trọn vẹn. Vậy thì làm thế nào bạn sẽ tìm được một đáp án trọn vẹn?” K đang khóa hì tất cả những chuyển động của cái trí – từ chối xoa dịu năng lượng bị nhốt trong nghi vấn.

“Nếu tôi không thể thấy vấn đề một cách trọn vẹn, tôi không thể tìm được đáp án đúng,” Rao đáp lại.

“Thế là bạn không còn đang tìm kiếm một đáp án đúng nữa.”

“Không.”

“Bạn đã bịt lại tất cả những hướng đang tìm kiếm một đáp án.”

“Vâng.”

“Trạng thái của cái trí của bạn là gì khi nó không còn đang tìm kiếm một đáp án?”

Cái trí riêng của tôi hoàn toàn trắng xóa, nhưng đây không là điều gì anh đang nhắm đến.

Vài ngày sau trong một bàn luận, K nói về ký ức như ý thức của “cái tôi,” nhân tố đang gây biến dạng và cản trở hiểu rõ của hiện tại đó. Anh tách rời ký ức thuộc sự kiện khỏi ký ức thuộc tâm lý – “cái tôi” sẽ là, “cái tôi” nên là. Sau đó, anh hỏi, “Liệu chúng ta có thể sống mà không có ký ức thuộc tâm lý?”

Bàn luận thâm nhập chậm chậm, và tôi hết hứng thú. Cái trí của tôi vọt đi trong theo đuổi ham muốn nào đó. Tôi càng cố gắng tập trung vào chủ đề nhiều bao nhiêu, cái trí của tôi càng trở nên nao loạn nhiều bấy nhiêu. Tôi quá phần nộ đến độ tôi thả cho nó lang thang. Chẳng mấy chốc, tôi phát hiện rằng nó đã ổn định, và sáng hôm đó, lần đầu tiên tôi đã lắng nghe điều gì đang được nói. Giáo sư Chubb của Elphinstone College đã tham gia vào một vấn đề bàn luận, và tôi lắng nghe. Liệu ký ức có thể rơi rụng? Tôi tự hỏi mình. Tôi đã không muốn được tự do khỏi nguyên tắc “cái tôi.” Tôi đã kết cấu nó rất kỹ càng; tại sao tôi phải tự do khỏi nó? Tôi sẽ bị lạc lõng.

Tiếp theo tôi cảm thấy tò mò muốn tìm ra liệu người ta có thể buông bỏ ký ức. Có một rõ ràng tức khắc. Tôi bắt đầu nhìn ngắm cái trí của tôi. K đang lờ, “Các bạn có thể làm gì, thưa các bạn? Các bạn đang đối diện một bức tường trắng xóa. Các bạn không thể chỉ để nó lại, các bạn phải làm cái gì đó.” Trong một lóe sáng, tôi nói: “Buông bỏ ký ức.” Bỗng nhiên cái trí của tôi rõ ràng. K nhìn thẳng vào tôi. Sự rõ ràng lắng sâu thăm thẳm.

“Tiếp tục,” anh nói, “Trạng thái cái trí của bạn khi bạn buông bỏ ký ức là gì?” Như thể là năm mươi người ở đó biến mất, và chỉ có K cùng tôi. “Cái trí của tôi bất động,” tôi nói. Bỗng nhiên tôi cảm thấy nó – một chất lượng quá uy lực, quá mềm dẻo, quá mau lẹ và sinh động. Anh mỉm cười và nói, “Mặc kệ nó, theo chậm chậm, đừng làm tổn thương nó.” Những người khác cố gắng chen vào để nhận được cái gì tôi đã trải nghiệm, nhưng K nói, “Mặc kệ nó một mình, nó mong manh lắm, đừng trấn áp nó.” Khi tôi rời gặp gỡ, anh theo cùng tôi ra ả và nói, “Bạn phải đến gặp tôi, chúng ta phải

nói về nó.” Tôi có cảm giác cái trí của tôi đã được lau chùi sạch sẽ.

Khi sự mãnh liệt và rõ ràng được sinh ra trong đối thoại trở nên hiển nhiên, chúng tôi háo hức tiếp tục. Và vào những ngày khi những nói chuyện trước công chúng không được tổ chức, chúng tôi gặp gỡ và bàn luận cùng K. Hầu hết những vấn đề nảy sinh đều liên quan đến sự khẩn cấp của hành động đạo đức trong khi đang tồn tại một xã hội hỗn loạn, và chỉ đến sau này những vấn đề cơ bản của con người – ganh tị, tham vọng, sợ hãi, đau khổ, chết, thời gian, và sự phiền muộn của trở thành và không thành tựu – sẽ hiện diện và tìm được sự diễn đạt.

Trong những năm sau đó, K đã viết, “Bất động sau khi cày bừa và gieo hạt, là tạo mầm cho sự sáng tạo.”

Khi những bàn luận tiến tới qua những năm tháng, những tìm hiểu thuộc phân tích khác nhau được thực hiện; từ tốn và thăm dò. Chúng tôi thâm nhập mà không tìm kiếm đáp án tức khắc; trái lại, chúng tôi phát triển một quan sát từng bước một về qui trình của sự suy nghĩ và sự bộc lộ của nó – thâm nhập và thối lui, mỗi chuyển động thúc đẩy sự chú ý mỗi lúc một sâu thẳm hơn vào trong những ngõ ngách của cái trí. Một chuyển tải không từ ngữ, tinh tế đã xảy ra; một phơi bày của chuyển động tiêu cực khi nó gặp gỡ chuyển động tích cực của sự suy nghĩ. Có “đang thấy” của sự kiện, của “cái gì là,” sự giải phóng của năng lượng bị nhốt chặt trong “cái gì là,” mà là đột biến của “cái gì là.” Lại nữa, điều này được nhận biết từ những phương hướng khác nhau để tìm hiểu giá trị đúng đắn của nó.

Bản chất của phân hai và không-phân hai được phơi bày trong ngôn ngữ đơn giản. Trong trạng thái của đang thâm nhập đó – một trạng thái nơi người thâm nhập, người trải

nghiệm đã kết thúc – trong một lóe sáng, “sự thật” được phơi bày. Nó là một trạng thái của không -suy nghĩ tuyệt đối, sự kết thúc của phân hai. Tại cuối của bàn luận, nhiều người trong chúng tôi cảm thấy như thể những cái trí của chúng tôi đã được tẩy rửa sạch sẽ lại.

Trong những năm sau, K sẽ nói về những bàn luận này, “Cái trí mà là con thuyền của chuyển động, khi chuyển động không có hình dạng, không ‘tôi,’ không tầm nhìn, không hình ảnh, nó hoàn toàn yên lặng. Trong nó không có ký ức. Lúc đó những tế bào não trải qua một thay đổi. Những tế bào não quen thuộc với chuyển động trong thời gian. Chúng là cặn bã của thời gian và thời gian là chuyển động; một chuyển động trong không gian mà nó tạo ra khi nó chuyển động...Khi không có chuyển động, có sự tập trung lạ thường của năng lượng. Vậy là thay đổi là sự hiểu rõ của chuyển động và sự kết thúc của chuyển động trong chính những tế bào não.”

Sự bộc lộ của khoảnh khắc đột biến của “cái gì là” trao tặng một kích thích hoàn toàn mới mẽ đối với toàn lãnh vực của sự thâm nhập thuộc tôn giáo và thuộc trí năng.

Vài năm sau, tôi nói với Krishnaji, “Khi có một bàn luận cá nhân cùng anh, người ta được phơi bày ra một trạng thái trống không. Nó giống như đối diện với cái gì đó trống không hoàn toàn. Không có gì ngoại trừ ‘cái gì là’ như được phản ánh trong chính người ta. Anh quảng hạ vào người đó một cách chính xác ‘cái gì là.’ ”

K trả lời, “Đó là điều gì lúc trước Aldoux thường nói. Nhưng khi K quảng lại, nó là cái của bạn.”

CHƯƠNG 11

“Hãy đi đi và kết bạn cùng cây cối.”

Đầu tháng tư năm 1948, Krishnaji quay lại Madras. Anh ở tại Vasant Vihar, nơi điều hành chính thức công việc của Krishnaji ở Ấn độ. R. Madhavachari là người chủ nhà của anh.

Vasant Vihar là một khu nhà vững chắc của thuộc địa với những cái cột và những hành lang; cửa ra vào, cửa sổ thuộc loại gỗ cứng teak của Miến điện. Trên tầng trệt, ngôi nhà có một văn phòng và một phòng lớn dành cho những gặp gỡ, nhưng rất ít phòng ngủ – nó đã được cố ý xây dựng để cho chỉ cho vài người có thể sống ở đây. Mặc dù anh có một bộ những căn phòng trên tầng trệt của ngôi nhà, Krishnaji ngủ trên một hành lang có mái. Anh tổ chức những phòng vẫn trong một phòng đối diện với bãi cỏ trước nhà, và những bàn luận trước công chúng được tổ chức dưới những cái cây. Khu nhà được bao bọc bởi cây bồ đề, cây xoài và những cây mưa; những hoa bersali, cassia, gul mohar, và laburnum đang nở cho mùi hương và màu sắc đến vô số màu xanh; và gần cổng là một cái ao nhân tạo đầy hoa loa kèn nước.

Madhavachari là một người Bra hmin khổ hạnh, một môn đệ của giáo phái Madhava. Ông ngây thơ, mộ đạo, cố chấp, và đắm chìm trong một truyền thống đồ sộ có giá trị lâu đời. Sẫm màu, cùng nước da căng, mềm mại có từ nhiều loại dầu tắm Nam Ấn, và với một vóc dáng thẳng, gầy gầy, ông có một hiện diện, khuôn mặt ông tỏa sáng nghị lực và vẻ đẹp. Nhưng phía dưới hình dáng bên ngoài khắc khổ của ông, trong những năm tháng sau, chúng tôi sẽ khám phá một con người rất thiện tâm. Ông có thể cười tủm tỉm với chồng tôi khi nghe những câu chuyện khá khiếm nhã, và có nhiều chuyện vặt vãnh về sống đầu tiên của ông.

Krishnaji đang bàn nhậu cùng Sanjeeva Rao và Madhavachari về khả năng xuất bản một tuần báo do Sanjeeva Rao, Maurice Friedman, và tôi là những người biên tập. Trong lá thư đầu tiên của anh gửi cho tôi đề ngày 18 tháng tư năm 1948, anh viết từ Madras:

Pupul thân mến của tôi,

Bởi vì hòn núi sẽ không đến Muhamad vân vân.

Tôi đã viết cho Nandini, tôi nghĩ ngày hôm qua, bảo với bạn ấy rằng chủ nhà của tôi mời bạn & Nandini ở lại đó một hay hai ngày trước khi đi thẳng đến Ooty. Tôi hy vọng cả hai đều mong muốn. Sau đó chúng ta có thể cùng nhau đến Ooty; chúng ta có thể rời đây khoảng ngày mùng một tháng năm.

Nếu bạn chấp thuận lời mời của Mr. Madhavachari, mà tôi hy vọng cả hai bạn đều đồng ý, vậy thì trước khi đi đến Ooty, một công việc mới mà chúng tôi dành cho bạn! Tôi hy vọng bạn sẽ thích công việc. Đưa một tí thời, tôi muốn bàn bạc với bạn & một vài người khác về điều gì đó mà chúng tôi đang nói chuyện ở đây. Họ đang bàn bạc với tôi về việc xuất bản một tuần báo, với bạn, Friedman, Sanjeeva Rao như những người biên tập. Nghe có vẻ ghê gớm nhưng nó nghiêm túc lắm. Chúng ta có thể bàn lại nó khi bạn đến đây. Làm ơn hãy cho chúng tôi biết khi nào bạn & Nandini có thể đến. Nếu cả c bạn có thể đến vài ngày trước mùng một tháng năm, chúng ta sẽ có cơ hội bàn bạc kỹ lưỡng vấn đề.

Tôi hy vọng bạn và gia đình đều khỏe mạnh. Làm ơn n cho tôi gửi lời hỏi thăm họ.

Nhiều thương yêu,

J. Krishnamurti

Tôi chưa bao giờ đến Madras, và thế là quyết định đi. Cuối cùng, Nandini cũng thuyết phục được chồng em để theo cùng tôi. Khi đến nơi chúng tôi được đón bởi Krishnaji và Madhavachari, rất nồng nhiệt và ân cần trong sự tiếp đón của họ. Buổi chiều chúng tôi đi cùng Madhavachari đến Tổ chức Thông thái và Garden of Remembrance, vùng đất nơi Annie Besant đã được hỏa táng – *samadhi* của bà. Krishnaji không

đi cùng chúng tôi. Từ khi anh tách khỏi Tổ chức Thông thái, anh không vãng thăm khu Adyar. Sự tách khỏi Tổ chức đã hoàn tất.

Chúng tôi mang về một bông hoa loa kèn từ *samadhi* của Besant, và trao nó cho Krishna. Anh nhận nó trong hai bàn tay và ôm nó. Chúng tôi có thể thấy anh bị xúc động lắm. Sau đó, chúng tôi theo anh dạo bộ trên bãi biển Adyar. Anh đi tách khỏi chúng tôi, thân thể mặc quần áo trắng thẳng đứng, kéo cao lên, hai cánh tay dài của anh thõng xuống hai bên hông của anh. Khi quay về đôi mắt đen, xanh, sâu thẳm của anh thật xa xôi, khuôn mặt của anh biểu lộ sự ngây ngất. Khi chúng tôi đến nhà anh hỏi Madhavachari (người anh gọi là *Mama*, “chú”), “Những tiếng chiêng tôi nghe tối qua là gì – hai tiếng dài và một tiếng ngắn? Chúng tuyệt vời quá.” Madhavachari bối rối, trả lời rằng ông không nghe tiếng chiêng và không biết những âm thanh đó từ đâu đến. Krishnaji quả quyết rằng anh đã nghe những âm thanh ở lòng. K đến phòng anh, và khoảng vài phút sau đi ra nói rằng anh đã hiểu về những tiếng chiêng. Có vẻ rằng âm thanh vang rền, sâu đó được sinh ra bởi hai cái quạt đang quay cùng lúc. Krishnaji đang ở trong một trạng thái ngây ngất, hai bàn tay của anh đập đập vào nhau để nghe vang rền. Hầu như anh không nói gì suốt bữa ăn tối, chúng tôi ăn trên *thalis**, trong khi ngồi trên những tấm chiếu trên nền nhà.

* *Thalis*: những cái đĩa tròn bằng kim loại trên đó thức ăn được phục vụ trong những gia đình truyền thống ở Ấn độ. Đĩa *thali* có thể được làm bằng bạc, bằng thép không rỉ, bằng đá. Những cái chén tròn nhỏ có nhiều loại rau và đậu lăng được đặt trên đĩa *thali*, trong khi cơm và *rotis* bánh mì dẹp hay bánh mì lứt cũng được đặt trên đĩa *thali*.

Giữa khuya chúng tôi thức dậy bởi âm thanh giọng nói của Krishnaji đang gọi từ hành lang nơi anh ngủ. Giọng của anh yếu ớt, và chúng tôi bị bối rối và nghĩ rằng anh bị bệnh. Sau một lúc do dự, chúng tôi đi đến ngõ cửa ra vào dẫn đến hành lang và hỏi liệu anh có khỏe không. Krishnaji đang gọi người nào đó, giọng của anh yếu ớt và giống như trẻ em. Anh cứ tiếp tục nói, “Krishna đi khỏi rồi, khi nào anh ấy sẽ trở lại?” Mắt anh mở lớn, nhưng không có sự công nhận. Sau đó dường như anh bắt đầu nhận ra chúng tôi và hỏi, “Em là Rosalind phải không?” Và sau đó, “Ồ, vâng, vâng, anh ấy biết em, điều đó đúng rồi, làm ơn ngồi đây, chờ ở đây.” Sau một chốc lát lại nữa, “Đừng bỏ lại thân thể một mình và đừng sợ hãi.” Tiếng nói bắt đầu gọi “Krishna” lại. Bàn tay của anh sẽ che miệng và anh sẽ nói, “Anh ấy đã bảo đừng gọi anh ấy.” Tiếp theo một giọng nói của một đứa trẻ, “Khi nào anh ấy sẽ quay lại? Anh ấy sẽ quay lại mau chứ?” Việc này tiếp tục một lúc; anh sẽ im lặng, sau đó lại hét lên “Krishna,” sau đó tự la rầy mình.

Khoảng một tiếng đồng hồ sau, giọng nói của anh trở nên vui mừng. “Anh ấy quay lại rồi, bạn thấy họ chứ? Họ ở đây nè, tinh khiết.” Hai bàn tay anh diễn tả một tròn đều. Và sau đó, giọng nói thay đổi, nó lại là giọng nói quen thuộc của Krishnaji. Anh ngồi thẳng dậy, xin lỗi vì đã đánh thức chúng tôi. Anh tiễn chúng tôi đến tận phòng của chúng tôi và quay lại. Tất cả điều kỳ lạ đó gây bối rối chúng tôi; chúng tôi bị sững sốt và thức trắng đêm đó. Sáng hôm sau, tại bữa ăn sáng trông anh trong sáng và tươi trẻ. Chúng tôi hỏi anh về chuyện đã xảy ra. Anh cười và nói anh không biết. Liệu chúng tôi có thể diễn tả việc gì đã xảy ra? Chúng tôi kể lại. Anh trả lời rằng chúng ta sẽ nói về nó trong thời điểm nào đó, mà lúc đó

chúng tôi hiểu nó có nghĩa rằng anh không muốn bàn thêm . Ngày hôm sau, chúng tôi quay về Bombay.

Những căng thẳng và sự đe dọa đáng ngại của chiến tranh đã thay đổi những kế hoạch mùa hè của Krishnaji. Họ quyết định rằng anh sẽ không quay lại Châu Âu và Mỹ, nhưng sẽ nghỉ ngơi ở Ấn độ suốt tháng năm đến tháng sáu. Miss Hilla Petit và Maurice Friedman là những chủ nhà của anh. Miss Petit đã thuê Sedgemore, một ngôi nhà ở Ootacamund – chúng tôi gọi nó là Ooty – một nhà ga trên đồi ở Nilgiris tại cao độ tám ngàn feet. Những nhà ga trên đồi của Ấn độ, với những cánh rừng sum suê, những con đường đi dạo đầy bóng mát, những con đường nhỏ dành cho xe ngựa, và những cái vườn chăm sóc thật đẹp, đã được lập kế hoạch để tạo ra không khí của vùng quê nước Anh. Người Anh đã tạo ra những khu nghỉ ngơi rừng rú này để trốn tránh sức nóng của mùa hè dài trên những vùng đồng bằng.

Năm 1948, những nhà ga trên đồi này vẫn chưa được Ấn độ hóa. Những căn nhà nhỏ và những bungalow lớn núp trong cây cối và nhìn ra những cánh đồng cỏ màu xanh lục tươi; những hoa dại, hoa cúc, hoa đừng quên tôi, và hoa bồ công anh nở rộ cùng sự thanh lịch nhã nhặn trong cỏ, và những cây thông, cây khuynh diệp, cây cau phủ dày đặc hai bên đồi. Đây là vùng quê nhấp nhô, không có những tảng đá lớn lờm chờm và hẻm núi hẹp của dãy Himalayans phía Bắc. Nhưng cái vườn vây quanh nhà lộng lẫy bởi hoa hồng, hoa vân anh, hoa anh túc, và hoa bóm. Những bụi hồng leo và cây đậu tía phủ kín những bức tường của những ngôi nhà cổ.

Cửa sổ trong phòng ngủ của Krishnaji nhìn qua một cánh rừng dày đặc của những cây khuynh diệp có màu xanh bạc; những cành cây và lá xoắn vào nhau để hình thành một vòm che của những cây có thân mảnh khảnh mọc thẳng đứng

vút lên bầu trời. Shanta Rao, một người bạn thân của Friedman, đã đến từ Madras và cũng đang sống trong ngôi nhà.

Krishnamurti viết cho Nandini và tôi để mời tham gia cùng anh ở Ootacamund. Chúng tôi vừa quay lại sau khi gặp anh ở Madras. Nhìn lại, dường như không thể hiểu được rằng Krishnaji đã không suy nghĩ trong chốc lát liệu điều đó có thể được, liệu tiền bạc cho chuyến đi và ở lại Ooty có sẵn sàng khi cần đến, liệu Nandini có thể được cho phép đi. Tôi được tự do để đi trong những giới hạn về tài chính không nhiều lắm của tôi, nhưng với Nandini tình hình hoàn toàn khác hẳn. Sự bất hoà của em với người chồng đang sâu sắc; mặc dù người chồng của em và gia đình cậu ấy khá giàu có, họ rất bảo thủ và cô hủ. Nandini không có phương tiện độc lập của riêng em.

Nhưng nó luôn luôn như thế với Krishnaji. Khi một cần thiết nảy ra trong anh và được bày tỏ, nó đã xảy ra – tất cả những cản trở có thể được khắc phục. Và thế là Nandini, con cái của em, cha chồng của em, Sir Chunilal Mehta, và tôi cùng con gái của tôi, Radhika đến Ootacamund vào tuần lễ thứ ba của tháng năm. Jammadas Dwarkadas sẽ gia nhập vào chúng tôi ở Ootacamund vài ngày sau. Chúng tôi thấy rằng Krishnaji đã hồi phục sau một căn bệnh và đã để một bộ râu quai nón trong khi anh nằm trên giường. Thời tiết lạnh, và Krishnaji mặc một *choga* chầy dài thuộc loại vải *tus* tự nhiên*.

* *Choga*: một áo khoác bằng lụa hoặc len rộng có một cái khuy phía trước. Nó được mặc bởi đàn ông phủ qua bộ quần áo kiểu Ấn độ, để bảo vệ khỏi sự lạnh lẽo.

Tus: Vải len đẹp được dệt bằng tay. Được dệt bằng len cừu nuôi tại cao độ trên 8.000 feet, nó được dệt bởi những gia đình có truyền thống

Đôi mắt lớn nhìn xuyên thấu, khuôn mặt có râu quai nón, và chiếc áo dài tạo cho anh một hình dáng thuộc kinh thánh.

Chúng tôi dạo bộ lâu nhiều lần cùng anh, theo những đường tắt qua những cây thông. Anh bước đi uyển chuyển, thẳng lên những dốc đứng và rất khó khăn để theo kịp anh. Đó là thời gian trước mùa mưa, những cánh rừng mờ mờ đục đục bởi những màn sương ảo ảo đang lơ lửng. Chúng tôi bước cùng anh, đi vào cánh rừng mê hoặc nơi cây cối bị bao phủ trong những đám mây đã chuyển thành sáng nóng, khi ánh mặt trời chạm chúng, để làm tan biến khi những đám mây co cụm lại. Vào một dịp, đang leo lên con đường dốc đứng qua những cây thông, chúng tôi tới gần ba người đàn bà đang đi cẩn thận lên đồi, đang giữ thăng bằng bó củi nặng trên đầu của họ. Krishnaji đứng ép về một bên và nhìn ngắm mọi chuyển động những người đàn bà thực hiện khi họ đi ngang qua anh. Bỗng nhiên, người ta cảm thấy nó – một từ bị đang sinh ra từ anh, một năng lượng và chú ý nhẹ nhàng mà cắt đi những nặng nhọc của những người đàn bà đang đi ngang qua, không bao giờ biết được điều gì đã làm cho những bó củi của họ nhẹ nhàng hơn.

Một ngày, khi dạo bộ qua những cây thông, anh hỏi tôi làm thế nào tôi gặp gỡ mọi người. Tôi không biết anh có ý gì, và nói như thế. Khi chú ng tôi đi qua một tộc trưởng già Toda và người con gái của ông, anh hỏi lần nữa, “Làm thế nào bạn gặp gỡ con người? Hãy quan sát những người Toda đang đi ngang qua chúng ta – cụ già đó với bộ râu quai nón của ông, và cô gái trẻ với cái khăn choàng đầu có sọc. Phản

về nghề dệt ở Srinagar, Kashmir. Một khăn choàng *tus* dài sáu yard có thể được kéo qua một chiếc nhẫn đeo tay.

úng của bạn đối với họ là gì?” Tôi trả lời rằng khi tôi thấy họ, tôi suy nghĩ về điều gì lúc trước họ đã là. Khi bộ lạc của họ cai trị những quả đồi Nilgiri. Họ đã là những vị vua của mảnh đất này, và lúc này, họ là những người lang thang nghèo khổ, trông gia súc ăn cỏ và tụm lại trong những trảng nhỏ xíu. Anh nói, “Chắc chắn, nếu bạn muốn hiểu rõ họ, bạn không thấy họ qua những suy nghĩ của bạn: Tại sao bạn không chỉ nhận biết họ một cách thụ động, cùng sự tỉnh táo? Tại sao bạn không nhạy cảm đối với họ?” Lát sau, khi chúng tôi đang quay về nhà, anh quay về phía tôi và nói bằng một long lanh tinh nghịch của đôi mắt, “Hãy đi đi và kết bạn cùng cây cối.”

Mặc dù Krishnamurti đang nghỉ ngơi và ẩn dật, tin tức về sự hiện diện của anh ở Ootacamund đã lan truyền thật mau lẹ.

Jawaharlal Nehru, bây giờ là thủ tướng Ấn độ, cũng ở Ootacamund, và tôi nhận được một lá thư từ người thư ký của ông nói rằng thủ tướng muốn viếng thăm anh. Nhưng những vấn đề sắp xếp an toàn được phát hiện rằng rất cực nhọc, và thế là thay vì vậy, Krishnaji đến gặp ông tại Government House. Maurice và tôi theo cùng anh, và tôi diện suốt gặp gỡ trong phòng khách riêng của thủ tướng. Có một lò sưởi mở, và những tô lớn đựng hoa cẩm chướng đặt trên những cái bàn. Krishnaji và Nehru ngồi trên một ghế dài đối diện lò sưởi, trong khi tôi và Friedman ngồi trên những cái ghế dựa bên cạnh ghế dài. Những ngọn lửa thấp sáng hai cái đèn Brahmin cao quý, những khuôn mặt trong trắng đẹp như tranh – một cái đầu từ cao nguyên phía Bắc, và cái đầu kia được khắc từ những tảng đá cổ xưa nhất ở phía Nam của Andhra. Những khuôn mặt được chạm trổ, nhạy cảm, nước da trong mờ làm nổi bật nét xương và tôn lên sự linh động – đôi mắt của người thầy chứa đựng những khoảng

cách mệnh mông, sinh ra từ bi và yên lặng; người kia có một năng lượng về thân kinh, bén nhạy của một mũi tên. Nehru là một người lãng mạn, một người của hành động, cùng một trí tuệ có học thức cao; quan tâm, cam kết, không ngung nghi, đang tìm kiếm cái không biết được bên trong tình trạng rối rắm của những điều chỉnh thuộc chính trị.

Cả hai người đều nhút nhát, ngập ngừng. Phải mất một thời gian lâu cho họ thiết lập sự tiếp xúc. Jawaharlal Nehru bắt đầu nói chuyện bằng cách nói rằng ông đã gặp Krishnaji nhiều năm trước, và ông thường suy nghĩ về điều gì anh đã nói. Ông đã rất mong muốn gặp lại Krishnamurti. Achyut Patwardhan và những người bạn khác đã kể nhiều về công việc sâu sắc mà Krishnamurti đang thực hiện ở Madras và Bombay. Nehru có vẻ đau khổ bởi sự tàn sát và bạo lực đã nổi lên sau sự chia cắt và độc lập. Ông nói về nó nhiều lắm; ông thấy hai lực lượng đang vận hành ở Ấn độ, sự xô đẩy vì tốt lành hay xấu xa. Những lực lượng này đang xung đột; nếu tốt lành không thể kiềm chế sự lan tràn của xấu xa, thế giới sẽ bị hủy diệt. Krishnamurti nói tốt lành và xấu xa luôn luôn hiện diện; trong khi rất khó khăn cho tốt lành và từ bi vận hành nhiều hơn, xấu xa lại đang mong đợi một nút rạn trong đó nó có thể chiếm được vị trí vững chắc. Phải cần đến một nhận biết và tinh táo vô cùng để bảo đảm rằng xấu xa không thể chen vào và kiếm được sức mạnh. K nói, nhận biết và tinh táo là điều gì sẽ duy trì con người.

Jawaharlal hỏi Krishnamurti liệu lời giảng của anh đã thay đổi qua nhiều năm từ khi họ gặp nhau lần cuối. Kishnaji nói có, nhưng anh không thể nói chính xác nơi nào và như thế nào. Sau đó, Nehru nói về điều gì Krishnamurti phải nói về sự thay đổi. Ông cảm thấy có hai cách trong đó sự thay đổi có thể được thành tựu. Bằng cách cá thể tự thay đổi chính

anh ấy và vì vậy thay đổi môi trường sống của anh ấy, và bằng cách môi trường sống làm việc vào nó và thay đổi cá thể. Tại mấu chốt này, Krishnamurti chen vào, “Hai việc đó không giống nhau hay sao? Hai việc đó không thể được nói là những qui trình tách rời.” Nehru đồng ý. Ông đang dò dẫm, đang cố gắng diễn tả sự tuyệt vọng mà ông cảm thấy tại tình trạng hỗn loạn trong thế giới và điều gì đã xảy ra ở Ấn độ trong những tháng mới đây. Bị bối rối vô cùng và không biết quay về hướng nào, ông bắt đầu tìm hiểu tận đáy những suy nghĩ và những hành động của ông.

“Hãy bảo cho tôi, thưa ông,” ông hỏi Krishnaji, “Tôi mong muốn được rõ ràng về sự hoang mang này bên trong tôi. Bảo cho tôi hành động đúng đắn là gì và suy nghĩ đúng đắn là gì.” Đối với chúng tôi, những người lắng nghe, đó là nghi vấn vĩnh viễn tồn tại của cái trí Ấn độ thức dậy.

Có sự yên lặng trên ba phút. Chúng tôi đang phát hiện rằng những yên lặng bao bọc Krishnaji trong đối thoại đã hình thành bộ phận của sự giao tiếp; một yên lặng của cái trí trong đó những khoảng cách giữa những cái trí được xóa sạch đến độ có sự hiệp thông và chuyển tải trực tiếp cái trí-sang-cái trí.

Sau đó, Krishnamurti chậm chậm nói, ngừng lại tại mỗi từ ngữ. “Hành động đúng đắn chỉ có thể xảy ra được khi cái trí yên lặng và có một đang thấy của ‘cái gì là.’ Hành động nảy ra từ đang thấy này được tự do khỏi động cơ, khỏi quá khứ, được tự do khỏi suy nghĩ và nguyên nhân.” Tiếp theo, anh nói rằng rất khó khăn để tìm hiểu vấn đề rộng lớn này trong một thời gian ngắn ngủi. Jawaharlal Nehru đang lắng nghe thăm thẳm, cái trí của ông lộ vẻ tinh khiết và nhạy cảm, có thể đang thấu nhận và đang phản ứng. Krishnaji nghiêng về phía trước, hai bàn tay của anh diễn tả đầy hùng

biện. Anh nói rằng cùng sự hỗn loạn đang gia tăng ở Ấn độ và thế giới, con người chỉ có thể bắt đầu sự tiến hành của tái sinh nơi chính anh ấy. Anh ấy phải bắt đầu mới mẻ lại. Bởi vì thế giới được cứu rỗi bởi anh ấy, một vài cá thể phải tự làm tự do chính họ khỏi những nhân tố đang làm phân rã và đang hủy diệt thế giới. Họ phải tự thay đổi chính họ thật thắm thắm, suy nghĩ một cách sáng tạo và thế là thay đổi thêm nữa những con người. Ngay từ tro bụi, cái mới mẻ phải được sinh ra. “Giống như chim Phượng hoàng từ tro bụi,” Nehru nói.

“Vâng,” Krishnaji trả lời, “bởi vì muốn cho sự sống hiện diện, phải có chết của anh ấy. Những người cổ xưa hiểu rõ điều này và đó là lý do tại sao họ tôn sùng sự sống, tình yêu, và chết.”

Tiếp theo, Krishnaji nói về sự hỗn loạn thế giới là một phản ảnh của sự hỗn loạn cá thể. Cái trí con người bị trói buộc trong quá khứ, trong thời gian như sự suy nghĩ, là một cái trí chết rồi. Một cái trí như thế không thể vận hành vào sự hỗn loạn, chỉ có thể thêm vào sự hỗn loạn. Con người phải tự-làm tự do chính anh ấy khỏi thời gian như trở thành, sự chiếu rọi vào ngày mai. Anh ấy phải hành động trong “ngay lúc này” và thế là tự-thay đổi chính anh ấy.

Người thầy và người chính trị anh hùng nói chuyện trên một tiếng rưỡi đồng hồ. Bầu trời buổi chiều đã tối sẫm và vì sao hôm đã lặn sau đường chân trời, khi chúng tôi ra khỏi căn phòng. Thủ tướng tiễn chúng tôi ra tận xe hơi và có sự thương yêu và sự trọng đãi trong chia tay. Họ hứa hẹn gặp nhau lại vào mùa đông, khi Krishnaji sẽ ở Delhi. Sau đó Krishnaji, người viết trong quyển sổ tay mỗi ngày, ghi lại những quan sát này:

Anh ấy là một người chính trị rất nổi tiếng, thực tế, chân thật ghê lắm, và yêu nước lạ lùng. Không có cái trí chật hẹp và cũng không đang tự tìm kiếm, tham vọng của anh ấy không dành riêng cho anh ấy, nhưng cho một ý tưởng và cho con người. Anh ấy không là một người hùng biện huênh hoang ông tuốc h hay một người kiếm phiếu bầu; anh ấy đã chịu đựng đau khổ vì chính nghĩa của anh ấy và, lạ lùng thay, lại không cay đắng; dường như anh ấy là một học giả hơn là một người chính trị. Nhưng chính trị là hơi thở sự sống của anh ấy và đảng phái tuân lệnh anh ấy, mặc dù hơi hơi bực bội. Anh ấy là một người mộng mơ, nhưng anh ấy đã gạt đi tất cả điều đó để ưu tiên cho chính trị.

Về cuối tháng năm, những biến cố nào đó xảy ra mà phôi bày ánh sáng vào sống huyền bí ly kỳ của Krishnamurti.

Tháng tám năm 1922 ở Ojai, khi Krishnaji đang trải qua sự thức dậy mãnh liệt, anh có hai người bạn tin cậy ở cùng anh. Điều này là giống hệt vào những dịp như thế trong sống của anh, và sự nhấn mạnh vào hai người không phải là điều ngẫu nhiên. Từ những năm đầu của Krishnaji, Annie Besant đã khẳng định rằng luôn luôn có hai người ở cùng Krishnaji, để bảo vệ anh. Sự bảo vệ thân thể vị thánh nhân khi nó đang trải qua những tiến trình huyền bí của sự thay đổi và sự chuyển chuyển của ý thức, đã bám rễ chặt chẽ trong truyền thống huyền bí của Ấn độ. Tại thời điểm này thân thể nhạy cảm, mỏng manh lạ thường, và tổng không tất cả ý thức của cái tôi.

Trong Indus Valley có một lối chữ vẽ hình trong đó người thấy, đang ngồi kiết già trong thiền định, hai bên sườn là hai con ấu hồ mang vượn thẳng trong tư thế tấn công. Trong một hình ảnh về khoanh khắc của sáng tạo, một cái cây trồi lên từ từ cung của một người đàn bà có hai con hổ hung hăng đang bảo vệ khoanh khắc của huyền bí. Một thần thoại diễn tả thân thể của Adi Sankaracharya (người tiêu biểu của Advaita và người thành lập nổi tiếng của trường triết học

Advaita Veda) khi nóằm ở hang Amarnath ở Kashmir. Trong một khoảng thời gian, thân thể nằm trống không, bởi vì Sankaracharyadã vào thân thể của một vị vua, để cho không phá hủy sự trong trắng của thân thể riêng của ông, ông có thể trải nghiệm tình dục và cương vị người cha và vì thế trả lời sự thách thức của Sharda, người vợ của Madan Misra của Mahishmati mà đã thách thức Acharya vĩ đại trong bàn luận tại Varanasi. Trong khi thân thể nằm không phòng vệ ở Amarnath, hai người trong những môn đệ của Sankaracharya chăm sóc nó và bảo đảm rằng nó không bị tổn hại. Sự cần thiết phải bảo vệ thân thể đã là nhiệm vụ chủ yếu và có lẽ là duy nhất của những người hiện diện trong khi Krishnaji trải qua những thay đổi to tát của năng lượng mà mở toang những khu vực không được vận hành trước kia của bộ não. Đưa ra bất kỳ sự quan trọng nào khác đối với sự liên hệ của Krishnamurti cùng những người này, như có lẽ được khẳng định, đều không có giá trị. Điểm giá trị duy nhất là rằng họ là những người Krishnaji tin cậy, những người sẽ bảo đảm rằng không có tổn hại gì cho thân thể, và trên tất cả là những người sẽ không có sợ hãi, không có những phản ứng mạnh mẽ thuộc cảm xúc hay ở trong trạng thái nào đó, đối với điều gì xảy ra.

Những biến cố tại Ooty kéo dài trên một thời kỳ ba tuần lễ, từ khoảng 28 hay 29 tháng năm đến 20 tháng sáu. Chúng xảy ra trong phòng của Krishnaji tại Sedgemoor. Em tôi, Nandini, và tôi hiện diện. Nó gây bối rối cho Nandini và tôi. Không nghi ngờ gì cả, Maurice Friedman đã giải thích cho Shanta Rao và Miss Petit điều gì đó về việc gì đang xảy ra, quen thuộc như anh ở cùng những truyền thông huyền bí của những thánh nhân trong vùng đất này. Dầu vậy, chúng tôi chẳng có thể làm gì cả.

Nó bắt đầu vào một buổi chiều khi Krishnaji đi dạo cùng chúng tôi. Anh ấy đầu nói rằng anh đang cảm thấy không khỏe, và chúng tôi có thể đi về nhà. Khi chúng tôi hỏi liệu anh muốn khám bác sĩ, anh trả lời, “Không, nó không phải việc đó.” Anh sẽ không giải thích thêm nữa. Khi chúng tôi về nhà anh đi tới phòng của anh, bảo với Friedman rằng sẽ không được làm phiền anh bằng bất kỳ giá nào; nhưng anh yêu cầu Nandini và tôi đi vào trong phòng. Anh đóng cửa và sau đó nhắc nhở chúng tôi đừng sợ hãi, dù bất kỳ chuyện gì xảy ra, và không khi nào được gọi bác sĩ. Anh yêu cầu cả hai chúng tôi ngồi yên lặng và quan sát anh. Sẽ không có sợ hãi. Chúng tôi sẽ không nói với anh, không làm anh tỉnh lại, nhưng khép miệng anh lại nếu anh ngất xỉu. Không khi nào được phép bỏ lại thân thể của anh một mình.

Mặc dù tôi đã được quét sạch bởi sự gặp gỡ của tôi cùng K, tôi có một cái trí ngờ vực và quan sát rất chú ý những biến cố khi nó xảy ra.

Krishnaji có vẻ đau đớn cực độ. Anh rên rỉ vì bị đau răng nhiều và một đau đớn tại gáy cổ, chòm đầu, và trong cột sống.

Giữa cơn đau anh, sẽ nói, “Họ đang súc sạch bộ não, ôi, quá hoàn hảo, đang làm trống không nó.” Vào những dịp khác, anh sẽ phàn nàn về sức nóng kinh khủng, và thân thể của anh sẽ đổ mồ hôi nhễ nhại. Sự mãnh liệt của cơn đau thay đổi vì khu vực nơi nó được tập trung. Thỉnh thoảng, cơn đau có vị trí trong đầu, trong răng, gáy cổ, hay cột sống. Vào những lúc khác, anh rên rỉ và ôm bụng của anh. Không gì có thể làm dịu bớt cơn đau; nó đến và đi khi nào nó muốn.

Khi tiến trình đang vận hành, thân thể đang nằm trên giường có vẻ giống như một cái vỏ sò; dường như chỉ một ý thức về thân thể hiện diện. Trong trạng thái này giọng nói

yếu ớt, như em bé. Sau đó, bỗng nhiên thân thể đầy một hiện diện vút cao. Krishnaji sẽ ngồi bật dậy tư thế kiết già, hai mắt nhắm lại, thân thể mỏng manh có vẻ tăng trưởng và sự hiện diện của anh sẽ phủ đầy căn phòng; có một yên lặng rộn ràng, có thể cảm thấy được và một sức mạnh vô bờ bên tràn vào căn phòng và bao bọc chúng tôi. Trong tình trạng này, giọng nói có khối lượng và chiều sâu vô hạn.

Sau buổi chiều đầu tiên, anh bắt đầu dạo bộ một mình vào những buổi chiều và thường yêu cầu Nandini và tôi đến nhà sau đó. Thật đầu, những trải nghiệm bắt đầu lúc 6 giờ chiều và chấm dứt lúc 8 giờ 30 tối, nhưng sau đó thỉnh thoảng, chúng tiếp tục đến nửa đêm. Vào những ngày khi anh phải gặp gỡ người ta (ví dụ, Jawaharlal Nehru), không gì xảy ra. Càng về cuối, những thời kỳ kéo dài hơn, và có một lần nó tiếp tục suốt đêm. Không lần nào anh nói về sự bản thủ hay bày tỏ một ham muốn rời căn phòng như anh đã làm tại Ojai, mặc dù Sedgemoor không sạch sẽ hơn bình thường; anh cũng không nói về những suy nghĩ gây bực bội. Vào một dịp anh yêu cầu Nandini cầm tay anh, bởi vì nếu không anh sẽ lên thoát ra và không quay lại.

Trong khi anh đang ở giữa sự thử thách, thân thể của anh sẽ lăn lộn trên giường. Anh sẽ có những cơn co giật, sẽ gọi vang để kêu Krishna, và sau đó lấy bàn tay bịt miệng lại và nói, “Tôi không được phép gọi anh.”

Ngày 30 tháng năm năm 1948: *

* Tôi cố gắng ghi lại điều gì Krishna đã nói trong những trạng thái huyền bí này. Một số những ghi chú đã bị thất lạc. Tuy nhiên, ở đây tôi đã in

Krishnamurti đang chuẩn bị đi dạo thì bỗng nhiên anh nói anh cảm thấy quá yếu và không hoàn toàn hiện diện ở đó. Anh nói, “Tôi bị đau đớn quá.” Anh ôm đầu và nằm vật xuống. Trong một vài phút, anh Krishnaji mà chúng tôi bắt không còn hiện diện ở đó. Suốt hai tiếng đồng hồ, chúng tôi thấy anh trải qua sự đau đớn kinh khủng. Anh nói anh bị đau ở gáy cổ, một cái răng của anh gây phiền muộn anh, bao tử của anh căng phồng và cứng ngắt, và anh rên rỉ và ò ï xuống. Thỉnh thoảng, anh sẽ la lớn. Anh ngất xỉu nhiều lần. Khi anh hồi tỉnh, lần đầu tiên, anh nói, “Khép miệng tôi lại khi tôi ngất xỉu.”

Anh cứ liên tục nói, “Ammma – ôi, Thượng đế ơi, cho con sự an bình. Con biết họ có trách nhiệm phải thực hiện việc gì. Gọi anh ấy trở lại. Con biết khi sự giới hạn của đau đớn lên đến cực điểm, họ sẽ quay lại. Họ biết thân thể có thể chịu đựng đến mức độ nào. Nếu con trở thành một người điên dại, hãy chăm sóc con – không phải rằng con sẽ trở thành một người điên dại. Họ rất cẩn thận với thân thể. Con cảm thấy quá già nua. Chỉ một ít phần của con đang vận hành. Con giống như một món đồ chơi bằng cao su của Ấn độ, mà một đứa trẻ chơi đùa. Chính là đứa trẻ mới tạo ra sự sống.”

Suốt tiến trình đang xảy ra, khuôn mặt của anh trông có vẻ mệt mỏi và kiệt sức và bị nát ra bởi đau đớn. Anh cứ bóp chặt hai nắm tay và những giọt nước mắt trào ra từ hai mắt của anh. Sau hai tiếng đồng hồ, anh ngất xỉu lại. Khi anh hồi tỉnh, anh nói, “Con đau đớn đã hết rồi. Tôi biết điều gì đã

lại những ghi chú còn giữ được và Nandini đã giúp đỡ tôi xây dựng lại những phần còn lại.

xảy ra sâu thẳm bên trong tôi. Tôi đã được thấm đầy xăng. Bình xăng đầy rồi.”

Sau đó, anh nói anh sẽ nói chuyện để cho anh sẽ không phải suy nghĩ về sự đau đớn bên trong anh. “Bạn có thấy mặt trời và những đám mây toi sắp trĩu nặng nước mưa? Chúng trôi qua mặt trời và tiếp theo mưa rơi xuống âm ỉ trên quả đất mà mong chờ giống như tử cung đang mở. Nó rửa sạch. Mỗi bông hoa, mỗi chiếc lá. Có hương thơm, một mùi mới mẻ. Rồi thì, những đám mây trôi đi và mặt trời lộ dạng và chạm vào mỗi chiếc lá và mỗi bông hoa. Bông hoa nhỏ xíu thanh thoát giống như một thiếu nữ trẻ bị vui dập bởi một người đàn ông hung bạo. Bạn có thấy những bộ mặt của những người đàn ông giàu có? Luôn luôn bận rộn bởi những cỗ phiêu và kiếm tiền của họ? Họ biết gì về tình yêu? Bạn có khi nào cảm thấy mỗi cành của một cái cây, sờ chạm một chiếc lá, ngồi bên cạnh một đứa trẻ rách rưới? Bạn biết khi tôi lái xe đến một sân bay nhỏ, tôi thấy một người đàn bà đang rửa ráy hai móng của một đứa trẻ. Cảnh đó đẹp lắm. Không người nào để ý đến người đàn bà. Tất cả mọi việc họ biết là kiếm tiền và những chỗ ô ứ của những người đàn bà của họ. Đối với họ, tình yêu là ái ân. Cảm bàn tay của một người đàn bà, khi bà ta không là một người đàn bà, đó là tình yêu. Các bạn biết tình yêu là gì? Các bạn có những người chồng và con cái. Nhưng làm thế nào các bạn sẽ biết? Bạn không thể nhốt một đám mây trong một cái cũi bằng vàng.”

Anh im lặng một chốc, sau đó nói, “Đau đớn này làm cho thân thể của tôi như thép – nhưng, ôi, thật mềm dẻo, thật linh động, không một suy nghĩ. Nó giống như một đánh bóng, một sát hạch.” Chúng tôi hỏi liệu anh không thể kết thúc việc bị đau đớn. Anh trả lời: “Bạn có một đứa con. Liệu bạn có thể ngăn cản nó sinh ra khi nó khởi động rồi?” Tiếp

theo: “Họ sẽ vui đùa cùng tôi tối nay. Tôi thấy cơn bão đang tụ họp. Ô, Christos!”

Chốc lát sau, Maurice mang vào ít cháo và sau đó đi ra. Krishnaji nhờ bật đèn lên. Anh đã ngồi dậy hai chân kiết già, thân thể thẳng đứng. Sự đau đớn không còn trên khuôn mặt. Hai mắt của anh nhắm lại. Dường như anh đang lớn lên. Chúng tôi cảm thấy quyền năng vô bờ bến tràn vào anh. Có một rộn ràng trong bầu không khí. Nó đầy căn phòng. Hai mắt và hai tai của chúng tôi đầy áp nó và âm thanh, nặc dù không có âm thanh; và nổi chân lông của thân thể chúng tôi cảm thấy một tiếp xúc, nhưng không có gì trong phòng. Sau đó, anh mở hai mắt của anh và nói: “Việc gì đó đã xảy ra – các bạn có thấy gì không?” Chúng tôi trả lời anh rằng chúng tôi đã cảm thấy. Anh nói, “Ngày mai khuôn mặt của tôi sẽ khác hẳn.” Anh nằm xuống và hai tay mở ra trong một cử chỉ của no đủ. Anh nói, “Tôi sẽ giống như một giọt mưa – vô nhiễm.” Sau một vài phút, anh bảo với chúng tôi rằng anh khỏe lại rồi và chúng tôi nên về nhà.

Ngày 17 tháng sáu năm 1948:

Krishnaji ra ngoài dạo bộ một mình. Anh yêu cầu Nandini và tôi chờ anh. Chúng tôi ngồi bên cạnh lò sưởi và chờ. Anh đi vào phòng như thể anh là một người lạ. Anh đi thẳng đến bàn làm việc của anh và viết cái gì đó trong hồ sơ của anh. Sau một khoảng thời gian, anh bắt đầu nhận biết được chúng tôi. Anh đến và ngồi xuống gần lò sưởi. Anh hỏi chúng tôi rằng chúng tôi đang làm gì và nói rằng anh đã đi qua khỏi Golf Club. Có một cây sáo đang thổi ở xa xa và anh ngồi yên lặng, lắng nghe nó đầy chú ý. Chỉ sau khi nó ngừng thì anh có vẻ ở trong tình trạng nửa mê nửa tỉnh. Hai lần trong khi

chúng tôi ngồi đó, sự hiện diện lạ thường bao bọc trọn vẹn anh. Anh cao lên trước chúng tôi. Hai mắt của anh hơi hé mở; khuôn mặt của anh yên lặng và đẹp đẽ lạ thường.

Rồi sau đó anh nằm trên giường và chỉ có thân thể. Giọng nói xuất phát từ thân thể là giọng nói của một đứa trẻ yếu ớt. Anh Krishnaji mà chúng tôi đã biết không còn ở đó. Thân thể của Krishnamurti bắt đầu nói rằng anh bị đau đớn bên trong lắm, rằng họ đốt cháy anh phía bên trong; rằng có một đau đớn xuyên thủng bộ đầu của anh. Anh đang run rẩy và nói rằng việc gì đó đã xảy ra trong chuyến dạo bộ. Anh quay về phía chúng tôi và hỏi, “Bạn thấy anh quay lại?” Anh không thể làm động bộ thân thể và cái trí của anh. Thịnh thoảng anh cảm thấy anh vẫn còn đang ở trong rừng. “Họ đến và phủ anh lại bằng những chiếc lá.” Anh nói, “Bạn biết không, ngày mai bạn sẽ không thấy anh. Gần như anh không trở lại.” Anh liên tục cảm giác thân thể của anh để xem thử liệu tất cả có còn ở đó hay không. Anh nói, “Tôi phải quay lại và tìm ra việc gì đã xảy ra trong chuyến dạo bộ. Việc gì đó đã xảy ra và họ vội vã quay lại. Nhưng tôi không biết liệu tôi đã quay lại? Có lẽ còn có những mảnh của tôi đang nằm trên đường.” Hai lần anh ra khỏi giường và hướng tới cửa ra vào, nhưng lại nằm xuống. Sau đó, anh chìm vào giấc ngủ. Khi anh thức dậy, anh sờ mó thân thể và nhìn vào hai bàn tay của anh.

Ngày 18 tháng sáu năm 1948:

Krishnaji yêu cầu chúng tôi đến vào lúc bảy giờ chiều. Anh đi ra ngoài. Chúng tôi chờ. Anh quay lại nhà sau khoảng thời gian nào đó. Lại nữa anh là người lạ. Anh viết điều gì đó trong quyển sách và sau đó đến ngồi cùng chúng

tôi. Anh nói: “**N**hưng suy nghĩ về nói chuyện của tôi ở Bangalore đang tràn vào. Lại nữa tôi nhận biết rõ.” Anh nhắm hai mắt và ngồi thẳng đứng, yên lặng trong một lúc. Sau đó anh phàn nàn về sự đau đớn và đi đến giường nằm xuống. Anh nói anh cảm thấy bị đốt cháy. Anh đang khóc. “Bạn biết không, tôi tìm được việc gì đã xảy ra trong chuyến dạo bộ. Anh đến đầy đủ và đảm đương hoàn toàn. Đó là lý do tại sao tôi không biết liệu tôi đã quay lại. Tôi không biết gì cả.” Chốc lát sau, “Sau đó trong tình trạng trống không, có một ánh sáng và một cơn bão và tôi bị hành hạ ngày hôm đó trong cơn gió. **B**ạn có biết trống không đó mà không có đường chân trời – không giới hạn – nó trải rộng vô hạn?” Bàn tay của anh chuyển động để biểu lộ không gian trống không.

Chốc lát sau: “Họ đã đốt cháy tôi để cho có thể có nhiều trống không thêm nữa. Họ muốn thấy ‘bao nhiêu của anh ấy’ có thể vào.” Kế tiếp: “Bạn biết trống không? Khi nào không có một suy nghĩ? Khi nào nó hoàn toàn trống không? Nhưng, làm thế nào bạn có thể biết? Chính trống không này mới sáng tạo uy quyền – không phải quyền lực mà họ biết, quyền lực của tiền bạc, quyền lực của địa vị, quyền lực của người chồng đối với người vợ.” Anh ngừng lại. “Đây là uy quyền thuần khiết – giống như quyền lực trong một cái máy phát điện. Bạn biết, trong chuyến dạo bộ, tôi ở trong một ngôi ngát. Tôi chưa bao giờ khóc lóc giống như thế. Khi tôi đang bước đi, tôi gặp một người đàn ông nghèo khổ. Ông thấy tôi đang khóc và nghĩ rằng tôi đã mất một người mẹ hay người chị. Sau đó, ông mỉm cười với tôi và tôi không thể hiểu rõ.” Bỗng nhiên anh nói, “Tôi có một suy nghĩ – thời gian và trống không – tốt lắm. Tôi hy vọng tôi nhớ lại khi tôi thức dậy.”

Anh bắt đầu nói rằng anh không thể chịu đựng được nó, rằng anh bị đốt cháy tất cả phía bên trong, đau đớn. Sau đó, bỗng nhiên anh ngồi bật dậy và nói, “Đừng chuyển động,” và lại nữa chúng tôi thấy anh giống như đêm trước. Khuôn mặt của anh trong bóng tối, nhưng lò sưởi cháy bùng bùng và bóng của anh đổ dài trên tường. Mọi đau đớn đều biến mất khỏi khuôn mặt. Hai mắt của anh nhắm lại, thân thể của anh đang rộn ràng, như quyền năng nào đó đang thâm nhập vào anh. Khuôn mặt của anh đang rung động. Anh có vẻ to ra và phủ kín căn phòng. Anh ngồi không cử động khoảng ba phút và sau đó anh ngất xỉu. Anh thức dậy an bình và thanh thản.

Mặc dù những ghi chú chúng tôi ghi lại đêm cuối bị thất lạc, Nandini và tôi nhớ sự kiện đó rất rõ ràng.

Krishnaji đã trải qua sự đau đớn hành hạ trong bộ đầu và cổ của anh, bao tử của anh căng phồng, những giọt nước mắt lăn xuống mặt anh. Bỗng nhiên, anh nằm vật ra giường và trở nên bất động. Những dấu vết của đau đớn và mệt mỏi được xóa sạch, như xảy ra trong chết. Sau đó sự sống và một bao la bắt đầu thẩm thấu khuôn mặt. Khuôn mặt đẹp đẽ lạ thường. Nó không tuổi tác, thời gian đã không tiếp xúc nó. Hai mắt mở, nhưng không có sự công nhận. Thân thể tỏa sáng; một bất động và một bao la chiếu sáng khuôn mặt. Sự yên lặng là chất lỏng và đậm đặc, giống như mật ong; nó tràn vào căn phòng và vào những thân thể và những cái trí của chúng tôi, lịt kín mỗi tế bào của bộ não, xóa sạch mọi vết tích của thời gian và ký ức. Chúng tôi cảm giác một tiếp xúc mà không có một hiện diện, một cơn gió đang thổi mà không có sự chuyển động. Chúng tôi không thể kiềm hãm và chấp

hai tay bày tỏ sự tôn kính. Trong vài phút, anh nằm bất động, sau đó hai mắt của anh mở ra. Chốc lát sau, anh thấy chúng tôi và hỏi, “Bạn có thấy khuôn mặt đó không?” Anh không chờ đợi một câu trả lời. Anh nằm bất động. Tiếp theo, “Buddha hiện diện ở đây, bạn được ban phước lành.”

Chúng tôi quay về khách sạn, và sự yên lặng theo cùng chúng tôi và vây quanh chúng tôi trong vài ngày kế tiếp. Chúng tôi được bao bọc bởi một hiện diện lan tỏa khắp mọi nơi. Hầu hết mọi thời gian chúng tôi ở trong phòng cùng Krishnaji, chúng tôi không có nhiệm vụ gì cả; tuy nhiên sự có mặt của chúng tôi là cần thiết. Không có gì cá nhân trong anh trong suốt những biến cố xảy ra – không cảm xúc, không liên hệ với chúng tôi. Sự thử thách có vẻ trên phần thân thể, và tuy nhiên ngày hôm sau không để lại dấu vết nào trên khuôn mặt hay thân thể của anh. Anh rực lửa cùng năng lượng – hân hoan, háo hức, và tươi trẻ. Không một từ ngữ nào anh nói có những ngụ ý về tâm lý. Một sức nặng, chiều sâu, và sức mạnh hiện diện trong sự yên lặng đã thấm thấu căn phòng và bầu không khí trong mỗi biến cố. Khi Nandini và tôi so sánh những ghi lại sau đó, chúng tôi đã phát giác rằng cả hai chúng tôi đều có những trải nghiệm giống hệt nhau.

Khi Nandini và tôi rời Ootacamund, Krishnamurti yêu cầu chúng tôi “đến Bombay và nghỉ ngơi. Các bạn đã trải qua sự thử thách to tát.”

Trong một trong những lá thư của anh gửi đến tôi, sau này K có đề cập vấn đề đến việc gì đã xảy ra. Một buổi sáng, tôi đã hỏi anh về lý do có hai giọng nói – một giọng của một đứa trẻ mỏng manh và một giọng thông thường của Krishnamurti. Tôi nói rằng nó trông như thể thực thể nào đó ra khỏi thân thể và thực thể nào đó vào lại thân thể.

Krishnamurti trả lời trong lá thư của anh, “Đây không là như thế. Không phải rằng có hai thực thể.” Anh nói anh sẽ bàn về điều đó sau; nhưng đã qua quá nhiều năm trước khi anh kể lại về nó.

CHƯƠNG 12

“Có khuôn mặt đó bên cạnh tôi.”

Khi tôi quay lại Bombay. Tôi trải qua một trải nghiệm không thể giải thích được và rất sâu thẳm. Những giác quan của tôi, bị xé nát khỏi lẽ thói của nó, đã nổ tung. Một đêm, khi tôi nằm xuống để chuẩn bị ngủ, tôi cảm thấy sự tiếp xúc tràn ngập của một hiện diện, đang chờ đợi. Tôi được thâm nhập và được bao bọc trong một chất lỏng đậm đặc trong tử cung. Tôi đang bị chết đuối, bởi vì tôi cảm thấy ý thức của tôi đang mất dần. Thân thể của tôi phản kháng; nó vật lộn, không thể chấp nhận sự bao bọc kín mít này, ý thức của chết này. Sau đó, sự hiện diện yên lặng biến mất. Việc này xảy ra trong ba đêm liên tiếp. Mỗi lần, thân thể của tôi vật lộn; nó kháng cự sự đựng độ này, không thể đối diện sự tiếp xúc của chết này, mà trôi qua thật mau lẹ như nó đã đến, không bao giờ quay lại. Không có sợ hãi. Tôi kể cho Krishnaji về nó tại gặp gỡ kế tiếp của chúng tôi, và anh bảo tôi cứ để nó như thế, không giữ nó cũng không kháng cự nó.

Krishnaji yêu cầu chúng tôi giữ bí mật việc gì chúng tôi đã chứng kiến ở Ooty. Chúng tôi cảm thấy rằng anh không muốn nó gây hoang mang sự rõ ràng, sự chính xác, và sự hiệp thông của lời giảng. Nhưng đến những năm 1970, chính Krishnaji bắt đầu kể về nó cho những người gần gũi anh. Tôi hỏi, “Anh nghĩ rằng những tế bào não vật chất, không thể kiềm hãm hay chứa đựng sự vô hạn của năng lượng đang chảy vào bộ não, phải tạo ra những không gian trong bộ não để duy trì nó? Liệu phải có một thay đổi thuộc vật chất trong chính những tế bào não? Hay nó giống như một tia laser đang chiếu vào những tế bào não để khiến cho chúng có thể vận hành tròn vẹn và vì vậy chứa đựng năng lượng vô hạn?”

Krishnaji trả lời, “Có thể đó là như thế.” Anh ngừng lại, và sau đó tiếp tục. “Sau Ojai, Leadbeater không thể giải

thích được sự đau đớn, Mrs. Besant cũng vậy. Sự giải thích được đưa ra bởi họ là rằng ý thức của Krishnaji phải được trống không cho một mảnh của Maitreya Bodhisattva sử dụng thân thể của anh.”

Khi được hỏi liệu đó là “Maitreya,” anh không nói đúng hay sai. Tôi hỏi, “Liệu có phải rằng chúng tôi đã chứng kiến cái trí đầu tiên đang vận hành đầy đủ, tổng thể?”

K nói, “Có thể, và đó là điều gì phải được thực hiện cho những em bé ở đây [tại Rishi Valley School].”

Krishnamurti, năm 1979 đang nói về những xảy ra ở Ooty, đã nói rằng đối với anh đường ranh giới phân chia giữa sống và chết chẳng có ý nghĩa bao nhiêu, rất mỏng manh và dễ bị đứt. Trong suốt tình trạng khi thân thể là một cái vỏ, có khả năng rằng K có thể lang thang đi khỏi và không bao giờ quay lại, hay những yếu tố nào đó mà muốn phá hoại sự hóa thân có thể gây nguy hại cho thân thể. Vì vậy, không thể có sự sợ hãi nơi những người gần gũi anh tại thời điểm đó. Sự sợ hãi thu hút ma quỷ.

Tôi kể với anh rằng trong khi anh đang ở trong những tình trạng đó, chỉ có thân thể đang vận hành; có một trống không trong thân thể. Giọng nói giống như trẻ em. K nói, “Bạn không thể giải thích hai giọng nói bằng cách nói rằng một giọng là giọng nói của thân thể, một mình nó, hay sao?”

Tôi hỏi, “Chỉ thân thể đang nói?”

Anh trả lời, “Tại sao không?”

“Chỉ một cái vỏ?” Tôi kiên trì.

“Vâng, tại sao không?” Tiếp theo, K hỏi tôi, “Liệu giọng nói quá kích động?”

Tôi trả lời, “Không có sự kích động.”

“Liệu nó là một trạng thái tương tượng?” Anh hỏi.

“Làm thế nào tôi có thể biết được?” Tôi trả lời.

K hỏi việc gì đã xảy ra sáng hôm sau. Tôi nói tình huống chúng tôi cùng anh dạo bộ. Krishnaji rất tươi trẻ, sinh động. Sự đau đớn không để lại dấu vết, và anh có vẻ đã quên bằng điều gì đã xảy ra. Anh cười nhiều, nhìn chúng tôi một cách giễu cợt, đầy thương yêu, chu đáo, phủ ngập chúng tôi bằng sự hiện diện của anh, và không có câu trả lời cho những câu hỏi của chúng tôi. Anh nói rằng anh không biết.

Cùng năm đó, 1979, khi ở Bombay, vài người chúng tôi yêu cầu anh giải thích hiện tượng của khuôn mặt thay đổi. Anh nói, “Cách đây nhiều năm, tôi thức giấc và có khuôn mặt đó bên cạnh tôi. Có khuôn mặt đó mà khuôn mặt của K đang trở thành. Khuôn mặt này luôn luôn ở cùng tôi, một cách hạnh phúc. Khuôn mặt rất lạ thường, cao cả vô cùng, tinh khiết.” Anh nói như thể những từ ngữ của anh liên quan đến một con người khác. “Và một ngày khuôn mặt không còn ở đó nữa.”

“Liệu nó đã trở thành một cùng K?” Tôi hỏi.

K nói anh không biết. Anh cũng nói về sự cần thiết của thân thể phải được bảo vệ. Không có gì xấu xa nên xảy ra quanh nó trong khi K ra khỏi, không những tội tệ. Trong tình trạng đó thân thể không phòng vệ, tất cả mọi loại yếu tố đều muốn phá hoại nó. “Khi có tốt lành, cũng có cái còn lại.”

Anh được hỏi liệu cái xấu xa có thể đảm đương thân thể của anh khi nó bị trống không. “Không” của anh là tuyệt đối.

“Vậy thì cái xấu xa có thể làm gì? Phá hủy sự hóa thân?”

“Vâng,” K trả lời, “đó là lý do tại sao phải có tình yêu. Khi có tình yêu có sự bảo vệ.”

K cũng nói rằng có thể sự đau đớn và việc gì xảy ra là cần thiết, bởi vì bộ não không sẵn sàng. Nhưng dấu vết của

không-chín chắn vẫn còn, những tế bào não không đủ rộng lớn để thu nhận năng lượng. “Khi năng lượng đến đang tràn vào và bộ não không thể chứa đựng nó, lúc đó năng lượng cảm thấy nó phải làm mềm mại vật phục vụ của nó. Đó có lẽ là hoạt động riêng của nó.”

Nói thêm về sự cần thiết phải có hai người ở cùng thân thể, K trả lời, “Nơi nào có tình yêu có sự bảo vệ. Sự hận thù cho phép điều xấu xa đi vào.”

Khi được hỏi ý thức của K đi đâu, anh trả lời, “Tôi đã tự hỏi chính mình điều gì xảy ra khi không có chuyển động của bộ não.” Chốc lát sau anh tiếp tục, “Nó chấm dứt hoàn toàn. Chỉ khi nào nó phải biểu lộ thì nó xuất hiện. Nó chấm dứt tồn tại khi nó không còn ở đó. Không khí có bất kỳ vị trí nào, ánh sáng có bất kỳ vị trí nào? Không khí được bao bọc lại và vì vậy nó ở đó. Đập vỡ cái vỏ bọc, nó ở khắp mọi nơi.”

Dường như anh ngần ngại khi tìm hiểu thêm nữa. Anh nói rằng anh không nên tìm hiểu thêm nữa. “Bạn có thể hỏi,” anh nói, “và tôi sẽ trả lời. Nhưng tôi không thể hỏi.”

Krishnaji ghé thăm Bangalore trên đường quay lại từ Ootacamund. Anh đang ở tại Premalaya, một ngôi nhà của người vật lý nổi tiếng, Vikram Sarabhai, Chủ tịch của Ủy ban Năng lượng Nguyên tử và một người tiên phong của tìm hiểu không gian ở Ấn độ. Maurice Friedman đang chăm sóc anh. Một ham muốn thử nghiệm không thể chế ngự đã khiến cho Friedman gợi ý Krishnaji rằng ăn tối có lợi cho sức khỏe của anh. Thế là, sáu tếp tối sống được thêm vào thực đơn ăn uống hàng ngày của anh. Dưới những chỉ dẫn của Friedman, Balasundaram, người ở Bangalore, xoa bóp cho anh hàng ngày bằng dầu thuốc.

Đến lúc này, một nhóm những người trẻ đã tụ tập quanh người thầy. Balasundaram và người vợ Vishalakshi,

Sunanda và người em bà con của cô Lalita, Dwaraka (một người bạn trẻ từ Bangalore), và Shanta Rao liên tục hiện diện, thêm vào màu sắc, nói chuyện, và tiếng cười cho bầu không khí. Sanjeeva Rao, người ở Bangalore, bị bức dọc bởi quá nhiều người trẻ đang tụ tập quanh Hiện diện đẹp đẽ lạ thường này. Anh ấy cảm thấy có một khinh suất nào đó trong bầu không khí, và có lẽ được nhắc nhở bởi những chỉ dẫn của Annie Besant về sự cần thiết cho những người mới khai trí phải bảo vệ Krishnaji chống lại những lực lượng phá hoại. Những đôn đại bắt đầu, và vài đôn đại trôi nổi chung quanh đến tai Krishnaji. Nhận biết được một thiên cận tự mãn nào đó trong tình huống đó, anh khiển trách những nhóm lớn tuổi tại một gặp gỡ trước công chúng. Anh nói về bản chất phá hoại của sự bàn tán vô trách nhiệm và sự cần thiết phải có một cái trí nghiêm túc.

Đến lúc này, Madhavachari đã đến Bangalore. Ông kinh hoàng bởi những thử nghiệm của Friedman, và ngay tức khắc yêu cầu Friedman chấm dứt những xoa bóp và sử dụng tỏi trong ăn uống hàng ngày của Krishnaji.

Subba Rao, một người thuộc Tổ chức Thông thái cũ đã tách rời và đan gở cùng Krishnaji và bây giờ là hiệu trưởng của Rishi Valley School, vội đến Bangalore để bàn bạc những công việc của trường cùng Krishnaji. Subba Rao là một người giáo dục tinh tế và tài giỏi, được yêu quý bởi những học sinh; nhưng ông đang lớn tuổi rồi. Bởi vì Madhavachari lặp đi lặp lại nhiều lần rằng, công việc của Rishi Valley rơi vào tay của nhóm Coimbatore. Mặc dù nó không bao giờ trở nên rõ ràng cho tôi liệu có gì sai trái với nhóm này và họ là ai, thường thường nó được chấp nhận rằng họ không được hoan nghênh lắm. Subba Rao, không thể kiểm soát những công việc của trường, đã đề nghị xin từ chức. Có

một ngày, Sanjeeva Rao nói với Krishnaji, “Rishi Valley được mua với giá 10.000 bảng Anh và được trao tặng vì mục đích đó. Nó là tài sản của anh. Nó đang bị phá hoại. Anh phải can thiệp.” Krishnamurti trả lời thật mau lẹ, “Tài sản của tôi? Tôi không có tài sản.”

Những nói chuyện ở Bangalore được tham dự khá đông, và chẳng mấy chốc những bàn luận được tổ chức liên quan đến Rishi Valley School. Tại thời đi ếm này, Miss Muriel Payne tham gia vào. Muriel Payne, người đã đến Bangalore từ nước Anh, là một phụ nữ có xương to, năng động cực kỳ. Người đứng đầu của một tổ chức điều dưỡng suốt cuộc chiến tranh, cô bán trường cao đẳng đào tạo y tá của cô và đến Ấn độ. Cô đã biết Krishnamurti nhiều năm. Thật ra, cô đã kể cho tôi rằng cô đã chăm sóc Krishnamurti khi anh bị bệnh nặng ở Ojai trong những năm 1945 và 1946.

Cô gặp Krishnamurti ở Bangalore và gợi ý rằng cô sắp xếp một nhóm những người trẻ và bắt đầu làm việc ở Rishi Valley. Khả năng tổ chức thực tế của Miss Payne, được kết hợp với một nhận biết và hiểu rõ nào đó trong công việc dạy học, khiến cho cô thành một tách cách dữ dội. Cô là một người bạn nhiệt tình, nhưng không chấp nhận làm việc không hiệu quả lẫn sự tầm thường và đối xử với mọi người khắt khe. Một người phụ nữ không đẹp phần thân thể, cô không lập gia đình; và sự vắng mặt của tình yêu vật chất đã làm nổi bật lên bản chất tàn nhẫn tự nhiên của cô. Nhưng cô là một người phụ nữ cao trong mọi ý nghĩa của từ ngữ đó. Cô có thể phủ kín căn phòng bằng ý định không thể kiềm chế được của cô để định hình những sống của con người.

Người ta quyết định thành lập một cộng đồng để điều hành Rishi Valley; nhóm này gồm có Miss Payne, Madhavachari, Maurice Friedman, Subba Rao, và Rajagopal

Iyengar. Cũng ở trong nhóm này là Evelyn Wood, Gordon Pearce, và Adhikaram. Evelyn Wood, một người đàn ông người Anh kết hôn với một phụ nữ người Ấn, một giáo sư tiếng Anh tại Bombay University, đã phục vụ Chính phủ Anh và sau đó ở lại Ấn độ sau Độc lập. Gordon Pearce, một người thuộc Tổ chức Thông thái và người giáo dục nổi tiếng, đã kết hôn với một phụ nữ người Ấn, Anusuya Paranjpaye. Ông đã thành lập một trường công lập ở Gwalior, làm hiệu trưởng Rishi Valley School, và sau đó bắt đầu Blue Mountain School ở Ootacamund. Adhikaram, một người giáo dục rất nổi tiếng từ Sri Lanka, sau đó trở thành hiệu trưởng danh dự của Colombo University. Sau đó họ đều đi tới Rishi Valley để phụ trách trường. Có lẽ không tránh khỏi, chẳng mấy chốc họ sẽ bị tan rã bởi sự bất đồng. Evelyn là người đầu tiên rời trường, tiếp theo là Maurice Friedman. Madhavachari từ chức, và Subba Rao rời thung lũng. Pearce và Adhikaram không bao giờ đến. Miss Payne bị bỏ lại phải chịu trách nhiệm duy nhất. Lúc đó, Sanjeeva Rao bị kinh hãi bởi Miss Payne và “sự thiếu giáo dục” của cô. Được giáo dục tại Kings College, Cambridge, Sanjeeva Rao không thể khuyến khích sự dốt nát về ngữ pháp tiếng Anh của Miss Payne và lỗi chính tả kinh khủng của cô. Sanjeeva Rao viết những lá thư chưa xót cho tôi, phàn nàn về sự dốt nát và không thích hợp cho công việc giáo dục của cô.

Tại chặng này, một đề nghị được đưa ra rằng Rishi Valley và những mảnh đất quanh nó nên được bán đi. Miss Payne phản ứng mạnh mẽ tới sự bàn tán này và viết cho Krishnamurti, đang ở Poona, phản đối việc bán khu đất nhưng đề nghị trường nên đóng cửa. Miss Payne khuyên thành lập một cộng đồng quốc tế. Madhavachari phản đối

manh mẽ ý tưởng bán khu đất, và để phản đối, ông rút lui khỏi Rishi Valley Trust.

Cuối cùng, Krishnaji quyết định rằng Rishi Valley sẽ không được bán. Tuy nhiên, Subba Rao từ chức và trường được đóng cửa một phần bởi Kitty Shiva Rao, người vợ Áo của Shiva Rao, và Rao Sahib Patwardhan, sau đó làm chủ tịch và thư ký của Rishi Valley Trust. Miss Payne quay lại nước Anh, sau đó Madhavachari gia nhập lại Trust. Tuy nhiên, Miss Payne quay phương Đông và gặp Krishnamurti ở Colombo, Sri Lanka, vào tháng mười năm 1949. Sau đó, cùng với Adhikaram và Pearce, cô thành lập Rishi Valley, một cộng đồng để sống những lời giảng của Krishnamurti. Tất cả họ lái xe xuống Rishi Valley và phụ trách vùng đất. Rajagopal Iyengar, một kỹ sư thâm niên của Central Services đã từ chức sớm khỏi chính phủ để làm việc ở Rishi Valley, cũng là một hội viên của cộng đồng, và cả Maurice Friedman. Không nao núng, Miss Payne phụ trách. Chẳng mấy chốc, những công nhân cũ chỉ còn lại một số người nòng cốt.

Từ Bangalore K đi đến Poona, nơi anh sẽ ở tại nhà khách của Servants of India Society. Mẹ tôi, Iravati Mehta, sẽ làm chủ nhà và chăm sóc K trong khi anh ở Poona. Cháu trai của tôi, Asit Chandmal, chín tuổi, ở cùng mẹ tôi. Cha của cháu, một thành viên của ngành dân chính Ấn độ, bị một căn bệnh tinh thần. Mẹ và cha của cháu đã ly thân và Asit được nuôi nấng bởi bà của cháu, mẹ của tôi. Nhận biết được sự phức tạp về những vấn đề của đứa trẻ, mẹ đã rút cháu ra khỏi trường học để về ở Poona, từ trực giác hiểu rõ rằng hai tháng dưới cùng mái nhà với K sẽ giúp nhiều cho Asit hơn bất kỳ trường học nào.

Tôi yêu cầu Asit viết vài hồi tưởng về thời kỳ này, bởi vì cháu đã dành nhiều thời gian cùng K. Trong một lá thư, Asit viết,

Khi tôi chín tuổi, tôi ở cùng Krishnaji tại Poona trong nhiều tuần lễ. Bà tôi đã gây dựng ngôi nhà ở Servants of India Society – có hai phòng ngủ và một phòng khách ở giữa. Phòng ăn và phòng bếp trong một nhà nhỏ cách đó hai trăm yards. Chúng tôi thường cùng nhau đi bộ đến cái nhà nhỏ để ăn trưa – cái dù của ông luôn luôn đang bảo vệ ông chống lại thậm chí một chút xíu mặt trời. Ông thường rủ tôi chạy đến căn nhà nhỏ – ông chạy cùng tôi và chúng tôi đến cùng lúc. Tôi chín tuổi và ông gấp sáu lần tuổi của tôi – năm mươi tư. Khi ông thấy tôi đang chơi thả diều, ông kể cho tôi nghe về những cái diều không lồ ở California, lớn hơn khoảng cách cánh tay dang rộng của ông, và sau đó, khi Diwali, chúng tôi đi đến chợ của Poona, mua pháo, và đốt chúng vào ban đêm. Một lần, khi tôi nhảy tránh một viên pháo đang nổ ông nói, “Quan sát nó, đừng ngoảnh mặt đi.”

Trước khi anh rời Bangalore, K đã tặng Suna nda 400 rupees và một cái khăn choàng đầu. Nó là một cử chỉ tượng trưng, một gợi ý rằng cô rời nhà và vào thế giới. Cô đã đến Poona cùng người em họ Lalita, Dwaraka, và Gautam, người chú ngoại của cô. Họ ở nhà nghỉ của Tổ chức Thông thái. Cũng có mặt là Gawande, một thanh niên trẻ rất thông minh và chín chắn mà sau đó sẽ trở thành một khát sĩ.

Khán giả tại những nói chuyện rất chủ động. Những người theo Gandhi, những sinh viên, những người viết văn, những học giả, và những người có nghề nghiệp cao, đến những gặp gỡ. Những bàn luận rất sôi nổi, được tập trung vào những câu hỏi về sự giảm bớt nghèo đói và những đòi hỏi của công việc xã hội.

K đang gặp gỡ vô số con người khác nhau. Nhiều phụ nữ có cuộc sống hôn nhân phiền muộn tìm kiếm những

phỏng vấn với anh, và thật mau lẹ anh thấy được sự không an toàn và những đau khổ chồng chất cuộc sống của một phụ nữ có gia đình. Trong những nói chuyện trước công chúng anh được đưa ra nhiều câu hỏi về “những bổn phận của một người vợ” và vai trò của hôn nhân. Anh đã kích sự đạo đức giả của xã hội Ấn độ, những giá trị và những luân lý của nó. Anh nói về vị trí của người phụ nữ và sự chi phối thuộc kinh tế của người chồng. “Chỉ một xã hội chết rồi và một xã hội thoái hóa mới nói về bổn phận và những quyền lợi.” Anh hỏi, “Bạn có nhận thấy một người đàn ông mà quả tim của họ trống rỗng? Khuôn mặt anh ấy trở thành xấu xí. Thịnh thoảng hãy nhìn khuôn mặt của bạn trong một cái gương, nó đã khó coi như thế nào, rối loạn như thế nào.” Anh nói về sự vắng mặt của tình yêu cùng chiều sâu và phong phú của nó. “Đề thương yêu là trong trắng, thuần khiết, không vấy bẩn.”

Tôi đã đến Delhi trước K. Trước đó, chồng tôi đã chuyển cơ quan chỉ huy đến Delhi và chúng tôi đang ở tại Delhi Gymkhana Club. Bởi vì chủ yếu công việc của tôi ở Bombay, tôi đi lại giữa hai thành phố. Tôi bị phiền muộn ở Poona, cái trí của tôi đã bắt đầu phản kháng. Tôi cảm thấy tôi nên quay lại sống và những hoạt động cũ của tôi, công việc của tôi, những câu lạc bộ của tôi, lễ thói vô tận của tôi. Tôi thử cố gắng, nhưng phát giác mình là một người đứng ngoài. Tôi cũng không thể đến gặp K. Mỗi lần tôi gần anh, tôi cảm thấy một bức tường giữa chúng tôi; anh không thể tiếp cận được. Sự cân bằng bên trong của tôi bị nghiêng ngả.

Tôi hỏi K điều gì đã xảy đến cho tôi. Tại Ooty tôi đã cảm thấy bờ mé của một thức dậy. Tôi chỉ cần một bước để nhảy vào trống không. Nhưng bước đó không bao giờ đến, và trước khi tôi có thời gian để nắm bắt cái gì tôi có, tôi đã bị quét vào chiều sâu của sự cô độc. Ở Ooty có hân hoan và

đam mê của thức dậy mỗi buổi sáng, của thấy K rực sáng cùng ánh mặt trời. Nó giống như thương yêu ánh mặt trời; đầy đam mê, tuy nhiên lại thanh thoát. Tôi đã thoáng thấy những chiều sâu vô hạn và một bao la của thấy. Nó ở lại cùng tôi, sống cùng tôi trong nhiều ngày. Tuy nhiên, chẳng mấy chốc tôi bị xô đẩy vào những tác động khắc nghiệt của Bombay – những ồn ào của nó, những trục lợi tàn nhẫn, sự xấu xa và vô vị của sống. Sự suy sụp đột ngột này vào sự đông đúc và lộn xộn của một thành phố bị ô nhiễm, thúc đẩy tôi viết cho Krishnaji, nói rằng sẽ dễ dàng hơn khi khoác vào chiếc áo cà sa.

Nhưng đó không là lý do duy nhất cho sự suy sụp quá mau lẹ của tôi. Lặp đi lặp lại ở Poona tôi hỏi K những lý do cho sự tuyệt vọng, và anh nói, “Tại sao bạn cần đến một lý do? Bạn đang gặp phiền muộn và không ở trong một trạng thái tỉnh táo. Hãy thấy chính bạn trong vực thẳm và bạn sẽ thoát khỏi nó. Lần tới bạn sẽ cảnh giác và thấy rằng bạn không rơi lại vực thẳm.” Nhưng tôi không thể hiểu rõ, và cảm thấy rằng đi đến anh là hoàn toàn vô ích.

Một trong những quyển sách *Upanishads* nói rằng không đến gần sự thật là điều tốt lành hơn; nhưng, ngay khi đã nghe, bạn phải hành động hay sự thật hành động như một thuốc độc bên trong chính bạn. Krishnamurti nói cùng sự việc: “Hãy tránh xa nếu bạn không nghiêm túc.” Nhưng tôi có nghiêm túc. Tôi chưa bao giờ nghiêm túc như thế. Tôi chưa bao giờ cảm thấy sâu thẳm như thế. Khi tôi sắp rời Poona anh nói với tôi, “Buông bỏ bám chặt của bạn. Tại sao bạn muốn bám chặt quá? Buông nó đi và thấy điều gì xảy ra.”

Khi anh đến Delhi, tôi đi đến gặp anh một mình. Anh bảo với tôi rằng anh đã nằm mơ thấy tôi (anh hiếm khi có

những giấc mơ). “Lắng nghe điều gì tôi nói. Tôi sẽ nói như thể tôi là bạn. Tôi là một người Brahmin được sinh ra từ một truyền thống văn hóa và học hành bằng một nền quá khứ của trí năng và nhạy cảm. Trong nền quá khứ này có một tính chất rõ rệt của sự nhu nhược, của sự thô thiển. Tôi tải qua thời niên thiếu của tôi trong một ngôi nhà của một công chức. Tôi ăn thịt và bị ép buộc phải chối từ đạo Brahmin của tôi. Tôi đến Châu Âu, lập gia đình, có một đứa con, một căn bệnh rất nặng. Tôi bị mù, cuộc sống đã sử dụng tôi và để lại dấu vết của nó trên tôi. Tôi phát triển tham vọng và vun đắp sự tàn nhẫn và phủ nhận sự nhạy cảm. Trong gặp gỡ con người tôi đã thấm nhuần và phản ảnh sự thô tục của họ hay sự nhạy cảm của họ. Tôi đã không có thông minh để gặp gỡ sự thô tục bằng thông minh. Sau đó Krishnamurti đến. Thoạt đầu tôi thấy trong điều gì anh phải nói một phương cách để mài bén bộ não của tôi, nhưng chẳng mấy chốc tôi bị trói buộc trong nó. Trong sự ảnh hưởng uy quyền nhất tôi đã biết. Và luôn luôn, mặc dù tôi phủ nhận nền quá khứ Brahmin của tôi, nó ở đó, sự mâu thuẫn cơ bản, nền quá khứ Brahmin không bao giờ được hiểu rõ nhưng lại bị phủ nhận, và thế là tôi luôn luôn trong xung đột.”

Sau đó anh nói, “Bạn thấy bức tranh, những loang lổ, những ánh sáng, những màu sắc, mức độ thô thiển, mức độ nhạy cảm. Bạn cảm thấy gì khi bạn thấy bức tranh như một tổng thể?” Tôi trả lời nó là một hỗn loạn, và hỏi tôi có thể làm gì để giải quyết sự mâu thuẫn. Chắc chắn tôi phải có thể hành động trong sự mâu thuẫn.

Anh nói, “Bạn vẫn còn quan tâm đến hành động. Nhưng bất kỳ hành động nào về phần bạn sẽ có nghĩa thêm vào một chấp vá khác. Tại sao bạn không thể thấy nó? Nó là bạn, cùng tất cả màu sắc và những ánh sáng. Ích lợi của

thành kiến và vui thú là gì? Chỉ thâm nhập nó và thấy chính bạn như bạn là, một cách rõ ràng. Vậy thì bạn sẽ không còn bắc cầu cho sự thô thiển và sự nhạy cảm.”

“Đó là, tôi phải không còn cố gắng để nhạy cảm, khi tôi thô thiển.”

“Không,” Krishnamurti trả lời. “Bạn không thể làm bất kỳ điều gì. Chỉ nhìn ngắm sự thật về bắc cầu của bạn, mà bạn luôn luôn đang làm.” Đây là lần đầu tiên tôi đã nghe anh nói về nền quá khứ và sự cần thiết phải hiểu rõ về nó. Tôi hỏi anh làm thế nào nó có thể hiểu rõ được.

“Thấy rằng nó hiện diện ở đó trong tất cả trọn vẹn của nó, phong phú của nó, hàng ngàn năm ký ức thuộc chủng tộc của nó. Vậy là, lần tới khi nó tự chiếu rọi chính nó, bạn sẽ thấy nó và sẽ có hiểu rõ tức khắc và sự kết thúc của xung đột với nó. Bạn không thể phủ nhận nền quá khứ, bởi vì nó hiện diện ở đó cũng chính xác như cánh tay hay da thịt của bạn. Bạn chỉ có thể hiểu rõ nó, và hiểu rõ nó là được tự do khỏi nó.” Chốc lát sau anh nói, “Điều gì con người cần là sự mãn nguyện trong quả đất, khi nó đã sinh ra một cái cây. Trong một bụi cây, khi nó đã sáng tạo một bông hoa.”

CHƯƠNG 13

“Tại sao bạn không bắt đầu lau chùi bậc thềm cửa trước của nhà bạn, bộ phận thuộc con đường của bạn mà là chính bạn.”

Trong khi ở Delhi, Krishnaji là khách của người anh của Sanjavee Rao, Sir B. N. Rao, ôn luật sư và một viên chức nổi tiếng, một thành viên của ngành công chức Ấn độ, người đã được yêu cầu bởi Thủ tướng Jawaharlal Nehru để đưa ra những lời khuyên trong việc thực hiện cái khung của hiến pháp Ấn độ. Delhi đang tắm trong ánh mặt trời rực rỡ, chậm chậm nhận biết được những hàm ý của sự tự do và vô vàn những cơ hội đang chờ đợi sẵn trong mọi phương hướng. Hội đồng Lập pháp đã bắt đầu làm việc; những luật sư, những người suy nghĩ về chính trị, và những người đấu tranh cho tự do đã tụ họp để trình bày có hệ thống trong một hiến pháp viết bằng tay về những lý tưởng mà họ đã chiến đấu vì nó. Không tôn giáo, bình đẳng trước luật pháp, tự do ngôn luận, tự do không bị bắt bớ giam cầm độc đoán – tất cả đều đang được đưa ra tranh luận bằng đăm mê. Nhưng nằm dưới những bàn luận này là vụ ám sát Ganhdiji và những sự kiện bi thương khi chia ất đất nước đã phơi bày sự bạo lực và những lực lượng phân chia được chôn giấu thật sâu trong mảnh đất Ấn độ và những gợi ý của hỗn loạn, sợ hãi, và tàn sát trong tương lai.

Sanjeeva Rao, người giáo dục thanh lịch và một trong những người lập tác lâu nhất của Annie Besant, đã từ Madras đến ở cùng Krishnaji. Theo cùng ông là người vợ Padmabai, một người giáo dục có năng lực cao và một người tiên phong trong sự giáo dục phụ nữ ở Uttar Pradesh. Vào cuối những năm 1920 trong một thời gian ngắn tôi đã học tại Varanasi, ngôi trường nơi Padmabai là hiệu trưởng. Cao cả, luôn luôn bảo vệ, sẵn sàng giúp đỡ, bà chuyển tải sự thương yêu và quan tâm đến những cô gái trẻ tuổi, và cũng được đáp lại bằng tình yêu của các em. Trong những năm 1920 sự giáo dục phụ nữ ở Uttar Pradesh vẫn còn là một đề tài nhạy cảm.

Nó yêu cầu sự thông minh và tính trung thực để phổ biến những giá trị đúng đắn cho những cô gái bên trong cái khung bị giới hạn mà môi trường sống đòi hỏi. Người em út của Sir B. N. Rao, Shiva Rao, người đại diện địa phương ở Delhi của tờ báo hàng ngày *The Hindu*, viết bằng ngôn ngữ Anh Ấn và có ảnh hưởng sâu rộng, đang ở chung nhà cùng B. N. Rao. Người vợ của ông Kitty, một người Úc đã đến Ấn độ trong những năm 1920 và dạy học ở Montessori School cho trẻ em tại Varanasi, đảm trách nữ chủ nhà của B. N. Rao.

Vào những buổi chiều sau bữa ăn tối, K nghe anh em Rao bàn luận về Ấn độ và những rắc rối của hiến pháp mới đang được hình thành.

K đang vắng thăm và nói chuyện ở Delhi sau khi vắng mặt nhiều năm, và huyền thoại về những năm đầu đời của anh đã tạo ra sự hiếu kỳ và sự quan tâm vô cùng. Những người khoa học, những người cầm quyền, những người ngoại giao, những giáo sư, và những khất sĩ đến những nói chuyện và những bàn luận của anh, thách thức anh bằng những câu hỏi về những thực tế khắc nghiệt của tình hình Ấn độ. Họ phát hiện trong Krishnaji một người lắng nghe nhiệt thành và yên lặng, và thách thức anh bởi sự không đầy đủ của lời giảng của anh, khẳng định rằng anh không có giải pháp cho những vấn đề của nghèo đói, những người thuộc đẳng cấp tiện, hệ thống đẳng cấp. Trả lời của Krishnaji là đặt ra một câu hỏi khác: Liệu họ đã biết bản chất của vấn đề rộng lớn này?

Trong người thầy hện đại này họ tìm kiếm một Vivekanand, nhưng rời khỏi đây bối rối – bởi vì họ gặp phải một con người của sự hiện diện siêu đẳng mà không phù hợp vào bất kỳ những bảng phân loại biết trước của họ về những vị thánh và những khất sĩ. Anh trả lời những câu hỏi về

nghèo đói bằng cách nói rằng những nhu cầu của con người – lương thực, chỗ ở, quần áo – chỉ có thể được tổ chức hiệu quả khi những nhu cầu không bị lợi dụng cho những mục đích thuộc tâm lý để có được những kết quả tự-loại trừ, nhưng được giải quyết trên mức độ riêng của chúng. Nhận biết được sự tự mãn và thiên cận của những người hỏi, anh khiển trách họ: “Cái trí là chính bạn. Nó không thể yên lặng khi nó đang ngồi trên miệng một núi lửa.” Phủ nhận tất cả những niềm tin, những tín điều huyền bí, và những luyện tập, anh nói cùng những người đã tụ họp, “Cái tôi không là một thực thể vĩnh cửu, nhưng một con suối, nước đang chảy.”

Hầu hết mọi người ở Ấn độ đã chứng kiến sự đấu tranh dành độc lập và sức mạnh của một chuyển động tập thể, và họ cảm thấy rằng để xây dựng một Ấn độ mới mẻ, vô vàn người phải phát động một đấu tranh mới mẻ cho những giá trị. Krishnaji bảo họ, “Để sáng tạo một cấu trúc mới mẻ tôi phải là người kiến trúc, người xây dựng cũng như người công nhân.” Khi được hỏi một con người có thể làm được gì, anh trả lời, “Bạn suy nghĩ dựa vào những chuyển động to lớn, những hành động to lớn, những trách nhiệm to lớn, nhưng bạn không nhận trách nhiệm. Tại sao bạn không bắt đầu lau chùi bậc thềm cửa trước của nhà bạn, bộ phận của con đường của bạn mà là chính bạn?”

Ánh sáng thông minh của anh đang dò dẫm vào suy nghĩ và cái trí. “Chúng ta cảm thấy rằng ‘cái tôi’ khác biệt với suy nghĩ, với cái trí. Liệu ‘cái tôi’, người suy nghĩ tách rời khỏi suy nghĩ? Vậy thì người suy nghĩ có thể vận hành vào suy nghĩ. Liệu ‘cái tôi’ tách rời khỏi những phẩm chất của nó? Xóa sạch suy nghĩ, người suy nghĩ ở đâu? Sau mỗi câu anh ngừng lại, như thể thả cho những từ ngữ chìm sâu vào ý thức của người lắng nghe.

“Chúng ta cảm thấy rằng ‘cái tôi’ là vĩnh cửu, bởi vì tất cả những suy nghĩ khác đến và đi. Nếu người suy nghĩ là vĩnh cửu, vậy thì suy nghĩ có thể được thay đổi, được kiểm soát, được biến đổi bởi người suy nghĩ. Nhưng ‘cái tôi’ không là kết quả của suy nghĩ hay sao? Cái trí của bạn tách rời ‘cái tôi’ khỏi suy nghĩ bởi vì nó không thể chịu nổi tình trạng không-vĩnh cửu. Suy nghĩ không thể chuyển động từ cái đã được biết đến cái không biết được. Làm tự do cái trí khỏi cái đã được biết là tất cả mọi việc mà cái trí phải làm. Muốn tìm ra cái gì vượt khỏi những từ ngữ, những từ ngữ phải ngừng lại. Tôi chỉ có thể sử dụng từ ngữ để đến cái cửa.”

Tháng mười hai, Krishnaji được mời đến Teen Murti House, nơi cư ngụ chính thức của Thủ tướng. Tôi cũng có mặt. Jawaharlal vừa quay lại từ Jaipur Congress và trông rất mệt mỏi và buồn bã. Ông nói với Krishnaji, “Thời gian này tôi rất bận rộn, đang làm việc gì mà tôi không biết.” Ông hỏi Krishnaji làm thế nào những lực lượng không-hòa nhập đang lan tràn mau lẹ có thể được ngăn chặn. Krishnaji trả lời rằng sự hòa nhập chỉ có thể bắt đầu tại mức độ cá thể.

“Đây phải là một tiến hành từ từ, trong khi sự không-hòa nhập đang lan tràn mau lẹ,” Jawaharlal Nehru nói. “Có gì để chúng tỏ rằng những lực lượng không-hòa nhập sẽ không tràn ngập những lực lượng hòa nhập?”

Krishnaji trả lời, “Điều đó có thể được.”

Sau đó họ bàn luận làm thế nào cá thể sẽ tự tái sinh chính anh ấy. Krishnaji nói, “Sự hiểu rõ về cái tôi chỉ sinh ra trong liên hệ, trong nhìn ngắm chính bạn trong liên hệ với con người, những ý tưởng, và những sự vật; với cây cối, quả đất, và thế giới quanh bạn và bên trong bạn. Sự liên hệ là cái gương trong đó cái tôi được phơi bày. Nếu không có hiểu rõ

về chính mình không có nền tảng cho suy nghĩ và hành động đúng đắn.”

Jawaharlal Nehru ngắt lời và hỏi, “Làm thế nào người ta bắt đầu?”

K trả lời, “Bắt đầu nơi bạn là. Đọc mỗi từ ngữ, mỗi cụm từ, mỗi đoạn văn của cái trí, khi nó vận hành qua sự suy nghĩ.”

Nehru đang lắng nghe, nhưng người ta có thể thấy sự mệt mỏi trên khuôn mặt của ông. Ông hỏi, “Nhân tố chung trong tất cả con người là gì?”

“Ham muốn lẫn tránh đau khổ và tìm kiếm hạnh phúc,” Krishnaji nói.

Kế tiếp Nehru bàn luận sự sợ hãi mà đang xô đẩy con người đến những hành động của bạo lực. Ông hỏi Krishnaji liệu hành động được sinh ra từ sự hiểu rõ có thể làm tự do con người khỏi sợ hãi, sợ hãi thuộc tâm lý mà là lực lượng thúc đẩy những hành động của con người.

Krishnaji nói, “Tự do khỏi sợ hãi chỉ có thể được sinh ra khi con người nhận biết được chuyển động của sợ hãi bên trong chính anh ấy. Đang thấy nó là đang dập tắt nó.”

Jawaharlal Nehru và Krishnaji ~~đang~~ như thực sự không hiệp thông cùng nhau ngoại trừ một hay hai lần. Thủ tướng có vẻ rất quan tâm, nhưng rất mệt mỏi. Ông giữ cho mình tỉnh táo bằng cách hút thuốc. Cái trí của ông quay lại vấn đề của sự hòa hợp và sự tiếp cận đến hiểu rõ về chính mình. “Làm thế nào con người hiểu rõ về chính anh ấy?” Ông cứ liên tục đang hỏi, đang tìm kiếm một chứng cứ.

“Nhìn ngắm cái gì bên ngoài bạn và bên trong bạn. Nhìn ngắm những suy nghĩ của bạn,” Krishnaji nói. “Ai là người suy nghĩ? Và liệu những suy nghĩ tách khỏi người suy nghĩ?” Anh nói về sự cần thiết phải có một cách mạng sâu

thăm trong ý thức; về sự khẩn cấp phải có một nhận biết của toàn cầu để vận hành, nếu không có nó con người không thể tồn tại. Đây là những từ ngữ tiên tri; chúng sẽ bắt đầu có sự xác nhận quan trọng trong thế giới bạo lực, phân chia của những năm 1980.

Trên đường về nhà sau gặp gỡ, Krishnaji bị bực dọc và buồn bã. Anh bình phẩm rằng cái trí của Nehru là một cái trí nhạy cảm, tốt lành. Nó bị lãng phí trong chính trị. Chính trị gây chết người. Sau đó, tại bữa ăn tối, Krishnaji bàn luận với anh em Rao về vấn đề của không-hòa nhập ở Ấn độ. “Xã hội đang liên tục không-hòa nhập. Vậy thì vị trí của một người đổi mới trong xã hội là gì? Anh ấy không đang thêm vào không-hòa nhập hay sao? Một người đổi mới quan tâm đến những hậu quả và những sắp xếp lại của chúng. Chỉ một người cách mạng đi tới gốc rễ, tới nguyên nhân mà trong đó sự kết thúc được chứa đựng.” Krishnaji đang ut chát vấn chính anh. Anh hi liệu Gandhiji là một người cách mạng hay một người đổi mới.

“Gandhiji có tầm nhìn của người cách mạng. Ông có khả năng suy nghĩ bao quát. Suy nghĩ của ông không phải là suy nghĩ của một người đổi mới,” Sir B. N. Rao nói.

“Lúc đó ông là một người cách mạng trong suy nghĩ, nhưng trong thực hiện, tầm nhìn thu hẹp lại. Bị trói buộc trong chính trị, Gandhiji phải thỏa hiệp, và ý thức cách mạng của ông bị chìm xuống và ông trở dậy như một người đổi mới,” Krishnaji trầm ngâm. Sau đó anh hỏi Sir B. N. Rao liệu Ấn độ có những người lãnh đạo có thể định hình những hậu quả.

“Ở Ấn độ, những người lãnh đạo dường như không có quyền hành. Những hậu quả đang cuốn họ đi. Trong sự không-hòa nhập mau lẹ này có cả thất vọng lẫn hy vọng. Có

hai con đường trước mặt Ấn độ . Hoặc nó sẽ hoàn toàn bị cuốn đi và không còn có bất kỳ sự quan trọng nào trong thế giới; hoặc, bằng chính sự tiếp xúc những chiều sâu của không-hòa nhập, cá thể sẽ thức dậy trách nhiệm của anh ấy và khước từ bị cuốn đi theo dòng chảy. Một xã hội mới mẻ sẽ trở dậy hoàn toàn khác hẳn bất kỳ xã hội nào đã được biết.” Krishnaji nói rằng anh cực kỳ quan tâm để thấy điều gì sẽ xảy ra.

Lại nữa anh nói về gặp gỡ của anh với Jawaharlal Nehru. Anh đã cảm thấy bị xúc động sâu đậm bởi sự tốt lành của cái trí của thủ tướng, và thật buồn cho ông khi một cái trí nhạy cảm như thế phải bị trói buộc trong chính trị. Krishnaji nói, “Chính trị đã làm cản trở cái trí, nó gây hủy hoại cho sự nở hoa của cái trí.”

Anandmai Ma, người nổi tiếng nhất trong những “Người Mẹ” được sùng bái đang sống lúc đó (những phụ nữ mà trong sống của họ đã thăng hoa cái tôi và trở thành những biểu tượng của Sakti, người mẹ chính như năng lượng), có một số người theo sau rất đông ở Bắc Ấn, đến gặp Krishnaji. Họ gặp ngoài vườn, bởi vì Người Mẹ không bao giờ vào nhà của một người. Bà không nói tiếng Anh, và nói chuyện qua một thông ngôn. Bà có một hiện diện tỏa sáng tươi cười. Bà nói rằng bà đã xem một bức ảnh của Krishnaji nhiều năm trước và biết rằng anh là một người rất vĩ đại. Bà hỏi anh, “Tại sao ông phủ nhận những đạo sư? Ông mà là đạo sư của những đạo sư.” (câu này được dịch cho anh).

Anh trả lời, “Con người sử dụng đạo sư như một chiếc nạng.”

“Con người đến nghe ông giảng tới mức độ hàng ngàn,” bà nói. “Điều đó có nghĩa ông là đạo sư.” Ông dịu dàng cầm tay bà và không trả lời.

Nhiều người viếng thăm đến và phủ phục mình tại chân của K và Anandmai Ma. Anandmai Ma chấp thuận sự chào hỏi của họ, nhưng Krishnaji bị bối rối. Như luôn luôn như vậy, anh sẽ không cho phép họ cúi đầu chào, nhưng bắt dậy và cúi xuống để sờ hai bàn chân của người tìm kiếm sự ban phúc lành.

Sau đó, khi Anandmai Ma ra về Krishnaji nó đi về bà bằng sự nồng nhiệt và thương yêu. Đã có sự hiệp thông, mặc dù đa phần không diễn tả bằng từ ngữ. Tuy nhiên, anh kinh hãi bởi quang cảnh những người đàn bà theo sau đây khích động phủ phục trên mặt đất vây quanh bà.

Trong những ghi lại của tôi tại thời kỳ đó, tôi đã ghi lại sự viếng thăm của một khát sĩ già mù lòa, người chỉ nói được tiếng Hindu. Người khát sĩ hỏi Krishnaji về sự tự do khỏi những ràng buộc của thân thể và cái trí. Người nào đó thông dịch lại. Krishnaji trả lời đầy đam mê và mãnh liệt, và người khát sĩ dường như hiểu rõ. Mặc dù trong những nói chuyện trước công chúng của anh Krishnaji phê bình những người khoác vào chiếc áo choàng, sâu thẳm bên trong anh luôn luôn cảm thấy anh có sự giống nhau rất nhiều về tính chất đối với những người mặc áo choàng. Trong những năm đầu tiên của anh, có chứng cứ rằng thỉnh thoảng anh đã suy nghĩ về việc trở thành người khát sĩ. Nhận biết được những hàm ý của nó, anh đã không làm như thế, nhưng một hòa nhã đặc biệt cho những khát sĩ và những thầy tu Phật giáo thực sự vẫn còn y nguyên, và anh không bao giờ từ chối gặp họ, dù mệt nhọc đến chừng nào. Sự phê bình của anh về những nghi lễ, những kỷ luật và những luyện tập, tuy nhiên, lại rất sắc bén.

Có một ngày hai hoàng tử Iran đến gặp Krishnaji. Họ đang viếng thăm Ấn độ và nghe về sự hiện diện trong thành

phổ của một người thầy tôn giáo vĩ đại. Họ hỏi Krishnaji liệu anh có thể tiên đoán tương lai của họ. Krishnaji trông rất giễu cợt, và đã nói rằng anh không là một người chiêm tinh. Họ bị bối rối, bởi vì họ đã nghĩ rằng Krishnaji là một người tôn giáo nên cũng là một người tiên tri.

Những bàn luận cùng một nhóm nhỏ đã bắt đầu. Achyut Patwardhan ở Delhi và Sunanda cũng vậy, cùng thân thể trẻ trung uyển chuyển và trí năng sắc bén như dao cạo của cô. Sunanda còn rất trẻ, và những giác quan nổ tung của cô khiến cho cô thích thú nhiều lắm. Ngây ngất trong bầu không khí vây quanh Krishnaji và ửng cháy bởi vẻ đẹp vô cùng của anh, cô sẽ tiếp tục ngồi trên nền nhà sau khi những bàn luận chấm dứt, hai mắt của cô nhắm chặt lại, một lòng bàn tay ép trên má của cô. Sau một vài phút, khi được hỏi chuyện gì xảy ra vậy, cô sẽ mở hai mắt to của cô và nói, “Tôi đang trải nghiệm.”

Những bàn luận rất chính xác, dò dẫm; mỗi chuyển động, mỗi hành động của sống được mang vào ánh sáng của sự chú ý và được hiểu rõ. Tỉnh thoảng sự tiến hành gây đau đớn, và cái trí của thân thể bị co rút lại do bởi phải đương đầu giải quyết. Chúng tôi bàn luận về bạo lực, tức giận, ganh tị, và chết.

Tại một trong những bàn luận buổi chiều K được hỏi, “Làm thế nào người ta có thể thương yêu? Được bao bọc trong trạng thái đó đến độ hành động và phản ứng đều thuộc tình yêu, và thế là được tự do khỏi cái tôi?”

Krishnaji nói, “Lệu bạn có thể biết tình yêu? Chắc chắn, cái mà bạn biết không là tình yêu. Tình yêu là nhạy cảm, mỏng manh đối với mọi thứ. Nó là đạo đức. Liệu đạo đức có thể được học hành? Bất kỳ gắng sức nào để trở thành đạo đức, bất kỳ nỗ lực, là phủ nhận đạo đức.”

Một công chức trẻ đã nói rằng những huyền bí nào đó đã khẳng định rằng bằng sự thừa nhận một Thượng đế con người, đang phú cho Thượng đế đó những chất lượng nào đó và tình yêu bao la, và sau đó giao phó cái tôi cho những chất lượng đó, cái tôi kết thúc.

“Việc này hàm ý sự chiếu rọi của cái tôi trong một ý tưởng đã hình thành sẵn về những chất lượng của tình yêu là gì,” Krishnaji nói. “Tôi nói, muốn biết nó bạn phải ở trong trạng thái của không-biết-gì-cả. Nhưng muốn ở trong một trạng thái của không-biết-gì-cả là ham muốn một kết quả, mà bạn đã chiếu rọi rồi; bởi vì tất cả mọi điều bạn biết là cái đã được biết. Làm thế nào bạn có thể đi từ cái đã được biết đến cái không biết được? Bất kỳ việc gì bạn thực hiện từ cái đã được biết vẫn còn trong cánh đồng của cái đã được biết. Vậy thì điều gì xảy ra?” Những người tham dự được thẩm thấu bởi sự minh bạch và dễ hiểu của những từ ngữ của anh. “Bạn không tìm kiếm một lối ra, bởi vì bạn không biết một lối ra. Khoảnh khắc bạn thực sự thấy điều này, bạn ra khỏi – trong một trạng thái của không-biết, thấu nhận, sẵn sàng để tiếp nhận cái không biết được.”

Chúng tôi cũng bàn luận bản chất của sự nhận biết, rằng qua sự suy nghĩ không có lối thoát khỏi lẽ thói của cái trí, bởi vì suy nghĩ là ngục tù của nó. Krishnaji hỏi, “Liệu có thể có một cái trí hoàn toàn trống không, được tự do khỏi bất kỳ chuyển động đang trôi chảy nào của cái tôi? Liệu chuyển động tới lui đó có thể kết thúc? Trong việc này liệu không có sự tan biến của cái tôi hay sao?”

Tại khoảnh khắc đó những ngọn đèn bị tắt. Trong bóng tối bầu không khí trở nên bị dồn chặt vào, những cái trí trở thành tối tăm như một trợ giúp cho trống không và không gì cả. Krishnaji bỗng nhiên ngừng nói. Anh nói rằng anh sẽ

chờ những ngọn đèn sáng lên. “Trong bóng tối cái trí có thể tự-thôi miên chính nó, tưởng tượng tất cả mọi loại trạng thái. Điều này nguy hiểm. Nó là ảo tưởng.”

Chính là những biến cố nhỏ này mới phơi bày sự hòa hợp và bao la của một cái trí khước từ thỏa hiệp hay cho phép bất kỳ chỗ bám víu cố định nào.

Achyut Patwardhan, người đã ở Delhi, đến gặp Krishnaji để dặn. Ông đã đến gặp Dr. Gyanchand, một người kinh tế nổi tiếng tại Delhi University, người đã tuyên bố những quan điểm Xã hội. Gyanchand đã tranh luận với Achyut về bản chất và khung cấu trúc được cần đến để thiết lập những nguyên tắc của sự bình đẳng trong hiến pháp. Ông đã nói rằng khả năng tri thức phải là tiêu chuẩn cho tánh lãnh đạo. Achyut hỏi Krishnaji liệu đây là sự tiếp cận đúng đắn. Đối với Achyut, chủ nghĩa xã hội hàm ý sự vắng mặt của thứ bậc giai cấp tại mọi mức độ. Bằng cách tập trung vào hận thù và đau khổ, chủ nghĩa Marxism đã không thấy điều này. Krishnaji hỏi, “Liệu có thể có một tiếp cận mà xóa sạch những khác biệt giữa khả năng hay trí năng?”

Achyut nói, “Chủ nghĩa xã hội không thể chỉ quan tâm đến những nhu cầu thuộc kinh tế của con người. Sự đấu tranh thuộc kinh tế chắc chắn tạo ra những khác biệt về khả năng, nếu nền tảng không là một bình đẳng của tinh thần.”

Người nào đó nêu lên câu chuyện của Krishna thay đổi một người phụ nữ lưng gù trở thành có phẩm giá. “Làm thế nào một thay đổi thuộc tâm lý như thế có thể được tạo ra? Liệu có thể có một thay đổi tại gốc rễ của cái trí, và thế là phía bên ngoài nhìn thấy trước toàn bộ những khác biệt thuộc khả năng?”

Krishnaji hỏi, “Liệu vấn đề không là một vấn đề của khước từ chấp nhận một người lãnh đạo hay sao? Việc này,

một mình nó mang lại sự bình đẳng trong những liên hệ thuộc kinh tế và xã hội. Khi bị quăng vào trách nhiệm riêng của anh ấy, chắc chắn con người sẽ tìm hiểu. Và trong tìm hiểu không có cao hơn, không có thấp hơn. Bất kỳ hệ thống nào được đặt nền tảng trên sự chấp thuận của những khác biệt thuộc khả năng để thiết lập địa vị, chắc chắn phải dẫn đến một xã hội thứ bậc, và thế là nuôi dưỡng chiến tranh giai cấp.”

Sau đó Krishnaji hỏi tôi, “Điều gì trao tặng phẩm giá cho con người? Sự hiểu rõ về chính mình – sự hiểu rõ về bạn là gì? Người theo sau là người xấu xa tệ hại nhất.”

CHƯƠNG 14

***“Dưới Những Tia sáng Cuối cùng của Mặt trời,
Những dòng nước là Màu sắc của
Những Bông hoa Mới nở.”***

Năm 1949, Krishnaji sẽ khám phá chất lượng đặc biệt thuộc môi trường sống của Ấn độ: sự hoành tráng của những con sông, những hòn núi, và vùng quê của nó; những

khu nhà tồi tàn, sự nghèo đói, và sự đau khổ của nó; và bụi bặm của những con đường mòn trên đó những bậc hiền nhân và những người tìm kiếm đã rảo bước trong hàng thế kỷ. Anh đang dò dẫm vào cái trí Ấn độ mà đã ngủ quên trong những trừu tượng và đã hài lòng trong những ý tưởng; anh đang phát triển mãnh liệt sự nhận biết về những cái bóng mà tách rời ý tưởng khỏi hành động.

Từ Delhi anh đi bằng xe lửa đến Varanasi. Một người đàn ông ở chung cabin tàu của anh, quan tâm đến chết và những hiện tượng thuộc thân thể, hỏi anh về sự thật của chết và về sự tiếp tục. Khi xe lửa ngừng tại một nhà ga địa phương, một việc lý thú xảy ra.

“Xe lửa đã ngừng,” Krishnaji nói, “và ngay lúc đó, một chiếc xe hai bánh to đang chạy qua, được kéo bởi một con ngựa. Trên xe là một xác chết, được gói chặt trong một miếng vải trắng tinh và buộc vào hai cọc bằng tre xanh dài, vừa mới chặt. Từ ngôi làng nào đó xác chết đang được mang đến sông để hỏa thiêu. Khi chiếc xe ngựa di chuyển qua con đường gập gềnh xác chết bị chao đảo tàn nhẫn, và dưới miếng vải chắc chắn cái đầu đang nhận được những tang thương nhất. Chỉ có một hành khách trong chiếc xe bên cạnh người chủ xe; anh ấy phải là một người bà con gần, bởi vì hai mắt của anh đang đỏ hoe vì khóc lóc. Bầu trời xanh lạt của đầu xuân và trẻ em đang chơi đùa và la hét trong bụi bặm của con đường. Chết phải là một cảnh thông thường, bởi vì mọi người đều tiếp tục với điều gì họ đang làm. Ngay cả người tìm hiểu về chết cũng không thấy chiếc xe và gánh nặng của nó.”

Ngôi nhà Krishnaji sống tại Rajghat ở Varanasi, thành phố rực sáng bởi sự hành hương, được xây dựng trên khu Kasi ở trên vùng đất cao gần Sangam, nơi nhập lại của

những con sông Ganga và Varuna. Chính là nơi đây, tại nơi thiêng liêng nhất của chuyến hành trình ra biển của nó, con sông bẻ một vòng rất đẹp và chảy về hướng bắc đến nguồn của nó. Nơi đây gần cảnh cổ xưa của ngôi đền Adi Kesava mà Buddha, khi đã đạt được sự khai sáng tại Bodh Gaya, có thể đã băng qua con sông này, đi bằng phà, để đặt chân lên bờ sông. Theo con đường cổ xưa của những người hành hương này, Buddha đã đi đến cánh rừng săn hươu nai tại Sarnath để giảng bài pháp đầu tiên của ngài. Con sông Varuna rẽ nhánh, phân chia vùng Varanasi đô thị khỏi vùng nông thôn.

Qua hàng thế kỷ những người thầy của mảnh đất này đã đến hai bờ của sông Ganga và để lại hạt giống những lời giảng của họ nằm im lìm trong đất. Buddha, Kapila Muni, Adi Shankara – những người thầy vĩ đại này đã ngồi dưới bóng râm của những cây nhiều mấu cổ xưa, trên *ghats bậc sông* hay dọc theo bờ sông. Những ngôi làng có những cái tên mang bằng chứng cho sự hiện diện của họ.

Một thành phố nổi tiếng vì sự học hành và tìm kiếm, vì thái độ hoài nghi và ngờ vực và sự tài giỏi lỗi lạc của cái trí duy vật biện chứng, chính ở Kasi mà Adi Shankara đã đến để thiết lập uy quyền tối cao của ông. Qua nhiều thế kỷ những người đã phá tôn giáo đã tràn lan qua thành phố, phá hoại những ngôi đền và những điện thờ; nhưng hạt giống của nghi ngờ, của tìm hiểu, và bản thể của những lời giảng vĩ đại, mà không có tại đền thờ hay trong bất kỳ quyển sách nào, đã được giữ gìn bởi những người nghiên cứu và những giáo sĩ. Trong những hội nghị bí mật, họ giữ chúng sinh động và nhắc nhở những tinh túy của một trí tuệ bất diệt. Dọc theo hai bờ sông này sự đối thoại và một dò dẫm vào “phía bên trong” của thiên nhiên và cái trí đã phát triển.

Những cây xoan và cây xoài, cây ăm đang nở hoa và cây đa mọc trên hai bờ sông Ganga thiêng liêng. Những tàn tích của đền thờ và *ashrams thiền viện* bị mọc che kín bởi cỏ may và những cây leo dại. Mỗi bình minh Krishnaji đứng trong bóng tối trên hàng hiên ngôi nhà của anh và nhìn ngắm lửa vào mặt trời đang mọc, đang sáng tạo thế giới mới mẻ lại. Một cái thuyền đã trôi qua, những cánh buồm của nó đã giương lên. Những xác chết trương lê n – con người và thú vật, những con kên kên đang đậu nghỉ ngơi trên thân thể của họ – được mang đi bởi những dòng nước. Mọi thứ đang chuyển động chậm chậm, an bình; những dòng nước gió mùa đã chấm dứt cơn cuồng nộ và tàn phá của nó, những dòng nước giống như những người nghèo khổ đã sống bên hai bờ sông đều có phẩm giá, dù gánh nặng của chúng đến chừng nào.

Achyut và Rao Sahib Patwardhan, Maurice Friedman, Sanjeeva Rao, Nandini, và tôi cùng Radhika, *ngũ* con gái mười tuổi của tôi, đều ở Varanasi. Mỗi buổi chiều chúng tôi dạo bộ cùng Krishanji trên con đường của những người hành hương. Những bông hoa trắng của những cây bản làm ranh giới cho con đường và hai bờ sông đã tỏa ra hương thơm của nó, và những bông hoa nở rộ thật đẹp nằm dưới bàn chân của chúng tôi. Những trận mưa rất to; con sông đã tràn qua hai bờ và cây cầu làm bằng tre và đất nung lung lay đã bị gãy trong những tháng khô *hạn* vẫn chưa được dựng lên. Chúng tôi phải băng qua cầu bằng phà, được chèo hết sức bởi người lái đò. Ý nghĩa của nhịp điệu không bao giờ thay đổi được phơi bày ở Kasi. Một ý thức cổ xưa lan tràn mảnh đất và con người. Quá khứ vô tận trong khuôn mặt những người lái đò có nước da đen mềm mại được phản chiếu trên những dòng

nước, những người đàn bà đang đội những bình nước trên đầu của họ, người dân chài đang quăng lưới.

Một buổi chiều, một tá em nhỏ và những con dê đứng cùng những người chăn dê, đang chờ phà trên bờ sông. Krishnaji ôm lấy một con dê con, cử chỉ thật mau lẹ, tự nhiên; cú nhảy vào thuyền của anh rất chính xác và gọn gàng; đám trẻ cười khi thấy con dê bé tí vẫy đuôi và dịu dàng rúc vào người lạ. Chúng tôi qua sông và con dê con kêu be be đòi mẹ.

Thấy một hòn đá trên đường, Kishnaji sẽ nhặt nó lên để nó không gây thương tích cho những bàn chân đất của một người dân làng. Anh rất tinh táo, lắng nghe những âm thanh của con sông, nhìn ngắm con người đi qua, những dòng nước, cây cối, chim chóc, và những con chó ở làng đang sủa liên tục. Anh sẽ im lặng và chúng tôi sẽ im lặng cùng anh.

Vào một trong những dạo bộ anh nói. “Con người hiện diện, bởi vì anh ấy có liên hệ; nếu không có sự liên hệ, con người không hiện diện. Muốn hiểu rõ về sống bạn phải hiểu rõ về chính mình trong hành động, trong liên hệ với con người, tài sản, và những ý tưởng.”

Anh quay lại và chỉ vào con sông đang chảy và sau đó vào một cây đa cổ thụ. “Hầu hết chúng ta đều không nhận biết được sự liên hệ của chúng ta với thiên nhiên. Khi chúng ta thấy một cái cây chúng ta thấy nó bằng một quan điểm lợi ích thiết thực – làm thế nào đến được bóng mát của nó, làm thế nào sử dụng được gỗ của nó. Tương tự, chúng ta cư xử với quả đất và những sản phẩm của nó. Không có tình yêu quả đất, chỉ sử dụng quả đất. Nếu chúng ta thương yêu quả đất, sẽ có tiết kiệm những sự vật của quả đất. Chúng ta đã mất đi ý thức của hòa nhã, của nhạy cảm. Chỉ trong mới mẻ lại ý thức đó, chúng ta có thể hiểu rõ sự liên hệ là gì. Nhạy

cảm không hiện diện bằng cách treo một vài bức tranh hay cắm một vài bông hoa trên mái tóc bạn. Nó chỉ hiện diện khi thái độ lợi ích thiết thực không còn nữa. Vậy là bạn không còn phân chia quả đất, vậy là bạn không còn gọi quả đất này là quả đất của bạn hay quả đất của tôi.”

Krishnaji tổ chức những nói chuyện trước công chúng tại Kammacha ngay trung tâm thành phố. Giống như trong tất cả những nói chuyện của anh, những người tham dự là những thầy tu Phật giáo, những khát sĩ, những người hiến dâng từ Tổ chức Thông thái mà vẫn coi Krishnaji như người Thầy Thế giới, những du khách, những người giáo dục, và rất nhiều người trẻ mà đến đó vì hiếu kỳ. Những người uyên bác vĩ đại của Varanasi, đắm chìm trong truyền thống học hành, những người ngữ pháp và những yogi và những người hiến dâng, cũng ở đó để lắng nghe người thầy này mà khước từ tất cả những hệ thống và tất cả những đạo sư. Không có nhiều bàn luận được thực hiện, bởi vì những khó khăn về ngôn ngữ, nhưng Rao và Achut ở đó làm công việc thông dịch.

Krishnaji có vô số những bàn luận cùng những hội viên của Rishi Valley Trust, những người điều hành những trường học ở Varanasi. Chúng tôi bàn luận về vị trí của uy quyền và sự sợ hãi trong giáo dục. Krishnaji bày tỏ sự không hài lòng của anh với cách tiếp cận để điều hành những học viện thuộc giáo dục và chất lượng của những giáo viên tại Rajghat. Không ai hoàn toàn hiểu rõ việc gì phải được thực hiện. Học giả Iqbal Narain Gurtu, một công dân được kính trọng nhiều của Varanasi, người nhiều năm đã gắn kết với công việc của Mrs. Besant và sau đó những trường học của Krishnaji, rất sợ hãi sự thay đổi. Ông đã kiên trì không chấp nhận sự thay đổi và tuyên bố rằng bất kỳ thay đổi quyết liệt sẽ dẫn đến thảm kịch. Uttar Pradesh cũng rất cổ hủ, cố chấp.

Chỉ sự thay đổi dần dần là có thể được. Tuy nhiên, từ ngữ “dần dần” không tồn tại trong tự điển của Krishnaji; hành động là tức khắc, nảy sinh từ thấy sự kiện của “cái gì là”. Thế là có những gặp gỡ kéo dài lê thê.

Rishi Valley Trust đang iblay động đến tận những gốc rễ của nó. Những hội viên, nhận biết được sự quan tâm của Krishnaji đến tình trạng của những học viện, đệ trình những từ chức của họ và một nhóm hội viên mới được tuyển lựa.

Năm 1948 Rishi Valley Trust gồm có hai học viện độc lập – một trường của trẻ em tại Rajghat, một trường của nam sinh và một trường cao đẳng của phụ nữ trong thành phố Kammacha, bên trong khu vực của Tổ chức Thông thái. Một khu giáo dục khác đã được thành lập cuối phía nam tại Rishi Valley ở Andhra Pradesh, nơi Subba Rao là người đứng đầu của trường địa phương đồng giáo dục. Subba Rao, một người hiến dâng có khả năng đánh thức sự thương yêu và trung thành trong số những học sinh của ông, đã xây dựng ngôi trường bằng sự đơn giản khổ hạnh. Sự vắng mặt của Krishnaji trong nhiều năm, và không có một hướng dẫn rõ ràng về mục đích của ngôi trường, đã dẫn đến một thoái hóa của những tiêu chuẩn tại tất cả những mức độ trong cả hai trường Rishi Valley và Rajghat. Những giáo viên rất tầm thường. Chính phủ cho phép một cách giới hạn mọi linh động hay khả năng thay đổi. Quyền lợi bất di bất dịch được kiên cố bảo vệ và được quyết định để thấy rằng tình trạng hiện nay phải được tiếp tục.

Vào tháng mười khi anh từ Varanasi trở lại Bombay, Krishnaji ở tại nơi cư trú của tôi, Himmat Nivas trên Dongersey Road. Nó là một căn hộ mở rộng bừa bãi có những căn phòng thật rộng và những trần nhà cao. Những

không gian có phẩm giá, và Krishnaji phớt lờ nó bằng sự hiện diện của anh; một yên tĩnh vẫn quanh quẩn ngay cả khi anh vắng mặt.

Nhiều người khách đến gặp Krishnaji. Trong số họ là Morarji Desai, lúc đó là Bộ trưởng tài chính của Bombay, một tiểu bang tại thời điểm đó gồm cả Gujarat và Maharashtra. Krishnaji và ông bàn luận về những quyển sách thiêng liêng của Ấn độ. Nhận biết được một thiên cận và tự mãn nào đó cùng một thái độ “thánh thiện hơn anh” trong Morarjibhai,* Krishnaji nói rằng anh không đọc *Bhagavad Gita* và những quyển sách thiêng liêng chẳng có ích lợi gì cả. Morarjibhai kinh hãi, và sau đó bảo với tôi rằng ông không có ấn tượng gì cả.

Lúc này Krishnaji cảm thấy mạnh mẽ rằng hoàn cảnh đang tồn tại của Rishi Valley Trust và những ngôi trường ở Rajghat không nên được cho phép tiếp tục. Tại một gặp gỡ vào ngày 8 tháng hai năm 1949, Krishnaji nói, “Một trường học được sinh ra từ sự xung đột không thể sáng tạo. Sự nhất quán trong những người làm việc là cốt yếu. Trường học nên được nhìn như một cơ quan tổng thể. Nên có sự quan tâm đến làm thế nào để khiến cho trung tâm được sinh động. Một trung tâm chết rồi chỉ có thể sản sinh những học viện chết rồi. Nếu con người thực sự hứng thú, Rajghat không thể tồn tại như tình trạng hiện nay.”

Chính tại gặp gỡ này mà mọi người đã quyết định rằng Rao Sahib Patwardhan sẽ đi làm việc tại Rajghat. Ông đến đó

* *Bhai*: có nghĩa người anh ở Gujarati. Nó là một hậu tố thêm vào tên của một người lớn tuổi hơn như một thuật ngữ của sự kính trọng. Ở Tây Ấn hiếm khi tên đầu được sử dụng cho một người đàn ông hay đàn bà. Ở Gujarat, *bhai* được dùng với tên đầu cho một người đàn ông, *behen* hay chị cho một người đàn bà. Nó tương đương với “ji” ở Bắc Ấn.

vài tháng sau. Tình hình cần đến sự nhỏ bật gốc rễ bám chặt của những cấu trúc cố định, thuộc tinh thần lẫn vật chất. Rajghat cần một nỗ lực. Nhưng Rao Sahib lại do dự. Hoặc ông đã không tha thiết chuẩn bị để xác định rõ vấn đề, trao cho nó năng lượng tập trung duy nhất mà tình hình đòi hỏi, hoặc ông không biết làm thế nào để chặn đứng vấn đề. Cái trí của ông, bị trói buộc trong những cấu trúc, tìm kiếm những thay thế. Ông không nhận biết được rằng phủ nhận tình hình đang tồn tại sẽ mở tung cái mới mẻ. Năng lượng, cùng sự đam mê thúc đẩy của nó, và một tầm nhìn trung thành được cần đến tại Rajghat. Rao Sahib có nhiều bạn bè, ông nồng nhiệt và chí tình, mọi người thương yêu ông; Iqbal Narain Gurtu, một người cao niên cứng cỏi của Rajghat, là người bạn thân của ông. Nhưng cái gì đó trong sống cá nhân của ông, hay sự không khả năng để từ bỏ những lý tưởng của ông và sống trong không-chắc chắn, đã khiến cho bất kỳ hành động sáng tạo nào đều trở thành không thể được. Vào cuối năm Rao Sahib quay lại Poona, và Rajghat tiếp tục là một cái gương của sự trì trệ mà đã giam cầm Varanasi trong hàng thế kỷ.

Một buổi sáng đầu năm 1949 một hình bóng nhỏ nhắn đầu cạo trọc lóc trong chiếc áo cà sa rung chuông tại cửa nhà Himmat Nivas. Cô xưng danh tánh là Chinmoyee. Người hầu ra mở cửa không thể nói liệu đó là một cậu trai hay một cô gái, và đến gặp tôi nói rằng một người tu hành đang chờ tại cửa. Biết rõ tình cảm đặc biệt của Krishnaji đối với người khát sĩ và chiếc áo cà sa, tôi nói lại với Krishnaji và anh gặp Chinmoyee ngay tức khắc. Cô sẽ quay lại sau.

Câu chuyện về sống của cô tượng trưng cho một khía cạnh quan trọng của một trong những đặc điểm của Ấn độ, trong đó tinh thần cách mạng và tôn giáo hòa nhập.

Chinmoyee, tên gốc là Tapas, đến từ một gia đình của những người cách mạng Bengal. Người cha và người anh của cô đã chết trong tù. Người mẹ của cô làm việc trong một trung tâm giáo dục và nuôi nấng hai người con gái của bà. Theo người bạn thân nhất của Tagas, “Cô là một người toán học xuất sắc và một sinh viên đam mê thiên văn học.”

Sau khi tốt nghiệp, trong một khoảng thời gian cô là nữ hiệu trưởng của Sister Nivedita School Calcutta. Cô luôn luôn muốn theo một sống tôn giáo, và sau cái chết của người mẹ, lúc ba mươi bốn tuổi cô rời nhà để tìm kiếm một đạo sư khát sĩ. Cô trải qua một thời gian ở Ramakrishna Mission, và sáu tháng ở tu viện của Anandmai Ma. Lối sống trong những nơi này không thỏa mãn cô. Cô dành thời gian ở Varanasi gặp gỡ những người uyên bác như Gopinath Kaviraj và Gobind Gopal Mookherjee.

Chính tại thời gian này mà cô gặp vị thánh uyên bác vĩ đại của Bengal, Anirvanji. Ông đồng ý là đạo sư khát sĩ của cô và đặt tên cô là Chinmoyee. Suốt bốn năm kế tiếp cô ở cùng ông, đầu tiên giúp đỡ ông trong công việc dịch thuật quyển *Vedas*, và sau đó quyển *Life Divine Sống Thiên thiêng liêng* của Shri Aurobindo qua tiếng Bengali. Tiếp theo họ sống ở Almora, ở Uttar Pradesh. Do bởi liên quan đến sự gây quỹ cho việc xuất bản những tác phẩm của Anirvanji mà cô đi đến Bombay. Một người bạn gợi ý cô đi nghe Krishnamurti, lúc đó đang thực hiện những nói chuyện ở Bombay. Cô đến nghe anh và tìm kiếm một phỏng vấn.

Phỏng vấn đó dường như đã thay đổi toàn thân tâm của cô – chắc chắn nó đã thay đổi toàn sống của cô. Quay lại Almora, cô tiến tới để sắp xếp những công việc cho Anirvanji; và ngay khi cô chuyển những trách nhiệm của cô

cho một người khác, cô rời ông. Cô lấy lại tên cũ của cô, Tapas, và từ bỏ chiếc áo cà sa.

Hoàn toàn một mình, mùa hè đầu tiên đó sự thôi thúc phía bên trong nào đó đã thúc giục cô thực hiện một chuyến đi đến Kailash và Manasarovar Lake ở Tây tạng, những nơi thiêng liêng của hành hương. Kailash, một hòn núi có hình chóp, được nghĩ là chỗ ở của Shiva hoàng hậu của Parvati. Manasarovar Lake nằm ở một phía của Kailash. Những dòng nước trong xanh của cái hồ này rất êm đềm, và những con thiên nga thần thoại được tin tưởng đã xuất hiện trên những dòng nước này. Chuyến hành trình đến Kailash nguy hiểm vô cùng. (Lộ trình đến Kailash từ phía Tibet vừa mới được mở cửa cho những người hành hương bởi chính phủ Trung quốc.) Một mình và không ai theo cùng, cô bắt đầu một chuyến hành trình nguy hiểm nhất qua những cái đèo cao 18.000 feet, tham gia cùng một nhóm những người hành hương chỉ khi nào cô không được phép đi một mình.

Năm 1950 cô quay lại gặp Krishnaji. Cô không thể nhận ra được: Mặc một *pymama* và *kurta* trắng, mái tóc đốm bạc đã làm tăng chiều dài của vai. Cô tiến đến Krishnaji và nói, “Tôi đã đến.” Anh trả lời, “Tốt”; và từ từ cô trở thành bộ phận của những người chung quanh anh.

Trong những năm sắp tới cô sẽ đi đến mọi vùng đất của Ấn độ nơi Krishnaji nói chuyện: cuối cùng cô bắt đầu chăm sóc tủ quần áo của Krishnaji. Cô sẽ lên vào nhà không ai biết và che giấu không ai nhìn thấy – thậm chí đến mức độ núp đằng sau cửa – tháo những hành lý của Krishnaji, giặt và ủi quần áo của anh, sắp xếp chúng trong tủ và làm công việc vặt vãnh loanh quanh. Mặc dù chính cô chỉ mặc quần áo màu trắng, cô đã phát triển một ý thức đẹp về màu sắc. Chính cô khuyến khích anh mua những loại vải cotton có màu mật tỳ

nhiên và những loại vải lụa có màu vỏ cây kết cấu rõ ràng cho những *kurta* của Krishnaji. Cô thay đổi tủ quần áo của anh bằng một đôi mắt lạ thường dành cho những gì hiếm hoi và đẹp đẽ. Nhưng cô không chịu chia sẻ với bất kỳ ai về vai trò của cô. Sự vô trật tự nhỏ nhiệm nhất trong căn phòng được sửa chữa và những người giúp việc có liên quan đều bị nói rất nghiêm khắc. Họ coi cô như một người khủng bố; nhưng Tapas, là một khất sĩ, đã xóa sạch mọi cấu kính, tức giận bên trong họ. Họ chạm hai bàn chân của cô và tiếp tục công việc. Cô ngồi suốt những bàn luận nhưng không bao giờ tham gia, mặc dù những người bạn của cô kể cho tôi rằng cô có sự hiểu rõ thăm thẳm về lời giảng và thường nói chuyện cùng những nhóm nhỏ bất kỳ nơi nào cô đi đến.

Khi Krishnaji không ở Ấn độ cô sẽ biến mất một mình vào trong rừng, không sợ hãi – trong truyền thống của nhiều thế kỷ, cô là một người lang thang. Không thể xác định tuổi tác của cô. Trong hai mươi năm tôi biết cô, hầu như cô không có dấu hiệu già đi. Cuối cùng cô ngã bệnh bởi một căn bệnh không thể chẩn đoán được. Thân thể của cô dần dần gầy mòn đi, và cô chết vì một cơn đau tim năm 1976.

Những vấn đề của Nandini với người chồng, Bhagwan Mehta, đang tiến đến sự khủng hoảng. Một vài tháng sau gặp gỡ Krishnaji, cô đã bảo với người chồng của cô rằng cô thích sống độc thân. Chắc chắn, tình huống đã nổ tung. Sir Chunilal Mehta bị bối rối, bị dày vò giữa người con trai của ông và đạo sư của ông; bởi vì nó hoàn toàn được tin tưởng rằng lời giảng của Krishnaji đã gây ảnh hưởng cho Nandini và dẫn em đến việc kết thúc sự tiếp xúc về thân thể với người chồng của em. Người ta nghĩ rằng Nandini không chín chắn và dự định của em được sinh ra từ sự không chín chắn đó. Sir Chunilal tìm kiếm sự can thiệp của Krishnaji, hy vọng rằng

Krishnaji sẽ thuyết phục Nandini thay đổi quyết định của em; hay, nếu được cho thời gian cùng sự vắng mặt của Krishnaji, quyết định thất thường của Nandini sẽ thay đổi. Nhưng tình hình không thể được lắng dịu.

Tôi không có ý định tìm hiểu những bất hòa hôn nhân mà sẽ dẫn đến một bùng nổ trong nhà của em tôi. Nhưng tình hình đã dẫn đến những xì xầm và bàn tán, và “những người thượng lưu” trong thành phố chính rộng lớn này bị kích động. Những người đàn ông bắt đầu nhìn lại những người vợ, những gia tộc vây quanh. Những đôi mắt của những người cư ngụ ở Malabar Hill hướng về phía ngôi nhà to lớn rời rạc trên Ridge Road, được tô điểm bởi những biểu hiện bên ngoài của một người buôn bán giàu có, giàu có trong nhiều thế hệ, nơi những người đàn bà che kín mặt và ca hát bị cấm đoán. Lady Chunilal, mẹ chồng của Nandini, là một bà già khô khan với cái miệng ngậm chặt và đay nghiến và ít mở lời. Sau hôn nhân của em, bà đã bảo với Nandini rằng một tiếng nói của một người đàn bà không nên được nghe rõ, và rằng em không được phép cười; em có thể cười miễn là răng của em không được phô ra. Trên tất cả, đôi mắt của thành phố hướng về Krishnamurti.

Vào đêm có Lễ hội Holi, khi những ngọn lửa đã được thắp sáng, tình thế giữa người chồng và người vợ bùng nổ. Con cái của em bị tách khỏi em, và Nandini chạy trốn. Nửa đêm em đến nhà mẹ tôi, cách nhà của Sir Chunilal Mehta khoảng một trăm yard. Bị thâm tím trên thân thể và tan nát trong tinh thần, đau khổ bởi sự mất mát con cái của em, sáng hôm sau em đến gặp Krishnamurti.

Đã thu xếp đi trong vài ngày tới, K bảo em, “Hãy đứng một mình. Nếu bạn đã hành động từ những chiều sâu của hiểu rõ về chính mình, bởi vì trong chính bạn bạn đã cảm

thấy rằng điều gì bạn đã làm là đúng đắn, vậy thì quẳng bạn vào sự sống. Nước của nó sẽ giữ bạn, mang bạn, và nuôi bạn. Nhưng nếu bạn đã bị tác động, vậy thì Thượng đế giúp bạn. Người đạo sư đã biến mất.”

Nandini không có tiền bạc gì cả. Con cái đã bị tách khỏi em và em chẳng có bao nhiêu sự nâng đỡ, bởi vì cha tôi đã chết. Em phải hoặc quay lại người chồng, hoặc ly thân và đối diện những hậu quả. Mẹ tôi, đang vật lộn bởi những biến cố hủy hoại bà, đến gặp Krishnamurti và kể với anh về gánh nặng mẹ cảm thấy không thể mang nổi. Anh bảo mẹ buông bỏ những gánh nặng của bà đi. Họ là trách nhiệm của anh. Mẹ khóc, nhưng những từ ngữ của anh đã dập tắt những sợ hãi của mẹ.

Ý thức được những hậu quả sẽ xảy ra tiếp theo bất kỳ chuyển động nào của sự ly thân hợp pháp, tôi đến gặp Krishnaji và bảo với anh rằng mặc dù Nandini đã quyết định không bao giờ quay lại ngôi nhà cũ, dù ở trong hoàn cảnh nào chúng ta cũng không bao giờ có thể cho phép bất kỳ hành động hợp pháp nào, mà sẽ cần thiết để ổn định vấn đề trông nom con cái. Tôi nói rằng do bởi người chồng của Nandini không có lý do nào khác, tôi Krishnaji chắc chắn được đề cập vì đã tác động Nandini trong hành động từ chối tình dục của em. Anh nhìn tôi lâu lắm và sau đó hỏi, “Bạn đang cố gắng bảo vệ tôi?” Rồi anh dơ hai tay lên trong một cử chỉ có ý nghĩa. “Có những hiện diện to tát hơn bảo vệ tôi. Đừng chùn bước, hãy làm điều gì là đúng cho Nandini và những đứa trẻ. Trẻ em quan trọng hơn. Không đặt thành vấn đề liệu cô ấy thắng hay thua, hãy chiến đấu.”

Chẳng mấy chốc Nandini làm đơn kiện người chồng để có sự ly thân hợp pháp và quyền chăm sóc con cái, trên chúng có bạo lực. Con gái của em chín tuổi, cậu con trai lớn

bảy tuổi, và cậu út ba tuổi. Vụ kiện bắt đầu vào mùa thu năm 1949. Trước lúc đó Krishnaji đã từ Ojai quay lại – đầu tiên đến Madras, và sau đó anh ở Ceylon và rồi Rajamundry, Andhra Pradesh. Những đoạn văn dài từ những nói chuyện trước công chúng của Krishnaji được trích dẫn bởi những luật sư của Bhagwan Mehta. Krishnaji đã vạch rõ trong những nói chuyện tại Bombay và Poona về sự đạo đức giả của xã hội Ấn độ, những quan điểm đạo đức của những người thầy tôn giáo và những người chủ gia đình, vị trí thấp kém của những người đàn bà và ngục tù của họ với người chồng và gia đình của họ. Krishnaji đã tha thiết, hăm hở, lo ngại. Nhiều phụ nữ đã tìm kiếm những phỏng vấn với anh ở Bombay, Poona, và Madras và đã bày tỏ sự đau khổ của họ, những khó nhọc của họ, và không khả năng đập nát để được tự do của họ.

Những luật sư gắng sức chứng thực sự ảnh hưởng, và sử dụng những lời giảng này để củng cố lập luận của họ. Đó là một tình huống lố bịch. Một người vợ đang kiện người chồng để có sự ly thân hợp pháp và những đoạn văn dài từ những bài giảng tôn giáo đang được sử dụng như bằng chứng.

Người cha chồng của Nandini, mặc dù ông ủng hộ cậu con trai, không chuẩn bị nói một từ ngữ nào chống lại đạo sư của ông. Khi, trong cuộc đối chất, ông được hỏi liệu ông phản đối sự kết giao của Nandini với Krishnaji, Sir Chunilal Mehta lật dậy khỏi ghế ngồi của ông và nói lớn tiếng, “Không bao giờ, ngài là bậc vĩ đại nhất trong những người vĩ đại.”

Theo ông chính là Nandini, được phụ giúp và tiếp tay làm bậy của người chị, Pupul Jayakar, mới là những người có lỗi. Ông nói về cách cư xử không đúng phép của Nandini ở

Poona. Khi được hỏi, ông nói rằng ở Poona hai chị em cười nhiều và Nandini không che mặt bằng sari của em và cứ quả quyết ngồi phía bên phải của Krishnaji. Cách cư xử của em, theo Sir Chunilal Mehta, đã gây ra sự lo lắng trong số những người lớn tuổi quanh Krishnaji.

Nhưng suốt phiên tòa không một từ ngữ nào được nêu lên mà gợi ý tà dâm hay không đứng đắn. Sự nhấn mạnh đều tập trung vào ảnh hưởng và vai trò của nó đối với cái trí non trẻ không chín chắn.

Quan tòa ở Bombay High Court nghe những biện hộ và những biện bác trong yêu cầu ly thân của Nandini. Quan tòa Weston là một người dân sự ở Bombay, và đối với ông không thể nghĩ rằng có bất kỳ sự bạo lực nào có thể xảy ra trong gia đình nổi tiếng của Sir Chunilal Mehta, K. C. S. I.*

Người cha của tôi, đã sống suốt đời của ông ở nơi lúc đó được gọi là United Provinces, đã chết, và gia đình của ông không được biết đến nhiều lắm ở Bombay. Quan tòa kết luận rằng yêu cầu ly thân vì những lý do bạo lực không được chấp thuận ở High Court của Bombay, và vụ kiện bị bác bỏ. Con cái, dưới sự chăm sóc hiện thời bởi Nandini, được giao trách nhiệm cho người chồng. Chúng tôi gửi một điện tín cho Krishnaji, báo cho anh tin tức. Trong thư trả lời, anh nói, “Bất kỳ việc gì sẽ xảy ra đều đúng.”

Nhiều nghi ngờ thắc mắc đã nảy ra trong số những người gần gũi Krishnaji rằng liệu anh nên nói chuyện suốt tháng hai và tháng ba năm 1959 ở Bombay. Nandini đã chống án lên Bombay High Court để phản đối quyết định của

* Knight Commander of the Star of India, một trong những tước hiệu cao quý nhất được trao tặng bởi người Anh.

thẩm phán Weston, và cả thành phố vẫn còn đang xô xao bởi những lời bàn tán.

Sau khi bàn bạc với Ratansi Morarji, cuối cùng người ta quyết định rằng Krishnaji nên nói chuyện ở Bombay. Ngày 19 tháng mười hai anh viết. “Vậy là bạn có thể đi và thực hiện những sắp xếp cần thiết. Nếu có thể, không phải một cái sảnh, nhưng một không gian mở, lần này *không phải* một ngôi nhà của một người giàu có. Liệu không có không gian mở yên tĩnh nào đó, một khu đất dễ chịu, trung tâm và tất cả việc đó? Những cái sảnh khủng khiếp lắm và tôi không cảm thấy thoải mái trong chúng.”

Tại thời điểm đó, không có không gian mở nào sẵn sàng. Chúng tôi sắp xếp cho những gặp gỡ trước công chúng trên sân hiên cao của Sunderbai Hall, mà mở ra bầu trời. Số người tham dự những gặp gỡ trước công chúng đã gấp đôi, nhưng những người giàu có của xã hội và những người tư bản công nghiệp cùng những người vợ của họ lại vắng mặt khác thường.

Trong chuyến trở lại Bombay, Krishnaji gặp lại nhiều bạn kết giao cũ. Không có một tình cảm đặc biệt nào trong thái độ của anh với Nandini. Anh gặp em nhiều lần một mình và từ chối cho phép bất kỳ không gian nào trong cái trí của em dành cho tự-thương xót. Anh không ngớt đòi hỏi rằng em phải đối diện với sự kiện là một sống đã kết thúc và em phải tỉnh táo với cái mới mẻ. Nhưng sự quan tâm và từ bi cho con cái của Nandini lại vô bờ bến. Bất kỳ khi nào có thể được, Nandini – người chồng cũ của em không biết – sẽ mang con cái của em đến gặp Krishnaji. Anh sẽ đặt hai bàn tay của anh lên trên hai mắt của cậu con trai lớn, người đã được bác sĩ bảo rằng cậu sẽ không bao giờ trông thấy bình thường nữa, bởi vì hệ thần kinh của một mắt đã không phát triển. Mắt

được tốt lại và, trong những năm kế tiếp, Ghanashyan Mehta sẽ lấy bằng tiến sĩ môn kinh tế học của California University tại Berkley, và sau đó sẽ dạy tại Brisbane University, Úc.

Rao Sahib và Achyut ở Bombay và mỗi sáng đều đến nhà của Ratansi để gặp Krishnaji. Người Thầy quyết định khơi nguồn một thức dậy trong Rao. Một buổi sáng khi chúng tôi tụ họp, Krishnaji nói giữa một bàn luận, “Chúng ta hãy xem thử liệu chúng ta có thể ở trong khoảng ngừng giữa hai suy nghĩ” Rao trông ngờ vực, Achyut cảnh giác. Krishnaji bắt đầu thách thức cái trí của Rao, đang khước từ cho phép nó tẩu thoát vào những ý tưởng. Krishnaji đang đẩy Rao, đang khóa cái trí, đang ép buộc Rao không làm gì với nó, để thấy “cái gì là.”

Chúng tôi đang ở trong cùng dòng suối như Rao; sự khước từ cho phép suy nghĩ tẩu thoát, hay thay đổi nó, đã sáng tạo một mảnh liệt của năng lượng trong cái trí. Ngay tích tắc, vì không thể lang thang, vì bị nhốt lại bởi năng lượng của nghi vấn, cái trí buông lỏng và nó đó kia: sự cân bằng, không-lang thang, sự kết thúc của suy nghĩ, và của ý thức thuộc thời gian như khoảng kéo dài.

Sự biểu lộ của Rao, mà đã là không-biểu lộ và ương ngạnh trong sự khước từ để được mang đi bởi Krishnaji của nó, bỗng nhiên sáng lên. Khuôn mặt của Rao đã thư giãn và có sự rõ ràng trong hai mắt của anh.

Krishnaji thực hiện điều này lặp đi lặp lại; phá vỡ những biên giới của ý thức, qua suy nghĩ đang tự-kết thúc nó, đang không tìm được cửa để tẩu thoát.

Chúng tôi đưa Krishnaji đến Elephanta Caves bằng thuyền máy. Đó là một đêm trăng tròn; một đêm khi sao Hỏa ẩn mình sau mặt trăng trong một phút; để hiện ra lại bằng sự rực rỡ tinh khiết.

Những tia mặt trời hoàng hôn xuyên thấu và phơi bày những màu sắc bị giam giữ trong đá. Từ ánh sáng nhá nhem của hang động mờ mờ hiện ra khuôn mặt của vị thần ba đầu, cùng những đôi mắt cũng không nhắm lại hay mở ra; những đôi mắt thức dậy cả phía bên trong lẫn phía bên ngoài. Mỗi dưới đây đặn và khoái cảm. Từ âm thanh đang cất lên của những bài thánh ca cổ bằng tiếng Phạn, bức tượng đã sáng tạo thiên định của vũ trụ. Krishnaji đứng trước bức tượng, yên lặng rất lâu. Sau đó anh quay lại và nói anh muốn trải qua một đêm trong hang động. Bỗng nhiên Rao Patwardhan bật ra thánh ca của Sankaracharya ca tụng Shiva; “Hiện diện” đó mà là, khi tất cả những chất lượng bị phủ nhận. Krishnaji, bị kích động thăm thẳm bởi chất lượng của âm thanh, đang ở trong một trạng thái của ngây ngất. Khi chúng tôi quay lại thuyền, anh liên tục hỏi Achyut, nó đã đi đâu, năng lượng và sáng tạo mà đã thực hiện chất lượng rõ ràng của hình ảnh Maheshmurti? * Tại sao Ấn độ đã chết đi tất cả sự sáng tạo?

Mặt trăng đang lên khi chúng tôi đi bộ về. Trẻ em trong làng đã tụ họp, tặng cho chúng tôi những bông hoa và vòi vĩnh tiền. Krishnaji cố gắng nói chuyện với chúng; chìa cho chúng thấy những cái túi trống không của anh, quay về phía chúng tôi và mong rằng chúng tôi sẽ cho chúng ít tiền. Anh cười với chúng, và cầm tay một em nhỏ, dắt em về phía

* “Maheshmurti” (thể ký thứ bảy sau CN) là một hình ảnh vút cao trong đá của Shiva như vị thần vĩ đại, được điêu khắc bằng ba khuôn mặt – người sáng tạo, người giữ gìn, và người hủy diệt – tượng trưng ba khía cạnh của người cha tối thượng. Maheshmurti được chạm khắc bên trong một hang động lớn và được vây quanh bởi những bức tượng miêu tả thiên sứ thi từ những thần thoại của Shiva. Âm thanh và hình thể trở thành một để sáng tạo hóa thân cao cả này.

thuyền. Trên thuyền tất cả chúng tôi cố gắng thấy được sao Hỏa đang ló ra từ phía sau mặt trăng, Krishnaji đến mũi thuyền và cuối cùng thấy nó, một đốm nhỏ xíu. “Nó đó kìa!” Anh la lên đầy phấn khích, như một đứa trẻ.

Vào những gặp gỡ buổi sáng Krishnaji dò dẫm sâu hơn và sâu hơn và chúng tôi có chuyển động cùng anh. Cái trí cảm thấy luôn luôn thay đổi. Tôi nghe những từ ngữ mà không có **những** phản ứng thuộc từ ngữ – có một trôi chảy của âm thanh, từ ngữ, và nội dung. Thật ra tôi có thể đếm được số lượng của những suy nghĩ nảy ra trong hai tiếng đồng hồ chúng tôi trải qua cùng Krishnaji mỗi buổi sáng.

CHƯƠNG 15

“Cái trí Vận hành như Bộ phận của Tổng thể là Vô hạn.”

Trong khi Krishnaji ở Bombay, một nhóm ít người gồm có Rao Sahib, Achyut, Maurice Friedman, khách danh dự Mrs. Lucille Frost (một phụ nữ người Anh và một sinh viên lâu năm của Jung đã gặp Krishnaji khi ở Sri Lanka và theo cùng anh đến Ấn độ), Nandini, và chẳng mấy chốc tôi, đã tụ họp lại để tổ chức những bàn luận cùng Krishnaji. Từ những

bàn luận này sẽ khởi nguồn đối thoại đầu tiên trong một loạt những đối thoại quan trọng ở Ấn độ của Krishnaji. Một kích thước mới mẽ đang được thêm vào lời giảng của anh, một chuyển động mà lực đẩy của nó sẽ là làm tự do cái trí khỏi những khe rãnh cũ kỹ của nó.

Chúng tôi đã bàn luận cái trí và ký ức, và Krishnaji đưa ra một nghi vấn. Anh đã thức giấc trong đêm khoảng ba giờ sáng, cảm thấy một dâng trào của hân hoan đang nổ tung trong anh. Dường như nó bật ra từ tâm điểm của sự yên lặng. Anh nằm trong giường cùng nó, và kế tiếp ý thức trỗi dậy và trải nghiệm đã được đặt tên. Ý thức-cái trí đã ghi nhớ. Làm thế nào cái trí, mà không-hiện diện trong đang tải nghiệm trạng thái đó, đã ghi nhớ?

Nó được gợi ý rằng cái trí cao hơn đã trải nghiệm hân hoan và yên lặng. Krishnaji nói, “Bất kỳ thừa nhận của một cái trí cao hơn chỉ là một chiều rọi khác của cái trí. Sự gợi ý hầu như không thỏa đáng. Hoặc trạng thái yên lặng đó là giả dối – một chiều rọi của cái trí – hoặc nó là thực sự.” Anh ngừng lại. “Làm thế nào cái trí đã ghi nhớ? Cái trí là nguyên nhân và hậu quả, nó bị trói buộc trong thời gian, nó có một khởi đầu và một kết thúc. Cái trí không bao giờ có thể trải nghiệm cái không-nguyên nhân, cái không-thời gian, cái không-khởi đầu và không-kết thúc. Làm thế nào cái trí, mà vừa là nguyên nhân lẫn hậu quả, bị giới hạn, đã ghi nhớ cái không-nguyên nhân – cái không-giới hạn?”

Người nào đó gợi ý rằng điều gì cái trí đã ghi nhớ không là tải nghiệm, như ng đang sống lại từ nó. Krishnaji nói, “Trong yên lặng cái gì ở đó để trải nghiệm? Yên lặng chỉ có thể trải nghiệm yên lặng. Liệu yên lặng có thể để lại một dấu vết?”

Vậy thì, có lẽ, cái gì cái trí đã cảm thấy là sự rục rắng của đước thắm thắm trong yên lặng. Krishnaji nói, “Có một trải nghiệm của yên lặng, và cái trí ghi nhớ cảm thấy, hương thơm, bản chất đó; làm thế nào cái trí ghi nhớ? Ý thức là sự suy nghĩ của khoảnh khắc trước, hay khoảnh khắc sau. Sự suy nghĩ luôn luôn thuộc về khoảnh khắc hay nhiều khoảnh khắc trước. Sự suy nghĩ là kết quả của một kích thích.” Anh thả cho những từ ngữ chìm xuống, thả cho cái trí của những người nghe dò dẫm, chuyển động cùng anh.

“Chúng ta sống trong nguyên nhân và hậu quả, liên tục đang sắp xếp lại chúng. Chúng ta phủ nhận nền quá khứ của chúng ta, quá khứ của ngày hôm qua và của hàng ngàn năm của chúng ta, mà thậm chí không nhận biết được rằng quá khứ mà chúng ta phủ nhận là một bộ phận nằm sâu thẳm phía bên trong. Và vì thế nền quá khứ vẫn còn không được khám phá và luôn luôn trong xung đột, trong mâu thuẫn.

“Liệu chúng ta thấy rằng ý thức không bao giờ ở trong ‘cái ngay lúc này’, ăng nó luôn luôn là một chiếu rọi, một chuyển động tiến về trước hay lùi về sau? Rằng nó không bao giờ ở trong cái hiện tại.”

Anh được hỏi, “Làm thế nào con người hiểu rõ điều này?” “Hiểu rõ của ‘cái ngay lúc này’ không bao giờ có thể qua sự suy nghĩ, qua ý thức,” Krishnaji trả lời. Anh nhìn Rao Sahib. “Trạng thái của cái trí khi nó thấy cái này là gì?”

“Cái trí không chịu chấp nhận nó như một sự kiện,” Rao nói.

“Nhưng nó là một sự kiện. Cái trí không thể hiểu rõ ‘cái ngay lúc này’ mà là cái mới mẻ. Nó là một sự kiện, giống như một bức tường là một sự kiện. Bạn làm gì khi bạn bị đối diện với một bức tường? Bạn không nói rằng bạn không thể chấp nhận nó như một sự kiện. Điều gì xảy ra khi

bạn thấy như một sự kiện rằng cái trí không thể hiểu rõ ‘cái ngay lúc này’? Trạng thái của cái trí của bạn là gì?”

“Nó yên lặng – suy nghĩ đã ngừng lại,” Tôi ước mòi.

“Thâm nhập nó. Điều gì xảy ra khi cái trí thấy sự kiện rằng sự suy nghĩ đã ngừng lại và tuy nhiên lại có chuyển động, một tự do?”

“Tôi thấy nó và suy nghĩ đã ngừng lại, và tuy nhiên tôi nghe tiếng nói của ông, một nhận biết thuộc giác quan tiếp tục.”

“Tôi thấy bạn. Tôi nghe tiếng nói của bạn. Cái trí như suy nghĩ không còn ở đó và tuy nhiên sự nhận biết thuộc giác quan tiếp tục, là hiện tại. Chỉ sự nhận dạng đã ngừng lại,” Krishnaji nói.

Lại nữa sáng hôm sau chúng tôi bàn luận về ý thức.

Đầu tiên là tầng của hoạt động hàng ngày – ăn, đi làm, uống, gặp gỡ mọi người, những thói quen bị quy định mà vận hành một cách tự động. Chắc chắn nó là một tình trạng cố định mà tuân phục vào một khuôn mẫu.

Khi thói quen hàng ngày của người ta bị quấy rầy, tầng bề mặt này ngừng lại trong một tích tắc và cái gì ở phía trong tự-lộ diện. Để tiện lợi chúng ta sẽ gọi cái này là tầng thứ hai (dĩ nhiên, bởi vì ý thức là không-không gian, không thể chính xác khi sử dụng những thuật ngữ chỉ rõ tầng hay mức độ). Sự suy nghĩ mà nảy ra từ tầng này vẫn còn là ký ức bị quy định, nhưng nó không tự động như tầng bề mặt. Nó năng động hơn, linh động hơn; nó có nhiều sắc thái hơn. Ở đây suy nghĩ không cần tuân phục hoàn toàn vào một khuôn mẫu, nó có sức sống nhiều hơn. Tầng kế tiếp bị quy định bởi ưa thích, không-ưa thích, đang chọn lựa, đang nhận xét, đang nhận dạng. Ở đây có bản thể của cái tôi được thiết lập và trong tập trung.

Tại mấu chốt này Krishnaji ngừng lại và hỏi, “Bạn đã và đang lắng nghe như thế nào? Bạn thâm nhập như thế nào? Cái trí vận hành như thế nào?”

“Tôi đã và đang khiến cho nó quan trọng hay kịch tính hơn nó thực sự là,” Rao nói.

“Tôi đã và đang nhìn ngắm những phản ứng của tôi,” tôi nói.

Krishnaji tức khắc đáp lại. “Không, các bạn sai rồi.”

“Tất nhiên thôi, ông có thể làm gì khác?” Rao thắc mắc. Và sau đó người ta bắt đầu nhận biết được sự mãnh liệt của trạng thái tinh táo của Krishnaji, anh lắng nghe mọi câu hỏi như thế nào; cái trí của Krishnaji nhận biết được rằng nhìn ngắm của chúng tôi là một lặp lại khác, một ký ức khác. Đơn giản, anh biết rằng liệu trạng thái người ta đã nói được sinh ra từ thấu triệt hay là một lặp lại khác.

Krishnaji nói, “Tôi đã và không đang suy nghĩ về nó. Đã không có đang khoét sâu vào quá khứ, vào ký ức để tìm ra phản ứng kế tiếp. Những phản ứng đã bật ra bởi chính sự nhận biết của sự kiện.” Anh đẩy sâu thêm nữa.

“Kế tiếp là những ký ức sâu thẳm không nhận biết được của cá thể và tập thể, những khuynh hướng, những lực lượng, những thôi thúc, những bản năng thuộc chủng tộc; đây là toàn mạng lưới của sự ham muốn, ma trận của sự ham muốn. Có một chuyển động lạ thường ở đây. Cái tôi vẫn còn đang vận hành – cái tôi như ham muốn đang chuyển động trong những khuôn mẫu nguyên nhân-hậu quả của nó. Cái tôi như ham muốn mà tiếp tục. Cái tôi cùng những khuynh hướng không nhận biết được của nó mà sinh ra lại. Hãy thả cho chúng ta vẫn thâm nhập sâu thêm nữa.” Anh ngừng lại và dò dẫm. “Liệu chúng ta có thể thâm nhập sâu thêm nữa? Liệu có bất kỳ cái gì sâu thêm nữa? Có phải rằng kích thước của

cái đã được biết đã kết thúc? Liệu đây là nền tảng của cái tôi? Liệu đây là cấu trúc của ý thức, của cái trí và nội dung của nó?”

Người nào đó hỏi, “Cái gì nuôi dưỡng nó?”

Krishnaji im ặt. Sau vài khoảnh khắc, “Chuyển động riêng của nó, đang vận hành riêng của nó. Cái gì nằm ở dưới? Làm thế nào người ta có thể tiến tới, vượt khỏi ma trận?”

“Khóa cái trí lại,” Rao nói.

“Ai khóa cái trí? Anh ấy mà là cái trí à?” Krishnaji đáp lại thật mau lẹ. “Vậy thì cách nào? Đang thấy sự kiện của ý thức – không phải từ ngữ, không phải lý thuyết, nhưng sự kiện của nó – liệu kết thúc không thể xảy ra được hay sao? Lại nữa, bất kỳ điều gì tôi thực hiện để chuyển động hướng về cái khác lạ đều thuộc về nỗ lực và thế là hủy diệt nó. Tôi không thể ham muốn nó. Tôi không thể làm bất kỳ việc gì ngoại trừ dừng dung với nó. Và tự-quan tâm đến cái tôi, đến tôi là gì, và những vấn đề của tôi.”

Một buổi sáng Krishnaji hỏi, “Liệu chúng ta có thể lại thâm nhập vào ý thức? Ngày hôm qua chúng ta đã thâm nhập nó từ vị trí trên vùng ngoại biên vào trung tâm. Nó giống như đang đi xuống một cái ống k hới. Hôm nay liệu chúng ta có thể đi từ trung tâm ra vị trí trên vùng ngoại biên? Liệu chúng ta có thể chuyển động từ phía bên trong ra phía bên ngoài? Liệu chúng ta có thể tiếp cận ý thức từ trung tâm?”

“Liệu có một trung tâm?” Rao hỏi.

“Trung tâm chỉ hiện diện khi có đang tập trung của chú ý. Trung tâm được hình thành khi vùng ngoại biên bị kích động. Trung tâm được hình thành như một vị trí trên vùng ngoại biên. Những vị trí trên vùng ngoại biên này là danh tánh của một người, tài sản của một người, người vợ,

danh tiếng của một người. Những vị trí này đang được củng cố liên tục. Luôn luôn có chuyển động tại những vị trí trên vùng ngoại biên. Có một sự hãi liên tục của phá vỡ những vị trí này.”

“Liệu tôi có thể sống mà không có sự hình thành của những trung tâm?” Rao hỏi.

“Nếu tôi bắt đầu từ trung tâm, để tìm hiểu, trung tâm bắt đầu từ đâu? Không có trung tâm, nhưng chỉ có cánh đồng. Nếu không có vùng ngoại biên không có trung tâm. Những hàng rào quanh cánh đồng tạo ra trung tâm. Tôi chỉ biết trung tâm bởi vì cái hàng rào, vùng ngoại biên. Những hàng rào là những vị trí của chú ý, những giới hạn mà tạo ra trung tâm. Phá sập những hàng rào này. Trung tâm ở đâu?”

“Liệu người ta có thể phá sập những hàng rào?” Tôi ngờ vực.

“Nếu bạn chuyển động trong cánh đồng, trong không-trung tâm, không có kỷ lục. Hãy thấy điều gì xảy ra khi bạn chuyển động từ cánh đồng hướng ra hàng rào. Khi bạn tiếp cận hàng rào, kỷ lục bắt đầu.

“Chùng nào chúng ta còn đang suy nghĩ từ vùng ngoại biên vào trung tâm. Suy nghĩ từ cái này (không-trung tâm) phải hoàn toàn khác hẳn. Tôi phải quen thuộc với chuyển động từ phía bên trong hướng ra vùng ngoại biên.”

“Điều gì xảy ra cho những vị trí?” Tôi hỏi.

“Nó giống như đang luồn dưới và lách qua những hàng rào. Những hàng rào không còn đặt thành vấn đề nữa. Thấy vị trí tại vùng ngoại biên là thấy không-vị trí gì cả. Tuy nhiên, điều gì chúng ta làm lại là ngay tức khắc nhảy vào vùng ngoại biên, vào những thói quen. Tôi không thể hình thành một thói quen của cái mà không có trung tâm.

“Đi từ vùng ngoại biên vào trung tâm là bám trong trung tâm. Khi sự chú ý bắt đầu bị nhận dạng, nó trở thành vị trí. Suy nghĩ trong thói quen là chuyển động của vùng ngoại biên. Không có vị trí mà từ đó tôi có thể công nhận vị trí. Muốn biết trung tâm, nó phải liên quan đến vị trí. Tôi chỉ có thể biết nó nếu tôi tiếp cận nó từ vùng ngoại biên.

“Tôi càng ở lại trong cánh đồng nhiều bao nhiêu, tôi càng thấy không có trung tâm nhiều bấy nhiêu.”

Sáng hôm sau bà nhận tiếp tục. Chúng tôi hỏi Krishnaji, “Vùng ngoại biên là gì? Nó được hình thành như thế nào? Những hàng rào được dựng lên ra sao? Liệu chúng là vật liệu khác biệt với trung tâm không-vị trí?

“Tại sao bạn ở tại vùng ngoại biên? Tại sao bạn không thể ở trong cánh đồng, nhìn ngắm tất cả cây cỏ và động vật của nó, hương thơm của nó? Tại sao bạn quan tâm đến hàng rào?” anh đáp lại.

“Tôi đã và đang tự hành hạ chính mình để tìm ra. Toàn sự việc dường như không thể hiểu rõ được. Achyut bảo với tôi rằng tôi nên thấu nhận nó một cách đùa giỡn,” Mrs. Frost nói.

“Bạn đang sử dụng thời gian, nỗ lực, tại sao?” Krishnaji hỏi.

“Bởi vì cái trí của tôi giống như một bức tường đá.”

“Tại sao? Điều gì sai trái? Lắng nghe điều gì sai trái,” Krishnaji nói.

“Những suy nghĩ của tôi,” Mrs. Frost trả lời.

“Mà có nghĩa bạn có một khuôn mẫu và bạn muốn nó được giải thích trong đó. Những từ ngữ của bạn đang gây cản trở bạn. Bức tường đá của những ý tưởng, những từ ngữ mà bạn quá quen thuộc. Tại sao bạn không buông bỏ?”

“Tôi không biết bằng cách nào,” Mrs. Frost phản đối.

“Tại sao? Đối với bạn, sự suy nghĩ là quan trọng. Bạn bị lạc lõng khi bạn không thể suy nghĩ theo những khe rãnh của bạn. Hãy quên đi tất cả việc đó, hãy đùa giỡn cùng nó. Hãy thấy liệu chúng ta có thể khởi sự, không phải từ bức tường đá nhưng từ không-trung tâm. Sự khó khăn là gì?”

“Tôi hoàn toàn nhận biết rằng chúng tôi đã không đến giai đoạn đó.” Mrs. Frost bị kích động.

“Không có giai đoạn. Tại sao bạn bám vào vùng ngoại biên và sau đó muốn vào trung tâm? Xóa sạch trạng thái. Nó quá giàu có tại vùng ngoại biên rồi. Buông nó đi. Hãy bắt đầu như thể bạn đang đi vào một căn phòng mới mẻ. Bạn thấy vùng ngoại biên và muốn tiến tới để sáng chế trung tâm. Bạn gọi nó là Thượng đế và tiếp cận nó. Nhưng không có trung tâm nếu không có vùng ngoại biên. Bạn không thể suy nghĩ tách khỏi thói quen suy nghĩ. Bạn không bao giờ có thể suy nghĩ mới mẻ lại. Sự khó khăn không phải ở trong cánh đồng, nhưng với vùng ngoại biên. Chính cái trí đơn giản mới thấy điều này.”

“Từ vùng ngoại biên nó giống như đang thấy qua một kính viễn vọng. Đang ở trong cánh đồng là chất lượng trôi chảy tự do như những chất lỏng và những chất khí,” Nandini diễn giải.

“Vị trí là gì? Sự chú ý bị nhận dạng? Hàng rào là gì? Hàng rào là gì khi bạn tiếp cận nó từ vị trí không-vị trí? Nó là sự tắc nghẽn của chuyển động. Nếu có cánh đồng đang trôi chảy, liệu cánh đồng đó không cùng chất lượng như chuyển động bị giam giữ, như hàng rào, hay sao? Những tắc nghẽn của chuyển động là những vị trí dọc theo hàng rào. Tôi vẫn còn ở phía bên trong cánh đồng.

“Ngày hôm qua sau bàn luận tôi đã ngủ. Khi tôi đang bắt đầu thức dậy, có một đang tiến tới từ thật xa đến một vị

trí của một thiết kế phức tạp. Tôi nằm nhìn ngắm thiết kế – tôi trải qua một thời gian thật lâu để nhìn ngắm nó. Sau đó nó biến mất và tôi hồi tỉnh. Chuyển động khi bị giam giữ hình thành thiết kế, trở thành vị trí mà từ đó tôi hành động. Đau khổ là kết quả gây ra bởi sự tắc nghẽn chuyển động và sự chuyển động thoát khỏi tắc nghẽn. Nếu tôi thấy rằng vị trí thuộc cùng chất lượng như cánh đồng, không có đấu tranh. Nếu có một đang sống trong trung tâm không-vị trí, sự tắc nghẽn là vị trí. Do bởi đang đấu tranh vị trí với vị trí nên chúng ta củng cố nó,” Krishanji nói.

“Cái gì tạo ra vị trí? Liệu nó là cùng chất lỏng kết tụ lại?” Tôi hỏi.

“Liệu nó lệ thuộc vào áp lực – vào một sức mạnh phản lại?” Rao hỏi.

“Dòng chảy của bạn và dòng chảy của tôi không giống hết nhau, hay sao?” Krishnaji nói.

Friedman hỏi, “Tại sao sự cản trở nảy sinh? Liệu nó không-thực sự, giả dối?”

“Tại sao nó xảy ra? Hai mươi sự việc đang xảy ra quanh tôi. Tình huống có đang thay đổi khắp, tình huống nó bị giới hạn,” Rao nói.

“Không trung tâm gỡ gỡ sự cản trở, những phản ứng thần kinh của thân thể. Tại sao không? Đây có lẽ chỉ là những phản ứng của thân thể. Bạn đặt cho tôi một câu hỏi và tôi trả lời bạn tùy theo tình trạng bị quy định của tôi – mà giam giữ dòng chảy. Tình trạng bị quy định này là kết quả của môi trường sống đang hành động vào thân thể và những phản ứng của nó. Nếu dòng chảy bị giam giữ – tôi chấp nhận sự giam giữ – sống giống như thế,” Krishnaji nói.

“Sự giam giữ là gì?” Rao hỏi.

“Nó là sự chú ý đang tập trung. Bỗng nhiên con sông đến giữa hai bờ và dòng chảy thu hẹp lại.

“Cánh đồng không có vị trí, không giới hạn; nó bao la và vô tận. Sự chú ý bị tập trung là đang thu hẹp lại. Tại sao chúng ta ở đó tại vị trí? Đó là câu hỏi. Khoảnh khắc bạn hỏi tôi cái gì đó, một vị trí phải hình thành. Nhưng tại sao chúng ta cho phép nó kết tụ lại?” Anh im lặng và sau đó nói chậm chạp, đang bảo chúng tôi hiệp thông cùng cái trí của anh.

“Cánh đồng bao la không có tình trạng tích cực. Trong sự cố định có tích cực. Tình trạng không-tích cực là tiêu cực. Sự tiêu cực này bị thách thức và có hành động tích cực. Tình trạng tích cực này tạo ra đối nghịch của nó.”

“Liệu tình trạng tích cực có động lực riêng của nó?” Rao hỏi.

“Giải pháp thực sự nằm trong một cánh đồng của tiêu cực. Nếu chúng ta chuyển động khỏi cánh đồng này, chúng ta bị lạc lối. Nếu chúng ta vào vị trí để tìm hiểu nó, chúng ta bị lạc lối. Hãy quan sát nó từ cán h đồng của tiêu cực. Tại sao sự kết tụ xảy ra?” Anh ngừng lại, đang tự-chất vấn chính anh. “Liệu đây là một câu hỏi sai lầm? Sự kết tụ là không thể tránh khỏi, một sự kiện. Khó khăn của tôi là, tại sao cái trí ở trong sự kết tụ? Khi tôi thấy sự tiếp cận tiêu cực tôi được tự do khỏi sự kết tụ, được tự do khỏi vị trí. Tôi chấp nhận sự xung đột như không tránh khỏi và chuyển động tiếp tục.”

“Liệu có phải do bởi chúng ta thấy dòng chảy của chúng ta như tách rời mà sự rắc rối bắt đầu?” Rao hỏi.

“Nếu sự tiêu cực ở đó nó sẽ có một đáp án. Vấn đề của tôi là, tại sao tôi không ở lại trong một trạng thái của tiêu cực? Sự nguy hiểm là tôi đang liên tục cân nhắc cái này với cái kia. Những người khờ dại đi vào vương quốc, không phải những người thận trọng,” Krishnaji nói.

Krishnaji hỏi, “Năng lượng của cánh đồng là gì? Năng lượng có vị trí gì trong cái này mà chúng ta gọi là ý thức? Chúng ta biết hoạt động của thâu hẹp lại. Chúng ta biết sợ hãi, mong muốn, thăng hoa, chúng ta biết vô vàn những lý do và những nguyên nhân cho sự nhận dạng.

“Năng lượng này là gì? Chắc chắn năng lượng này không có không gian khép kín, không hàng rào, không những đối nghịch. Cánh đồng là năng lượng.”

“Khi chúng tôi đang sức tìm hiểu năng lượng này người tìm hiểu trở thành vị trí,” Rao nói.

“Yên lặng là gì? Chúng ta hãy tiếp cận năng lượng này một cách khác hẳn. Yên lặng là gì? Bạn đang yên lặng? Làm thế nào bạn tìm ra năng lượng là gì? Bạn đang ồn ào phải không? Làm thế nào bạn biết bạn yên lặng?”

“Yên lặng là dòng chảy không-vị trí của cánh đồng,” Rao nói.

“Đừng định nghĩa nó. Liệu tôi thấy yên lặng? Liệu tôi trải nghiệm nó? Liệu tôi có thể nói như một người quan sát, ‘Đây là yên lặng’?” Krishnaji hỏi.

“Có yên lặng khi tôi không tập trung,” Rao nói.

“Bạn có ý gì qua từ ngữ tập trung? Đừng diễn đạt bằng từ ngữ về nó. Chỉ thấy yên lặng là gì và bạn thấy nó như thế nào, bạn trải nghiệm nó như thế nào.” Krishnaji đang cầm tay Rao, đang chuyển động cùng anh ấy vào cánh đồng không-lối vào.

“Yên lặng là gì? Bạn trải nghiệm nó như thế nào? Đừng làm bất kỳ việc gì cả, chỉ lắng nghe. Liệu bạn đang trải nghiệm nó hay liệu có một trạng thái của yên lặng mà bạn đang cố gắng diễn tả?” Anh ngừng lại. “Bạn thấy sự khác biệt? Thấy yên lặng là gì.”

“Tôi đang nói nó không là một trạng thái để nắm bắt, vì vậy buông bỏ nắm bắt,” Achyut nói.

“Trước hết bạn tạo ra một bức tranh, sau đó sắp xếp mọi thứ vào bức tranh. Hãy tìm ra yên lặng là gì.” Krishnaji đang thúc đẩy.

“Tôi có thể nhớ lại những lần khi đã có một trạng thái của yên lặng,” Mrs. Frost nói.

“Đó không là yên lặng. Yên lặng là gì? Tôi được hỏi năng lượng là gì, và tôi đã nói có một tiếp cận khác dẫn đến câu hỏi. Tôi nói chúng ta hãy thâm nhập vào yên lặng. Đó là sự thách thức. Lúc này, yên lặng là gì? Tôi có một hình ảnh về nó, hay tôi thấy nó hiện diện ở đó và bởi vì bạn hỏi tôi, tôi sẽ chuyển tải nó sang bạn?”

“Đừng cố gắng thấy hay không thấy, chỉ buông bỏ.” Rao đã chạm dòng chảy được một khoảnh khắc, là một cùng nó.

“Rời những ý tưởng của bạn và *thấy* yên lặng là gì,” Krishnaji nói. “Hoặc tôi đang tưởng tượng nó hoặc trạng thái hiện diện ở đó. Tôi không đang trải nghiệm nó. Với bạn hệ thống máy móc vận hành ngay tức khắc. Hãy đơn giản, buông bỏ hệ thống máy móc của bạn. Tại sao nó vận hành trước yên lặng?”

“Cái trí quá ranh ma,” Achyut nói.

“Đó không là câu trả lời. Tại sao hệ thống máy móc đến trước? Khoảng khắc tôi hỏi yên lặng là gì, hệ thống máy móc của bạn trả lời. Làm thế nào bạn tìm được yên lặng? Chắc chắn không phải qua sự ồn ào của hệ thống máy móc. Vậy là bạn làm gì?”

“Hàng rào bắt đầu cùng hệ thống máy móc,” Rao nói.

“Yên lặng hiện diện ở đó mà không kết thúc. Tôi muốn tìm ra năng lượng là gì. Có thể nó có thể vận hành

không ngừng nghỉ. Nhưng ý tưởng đến trước và bao bọc và tạo khung yên lặng. Nhưng yên lặng không kết thúc; mọi thứ tồn tại trong nó; chúng là bộ phận của nó; chúng không xung đột với yên lặng. Đứa bé đang khóc đó là yên lặng. Khi sự ồn ào ở trong nó, nó là yên lặng. Nếu yên lặng là bao quát, sự ồn ào là bộ phận của nó.

“Bất kỳ thứ gì có hệ thống máy móc riêng của nó bị xung đột với yên lặng, không ở trong yên lặng. Hệ thống máy móc như người quan sát đang quan sát yên lặng bị xung đột với yên lặng, không là yên lặng. Ý tưởng của yên lặng như loại trừ, không là yên lặng. Bất kỳ thứ gì tách rời có lẽ có năng lượng riêng của nó, nhưng nó không là bộ phận của yên lặng bao quát. Qua chuyển động của nó, tình trạng tách rời có thể tạo ra hành động và năng lượng riêng của nó. Hai năng lượng hoàn toàn khác biệt. Chuyển động của một hệ thống máy móc tách rời đang trải nghiệm yên lặng và sự ồn ào trong yên lặng hoàn toàn khác biệt.

“Bất kỳ thứ gì trong yên lặng mà không xung đột là bao quát. Bất kỳ thứ gì xung đột cùng năng lượng riêng của nó đều bị giới hạn, và khi cái giới hạn cố gắng tìm ra cái bao quát, không có yên lặng.

“Tôi có thể sống trong yên lặng và bất kỳ việc gì tôi làm đều không xung đột, miễn là tôi sống trong yên lặng và không kháng cự nó. Vậy thì mọi thứ đều ở trong nó ngoại trừ sự kháng cự. Chính là sự kháng cự mới tạo ra vũng xoáy riêng của nó, giống như lửa, những ngọn lửa vọt lên những bầu trời.”

“Liệu yên lặng này là cái nguồn của năng lượng, không bị giới hạn?” Rao hỏi.

“Khoảnh khắc nó có giới hạn, có sự kháng cự,” Krishnaji nói.

“Trạng thái này là gì?” Rao hỏi.

“Cái gì đang vận hành ? Trong trạng thái đó tôi nghĩ những hoa nhài này. Tôi nghe, tôi thấy. Cái gì không ở trong nó. Cái loại trừ, cái xung đột, ý tưởng mà luôn luôn loại trừ. Bất kỳ hình thức nào của kháng cự, hủy diệt trạng thái này.

“Đối với tôi trong yên lặng, một tiếng khóc không là loại trừ, nhưng tiếng khóc của em bé như một hành động loại trừ bị tách khỏi trạng thái của yên lặng. Yên lặng không có giới hạn. Khi có kháng cự có sự loại trừ; ồn ào trở thành loại trừ, khi cảm xúc hình thành một vị trí mà hành động như một quấy rầy, nó trở thành một ồn ào riêng khi bạn tập trung sự chú ý vào nó.”

“Điều này xảy ra ngay khoảnh khắc một hệ thống của những giá trị bắt đầu vận hành,” Friedman nói.

“Khoảnh khắc cái trí như ý tưởng vận hành, nó là xung đột. Nhưng trạng thái này cần thông minh và hòa hợp lạ thường. Bởi vì cái này là vô giới hạn, nó phải là năng lượng. Ở đây nó là vô giới hạn bởi vì không có tạo ra nguyên nhân. Cái trí tạo ra năng lượng có một nguyên nhân và thế là có một kết thúc. Nhưng yên lặng không thuộc cái trí, và thế là năng lượng đó vô giới hạn.” K ngừng nói. Thấy những bộ mặt của chúng tôi anh nói, “Đừng diễn giải cái này để phù hợp cái trí của bạn. Cái trí không thể hiểu rõ điều gì không thuộc về nó. Nhưng cái này là vô giới hạn. Trong trạng thái này mọi thứ hiện diện, ngoại trừ những sự việc của cái trí. Trong trạng thái này mọi ồn ào hiện diện, và đó không ồn ào. Sau đó, xung đột nảy sinh và cái trí nảy sinh và tạo ra một khuôn mẫu loại trừ cùng năng lượng riêng của nó.”

Maurice Friedman nói rằng ông đang trải nghiệm m một trạng thái bão hòa hoàn toàn. Ông cảm thấy rằng ông đang lắng nghe Krishnaji qua một cái trí đã biết sẵn điều gì

Krishnaji sắp sửa nói. Ông cảm thấy không có gì mới mẻ. Ông cảm thấy ông không thể thấu nhận nó nữa.

Rao Sahib nói rằng mặc dù ông vẫn chưa cảm thấy bão hòa, ông cảm thấy rằng ông muốn đi khỏi Krishnaji. Ông cảm thấy rằng đang ngồi luân quần ở đây là hoàn toàn sai lầm.

Nandini nói em cũng cảm thấy như thế. Nếu em hiểu rõ Krishnaji, điều gì đó phải xảy ra. Em đang chờ đợi nó xảy ra và không có gì đang xảy ra.

Achyut nói ông cảm thấy giống như Rao, và tôi nói tôi cảm thấy chết rồi, một ý thức tuyệt đối của không vận hành.

Krishnaji nói, “Nó rút đi thành một việc. Tất cả các bạn đều đang chờ đợi cái gì đó xảy ra. Một vài người có kỹ xảo nhưng không có sự thôi thúc, và họ đang chờ đợi sự thôi thúc đó phải hành động. Một vài người có sự thôi thúc nhưng họ không có kỹ xảo, và vì vậy họ cũng chờ đợi. Một vài người cảm thấy chết rồi, và họ đang chờ đợi được cho sự sống để nhờ đó họ có thể hành động.

“Tại sao bạn đang chờ đợi và bạn đang chờ đợi cái gì? Bạn đang chờ đợi với mục đích hành động? Bạn không chắc chắn và bạn cần chứng cứ trước khi bạn hành động. Làm thế nào bạn có thể có chứng cứ? Bạn vẫn chưa thoát khỏi cánh đồng của hành động đã được biết và kết quả đã được biết.

“Bạn muốn được chắc chắn về cái mới mẻ trước khi bạn hành động, và làm thế nào bạn có thể được chắc chắn? Bạn không đang sống, bạn chỉ đang chờ đợi; đó là không đang sống. Rao đã rời bỏ hành động chính trị của anh ấy và đang chờ đợi; anh ấy không đang sống.

“Từ trước đến nay bạn đã đối diện hướng Bắc, và tôi nói bạn hãy quay ngược lại và đối diện hướng Nam. Nhưng bạn muốn đối diện hướng Nam mà không rời hướng Bắc.

“Tại sao bạn đang chờ đợi? Để được chắc chắn? Chắc chắn về cái gì? Ràng buộc hành động của bạn sẽ là cái mới mẻ? Nhưng bạn không đang sống, đang chờ đợi là chết. Sống, chuyển động, đi.

“Tôi nói với bạn, Rao, ‘Nhìn kìa,’ bạn đã nắm được nó, đi đi.

“Tôi cảm thấy cái gì đó đang xảy ra. Nếu tôi có một cậu con trai, tôi muốn chia sẻ nó. Khi bạn thương yêu bạn muốn chia sẻ, và tôi bảo với bạn, Rao, hãy chia tay của bạn ra. Nếu bạn muốn nó, bạn sẽ có nó.

“Khi cái nhỏ xíu vận hành trong tổng thể như bộ phận của tổng thể, vậy thì cái nhỏ xíu là vô hạn. Khi nó hành động tách rời, vậy thì nó bị giới hạn. Cái trí đang vận hành như bộ phận của tổng thể là vô hạn.”

“Năng lượng là gì và liệu nó có thể hiện diện, để cho nó liên tục được tự do và đang vận hành – không bao giờ bị giới hạn?” Mặt của Rao rạng rỡ.

“Nếu cái trí không tự giới hạn chính nó vậy thì nó luôn luôn vô giới hạn. Liệu hành động có thể xảy ra từ đó và không phải từ cái trí? Lúc đó điều gì xảy ra cho hành động? Hành động của bạn đối với người ăn xin ngoài đường là gì? Bạn có thể trả lời? Không. Nhưng sẽ có hành động mà sẽ vận hành vào anh ấy. Miễn là cái đó vận hành, không có vấn đề gì cả.”

Ngày kế tiếp Krishnaji lại hỏi, “Vấn đề là gì? Thay vì những bông hoa này” – anh chỉ đến một lọ hoa cắm chướng trước mặt anh – “được đặt những bông hoa giả tạo. Bạn biết cái thực sự. Những bông hoa này có cái gì không bông hoa nào khác có. Vấn đề là gì? Điều gì đang mất mát giữa giả tạo và thực sự?”

“Chúng chỉ hiện diện,” Rao nói.

“Không, vấn đề trọng điểm là gì?”

“Chúng ta khước từ thấy về chính chúng ta; đang trở thành trong mọi hơi thở của chúng ta,” Achyut trả lời.

“Tôi biết tất cả điều đó, nhưng cái gì đang mất mát? Ví dụ như Rao, anh ấy rất nghiêm túc. Anh ấy có khả năng học hành, vận dụng, anh ấy có thể hy sinh. Anh ấy có khả năng tập hợp những dữ kiện, và anh ấy nói, ‘Tôi sẽ làm gì? Tôi không là bông hoa thực sự.’ Tại sao anh ấy đã trở thành bông hoa giả tạo?”

“Tại sao tôi không có bài hát?” Rao nói.

“Vâng, tại sao không có ngọn lửa? Cái gì đang mất mát? Chúng ta không có tình yêu, ầu không có nó, dù làm bất kỳ việc gì bạn muốn, giả tạo sẽ không bao giờ khiến cho tôi thành thực sự. Chúng ta đã vun đắp trí năng, mà là bông hoa giả tạo. Chúng ta đã xóa sạch sự thật khỏi những gốc rễ của nó. Lúc này, làm thế nào người ta sẽ có tình yêu?”

“Tại sao chúng ta không có tình yêu? Điều này đòi hỏi thông minh lạ thường. Bởi vì tôi không có tình yêu tôi tạo ra những đền chùa và những học viện.” Anh chỉ đến những bông hoa trước mặt anh. “Bông hoa đó vừa nở; bạn thấy nó?”

Rao tiếp tục, “Tình yêu đang mất mát và tôi cứ tiếp tục nói, tôi muốn một hơi thở của nó. Tôi không có tình yêu và tôi đã phung phí ăng lượng của tôi trong việc tạo ra những bông hoa giả tạo. Tôi sẽ làm gì? Nếu tôi không có nó, không có gì còn có ý nghĩa. Tại sao tôi không thương yêu?”

“Tôi biết tôi tồn tại trên một mức độ giả tạo. Bộ não của tôi có thể bàn luận về bất kỳ thứ gì, và tuy nhiên tôi thấy tôi phải có cái khác lạ. Làm thế nào tôi sẽ nắm bắt được nó?” Rao hỏi.

“Trạng thái cái trí của bạn là gì khi bạn nói bạn thấy cái giả tạo và bị choáng váng? Trạng thái khi bạn đòi hỏi cái

khác lạ là gì? Phải có một cách mở cánh cửa. Và phải có một cách thu nhận nó. Làm thế nào? Đó là điều kỳ diệu thực sự. Nó không thể được đặt ở đó. Nó phải là cái gì đó mà không thể trói buộc. Nó không là một sự việc mà tiếp tục. Tôi không thể quan tâm đến nó. Tôi không thể sáng chế nó.

“Tôi chỉ có thể hành động từ trung tâm, mà mở cửa cho cả sự kết thúc và sự sắp sửa hiện diện.

“Tôi không thể cố gắng nắm bắt nó. Khoảnh khắc tôi nói tôi phải có một trải nghiệm về nó, nó phải luôn luôn hiện diện ở đó, tôi không mở cửa cho nó vào.

“Tôi thấy sự giả dối của cái giả tạo, nhưng tôi không có sự thật. Việc gì đang xảy ra cho bạn khi bạn thấy điều này? Khoảnh khắc tôi không còn đùa giỡn cùng cái giả tạo, tất cả những nỗ lực, tất cả những giải thích đã kết thúc,” Krishnaji nói.

“Mọi mong muốn, mọi khao khát để làm đã kết thúc. Tôi cảm thấy thư giãn, vui đùa. Tôi không đang cố gắng nắm bắt,” Rao nói.

“Nó có nghĩa gì, thưa bạn? Bạn đang thấy từ quan điểm gì? Liệu nó được tự do khỏi lý luận?

“Vận hành mà không có nó lộn tẩu duy nhất,” Friedman.

“Vây là bạn sẽ không đùa giỡn cùng cái giả tạo. Bạn có lẽ đùa giỡn cùng nó nhưng bạn vượt khỏi nó,” Krishnaji nói.

“Chúng ta nghĩ rằng dấu hiệu đầu tiên của sự nhạy cảm là suy nghĩ, lý luận. Nhưng suy nghĩ là không có nó. Tôi hành động,” Rao nói. “Thân tâm của tôi cảm thấy có ý thức chỉ khi nào nó được thực hiện qua suy nghĩ. Điều này hao tán hết sinh lực của tôi. Bây giờ tôi thấy điều này rất rõ ràng.”

Krishnaji nói, “Liệu bạn có thể lưỡng lự, ngần ngại giữa bông hoa giả tạo và thực sự? Bạn sẽ thâm nhập mọi thứ rất cẩn thận, bạn sẽ thận trọng. Chỉ khi nào bạn không rõ ràng, bạn mới vấp ngã.

“Chúng ta bắt đầu bằng cách nói chúng ta bị khô cạn. Chúng ta vác theo cùng chúng ta ~~một~~ cái giỏ của những giả tạo. Bạn thấy điều này và gạt nó đi. Bạn được tự do khỏi cái giỏ, mà là cái giả tạo. Trạng thái thực sự của bạn là gì?”

“Tất cả những lợn cợn bên trong biến mất. Phía bên trong người ta, ý thức của năm bắt cái gì đó tan biến. Tôi không còn khô cạn,” Rao nói.

“Bạn không còn khô cạn, mà có nghĩa bạn có một bài hát. Tôi muốn biết trạng thái của phía bên trong, của được tự do.”

“Sau ba tiếng đồng hồ, tôi phát giác rằng chính là tánh giả tạo phải chịu trách nhiệm cho không có sự ấm áp. Trong buồng bỏ tánh giả tạo, trạng thái khô cạn nóng cháy đã biến mất,” Rao trả lời.

“Rất khó khăn khi chuyển tải chất lượng mà hiện diện khi trong đối thoại,” tôi nói. “Có một tích tắc của hiểu rõ, của hoàn toàn là một, một trạng thái nơi sự suy nghĩ đã kết thúc và yên lặng, một mình nó, thức dậy.”

Rao bắt đầu, “Yên lặng không là ý thức thông thường của tôi, những khoảnh khắc của yên lặng rất hiếm hoi. Một sống được đặt nền tảng trên hành động, phản ứng đã không kết thúc cho tôi. Tôi khởi sự hành động tại thời điểm tôi nghĩ nó không là một phản ứng. Sự khác biệt giữa hành động này và hành động như thách thức là gì?”

Krishnaji trả lời, “Sự kiểm tra duy nhất là liệu nó sản sinh phản ứng thêm nữa, liệu có sự tiếp tục của nó. Nếu bạn hạnh phúc bạn sẽ làm mọi việc đúng đắn. Hành động từ hạnh

phúc là một việc. Hành động trong một trạng thái của tự do khỏi không-hạnh phúc có phản ứng riêng của nó; đây không là trạng thái của hạnh phúc. Chúng ta không biết hạnh phúc mà không là một phản ứng. Chúng ta biết hạnh phúc của phản ứng.”

“Tôi không-hạnh phúc và, bởi vì trong khoảnh khắc đã thấy một trạng thái của không-hạnh phúc, tôi bị không-hạnh phúc nhiều hơn. Tôi muốn một kiểu sống mà sẽ làm tự do tôi,” Rao nói.

“Mặc dù tôi sống trong thế giới này tôi muốn sống mà không có không-hạnh phúc cùng những phản ứng của nó. Làm thế nào tôi sẽ thực hiện được nó? Tôi không ở phía bên ngoài của khuôn mẫu này. Tôi thấy nó trong tất cả sự phức tạp. Tôi sống trong cánh đồng đó. Vấn đề của tôi là, tôi muốn sống trong nó hoàn toàn mới mẻ lại, bởi vì tôi thấy sự vô ích của khuôn mẫu và sự khuếch trương của nó. Tôi không thể tẩu thoát nó hay trốn tránh nó. Tôi sẽ làm gì trong khuôn mẫu?” Krishnaji hỏi.

“Vài ngày qua những phản ứng dội lại của tôi đã ít hơn nhiều. Những thôi thúc và những chuyển động đã tan biến dần. Điện áp đã hạ thấp. Tôi có cảm giác của không thiết tha bất kỳ thứ gì. Tôi muốn ngồi một mình,” Rao nói.

“Nó là một cảm giác của co rút lại,” tôi thêm vào.

“Vấn đề là chúng ta đang ở trên cao và sau đó chúng ta rơi xuống cái rầm.” Đây là bình phẩm của Friedman.

“Tại sao bạn ở rất cao và tại sao bạn co rút?” Krishnaji hỏi.

“Tại sao tôi đến bằng một cái chén ăn mỳ? Cái chén ăn mỳ phải biến mất,” Rao nói.

“Cái chén ăn mày phải biến mất và tôi phải sống trong cánh đồng cùng hạnh phúc. Tôi sẽ đến với ông, nhưng tôi không muốn bị lệ thuộc. Tôi sẽ làm gì?”

“Điện áp của sống quá thấp, không có hân hoan,” Rao nói.

“Liệu bạn thực sự cảm thấy nó, giống như một cái thùng không thể chứa đựng nước, mà có nghĩa bạn không có tình yêu? Tại sao bạn không có nó? Có phải rằng theo cảm xúc cái trí của bạn đã mất đi khả năng phục hồi này, rằng bạn cảm thấy chết rồi?”

“Tôi không chết. Tôi vẫn cảm thấy còn sống,” Rao trả lời.

“Tánh đàn hồi hiện diện ở đó, nhưng nó không còn đang co giãn nữa,” Krishnaji nói.

“Có một ý thức của một thủy triều đang xuống,” Rao nói.

“Có phải rằng chúng ta đã chạm đến đáy của những sự việc? Bạn đã đến đó, rằng bạn là không-là gì cả?” Krishnaji hỏi.

“Ông đang nói rằng nếu không có sự khao khát, ông đã đến chiều sâu. Cái trí quá ranh ma. Nó sẽ không thấy điều đó,” Rao nói.

“Bạn đã đến đáy?” Krishnaji đang đẩy.

“Trong tối tăm, tôi thấy một tia sáng le lói, nhưng nó vẫn còn quá mờ không thể sử dụng được,” Rao nói đầy do dự.

“Theo cùng nó,” Krishnaji nói.

“Người ta quá tinh táo đến độ không là bất kỳ thứ gì của cái cũ kỹ, nhưng vẫn vậy người ta không là cái mới mẻ. Những cảm xúc giả tạo đã kết thúc, nhưng hạnh phúc không hiện diện ở đó.”

“Bạn sẽ làm gì? Hãy cho nó nghỉ ngơi. Nó giống như một thửa ruộng đã được gieo hạt và thu hoạch, lúc này hãy để cho nghỉ ngơi không canh tác.

“Tôi cảm thấy rằng nên có một nỗ lực từ phía bên trong và không phải từ phía bên ngoài. Làm thế nào tôi sẽ làm nó? Tôi cảm thấy rằng có một manh mối cho sự huyền bí đó. Nếu chúng ta có thể tìm được nó, chúng ta có thể nhấc nó lên. Mười ngày vừa qua cái gì đó đang xảy đến cho tôi, một việc lạ thường đang diễn ra phía bên trong tôi. Tôi không biết nó đang đi đâu. Nó giống như một con sông đang chảy. Nó đang làm cái gì đó thuộc phần thân thể. Tôi đã không suy nghĩ về nó, và tôi hỏi tại sao nó không xảy ra trong người nào khác? Tôi có một cảm giác nó đang chờ đợi. Khi tôi thức giấc cái gì đó đang xảy ra. Tại sao nó không xảy ra cho những người khác? Nó không là một câu hỏi của khôn ngoan hay ngu đốt. Tôi biết tất cả những lý do mà ngăn cản bạn. Nhưng tôi nói nó giống như đang cùng nhau đi qua cái gì đó. Chúng ta đã cùng nhau trải qua điều này. Chúng ta không thể làm gì thêm nữa. Lúc này hãy chia tay của bạn ra và nhận giấy chứng nhận. Nó thực sự là cùng sự việc sâu thẳm bên trong.”

Anh quay về phía Nandini, “Và tôi muốn biết tại sao bạn không nhấc nó lên. Tôi nói với bạn, hãy cúi xuống và nhấc nó lên.

“Bạn biết về em bé mà họ đã mang đến tôi. Bác sĩ đã nói bộ não của em không hình thành. Nó không thể thấy, không thể cười, không thể nhận ra, và tôi đã sờ vào nó. Cái gì đó đang vận hành rất mạnh mẽ trong tôi.

“Tôi cảm thấy một chày bóng trong bàn tay của tôi và em bé đã bắt đầu cười, nhận ra mọi người. Bạn có thể làm nó. Tất cả mọi việc mà bạn phải làm là nhấc nó lên. Cái sự việc đang vận hành trong tôi cũng sẽ làm việc cùng bạn, hãy nhấc nó lên.

“Chẳng ích lợi gì khi nói rằng bạn không biết làm thế nào. Tôi nói với bạn, hãy nhớ nó lên.”

Những đối thoại kết thúc, và Krishnaji chuẩn bị quay lại Ojai. Vào ngày 10 tháng ba, tại một trong những bàn luận buổi sáng cuối cùng của anh, đây hẳn thiết anh nói về sự cấp bách phải thâm nhập những máy móc thuộc cái trí của anh.

“Sáng nay, tôi đang suy nghĩ liệu tôi có thể hiểu rõ cái trí riêng của tôi và cách nó làm việc như thế nào, tôi có thể nói với bạn, hãy nhìn cẩn thận và bạn có thể có nó.

“Cái trí của tôi làm việc như thế nào? Ngày hôm qua, khi tôi nói về thiên định, liệu bộ não của tôi đang làm việc? Nếu không, vậy thì cái gì đang làm việc? Những trả lời của tôi rất hợp lý. Chúng đã nảy ra như thế nào? Việc gì đã xảy ra? Tôi đã nói rằng suy nghĩ và người suy nghĩ là một. Hệ thống máy móc mà sản sinh suy nghĩ đó là gì? Người ta có thể phỏng đoán và nói rằng chính là cái trí cao hơn mà đang sử dụng tôi, Maitreya, rằng tôi là một phương tiện loan truyền; đó sẽ là một giải thích tốt của Tổ chức Thông thái. Nhưng điều đó không gây thỏa mãn cho tôi.

“Nếu tôi có thể chỉ nó rất rõ ràng cho Achyut, bạn ấy có thể có nó. Cái vật đang vận hành là gì? Ngày hôm qua, khoảnh khắc Rao nói ‘vị trí,’ tôi đã nói ‘chọn lựa.’ Và ai chọn lựa? Không có sự suy nghĩ dần dần, vậy là cái gì đang vận hành?”

“Lần này tôi nghĩ tôi hiểu rõ điều gì Krishnaji đang nói,” Rao nói. “Krishnaji anh biết được khi nào những người lắng nghe anh ở cùng anh. Nhưng điều này sẽ là sự trải nghiệm của bất kỳ người nào chân thật – với Krishnaji nó còn là cái gì đó nhiều hơn nữa.”

“Biết một khán giả và thay đổi, điều chỉnh, việc đó đơn giản. Chúng ta hãy vượt khỏi một chút xiu,” Krishnaji nói.

“Mảnh trí năng mà không cần những quyển sách, không cần hiểu biết là gì?” Rao hỏi.

“Anh luôn luôn mới mẻ. Phải có một cái nguồn sáng tạo luôn luôn đang vận hành. Bản chất của cái nguồn này là gì?” Friedman hỏi.

“Anh đang ở phía trước của con sóng, phía trước của ý thức. Liệu anh nhận biết được cái nguồn sáng tạo đó?” Rao hỏi.

“Anh là một hợp nhất ba ngôi. Có Krishnamurti con người, chính xác như anh ấy là; tiếp theo anh ấy là đạo sư, đang thúc giục, đang ép buộc; tiếp theo anh ấy là sự thật, quyền năng ‘mà là.’ Chúng không tách rời, nhưng ba khía cạnh của cùng sự thật. Câu hỏi là, Krishnamurti là ai?” Friedman hỏi.

“Làm thế nào tôi sẽ khởi sự nắm bắt được cái này mà đang vận hành?” Krishnaji nói.

Rao trả lời, “Từ ngày đầu tiên khi anh nói về chuyên động, từ vị trí không-vị trí, người ta thấy rằng đối với anh trạng thái này là một sự thật khoảnh khắc-sang-khoảnh khắc. Nếu người ta có thể vẫn còn ở đó, vậy thì sự xung đột kết thúc. Nếu tôi thấy điều đó, chất lượng của đang nói là khác hẳn.”

“Làm thế nào một người chuyên tải cú chạm sáng tạo này sang một người khác?” Krishnaji hỏi.

“Việc này không thể thực hiện được ngoại trừ qua sự đồng hóa,” Friedman nói.

“Không, có cái gì đó đang vận hành qua K mà tôi muốn chia sẻ. Tôi biết nó có thể xảy ra được. Tôi cảm thấy nó có thể xảy ra được như ánh sáng mặt trời,” Krishnaji nói.

“Liệu anh đang rút ra một dòng chảy từ một cái nguồn không-bị giới hạn đối với anh? Nếu như thế, làm thế nào chúng tôi có thể mở cái nguồn?” Friedman đang thách thức Krishnaji.

“Từ khởi đầu tôi cảm thấy nó mở toang cho tôi. Nó đã luôn luôn hiện diện ở đó. Khoảng cách mỗi lúc một rõ ràng hơn, rõ ràng hơn, gần gũi hơn – tại sao X không nắm được cái này? Bạn sẽ có nó nếu bạn luôn luôn gần K? Tôi không nghĩ như thế. Tôi muốn thấy nó làm việc như thế nào. Tôi biết nó làm việc như thế nào với tôi. Sáng nay tôi thức dậy cùng một cảm giác. Không có cảm giác ‘cái tôi.’ Sáng mai khi tôi thức dậy sẽ có cái gì đó mới mẻ. Luôn luôn nó cứ tiếp tục. Khi tôi nói nó trào ra. Không bao giờ có một dự trữ rồi sau đó trào ra. Với hầu hết mọi người, dự trữ luôn luôn là cái cũ kỹ. Ở đây không có dự trữ, không có an toàn. K muốn bạn có nó. Làm thế nào nó sẽ được thực hiện? Thậm chí nếu đúng thực là K đã được đào tạo, rằng anh ấy đang được sử dụng bởi Maitreya, thực thể đó nói với bạn, ‘Bạn nên có nó.’ Đang thu nhận tất cả những khác biệt, thực thể đó nói, ‘Đến đây, bạn có thể có nó.’ Anh ấy muốn bạn có nó, vì vậy anh ấy xóa sạch tất cả những phân chia. Tôi cảm thấy rằng nó đang vận hành, tôi cảm thấy cánh đồng mở toang và một số đang ở trong nó.

“Vấn đề của chúng ta là gì? Tôi có nó, bạn không có, và tôi nói bạn có thể có nó. Nhưng nếu bạn hỏi, ‘Liệu tôi có nó? Và sự kiểm tra là gì? Và liệu có một kiểm tra? Làm thế nào tôi có thể biết rằng tôi có nó?’ – vậy thì bạn bị mất hút. Bởi vì không có sự kiểm tra. Bạn hỏi, ‘Liệu điều đó đủ

chưa?’ Chính đang đòi hỏi cho nhiều hơn này mới là vật cản trở.

“Tôi nói với Rao, ‘Hãy ra ngoài đi, thử nó.’ Tôi nhớ nói chuyện đầu tiên tại Madurai. Dr. Besant đã nói với tôi, “Con yêu quý, áp trường của con đúng đắn, những cử chỉ của con đều tốt lành, chỉ là con còn quá ít kinh nghiệm. Mẹ biết con có thể có nó. Hãy đi đi, bắt đầu, nói chuyện, thấy việc gì xảy ra. Thậm chí nếu con tạo ra một hỗn loạn, hãy giữ nguyên tình tạng ngạp ngừng. Vợ i cái này con phải hoàn toàn không-chắc chắn.’ Tôi nói với bạn, bạn đã có nó. Hãy đi mở cửa.

“Đây là như thế trong những liên hệ của tôi. Không bao giờ có một ý thức của quay lại một liên hệ. Không có nơi nương tựa, luôn luôn có một chuyển động thoát khỏi.

“Tôi đã được bảo rằng điều gì tôi nói hôm nay khác hẳn điều gì tôi đã nói lúc trước và điều gì tôi đã là; và tôi sẽ khác hẳn nữa. K là như thế. K không có những điểm cố định để quay lại.”

Tôi gặp Krishnaji một mình sau khi những đối thoại kết thúc. Anh hỏi tôi đang cảm thấy như thế nào. Năm tuần lễ bàn luận đã tác động vào tôi như thế nào? Tôi trả lời rằng tôi đã được để lại với chẳng bao nhiêu ý muốn tự nguyện. Tôi đang cảm thấy rất trẻ trung phía bên trong. Nó giống như được sinh ra lại trong khi vẫn còn đang sống. Tôi cảm thấy bộ phận của cái gì đó mà phải hiện diện. Những sự việc sẽ xảy đến cho tôi, bởi vì chúng đúng đắn và bởi vì chúng được dự định cho; tôi chẳng có thể làm bao nhiêu việc.

Tôi cũng kể với anh về điều gì đã xảy đến cho tôi vào cuối những bàn luận về ý thức. Đối thoại đó đã sinh ra một nhìn ngắm mãnh liệt về cái trí trong suốt ngày; khi tôi ngủ, sự nhìn ngắm tiếp tục. Một đêm tôi có một nhận biết nổ tung

của người suy nghĩ và suy nghĩ là một; có một ánh sáng chói lọi và tôi rơi vào giấc ngủ sâu. Đêm thứ hai, cùng một mảnh liệt của nhìn ngắm tương tự và sự nhận biết của người quan sát và vật được quan sát là một, ánh sáng nổ tung và giấc ngủ sâu. Đêm thứ ba có một khoảnh khắc khi tất cả mọi suy nghĩ bật tắt, một ánh sáng mênh mông và tiếp theo giấc ngủ không mộng mị. Anh nghe tôi nói, nhưng chối từ cho những trải nghiệm đó bất kỳ sự quan trọng nào cả. Anh nói, “Nó qua rồi, chuyển động đi.” Sau đó anh hỏi tôi, tôi dự tính làm gì. Tôi trả lời, “Em không biết, em cảm thấy sự thôi thúc phải viết. Em cũng cảm thấy không muốn làm gì cả.” Anh nói, “Đừng làm gì cả, thấy điều gì xảy ra.”

PHẦN 3

PHƠI BÀY LỜI GIẢNG 1950-1959

CHƯƠNG 16

“Tôn giáo hiện diện khi cái trí đã hiểu rõ những công việc của chính nó”

Vào ngày 11 tháng chín năm 1950, Krishnaji **đ**it cho tôi từ Ojai: “Tôi đã ở đây ba tuần lễ hạnh phúc và cần nghỉ ngơi lâu, bởi vì tôi đã nói chuyện ba năm liên tiếp rồi. Cũng vậy tôi đã quyết định ẩn dật hoàn toàn nguyên một năm mà

không có bất kỳ phỏng vấn nào, những bàn luận riêng tư hay trước công chúng, hay những nói chuyện trước công chúng. Trong chùng mực nào đó, nó sẽ là một năm yên lặng. Vì vậy, tôi sẽ không đến Ấn độ mùa đông này.”

Sự ẩn dật của anh là tuyệt đối. Không những gặp gỡ, không những phỏng vấn. Chính từ Rajagopal mà chúng tôi đã nghe Krishnaji đang quan sát yên lặng hoàn toàn. Từ tháng tám năm 1950 đến tháng mười hai năm 1951, sự tiếp xúc với Ấn độ của Krishnaji chấm dứt. Sau đó, khi được hỏi điều gì anh đã làm trong suốt thời kỳ đó, Krishnaji trở nên mơ màng. Thân thể bị mệt mỏi, phía bên trong anh bị vắt cạn, có lẽ vài tạp nhiễm ô uế, dù tinh tế đến chùng nào, vẫn còn tác động nhẹ nhàng trên sự minh bạch trong suốt của ý thức anh. Và vì vậy, trong duy trì truyền thống huyền bí, anh tự rút lui vào chính mình.

Vào đầu mùa xuân năm 1950, tin tức của việc bác bỏ đơn kiện của Nandini liên quan đến việc ly thân và quyền chăm sóc con cái đã bùng nổ trong báo chí ở Ấn độ. Ngay cả tờ tuần báo *Time* ở Mỹ đã in một đoạn văn có đầu đề, “*Revolt of the Doormat.*” *Phản kháng của những người bị chà đạp.* Nó nói về Krishnaji như Đấng Cứu thế và trích dẫn những nói chuyện của Krishnaji, trong đó anh nói đầy đam mê về vị trí của những người phụ nữ Ấn độ, rằng họ bị đối xử như những miếng thảm chùi chân ở trước cửa. Nó cũng liên kết tên của Krishnamurti với sự đòi hỏi của Nandini để được ly thân người chồng của em. Rajagopal điện tín cho tôi để tìm hiểu liệu tin tức đã xuất hiện trên tờ *Time* là chính xác. Chúng tôi trả lời, đưa ra những chi tiết và bày tỏ sự lo ngại nghiêm trọng vì tên của Krishnamurti đã được đề cập. Khi anh trở lại sau đó vào năm 1950, Krishnaji đổi diện một con bả. Rosalind và Rajagopal không ngắt chặt vấn đề về việc

gì đã xảy ra ở Ấn độ. Những lá thư từ những bạn bè của Rajagopal ở Ấn độ đã nói về “những người bạn mới” của Krishnaji. Rosalind và Rajagopal ắt tức giận và lo lắng và quả quyết phải biết nhiều thêm nữa về những người này. Krishnaji vẫn giữ vẻ mặt mờ.

Những vấn đề cá nhân của Rosalind và Rajagopal đang sâu sắc thêm. Hôn nhân của họ ở tình trạng căng thẳng. Sự yên lặng và không tham gia của anh đã tách anh khỏi trung tâm của con bão.

Nhưng Rosalind và Rajagopal đã đoàn kết lại trong quan tâm của họ về Krishnamurti mới mẻ đang trỗi dậy. Hiểu rõ được bản chất nhạy cảm, nhút nhát và cá tính thụ động của anh. Chẳng mấy chốc Rosalind và Rajagopal nhận biết được sự thay đổi trong anh. Họ chối từ chấp nhận rằng anh đã được tự do khỏi họ. Phản ứng của Krishnaji là trở nên thụ động và yên lặng nhiều hơn, và rút sâu vào bên trong anh.

Tuy nhiên, nó đang trở nên rõ ràng cho họ rằng sự ảnh hưởng mạnh mẽ ở Ấn độ, những người anh đã gặp gỡ, sự tự do mà đã phá vỡ tất cả những kiềm hãm được áp đặt vào anh, đã giới thiệu những yếu tố hoàn toàn mới mẻ trong thái độ của anh đối với con người và những hoàn cảnh. Bởi vì lần đầu tiên anh có những người bạn ở Ấn độ, không liên quan gì đến những quan hệ cũ kỹ của anh. Những người này, mà không có những đòi hỏi nào nơi anh, nhận biết được sự bao la của thiêng liêng thể hiện qua anh. Họ thấy anh bằng đôi mắt trong sáng, không gánh nặng, và mang đến anh một liên hệ của tôn trọng, tình cảm, và thân thiện thăm thẳm.

Krishnaji quay lại Ấn độ mùa đông năm 1951, sau khi vắng mặt gần mười tám tháng. Rajagopal theo cùng anh. Nhiều người bạn Krishnaji đã có được trong những năm trước tụ họp thật đông để gặp anh ở Bombay. Krishnaji vào

phòng, chào hỏi chúng tôi rất trang trọng, cầm tay chúng tôi, nhưng không nói một lời nào. Anh vẫn còn đang duy trì sự yên lặng tuyệt đối. Rajagopal trông rất bất an. Lần đầu tiên chúng tôi gặp anh ấy, và cả anh ấy lẫn chúng tôi đều thận trọng.

Krishnaji không phá vỡ sự yên lặng của anh ở Bombay, và tiếp tục cho đến Madras, nơi anh sẽ có mười hai nói chuyện giữa ngày 5 tháng giêng và ngày 12 tháng hai. Nandini và tôi đi đến Madras và ở Vasant Vihar. Chúng tôi đang sống trong không gian đã được tạo ra bằng cách sử dụng những cái tủ như những bức vách ngăn hành lang; chúng tôi dùng chung phòng tắm với Madhavachari và ăn riêng không cùng với Krishnaji, anh ăn một mình trong phòng.

Rajagopal đã kèm chế được nhiều. Sự liên hệ với Madhavachari của anh ấy cũng đang từ từ trở nên rõ ràng. Rajagopal đối xử thân thiện với Madhavachari, nhưng không tiết lộ điều gì anh ấy có trong cái trí. Madhavachari rất kính trọng, gọi anh ấy là Mr. Rajagopal, thu nhận những hướng dẫn của anh ấy, và thực hiện những mong muốn của anh ấy. Rajagopal đang ở tại Leadbeater Chambers, bởi vì tầng trên của Vasant Vihar đã được cho thuê và không có phòng nào phù hợp.

Krishnaji trở nên mơ hồ khi được hỏi về lý do cho một năm yên lặng của anh, nhưng kể cho Nandini và tôi về Rajagopal. Anh cố gắng thuyết phục chúng tôi hiểu rõ về việc Rajagopal đã hy sinh cho anh như thế nào. Krishnaji rất hối tiếc, lo ngại rằng chúng tôi không trở thành những người bạn với Rajagopal; chẳng mấy chốc, sau bữa ăn tối một gặp gỡ được sắp xếp, và chúng tôi đi đến Leadbeater để gặp anh ấy.

Rajagopal rất lịch sự; nhưng hai mắt của anh ấy, lún vào trong những hốc mắt sâu trong khuôn mặt u ám, âm đạm, nhìn chúng tôi chằm chằm, đang cố gắng đọc được những sắc thái của ý nghĩa mỗi từ ngữ chúng tôi nói. Anh ấy ngờ vực và dò hỏi, và người ta cần một cái trí tinh táo và cảnh giác khi trả lời những câu hỏi có vẻ vô thường vô phạt của anh ấy. Dường như anh ấy đang cố gắng nắm bắt những không tinh táo của chúng tôi. Anh ấy gợi ý rằng, Krishnaji không thể trông cậy được bởi vì anh luôn luôn đang thay đổi cái trí của anh. Rajagopal đã nghe từ Velu, một người hầu đã chăm sóc Krishnaji ở Sedgemoor, điều gì đã xảy ra tại Ootacamund. Vì vậy Rajagopal đã chất vấn chúng tôi trên bốn tiếng đồng hồ, muốn biết mọi chi tiết về điều gì đã xảy ra. Nó là một trải nghiệm gay go và cả chúng tôi lẫn anh ấy đều bị kiệt sức khi sự chất vấn kết thúc.

Về sau chúng tôi sẽ khám phá một khía cạnh khác của Rajagopal. Anh ấy có vẻ chú ý nhiều đến chúng tôi. Anh ấy nồng nhiệt và biểu lộ sự triu mến với chúng tôi và chúng tôi trở thành những người bạn. Những năm sau, anh ấy sẽ nói với Nandini rằng thật đáng tiếc khi họ gặp nhau dưới cái bóng của Krishnaji. Anh ấy có một cái trí sâu sắc và thông minh cực kỳ của miền Nam Ấn độ. Nhạy cảm với sự vô trật tự và dơ bẩn thuộc bất kỳ loại nào, mặc sạch sẽ trong một *pyjama* và *kurta* trắng tinh được hồ cứng, anh ấy nói và chuyển động bằng sự đứng đắn thanh lịch.

Krishnaji và Rajagopal sẽ đi đến Châu Âu và Mỹ trước mùa xuân năm 1952.

Tháng bảy năm 1952, thân thể của Nandini, mà đã chịu đựng sự căng thẳng của năm năm bị nhục nhã và sự đau khổ phải xa cách con cái, bị kiệt sức. Em phải chịu áp lực từ nhiều phía: thái độ độc đoán của người chồng cũ khi Nandini

được phép gặp con cái; thái độ không bằng lòng của những người lớn tuổi quanh Krishnaji. Em bị bệnh nguy kịch bởi ca ung thư ở tử cung phát triển nhanh và phải được chuyển sang Anh để giải phẫu khẩn cấp.

Tôi gửi một điện tín đến Krishnaji báo về tin tức đó. Không thư trả lời. Như thể là anh đã biến mất, và tất cả mọi liên hệ với chúng tôi ở mức độ phía bên ngoài đã chấm dứt. Tuy nhiên, sự hiện diện yên lặng của anh có thể cảm thấy được suốt những thời điểm bị rắc rối của chúng tôi, và cùng nó có một sức mạnh vô biên và năng lực để đối diện với tai họa.

Ở London, Nandini được cho biết về căn bệnh ung thư tàn phá mà đang hủy hoại thân thể của em. Phải đối diện với cái chết chắc chắn xảy ra, em nhận tin tức này bằng sự yên lặng thăm thẳm. Em kể cho tôi rằng, trong những khoảnh khắc nào đó, bộ não của em trở nên hoàn toàn bất động và được tự do khỏi tất cả suy nghĩ và cảm giác. Suốt thời gian chờ giải phẫu trong một căn phòng ở khách sạn, nơi em đã trải qua một ca xuất huyết nặng, chẳng có bao nhiêu suy nghĩ – không-sợ hãi, không-lo âu, không-quan tâm đến ngày mai. Ngày hôm trước giải phẫu, qua điện thoại em nói chuyện với con cái ở Bombay bằng sự dịu dàng và quan tâm về hạnh phúc của chúng.

Sau đó, em kể cho tôi rằng khi em ở trong trạng thái bị gây mê em nghe âm thanh của tiếng cười vang rền, mà tiếp tục suốt ca giải phẫu. Không bị ngăn cản khỏi ý thức. Em biết điều gì đang xảy ra. Em thấy mình đang đi bộ trong những cánh đồng cỏ xanh mướt, những cơn gió dịu dịu, đang vờn vờn em, và âm thanh của những tiếng chim hót phủ kín hai tai em. Em cảm thấy một hiện diện bảo vệ vây quanh và ôm ấp em. Sự bảo vệ không phải để giữ gìn cho em sống, nhưng

ở cùng em trong chết hay sống. Sự bảo vệ, sự hiện diện, ở trong con dao của người bác sĩ giải phẫu.

Tôi ở cùng em ngày hôm sau, khi em được báo cho biết rằng bác sĩ giải phẫu cho em đã bị đột quỵ và mất hết khả năng. Trong hai ngày em không có ợ chăm sóc về y tế. Sau giải phẫu, bất kỳ nơi nào em quay mặt, sự bảo vệ ở đó – bên trái của em, bên phải, trên và dưới, em cảm thấy sự tiếp xúc của nó. Một vài ngày sau giải phẫu, em ngồi thẳng trên giường, chân kiết già, và hơi thở của yên lặng đi vào em. Có một ngày người bác sĩ phụ tá trẻ bất ngờ vào phòng. Thấy em, anh ấy hỏi, “Cô là một yogi à?”

Giống như một con suối ngầm có nước chảy trong xanh, không trông thấy được tuy nhiên lại tràn đầy sức sống, những năm tháng của Nandini đã trôi qua. Sống cùng người mẹ trong những năm 1950, em bất ngờ tìm được hai bé gái mồ côi nhỏ xíu của vùng lân cận. Cơ cực, chúng sống với một bà cô xa, nhưng lang thang suốt ngày ngoài đường phố. Bị tước đoạt khỏi con cái riêng của mình, Nandini đã nhận nuôi hai bé gái và bắt đầu một trường chơi đùa nhỏ cho chúng và cho những trẻ em nghèo khổ khác ở vùng lân cận. Sau đó, trường này chuyển đến hai garage gần bên. Chẳng mấy chốc trẻ em những vùng chung quanh bắt đầu tràn vào – ngày nay có 150 trẻ. Những giáo viên và những người giúp đỡ cùng đến. Ngôi trường, Bal Anand, cung cấp cho những trẻ em đường phố một không gian sáng tạo trong một vùng đất trái ngược hẳn được xây dựng bằng bê tông buồn thảm. Sống một mình trong nhiều năm, Nandini đã là điểm nút yên lặng của trường. Những đứa trẻ ngồi quanh em nói chuyện, giỡn cợt, và vui đùa. Chúng được dạy nhạc, múa, đan, vẽ, ngôn ngữ, kịch, khoa học, và chút ít số học. Sau hai mươi năm, Bal Anand đã trở thành bộ phận của Krishnamurti

Foundation, Ấn độ, và Nandini đã trở thành một thành viên của tổ chức. Bởi vì con cái của em đã trưởng thành, chúng đã quay lại với em, tuôn tràn tình thương và sự bảo vệ.

Nandini vẫn còn là một trong những người bạn thân của Krishnaji, theo cùng anh đến một số trung tâm khi anh ở Ấn độ và tiếp tục thư từ khi anh không ở đây. Tóc của em đã bạc. Em vẫn giữ vẻ yếu đuối, đẹp, vô danh.

Như một phần trong chương tình ở Ấn độ của anh, người ta quyết định rằng Krishnaji và Rajagopal sẽ tham gia một bàn luận nhóm ở Poona mùa đông năm 1952. Rao Sahib Patwardhan đã sắp xếp một gặp gỡ của những bạn bè của ông tại Vithal Wadi, nơi Achyut đang sống trong một ngôi nhà vùng quê nhỏ lẫn trong những quả đồi có rừng, sau khi anh chia tay Đảng Xã hội năm 1950.

Những người tụ họp tại Vithal Wadi cho những bàn luận xuất thân từ những nền quá khứ khác nhau. Giáo sư Dhopeshwarkar dạy triết học tại Poona University. S. M. Joshi là một người Brahmin Chitpavan khổ hạnh, chính trực, một người Xã hội và một thành viên hoạt động của Sarva Seva Sangh. Anh ấy và Rao Sahib Patwardhan là những người bạn thân và đã tham gia nhiều trại làm việc với những hội viên tự nguyện của Sarva Seva Sangh. Mangesh Padgoukar, một thi sĩ, là một trong những người tham dự, cùng Durga Bhagwat. Durga Bhagwat, một người viết văn và nhân loại học đã làm việc với Verrier Elwin ở Madhya Pradesh, là một phụ nữ gầy và lùn có một khuôn mặt xương xẩu. Cứng rắn cả phần thân thể lẫn tinh thần, bà không ập gia đình, có năng lượng vô hạn, và cảm thấy mãnh liệt về những vấn đề nghèo khổ ở Ấn độ. Bà tận tụy làm việc giúp Rao Sahib. Madhavachari từ Madras đến tham gia những bàn luận, cùng Padmabai và

Sanjeeva Rao. Pandit Iqbal Narain Gurtu từ Varanasi và L. V. Bhavé từ Thana. Tôi là một phụ nữ thứ hai có mặt.

Rao Patwardhan chấp thuận tôi, và qua hai năm anh ấy đã trở thành một người bạn thân. Một cách cuốn hút và sâu thẳm, bản chất khắc khổ của anh ấy đã đáp ứng nền quá khứ và những thái độ hoàn toàn trái ngược của tôi. Chúng tôi bàn luận về vẻ đẹp, nghệ thuật, cái trí phương Tây, và những sáng tạo huyền ảo của Ấn độ. Lần đầu tiên, tôi đã thiết lập một tiếp xúc mật thiết với một người trí năng Brahmin truyền thống, một cách sống không liên quan gì đến những năm đầu đời của tôi như người con gái của một công chức hay đối với cuộc sống tôi theo đuổi trong môi trường xã hội của Bombay.

Sunanda, người trước đó đã kết hôn với Pama, một trong những người em của Rao Sahib và Achyut, được nhận xét bởi Rao Sahib, tộc trưởng, là không đủ chín chắn và không được mời tham dự hội thảo. Nandini cũng không được mời. Vẻ đẹp kinh ngạc, tánh đơn giản, và chất lượng trẻ con của em được kết hợp với sự kiện rằng em đã kết hôn trong một gia đình giàu có, khiến cho Rao rất khó khăn để chấp nhận sự kiện rằng em nghiêm túc. Sumanda đã được yêu cầu bởi Rao để chăm lo những sắp xếp cho ăn uống và những nhu cầu khác của Krishnaji. Sống rất thanh đạm, những căn phòng nhỏ xíu; chẳng có bao nhiêu thú vị.

Krishnaji, nhận biết được sự đau khổ của Sunanda khi không được tham gia bàn luận nhóm, biểu lộ nhiều thông cảm. Anh nói chuyện nhiều với em ấy và cùng em ấy dạo bộ trong rừng. Thái độ của anh đối với em ấy giống như đối với một người con gái ruột thịt yêu quý của anh. Rajagopal rất thận trọng, cảnh giác, nôn nóng. Người ta có thể nghe được giọng nói của Rajagopal sang sang trong tranh luận sôi nổi

trong căn phòng của Kris hnaji. Gọng nói của Krishnaji không bao giờ được nghe rõ.

Những bàn luận tiếp tục trên một tuần lễ. Mỗi buổi sáng và buổi chiều chúng tôi tập họp tại Vithal Wadi. Krishnaji đang đối diện với những cái trí ương ngạnh bám rễ và cố thủ trong những nguyên tắc về phục vụ xã hội của chủ nghĩa Marx. Bàn luận luôn luôn chạm đến chủ đề nghèo khổ và nhu cầu cho hành động xã hội. Điều này có thể hiểu được trong một quốc gia nghèo khổ cực kỳ như thế. Nhưng những cái trí đã thấm lợm hiểu biết thuộc trí năng cũng dư thừa thông minh để nhận ra rằng tại một mấu chốt nào đó sự tiếp cận theo hướng của họ bị ngăn cản bởi những xung đột, những thôi thúc, và những nghèo khó bên trong riêng của họ. Dần dần, bằng sự kiên nhẫn vô hạn, Krishnaji dò dẫm vào bản chất của cái trí, hành động xã hội, suy nghĩ và người suy nghĩ, và sự yên lặng. Anh nói với những người Xã hội rằng vấn đề của lương thực, chỗ ở, và quần áo không bao giờ có thể giải quyết được tại những mức độ thuộc học thuyết. Nó chỉ có thể kết thúc khi những nhu cầu không được sử dụng cho những mục đích thuộc tâm lý, nhưng giải quyết trên mức độ cần thiết riêng của nó. Mặc dù những người Xã hội cứng đầu vẫn còn bị trói buộc vào những chỗ ẩn núp của họ, họ không còn cảm thấy an toàn trong những vị trí của họ nữa.

Vào cuối tuần chúng tôi đi theo những phương cách riêng của chúng tôi. Trong nhóm người đã tập họp lại, tất cả đều có thái độ thụ động buông trôi ngoại trừ Patwardhans, Friedman, tôi, và những người bạn cũ của Krishnaji đã theo cùng anh từ những ngày ở Tổ chức Thông thái. Sự kiện rằng những bàn luận có một tác động vào những cái trí ương ngạnh của những người Xã hội và những người học thức là điều hiển nhiên. Giáo sư Dhopeshwarkar đã viết nhiều quyển

sách về những lời giảng của Krishnaji. Nhiều năm sau, S. M. Joshi sẽ nói với tôi rằng những người Xã hội ở Ấn độ từ năm 1934 bị chi phối bởi sự suy nghĩ của phương Tây và những lý luận biện chứng của nó. Marx trở thành điểm trọng tâm từ đó tất cả những suy nghĩ Xã hội tỏa ra. Họ không thể thấy rằng khi áp dụng vào những điều kiện của Ấn độ, vị trí của Marx thiếu một nền tảng quan trọng. Chủ nghĩa Marx phương Tây không có vị trí cho chủ nghĩa nhân đạo. S. M. Joshi nói rất quan tâm đến chủ nghĩa xã hội của anh ấy đã luôn luôn kèm theo liệu rằng con người có thể phát triển trọn vẹn. Vì vậy có một yếu tố đạo đức được kết hợp vào quan điểm của Xã hội. Năm 1948, những người Xã hội bị hoang mang và ở trong một trạng thái tiên thối lưỡng nan. Họ thấy rằng những mục đích biện minh cho những phương tiện trong tư tưởng của Marx. Điều này không thể hoàn toàn được chấp nhận đối với S. M. Joshi. Trong khở t ù, giữa năm 1944 và 1945, trong chốc lát có lẽ anh ấy đã cảm thấy rằng những kết thúc có biện minh cho những phương tiện; nhưng điều này không làm thỏa mãn anh ấy và anh ấy rất bị hoang mang. Những bàn luận cùng Krishnaji của anh ấy có một ảnh hưởng giải thoát vào anh ấy. Anh ấy nói, chúng “đã giúp đỡ làm minh bạch thái độ của tôi đối với sự bất công – giúp đỡ tôi đối diện với sự hoang mang và thắng thế nó bằng sự minh bạch.”

Trong khi tôi ở Poona để tham gia những bàn luận tại Vithal Wadi, tôi phát giác chính mình đang nhìn ngắm bằng sự chú ý liên tục. Tôi đang nhìn ngắm chuyển động của suy nghĩ và cảm giác khi chúng nảy sinh bên trong tôi. Tôi cũng nhìn ngắm việc gì ở phía bên ngoài của tôi – những khuôn mặt của mọi người, một chiếc lá, một viên đá. Khi đang dạo bộ một mình trong cánh rừng quanh Vithal Wadi, bỗng nhiên tôi phát giác chính mình đang chạy. Nó là một buổi chiều bắt

động. Tiếng hót của một con chim chông lên những tiếng hót của những con chim khác; tiếng vo ve của những con muỗi và tiếng gáy của những con dế, một tiếng nói xa xa, âm thanh của những nhịp tim đập của tôi xuyên thủng vào tôi, trong khi mùi hương nồng của hoa xoan, hoa tulsi, và vô số hoa nhài quét qua tôi như một cơn gió mạnh. Tôi trôi nổi trong một đại dương của màu sắc đang bùng nổ. Màu xanh sinh động của chiếc lá cây đa, màu xanh tươi sáng của cây sung, màu xanh chớm hồng của nụ xoài, màu xanh ửng nhạt của một chồi xương rồng, trở thành một cùng âm thanh; lấp kín hai lỗ mũi của tôi, hai tai của tôi, hai mắt của tôi, miệng của tôi. Tôi phát giác rằng tôi đang đứng trước một bụi xương rồng và đang khóc sụt sùi, không đủ sức gánh vác hay chứa đựng sinh lực của một buổi chiều mùa xuân đó. Sự phong phú của vẻ đẹp, đậm đặc như mật ong, nằm trong hai mắt và hai tai của tôi trong nhiều ngày. Trong đang thấy, vẻ đẹp đã thức dậy; cái gì được thấy không quan trọng. Sự mãnh liệt tan biến từ từ khi ngày qua ngày, nhưng vẻ đẹp đang đâm đương những lối ra vào của giác quan, đã sinh ra một nhận biết mà hiếm khi nào từ bỏ hai mắt của tôi.

Từ Vithal Wadi ở Poona, Krishnaji và Rajagopal đi đến Rishi Valley. Ngôi trường đã mở cửa lại với Pearce, một người giáo dục và thuộc Tổ chức Thông thái cũ, đảm trách vị trí hiệu trưởng. Ông đã tập hợp được một nhóm những giáo viên trẻ tuổi nhiệt huyết quanh ông. Rishi Valley nằm tại vành đai nghèo khổ của Rayalaseema ở Andhra Pradesh. Miếng đất rất cằn cỗi. Miss Payne đã đào những cái giếng, nhưng cây cối vẫn còn phải được trồng – hàng ngàn cây cối trong nhiều năm đã biến thung lũng này thành một ốc đảo xanh tươi từ miếng đất cằn cỗi. Những quả đồi chung quanh được hình thành từ đá và đá lóng có kích cỡ to lớn. Bị xé nát

và tạo thành gồ ghề bởi gió và thời gian, chúng đã có được hình dáng như điêu khắc; những đá láng không lồ được thẳng bằng một cách chòng chành trên những tảng đá, một trong số những tảng đá cổ xưa nhất trong thế giới. Những màu sắc của bình minh và hoàng hôn trên thung lũng là những tấm thảm của màu cà sa và màu tím của thạch anh; không khí trong xanh và không bụi bặm. Bất kể sự cằn cỗi của đất đai và dân

số thưa thớt, vùng đất này trải dài từ Anantpur ở một đầu và Tirupati ở đầu còn lại và được điếm tô bởi những điện thờ *siddhas*. * Madanapalle cách ngôi trường hai mươi cây số.

Tại trung tâm của Rishi Valley là một cây bồ đề rất lâu năm, giống như một ngôi đền; những rễ của nó đã hình thành những cái cột, những cành cây của nó là nơi ẩn náu của những chú khỉ, và những con rắn hổ mang trú ngụ trong những cái hố tại chân của nó. Một sân khấu đã được dựng lên quanh cái cây, nơi trẻ em nhảy múa giữa nhiều thân cây và núp trong những cái hố. Chẳng có bao nhiêu chim chóc, bởi vì cây cối dùng để thu hút chúng vẫn chưa được trồng.

Chỉ có ba mươi trẻ em theo học tại trường, nhưng những vấn đề của trường đó lại quá nhiều. Những giáo viên

* *Siddhas hay sitters*, như chúng được biết đến ở Nam Ấn, bao gồm những người ảo thuật hay những người theo quyền năng tâm linh của Phật giáo, những người thức dậy của *kundalini*, cùng sự liên quan mật thiết giữa cây cỏ và những khoáng sản. Khi phải đối diện bởi những người xâm lăng họ đã chạy trốn khỏi những tu viện Phật giáo của Vikram Sila và Nalanda, tìm ~~ở~~ nơi ẩn náu ở Andhra Pradesh và Tamilnada.

tổ chức những bàn luận lâu về vai trò của uy quyền, tự do và trật tự. Không giải pháp nào có thể chấp nhận được, bởi vì những vấn đề đang sống, đang chuyển động trong dòng chảy; và những quan sát của những người tham gia phải chuyển động, chất vấn, theo dõi – với cùng sự mau lẹ như vấn đề và nhiều sắc thái của nó. Trong khi đó, những báo cáo đã đến Krishnaji về những xung đột đang nảy ra ở Rajghat, và anh gửi một điện tín cho Achyut tại Vithal Wadi, yêu cầu anh ấy đến Rishi Valley để gặp anh.

Achyut hồi âm mau lẹ đến điện tín của Krishnaji và đến Rishi Valley. Dắt anh ấy qua một phía, Krishnaji đề nghị với Achyut rằng anh ấy nên làm việc tại Rajghat ở Varanasi. Mảnh đất bên kia sông đang nằm yên không được sử dụng. Mặc dù đã tìm được những thông tin để bắt đầu vài đề án về nghiên cứu nông nghiệp, sự thiếu thốn công nhân đã khiến cho những mảnh đất vẫn còn chưa được canh tác. Sanjeeva Rao và Pandit Iqbal Narain Gurtu, cả hai đều là những người kết giao thân thiết của Mrs. Besant, người đã rời Tổ chức Thông thái cùng Krishnaji, đã điều hành Rishi Valley Trust từ khởi đầu của nó. Họ đang già nua và một người mới được cần đến. Krishnaji bảo với Achyut rằng anh ấy sẽ phải làm nhiều việc, những học viện sẽ phải được xây dựng, đất đai phải được cứu thoát. Nhưng đó không là và không nên là lý do cho Achyut đi đến Rajghat.

Cái trí của Achyut, Krishnaji nói, bị tắc nghẽn bởi hội chứng về công việc xã hội. Nó ở trong máu huyết của anh ấy.

“Lấy nó ra khỏi máu huyết của bạn. Chuyển động sâu thẳm của sự thay đổi phải xảy ra tại trung tâm. Nếu trung tâm không thay đổi, tất cả công việc xã hội đều vô ích. Không bao giờ mất đi tầm nhìn này, trong khi bạn ở tại Rajghat. Đừng để công việc chôn vùi bạn và làm tối tăm chức năng cơ

bản của bạn, mà là thay đổi tổng thể tại trung tâm. Một trạng thái cảnh giác của cái trí phải hiện diện ở đó.”

Achyut đồng ý đi. Những từ ngữ của Krishnaji đã thấm sâu. Anh ấy thấy sự vô hạn của Krishnaji như một người thầy; nhưng đối với Achyut, cùng nền quá khứ Xã hội của anh, lời giảng của Krishnaji có thể chỉ dành cho một ít người. Anh ấy cảm thấy rằng sự hiện diện của Krishnaji phải ngấm vào mảnh đất Rajghat. Nó là mảnh đất thiêng liêng – Buddha đã đi trên đó. Krishnaji đã đứng và nhìn ngắm bình minh trên khúc quanh của con sông, vị trí thiêng liêng nơi sông Ganga bắt đầu chuyến hành trình về hướng bắc – quay trở lại nguồn của nó. Thiêng liêng này, cái nằm sau từ ngữ của Krishnaji, từ bi chan chứa này, phải được chuyển tải không từ ngữ sang người dân làng, người chài lưới, người dệt vải, người nông dân canh tác trên mảnh đất thiêng liêng của con sông Ganga. Cái trí có giáo dục về chính trị của Achyut thấy rằng nếu không có cái này, không thể có sự ổn định ở Rajghat và không công việc với lời giảng có thể xảy ra được. Nền quá khứ và đời sống chính trị của Achyut là một huyền thoại. Được chuẩn bị đấu tranh cho sự tự do qua việc sử dụng bạo lực, anh ấy đã trải qua tất cả hành động cách mạng phía bên ngoài lẫn bên trong. Tên của anh ấy được vang dội bởi sự đam mê và ngọn lửa của sự đấu tranh cho tự do. Và lúc này *vira*, người chiến binh, trong tinh thần đã khoác vào chiếc áo cà sa – một thay đổi hoàn toàn của những vai trò mà kích thích sự suy nghĩ của Pandit Jawaharlal Nehru, và nhiều đồng chí Xã hội của anh. Không thể có một vật liệu tốt lành hơn Achyut để làm việc trong những ngôi làng của Ấn độ.

Achyut đi đến Rajghat. Từ khoảnh khắc đầu tiên, anh ấy hoàn toàn không hài lòng với ngôi trường tâm thường dành cho trẻ em giai cấp trung lưu được điều hành bởi Trust;

và thế là anh quyết định làm việc để thành lập một bệnh viện nông thôn dùng phục vụ những nhu cầu của những ngôi làng ở vùng chung quanh. Đây là phản ứng xã hội đầu tiên của Achyut đối với sự xây dựng một trung tâm tôn giáo. Anh ấy bảo với tôi rằng “nó là một cử chỉ thân thiện khi đáp ứng không điều kiện cho những người nghèo khổ và thiếu thốn.” Sau đó, Dr. Kalle, một F.R.C.S. *, một viện sĩ thuộc viện giải phẫu của hoàng gia nước Anh và một người có nhiều từ bi, tham gia cùng Achyut để làm việc trong bệnh viện.

Achyut, giống như tất cả những người Ấn độ, có một tình yêu mãnh liệt của đất đai. Đối với anh, đất là mẹ. Thế là bây giờ cái trí của anh hướng về mảnh đất. Đất của sông Ganga màu mỡ, hoa màu lại kém cỏi. Những hẻm núi và không có sự chăm sóc đang làm ảm đạm mảnh đất màu mỡ. Nó đã bị bỏ bê và bóc lột. Anh ấy lên kế hoạch xây dựng trường nông nghiệp cho những người con trai của nông dân – Sir V. T. Krishnamachari, phó chủ tịch của ủy ban kế hoạch, ủng hộ sự tiếp cận của Achyut. Chẳng mấy chốc trường nông nghiệp bên kia sông Vanura hiện diện, mảnh đất được làm đường vòng quanh đồi núi, những cái giếng được đào. Ở đó Achyut sống trong một căn nhà nhỏ, không điện và phương tiện vệ sinh nguyên thủy. Người bạn đồng hành chính của anh ấy là Dr. Kalle, người cũng sống trong một căn nhà nhỏ đối diện nhà của Achyut. Chính là Dr. Kalle, cùng sự ủng hộ của Achyut, sẽ thành lập trung tâm y tế và bệnh viện cho những người nghèo sống nơi những ngôi làng quanh Rajghat.

Đối với Achyut, bắt đầu trường nông nghiệp là một hành động tượng trưng, mang chứng cứ rằng mảnh đất, mảnh đất cổ xưa thiêng liêng, con sông, chu kỳ bốn mùa, đang

*

sống, tánh thiêng liêng đang gục hồi sinh. Kasi, thành phố thiêng liêng nhất và cổ xưa nhất trong những thành phố ở Ấn độ, là mảnh đất trong đó hạt giống của cái mới mẻ nằm ngủ im lìm. Nó đã chờ đợi sự xuất hiện của Người Thầy trong hàng thế kỷ. Tiếng nói của Krishnamurti được nghe lại, và hạt giống đang ngủ im lìm thức dậy.

Khoảng thời gian này Dr. Ram Dhar Misra, một người toán học khoa trưởng khoa toán của Lucknow University, sẽ tham gia cùng Achyut trong công việc của anh ấy. Ram Dhar Misra là một cử nhân, và đã quyết định từ bỏ nghề nghiệp của anh ấy để trở thành một thầy tu Phật giáo. Anh ấy đã gặp Achyut, nghe về những lời giảng của Krishnamurti, từ bỏ quyết định khoác vào chiếc áo cà sa, và đến Rajghat. Anh ấy chia sẻ căn nhà nhỏ cùng Achyut. Và khi Dr. Kalle bắt đầu bệnh viện, Dr. Misra làm trợ tá, lau chùi những vết thương, băng bó những bệnh nhân. Không công việc nào hèn hạ; bằng mọi phương cách, nhiệm vụ của anh ấy là làm cho bệnh viện nông thôn có thể vận hành được. Một mực, uyên bác trong toán học và trong những quyển sách thiêng liêng của Ấn độ, anh ấy có một đồng cảm gần gũi cùng những sự vật tăng trưởng – cây cối, những bụi cây, hay đám cỏ đang nở hoa. Anh ấy rất khó tính về thức ăn và thường mời bạn bè dùng một bữa điểm tâm của Varanasi gồm có *jalebis* (mứt si rô thơm ngát), *kachoris* (bánh bột mì nhồi rau thơm), và đậu tươi ngon, mà anh ấy nấu rất khéo.

Khoảng thời gian này Vinoba Bhave, một trong những người trợ lý được tin cậy nhất của Gandhiji, đã bắt đầu phong trào Bhoodan của anh ấy. Anh ấy đã bắt đầu *pada yatras*, một hành hương, đi bộ từ làng này qua làng khác, xin những người chủ đất quà tặng đất đai cho những người nghèo khổ và những người không có đất canh tác. Phong trào phù hợp

những đặc điểm của Ấn độ, nơi cách cư xử hào hiệp, hành động của thần thánh, hy sinh, và những thái độ đạo đức được đan dệt vững chắc trên khung cử của truyền thống và hành động xã hội.

Vô số những người trẻ, bị đảo lộn bởi sự ám sát Gandhiji và không biết quay về đâu, theo sau Vinoba Bhave. “*Sarva bhoomi gopal ki*, tất cả đất đai đều thuộc về Thượng đế,” những môn đệ của anh ấy hát lên. Vinobaji, một người khổ hạnh có râu quai nón, gầy dơ xương, hóc hác đi bộ theo những con đường đầy bụi bặm của làng mạc Ấn độ, ăn đạm bạc, không đòi hỏi bất kỳ thứ gì cho anh ấy. Chỉ ở Ấn độ mới có thể nhìn khi người ta hài lòng, mà không có ý thức của cái tôi. Thật ra, cách cư xử khác thường được hiểu là hòa hợp với chất lượng của thần thánh. Trong một khoảng thời gian, phong trào Bhoodan bùng nổ ở Ấn độ. Ảnh hưởng lan tràn dần dần được cảm thấy khắp mọi nơi. Những bộ trưởng chính và những người trí thức, những người nghèo khổ và những người giàu có, đi bộ rất xa xôi, cùng vị thánh của Paunar, một ngôi làng ở Maharashtra nơi Vinobaji có *ashram* của anh ấy. Rao Sahib và Achyut Patwardhan bị tác động rất nhiều bởi phong trào Bhoodan. Họ cảm thấy rằng Vinoba đang giới thiệu một cách mạng mới, thái độ không bạo lực đối với sự nghèo khổ. Từ những ngày xa xưa nhất những ngôi làng của Ấn độ đã trao tặng sự hào phóng của chúng, sức lao động của chúng, và những khả năng tinh xảo của chúng cho những người cư ngụ của thành phố. Achyut cảm thấy qui trình này phải được đảo ngược.

Qua công việc của Achyut tại Rajghat, trong một ý nghĩa nào đó, anh ấy đang bắc nhịp cầu giữa ảnh hưởng những lời giảng của Krishnaji đối với những phản ứng bị quy

định riêng thuộc nền quá khứ Xã hội của anh ấy và ảnh hưởng tức khắc của Vinoba Bhave.

Krishnaji đi cùng Rajagopal đến Bombay đầu năm 1953. Họ ở với Ratansi Morarji trên Carmichael Road. Bầu không khí thương yêu của những ngày xa xưa đã không còn nữa. Krishnaji rút lui và dành nhiều thời gian trong phòng của anh, một mình. Hiếm khi nào nghe được tiếng cười của anh, nhưng giọng nói đang bị kích động và tức giận của Rajagopal lại thường được nghe thấy từ căn phòng của Krishnaji.

Krishnaji đang thực hiện vô số những phỏng vấn, gặp gỡ những khát sĩ, những sinh viên học sinh, những người đàn ông và đàn bà chất đầy đau khổ và sự cô độc của tuổi già. Anh đang tổ chức những nói chuyện tại khuôn viên của J. J. School of Art; những nhóm bàn luận nhỏ đã bắt đầu, nhưng anh không còn đến và ngồi trong phòng khách mỗi buổi sáng và buổi chiều nữa. Những buổi hát Krishnmurti tham gia cũng kết thúc. Rajagopal có vẻ đang quyết định việc gì Krishnaji có thể làm hay không thể làm. Tại thời điểm đó, Rajagopal rất thân thiện với Jamnadas Dwarkadas, người, với tình yêu và sự thành tâm sâu kín về Krishnaji, phản ứng lại rất mạnh mẽ và tức giận bởi những lời nói bóng gió của Rajagopal. Jamnadas không bao giờ kể cho chúng tôi những gì Rajagopal đã nói nhưng ám chỉ rằng anh ấy đã buộc tội Krishnaji rất gay gắt. Rajagopal rất thân thiện với tôi, nhưng chúng tôi có những tranh luận lâu về những công việc xuất bản sách, những tổ chức, và sự ưa thích. Thịnh thoảng chúng tôi bất đồng ghê lắm. Tôi không quen thuộc với những thái độ lén lút trong những học viện công chúng. Rajagopal hung hăng và chối từ trả lời những câu hỏi. Anh ấy muốn biết mọi thứ, nhưng lại không sẵn sàng để tiết lộ bất kỳ điều gì. Tôi

nói với anh ấy rằng tôi không thể làm việc với anh ấy nếu vẫn còn có những tình trạng như thế.

Tuy nhiên, những nói chuyện của Krishnaji lại không mang bất kỳ dấu vết nào của vũng xoáy đang quay cuồng tại nơi cư ngụ của Ratansi.

Khoảng thời gian này xảy ra một biến cố sẽ phóng ra một mũi tên của nguyên nhân mà cuối cùng dẫn đến một tan vỡ hoàn toàn giữa Krishnaji và Rajagopal. Bị quấy rầy bởi Rajagopal, với những cãi ọ đang xảy ra hàng ngày, Krishnaji bị bắt buộc phải nói điều gì đó mà đã gây ảnh hưởng sự hòa hợp cá nhân của Krishnaji. Sau khi đã nói nó, Krishnaji nhận thức ra được toàn bộ những hàm ý của nó. Đó là lần duy nhất tôi thấy Krishnaji đau khổ vô cùng.

Anh yêu cầu chúng tôi lái xe đưa anh đến bờ biển Worli. Chúng tôi dạo bộ dọc theo bãi biển; thủy triều đang lên và có gió mạnh. Trong những ngày đó bãi biển Worli bị bỏ hoang. Krishnaji đi trước chúng tôi thật xa, hoàn toàn yên lặng, cách biệt. Anh ngừng lại và chờ chúng tôi. Quay mặt về hướng chúng tôi, anh đứng yên một lúc, sau đó chấp hai tay trước ngực và nói, “Meaculpa.” “Lỗi lầm riêng của tôi.” Anh biết rằng chúng tôi đã hiểu. Sau đó, như thể từ thật xa, chúng tôi nghe tiếng nói của anh, “Những từ ngữ đã được nói ra, mũi tên đã tăng tốc độ, tôi không thể làm bất kỳ việc gì về nó. Nó sẽ tìm ra mục tiêu của nó.” Anh sẽ không bao giờ nhắc lại biến cố đó nữa.

Trong suốt những ngày tiếp theo, những nói chuyện và những bàn luận ít người bắt đầu lại. Krishnaji nói về sự cần thiết phải được chú ý bất động trong bất kỳ trạng thái nào nảy ra tại một khoảnh khắc – hận thù, tức giận, tham lam, thương yêu, rộng lượng. “Liệu có thể,” anh hỏi, “là những trạng thái này một cách tuyệt đối mà không có bất kỳ chuyển động nào

của cái trí rời khỏi nó, mà không có bất kỳ chuyển động nào hoặc thay đổi hoặc củng cố nó?”

Krishnaji nói đặt ra những nghi vấn cơ bản là việc quan trọng nhất; chúng hiếm khi nào nảy ra một cách tự phát. Cái trí, quan tâm đến những nhỏ nhen, hiếm khi nào ngừng lại để đặt ra nghi vấn cơ bản. Và khi nó đặt ra, luôn luôn nó có đáp án dễ dàng nảy sinh từ điều gì nó đã trải nghiệm rồi.

“Chúng ta đã được giáo dục để kiềm chế những cảm xúc mạnh, sự kháng cự cho chúng sức mạnh và chất dinh dưỡng. Liệu có thể nghi vấn, mà không có một chuyển động của cái trí? Liệu người ta có thể đặt ra nghi vấn cơ bản và thả nó trong ý thức – ở lại cùng nó – không cho phép sự chú ý lang thang khỏi nó? Nắm chặt nghi vấn đó hay vấn đề đó đến độ nó bắt đầu tự-bộc lộ những sắc màu tinh tế của nó, tự-phơi bày chính nó – trong ánh sáng của sự chú ý – đến độ, nở hoa trọn vẹn, có một kết thúc tuyệt đối?”

Năm 1953, người cháu trai của Krishnamurti, G. Narayan đến Bombay thăm anh. Con trai người anh cả của Krishnaji, Narayan đã tốt nghiệp Cao học và là một luật sư. Krishnaji đưa anh ấy đến phòng của anh. Đó là buổi chiều và Krishnaji mở những cửa sổ phòng để cho mặt trời hoàng hôn vào trong phòng, sáng lên khuôn mặt củ a Krishnaji. Anh hỏi Narayan rằng anh ấy sẽ làm gì. Narayan do dự, và Krishnaji đề nghị anh ấy nên đi dạy học tại Rishi Valley. Narayan trả lời anh ấy sẽ suy nghĩ về nó. Đêm đó, Narayan kể với tôi rằng anh ấy cảm thấy toàn thân thể phủ đầy anh sáng xanh dịu, mát mẻ và an lành. Anh ấy đấu tranh và xua đuổi nó đi, nhưng nửa tiếng đồng hồ sau nó lại hiện diện ở đó. Narayan cảm thấy rằng trải nghiệm này đã xóa sạch tất cả những vấn đề của anh ấy. Anh ấy đi đến Rishi Valley, đầu tiên như một giáo viên và sau đó phó hiệu trưởng.

Từ Rishi Valley, Nayaran đi Oxford để chuyển bằng Cao học của anh ấy trong tiêu chuẩn giáo dục. Sau một năm anh ấy về lại Rishi Valley, nhưng sau đó ra nước ngoài. Anh ấy dạy tại một trong những trường học của Rudolph Steiner trong nhiều năm. Mê say Phật giáo, anh ấy tiếp xúc nhiều với những người Phật giáo ở nước Anh. Đáp lại sự yêu cầu từ Krishnaji, anh ấy quay lại Ấn độ năm 1978 và nắm chức vụ hiệu trưởng của Rishi Valley School.

Krishnaji đi đến Varanasi cùng Rajagopal cuối mùa đông năm 1953. Kitty và Shiva Rao đã đi Mỹ, và Krishnaji viết thư hỏi tôi liệu anh và Rajagopal có thể ở trong những căn phòng của chúng tôi ở Delhi Gymkhana Club, một trong những dấu vết còn lại của quá khứ thuộc địa ở Delhi. Krishnaji và Rajagopal ở đó một đêm trên đường đến Rajghat ở Varanasi, nơi Krishnaji sẽ có mười lăm nói chuyện cùng các em học sinh của Rajghat School.

Những nói chuyện là một thách thức cho Krishnaji. Anh phải khám phá những từ ngữ trong đó anh có thể diễn tả về anh và được hiểu rõ bởi các trẻ em nói tiếng Anh ngắc ngứ. Những vấn đề phức tạp của uy quyền, sợ hãi, đau khổ, và chết đang được chuyển tải. Những khoảng ngừng của Krishnaji, sự mãnh liệt của chú ý, sự nhận biết vô hạn, sự trù mền được chứa đựng trong những từ ngữ của anh, chạm đến đáy sâu những cái trí của những đứa trẻ nhỏ tuổi nhất. Giọng nói của Krishnaji dịu dàng, những từ ngữ của anh ngập ngừng; anh mỉm cười cùng quả tim của anh và đôi mắt của anh và các em lắng nghe mê mải và yên lặng.

Nói về ngày 4 tháng giêng năm 1954, Krishnaji nói, “Giáo dục không phải ngừng lại khi bạn hai mươi một tuổi, nhưng tiếp tục đến khi bạn chết. Sự sống giống như một con sông, nó luôn luôn đang chuyển động, không bao giờ đứng

yên. Nó đang sống. Nếu người ta bám vào một phần của con sông và nghĩ rằng người ta hiểu rõ, vậy thì nó giống như đang nhốt lại dòng nước chết rồi. Bởi vì con sông đang chảy và nếu người ta không trôi cùng nó, người ta bị bỏ lại đằng sau. Liệu người ta có thể nhìn ngắm những chuyển động của con sông? Liệu người ta có thể thấy những sự việc đang diễn ra trên hai bờ sông, liệu người ta có thể hiểu rõ, có thể đối diện với sự sống là gì?”

Nói về sợ hãi bằng sự đơn giản nhất, anh mở toang những phức tạp của nó. Anh thâm nhập vào những sợ hãi đang vây chặt cái trí của một đứa trẻ. Anh nói về bản chất của sợ hãi và hình phạt, sự cần thiết phải có thông minh. Thấy và nhận biết được những gia đình bảo thủ mà những đứa trẻ đến từ đó, anh dò dẫm vào những từ ngữ “bảo thủ”, nhốt chặt, bảo vệ. Anh đào sâu vào từ ngữ “truyền thống.” Nó là gì mà phải được tôn trọng? “Nếu,” anh nói, “bạn tìm hiểu nó rất sâu thẳm, bạn sẽ thấy nó nảy sinh từ sự sợ hãi tạo ra một lỗi lầm.”

“Tại sao không tạo ra một lỗi lầm?” anh hỏi. “Tại sao không tìm ra? Những người lớn tuổi đã không sáng tạo một thế giới tốt lành, họ ngập tràn sự tối tăm, sự sợ hãi, sự thoái hóa, sự ép buộc; họ không sáng tạo một thế giới tốt lành. Và có lẽ nếu bạn được tự do khỏi sợ hãi trong chính nó và có thể đối diện sợ hãi trong một biến cố khác, thế giới sẽ hoàn toàn khác hẳn.”

“Đau khổ là gì?” một em bé mười tuổi hỏi. Krishnaji, đầy đau khổ, hướng về những giáo viên và nói, “Liệu đó không là một việc quá kinh khủng khi một em bé như thế phải đặt ra câu hỏi này?” Sau đó hướng về em bé anh nói về hiểu rõ đau khổ, sợ hãi. “Bạn không thể lẫn trốn đau khổ hay

tàu thoát nó. Bạn phải hiểu rõ nó. Và giúp đỡ bạn hiểu rõ là chức năng của người giáo viên.”

Một em gái nhỏ xúu hỏi, “Thượng đế là gì?” và Krishnaji trả lời, “Trong trả lời câu hỏi đó, chúng ta đang nói với em gái, và cũng với những người già nua, yêu cầu những giáo viên vui lòng lắng nghe. Bạn có khi nào nhìn ngắm một chiếc lá đang nhảy múa dưới ánh mặt trời, một chiếc lá cô đơn? Bạn có khi nào nhìn ngắm ánh trăng trên dòng nước và một đêm khác bạn thấy một mặt trăng đỏ? Bạn có để ý con chim đang bay? Bạn có tình yêu sâu đậm cho cha mẹ của bạn? Tôi không đang nói về sợ hãi, về lo âu, về vâng lời, nhưng về cảm giác, sự đồng cảm vô cùng mà bạn trải qua khi bạn nhìn một người ăn xin, hay một con chim bị chết, hay khi bạn nhìn một thân thể được hỏa thiêu trên bờ sông. Liệu bạn có thể thấy tất cả việc này và có sự đồng cảm và sự hiểu rõ cho những người giàu sang đi qua trong những chiếc xe hơi to, và cho những người ăn xin cơ cực cũng như cho con ngựa *ekka* tội nghiệp hầu như chỉ còn là bộ xương đang bước đi? Liệu bạn có thể có cảm giác rằng *quả đất này là quả đất của chúng ta – quả đất của bạn và của tôi* phải được làm cho đẹp đẽ?”

“Vậy thì, đằng sau tất cả nó có cái gì đó thăm thẳm hơn nhiều. Nhưng muốn hiểu rõ cái thăm thẳm và vượt khỏi cái trí, cái trí phải được tự do, yên lặng. Cái trí không thể yên lặng nếu không hiểu rõ thế giới quanh bạn. Vì vậy bạn phải bắt đầu rất gần, bắt đầu bằng những sự việc nhỏ xíu, thay vì cố gắng tìm ra Thượng đế là gì.”

Trong một trong những nói chuyện, anh giải thích sự cần thiết cho đứa trẻ phải ngồi yên lặng, “Người ta càng già nua bao nhiêu, người ta càng trở nên lo âu, kích động, sốt ruột bấy nhiêu. Họ không thể ngồi yên lặng.”

Anh bảo cho trẻ em làm thế nào để ngăn ngừa cái trí không bị bắt buộc; làm thế nào cái trí tự-tạo tác cho chính nó truyền thống mà là phương cách của bắt buộc. “Liệu cái trí có thể được tự do?” anh hỏi. “Không phải tự do khỏi trải nghiệm, nhưng tự do để trải nghiệm. Tự do hiện diện khi cái trí trải nghiệm mà không có truyền thống.”

Trong nói chuyện lần cuối cùng trẻ em, anh nói về tôn giáo. “Tôn giáo hiện diện khi cái trí hiểu rõ công việc của chính nó. Khi cái trí yên lặng, rất tĩnh – yên lặng không là sự yên nghỉ của chết, yên lặng này rất năng động, rất tỉnh táo, rất cảnh giác. Muốn tìm được Thượng đế – Sự thật là gì, người ta phải hiểu rõ đau khổ, và sự đấu tranh cho sự tồn tại của con người. Muốn vượt khỏi cái trí phải có một kết thúc của cái ngã, ‘cái tôi.’ Vậy thì, chỉ đến lúc đó, cái mà tất cả chúng ta tôn sùng, tìm kiếm, hiện diện.”

Ở Varanasi, chúng tôi hỏi Krishnaji anh sẽ làm gì để sáng tạo một ngôi trường sẽ phản ảnh những lời giảng của anh. Anh trả lời, “Trước hết phải có bầu không khí của vô hạn. Cảm thấy rằng tôi đang đi vào một ngôi đền. Phải có vẻ đẹp, không gian, sự yên lặng, sự trang nghiêm. Phải có một trạng thái của cùng nhau trong học sinh và giáo viên, một trạng thái của hương thơm, một ý thức của nở hoa, một cảm giác của thiêng liêng lạ thường. Phải có tính chân thật, không sợ hãi. Đứa trẻ phải chung vai gánh sức cùng quả đất, phải có trong em một chất lượng của cái khác lạ.”

“Làm thế nào ông sáng tạo điều này một cách cụ thể?”

“Tôi sẽ xem xét phương cách của sự dạy học, chất lượng của sự chú ý,” Krishnaji trả lời. “Tôi sẽ tìm hiểu phương cách dạy đứa trẻ học hành mà không có ký ức đang chi phối. Tôi sẽ nói về chú ý và không-tập trung. Tôi sẽ trình bày về cách đứa trẻ nghỉ ngơi, thức ăn của em, những trò

chơi em ấy có, đồ đạc trong phòng của em; tôi sẽ thấy rằng đứa trẻ chú ý đến cây cối, chim chóc, không gian quanh em. Tôi sẽ thấy rằng em lớn lên trong bầu không khí của sự chú ý.”

CHƯƠNG 17

“Đường như Cái trí lan rộng vô tận.”

Tháng ba năm 1955, người ta quyết định rằng trước khi quay lại Châu Âu, Krishnaji sẽ nghỉ một tháng tại Ranikhet, một nhà ga trên đồi ở Himalayas. Suốt những năm cai trị của người Anh, Ranikhet, trong những dãy Kumaon của Himalayas, là một vị trí quân sự – không người dân sự nào sống ở đó. Những ngôi nhà, giống như tất cả những ngôi nhà nào được xây dựng bởi người Anh trong những nhà ga trên đồi của Ấn Độ, đều là những bản sao nhớ cố hương giống hệt những ngôi nhà người Anh – núp mình trong những cái vườn, đầy hoa thơm và những cây thông nhựa thơm và

những cây thông tuyết cao ngất. Mùi hăng của nhựa thông và khói thấm vào cây cối. Những bụi hoa đã được trồng dọc theo vệ đường, và vào mùa hè chúng rực rỡ những bông hoa.

Từ Ranikhet hình thành nên lộ trình đến những vị trí thiêng liêng của hành hương, nằm sâu trong những dãy Himalayas – đến Kedarnath và Badrinath, ngôi nhà ở Himalayas của Shiva và Vishnu; đến những nguồn của con sông Ganga và Jamuna; và đến Kailash và Manasarovar ở Tibet. Kailash, ngôi nhà trên núi bao bọc bởi tuyết của Shiva sau khi ông đã chấp nhận vào danh sách các vị thần Brahmin, có hình như chóp nón. Ở một phía của hòn núi là Manasarovar, cái hồ nước trong xanh là nơi nghỉ ngơi của những con thiên nga vàng thần thoại, *ham sa*. Âm thanh của cái tên con thiên nga vang lên cùng những yên lặng của vũ trụ, và cùng hơi thở vào ra của *prana* sức mạnh của sự sống. Ở phía bên kia của hòn núi là Raksasa Tal, một cái hồ núi lửa có nước màu đen hung tợn. Hai cái hồ này tượng trưng hai khía cạnh của Shiva và của cái trí – sự hỗn loạn và sự yên lặng tuyệt đối.

Từ Ranikhet, vào một ngày quang đãng, người ta có thể thấy một dải rộng của những đỉnh núi Himalayan phủ tuyết. Chúng có những cái tên thiêng liêng – Nandadevi, Neelkanth, Nandakhot, Trisul. Bình minh và hoàng hôn, mặt trời giữa trưa khạc lửa, mặt trăng tròn vào ban đêm – tất cả bộc lộ ánh sáng và những cái bóng trên những khuôn mặt kiên định, đe dọa của chúng. Chúng là những người thấy vĩnh cửu, những người bảo vệ đất đai và nguồn của những con sông ban tặng sự sống.

Achyut đã đi đến Ranikhet và tìm được một ngôi nhà, Ardee, cho Krishnaji sống. Người ta sắp xếp rằng, chồng của tôi lái xe đưa Krishnaji từ Bombay đến Ranikhet. Krishnaji

đã ở Bombay tổ chức những nói chuyện và những bàn luận, và họ quyết định anh sẽ rời đi đến những quả đồi vào ngày 18 tháng ba. Tuy nhiên, ở Bombay anh bị sốt nặng. Krishnaji bị mê sảng; anh không thể chịu được sự ồn ào và giường nằm của anh phải được chuyển sang phòng khách. Dr. Nathubhai, một bác sĩ giỏi, khám cho Krishnaji và khẳng định rằng anh đã có những con giun do bởi ăn thức ăn sống. Thân thể nhạy cảm của K đã phản ứng dữ dội, và bàng quang và đường dẫn nước tiểu bị viêm. Tuy nhiên, với sự điều trị, Krishnaji hồi phục mau chóng. Tuần thứ ba của tháng ba chúng tôi ở Delhi, và vào ngày 28 tháng ba, chúng tôi sẵn sàng rời đó để đi đến những hòn núi.

Kitty Shiva Rao đã sắp xếp một trong những người giúp việc của em, Diwan Singh, và Tanappa từ Rajghat, đi trước đến Ranikhet và chuẩn bị ngôi nhà cho Krishnaji. Chuyến đi khoảng trên hai trăm dặm. Vì Krishnaji không thể chịu được sức nóng, chúng tôi bắt đầu chuyến đi lúc 5 giờ sáng.

Krishnaji ngồi ghế trước cùng người chồng của tôi, đang lái xe, và Madhavachari và tôi ngồi phía sau. Không khí sáng sớm thật mát mẻ, và chúng tôi đi gần đến những chân đồi trước khi mặt trời quá nóng. Trước kia Krishnaji là người lái xe giỏi. Sự cảnh giác cực độ của anh có thể nhận biết được những giây phút trước khi thảm họa xảy ra. Nhưng như người lái xe phụ, anh đang gây nhàu bối rối. Suốt chuyến hành trình anh liên tục chỉ bảo Jayakar làm việc này và không làm việc kia; cảnh báo anh ấy về những nguy hiểm đang đến gần. Nhiều lần chúng tôi gợi ý rằng Krishnaji ngồi cùng chúng tôi ở phía sau, nhưng anh quả quyết không chịu chuyển chỗ ngồi.

Madhavachari và tôi bắt đầu bàn luận những vấn đề khác nhau liên quan đến hiểu rõ về chính mình. Chúng tôi đã bên bở leo lên núi; quang ảnh những thác nước và những hẻm núi sâu và những sườn đồi dựng đứng phủ đầy cây đỗ quyên. Chúng tôi nhìn ra ngoài cây cối đang thay đổi, những tảng đá và những vách đứng, những con suối ào ào. Chúng tôi đang nói về sự tỉnh thức, và mỗi xẻ vấn đề đến từng chi tiết về bản chất của nó, khi bỗng nhiên chúng tôi cảm thấy bị nẩy người lên. Chúng tôi không chú ý và tiếp tục bàn luận của chúng tôi. Một vài giây sau, Krishnaji quay lại và hỏi chúng tôi đang bàn luận điều gì. “Sự tỉnh thức,” chúng tôi nói, và ngay lập tức bắt đầu đặt ra cho anh những câu hỏi về nó. Anh lắng nghe, nhìn chúng tôi đầy giấu cợt, và sau đó hỏi, “Bạn có nhận thấy điều gì vừa xảy ra lúc này?”

“Không.”

“Chúng ta vừa tông một con dê, bạn thấy nó?”

“Không.”

Sau đó rất nghiêm nghị anh nói, “Và bạn đang bàn luận sự tỉnh thức.” Không từ ngữ nào cần thiết nữa. Nó gây choáng váng cực độ.

Ngôi nhà ở Ranikhet mọc đầy dây leo, ngôi vườn phủ đầy cỏ dại, nhưng những cây thông tuyết và những cây thông nhựa thơm vây quanh ngôi nhà. Sự tinh khiết nồng nặc của nhựa thông tỏa khắp những căn phòng. Nó là an bình mãnh liệt bởi sự yên lặng được tìm thấy nơi những ngôi nhà cô đơn nằm trong những cánh rừng.

Chồng tôi và tôi quay lại Delhi sau khi ở lại đêm đó. Madhavachari phải đi đến Madras, và anh ấy theo về cùng chúng tôi. Achyut ở cùng Krishnaji một vài ngày.

Krishnaji thực hiện những chuyến dạo bộ rất lâu một mình. Trong những cây thông nhựa thơm và những cánh

rừng thông tuyết anh bị lạc, nhưng tìm được lối về theo bản năng.

Cây cối tương phản cái phong của những đỉnh núi Himalayas là một cảnh tuyết vời. Anh nói về những đỉnh núi này tải dài từ Nepal đến những hang động Badrinath: “Chúng cách chúng tôi **khong** sáu mươi dặm , cùng một thung lũng xanh sậm mênh mông giữa chúng và chúng tôi, trải dài trên hai trăm dặm. Chúng kéo thẳng đường chân trời từ đầu này sang đầu kia. Sáu mươi dặm đang ngăn cản đó dường như biến mất, và chỉ có sức mạnh và sự cô đơn đó. Những đỉnh núi này, một số cao trên 25.000 feet, mang những cái tên thiêng liêng, bởi vì những thần thánh sống ở đó, và con người đến với chúng từ những khoảng cách thật xa xôi để tôn sùng và để chết.

“Cái trí dường như bao phủ không gian mênh mông và khoảng cách vô tận, hay nói khác hơn cái trí **dường** như lan rộng mà không có một kết thúc, và đằng sau và vượt khỏi cái trí có cái gì đó mà ôm ấp tất cả những sự vật trong nó.”

Sau đó anh **chất** vấn những nhận biết riêng của anh. “Cái vượt khỏi tất cả ý thức không thể suy nghĩ được hay trải nghiệm được bởi cái trí. Nhưng vậy thì, cái gì mà đã nhận biết và ý thức được cái gì đó hoàn toàn khác hẳn những chiều rọi của cái trí? Ai trải nghiệm nó? Chắc chắn đó không là cái trí của những ký ức, những phản ứng và những thôi thúc hàng ngày.

“Liệu có một cái trí khác?” anh tự hỏi mình. “Liệu có một bộ phận của cái trí mà ngủ im lìm, chỉ được thức dậy bởi cái đó mà một mình và vượt khỏi tất cả cái trí? Nếu đây là như thế, vậy thì bên trong cái trí luôn luôn có cái đó mà vượt khỏi tất cả suy nghĩ và thời gian. Và tuy nhiên điều đó không

thể được, bởi vì nó chỉ là sự suy nghĩ giả thiết và thể là một sáng chế khác của cái trí.

“Bởi vì sự bao la không được sinh ra từ qui trình của cái trí, vậy thì cái gì nhận biết nó? Liệu cái trí như người trải nghiệm nhận biết nó, hay sự bao la tự nhận biết nó bởi vì không có người trải nghiệm? Chỉ có *cái đó*, và cái đó tự nhận biết nó mà không-đo lường. Nó không khởi đầu và không từ ngữ.”

Vào chiều tối, Krishnaji ngồi trước lò sưởi và nhờ Achyut dạy cho anh một ít tiếng Phạn. Achyut bắt đầu đọc *Mandukya Upanishad* cùng Krishnaji. *Upanishad* mà bộc lộ âm thanh của Aum – toàn âm thanh của nguyên âm trong đó không có những phụ âm – âm thanh Aum mà vang vọng trong vũ trụ và trong những cái hang của quả tim khi tất cả những âm thanh phía bên ngoài đã kết thúc.

Achyut hỏi, “Có điều gì sai trái với âm điệu Aum nếu cái trí trở nên yên lặng?”

“Cái trí của bạn trở nên yên lặng?”

“Trong giây phút đó khi chúng ta ngâm âm thanh – ‘cái tôi’ không hiện diện,” Achyut nói.

Trả lời của Krishnaji phủ nhận tất cả những nương tựa và những cái nặng. “Việc gì bạn đang làm bao hàm thời gian. Cái đó không liên quan gì đến thời gian. Thời gian không bao giờ có thể dẫn đến cái khác lạ.”

Achyut quay lại đồng bằng sau một vài ngày và Krishnaji ở một mình tại Ardee. Một loạt những lá thư gửi tới người chồng của tôi tiết lộ sự lưu tâm tỉ mỉ của Krishnaji về quần áo của anh. Anh luôn luôn có một cảm giác say đắm về màu sắc và kết cấu của vải. Những loại vải dệt bằng tay làm say mê anh. Ở Ấn độ anh mặc rất đơn giản nhưng thanh lịch, một *kurta* dài đến dưới đầu gối và những bộ *pyjama* rộng. Để

cho ấm áp anh mặc một *jacket* hay một *choga*. Anh có nhiều những loại vải bằng len đẹp này, được cho anh bởi Mrs. Besant, chế từ len *tus* của Kashmir, trong những màu nâu đậm.

Trong năm 1948 và vài năm sau, anh chặc màu trắng. Nhưng sau đó tình yêu những màu đất của người hành khất thịnh hành. Bạn bè mua cho anh những loại vải bông dệt bằng tay và những *kurta* bằng vải lanh thô dệt bằng tay được chế tạo từ những phế phẩm sau khi lụa đã được quán thành chỉ, trong những màu sắc từ màu kem đậm đến màu nâu vàng cháy và những màu sắc nhuộm vỏ cây được mặc bởi những thầy tu Phật giáo.

Sống một mình, cùng một người nấu bếp chăm sóc những nhu cầu của anh, Krishnaji đã tự làm mới mẽ chính anh. Anh thực hiện những chuyến dạo bộ thật lâu, nói chuyện cùng những đỉnh tuyết phủ, nhìn ngắm, lắng nghe thế giới bên trong anh và quanh quanh anh. Một lần anh kể cho chúng tôi một câu chuyện về nhiều con khỉ, những con khỉ mặt đen của Châu á thường đu đưa trên những ngọn cây quanh Ardee. Một buổi sáng anh đang viết trong phòng của anh, cửa sổ mở. Bỗng nhiên anh có một cảm giác của đôi mắt đang chú ý nhìn anh. Anh ngược lên và thấy một con khỉ trưởng thành đang ngồi trên bệ cửa sổ và nhìn chăm chăm vào căn phòng. Krishnaji đứng dậy và bước về phía con khỉ. Khi họ đối diện nhau, con khỉ dơ bàn tay của nó ra. Krishnaji cầm nó và con khỉ để cho anh nắm chặt. Có sự tin cậy tuyệt đối. Krishnaji diễn tả sự tiếp xúc lòng bàn tay con khỉ như mạnh mẽ, rất mềm mại, bất kể những vết chai sạn do bởi leo trèo những cành cây. Trong vài phút họ vẫn còn cầm tay nhau, sau đó con khỉ cố gắng vào phòng. Krishnaji đẩy nó ra, nhẹ nhàng nhưng kiên quyết, và đóng cửa sổ.

CHƯƠNG 18

“Liệu có thể có hành động không-hậu quả?”

Mùa đông năm 1955 thầy Krishnaji ở Varanasi. Anh đã đến đó cùng Rosalind từ Sydney. Về đẹp lạ lùng, kinh ngạc không còn nữa. Khuôn mặt đã trở nên có tuổi, tóc đã bắt đầu bạc đi.

Anh tự-chất vấn mình lớn tiếng. “Hành động không-hậu quả là gì?” Suốt ba ngày anh khoét sâu vào nghi vấn, chối từ cho phép bất kỳ phản ứng tức khắc nào, buông cho nghi vấn tự-phơi bày, thả cho nó tự-giải phóng năng lượng bị nhốt chặt bên trong nó. Không rời khỏi nghi vấn, và trong suốt những gặp gỡ bàn luận những cái trí của chúng tôi khoét

sâu cùng anh. Anh chối từ cho phép chúng tôi trả lời từ *Gita* hay bất kỳ quyển sách thiêng liêng nào. Đối với anh, nghi vấn phải gọi lên đáp án riêng của nó. Và vẫn vậy, mỗi đáp án từ quá khứ là một hậu quả, từ hiện tại là một hậu quả, và từ một tương lai bị chiếu rọi cũng là một hậu quả.

Krishnaji hỏi, “Liệu có thể có hành động không-hậu quả? Liệu quá khứ, tương lai, có thể được mang vào cùng nhau trong hện tạ i và được xóa sạch? Lỗi lầm quá khứ là một hậu quả, hành động vào nó của tôi là một hậu quả, sự từ chối để hành động vào nó của tôi cũng là một hành động, và tuy nhiên phải có hành động không-hậu quả.” Anh tiếp tục thâm nhập. Anh sẽ thâm nhận nghi vấn, cho phép mọi hàm ý vây quanh nghi vấn nảy ra, nhận biết sự phản ứng mà không chỉ trích hay bênh vực, và thế là phủ nhận nó. Tất cả tìm hiểu đều ngập ngừng, không cho phép bất kỳ phát biểu khẳng định nào.

Rồi bỗng nhiên, vào ngày thứ ba, như thể đã có sự khai sáng, anh nói, “Liệu người ta có thể sống không-ý niệm của cái tôi? Liệu người ta có thể sống không-hình ảnh của cái tôi được phản ảnh? Chỉ trong đó mới có hành động không-hậu quả.”

“Điều đó hàm ý gì?”

“Sống không-ý niệm của cái tôi,” anh trả lời, “là nhận biết được sự chiếu rọi liên tục của cái tôi, và thấy nó sẽ phủ nhận nó.”

Một buổi sáng khác anh nói, “Chúng ta chết bởi bệnh tật, tuổi già, tự tử. Chết là chìm vào cái không biết được, một cắt đứt đột ngột, một triệt tiêu.” Tiếp theo anh hỏi rất nghiêm túc, “Đang sống, liệu người ta có thể vào ngôi nhà của chết?”

Sau nhiều năm, Rosalind đang viếng thăm Ấn độ. Cô đang gặp gỡ những người bạn cũ từ những ngày cô sống

trong Tổ chức Thông thái, và có những người bạn mới, trong số họ là Malti Nowroji và Kanji Dwarkadas, em trai của Jamnadas và một người bạn kết giao cũ của Mrs. Besant. Kitty Shiva Rao cũng ở Varanasi, và họ dành ra những ngày dài cùng nhau. Sunanda Patwardhan đã làm việc như thư ký của Krishnaji từ năm 1949, trong khi Krishnaji ở Ấn độ. Cô ấy theo cùng anh khắp quốc gia, ghi lại bằng tốc ký, đánh máy những lá thư của anh, tham gia những nói chuyện và những bàn luận. Rosalind ưa thích cô ấy và dành cho nhiều tình cảm. Tuy nhiên, trong sự liên hệ của Rosalind với Krishnaji, những căng thẳng đã gia tăng nhiều lắm. Giống như Rajagopal, giọng nói đang phản đối Krishnaji của cô thường được nghe rất rõ. Đối diện với sự tức giận của cô, Krishnaji sẽ kể với chúng tôi sau đó, anh trở nên hoàn toàn yên lặng và thụ động. Anh lắng nghe rất chính xác, sâu sắc và toàn bộ, nhưng chôi từ phản ứng. Sự mất khả năng kích động một phản ứng từ Krishnaji khiến cho Rosalind tức giận. Đó là một đối đầu không đối thủ. Người còn lại đã tan biến.

Bằng vô vàn sự ngờ vực, Rosalind sục sạo để tìm ra “ảnh hưởng” đã gây ra sự thay đổi trong Krishnaji. Suốt nhiều năm Rosalind đã trở nên quen thuộc đến độ coi thường Krishnaji, và lúc này cô phát giác rằng bỗng nhiên không còn Krishnaji để tiếp xúc hay để cô thiết lập một liên hệ.

Cố chấp, Rosalind quả quyết rằng Krishnaji phải đồng ý đi cùng cô để xem những hang động Ajanta và Ellora. Malti Nowroji và Sunanda theo cùng họ. Thời tiết rất nóng. Quang cảnh khô cháy, những tảng đá Deccan bị tan chảy dưới sức nóng của mặt trời. Chẳng có bao nhiêu màu xanh để làm dịu hai mắt. Krishnaji rất khổ sở, và khi họ quay lại Bombay, tình hình căng thẳng chẳng thay đổi chút nào.

Krishnaji một mình quay lại Delhi vào đầu tháng mười năm 1956. Về đẹp tràn ngập anh. Anh lại nói chuyện trong thành phố thủ đô sau nhiều năm, dưới một *shamiana* thoáng mát, một cái lều được dựng lên trên những bãi cỏ của Constitution Club. Những người ngoại giao, những khát sĩ, những viên chức, những thư ký, những giáo sư, và một ít người trẻ đến nghe anh.

Những người trẻ chỉ là một nhóm người. Bất kể những tàn sát tập thể sau sự phân chia quốc gia, tình trạng thành thoi của sự tự do tiếp tục ở đỉnh điểm. Sự hào nhoáng và sung túc được sinh ra bởi những kỹ năng và những vật dụng của khoa học và công nghệ đang trở nên rõ ràng ở Ấn độ. Những cái trí trẻ, bị kích thích và dễ dàng đáp lại những bùng nổ rộng lớn và mới mẻ của hiểu biết phương Tây và những cơ hội đang được mời mọc bởi công nghệ, không có hứng thú gì trong sự hiểu rõ về chính mình hay một viễn cảnh xa xôi. Chính là sự tức khắc và những cống hiến của mới mẻ đã làm cháy bỏng những cái trí của họ.

Thế hệ già nua vẫn còn chìm sâu trong sự cần cỗi của những truyền thống chết rồi; kèm theo cái chết của Gandhiji, những người theo Gandhiji đã nương dựa Vinoba Bhavé. Được kích thích tò mò bởi Rao Sahib và sự hiến dâng ho àn toàn của Achyut cho Krishnaji và những lời giảng của anh, những người theo Gandhiji đã bắt đầu tham dự những nói chuyện của Krishnaji. Những bàn luận nhóm nhỏ đã khởi động. Shankar Rao Deo và Dada Dharmadhikari, hai thành viên rất quan trọng của Sarva Seva Sangh được trông thấy tại mọi họp mặt.

Shankar Rao Deo, chín chắn trong sự đấu tranh vì tự do, bị lún sâu trong một truyền thống của khổ hạnh. Có giáo dục cao, ông là một trong những người đệ tử chỉ khoác một

miếng vải giống như Gandhiji, tr -áp đặt ch o chính ông những kỷ luật cứng ngắt của nhin đối và thực hành brahmacharya, mà liên quan một lời thề sống hoàn toàn trong trắng. Ông đã vào tù nhiều lần, đã được phân loại “C” – loại thấp nhất dành cho những tù nhân. Những tù nhân chính trị loại “C” phải mặc quần áo tù, ăn thức ăn tù, và không cho phép được đọc báo hay sách. Kinh tởm những bất công đang lan tràn, ông đã phản đối và thực hiện một nhin đối. Từ chối hủy bỏ sự nhin đối của ông đã chọc giận những uy quyền của nhà tù. Ông đã bị nhốt trói treo và đánh đập rồi quăng vào xà lim cùng những vết thương đang hoành hành. Một hoang dã và một khẩn thiết nhiệt thành cho cái không thể diễn tả được rục rủa trong hai mắt của ông; ông đã chặn đứng những giác quan của ông bằng một khổ hạnh khắc nghiệt; sâu thẳm bên trong là những tuyệt vọng và những khao khát, những đam mê, và những tham vọng không được thành tựu. Trong tù Shankar Rao Deo tiếp xúc mật thiết với Javdekar, một người bạn thân của Tilak và Bhagwat,* và một người kết giao của Mahatma Gandhi từ năm 1920. Được công nhận như những người trí thức ở Maharashtra, họ bị lún sâu trong những truyền thống tốt lành của học hành. Cùng với họ, Shankar Rao Deo đọc những quyển sách của Krishnamurti. Trong những năm sau Javdekar và Bhagwat đã tham dự những nói chuyện của Krishnaji, nhưng chưa bao

* Bal Gangadhar Tilak là một người viết văn, một học giả, một trí thức Brahmin, và một người đấu tranh cho tự do. Một con người được kính trọng và ngưỡng mộ nhiều, ông đã bị kết án bởi chính phủ Anh do bởi xúi giục nổi loạn và bị bỏ tù ở Burma.

Bhagwat là một người triết lý, người đấu tranh cho tự do, và một người biên tập của một nhật báo quan trọng ở Marathi, *Lok Shakti*.

giờ gặp mặt trực tiếp với anh. Họ cảm thấy mạnh mẽ rằng Krishnaji đang diễn tả, mặc dù trong một ngôn ngữ mới, toàn bộ vị trí Advaita của Vedanta.

Năm 1948 Javdekar và Bhagwat, trong tờ *Lok Shakti*, một nhật báo được tôn trọng nhiều ở Maharashtra, viết một bài báo dài sáu ột trong đó Kishnaji được tuyên bố là một con người “đã nhận ra”. Những học giả uyên thâm ở Maharashtra chấp nhận Krishnaji năm 1948; và những học giả ở Varanasi cũng làm như vậy mãi đến năm 1970. Kèm theo sự chấp nhận Krishnaji của Javdekar và Bhagwat, vô số những người tư tưởng và những người viết văn được cuốn hút tới anh. Họ thấy trong anh một Người Thầy mà, không mâu thuẫn với quá khứ, đã đập nát truyền thống, thăng hoa nó. Qua anh, họ thấy bộc lộ Sự thật vĩnh cửu, khai sáng.

Năm 1948, Shankar Rao Deo ở New Delhi cho những hội nghị của Constituent Assembly. Ông cũng tham dự những bàn luận nhỏ Krishnaji tổ chức cùng thời gian đó. Tại một trong những bàn luận đầu tiên, Krishnaji đã bàn luận về bạo lực và chủ nghĩa quốc gia. Shankar Rao Deo nói về đề tài này, “Muốn hiểu rõ Krishnaji bạn phải hiểu rõ về ‘cái tôi.’ Krishnaji đã nói, ‘Hiểu rõ về “cái tôi” có dính dáng đến thời gian và không gian; sự hiểu rõ hiện diện, khi thời gian đã kết thúc.’ ”

1956 là năm của Buddha Jayanti, và chính phủ Ấn độ mời Dalai Lama từ Tibet viếng thăm Ấn độ và những vùng thiêng liêng liên quan đến Đấng Giác ngộ. Apa Sahib Pant, một viên chức cấp cao trong Bộ Ngoại giao và thời gian đó cũng là một viên chức chính trị ở Sikkhim, được yêu cầu tháp tùng Dalai Lama khắp quốc gia. Họ đi bằng một chiếc xe lửa lớn có điều hòa không khí được theo cùng bởi rất nhiều người tùy tùng.

Là người đứng đầu tôn giáo thuộc tầng lũ thế tục của Chính thể Tây tạng, sống của Dalai Lama bị trói buộc nghiêm ngặt bởi những nghi thức ngoại giao. Ngài đã là một con người của sự huyền bí. Ở Tây tạng, hiếm khi nào có thể nhìn thấy được ngoại trừ một vài lát ma, ngài sống một sống của kỷ luật và thiền định. Đây sẽ là chuyến viếng thăm đầu tiên của bất kỳ Dalai Lama nào ra khỏi vùng đất huyền bí.

Vào tháng mười một khi ngài đến Madras, Apa Sahib Pant đã đề nghị người hóa thân hai mươi tuổi của thiêng liêng rằng ngài nên viếng thăm Krishnamurti, lúc đó cũng đang ở Vasant Vihar. Apa Sahib đã kể về sống của Kris hnaaji và bản chất lạ thường trong những lời giảng của anh. Người thầy tu trẻ đã thốt lên, “Một Nagarjuna!”* và đã biểu lộ một khao khát nhiệt thành muốn gặp Krishnaji. Những người quanh Dalai Lama bị lo lắng. Đó là một phá vỡ tất cả những nghi thức ngoại giao. Nhưng Dalai Lama quả quyết, và gặp gỡ được sắp xếp.

Trong những từ ngữ của Apa Sahib, “Krishnaji tiếp [Dalai Lama] đơn giản. Hấp dẫn vô cùng khi cảm thấy một tình cảm sôi nổi ngay tức khắc lóe sáng giữa họ.” Dalai Lama hỏi một cách hòa nhã nhưng thẳng thắn, “Thưa Ngài, ngài tin tưởng cái gì?” và sau đó nói chuyện của họ tiếp tục trong những câu hầu như vồn vện bằng một âm tiết, bởi vì nó là một chuyện tải không-hoa mỹ. Vị Lama trẻ tuổi đang cảm thấy cùng nền tảng thân thuộc khi Krishnaji gọi ngài là “đồng trải nghiệm.” Trên chuyến hành trình quay lại Raj Bhawan, Dalai Lama sẽ nói, “Một con người vĩ đại, một trải nghiệm

* Một nhắc nhở đến vị thánh nhân Phật giáo thế kỷ thứ hai mà dạy bám chặt vào “Con đường Giữa” cũng được hiểu là cách phủ nhận vĩ đại.

vô biên.” Dalai Lama cũng bầu lộ một ao ước gặp lại Krishnamurti.

Từ giữa những năm 1950, Shankar Rao Deo trở thành một con người quen thuộc tại những nói chuyện của Krishnaji; mỗi mùa đông anh ấy sẽ viếng thăm Varanasi và ở tại bộ chỉ huy Sarva Seva Sangh, đã được xây dựng tại lối vào Rajghat. Cùng Rao Sahib Patwarhan, tôi từng viếng thăm anh ấy ở đó và phát giác anh ấy bị bận rộn trong *shram dan* – quà tặng của công việc, mà cùng với quà tặng của đất đai, là 1 phần của những giảng thuyết của ẩn sĩ Vinoba Bhave. Chúng tôi sẽ thấy Shankar Rao ngồi hàng tiếng đồng hồ với một cái sàng thóc, nhặt những cục sạn nhỏ xíu ra khỏi gạo. Tôi buồn cười khi thấy anh ấy đang làm hoạt động có vẻ vô lý này, nhưng đối với Rao Sahib những hành động của anh ấy có vẻ lại hoàn toàn phù hợp.

Shankar Rao thường đến nghe những nói chuyện của Krishnaji; anh ấy sẽ tham gia những bàn luận và thỉnh thoảng gặp K một mình. Krishnaji sẽ giễu cợt cùng Shankar Rao, làm cho anh ấy cười, chỉ ra con sông và cây cối, nói về vẻ đẹp, tình yêu, và bản chất của từ bi, và bao bọc anh ấy bằng thương yêu. Shankar Rao sẽ lắng nghe, bị cuốn hút mãnh liệt bởi Krishnaji, tuy nhiên toàn nền quá khứ của anh ấy lại phản kháng lại những từ ngữ của K. Anh ấy không thể hiểu rõ sự khẳng định của Krishnaji về sự cần thiết phải có tình yêu, vẻ đẹp, và nhạy cảm. Thái độ của Krishnaji đối với ý thức và đối với sự ham muốn làm bối rối anh ấy. “Lắng nghe sự ham muốn như bạn lắng nghe gió len lỏi giữa những cái cây,” Krishnaji nói. 1 từ của Gandhi, được nuôi dưỡng trên những ý tưởng mà yêu cầu hủy diệt sự ham muốn, không biết hướng về đâu và nói cái gì. Shankar phát giác khó khăn vô

cùng khi muốn hòa hợp lời giảng của Krishnaji với những lý tưởng của Gandhi.

Sau đó, đáp án của Krishnaji đối với sự khổ hạnh cố chấp và sự phủ nhận kiên quyết về những giác quan của Shankar Rao được phản ánh trong những nói chuyện của Krishnaji ở Bombay. Tháng hai năm 1957 Krishnaji sẽ nói, “Khiến cho những giác quan vô cảm với những sự việc được hiểu là huyền ảo, mâu thuẫn, xung đột, đau khổ, là phủ nhận toàn chiều sâu và vẻ đẹp và vinh quang của sự tồn tại. Sự thật đòi hỏi toàn thân tâm của bạn, một con người tổng thể, không phải một cái trí bị tê liệt. Có một trận chiến liên tục giữa “tôi là gì” và “tôi nên là gì. Đây là mạng lưới của đau khổ mà con người bị trói buộc. Khóa chặt những giác quan là nuôi dưỡng sự vô cảm. Mặc dù bạn có lẽ đang tìm kiếm Thượng đế, cái trí của bạn bị làm cho đờ đẫn.”

Trong những bàn luận nhỏ, bản chất của đang là và đang trở thành được tìm hiểu. Nảy mầm trong những ngõ ngách tối tăm của cái trí, “ham muốn để trở thành là đất màu trong đó sự đau khổ bám rễ.” Cái trí, muốn được tự do, phải thấy chính nó như kết quả của thời gian – chỉ trong năng lượng của hiểu rõ về chính mình, sự thâm nhập thực sự mới có thể xảy ra.

“Có một chuyển động lạ thường trong trạng thái yên lặng của phát hiện từ khoảnh khắc sang khoảnh khắc, mà triệt tiêu sự nảy mầm trong cái trí. Hiểu rõ về chính mình là hiểu rõ về đang trở thành trong chính mình. Cách mạng tôn giáo là sự kết thúc của đang trở thành.” Trong đạo bộ buổi chiều của anh trên bãi biển Worli, anh nói về hành động của lắng nghe như “không-chủ định và không-tính toán. Nó là **ật** hành động của sự thật, bởi vì trong nó là sự chú ý tổng thể,” và nó là hành động của sự yên lặng như “nguồn của mọi sáng tạo.”

Tiếp theo anh đưa ra một phát biểu có ảnh hưởng sâu thẳm, mà sẽ tìm được sự giải thích lại trong những nói chuyện của anh. “Liệu có một cảm thấy không-suy nghĩ? Liệu bạn có thể lướt trên một cảm thấy mà không hướng dẫn nó, không tìm kiếm để thay đổi nó, không gọi nó là tốt lành hay xấu xa? Hãy thử nó,” anh nói.

Shankar Rao hiện diện tại những nói chuyện và tại những bàn luận nhỏ. Những xung đột của anh ấy và những phản ứng phức tạp của anh ấy dường như đã mãnh liệt thêm. Shankar Rao Deo không thể theo đuổi một sống cùng cả đam mê lẫn khổ hạnh. Ở Bombay, Krishnaji hỏi, “Nếu bạn biết rằng bạn sắp sửa chết, bạn sẽ làm gì? Liệu bạn có thể sống trọn vẹn một tiếng đồng hồ – sống một ngày – một tiếng đồng hồ – như thể bạn sắp sửa chết tiếng đồng hồ kế tiếp? Nhưng nếu bạn chết để cho bạn đang sống trọn vẹn trong tiếng đồng hồ này, có sinh lực vô biên, chú ý vô cùng đến mọi thứ. Bạn nhìn vào mùa xuân của sự sống, nước mắt, bạn cảm thấy quả đất, chất lượng của cái cây. Bạn cảm thấy tình yêu mà không có áp lực và không có mục tiêu. Vậy thì trong chú ý đó bạn sẽ phát hiện “cái tôi” không hiện diện. Vậy thì cái trí, bởi vì tổng không, có thể tự-làm mới mẽ chính nó.”

Trong mùa đông năm 1956, Vimla Thakkar, một người phụ nữ hiến dâng trẻ của Vinoba Bhave, sẽ theo cùng Shankar Rao và Dada Dharmadhikari gặp Krishnaji ở Varanasi. Cô là một người Maharashtra, đam mê ngôn ngữ, học tiếng Phạn và những sách cổ của Ấn độ. Từ niên thiếu cô đã quyển luyện một sống tôn giáo, và có những hiện hình của Krishna và những trải nghiệm huyền bí khác. Trong tìm kiếm một đạo sư, vài năm cô đã là đệ tử của Tukroji Maharaji, một vị thánh được chấp nhận của Maharashtran, và sau đó đã rời

ông để theo Vinoba Bhave. Cô đã đi bộ cùng ông ấy qua những ngôi làng của Ấn độ. Giảng đạo đến rất tự nhiên cho cô. Cô thấy mình như một phụ nữ của số mạng; điều này trao tặng cô năng lượng, hùng biện, và động cơ mãnh liệt.

Trong suốt những bàn luận Krishnaji, nhận biết hình ảnh tự tạo của cô, đã nói với cô, “Đừng cố gắng trải nghiệm sự thật qua Shankara, Krishna, Gandhi, Krishnamurti.” Cô chất vấn anh, nhưng phát giác rằng dường như không có sự liên quan giữa những câu hỏi cô đưa ra cho Krishnaji và những trả lời của anh. Bởi vì những trả lời của anh là một thách thức cho cái trí của cô và những giả thiết của nó.

Vimla Thakkar đang thực hành khắc nghiệt sự khổ hạnh và kỷ luật yoga, và cô đang bị đau đớn nhiều trong tai của cô. Sự đau đớn trong tai của cô tiếp tục, và những bạn bè của cô đã bảo rằng điều đó do bởi sự thức dậy của kundalini. Một buổi sáng khi cô, Shankar Rao, và Dada Dharmadhikari đang bàn luận khía cạnh nào đó về lời giảng cùng Krishnaji. Dada nói về sự đau đớn nơi tai của Vimla. Anh ấy kể với Krishnaji rằng nó liên quan đến những thực hành yoga của Vilma, nhưng Krishnaji không đồng ý. Anh yêu cầu cô đi khám bác sĩ, bởi vì anh cảm thấy rằng nó không là một trải nghiệm huyền bí nhưng là một căn bệnh vật chất. Cô chán nản khi nghe Krishnaji nói điều này, nhưng sau đó đi đến một bác sĩ về tai và năm 1960 được giải phẫu ở Bombay. Sự đau đớn không còn, nhưng cô lại bị điếc hoàn toàn trong một tai.

Tháng mười hai năm 1960 cô gặp lại Krishnaji ở Varanasi cùng Shankar Rao và Dada. Sau nói chuyện bệnh điếc được đề cập, và bỗng nhiên Krishnaji nói, “Hồi trước khi tôi còn nhỏ mẹ tôi thường bảo với tôi rằng tôi có quyền năng chữa bệnh trong hai bàn tay này.” Anh nói rất rụt rè, luôn luôn như thế khi anh nói về mình. “Bạn có muốn tôi

xem thử liệu tôi có thể giúp đỡ tai của bạn?” Vimla từ chối. Được nuôi dưỡng trong một truyền thống khiến cho cô phản ứng mạnh mẽ chống lại tất cả những người thực hiện phép lạ, cô đã trả lời rằng cô không tin những việc này, và thế là khoảnh khắc trôi đi. Sau đó Dada khiển trách cô và bảo với cô rằng đáng ra cô không nên từ chối. Krishnaji không giống như những *sadhu* thông thường đang sống dựa vào những phép lạ. Sau nhiều bàn luận, cô quay lại gặp Krishnaji và tìm kiếm sự trợ giúp.

Krishnaji có một cách rõ ràng khi thực hiện một hành động chữa trị. Người bệnh ngồi trên một cái ghế dựa, Krishnaji đứng phía sau, và đặt hai bàn tay trên đầu của bệnh nhân. Sau đó, bằng một cử chỉ, dường như anh quăng đi cái gì đó đã vào hai bàn tay của anh. Anh sẽ lặp lại việc này nhiều lần. Tiếp theo anh đặt hai bàn tay của anh trên đầu người bệnh rất lâu, rồi anh yêu cầu người bệnh ngồi yên lặng một lúc. Luôn luôn Krishnaji rửa tay sau khi xong việc. Bằng cách này, trong nhiều ngày anh đặt hai bàn tay trên tai của Vimla, và thính giác từ từ hồi phục.

Vimla theo Krishnaji đi Bombay, nơi anh đang nói chuyện. Anh hỏi cô về tai của cô. Cô trả lời cô đang nghe âm thanh của một tiếng sáo trong tai bị điếc. Anh bảo với cô rằng cô đang diễn giải âm thanh thành hình ảnh riêng của cô; anh yêu cầu cô đừng làm như thế và sử dụng một miếng băng bằng đá lạnh trên tai để chữa tiếng ồn. Sau đó cô theo Krishnaji đến London – và đến Saanen ở Thụy sĩ, nơi anh tiếp tục sự điều trị của anh. Từ Saanen cô vui vẻ viết cho Dada, “Tôi đã được hồi phục, và có thể nghe rất rõ ràng.”

Tại một phỏng vấn ở Wimbledon, Vimla hỏi Krishnaji về những quyền năng chữa bệnh của anh. Anh trả lời cô, “Tôi e rằng bạn sẽ không hiểu.”

Cô theo anh đến Gstaad, Thụy Sĩ. Kris hnaji trông không khỏe lắm, và có vẻ đang trải qua một căng thẳng. Cô lại hỏi anh về những quyền năng chữa trị, bởi vì cô cảm thấy rằng sự chữa trị đã ảnh hưởng cả cái trí của cô cũng như thân thể của cô. Bệnh điếc đã khỏi, và cái trí cũng được giải thoát, được tự do khỏi ngục tù. Cô cảm thấy phía bên trong cái gì đó được buông lỏng, không thể chịu đựng những biên giới.” Krishnaji sẽ nói rất nghiêm túc với cô, “Ai bảo với bạn rằng hai cái có liên quan?” Lại nữa cô hỏi anh về “nổ tung” bên trong cô. Nhưng anh không khuấy khích cô trong sự tin tưởng của cô, và chối từ thừa nhận rằng sự tiếp xúc của anh đã mang lại những thay đổi tinh thần sâu thẳm và giải thoát khỏi ngục tù. Cô quyết định không tham gia bất kỳ những nói chuyện nào của Krishnaji nữa, nhưng bắt đầu tự nói về sự thật, một mình cô.

Trong khi đó, những xung đột phía bên trong của Shankar Rao đang gia tăng. Năm 1962, giữa xung đột của Trung Quốc và sự đối đầu gian khổ giữa Kennedy và Kruschev, Shankar Rao quyết định dẫn đầu một tuần hành hòa bình đến Trung Quốc. Bạn bè ông cố gắng can gián, nhưng ông vẫn cương quyết. Thế là một nhóm nhỏ bắt đầu đi bộ trên con đường mòn đầy bụi bặm xuyên quốc gia. Không người nào biết rõ rằng lộ trình này sẽ dẫn họ đến đâu; những biên giới bị quên lãng và thế là họ đi. Thi sĩ Allen Ginsberg và người bạn của ông Peter Orlovsky, những người thành lập phong trào Beat, cùng sự phản đối của nó chống lại phe có uy quyền và sự nghi ngờ của nó đối với tất cả những giá trị vật chất, cũng có mặt ở Ấn Độ thời gian đó. Họ đang tìm kiếm sự thật trên bãi hỏa thiêu Varanasi, cùng với Aghori Bawas và

Nath Panthis dữ tợn.* Được hài lòng bởi hành động nhân đạo điên rồ của Shankar Rao, họ tuân hành một phần của con đường cùng ông, cất lên tiếng hát *bhajans* trong giọng mũi người Mỹ của họ.

Phòng điều tra trung ương CBI [Central Bureau of Investigation] bắt đầu nghi ngờ về hai người đàn ông dơ dáy tóc dài để bộ râu quai nón này. Họ không đồng ý gia hạn thị thực nhập cảnh. Tôi nhận được một điện tín từ Bombay của họ: “Bị quấy rầy bởi Phòng Điều tra tội phạm CID [Criminal Investigation Department], gia hạn thị thực bị khước từ, đã điện tín cho Nehru, Galbraith và Lord Ganesh đến Delhi thứ hai – Allen và Peter.” Tôi gửi thích vấn đề của những người tìm kiếm phương Tây này cho Viswanathan, một thư ký rất thông cảm nhưng ngờ vực của Bộ Nội vụ, mà đã bảo với tôi rằng điện tín của họ đã được gửi đến Thủ tướng Nehru trước ông ấy, và rằng danh tánh của tôi đã được cho để xác nhận sự chính trực của họ. Họ được chấp nhận gia hạn. Sau đó, họ tuân hành lại cùng Shankar Rao. Ngày 16 tháng ba năm 1963 họ đã viết:

Pupul thân mến,

* Aghori Bawas ở trong số những người gây kinh hãi nhất của *sadhus* hay những người thiêng liêng của Ấn độ.

Nath Panthis là những môn đệ của Gorakhnath, tác giả của chuyên luận đầu tiên về hatha yoga. Được sử dụng từ những giáo phái Hồi giáo và Ấn giáo, họ là những người lang thang, quan tâm đến những thực hành phép thuật và tôn thờ Shiva và Shakti. Họ được gắn liền với nhiều thần thoại cổ xưa khắp Bắc Ấn.

Bhajams là những bài ca hiến dâng được hát bởi những nhóm đàn ông hay đàn bà.

Chúng tôi cỡi voi trong sở thú & sau đó ra ngoài đến Khurja và trải qua một ngày đi bộ cùng Shankar Rao Deo & những người tuần hành khác. Họ đang gây chú ý tức là đang thách thức sự điên cuồng của loa phóng thanh bằng sự bình thản của từng người. Trải qua buổi tối cùng họ; họ tiếp nhận chúng tôi & đối xử với chúng tôi tốt và chúng tôi sờ vào bàn chân đi bộ của họ & rời. Tôi điện thoại đến nhà của bạn khi chúng tôi trở lại Delhi, chồng của bạn trả lời bạn vẫn còn chưa về. Tôi đoán anh ấy đã kể lại cho bạn –

OK –
Thân, Allen

Hollo Pupul & Babu Pa và Babu Ma,

Thật vui khi tuần hành cùng họ ngày và đêm, trước chuyến tuần hành chúng tôi nghỉ chung với họ trong một ashram một phòng duy nhất tất cả chúng tôi đều trong một phòng, ngủ bên cạnh tôi là một người tên là Jain từ Madras mà viết bài cho một nhật báo Budan [công việc của Bova] – cũng có một cô gái trẻ từ Bangalore kết hôn với một người Áo theo Gandhi, cả hai đều đang tuần hành đến Bắc kinh có tên là DADA đang theo cùng Shankar Rao trong hành và nói chuyện suốt vài tháng – DADA kể chuyện đùa làm vui về mọi người –. Tôi hy vọng họ đến được Bắc kinh – sẽ tuyệt vời lắm nếu Bhav e & Nehru & Shankar Rao Deo có thể gặp gỡ & dạo bộ cùng nhau một ngày & nói về –

Yêu & Ganes
-Peter-

Lúc này bạn đang đọc gì?
Vừa đọc xong Tự truyện của Dalai Lama

Shankar Rao cùng những người tuần hành bụi bặm của ông bị chặn lại tại biên giới Burma. Họ ngồi và chờ đợi, nhưng chính phủ Burma cương quyết. Thế là những người tuần hành phải quay lại và giải tán. Những phê bình trên báo chí rất mỉa mai, những người phỉ báng cười cợt, và Shankar Rao bị tổn thương nặng nề.

Mùa đông năm 1961 Rao đã gặp Krishnaji ở Varanasi và đã kể cho anh về sự sợ hãi khủng khiếp đang gặm nhấm

con người của ông. Khi Krishnaji hỏi ông rằng ông sợ hãi cái gì, Shankar Rao trả lời, “Chết.” Krishnaji đã thâm nhập vào sợ hãi và chết cùng đệ tử của Gandhi, nhưng sau đó sẽ nói rằng chính là sự kiềm chế bị ép buộc của những giác quan mới đang hủy hoại Shankar Rao.

Sau khi tuần hành vì hòa bình bị tan rã, Shankar Rao cố gắng gặp lại Krishnaji, nhưng Krishnaji không ở Ấn độ mùa đông năm 1962. Bị ngăn cản, sợ hãi, không biết hướng về đâu, những năm tháng kiên khem và phủ nhận giác quan bỗng nhiên bị đảo lộn và sự bạo lực phía bên trong của Shankar Rao tr -biểu lộ trong một hành động của đam mê. Tự-kinh hãi bởi chính anh ấy, bám vào gánh nặng vô cùng của sự tội lỗi, Shankar Rao chìm sâu trong sự trầm cảm và trở nên bị cầm hoàn toàn. Bạn bè của ông lo ngại lắm và viết cho Krishnaji về ông.

Khi Krishnaji trở lại Ấn độ mùa đông năm 1963, Rao Sahib Patwardhan và Dada Dharmadhikari đưa Shankar Rao đến gặp Krishnaji. Thoạt đầu Shankar Rao không chịu theo Dharmadhikari và Rao Patwardhan, nhưng bỗng nhiên ông gật đầu và không còn chống cự. Tôi nhớ lại con người thân thể chỉ có một mảnh vải, vóc dáng đầy đặn, da nâu, đôi mắt hung dữ, trông man dại đang mặc một áo *dhoti* cao được đưa vào phòng khách của Himmat Nivas ở Bombay.

Krishnaji vào phòng và nói với Shankar Rao, “Bạn đã làm gì cho bạn vậy, người bạn của tôi?” và ôm anh. Tại sự tiếp xúc của Krishnaji hai mắt khủng khiếp, điên dại trào nước mắt. Ôm ông bằng cánh tay, Krishnaji diu ông đến phòng của anh. Một tiếng đồng hồ sau họ đi ra. Khuôn mặt của Shankar Rao đã bình thản, ông dịu dàng nói chuyện với Dada, và chào tạm biệt Krishnaji. Có vẻ rằng Krishnaji đã cảnh báo ông không được liên quan lại với chính trị.

Tin tức về “phép lạ” lan tràn qua Sarva Seva Sangh, và qua chúng tôi *ashrams* khắp quốc gia. Người ta đổ xô đến nghe Krishnaji. Theo Dada Dharmadhikari, đây là phép lạ thứ hai ông đã chứng kiến, phép lạ thứ nhất là sự chữa trị tai điếc của Vimla. Tại những nói chuyện của Krishnaji ở Bombay, những đám đông tụ họp khi anh đi bộ đến xe hơi sau khi anh nói chuyện xong, cố gắng chạm vào bàn tay của anh, để hưởng phước lành của anh. Những biến cố này (mà suốt nhiều năm Krishnaji không muốn nhắc nhở đến) và sự vô hạn của sự hiện diện yên lặng của anh đã gây ấn tượng mãnh liệt cho vô số người. Lời giảng, mặc dù tất cả họ đều đồng ý nó được đặt nền tảng trong một không-phân hai tuyệt đối, lại có vẻ quá xa vời và không thể đạt được.

Một khủng hoảng nghiêm trọng trong sự liên hệ giữa Krishnaji và Rajagopal đã phát triển ở Ý mùa hè năm 1957. Rõ ràng, Rajagopal đã chê trách Krishnaji về vài hành động anh ấy không đồng ý, và đã đe dọa không làm việc cho anh nữa.

Trong lát kỳ trường hợp nào, khi Krishnaji và Rajagopal đến Ấn độ vào mùa đông năm 1957, Krishnaji rút lui một phần và không tổ chức nói chuyện trước công chúng.

Ý định của Rajagopal có vẻ là tách rời Krishnamurti, con người và Người Thầy, khỏi học viện trung tâm được thành lập để tìm hiểu thêm nữa lời giảng. Sau đó nó trở nên rõ ràng rằng Rajagopal đã theo cùng Krishnaji đến Ấn độ để thu xếp những vấn đề liên quan đến Vasant Vihar và bản quyền sách của Krishnaji. Krishnaji rất lơ mờ về những cấu trúc của học viện, không quan tâm đến những trách nhiệm và những quyền lợi hợp pháp của anh, và đồng ý bất kỳ điều gì Rajagopal yêu cầu, mặc dù những chữ ký cho những tài liệu hợp pháp được kết thúc chỉ vào mùa đông năm 1958.

Krishnaji trao cho Rajagopal và Krishnamurti Writings, Inc. tất cả quyền về bản quyền sách của anh, và trên thực tế rút lui khỏi K.W.I., mà anh là chủ tịch.

Madhavachari trở thành thư ký của Foundation cho New Education năm 1957; ông cũng là đại diện K. W. I. ở Ấn độ. Ông đã trở thành người đồng hành chung thủy, người bạn của anh và người chủ nhà của anh. Madhavachari, đã về hưu không còn phục vụ cho chính phủ, đang sống ở Vasant Vihar. Ông là một Brahmin Nam Ấn, và cuộc sống ở Vant Vihar rất khắc khổ. Sự khổ hạnh có nghĩa là không quan tâm đến không gian và hình dáng, hay một môi trường nơi những sáng tạo có thể nảy mầm. Những không gian được tạo ra bởi đặc điểm của Nam Ấn, được tìm thấy trong những đền thờ, trong những căn nhà nông thôn, và những vật dụng hàng ngày, đã bị bỏ quên từ lâu. Quần áo riêng tư treo trên dây phơi, giường ngủ, và những tờ giấy in trang trí những bức tường.

Những cảm giác mơ hồ đang nảy sinh trong Krishnaji về vườn tược bị bỏ hoang và sự bố trí tổng quát ở Vasant Vihar. Những nói chuyện trùng hợp với hội nghị của Tổ chức Thông thái, và được tham dự bởi nhiều người già. Chẳng có bao nhiêu người trẻ tiếp xúc với trung tâm Vasant Vihar hay với những lời giảng của Krishnamurti.

Từ Madras, Krishnaji và Rajagopal đi đến Rishi Valley rồi sau đó quay lại Madras. Công việc của anh ấy đã thành công, Rajagopal quay về Mỹ. Anh ấy được tiễn tại phi trường Bombay bởi Sunanda và L. V. Bhave. Nhắc lại biến cố, Sunanda kể về sự tức giận của Rajagopal, sự bùng nổ chống lại Krishnaji của anh ấy, và những phản ứng lẫn những từ chối dữ dội của Jamnadas Dwarkadas khi lắng nghe những than vãn của Rajagopal.

Tôi đã không thể đi đến Rishy Valley hay Madras, bởi vì chồng tôi bị bệnh tim rất nặng; tôi phải chờ Krishnaji ở Delhi. Những liên hệ của tôi với người chồng rất khó khăn trong một khoảng thời gian; một người Maharashtra, anh ấy không thể dung thứ một người vợ theo đuổi một sống và có những quan tâm tách khỏi quan tâm riêng của anh ấy. Anh ấy phản đối mạnh mẽ nơi nào anh ấy biết nó sẽ gây tổn thương, nhưng trong khi tiến hành sự xung đột đã tàn phá anh ấy và thân thể anh bị suy sụp.

Krishnaji, được theo cùng bởi Maddhavachari, đến Delhi đầu năm 1958. Lâu năm rồi từ lần cuối cùng tôi gặp Krishnamurti trong vai trò người chữa bệnh. Tôi kể cho anh về sự phiền muộn và đau khổ của tôi. Từ bi của anh bao bọc tôi. Anh khiến cho tôi phải đối diện sự kiện rằng không có sự liên hệ nào tồn tại giữa tôi và con người tôi đã kết hôn. Tôi không được chuẩn bị để thấy điều này. Sự đau khổ dồn dập như những con sóng, nhận chìm tôi, khiến cho sự quan sát rõ ràng không thể xảy ra được. Anh đặt hai lòng bàn tay của anh giống như nuốt trọn quanh khuôn mặt của tôi. Anh bảo tôi nhìn vào hai mắt của anh và thấy sự đau khổ của tôi được phản ánh trong chúng. Anh là người cha, người mẹ, người bạn, và người thầy, hiển hiện cho tôi trạng thái mỏng manh và trạng thái dai dẳng của tinh thần bị đau khổ; nhưng anh sẽ không cho phép tôi ngánh mặt đi. Giống như một cột lửa, đang cháy của anh hủy diệt những ký ức, trạng thái cô độc, không tình yêu mà là gốc rễ của sự đau khổ. Tôi được dẫn dắt đến mặt đối mặt trạng thái trống không của sự đau khổ. Một nhận biết được sinh ra mà thiếu rụi những vết sẹo của cái gì đã là. Anh tỏa ra tràn đầy tình yêu của anh và nó trôi chảy qua tôi, làm thanh thản quả tim của tôi. Nếu anh chữa trị phía bên trong của tôi, cũng vậy đối với người chồng của tôi, anh

trao tặng tràn đầy tình yêu của anh. Thuộc thân thể, chữa trị quả tim bị tổn thương, nói với anh ấy bằng cùng tình yêu như thế, chữa trị cái trí và tinh thần của anh ấy.

Từ Delhi, Krishnaji và Madhavachari đi đến Varanasi. Tôi nhận được nhiều lá thư từ Krishnaji yêu cầu tôi đến Rajghat, nhưng điều kiện thân thể của chồng tôi không cho phép tôi để anh ấy lại một mình.

Krishnaji trải qua mùa hè 1958 ở Ấn độ. Anh đã được mời ở lại trong một bungalow M. E. S. tại Chowbatia ở Ranikhet, một ngôi nhà rộng lớn nằm tại vị trí cao nhất ở Ranikhet, cùng một quang cảnh hoành tráng của dãy núi Himalayas tuyết phủ nằm đầy thiêng liêng trước mặt nó. Krishnaji lại ở trong những hòn núi thiêng liêng của quá khứ tổ tiên của anh. Những buổi chiều tối, anh ngồi và hát lên những bài thánh ca tiếng Phạn mà anh đã học lại. Anh dạo bộ trong những cánh rừng cây thông tuyết, bị lạc, tìm được con đường dẫn về nhà.

Nói về những dạo bộ này, anh kể về một chiều tối khi tin tức loan truyền rằng một con cọp đã giết người, không xa nhà của Krishnaji lắm. Sáng hôm sau anh dạo bộ thường lệ, lang thang mỗi lúc một sâu hơn vào rừng. Nhiều âm thanh của rừng – chim chóc và những chiếc lá xào xạc, những con khỉ huyên thuyên – trôi chảy qua anh. Bỗng nhiên anh tỉnh táo hẳn và phát giác rằng thân thể của anh chới từ chuyển động. Theo bản năng, anh đã nhận biết được cái gì đó, và sự thông minh của thân thể đã phản ứng. Tất cả những âm thanh đã bật tắt. Mọi thứ dường như trong một trạng thái của động lại – trong tích tắc hơi thở của thiên nhiên tan biến. Krishnaji đứng sững trong khoảng hai phút, cái trí của anh hoàn toàn tỉnh thức, thân thể của anh không cử động. Anh có thể cảm thấy đang bị quan sát. Sau đó bỗng nhiên nó chấm dứt, chim

chóc lại gọi lẫn nhau, những con khỉ chuyển từ cành cây này sang cành cây khác, rìng sống lại, và Krishnaji về nhà. Vào chiều tối những đồn đại báo đến nhà rằng người ta đã thấy con cọp lảng vảng trong rừng.

Radhika, người con gái mười tám tuổi của tôi, và Asit Chandmal, cậu cháu trai mười bảy tuổi của tôi, sẽ viếng thăm Krishnaji và Madhavachari tại Chowbatia vào tháng năm. Sau đó các cháu sẽ ra nước ngoài tiếp tục việc học hành – Radhika đến Bryn Mawr ở Mỹ, nơi cháu theo môn triết học, và Asit đến Royal College of Science ở London.

Krishnaji rất hạnh phúc khi có hai người trẻ ở lại cùng anh. Madhavachari cho các cháu vô thức ăn, và Krishnaji dạy yoga *asanas*, những tư thế. Anh chỉ cho các cháu cách đi, cách đứng, cách nhìn từ phía sau đầu. Việc này sẽ cho phép *thấy* trôi chảy về phía sau và *thấy* từ chiều sâu. Anh dắt các cháu đi dạo rất xa, nhìn ngắm, lắng nghe, và dạy các cháu cách nhìn, cách lắng nghe.

“Nhặt lên một chiếc lá,” anh nói. “Nhìn ngắm nó – nhìn xa tới mãi những đỉnh núi phủ tuyết và thả cho nhìn đó trôi chảy vượt khỏi rồi sau đó nhìn rất gần và liên kết nhìn đó đến lắng nghe. Nhìn trong cách của người Nhật bản,” anh bảo các cháu, mà Radhika nói có nghĩa là cúi đầu xuống và nhìn thế giới đảo ngược lại. Vào một trong những dạo bộ Asit nhớ lại Krishnaji nói về dấu thánh giá, “Đường thẳng là ‘cái tôi’ và đường ngang là phủ nhận ‘cái tôi.’”

Madhavachari sẽ rời đó để đi đến Madras trước c Krishnaji, và Murli Rao, người đã kết giao cùng Krishnaji lâu lắm rồi, từ Delhi đến để đón Krishnaji xuống vùng đồng bằng. Mặc dù những người làm vườn và những người phụ giúp khác không thể nói tiếng Anh, họ đều cảm thấy sự hiện diện yên lặng, trầm tư của Krishnaji. Tin tức về một yogi vĩ

đại đã lan truyền, và mọi người từ khắp thị trấn đều đến để có một *darshan* *thấy* và già từ anh. Krishnaji chào hỏi họ bằng những nụ cười thương yêu, kế tiếp trước khi rời đó anh đi quanh vườn và đứng yên lặng trước những cây thông nhựa và những cây thông tuyết đầy màu cổ xưa. Sau đó, Murli Rao hỏi Krishnaji rằng anh đang nhìn ngắm cái gì, và Krishnaji trả lời rằng anh đang chào tạm biệt những bạn bè của anh. Cây cối đã là những người bạn của anh nhiều ngày tháng khi anh ở đó, và anh đã hiệp thông cùng chúng.

Ở Bombay tháng giêng năm 1958, Rao Sahib Patwardhan đưa một người bạn, P. Y. Deshpande – một luật sư, người viết văn, và người theo chủ nghĩa Marx lý thuyết – đến gặp Krishnaji. Bị vỡ mộng bởi chủ nghĩa Marx, uyên bác, nổi tiếng vì trí thức của ông và tánh nết dữ dằn của ông, Deshpande đến gặp Krishnaji ở Bombay cùng người vợ, Vimla Tai. Sự đau khổ đã tàn phá họ; người con trai của họ bị chết và chủ nghĩa Marx không có đáp án. Ông quay về quê hương Brahmin của ông, và ông cùng người vợ đã nghiên cứu *Vedas* và *Upanishads*. Thánh ca *lừng* về Sáng tạo của *Rigveda* đã khơi dậy trong họ một khoảnh khắc của sự nhận biết gây hủy diệt. Deshpande đã viết một phê bình về thánh ca, qua đó ông gặp Rao Patwardhan.

Vợ chồng Deshpande gặp Krishnaji tại Himmat Nivas. Deshpande có một thân thể mảnh khảnh, khuôn mặt của ông gầy gò và hằn lên sự đau khổ, nhưng tinh thần của ông lại có một sinh lực lạ lùng. Ông nói với Krishnaji, “Tôi là một người Marx, và tôi muốn giải bày nó cùng ông, tôi phải nói chuyện với ông, mà không bám chặt vào bất kỳ quan điểm nào. Nếu điều gì ông nói là đúng thực, tôi sẽ bỏ chủ nghĩa Marx và theo ông.”

Như Deshpande sẽ giải thích sau đó, ông cố gắng vật lộn với Krishnaji trong những từ ngữ. Ông thách thức Krishnaji nhưng cuối cùng phát hiện rằng ông đang đấu tranh với không-ai cả. Điều này làm cho ông thất vọng, tức giận. Chất vấn của ông càng kịch liệt và hung bạo nhiều bao nhiêu, ông càng đối diện với cánh đồng trống không nhiều bấy nhiêu. Bỗng nhiên, tất cả chất vấn tan biến. Krishnaji nói, “Chủ nghĩa Marx không là vấn đề, nhưng cái chết của người con của bạn.” Vợ chồng Deshpande không thể tiếp tục thêm nữa. “Chúng ta hãy nói về điều đó, và về sự đau khổ của bạn,” Krishnaji nói.

Họ ngồi lặng thinh trước mặt Krishnaji, trong khi Krishnaji nói với họ về chết. Khi những từ ngữ kết thúc, vợ chồng Deshpande đi ra rung rung nước mắt. Thấy họ, Rao hỏi, “Tất cả đều tốt đẹp chứ?” Deshpande trả lời, “Tất cả những vấn đề đều kết thúc.” Họ quay lại Nagpur, thu xếp mọi vật tùy thân, và đến sống tại Sarai Mohana trong một căn nhà vùng quê nhỏ bên bờ sông Ganga. Trong những năm sau Deshpande và người vợ hợp tác trong mọi khía cạnh của công việc tại Rajghat.

CHƯƠNG 19

“Nói bằng Toàn Bộ đầu”

Đầu năm 1959, người ta quyết định rằng Krishnaji sẽ không quay lại Ojai, nhưng sẽ trải qua năm thứ hai ở Ấn độ. Anh đã ở quốc gia này từ mùa thu 1957 và sẽ không quay lại Châu âu mãi đến mùa xuân 1960. Đó là thời gian dài nhất mà anh sẽ sống tại Ấn độ từ khi anh rời quốc gia lúc còn bé.

Tháng tư, khi thời tiết nóng nực, ẩm ướt không thể chịu nổi. Krishnaji quyết định rời Bombay để đến Lonavala, một khu nghỉ mát trên đồi nhỏ giữa Bombay và Poona. Anh ở một mình cùng một người phụ giúp trong ngôi nhà của Amru Mehta, người em gái út của tôi. Sunanda và người chồng của em ấy, Pama Patwardhan, ở tại Poona, chỉ cách Lonavala bốn mươi dặm, và thường đến viếng thăm anh. Anh sống hầu hết mọi ngày một mình.

Tháng năm, người ta sắp xếp anh đi đến Kashmir qua Delhi, theo cùng với Madhavachari và một người nấu ăn Nam Ấn có tên là Parameswaran. Trong khi ở New Delhi Krishnaji quả quyết rằng Madhavachari phải may một bộ com lê bằng len mới. Anh rất hài lòng khi thấy Madhavachari mặc tươm tất, và anh khen, “Bây giờ Mamaji sẽ trông rất bảnh bao.” Khi họ đến, họ ở qua đêm trên một chiếc thuyền làm thành nhà ở Srinagar. Ngày hôm sau họ chuyển đến một cái nhà nằm trong một vùng đông đúc của thành phố, và trong một lá thư gửi cho tôi Krishnaji diễn tả sự buồn bực của anh bởi cái nhà và những vùng chung quanh của nó đầy chuột.

Ngày 26 tháng năm, Krishnaji và Madhavachari ở Srinagar và lái xe đến Achebal, một *serai* hay nhà khách được xây dựng bởi Nur Jehan trên con đường cổ xưa từ Lahore đến Srinagar. Achebal được đề cập trong *Akbar Nama** như một nơi tôn thờ của những cỗ xưa; dòng nước dồi dào của nó, trong như pha lê và lạnh lẽo, bắt nguồn từ một con suối chảy xiết. Thỉnh thoảng, *Akbar Nama* tiếp tục nói, một con cá có đốm màu vàng đẹp sẽ xuất hiện trong nước, và sự xuất hiện của nó được nghĩ là rất may mắn. Suốt hàng

* Biên niên sử của cuộc đời Akbar và sự cai trị bởi Abul Fazl.

trăm năm những người hành hương đã đến vùng đất thiêng liêng này bởi vì khả năng chữa bệnh của nước suối, bất kể những thần thoại của những *yakshis*, những vị thần cây và nước mà bảo vệ con suối, đã biến mất từ lâu.

Nur Jehan đã dựng lên một cái vườn có tường vây chung quanh con suối, bao quanh một khu vực được trồng bởi những cây dương và cây chinar. Tại một vị trí trong khu vực bao quanh con suối phun vọt nước lên dữ dội từ lòng đất rơi xuống như một miếng nước đến những mức độ thấp hơn của cái vườn. Những nhánh to của cây chinar tràn qua nước đang chảy. Dưới thác nước là những cái ao và những vòi phun, và những cái mương được đào để dẫn nước đến những vùng xa của cái vườn. Những cái mương này được hoạch định để cho những tia sáng của mặt trời tạo ra những cầu vồng khi chúng bắt được tia phun ra của thác nước và những vòi phun. Những bông hoa đã được trồng, hơi hơi hoang dại, trong những khu vực nơi những cây dương và cây chinar không tỏa bóng của chúng. Những cái chòi trông bốn phía, lúc đầu được dựng lên bởi Moghuls, nhưng sau đó được sửa chữa và chẳng còn mang dấu vết của những cân đối tinh tế đầu tiên của chúng, được đặt gần cái ao. Tiếng âm âm của thác nước và âm thanh của nước róc rách không xâm phạm để phá vỡ những yên lặng và cũng không quấy rầy những con chim nghỉ ngơi trong những cây chinar có thân to lớn. Vùng quê là một tấm thảm mênh mông của những cánh đồng lúa non xanh tươi tắm đầy ánh nắng mặt trời, tương phản cái nền của những hòn núi có đỉnh phủ tuyết, dựng đứng trên đường chân trời.

Ngay sau khi họ đến, Madhavachari phải đi Madras, bởi vì một trong những người con của ông bị bệnh. Nhưng Parameswaran ở lại để phụ giúp những nhu cầu của

Krishnaji. Tôi tham gia cùng Krishnaji ở Achebul ngày 6 tháng sáu, và ở trong một túp lều nhỏ gần nhà của Krishnaji đến cuối tháng.

Trước khi tôi đến Kashmir, Krishnaji đã viết thư nhờ tôi mang cho anh một quyển sách tiếng Anh cho người bắt đầu, một quyển *Golden Treasury of English Verse* của Palgrave, và một chai thuốc dưỡng tóc. Tôi cũng đem một gói xoài alfonso, một trái cây Krishnaji ưa thích. Không có điện ở Achebul, và buổi tối chúng tôi dùng đèn lồng dầu hôi hay một petromax.*

Krishnaji thức dậy lúc bình minh và tập yoga *asnas* và *pranayama* của anh, mà anh đã học từ B. K. S. Iyengar, một người thầy nổi tiếng của yoga từ Poona. Krishnaji đang cố gắng thuyết phục tôi học yoga *asnas*, nhưng bởi vì tính khí thờ ơ phần thân thể nên những nỗ lực tập luyện của tôi đều thất bại. Sau khi *asnas* của Krishnaji chấm dứt, chúng tôi ăn một bữa điểm tâm kiểu Nam Ấn gồm *idlis* và *sambhar* hay *dosas*, bánh đậu lãng pha gạo mận, với tương ớt làm bằng dừa. Tôi uống cà phê, Krishnaji uống món pha chế thảo mộc nào đó.

Đến lúc đó Krishnaji đã sẵn sàng cho chuyến dạo bộ lâu, và tôi tham gia cùng anh leo lên đỉnh quả đồi chung quanh. Dạo bộ qua những cánh rừng thông, chúng tôi leo lên những triền đồi dốc đứng; Krishnaji rất nhanh nhẹn, giữ thăng bằng thật khéo léo, leo trèo qua những tảng đá to và ưa thích nhảy qua trực tiếp dễ dàng hơn là phải đi vòng vòng. Tôi hỏn hển thở dài, nhưng tôi quen công việc leo núi từ niên

* Petromax: Trước khi Ấn độ có điện, những ngọn đèn dùng dầu hôi cùng loại đặc biệt và có một cái bích để điều chỉnh ánh sáng. Petromax vẫn còn được sử dụng ban đêm cho những nghi lễ cưới hỏi.

thiếu và xoay sở để theo kịp anh. Anh sẽ leo lên thật nhanh, sau đó nhìn lại tôi, quan sát tôi đấu tranh để thương lượng với một tảng đá khó khăn đặc biệt; thỉnh thoảng anh chìa tay ra và kéo tôi lên phía sau anh, vượt qua những triền rất dốc đứng. Từ đỉnh đồi, mà chúng tôi đến sau khi leo trèo vất vả và rất lâu, phong cảnh gây kinh ngạc. Cái vườn có tường bao bọc và những cánh đồng lúa xanh tươi mát mẻ cùng những cây dương hai bên sườn nằm phía dưới, trong khi màu trắng kinh ngạc của tuyết vây quanh chúng tôi. Krishnaji say đắm phong cảnh ở đây.

Vào những buổi chiều, sau khi nghỉ trưa, anh sẽ dạy Parameswaran tên Anh. Gần gần tối, chúng tôi do bộ chậm chậm giữa những cánh đồng lúa, hay bên trong cái vườn có tường Moghul. Những bông hoa nở rộ và những cơn gió nhẹ mang hương thơm của hoa hồng, hoa tử đinh hương, và hoa kim ngân. Rau cải xoong mọc đầy theo thềm con suối và chúng tôi hái chút ít cho bữa ăn chiều. Có một nơi ương trứng của cá hồi, và Krishnaji nhìn ngắm chuyển động mau lẹ của con cá.

Krishnaji là đứa trẻ của nước. Anh vui đùa cùng dòng suối đang chảy tung tăng, vọt lên, rơi xuống, hay nước đang trôi qua những hòn đá cuội phủ rong rêu, hay nước không một gợn sóng. Tình trạng mờ mờ trong và sự tự do của nước, chuyển động cuồng nộ của nó, sự lạnh lẽo của nó hay những lần xô đẩy của nó qua đất và đá, khiến cho anh mê đắm.

Tâm trạng của Krishnaji rất trẻ thơ; không cơn bão nào thịnh nộ. Tiếng cười đùa trên hai môi của anh và hai mắt của anh. Anh làm tiêu tan mọi phiền muộn của tôi trong từ bi và thương yêu. Thỉnh thoảng anh lại nghiêm túc và tư lự ghê lắm. Nhiều thấu triệt mà anh sẽ thâm nhập sau đó trong năm này, trong những nói chuyện của anh ở Madras và Bombay,

đang nảy ra. Giống như thủy triều, hay trăng tròn và khuyết, cái trí của anh chuyển động trong nhịp điệu riêng của nó. Tôi thấy người đàn ông của huyền bí này, được phú cho vẻ đẹp vô hạn, bình phẩm về “sự tổng thể của ánh mặt trời,” ngược nhìn một chiếc lá mới nhú, đặt bàn tay của anh trên một cái cây có tuổi thọ hàng thế kỷ, kết bạn cùng nó, cảm giác cái vỏ sần sùi của nó, lắng nghe tiếng âm âm của nhựa cây khi nó chảy qua những mạch máu của chiếc lá. “Không thời gian hiện diện ở đây, nó ẩn mình dưới mỗi chiếc lá,” anh thường nói. Tôi cảm thấy quả đất trên đó chúng ta đi, nói chuyện, ăn uống, và sống như cái nền của một năng lượng không giới hạn. Thỉnh thoảng tôi cảm thấy bị mê mẩn, như thể được nuôi sống bởi những giọt sương mai.

Trong một dạo bộ anh hỏi tôi nhìn ngắm như thế nào, và nói năng như thế nào. Tôi bị bối rối. Sau đó anh nói, “Liệu có thể nói, ca hát, ngâm nga, không phải từ cuống họng hay miệng, không phải từ phía trước của miệng, nhưng từ bụng trôi cho những từ ngữ chạm vào phía sau của bộ đầu, qua hai mắt, cùng chú ý được giữ chặt đằng sau hai mắt, và thế là nói? Đó là, nói bằng toàn bộ đầu.”

Chúng tôi bàn luận rất lâu về cái trí tôn giáo thực sự và cái trí khoa học như hai cái trí duy nhất mà sẽ tồn tại trong những năm sắp đến – một câu phát biểu mà anh sẽ tìm hiểu trong những nói chuyện tại Madras. Anh nói về chết và kết thúc như cái nguồn của sáng tạo và sự giải phóng của năng lượng mà không hao tán. Đối với anh, đang lắng nghe, chính nó là phép độn mà chuyển hóa và thâm nhập thăm thẳm, lật tung gốc rễ và hủy diệt những trói buộc giấu giếm của cái trí.

Trong những đêm không có trăng, tối thui chúng tôi sẽ ra ngoài và nhìn ngắm những vì sao và màn đêm đang giảm sút của không gian. Anh sẽ chỉ vào vô số những chòm sao.

Anh nói về chuyến hành trình vào không gian phía bên ngoài và chuyến hành hương phía bên trong như sự khám phá về cái vô hạn. Nhưng một cái trí nhỏ nhen không thể dẫn thân vào chuyến hành hương của vĩnh hằng này.

Mọi buổi tối là một phước lành.

Vào ban đêm, sau bữa ăn tối sớm dưới ánh sáng của petromax, anh ã ngâm lại bài thơ từ tập thơ Golden Treasury. “Ode to the Nightingale” của Keat là bài thơ ưa thích nhất của anh. Buổi tối thời tiết rất lạnh và chúng tôi đốt củi và quả thông khô trong lò sưởi thóang. Tỉnh thoảng, anh sẽ cất lên những thánh ca bằng tiếng Phạn. Những âm thanh của giọng hát sâu lắng của anh phủ kín căn phòng và vang rền qua những cánh đồng lúa, vươn ra khỏi những núi tuyết. Lắng nghe và thấy được nở hoa trong sự hiện diện cổ xưa của anh.

Krishnaji kể với tôi rằng tại một trong những đạo bộ của anh, anh đã gặp một nhóm khi đang đi, bên trong sự hiện diện của những đỉnh núi phủ tuyết. Chúng đang đi qua những cánh đồng lúa xanh tươi rục rỡ, và những đỉnh núi tuyết vút cao khạc lửa cùng ánh sáng mặt trời. Trong đang thấy sự mệnh mang là bản thể của thiêng liêng. Tuy nhiên, những thầy tu đi bộ với hai mắt của họ thu hẹp lại và tập trung trên mặt đất trước hai bàn chân của họ, hoàn toàn không nhận biết được sự vinh quang chung quanh họ. Dù những cái trí của họ yên lặng đến chừng nào, anh nói, nó sẽ là sự yên lặng của những giới hạn, của những không gian bé tí, và vũ trụ đang lan rộng vô hạn sẽ không có nơi chốn bên trong nó.

Mỗi vài ngày tôi sẽ đi đến Srinagar bằng xe hơi và quay lại vào buổi chiều. Krishnaji có sự cảm thông nhiều đối với những món đồ thủ công nghệ, và tôi sẽ mang về những vật dụng dệt bằng tay và những món đồ thủ công. Anh sờ mó

đổi xử với chúng rất cẩn thận và vui mừng trong từng màu sắc của chúng, những kết cấu của chúng, và sự khéo léo của người thợ. Tôi cũng sẽ mang về rau quả tươi, bởi vì chúng không có sẵn tại Achebul.

Năm 1959, tôi không có hiểu biết rằng Achebul là một vùng hành hương cổ xưa, và những nước của con suối được giữ gìn thiêng liêng. Những cư dân Hồi giáo địa phương, đã tẩy xóa tất cả những dấu vết của quá khứ cổ xưa và những thần thoại liên quan đến nó. Tuy nhiên, Krishnaji cảm thấy nhịp đập của nó, âm vang nhiều bàn chân của những người hành hương đã giẫm trên con đường này đến con suối. Anh thường nói về vai trò của những người hành hương. Tôi kể cho anh về một bài viết từ xa xưa nơi bàn chân của những người lang thang được ví như một bông hoa. Tôi cũng nói rằng lộ trình của những người hành hương nằm ở Pahalgam, cách Achebul khoảng bốn mươi dặm. Nhưng chẳng giúp ích được gì.

Từ từ tôi nhận biết rằng rất khó khăn khi sống gần gũi Krishnaji mà không trở nên vô cảm. Nó giống như đang sống trước mặt một tia laser; người ta có thể dễ dàng quen thuộc với độ mãnh liệt và thế là bị đốt cháy và quắt lại. Sống gần anh là sống trong một vùng của quan sát và lắng nghe. Người ta phải tỉnh táo cực kỳ đến độ cột sống dựng đứng, cái trí trở nên cảnh giác, thân thể bất động. Anh canh chừng mọi chuyển động, mọi suy nghĩ. Cách người ta đi đứng, những cử động kích động của thân thể, cách người ta nói chuyện, âm điệu của giọng nói, những yên lặng. Anh lắng nghe mọi phản ứng – nhận biết được khi nào cái trí bắt chước, khi nào nó đang sống cùng thấu triệt. Không thốt ra một từ ngữ, người ta cảm thấy lắng nghe và nhìn ngắm. Nhưng “đang hiện diện” mà rất gần, mà nhìn ngắm, mà lắng nghe, mà không có sự

nhận xét. Nó giống như đang thấy khuôn mặt của người ta trong một cái gương cổ bằng đồng được đánh láng bóng.

Sống hơi xa chúng tôi là một người đàn ông trong những ngày xa xưa đã là một *khất sĩ* và sau đó đã từ bỏ chiếc áo cà sa. Ông là một vị khách liên tục, mang cho Krishnaji một ít rượu ủ bổ dưỡng mà ông nói rất tốt cho thận. Krishnaji, theo bản năng là một người theo thiên nhiên, thích thú những thảo mộc và uống món rượu bổ, quả quyết rằng nó rất tốt cho thận của anh.

Cuối tháng sáu tôi quay về Delhi. Chẳng mấy chốc Krishnaji ở Pahalgam, trại căn cứ chính cho những người hành hương thực hiện chuyến hành trình đến Amarnath, một trong những vùng hành hương thiêng liêng nhất ở Ấn độ. Tại hang Amarnath cao trong núi Himalayas, một hình ~~đ~~ng lingam tự nhiên của tuyết được hình thành và tan chảy theo vòng tuần hoàn của mặt trăng. Hành hương chính vào ngày trăng tròn của tháng tám khi lingam xuất hiện trong hình thể quả trứng hoàn hảo, nhưng từ giữa tháng sáu những khất sĩ và những người dân thường đã đi hành hương đến hang. Chuyến đi nguy hiểm lắm. Con đường nằm vắt ngang những cái đèo cao và những hẻm núi dựng đứng. Dọc theo lộ trình là Sheshnag, một cái hồ của màu xanh trong suốt tương phản với những hòn núi cao vun vút. Trăng tròn ló lên đằng sau đỉnh núi cao nhất, sáng tạo chất lân tinh trên những tuyết vĩnh cửu, được ví như trăng khuyết nghi trên mái tóc bện của Shiva.

Tại Pahalgam, Krishnaji ở tại một cái chòi dành cho du khách ~~đ~~ng lên lần trong những cây thông. Qua thung lũng, hai con sông hợp thành con cuông nộ bởi những tảng đá láng bóng đồ sộ nằm vắt vương dưới đáy của chúng, bị rơi xuống từ những vị trí trên cao; con sông Lidar xuất phát từ

sông băng Kolahai và con sông ại, Amarganga, thỉnh thoảng được gọi là Sheshnag, dọc theo hai bờ của nó là con đường mòn dẫn đến Amarnath.

Những khất sĩ và những du khách từ Srinagar đến gặp Krishnaji, và anh nói chuyện với một vài người trong số họ. Anh sẽ nói về những khất sĩ này trong những nói chuyện của anh tại Madras sau đó trong năm. Anh nói, “Ngày nào đó ở Kashmir nhiều khất sĩ đã nói với tôi, ‘Chúng tôi sống một mình trong tuyết. Chúng tôi không bao giờ gặp gỡ bất kỳ ai. Không ai đ từ ng vểng thăm chúng tôi.’ Tôi nói với họ, ‘Thật ra bạn có một mình à, hay bạn chỉ tách rời phần thân thể với nhân loại?’ ‘A, đúng chứ,’ họ trả lời, ‘chúng tôi chỉ có một mình.’ Nhưng họ lại ở cùng Vedas và Upanishads của họ, cùng những trải nghiệm của họ và sự hiểu biết đã lượm lặt của họ, cùng những thiền định và những japams* của họ. Họ đã không từ bỏ gánh nặng của tình trạng bị quy định của họ. Đó không là một mình. Khoác vào một cái áo cà sa không có nghĩa là từ bỏ. Bạn không bao giờ có thể từ bỏ thế giới, bởi vì thế giới là bộ phận của bạn. Bạn từ bỏ một vài con bò, một ngôi nhà, nhưng muốn từ bỏ di truyền của bạn, truyền thống của bạn, gánh nặng quy định của bạn, điều đó đòi hỏi sự thâm nhập thăm thẳm.”

Hầu hết những đạo bộ của Krishnaji đều thực hiện một mình qua rừng cánh rừng thông và dương dày đặc vây quanh Pahalgam. Ngày 13 tháng tám, Vinoba Bhave và những đệ tử của ông đến gặp Krishnamurti.

Vinoba nói đây lần đầu tiên ông thấy Krishnaji. Người hành hương Gandhi hỏi, “Ông bao nhiêu tuổi?”

Krishnaji trả lời, “Sáu mươi tư.”

* Những dạng âm thanh được lặp lại hay mantrams được sử dụng để làm yên lặng cái trí.

“VẬY là ông là người em trai của tôi. Tôi đã đến để bày tỏ sự tôn kính và tìm kiếm những phước lành của ông. Rao và Achyut Patwardhan, Dada Dharmadhikari, và Vimla đã kể cho tôi về ông nhiều lần. Nhưng tôi luôn luôn phải di chuyển và ông cũng vậy. Vì vậy chúng ta không bao giờ gặp nhau.”

Sau khi những lời nhận xét lịch sự chấm dứt, Vinobaji yêu cầu Krishnaji nói cho ông ấy biết về sự thông minh của anh. Krishnaji có vẻ thẹn thùng và yên lặng. Một ghi lại về những bản luận được giữ bởi Nirmala Deshpande, người hiện diện trong suốt những gặp gỡ và ghi lại khi đối thoại giữa hai người xảy ra.

Vinobaji nói, “Chúng ta bắt đầu như thế nào đây?”

“Nó phụ thuộc vào bạn hứng thú điều gì,” Krishnaji trả lời.

“Sống,” Vinobaji trả lời.

“Mọi người đều quan tâm đến sống. Nhưng sự bàn luận phụ thuộc vào những từ ngữ, và những từ ngữ là cần thiết,” Vinobaji nói.

“Không quá nhiều từ ngữ, ngược lại sự bàn luận mất đi ý nghĩa,” Krishnaji trả lời. “Bàn luận hàm ý...”

Trước khi Krishnaji có thể tiếp tục, Vinobaji nói, “Chia sẻ những trải nghiệm.”

“Vâng, và cũng thâm nhập sâu thẳm. Sự trải nghiệm bị giới hạn – tôi nghi ngờ đặt nền tảng hành động trên sự trải nghiệm.”

“Liệu đó là do bởi sự trải nghiệm quy định con người?” Vinobaji hỏi.

“Vâng,” Krishnaji trả lời, “đó là lý do tại sao điều cốt lõi là phải có một cái trí tự do, một cái trí không bị bóp nghẹt bởi sự trải nghiệm, nhưng tự do để thấy vượt khỏi sự trải

nghiệm. Người ta phải chết đi trải nghiệm mỗi ngày. Người ta luôn luôn đang diễn giải trải nghiệm dựa vào cái cũ kỹ. Là một người Ấn giáo tôi diễn giải nó dựa vào Shiva, Krishna – nhưng chúng chỉ là những từ ngữ.”

“Sự phân chia như Ấn giáo, Hồi giáo, Thiên chúa giáo phải được xóa sạch,” Krishnaji nói.

Vinobaji trả lời, “Vâng.”

“Bạn nói ‘vâng,’ nhưng nó là một phát biểu thuộc từ ngữ. Liệu bạn không còn là một người Ấn giáo? Trong khoa học, người ta buông bỏ trải nghiệm quá khứ, để khám phá một thấu triệt mới mẻ. Từ ngay khởi đầu người ta nên được dạy hãy tự do khỏi tình trạng bị quy định – như một người Ấn giáo, Hồi giáo, Thiên chúa giáo. Không ai trong chúng ta buông bỏ. Chúng ta chỉ giả vờ làm như thế.

“Người ta phải không còn là người Ấn giáo hay Hồi giáo; người ta phải là một con người. Nhưng điều đó khó khăn vô cùng. Suy nghĩ về tự do chẳng dẫn bạn đến đâu cả.

“Đầu tiên, người ta phải tự do. Tự do trước, không phải qua suy nghĩ về tự do.”

Vinobaji yêu cầu những người đồng hành của ông đưa ra những câu hỏi, nhưng họ đều do dự. Vinobaji nói với Krishnaji rằng hầu hết mọi người không muốn chất vấn, nhưng đến vì *darshan thấy*. Bàn luận chuyển động khỏi những vấn đề nghiêm túc, và Vinobaji hỏi Krishnaji, “Ông ở lại Ấn độ bao lâu?”

“Sáu tháng.”

“Ông có tập thể dục không?”

“Một chút ít, tôi đi dạo.”

Một trong những đệ tử của Vinobaji hỏi, “Ý nghĩa của tự-nhận ra là gì?”

“Nó có nghĩa gì đối với bạn?” là câu trả lời.

“Hợp nhất cùng Brahman – cùng Thượng đế,” một trong những đệ tử của Vinobaji nói.

“Thượng đế là một cụm từ. Muốn nhận ra Thượng đế, bạn phải có một cái trí tự do, một cái trí tốt lành mà không theo sau bất kỳ người nào cả. Một cái trí không -đạo sư, không-hệ thống. Hãy thử nó.”

“Làm thế nào người ta có một cái trí như thế?” lập tức có một đáp lại.

“Phải có hiểu rõ về chính mình. Không phải hiểu rõ về Atman, nhưng người ta suy nghĩ như thế nào, tại sao người ta suy nghĩ – người ta hành động như thế nào. “Cái tôi” là gì? Tôi không chỉ đang nói về cái tôi tầng ý thức bên ngoài, nhưng về những tầng sâu thẳm của ý thức bên trong. Điều gì được cần đến là một cái trí cách mạng. Bạn không thể có điều đó bằng luyện tập. Nếu bạn thấy chỉ qua một cái cửa sổ, tầm nhìn của bạn bị giới hạn.”

“Liệu triết lý này có thể được giảng dạy?” một trong những đệ tử của Vinobaji hỏi.

“Có một cách suy nghĩ đúng đắn. Liệu nó đặt thành vấn đề người nào lắng nghe?” Krishnaji nói.

“Có lẽ đệ tử của tôi cảm thấy rằng ông nên xuất hiện như người giảng đạo,” Vinobaji nói vào.

“Tôi à, thưa bạn! Tôi đang nói – đó là sống của tôi. Bạn muốn tôi thực hiện nó giống như truyền thống?”

“Có lẽ ông đang thực hiện trong cách của ông việc gì đệ tử của tôi muốn ông thực hiện.”

“Thưa bạn, không có cách của tôi, cách của bạn, cách của anh ấy. Chỉ có một cách.” Krishnaji kiên quyết không nhân nhượng.

“Tôi suy nghĩ trong một cách, bạn suy nghĩ trong một cách khác. Chúng ta lừa dối nguyên một thế hệ. Người ta

phải được tự do, con người phải được tự do để nói về Thượng đế. Người Cộng sản nói không có Thượng đế, bạn nói có Thượng đế. Cả hai đều bị quy định. Cả hai đều đang nói cùng một sự việc. Đó là bi kịch. Không có cách thiên định của bạn hay của tôi. Chỉ có thiên định.”

“Khi ông nói theo cách này ở Mỹ, người ta phải trân trọng điều gì ông nói,” Vinobaji nói.

“Trong phương Tây hệ thống phúc lợi xã hội chăm sóc những nhu cầu tối thiểu. Con người đang hướng về niềm tin, về Thiên chúa giáo, giống như con người ở đây hướng về Ấn giáo. Sự khác biệt là gì? Ở Ấn độ sự đổi mới kinh tế đã trở thành quan trọng nhất – đổi mới và hệ thống phúc lợi xã hội là công việc của chính phủ. Nhưng một người đổi mới không liên quan gì đến tôn giáo. Một tôn giáo có liên quan đến sự đổi mới và tôn giáo có cái gì đó rất khác biệt.

“Tôn giáo là cái nguồn của sự sống, không phải sự đổi mới. Tôi không chống lại những đổi mới. Chúng cần thiết. Nhưng tôn giáo khác hẳn.

“Tôi biết vài người Cộng sản ở Châu Âu. Họ theo sát những trình bày của tôi nhưng chỉ đến một mấu chốt – những người Ấn giáo cũng vậy, cho đến một mấu chốt. Đó là lý do tại sao tôi là một người đứng ngoài, dù tôi ở Châu Âu, Mỹ, hay Ấn độ. Bạn có bất kỳ thứ gì khác trong quốc gia này ngoại trừ chính trị? Tại sao không có thứ gì có ánh sáng tạo sâu thẳm?

“Tại sao đa số những người suy nghĩ ở Ấn độ giao phó họ cho sự đổi mới? Đổi mới là một sự việc nhỏ nhen. Trong cái nhỏ nhen, không bao giờ cái vĩ đại có thể được bao gồm. Trong cái vĩ đại, cái nhỏ nhen có thể được bao gồm. Ở Ấn độ bất kỳ nơi nào tôi đi đến người ta đều hỏi tôi tại sao tôi không quan tâm đến nghèo đói, tham nhũng? Tôi hỏi, tại sao chúng

ta không giải quyết những vấn đề này từ một góc độ khác? Chắc chắn do bởi sự tiếp cận thuộc chính trị mới gây biến dạng.

“Và tại sao những cái trí tạm gọi là thuộc tinh thần lại quan tâm đến sự đổi mới? Sự đổi mới sẽ không dẫn dắt đến cách mạng sâu thẳm.”

“Ông kết luận gì từ điều này?” Vinobaji hỏi.

“Không kết luận, nhưng quan sát,” Krishnaji trả lời. “Có một mâu thuẫn sâu sắc trong cái trí Ấn độ. Chúng ta nói về những lý tưởng và thực hiện những điều trái ngược. Chúng ta kiểm chế không trở thành cái gì đó bởi vì chúng ta cảm thấy chúng ta không nên tham vọng. Thế là sự tuyệt vọng dẫn đến sự đổi mới trên bề mặt và chúng ta theo đuổi điều đó đầy đam mê. Tôi nói, hãy hành động và quan sát kết quả. Nhưng truyền thống và những đạo sư lại nói những điều đối nghịch. Trong quốc gia này người ta thấy sự tuyệt vọng, sự mâu thuẫn, và ý thức của là một chủng tộc rất cổ xưa. Chúng ta tìm kiếm Thượng đế, nhưng chúng ta đã không sống sự sống. Đó có lẽ là lý do tại sao chúng ta hướng về những hời hợt, mà chúng ta gọi là ‘đổi mới.’ ”

“Ông được tán thưởng nhiều hơn ở Châu âu?”

“Tôi ghê tởm sự tán thưởng.”

“Họ hiểu rõ tư tưởng của ông nhiều hơn?”

“Nó cũng như vậy ở Ấn độ,” Krishnaji trả lời. “Vài cái trí có nghiêm túc. Người ta đánh giá chính trị rất nghiêm túc ở Ấn độ. Chính trị gây hủy hoại nhất. Khi người ta nói họ đang làm việc vì hòa bình, đổi mới, luôn luôn là “cái tôi” mà quan trọng. Những người tiếp xúc với chính trị không thể có một cái trí trong sáng. Thế giới cần những cái trí trong sáng, những cái trí sạch sẽ, không phải những cái trí bị quy định bởi là những người Ấn giáo hay những người Hồi giáo.

“Nếu bạn là một người Ấn giáo, bạn không thể thương yêu. Tình yêu dẫn đến tự do. Một ngày nào đó một khất sĩ đến gặp tôi. Ông ấy đã đến Amarnath. Ông ấy nói về vô số giáo phái của sadhus. Tôi hỏi ông ấy, ‘Họ làm gì?’ Ông ấy nói, ‘Không làm gì cả – nhưng họ biết Brahman. Họ sống một mình. Họ tham thiên.’ Tôi nói, ‘Với tất cả những niềm tin của họ, gánh nặng họ mang, họ không bao giờ có thể một mình.’”

“Nhưng bạn phải một mình để tìm ra sự thật – hoàn toàn một mình. Điều đó quá khó khăn trong một xã hội cổ lỗ cùng sự nhấn mạnh của nó vào những đạo sư, truyền thống.”

Krishnaji chỉ vào những người vây quanh Vinobaji, “Tất cả những người này là những đệ tử của bạn? Quá tệ.”

“Tôi không biết tại sao họ là những đệ tử của tôi,” Vinobaji bình phẩm.

“Ở Ấn độ có một ham muốn cho uy quyền của một đạo sư. Họ cảm thấy rằng với sự hướng dẫn, họ sẽ không thất bại khi tìm kiếm sự thật. Họ không sẵn sàng để tạo ra những sai lầm. Tất cả đều quá trẻ con,” Krishnaji nói.

“Nhưng trẻ em, như họ là, là như trẻ em trở thành họ,” là sự bình phẩm của Vinobaji.

“Vậy thì hãy để cho Vinobaji khước từ đệ tử,” câu trả lời bật ra thật mau lẹ.

“Mọi con người đều nghĩ rằng sự tìm kiếm của anh ấy là độc nhất.” Vinobaji đang theo đuổi dòng chảy suy nghĩ riêng của ông.

“Tìm kiếm Thượng đế không liên quan đến sự thành công. Thượng đế có lẽ là một hiện diện mà không kết thúc. Cái trí kinh tởm ý nghĩ của không kết thúc.” Krishnaji nói.

“Ông có ý không ư tiêu của sự tìm kiếm? Ông không thể sục sạo để tìm được Thượng đế!” Vinobaji bị kích động.

“Vâng, ngược lại nó sẽ là một Thượng đế tầm thường. Người ta đi đến Amarnath để tìm ra Thượng đế. Nó có nghĩa gì? Chúng ta đã xua đuổi tình yêu, vẻ đẹp; xua đuổi sự suy nghĩ cá nhân, mọi hình thức của sự tò mò thuộc cảm xúc, thuộc trí năng và thay thế nó bằng sự chấp nhận của uy quyền, những hệ thống; không cho phép cái trí có không gian để tìm hiểu. Chúng ta đã làm gì cho sự sáng tạo thực sự này? Chúng ta nói rằng muốn nhận ra Thượng đế chúng ta phải khoác vào chiếc áo cà sa, khước từ tình dục, khước từ những tri giác, kềm chế không nhìn ngắm những đám mây, thiên nhiên. Chúng ta nói rằng chúng ta phải tham thiền. Tham thiền như thế chỉ là sự thôi miên.”

“Vị trí của tôn giáo trong sự tiến bộ của một quốc gia là gì?” một trong những đệ tử của Vinobaji hỏi.

“Một quốc gia là gì? Xã hội là gì? – một liên hệ thuộc xã hội, thuộc văn hóa? Nếu liên hệ đó thay đổi, xã hội thay đổi.” Krishnaji ngừng một lúc, sau đó nói, “Sự khám phá của sự thật và sự liên hệ của nó đến sống hàng ngày của chúng ta là tôn giáo. Hiện nay không có người nào nói, ‘Tôi không là một người Ấn giáo, tôi không là một người Hồi giáo, nhưng là một con người, quan tâm đến toàn vấn đề của nhân loại, đến sự tàn phá quả đất, đến bom nguyên tử, đến tình huynh đệ.’ Đây là những vấn đề rất nghiêm túc và không có sáu người quan tâm đến chúng.”

“Nhưng tôi đã phát giác rằng cái trí Ấn độ lúc này đã sẵn sàng hơn bao giờ trước kia, để nắm bắt những ý tưởng mới mẻ, để giải hồi chủ nghĩa quốc gia và thoát khỏi một sống chật hẹp.” Vinobaji biện hộ.

“Tôi hiểu. Nhưng nó cần nhiều hơn thế nữa. Cái trí đã trở thành quá máy móc. Nó đòi hỏi và tìm kiếm một mục đích trong ông. Chúng ta theo những con đường dẫn đến một mục đích. Chúng ta không bao giờ chần vẩn. Chúng ta quá được kính trọng. Nhưng người ta phải có một cái trí tự do, không phải một cái trí chất đầy truyền thống, đầy quá khứ. Sự tự do vô hạn được cần đến. Nhưng khoảnh khắc bạn nghĩ rằng bạn tự do, bạn không được tự do. Người ta phải tự-lật tung chính người ta, tháo gỡ người ta ra từng mảnh nhỏ, khoét sâu vào những ngõ ngách của cái trí người ta – đốt cháy cái trí.” Krishnaji đang đẩy vào sâu thăm thẳm và Vinobaji, có lẽ va chạm phải sức mạnh của năng lượng được sinh ra, dội ngược lại và rơi vào những vấn đề nhỏ nhen.

“Tôi được người ta bảo rằng ông đã không thực hiện những nói chuyện trước công chúng suốt một năm,” Vinobaji nói.

“Vâng, tôi đã không thực hiện những nói chuyện trước công chúng được một năm rồi. Tôi đã giữ yên lặng. Nhưng điều đó không phải do bởi tôi đã có lát kỳ những lời t hê nào.”

“Tôi rất vui mừng khi được gặp ông ngày hôm nay. Tôi đã ao ước điều này. Ông có biết bất kỳ ngôn ngữ Ấn độ nào không?” Bàn luận đang trở thành bình thường.

“Tôi đã cố gắng học tiếng Hindi. Ngôn ngữ bản xứ của tôi là Telugu, nhưng tôi không còn nói nó từ khi tôi còn là một cậu trai.”

“Ông vẫn còn trẻ để học một ngôn ngữ,” Vinobaji nói.

“Tôi đang cố gắng học tiếng Phạn – chỉ cho vui thôi,” Krishnaji trả lời.

“Nếu ông nói tiếng Anh, chẳng có bao nhiêu người ở Ấn độ sẽ hiểu được,” Vinobaji nói. “Tôi biết, nhưng nếu bạn

sử dụng những từ ngữ truyền thống, chúng có nhiều nghĩa rộng thuộc truyền thống và bạn không thể tiếp tục.”

“Những ý nghĩa rộng đều gắn kết đến những liên tưởng ngay cả những từ ngữ tiếng Anh,” Vinobaji nói.

“Đập vỡ nó,” đáp lại ngay tức khắc.

“Tôi phát hiện rằng khi ông diễn giải những từ ngữ tiếng Phạn sang tiếng Anh, ông phải thực sự hiểu rõ. Nhưng nếu ông diễn giả những từ ngữ tiếng Phạn sang tiếng Hindi hay Marathi, ông có thể giữ cùng từ ngữ mà không cần hiểu rõ chiều sâu của nó.”

Krishnaji và Vinobaji chia tay cùng ửng nụ cười cùng những cúi đầu chấp tay chào kính cẩn, và ngày hôm sau Krishnaji đáp lại tiếng gọi của Vinobaji. Vinobaji kể về những hành hương quà tặng đất đai của ông. Ông nói, “Thượng đế, người tôi tìm kiếm – ở khắp mọi nơi – tôi sẽ không đến Amarnath. Người ta nói rằng tôi đang không làm một việc đúng đắn, tôi nên đi. Swami Vivekanand đã đi đến đó.” Bàn luận ngày hôm trước đã chạm vào những phản ứng bản năng nào đó. Ông nói, “Ngày hôm qua, chúng ta đã có một nói chuyện quá tốt lành. Nó thật là khai sáng. Những suy nghĩ này đã dẫn dắt tôi suốt nhiều năm. Đã lâu lắm rồi từ khi tôi đến gặp Gandhi. Tôi đến gặp ông ấy khi tôi hai mươi tuổi. Tôi đến gặp và nghe. Ông ấy không bao giờ bảo cho tôi hay bất kỳ ai phải chấp nhận những suy nghĩ của ông ấy.”

“Hoàn toàn đúng,” Krishnaji nói.

“Hình như ông cũng có một cơ hội gặp ông ấy?”

“Ba lần – một lần ở London cùng Mrs. Besant.”

“Tôi không có bao nhiêu thời giờ đọc sách. Tôi vẫn đọc,” Vinobaji nói.

“Tôi ít khi nào đi c lăm, ngoại trừ một hay hai quyển tình cờ. Buổi sáng ông rời nhà sớm?” Lại nữa nói chuyện rơi vào mức độ bình thường.

“Bốn giờ rưỡi. Tôi dạo bộ mười dặm mỗi ngày,” Krishnaji nói.

“Ông viết sách?” Vinobaji tìm hiểu.

“Vâng,” Krishnaji trả lời.

“Ai in những quyển sách này?” Vinobaji hỏi.

“Những nói chuyện và những bàn luận được xuất bản ở Ấn độ.”

“Có nhiều người trong phong trào Bhoodan đã đọc những quyển sách của ông,” Vinobaji nói.

“Đó là điều gì Rao và Achyut đã kể cho tôi.”

Vinobaji chỉ vào Mahadevi Tai. “Cây không biết tiếng Anh.”

“Tệ quá. Tôi không biết tiếng Hindi – thế là chúng tôi không thể trao đổi,” Krishnaji nói.

“Nhưng ông đang học tiếng Phạn – cho vui.”

“Nó rất hay, một ngôn ngữ tuyệt vời,” là câu trả lời của Krishnaji.

“Mọi từ ngữ trong tiếng Phạn được đặt nền tảng trên từ ngữ gốc nào đó. Tiếng Latin và tiếng Phạn đều cùng một gia đình. Từ ngữ ‘ignite’ của ông trong tiếng Phạn là *agni*, có nghĩa ngọn lửa. Từ ngữ gốc của cả hai đều giống hệt.”

Họ chia tay nhau thân thiện.

Sau đó, vào chiều ngày 14 tháng tám, Vinobaji nói với đám đông tụ tập để nghe ông tại Pahalgam. Một hướng khác hẳn được trình bày trong nói chuyện của ông, và ông công nhận rằng đây là sự ảnh hưởng bởi những gặp gỡ Krishnaji của ông. Ông nói rằng những con người như Krishnaji là những người bảo vệ – những tiếng nói và những tuyên bố của

họ là những rắn đe, và phải được lắng nghe nghiêm túc. Vài tháng sau, một người bạn sẽ kể với Vinobaji rằng Krishnaji đã nhận xét, “Vinobaji nói rằng ông ấy đồng ý với tôi, nhưng vẫn tiếp tục làm công việc trước kia của ông ấy. Thế là câu nói đồng ý của ông ấy chẳng có ý nghĩa gì cả.”

Vinobaji trả lời, “Krishnaji nói đúng.”

Nhiều năm sau Nirmala Deshpande kể cho tôi rằng Vinobaji đã nói, “Krishnamurti có lẽ phủ nhận vai trò Thầy Thế giới, khước từ nhà thờ được dựng lên cho anh, từ chối trọng trách của anh như đạo sư tối thượng, không chịu nhận là Krishna thiêng liêng; nhưng Dr. Besant không thể bị phủ nhận vai trò của bà như Yashoda, người mẹ nuôi của Krishna, người chần dặt thiêng liêng.”

PHẦN 4

**NHỮNG CON SÔNG CỦA SỰ
THẤU TRIỆT**
1960-1962

CHƯƠNG 20

“Qua Phủ nhận có Sáng tạo”

Giữa tháng tám, Krishnaji bắt đầu cảm thấy không khỏe. Đường tiêu bị sưng tấy, anh bị sốt nặng, và rất yếu ớt. Bởi vì phương tiện y tế vẫn còn rất thiếu thốn ở Pahalgam, Madhavachari đưa anh xúng Delhi, nơi anh được khám nghiệm tổng quát bởi những bác sĩ của Shiva Rao. Họ phát giác một nhiễm trùng cật và bắt anh uống thuốc kháng sinh.

Thân thể nhạy cảm cực độ của Krishnaji, không quen thuộc với những loại thuốc mạnh, đã bị phản ứng dữ dội. Đây là những ngày lo âu. Tôi đang ở Mỹ suốt thời gian bị bệnh của anh, và chỉ nghe về nó khi quay lại vào tuần lễ thứ ba của tháng chín. Kitty và Shiva chăm sóc anh hết tận tụy. Sau vài ngày, anh cảm thấy khỏe hơn. Anh quay lại Srinagar, đến một ngôi nhà để thương trên Dal Lake của Dr. Karan Singh (người sẽ là Maharaja của Kashmir nếu những tước vị thuộc ông hoàng không bị bãi bỏ).

Giữa tháng chín cơn sốt phát tác lại. Khí hậu ẩm ướt đã gây ra một cơn bệnh thấp khớp, và suốt mười ngày Krishnaji bị hành hạ bởi sự đau đớn nơi những khớp xương. Madhavachari chăm sóc anh, giúp bởi Parameswaran.

Krishnaji viết cho Kitty Shiva Rao vào ngày 27 tháng chín năm 1959:

Kittyji thân mến của tôi,

Tôi chưa bao giờ viết thư để cảm ơn bạn và Shiva Rao về sự chăm sóc và niềm grafted các bạn gặp phải khi tôi bị bệnh ở Delhi. Không phải do bởi sơ xuất nhưng tôi không thể viết được. Bạn biết tất cả mọi việc đã xảy ra nên tôi sẽ không đề cập nữa. Đã mười ngày khủng khiếp trôi qua và Mamaji rất bị phiền nhiễu bởi nó. Nhưng lúc này mọi việc đã tốt hơn. Tôi có thể cầm bút và đi lại. Tất cả việc này đã hoàn toàn làm kiệt sức người ta và bây giờ, người ta phải vượt khỏi nó. Xin lỗi đã phải làm cho bạn lo lắng và bận tâm. Mọi thứ đều đang kiểm soát được và vì vậy mọi việc sẽ ổn thỏa.

Madhavachari viết cho tôi như một bài báo cáo về sức khỏe của Krishnaji. Ông nói rằng ở Pahalgam, Krishnaji yếu quá đến độ anh phải được khiêng đến phòng tắm.

Vào ngày 27 tháng chín, tôi nhận được một lá thư trong đó anh viết về sự đau đớn mà anh phải chịu đựng. Nó kinh khủng lắm, anh viết, và đây là ngày đầu tiên anh có thể

cầm cây bút. Anh viết tiếp để mời Nandini và tôi đến Srinagar và ở cùng anh trong nơi đẹp đẽ và yên tĩnh này. Anh tiếp tục nói, “Đây đã là một thử thách khó khăn cho Mamaji.” Krishnaji đang dùng loại thuốc chữa trị cùng chất thuốc cho căn bệnh của anh, và trong lá thư ngày 4 tháng mười của anh, anh yêu cầu tôi bàn bạc với L. K. Jha, người đang chữa trị cho anh. Anh không hiểu liệu anh có nên tiếp tục uống thuốc bổ cỏ linh và thuốc trị thận, và trong bao lâu. Những loại thuốc vi lượng đồng căn có vẻ đã phù hợp với anh.

Tôi viết cho Krishnaji, đề nghị rằng anh xuống Delhi và từ đó đi Bombay để khám tổng quát.

Ngày 5 tháng mười hai, Krishnaji viết rằng anh đã khỏe lại nhiều và anh nghĩ không cần thiết phải đi Bombay để khám tổng quát bởi những bác sĩ ở đó. Anh cũng viết rằng anh đang bị viêm khớp, nhưng cảm thấy do bởi anh uống sữa quả hạnh. Anh chờ đợi ở Srinagar cho đến ngày 21 tháng mười.

Krishnaji đã hồi phục, và đầu tháng mười thậm chí anh bắt đầu tổ chức những bàn luận cùng những nhóm nhỏ mà tụ tập để thấy anh. Trong số họ là một khất sĩ thẳng đứng, rất cao, mặc áo choàng Kashmir. Ông có một hiện diện tĩnh lặng, một trang nghiêm và trạng thái khác lạ mà sinh ra bởi sự thâm nhập sâu thẳm phía bên trong. Tên của ông là Laxman Joo, và ông là người cuối cùng trong những người tiêu biểu vĩ đại còn đang sống của tôn giáo Shiva, một trường phái được giới thiệu bởi Abhinav Gupta ở Kashmir trong thế kỷ thứ mười một. Nhiều năm sau Laxman Joo kể cho tôi rằng ông đã đi nghe Krishnaji trong ngôi nhà của Karan Singh, và những từ ngữ của anh đã bao bọc ông bằng một ngậy ngất vô cùng.

Krishnaji cùng Madhavachari đi ồng Delhi trong tuần lễ thứ ba của tháng mười. Anh thường dạo bộ trên khung cảnh trung tâm ở New Delhi. Trên một chuyến dạo bộ anh nói với Madhavachari và tôi về sự nhận biết như một trạng thái hiểu rõ trong hiện tại; một trạng thái nơi thấy và lắng nghe được vận hành trọn vẹn và mãnh liệt, như trong một con suối. Nơi cái trí không có hình thể, không diễn biến của từ ngữ và ý nghĩa; không những giới hạn để kiểm hãm cái gì được phơi bày. Anh nói về một cái trí không quan tâm đến đang nhận xét, đang bám chặt, hay đang rời bỏ, nơi có ‘đang thấy, đang lắng nghe; đang lắng nghe, đang thấy.’ “Có,” anh nói, “một chất lượng bùng nổ trong đang lắng nghe.” Nói về động thái của đang thấy, đang lắng nghe, anh nói rằng “nó khiến tất cả những giác quan hoạt động”. Đang thấy không-từ ngữ sáng tạo năng lượng. Nó là một trạng thái của hiểu rõ về tinh thần khoa học là tinh thần tôn giáo. Đang lắng nghe mà thâm nhận cả nhỏ nhoi lẫn to lớn, xấu xí lẫn đẹp đẽ. Mà không biến đổi mọi thứ thành danh tánh, hình dạng và từ ngữ. Một cái trí như thế đang tràn ngập.” Anh nói rằng đêm trước anh thức dậy từ chiều sâu thăm thẳm nào đó, cùng từ ngữ “Chúa của Thế giới” đang vang dội trong anh. Có ánh sáng cực mạnh, mãnh liệt hơn ánh sáng của mặt trời.

Chẳng mấy chốc cơn sốt lại hoành hành, nhưng Krishnaji đủ sức khỏe để cùng tôi đi máy bay đến Bombay vào ngày 4 tháng mười một. Mặc dù anh đã bị bệnh và phần thân thể suy nhược nhiều lắm, sáu tháng sống tương đối cô đơn, đã hồi phục lại cái trí của anh. Một con suối đầy sức sống của năng lượng đang chảy qua anh, cái trí hoàn toàn sáng suốt. Trên máy bay anh kể cho tôi về gặp gỡ với Vinoba Bhave của anh, và điều gì họ đã bàn luận. Anh nói, “Điều gì cần thiết là đẩy cái trí vào sâu thăm thẳm, và cái trí không thể

được đẩy vào sâu thăm thẳm nếu có một kết thúc trong tầm nhìn.”

“Việc đó có liên quan gì với hành động?” Tôi hỏi.

Krishnaji trả lời, “Bạn không thấy rằng trong đây cái trí vào sâu thăm thẳm bạn có hành động, nhưng trong một cách hoàn toàn khác hẳn, hay sao ? Muốn là một người cách mạng, bạn phải thấy thâm sâu hơn cái tức khắc. Nếu bạn muốn đẩy cái trí vào sâu thăm thẳm và có mục tiêu trong tầm nhìn, bạn đang giới hạn cái trí. Vinoba đã vẽ một vòng tròn quanh anh ấy và anh ấy duy trì tại trung tâm của nó.”

Ở Bombay anh được xét nghiệm bởi Dr. Nathubal Patel, người đã điều trị cho anh khi anh bị bệnh năm 1955. Dr. Patel phát giác rằng v ẫn còn có những tế bào mũ trong nước tiểu, và đường tiểu lại bị viêm. Ông hơi lo ngại về sự giảm cân của Krishnaji – anh đã mất hai mươi cân Anh từ đầu năm. Anh đã ăn kiêng nghiêm ngặt, và Dr. Patel yêu cầu anh bỏ ăn kiêng và bắt đầu ăn những thực phẩm bổ dưỡng – pho mát, bơ, n ữ cốc, và chuối chín. Bác sĩ cảm thấy rằng bệnh viêm khớp có thể gây ra bởi sự truyền nhiễm virus nào đó, và kê toa một số thuốc uống và thuốc chích. Krishnaji ưa thích người bác sĩ; trong một lá thư gửi đến Kitty Shiva Rao anh viết, “Dr. Patel rất tốt, không có những phê bình vô ích và rối rắm. Ông ấy nói, tôi phải tăng trọng lượng cơ thể.”

Từ Bombay, Krishnaji đi cùng Madhavacharēnd Rishi Valley, nơi anh ỉ phục thật mau lẹ. Ngày 22 tháng mười một, anh viết từ Madras:

Kittyji yêu quý của tôi,

Cám ơn bạn rất nhiều về lá thư đã chờ tôi tại Bombay. Tôi hy vọng bạn và Shiva Rao đều khỏe và ngôi nhà mới yên tĩnh và hài lòng.

Mama và tôi ấ nói chuyện nhiều về những kế hoạch; dường như những bác sĩ đã suy nghĩ rằng sẽ rất khôn ngoan khi không

thực hiện những nói chuyện trước công chúng. Tôi nghĩ điều đó cũng khôn ngoan, vì vậy chúng ta chỉ có thể có những bàn luận nhóm nhỏ, được giới hạn. Mama sẽ báo cho bạn biết khi nào cả hai chúng tôi đến miền Bắc, Mama và tôi.

Bạn biết những đôi giày đen mà tôi gửi đi từ nước Anh, cách đây vài tháng, dành cho Shiva Rao và chúng không có nghĩa phải cất kỹ trong tủ. Pupul đang mang một đôi khác, màu nâu, cho Shiva Rao. Tôi nghĩ cô ấy sẽ trở lại Delhi vào tuần tới. Ở đây mưa nhiều lắm, chắc phải mát mẻ và dễ chịu ở Delhi.

Nhiều thương yêu đến cả hai bạn.

Krishna

Qua nhiều năm Sunanda gặp phải ba lần sảy thai. Tại Rishi Valley, một lần nữa em nói về sự bất hạnh của em khi không thể có một đứa con. Krishnaji nói, “Chức năng làm mẹ là một chuyển động căn bản. Nó không giống như chuyển động của tham vọng, của trở thành. Chức năng làm mẹ là một bản năng tự nhiên. Mọi thứ nở hoa trong một người đàn bà – thân thể của cô ấy, những cảm xúc của cô ấy. Liệu thân thể của bạn đã chấp nhận sự kiện, hay cái trí của bạn?” anh hỏi. “Liệu nó để lại một dấu vết trên thân thể? Nếu thân thể chấp nhận nó, vậy thì không có sự xung đột giữa thân thể và cái trí.” Họ đã nói chuyện nhiều. Sunanda khóc, và anh lau những giọt nước mắt cho em.

“Làm thế nào bạn sẽ tìm được liệu có bất kỳ vết sẹo nào vẫn còn được duy trì? Liệu vẫn còn có một khao khát đang nằm im lìm trong ý thức? Bạn phải mang nó lên bề mặt, cho phép nó tỉ tê cùng bạn, chuyển tải những hàm ý của nó.”

Trên những đạo bộ, anh sẽ chỉ vào một đứa trẻ, hay một bà mẹ đang mang thai, anh nói với Sunanda, “Hãy quan sát người phụ nữ và đứa trẻ. Đừng cảm thấy mắc cỡ về những cảm giác nảy sinh. Đừng sử dụng trí năng. Hãy lắng

nghe những phản ứng của bạn. Hãy tỉnh táo với mọi phản ứng. Thấy nó trọn vẹn. Hãy thực hiện nó ngay lúc này.”

Cô đã lắng nghe, và nhận xét rằng cô đã chấp nhận sự kiện không thể có con. Anh dứt khoát không cho phép cô tiến tới. “Sự chấp nhận, sự điều chỉnh, sự lý luận là những tẩu thoát. Chúng không có vị trí. Bạn đang tự -phòng vệ. Hãy nhìn vào sự kiện mà không có cảm xúc hay cảm tính – ngược lại bạn đang đóng sập cánh cửa của sự nhận biết.” Sau chốc lát, anh bảo với em, “Hãy lắng nghe cô độc, những thất vọng, những so sánh của bạn. Nếu bạn lắng nghe như thế, cái gì đó xảy ra, sự đau khổ của bị khước từ chức năng làm mẹ tan biến.”

Ngày 22 tháng mười một, Krishnaji đi đến Madras, nơi anh sẽ tổ chức bảy bàn luận. Những giáo sư, những sinh viên, và những người chuyên nghiệp, cùng những hội viên của Tổ chức Thông thái, tham dự những bàn luận, được tổ chức dưới những cây mưa cổ xưa. Mùi nhựa thông, tiếng âm âm của những con suối núi đang rơi xuống, màu xanh kinh ngạc của cánh đồng lúa non, và một ý thức cổ xưa của những hành hương thăm thâu những từ ngữ của anh. Chúng có một trong mờ, một minh bạch và tinh khiết; những thấu triệt lóe lên, những nhận biết thuộc giác quan minh bạch cùng sáng tạo.

“Điều gì tôi muốn chuyển tải sang bạn là một từ bỏ tuyệt đối ngay tức khắc. Muốn từ bỏ bạn cần đam mê. Đừng sợ hãi từ ngữ đó. Bởi vì, trong đang thấy điều này, chúng ta có lẽ giải quyết được vấn đề trọng điểm duy nhất ‘của cái tôi và những thôi thúc của tôi.’ ”

Anh kể về một cái cây cùng cái thân của nó, những cái rễ của nó, những cái cành của nó, những cái lá của nó, như một tổng thể, và hỏi, “Bằng phép lạ nào đó, bằng phương

cách nào đó khi nhìn ngắm những đám mây, khoảnh khắc nào đó của sự nhận biết trung thành, liệu người ta có thể thấy? Liệu cái trí có thể nhạy cảm lạ thường đến mọi chuyển động của suy nghĩ và cảm giác?

“Không-thời gian đang thì thầm quanh mọi ngõ ngách, nó nằm dưới mỗi chiếc lá. Nó khoáng đạt không phải với con người chết rồi mà đã kiềm chế chính anh ấy và không còn có bất kỳ đam mê nào. Nhưng khoáng đạt với cái trí, mà ở trong một trạng thái của thiên định, từ khoảnh khắc sang khoảnh khắc.”

Trong một bàn luận khác anh nói, “Tôi nghĩ nó sẽ tuyệt vời lắm nếu không-từ ngữ, người ta có thể chuyển tải điều gì người ta thực sự cảm thấy về nghi vấn của sự tồn tại. Tôi thắc mắc liệu có thể vượt khỏi những biên giới mà cái trí đã áp đặt, vượt khỏi những giới hạn chật hẹp của quả tim người ta và sống ở đó; đề hành động, suy nghĩ, cảm giác; trong khi vẫn đang tiếp tục những hoạt động riêng của người ta.”

Khi được hỏi về sự cần thiết phải luyện tập đều đặn, anh trả lời, “Luyện tập trong mười ngàn năm, bạn vẫn còn ở trong lãnh vực của thời gian, của hiểu biết.

“Cái ngã, ‘cái tôi’ luôn luôn **động**. Đang cuộn cuộn chảy giống như một con sông, đang sống, đang chuyển động, đang hiện diện. Hiểu rõ về chính mình mau lẹ lạ thường trong những nhận biết của nó. Sự tích lũy của hiểu biết sinh ra ‘cái tôi.’ ”

Được chất vấn về chết, anh nói về “chết và sống đang dạo bộ cùng nhau.” Sự sợ hãi của cô độc, cô lập hoàn toàn, của không là bất kỳ thứ gì, là gốc rễ của tự-mâu thuẫn. Sáng tạo ở trong kết thúc, không ở trong tiếp tục.

“Nếu có một đang-sống đang kết thúc từ khoảnh khắc sang khoảnh khắc, có một trạng thái lạ thường của không là gì cả. Của đang đến vực thẳm của một chuyển động vĩnh hằng và rơi qua bên bờ kia, mà là chết. Tôi muốn biết tất cả về chết, bởi vì chết có lẽ là sự thật, Thượng đế, cái gì đó lạ thường mà sống và chuyển động.”

Tháng mười hai năm 1959 Krishnaji đi đến Bombay. Trước lúc đó anh đã hoàn toàn hồi phục và người ta sắp xếp rằng anh sẽ thực hiện tám nói chuyện. Giống như một dòng nước đang cuộn cuộn chảy, những thấu triết mới mẻ của lời giảng đang tuôn tràn qua ý thức, đang rửa sạch những tạp chất, những vấn đề và những xung đột của sống hàng ngày. Ngôn ngữ của Krishnaji mềm mại trong sáng, những nhận biết không giới hạn và những chiều sâu không đáy hiện hiện rành rành. Giống như những dòng nước của những con suối tuyết bồi và những con sông của Achebul và Pahalgam, những thấu triết mà phải thâm nhập thăm thẳm, đang dò dẫm, đang tìm ra những nguồn suy nghĩ mới mẻ, đang sáng tạo sự sống được sinh ra. Tại những nói chuyện và trong những bàn luận nhóm nhỏ, anh nói về sự cấp bách mà tiềm ẩn đằng sau đặt ra nghi vấn đúng đắn. Chính là việc này, anh sẽ nói, sáng tạo sự nhận biết đúng đắn. “Một cái trí nhận biết là đang sống, đang chuyển động, tràn đầy năng lượng.”

“Không có những đáp án cho những nghi vấn của sự sống. Trạng thái của cái trí mà nghi vấn còn quan trọng hơn cả chính nghi vấn.” Nói về tình trạng bị quy định và sự tự do khỏi ngục tù, anh nói, “Nếu nó là một nghi vấn đúng đắn, nó sẽ không có đáp án, bởi vì chính nghi vấn sẽ mở toang cánh cửa. Nhưng, nếu nó là một nghi vấn sai lầm, bạn sẽ tìm được những phương cách và những phương tiện để giải quyết vấn

đề và thể là vẫn còn ở trong ngục tù. Bởi vì chính cái người đặt ra nghi vấn là ngục tù.”

Anh nói về “hiệu quả, cần thiết trong công nghệ; nhưng trong phía bên trong của con người, trong thế giới của tinh thần, là chuyên chế.” Bởi vì khi “những phương tiện được sử dụng cho những kết thúc, những phương tiện bóp chết bạn.”

Tại một nói chuyện khác anh nói về một thâm nhập vào phía bên trong. “Phát hiện là khám phá, nhưng tích lũy điều gì bạn khám phá là kết thúc khám phá.” Anh đang nói trong khuôn viên đầy cây cối của J. J. School of Art. Những con quạ nghỉ đêm trong cây cối vào những chiều tối, và những từ ngữ của anh rải rác cùng những tiếng khàn khàn của những con quạ.

“Bạn có khi nào lắng nghe tiếng kêu của một con quạ? Thực sự, lắng nghe nó mà không ngăn chặn nó bởi vì bức dọc. Nếu bạn có thể lắng nghe như thế, không có sự phân chia giữa tiếng kêu và điều gì đang được nói. Chú ý hàm ý một rõ ràng của tất cả cùng nhau, trong đó không có sự loại trừ.” Anh khoét sâu vào tất cả cùng nhau của một cái trí, một cái trí không-quá khứ, không-tương lai; nó là một cảm thấy, một trọn vẹn không-trung tâm.

“Tôi không có gì để trao tặng,” anh tiếp tục. “Nếu bạn đang lắng nghe, bạn đang ở trong trạng thái đó rồi.” “Không đạo sư nào sẽ bảo cho bạn rằng bạn đang làm tốt. Rằng bạn được phép đi đến một sát hạch kế tiếp. Bạn đang lắng nghe về chính bạn và đó là một nghệ thuật.”

Anh thấy rằng bất kỳ thay đổi có động cơ là một tìm kiếm của uy quyền, và hỏi, “Liệu cái trí, không-động cơ, có thể thả lỏng? Đó là sự từ bỏ thực sự. Hãy giữ cái trí của bạn trong sáng, tinh táo, cảnh giác, nhìn ngắm mọi suy nghĩ, thấy

ý nghĩa của nó mà khô ng-động cơ, khô ng-thôi thúc, hay khô ng-ép buộc, vậy là kia kia hiện diện một năng lượng mà khô ng là năng lượng riêng của bạn, mà đột ngột ùa vào bạn. Có một hiện diện vô giới hạn, và trong năng lượng đó là sự thật.”

Một ý thức của chuyển động thay đổi liên tục thấm thấu những từ ngữ của anh. Anh tìm hiểu bản chất của động từ như một chuyển động khô ng ngắt đoạn, một tình trạng tổng thể đang chứa đựng quá khứ, tương lai, và một hiện tại năng động. “Chúng ta khô ng quan tâm đến đang là, nhưng đến đã là và trở thành. Có một hiện tại năng động, một trạng thái của đang là, một trạng thái năng động, đang sống.”

Anh nói về đang lắng nghe như một trạng thái của hiểu rõ, của đang là, trong đó tất cả thời gian được bao gồm.

Sau đó anh hỏi, “Với sự hiểu rõ về động từ, chúng ta hãy thâm nhập bản chất của cái ngã. Cái ngã là cái tôi.”

Ngày 10 tháng giêng, anh nói về sự đau khổ. Để kết thúc nó, đau khổ phải được áp ủ, được sống cùng, được hiểu rõ; người ta phải hiệp thông cùng đau khổ. Chạy trốn khỏi đau khổ là điều gì người ta biết; đó là một tẩu thoát khỏi đau khổ. Hiểu rõ về đau khổ là một nổ tung, một cách mạng, một bất mãn lạ thường trong mọi thứ. Muốn hiểu rõ chết và đau khổ người ta phải có một thôi thúc hừng hực, một mãnh liệt, và đối diện với sự kiện. Chết là cái khô ng biết được, giống như đau khổ; nhưng biết bản chất, chiều sâu, vẻ đẹp, và cô độc của đau khổ, là sự kết thúc của nó. “Phước lành hiện diện khi có một trạng thái của khô ng-phản ứng. Thật là một phước lành khi biết chết bởi vì chết là cái khô ng biết được.”

Thấy những khuôn mặt bị hành hạ, dần vất, chất đầy đau khổ trong khán giả của anh, ngày 17 tháng giêng anh nói về học hành vui đùa cùng một vấn đề. “Nếu bạn khô ng thể

đùa giỡn, bạn sẽ không bao giờ tìm ra. Nếu bạn không biết mỉm cười ra sao, không chỉ bằng đôi môi của bạn nhưng còn cả bằng toàn thân tâm của bạn, bằng đôi mắt của bạn, cái trí, và quả tim của bạn, vậy thì bạn không biết đơn giản và thỏa mãn trong những sự việc thông thường của sống là gì.” Và tiếp theo anh cười đầy hân hoan rồi nói, “Nếu bạn không thể cười đùa, cười đùa thực sự, bạn không biết đau khổ là gì. Bạn không biết nghiêm túc là gì.”

Nói về thiên định, anh nói, “Đối với hầu hết chúng ta, điều gì được tìm hiểu không quan trọng; vì vậy, nó không mở toang khả năng để thâm nhập vào ‘cái gì là.’ Sống là một sự việc lạ thường – chúng ta gọi quá khứ là thời gian trước kia, và tương lai như thời gian sau đó; liệu người ta có thể thâm nhập vào nó qua hiện tại? Sự thật không có tương lai, không quá khứ, không tiếp tục. Thiên định là trạng thái của đang sống trong đó những biên giới của cái trí bị phá vỡ. Không có cái tôi, không trung tâm, và thế là, không vùng ngoại biên.”

Anh thâm nhập bản chất của sự suy nghĩ phủ nhận. Sự suy nghĩ tích cực, như một khẳng định, là hủy diệt sự hiệp thông. “Qua phủ nhận có sáng tạo,” anh nói. “Bất kỳ điều gì được sinh ra từ một cái trí, mà hoàn toàn trống không, là sáng tạo. Từ đó nảy ra sự suy nghĩ phủ nhận. Một tiếp cận như thế, được đặt nền tảng khi nó đang chú ý, không thể có đo lường. Cái trí mà **tr**-thâm nhập thăm thẳm vào chính nó tham gia một hành hương của sự hiệp thông mà từ đó không có sự quay lại.” Muốn thâm nhập cái này, người ta cần phải hoàn toàn một mình – không bầu bạn, không phụ thuộc, không quyến luyến, không suy nghĩ, không ký ức; một phủ nhận tổng thể mọi thứ. “Muốn mở cánh cửa vào vĩnh hằng, hành trình vào cái tôi là phương cách duy nhất.”

Krishnaji quay lại Châu Âu tháng ba năm 1960. Khi đến Rome, anh cảm thấy không khỏe lắm và vào Bercher Brenner Clinic ở Zurich. Ở đó, sau một xét nghiệm y khoa chi tiết, họ yêu cầu anh thực hiện một chế độ ăn uống đặc biệt.

Sau đó, anh đi đến Ojai, nơi anh đã được lên thời khóa biểu cho sáu nói chuyện. Bỗng nhiên sau nói chuyện lần thứ ba, anh tuyên bố rằng anh sẽ chỉ nói chuyện bốn buổi – điều này gây bức dọc nhiều cho Rajagopal.

CHƯƠNG 21

*“Cái trí tự-thâm nhập thăm thăm vào chính nó
tiến hành một hành hương không trở lại.”*

Krishnaji từ phương Tây quay lại vào mùa thu năm 1960, đã nhận biết được những năng lượng mãnh liệt đang được giải phóng trong cái trí khoa học và công nghệ mới.

Bằng đôi mắt tiên tri, Krishnaji nhìn về những năm phía trước. Anh nhận biết được tốc độ thay đổi chóng mặt sẽ xảy ra bởi sự khám phá những bí mật của thiên nhiên, và sự phát minh những dụng cụ cùng những hệ thống sẽ biến đổi xã hội và môi trường đồng thời tạo ra vô vàn áp lực cho nhân loại. Anh cũng có vẻ nhận biết được xu hướng mau lẹ hướng về hỗn loạn và bạo lực.

Madhavachari đã đến gặp anh ở New Delhi và đang ở với tôi. Trong những chiều tối chúng tôi đưa Krishnaji đến Buddha Jayanti Park, mà anh thích ẩm, và chúng tôi dạo bộ giữa những tảng đá, cây cối, và những bụi cây nhỏ. Một buổi chiều anh bắt đầu nói về bản chất của sáng tạo, về sự phủ nhận là nguồn của sáng tạo.

“Sáng tạo chỉ có thể hiện diện khi cái trí hoàn toàn trống không; bất kỳ thứ gì được sinh ra từ trống không đó là suy nghĩ phủ nhận. Nó không gốc rễ, không cội nguồn.” Anh sẽ thâm nhập vào một trạng thái trong đó những biên giới của cái trí bị phá vỡ. Để cho trong một trạng thái như thế không có cái tôi, không trung tâm, và không vùng ngoại biên. “Hầu hết chúng ta chưa bao giờ lang thang vào chính chúng ta.” Anh nói, “Không bao giờ quan sát mà không có những tính toán,” và nói về thông minh như công cụ của sự tìm hiểu. “Sự thâm nhập theo cùng không-gì-cả vào trong hiện diện vô tận.”

Tháng giêng năm 1961 Krishnaji ở Bombay, nơi anh có mười nói chuyện và thực hiện những đối thoại nhóm nhỏ. Giống như đại dương đang nổi sóng của cái trí trong thần thoại cổ xưa của sự sáng tạo, châu báu của thấu triệt đang bộc lộ. Bằng đam mê vô cùng, Krishnaji nói, “Thế giới đang trở thành cái gì đó hoàn toàn mới mẻ. Không gian đang được chinh phục, những máy móc đang đảm trách, chuyên chế

đang lan tràn.” Nhận biết được những giới hạn của những cái trí đang lắng nghe những từ ngữ của anh và sự bất lực để nắm bắt được những cơn gió vũ bão của sự thay đổi, sự vô nhân đạo và sự đứng đưng đang gia tăng, Krishnaji dò dẫm để chuyển tải sự cấp bách mà anh cảm thấy.

“Cái gì đó mới mẻ đang xảy ra mà chúng ta không ý thức được...Bạn không nhận biết được sự chuyển động, sự quan trọng, dòng chảy, chất lượng bùng nổ của sự thay đổi này. Chúng ta nghĩ chúng ta có thời gian...Không còn thời gian,...ngôi nhà đang cháy.”

“Lang thang khắp mảnh đất [ở Ấn độ],” anh quan sát một nghèo khó khùng khiếp của sự hòa hợp giữa những con người. Đầy đam mê, anh nói về sự cấp bách phải có một cái trí mới mẻ, “một cái trí tốt lành chứa đựng trầm ẩn, thương yêu, từ bi. Cái trí cũ kỹ không còn đủ sức để tiếp xúc những thách thức quá phức tạp, quá tinh tế, quá lộn xộn.” Một thâm nhập mới mẻ được yêu cầu. “Liệu người ta có thể xóa sạch mọi thứ? Và bắt đầu mới mẻ lại?”

“Bạn thâm nhập như thế nào?” Krishnaji hỏi. Đối với anh, có ba cách; “Nó có thể, nó không thể, nó có lẽ có thể .” Hai cách đầu tiên là một kết thúc của thâm nhập, bởi vì chúng bị giới hạn bởi những cố định của chúng và thế là bị nhốt chặt trong thời gian. Chỉ trong một đang khoét sâu vào “có lẽ có thể” thì sự thâm nhập thực sự mới có thể phơi bày. Tại những nói chuyện, trong những bàn luận của anh, nơi bàn ăn sáng và ăn trưa, lặp đi lặp lại anh nói về sự cấp bách phải có một cái trí mới mẻ; một cái trí mà chỉ có thể nảy sinh “từ trống không, từ phủ nhận tuyệt đối, trong một trạng thái của cách mạng, khi cái trí hoàn toàn một mình.”

Anh nói về sự thâm nhập như một tình thức phủ nhận mà trong đó có nhận biết không -ghi lại; một trạng thái của

đang thấy thuần khiết không-quan điểm, không-nhận xét, và không-kết luận. Chuyển động khỏi sự quan sát và thâm nhập từng bước một của những năm 1950, anh tìm hiểu cái trí mới mẻ cùng khả năng nắm bắt tổng thể của nó; điều này chỉ có thể “khi cái trí không-quan tâm đến cái riêng biệt; sau khi hiểu rõ tổng thể, nó có thể vui đùa cùng cái riêng biệt.

“Người ta phải thấy cả bên trong lẫn bên ngoài. Đang thấy đó mang lại một năng lượng lạ thường. Trong đang thấy đó, có một nhận biết không cả bên trong lẫn bên ngoài, chúng thực sự là một chuyển động liên tục. Nó là cả thủy triều đang đi ra lẫn thủy triều đang đi vào.” Thấy rằng những người lắng nghe của anh bị lúng túng, anh nói, “Thời gian ngăn cản sự nhận biết. Một cái trí suy nghĩ về khoảng cách như không gian từ đây đến đó, như trở thành, như đạt được, một cái trí như thế không thể thấy một sự việc sự vật một cách tổng thể.”

Anh đang thâm nhập vào “cái trí”, đang khám phá những thấu triệt về “cái mới mẻ” khi anh quan sát. “Chất lượng của tự vượt khỏi chính nó phụ thuộc vào cái trí mới mẻ, mà tự do khỏi thời gian; thời gian như một qui trình thuộc tâm lý phía bên trong. Thời gian của tinh thần tạo ra sự sợ hãi và thế là giới hạn dòng chảy. Muốn hiểu rõ bản chất lan tỏa vô hạn của sự sợ hãi, muốn thấy những phức tạp mà cái trí bị rối rắm trong chúng, bạn phải hiểu rõ thời gian. Sợ hãi và thời gian theo cùng nhau.” Nhận biết được những tối tăm trên những khuôn mặt của những người lắng nghe anh, Krishnaji nói, “Sự sợ hãi là năng lượng hủy hoại trong con người, nó làm tàn tạ cái trí.”

Nói chuyện cùng những nhóm nhỏ, anh đã thâm nhập thăm thẳm vào những thách thức đang đối diện con người. Anh nói rằng sự khủng hoảng thuộc về một kích thước khác

hắn sự khủng hoảng mà con người đã đối diện trước kia. Trong những nói chuyện ở Bombay này, Krishnaji đang thâm nhập thăm thẳm vào bản chất của cái trí khoa học và cái trí tôn giáo; chỉ còn lại hai cái trí đó mà có thể sống sót trong tương lai. Anh tự hỏi chính mình, “Liệu cái trí khoa học cùng lý luận của nó, sự tìm hiểu vào vật chất, năng lượng của nó, có thể hội nhập vào cái trí tôn giáo?” và trả lời, “Khi cái trí khoa học phá vỡ những giới hạn của cái đã được biết – vậy thì có lẽ nó tiếp cận cái trí tôn giáo.”

Anh thâm nhập sâu thêm nữa. “Cái trí khoa học cùng sự lý luận của nó, sự chính xác của nó, sự tìm hiểu của nó, khám phá thế giới thiên nhiên phía bên ngoài, nhưng việc này không dẫn đến một hiểu rõ phía bên trong về những sự việc sự vật; nhưng một hiểu rõ phía bên trong sáng tạo một hiểu rõ về phía bên ngoài. Chúng ta là kết quả của những ảnh hưởng của phía bên ngoài. Cái trí khoa học là chính xác và rõ ràng trong sự tìm hiểu của nó. Nó không là một cái trí từ bi, bởi vì nó đã không tự hiểu rõ về chính nó.

“Tinh thần tôn giáo thực sự là gì?” anh hỏi. “Chắc chắn, không phải là cái người tin tưởng – cái người đi đến đền chùa hay nhà thờ. Phản ứng đến tinh thần tôn giáo đó cũng không phải. Chỉ khi nào người ta phủ nhận tất cả niềm tin hay không-niềm tin, chỉ khi nào có một đang thấy sự kiện và sự giả dối của phụ thuộc và phản ứng, thì cái trí mới có thể ở trong một trạng thái của phủ nhận, mà có nghĩa cái trí một mình, nó không có uy quyền, không có mục đích; thế là, nó không ở trong một trạng thái của sợ hãi, mà là sự phản ứng.

“Cái trí tôn giáo không theo nghi thức. Nó có thể suy nghĩ chính xác, không dựa vào tiêu cực hay tích cực; vì vậy, cái trí đó có bên trong chính nó cái trí khoa học. Nhưng cái

trí khoa học không chứa đựng cái trí tôn giáo, bởi vì nó được đặt nền tảng trên thời gian, hiểu biết; nó bị bám rễ trong thành công và thành tựu.

“Làm thế nào cái trí tôn giáo thâm nhập cái không biết được?” Anh đang lớn tiếng tự-chất vấn chính mình. Nó không thể đi vào cái không biết được ngoại trừ bằng cách “nhảy vọt.” Nó không thể tính toán và đi vào cái không biết được.

“Cái trí tôn giáo là cái trí các công thức thực sự. Nó không là một phản ứng đến cái gì đã là. Cái trí tôn giáo là nổ tung – sáng tạo... Nó ở trong một trạng thái của sáng tạo.

“Cái trí tôn giáo là cái trí duy nhất mà có thể đáp lại một cách tổng thể đến sự thách thức hiện tại và đến tất cả những thách thức, tại tất cả mọi thời gian.” Anh ngừng lại thật lâu để thả cho những từ ngữ ngấm thật sâu. “Liệu cái trí có thể cô đơn, vững chắc trong một mình của nó, giống như lửa?”

Lại nữa anh tự-chất vấn chính mình. “Làm thế nào sự thay đổi cơ bản khỏi những gốc rễ của thân tâm một người có thể xảy ra? Làm thế nào người ta có thể nhận ra một cái trí tôn giáo? Làm thế nào người ta nhận ra một vị thánh? Từ ngữ “nhận ra” có nghĩa gì? Thấy lại? Liệu chúng ta có thể đập tan khuôn mẫu mà chúng ta có về một vị thánh? Bạn phải đập tan khuôn mẫu để tìm ra cái trí tôn giáo. Vậy là không có vị thánh. Anh ấy có thể quanh quẩn ở góc đường, không nhận ra được.”

Chất vấn của anh tiếp tục. “Liệu người ta có thể quan sát không-phản ứng? Quan sát không-trung tâm là sự tiến hành phủ nhận. Cái trí là một nô lệ của những từ ngữ. Liệu nó có thể được tự do khỏi chúng?” Đang thấy vẻ căng thẳng trên những khuôn mặt của những người lắng nghe, đang nổ

lực đến được điều cốt lõi của những chất vấn của anh, anh mỉm cười, kéo khán giả gần gũi anh. “Liệu bạn có thể đùa giỡn một chút xíu cùng điều này?”

“Muốn tìm ra liệu có Thượng đế hay không-Thượng đế, hay liệu có cái gì đó còn thâm sâu hơn sự suy nghĩ, bạn phải đập tan toàn bộ nền quá khứ, đúng chứ? Bởi vì thấy sự thật rằng bất kỳ quy định nào đều gây hủy hoại cho nhận biết, liệu cái trí có thể đột phá mà không có phản ứng? Đột phá đó mở toang toàn lãnh vực của hiểu rõ về chính mình.”

Trong một gặp gỡ trước công chúng anh được hỏi, “Làm thế nào cái trí đầu tiên hiện diện?” Trả lời của anh phủ nhận mọi phỏng đoán thuộc lý thuyết. “Sự kiện là chúng ta hiện diện ở đây. Muốn tìm hiểu những khởi nguồn, bạn phải tìm hiểu bạn là gì ngay lúc này. Liệu có một khởi đầu và một kết thúc? Đừng hỏi khởi đầu là gì? Chúng ta bắt đầu bàn luận về thời gian và cái không thời gian, điều đó mang chúng ta đến sự tồn tại, đến đang sống, đến chúng ta là gì. Liệu chúng ta có thể liên tục trong thâm nhập của chúng ta về chúng ta là gì? Liệu chúng ta có thể hiểu rõ hiện tại là gì? Vậy thì, chúng ta có thể chạm đến khởi đầu lẫn kết thúc của tất cả những sự việc sự vật. Tìm hiểu đúng đắn là thấy rằng không có khởi đầu, không có kết thúc. Muốn hiểu rõ ý nghĩa lạ thường của trạng thái không thời gian, bạn phải hiểu rõ cái trí trong hiện tại. Cái trí con người, như nó là bây giờ, là kết quả của môi trường sống. Cái trí phải tự-giải thoát chính nó khỏi tất cả những ảnh hưởng để tìm ra “cái không-thời gian.”

“Muốn hiểu rõ thời gian, không gạt nó đi, không sáng chế một lý thuyết về nó, bạn phải tìm hiểu cái trí riêng của bạn, phát triển nhận biết về tác động lạ thường của ảnh hưởng. Thời gian là ảnh hưởng của một ngàn ngày hôm qua. Không chỉ có thời gian tuần tự, thời gian theo đồng hồ,

nhưng còn có thời gian như ký ức, đang kéo lùi lại và đang vươn tới trước. Ký ức này không nhận biết được, bị chôn sâu, bị giấu giếm kín đáo trong những ngõ ngách rộng lớn của cái trí người ta. Có thời gian, từ nơi này đến nơi kia, từ đây đến đó, và có thời gian như trở thành. Tôi là cái này và tôi sẽ là cái kia. Đang vươn tới này vào tương lai để trở thành, giới thiệu cái vĩnh cửu và cái tạm thời.

“Có thời gian khi bạn gieo – thời gian khi bạn gặt.” Anh thâm nhập thời gian phía bên trong như ký ức, cùng sự phức tạp và tinh tế lạ thường của nó. “Liệu chúng ta có thể tìm hiểu cái tôi giống như người khoa học?” anh hỏi.

Một buổi chiều khác, anh thâm nhập bản chất của người quan sát và vật được quan sát. Khoảng cách giữa người quan sát và vật được quan sát tạo ra sự phân hai. Chỉ khi nào cái trí tự-quan sát về chính nó như đang bị quy định thì mới không có người quan sát. Liệu cái trí có thể tự-quan sát về chính nó như người quan sát? Nó không là một việc lạ thường. Khi bạn tức giận, đam mê – trong trạng thái đó không có người quan sát, cũng không có vật được quan sát như suy nghĩ.”

Nói về cái không biết được, cái trống không, từ đó một mình cái trí mới mẻ có thể trỗi dậy, anh nói, “Cái trí không thể đến với ‘cái đó’; cái trí mà tự-đo lường về chính nó trong thời gian, phải tự-xóa sạch chính nó và vào cái đó, mà không biết cái đó. Bạn không thể biết cái đó. Nó không-màu sắc, không-không gian, không-hình thể. Bạn không thể đưa ra một phát biểu về nó. Tất cả mọi việc mà bạn phải thực hiện là nhảy vọt khỏi cái cũ kỹ, vậy là thậm chí bạn sẽ không biết, bởi vì bạn là bộ phận của trạng thái lạ thường đó.”

Anh đang ôm ấp nghi vấn của cái trí khoa học và cái trí tôn giáo trong ý thức, cái trí của anh tỉnh táo, đang lắng nghe những gợi ý của “cái trí mới mẻ.”

Anh sẽ bàn luận lặp đi lặp lại nghi vấn này. “Điều gì được yêu cầu là một cái trí mới mẻ mà vận hành một cách tổng thể. Cái trí khoa học dựa theo phương hướng; cái trí tôn giáo bùng nổ mà không có phương hướng. Hiểu rõ về chính mình là cốt lõi; bởi vì chỉ có một cái trí trong hiểu rõ về chính mình, bởi vì nó đang hiểu rõ về chính nó, thì nó mới tiêu tan đi, cho cái trí mới mẻ hiện diện.

“Điều gì được yêu cầu là một cái trí phi nhiêu. Phi nhiêu trong ý nghĩa của màu mỡ, trong đó một hạt giống có thể tăng trưởng, được cho chất dinh dưỡng, được chăm sóc cẩn thận, một cái trí mà đang tìm kiếm, đang thâm nhập, đang lắng nghe, đang nhìn ngắm thật thắm thắm. Chỉ cái trí đó, linh động cực kỳ, không bị trói buộc vào bất kỳ thứ gì, mới nhạy cảm. Cái trí phi nhiêu là trống không, giống như tử cung trước khi nó thụ thai. Liệu bạn có thể sử dụng tạm một vấn đề. Ví dụ như ganh tị – hiểu rõ nó và thâm thấu nó không thương tiếc. Hãy tập trung vào ganh tị và xóa sạch nó khỏi cái trí. Nhận xét về chính bạn, ngày sang ngày, phút giây kế tiếp phút giây, để không thương xót xuyên thủng cái việc kinh hoàng này – ganh tị.”

Giống như một cột lửa, đang thiêu rụi, những từ ngữ của anh xua tan những tối tăm bên trong. “Cái trí là ột mênh mang. Nó không là một điểm trong vũ trụ. Nó là vũ trụ. Muốn tìm hiểu vũ trụ cần đến một năng lượng kinh ngạc. Nó là năng lượng to tát hơn tất cả những hỏa tiễn gộp lại, bởi vì nó tự-xuyên thủng, bởi vì nó không có trung tâm. Điều này chỉ có thể xảy ra khi có một thâm nhập vào chuyển động cả bên trong lẫn bên ngoài của cái trí. Phía bên trong, tầng ý

thức thuộc chủng tộc, trong đó là những thôi thúc, những ép buộc, những sợ hãi kín đáo được giấu giếm, là câu chuyện của nhân loại. Làm thế nào bạn quan sát? Làm thế nào bạn lắng nghe? Nếu quan sát, lắng nghe là hiệp thông, vậy thì bạn đang quan sát một cách phủ nhận. Vậy thì cái trí không có những kết luận, không có những đối nghịch, không có những hướng dẫn. Trong nhìn ngắm đó, nó có thể thấy cái gì gần gũi cùng cái gì xa xôi. Trong đó có một kết thúc. Một cái trí như thế là cái trí mới mẻ. Nó đã nổ tung mà không có phương hướng. Một cái trí như thế là cái trí tôn giáo.”

Tiếp theo anh mở toang bản chất của một cái trí như thế, một cái trí mà phải có sự làm việc gian nan, cực nhọc vì nó. “Nhưng,” anh nói, “bạn không thể nhìn ngắm từ sáng đến khuya. Bạn không thể lúc nào cũng cảnh giác, lúc nào cũng chú ý trong nguyên một ngày. Vì vậy hãy đùa giỡn cùng nó. Hãy thông dong đùa giỡn cùng nó. Khi hỏi “làm thế nào tôi tỉnh táo được” là tạo ra sự xung đột. Nhưng bởi vì bạn đang đùa giỡn, bạn học hành.

“Cái trí nổ tung không-phương hướng là từ bi, và điều gì thế giới cần là từ bi, không phải những hệ thống.

“Cái trí mới mẻ không ở trong lãnh vực của hiểu biết. Nó là trạng thái đó của sáng tạo đang nổ tung. Muốn có nó, tất cả hiểu biết phải kết thúc.

“Cái trí mới mẻ không thể hiện diện cùng uy quyền, cùng những người thầy, cùng những đạo sư. Bằng một cái trí kiệt sức, bạn không thể tiếp cận cái trí mới mẻ. Bạn cần một cái trí đang óng, háo hức, trong sáng.” Tiếp theo anh trao tặng chìa khóa. “Cái gì giải phóng năng lượng là sự nhận biết hiệp thông. Phần quan trọng hơn của bộ não là tánh thú vật còn sót lại và phần trình nguyên không biết được. Chúng ta sống cuộc sống của chúng ta trong phần rất hời hợt. Chúng ta

không bao giờ t hâm nhập. Nhạy cảm nảy sinh khi bạn nhìn ngắm một cái cây, con chim, con thú, con kiến. Hãy nhìn ngắm cách bạn đi đứng, tắm rửa, mặc quần áo như thế nào; nhìn ngắm về chính bạn là quan trọng. Nếu bạn nhìn ngắm như thế, nếu bạn quan sát sự suy nghĩ và mọi cảm xúc như thế, đang nở hoa, vậy thì bộ não rất nhạy cảm; từ đó, nở hoa của cái trí bắt đầu. Đó là sự thay đổi.

“Nhìn ngắm, quan sát mọi thứ, là nhận biết được tổng thể, không bao giờ giới hạn bất kỳ suy nghĩ nào, thả cho mọi thứ nở hoa. Một cái trí yên lặng tuyệt đối, không có bất kỳ phản ứng nào, chỉ là một công cụ của sự quan sát. Nó đang sống, nhạy cảm.

“Thay đổi chỉ có thể được khi bạn đã sáng tạo cái trí này qua sự nhận biết, mà không có nỗ lực. Sự thách thức của thời gian hiện tại và của mọi tích tắc, nếu bạn tỉnh táo, là để đáp lại một cách tổng thể đến cái gì đó mới mẻ.

“Sáng tạo không là sáng chế. Vũ trụ không được tạo thành từ sự sáng chế.”

CHƯƠNG 22

“Hãy thức dậy.”

Krishnaji rời Ấn độ để đi đến Rome giữa tháng ba năm 1961. Một vài ngày trước khi anh đi, Nandini đã nói chuyện với anh trong phòng ủa anh tại Himmat Nivas ở Bombay. Krishnaji đang ngồi kiết già trên giường của anh,

Nandini trên nền nhà trải thảm kẻ bên. Bỗng nhiên, giữa nói chuyện, anh ngừng nói; cái lưng thẳng của anh trở nên bất động, hai mắt của anh nhắm lại, và giống như một thủy triều đang di chuyển cuồng nộ, em cảm thấy nó, đang ủa vào trong phòng qua những cửa ra vào và những cửa sổ – những con sông của yên lặng tắm rửa thân thể của em, xuyên thủng từng lỗ chân lông của em, thấm thấu em. Em cũng trở nên hoàn toàn bất động và chết đi thế giới. Em không biết nó đã kéo dài bao lâu. Bỗng nhiên, em nghe tiếng nói của Krishnaji và bắt đầu nhận biết được chung quanh. Em đã cảm thấy sức mạnh được cần đến để ôm chặt con gió ào ào yên lặng này, và nhận xét sự kiện.

Sau sự kiện đó một thời gian rất lâu, Krishnaji thật xa xôi. Những thời kỳ nghỉ ngơi dài của Krishnaji và những yên lặng của Ranikhet và Kashmir đã nổ tung sự cuồng nộ của những con sông vô hạn của năng lượng này. Những thấu triệt đã thức dậy và hội tụ sẽ nở hoa trong quyển Sổ tay mà Krishnaji sẽ bắt đầu viết trong mùa xuân năm 1961.

Ngày 25 tháng ba ừ máy bay trên đường đến Rome của anh, Krishnaji viết cho Nandini:

Nửa tiếng đồng hồ ra khỏi Bombay, tại cao độ 35.000 feet, bầu trời xanh, quá xanh, quá mãnh liệt, quá lọt lọt, quá mềm dịu đến độ nó mang nước mắt đến hai mắt của người ta, tại một thời điểm màu xanh chuyển thành xám xịt; chúng tôi ở quá cao, máy bay êm ả và biển cả thật xa xôi phía dưới, có một ý thức lạ thường của an bình và trạng thái mê mang không thể hiểu được từ chân trời sang chân trời, có cái vòm không mây này của màu xanh mãnh liệt; tại đường chân trời, màu xanh gần như là màu xanh lá cây non trẻ. Đó là một quang cảnh tuyệt vời, cái gì đó đẹp để không thể diễn tả được. Trong khoang máy bay **ít** mát mẻ, sáng khoái, gần như khá lạnh, mà khiến cho người ta tươi tỉnh lại sau cơn nóng. Phải mất khoảng thời gian nào đó để quay lại với chính người ta và

tôi xin lỗi không hiểu liệu tôi có quấy rầy trước khi rời đó. Thời tiết sáng sủa và ấm áp khi chúng tôi đến nhưng nó đã trở nên lạnh lẽo và có mưa.

Viết cho Nandini từ Rome, anh nói:

Nghi ngơi và không làm gì cả đúng là đã đẩy thân thể đến giới hạn và lúc này nó bão hòa. Hy vọng bạn vẫn khỏe. Làm ơn đừng làm những bài tập thể dục này bằng bất kỳ căng thẳng nào; nếu có một căng thẳng, những bài tập đang không được thực hiện đúng cách. Hãy trao sự chú ý hoàn toàn và mọi việc sẽ ổn thỏa. Đừng nguội dãn; hãy giữ cho ngọn lửa sinh động. Cái đó lạ lùng lắm và đừng bị mất hút trong những điều nhỏ nhen; đừng cho phép bạn bị nhấn chìm; hãy giữ tinh táo; hãy ở trong trạng thái chú ý hoàn toàn.

Signora Vanda Scaravelli, một trong những người bạn cũ của Krishnaji, là một người phụ nữ phi thường, cùng nhiệt tình, lập dị, mau lẹ của cái trí và thân thể người Ý được nuôi dưỡng tốt. Cô gặp Krishnaji ở Rome, và sau một vài ngày sẽ đi cùng anh đến Il Leccio, gần Florence. Sau đó, ở Zurich, anh được xét nghiệm y khoa tổng quát tại Bercher Brenner Clinic.

Tháng năm, Krishnaji ở London. Miss Doris Pratt, đại diện của K. W. I. ở nước Anh đã thu xếp cho anh ở trong một ngôi nhà gần Wimbledon Common.

Cô ở đó để chăm sóc anh. Anh thực hiện những gặp gỡ và những nói chuyện với một nhóm nhỏ của những người khách mời đặc biệt. Những buổi chiều anh dạo bộ lâu một mình trên Wimbledon Common. Ngày 12 tháng năm anh viết cho Nandini:

Những bánh xe* của Ooty đang vận hành, không được biết đến cho bất kỳ ai, và những việc khác đang xảy ra. Nó thật lạ thường, và những từ ngữ dường như vô ích. Những ngày quá ngắn ngủi và người ta sống trong một ngày, một ngàn năm. Giữ tinh táo, nhận biết và đừng cho phép bất kỳ việc gì dập tắt ngọn lửa. Đừng để một suy nghĩ nào tẩu thoát mà không quan sát nòng đũa đến, những động cơ, và ý nghĩa của nó. Hãy thức dậy.

Một lá thư khác đến từ Wimbledon ngày 18 tháng năm:

Khi người ta già nua, khi cái trí mỗi lúc một cố định và máy móc, rất quan trọng phải phá vỡ mọi khuôn mẫu của suy nghĩ và cảm giác – nhận biết được mọi chuyển động của sự suy nghĩ, nhìn ngắm không ngừng nghỉ, không bao giờ cho phép những tâm trạng tập hợp sức mạnh hay buông thả cho vật chất che kín sự rõ ràng của cái trí. Đừng để ngọn lửa tàn lụi hay cho khói của những biến cố hàng ngày làm ngợp nó. Là lùn g thay n hữ m g v ệ c đ ã x ảy ra tại Ooty lại đ ợ c x ảy ra, mặc dù không ai biết về nó – nó rất mạnh mẽ. Những bánh xe của Ooty đang vận hành vũ bão. Tôi ngạc nhiên lắm.

Những liên quan đến Ooty này sẽ xảy ra lại vào ngày 1 tháng sáu, khi anh viết từ London:

Đừng bị chết ngạt bởi những tầm thường và những biến cố hàng ngày của những việc không quan trọng gì cả. Hãy mãnh liệt và đừng để cho ngọn lửa tàn lụi. Mọi thứ đều tốt lành ở đây. Những bánh xe của Ooty đang vận hành cuồng nộ và gây đau đớn.

Miss Pratt đã nhận biết rằng Krishnaji đang trải qua những trải nghiệm huyền bí nào đó. Trong một lá thư gửi đến Rajagopal, Miss Pratt đến tả việc gì đang xảy ra. Cô hỏi

* Sự sử dụng từ ngữ “những bánh xe” của anh nói về *chakras*, 7 huyết chính dọc cột sống.

Krishnaji, và anh bảo với cô rằng không có việc gì mà bất kỳ người nào có thể làm ngoại trừ chỉ giữ yên lặng, thư giãn, và không lo âu; nhưng anh yêu cầu đừng cho phép bất kỳ ai được chạm vào người anh. Cô tiếp tục nói rằng cô cảm thấy cô là một người bàng quan đối với một huyền bí sâu sắc và bí hiểm nhất.

Krishnaji đi máy bay đến Ojai , quá cảnh New York vào ngày 14 tháng sáu. Con gái của tôi, Radhika, đang học để lấy bằng Ph. D. của cháu tại Bryn Mawr, đến gặp anh ngày 16 tháng sáu. Trong một lá thư gửi cho Nandini, Krishnaji nói:

Saw Radhika – trông khỏe mạnh và chúng tôi nói chuyện lâu với nhau. Sống ngắn ngủi lắm và có quá nhiều điều để khám phá không phải phía bên ngoài nhưng phía bên trong. Có những vùng đất mệnh mông phía bên trong chưa được khám phá và đừng để cho một ngày trôi đi mà không khám phá được điều gì đó. Hãy nỗ lực phía bên trong và sau đó những sự việc phía bên ngoài sẽ tự thu xếp cho chính chúng.

Vào ngày 17 tháng sáu, ngày trước khi anh rời để đi Ojai, anh bắt đầu viết một ghi lại về hành hương của anh vào những đại dương mệnh mông của “cái khác lạ.” Những thấu triết thăm thẳm và những nhận biết không-những chân trời mà anh sẽ viết trong quyển *Notebook Sổ tay* đang phơi bày.

Từ Ojai, những lá thư gửi đến Nandini bắt đầu lại vào tháng bảy. Ngày 4 tháng bảy, anh viết cho em:

Bạn có lẽ nhớ rằng hai ngày trước khi tôi rời khỏi đó, bạn nhận biết được năng lượng lạ thường trong căn phòng. Để chịu đựng được nó người ta phải “mạnh mẽ” cực kỳ. Bạn đã sử dụng từ ngữ đó. Hãy là của nó. Bởi vì cái đó hiện diện ở đây ngay lúc này và những bánh xe của Ooty đang vận hành. Đừng bị rối rắm , hãy nhận biết được những suy nghĩ và những cảm giác sâu thẳm. Hãy tuyệt đối đơn giản và rõ ràng.

Những lá thư tiếp tục. Ngày 19 tháng bảy anh viết từ Gstadd:

Sợ hãi thực sự gây hủy diệt và làm lệch lạc tất cả đang thấy. Nó nuôi dưỡng ảo tưởng; nó làm què quặt cái trí, nó triệt tiêu sự cao quý. Hãy sục sạo để tìm ra nó – hãy khoáng đạt với nó. Đừng tìm kiếm những bào chữa cho nó. Hãy thâm nhập nó không thương xót. Hãy nhận biết được mọi dạng của sợ hãi và xóa sạch nó. Đừng cho phép nó ở lại cùng bạn trong một giây phút. Không có hồn nhiên [đúng nguyên văn] nơi nào có sợ hãi, ghen tuông, quyến luyến. Hãy hừng hực nhận biết được nó. Những bánh xe của Ooty đã và đang làm việc.

Signora Scaravelli, người nữ chủ nhà của anh ở Gstadd, đã diễn tả những trạng thái ý thức của Krishnaji trong khi anh đang ở tại Chalet Tannegg.* Chúng tương tự và tuy nhiên lại khác hẳn việc gì đã xảy ra tại Ootacamund. Con đau đớn cực độ không hiện diện. Những trạng thái của cái khác lạ và phước lành nảy sinh trong những đạo bộ của anh, trong nhà, trong khi anh tỉnh táo, hay khi anh vừa thức dậy. Vanda Scaravelli nhận biết được sự hiện diện thiêng liêng quanh quanh anh và bên trong anh. Cô nói về đang thay đổi khuôn mặt và về một nhận biết, một cảm thấy đồng thời của trống không và no đủ. Mọi thời gian anh đang thực hiện những nói chuyện ở Saanen. Chúng không tách khỏi những trạng thái của anh. Tất cả sự tách rời giữa những đang xảy ra huyền bí này và sống hàng ngày của anh dường như kết thúc.

* Chalet Tannegg ở Gstadd, Thụy sĩ. Mỗi năm Krishnaji sống ở đó trong những tháng 7 và một phần của tháng 8 đến năm 1983 như một vị khách của Signora Vanda Scaravelli. Trong suốt thời gian này anh thực hiện những nói chuyện và những bàn luận ở Saanen.

Ngày 18 tháng bảy, trong khi đang ở Gstadd, anh viết trong *Sổ tay*: “Hai mắt và bộ não của chúng ta ghi lại những sự vật phía bên ngoài, những cái cây, những hòn núi, những con suối chảy xiết; tích lũy hiểu biết, kỹ thuật và vân vân. Với cùng hai mắt và bộ não đó, được đào tạo để quan sát, để chọn lựa, để chỉ trích và bênh vực, chúng ta quay vào phía bên trong, nhìn vào phía bên trong, công nhận những sự vật sự việc, dựng lên những ý tưởng, mà được tổ chức thành lý luận. Nhìn vào phía bên trong này không thâm nhập sâu thẳm lắm, bởi vì nó vẫn còn ở trong sự giới hạn của sự quan sát và lý luận riêng của nó. Nhìn chăm chăm vào phía bên trong này vẫn còn là cái nhìn phía bên ngoài và thế là không có nhiều khác biệt lắm giữa hai cái nhìn. Cái gì dường như có lẽ khác biệt lại có lẽ tương tự.

“Nhưng có một quan sát bên trong mà không là quan sát phía bên ngoài được quay vào phía bên trong. Bộ não và mắt mà chỉ quan sát từng phần không hiểu rõ đang thấy tổng thể. Chúng phải hoàn toàn sinh động nhưng bất động; chúng phải không còn chọn lựa và nhận xét nhưng nhận biết một cách thụ động. Vậy là đang thấy bên trong không có biên giới của không gian-thời gian. Trong lúc sáng này một nhận biết mới mẻ được sinh ra.”

Như chúng ta có thể biết, đây là lần cuối cùng khi anh sẽ trải nghiệm những sự kiện như thế. Trong những năm sau, những trạng thái khác của mênh mang và trống không sẽ nảy sinh, anh sẽ ngắt xiu và sẽ ra khỏi thân thể; nhưng những tiến trình này có vẻ thuộc về một bản chất khác.

K quay lại Rishi Valley vào cuối mùa thu năm 1961. Dr. Balasundaram là hiệu trưởng. Sự liên hệ giữa những học sinh, những giáo viên và hiệu trưởng thật là ấm áp và thân thiện; có một chất lượng đang sống trong bầu không khí. K

nhận biết điều này và đáp lại bằng đam mê và dạt dào thương yêu. Anh có một cảm thông vô bờ bến cùng đất đai và những quả đồi chung quanh. Anh có thể trông thấy Rishi Konda từ cửa sổ của anh, và đối thoại với quả đồi “đẹp như điêu khắc” bắt đầu. Đối với K tình trạng hạnh phúc và thịnh vượng của thung lũng và những cư dân của nó được hiệp thông trong sự mãnh liệt của phước lành tuôn tràn từ quả đồi. Những truyền thuyết địa phương nói về những người thầy và những thánh nhân đã sống trên Rishi Konda. Vào ban đêm những ánh sáng không thể giải thích được xuất hiện và di chuyển ngang qua những triền đồi.

K tiếp tục viết *Sổ tay* của anh. Một phước lành vô hạn hiện diện qua những từ ngữ của anh. Bất kỳ cái gì trong anh và quanh anh **tâm** thấu đất đai của thung lũng và vẫn còn được cảm thấy bởi nhiều du khách nhạy cảm. “Bởi vì cái khác lạ hiện diện ở đó, và đang tiến đến thung lũng; nó giống như một bức màn mưa nhưng chính xác là không có mưa; nó đang tiến đến như một cơn gió nhẹ lướt qua, nhẹ nhàng và dịu dàng và nó hiện diện ở đó cả phía bên ngoài lẫn phía bên trong.”

Radhika và tôi theo cùng Krishnaji Rishi Valley trong thời gian anh ở đó. K thực hiện những dạo bộ lâu một mình hay cùng Dr. Balasundaram và Radhika. Cây ổi đã được trồng cuối những năm 1940, bây giờ đã trưởng thành; những cái giếng đã được đào đủ cung cấp nước cho công việc canh tác những cánh đồng lúa; thung lũng tràn trề sức sống bởi những bụi cây xanh tươi đầy nhựa; những con đường nhỏ đầy hương thơm của những bông hoa màu trắng tỏa ra bởi những con đường trồng cây bản dọc theo hai bên.

Trẻ em tụ tập trên đỉnh đồi tại Astachal để nhìn ngắm mặt trời lặn dưới đường chân trời cảm thấy những màu sắc

bùng lên phía bên trong con người chúng. Chúng lặng lẽ nhận biết cái khác lạ lẫn trong chúng và những bầu trời sáng chói lợi để nghênh đón anh. Sau đó K viết trong quyển *Sổ tay*:

Quả đất là màu sắc của bầu trời, những quả đồi, những cánh đồng lúa chín xanh rì, những cái cây và thảm sông cạn nước đầy cát mịn; mọi tảng đá trên những quả đồi, những tảng đá cuội láng bóng không lồ là những đám mây và chúng là những tảng đá. Bầu trời là quả đất và quả đất là bầu trời; mặt trời hoàng hôn đã thay đổi mọi thứ. Bầu trời đang khắc lửa, vỡ tung trong mỗi tia mây, trong mỗi viên đá, trong mỗi lá cỏ, trong mỗi hạt cát. Bầu trời hùng hực bởi màu sắc xanh lá cây, tím, nhung, chàm, cùng sự phẫn nộ của lửa. Phía trên cao của quả đồi đó nó là một đường lượn cong mênh mênh của màu tím và vàng; trên cao của những quả đồi phía nam là một màu xanh lá cây thanh thanh sáng rực và những màu xanh da trời nhạt dần; ở phía đông có một mặt trời hoàng hôn phản chiếu lộng lẫy trong màu đỏ thắm và đỏ tươi rực, màu đất vàng nhạt đang nung, và màu tím phớt xanh. Mặt trời phản chiếu đang bùng bùng chói lợi giống như ở phương tây; một vài đám mây đã tụ tụ họp quanh mặt trời hoàng hôn và chúng là lửa không khói, tinh khiết mà sẽ không bao giờ ngừng cháy. Bao la của lửa này và mãnh liệt của nó thấm thấu mọi thứ và vào quả đất. Quả đất là bầu trời và bầu trời là quả đất. Và mọi thứ hùng hực sông và vỡ tung cùng màu sắc và màu sắc là thượng đế, không phải thượng đế của con người. Những quả đồi trở nên trong suốt, mỗi tảng đá và đá cuội láng bóng không còn trọng lượng, bênh bồng trong màu sắc và những quả đồi xa xa có màu xanh da trời, màu xanh của tất cả biển cả và bầu trời của mọi khí hậu. Những cánh đồng lúa đang chín là màu hồng và xanh lá cây cực mạnh, một kéo dài liên tục của chú ý tức khắc. Và con đường băng qua thung lũng lại có màu tím và trắng, sinh động đến độ nó là một trong những tia màu sắc chạy đua qua bầu trời. Bạn thuộc về ánh sáng đó, đang hùng hực, đang phẫn nộ, đang nổ tung, không một cái bóng, không góc rẽ và từ ngữ. Và khi mặt trời đi xuống thấp hơn, mọi màu sắc trở thành hung tợn nhiều hơn, mãnh liệt nhiều hơn và bạn hoàn toàn mất hút, qua tất cả hồi tưởng. Đó là một buổi chiều không-ký ức.

Trong những nói chuyện của anh cùng những học sinh và những giáo viên, K tìm hiểu vị trí của hiểu biết trong sự thay đổi của con người. Những cái trí của trẻ em rất sinh động, được sôi nổi hơn bởi hiệp thông trực tiếp cùng sự hiện diện của K, phước lành, một đại dương mà anh đạo bộ và nói chuyện trong đó. Sự rõ ràng và chiều sâu của những thấu triệt bộc lộ trong những nói chuyện gây sững sốt. Sau đó những nói chuyện này xuất bản trong quyển *Krishnamurti on Education Bàn về Giáo dục*. Trong những nói chuyện K nhấn mạnh hai công cụ sẵn có cho cái trí con người: hiểu biết, mà làm cho người ta có được quyền làm chủ đối với môi trường vật chất; và thông minh, mà đợ sinh ra từ sự quan sát . Cùng đứa trẻ anh nói, “Một cái trí mới mẻ chỉ có thể xảy ra được khi tinh thần tôn giáo và thái độ khoa học hình thành bộ phận của ý thức.” Đối với K chúng không là những chuyển động tách rời mà phải được hợp nhất, nhưng là một chuyển động mới mẻ có sẵn trong thông minh và trong cái trí sáng tạo.

K phủ nhận tất cả những liên hệ thứ bậc. Đối với anh sự hiệp thông đúng đắn chỉ có thể xảy ra khi giáo viên và học sinh vận hành trong cùng mức độ, chuyển tải qua câu hỏi và câu hỏi đáp lại, cho đến khi trong động thái của học hành vấn đề được thâm nhập trọn vẹn và sự hiểu rõ khai sáng cái trí của học sinh và giáo viên cùng một lúc.

Nói với đứa trẻ về sự sợ hãi, K nói, “Khi bạn thấy sợ hãi, thâm nhập nó, đối diện nó , vậy thì nó tan biến.” Anh thâm nhập cùng đứa trẻ nghi vấn phức tạp của sợ hãi. Anh gỡ tung những tối tăm sâu thẳm của sợ hãi và bản chất của trở thành bằng sự tinh tế và minh bạch. Anh nói về thời gian theo đồng hồ và thời gian phía bên trong, mà được sáng chế bởi

cái tinh thần, như trở thành “Tôi sẽ là.” Sự chiếu rọi vào tương lai là gốc rễ của sợ hãi.

Một em bé hỏi anh về chết. “Có hai loại chết,” anh nói. “Chết của thân thể và chết của sự suy nghĩ.” Thân thể, cơ quan vật chất phải kết thúc. “Chúng ta không sợ hãi việc đó. Chúng ta sợ hãi rằng sự suy nghĩ như ‘cái tôi,’ mà đã sống, đã kiếm được tiền bạc, gia đình, ‘cái tôi’ mà muốn trở thành quan trọng, sẽ kết thúc.” Anh hỏi em bé, “Bạn thấy sự khác biệt giữa chết thân thể và chết ‘cái tôi’?” Những em bé lắng nghe, hạt giống của thông minh đã được gieo, trên đất màu mỡ hay đất đá cằn cỗi – chỉ tương lai sẽ phơi bày.

Anh giới thiệu cho em bé vấn đề của hiểu rõ về chính mình và thiên định. Tại kết thúc của một nói chuyện, anh nói, “Trước hết, ngồi hoàn toàn yên lặng, thoải mái, ngồi rất yên tĩnh, thư giãn. Lúc này, nhìn ngắm những cái cây, hình thể của những quả đồi, và nhìn ngắm chất lượng, màu sắc, của những cái cây. Đùng lắng nghe tôi. Nhìn ngắm và thấy những cái cây đó, những cái cây đang chuyển màu vàng, cây me, và sau đó nhìn ngắm những cây hoa giấy. Nhìn ngắm không phải bằng cái trí của bạn, nhưng bằng hai mắt của bạn. Sau khi đã nhìn ngắm những màu sắc, những hình thể, và những cái bóng của những cái cây, của những quả đồi, những tảng đá, sau đó từ phía bên ngoài di chuyển vào phía bên trong. Nhắm hai mắt của bạn, nhắm hai mắt của bạn hoàn toàn. Bạn đã không còn nhìn ngắm những sự vật phía bên ngoài, và lúc này bằng hai mắt của bạn nhắm lại, nhìn ngắm việc gì đang xảy ra phía bên trong. Nhìn ngắm việc gì đang xảy ra phía bên trong bạn. Đùng suy nghĩ, nhưng chỉ nhìn ngắm. Đùng chuyển động hai con ngươi của bạn, chỉ giữ chúng rất yên tĩnh. Lúc này không có gì để thấy, bạn đã thấy tất cả những sự vật quanh bạn, lúc này bạn đang thấy việc gì

đang xảy ra phía bên trong cái trí của bạn. Và muốn thấy việc gì đang xảy ra phía bên trong cái trí của bạn, bạn phải rất yên lặng phía bên trong. Và khi bạn yên lặng, liệu bạn biết việc gì xảy đến cho bạn? Bạn trở nên rất nhạy cảm, bạn trở nên rất tinh táo đối với những sự vật sự việc cả phía bên ngoài lẫn phía bên trong. Vậy là bạn phát hiện rằng phía bên ngoài là phía bên trong. Vậy là bạn phát hiện rằng người quan sát là vật được quan sát.”

Bằng sự thẳng thắn, anh nói cùng giáo viên như anh đã nói cùng em bé. Anh nói về sự cấp bách và sự cần thiết phải có một tầm nhìn xa, trong đó những sự việc nhỏ nhoi được bao gồm. Bằng sự tinh tế chính xác anh thâm nhập những tối tăm của cái trí.

Nói chuyện cuối cùng của K, “Bàn về Nở hoa,” có lẽ là một trong những đột phá và thách thức nhất trong bất kỳ nói chuyện nào về giáo dục.

“Liệu sự thất vọng có thể nở hoa?” anh hỏi. “Làm thế nào bạn chắt vấn đề cho sự thất vọng phơi bày, để cho sự thất vọng nở hoa? Chỉ khi nào sự suy nghĩ nở hoa thì nó mới có thể chết một cách tự nhiên. Giống như bông hoa trong một cái vườn, sự suy nghĩ phải nở rộ, nó phải khai hoa kết quả và kế tiếp nó héo tàn. Trong cùng cách, sự suy nghĩ phải được trao tặng sự tự do để tan biến. Và nghi vấn đúng đắn là liệu có thể có sự tự do cho sự thất vọng nở hoa rồi chết?”

Một giáo viên hỏi anh có ý gì qua từ ngữ “nở hoa.” Krishnamurti trả lời, “Hãy quan sát ngôi vườn kia, những bông hoa phía trước mặt ở đằng đó. Chúng nở rộ và sau một vài ngày chúng héo tàn, bởi vì đó là bản chất của chúng. Lúc này, sự thất vọng phải được trao tặng sự tự do để cho nó nở rộ.

“Câu hỏi của bạn là: ‘Liệu có một động lượng mà tự nó cứ chuyên động, cứ sạch sẽ, lành mạnh?’ Động lượng đó, ngọn lửa đó mà hùng hực cháy, chỉ có thể hiện diện khi có sự tự do cho mọi thứ nở hoa – những xấu xa, những đẹp đẽ, những tội lỗi, những tốt lành, những dốt nát – để cho không còn một sự việc bị kiềm hãm, để cho không còn một sự việc không được mang ra và được tìm hiểu và được thiêu rụi. Và tôi không thể thực hiện được việc đó nếu qua những vấn đề nhỏ nhen tôi không phát giác sự thất vọng, phiền muộn, đau khổ, xung đột, dốt nát, nhảm chán. Nếu tôi chỉ khám phá sự thất vọng qua lý luận tôi không biết sự thất vọng có nghĩa gì.”

Những giáo viên không thể hiểu rõ, và hỏi thêm. “Bạn thấy,” K trả lời, “đôi với bạn nở hoa là một ý tưởng. Cái trí nhỏ nhen luôn luôn giải quyết những triệu chứng và không bao giờ giải quyết sự kiện. Nó không có tự do để tìm ra. Nó đang làm chính cái công việc mà thể hiện cái trí nhỏ nhen, bởi vì nó nói, ‘Đó là một ý tưởng hay, tôi sẽ suy nghĩ về nó,’ và thế là nó bị mất hút bởi vì khi đó nó đang giải quyết ý tưởng, không phải sự kiện. Nó không nói, ‘Hãy thả cho nó nở hoa, và thấy điều gì xảy ra.’ Vậy thì nó sẽ khám phá. Nhưng nó nói, ‘Đó là ý tưởng hay, tôi phải tìm hiểu ý tưởng đó.’”

Anh bảo với những giáo viên rằng hầu hết những con người là những tù nhân của những vấn đề nhỏ nhen. Tiếp theo anh hỏi, “Liệu tôi có thể thấy triệu chứng, thâm nhập vào nguyên nhân, và cho phép nguyên nhân nở hoa? Nhưng, tôi lại muốn nó nở hoa trong một phương hướng nào đó, mà có nghĩa tôi có một quan điểm về nó nên nở hoa như thế nào. Lúc này liệu tôi có thể theo sát nó? Liệu tôi có thể thấy rằng tôi ngăn cản nguyên nhân đang nở hoa bởi vì tôi sợ rằng tôi không biết việc gì sẽ xảy ra nếu tôi cho phép sự thất vọng nở

hoa? Vậy là, liệu tôi có thể thâm nhập vào lý do tại sao tôi sợ hãi? Tôi thấy, rằng chừng nào sợ hãi còn tồn tại không thể có nở hoa. Thế là tôi phải nắm chặt sợ hãi, không qua ý tưởng của sợ hãi, nhưng nắm chặt nó như một sự kiện, mà có nghĩa, liệu tôi có thể thả cho sự sợ hãi nở hoa?

“Tất cả điều này đòi hỏi nhiều nhận biết bên trong. Thả cho sự sợ hãi nở hoa – bạn biết điều đó có nghĩa gì? Liệu tôi có thể cho phép mọi thứ nở hoa? Điều này không có nghĩa tôi sẽ giết người, cướp bóc ai đó, nhưng liệu tôi có thể chỉ cho phép ‘cái gì là’ nở hoa?”

Thấy rằng họ vẫn không hiểu được, anh hỏi, “Bạn đã trồng một cái cây? Bạn thực hiện nó như thế nào?”

Một giáo viên trả lời, “Chuẩn bị đất, bỏ vào phân bón...”

K tiếp tục, “Bỏ vào phân bón phù hợp, dùng hạt giống đúng, gieo nó đúng ~~thi~~ điểm, chăm sóc nó, ngăn cản mọi thứ không xảy đến cho nó. Bạn cho nó sự tự do. Tại sao bạn không làm giống như vậy đối với sự ghen tuông?”

“Nở hoa ở đây không được diễn tả phía bên ngoài như cái cây.”

Krishnamurti nói, “Nó còn thực sự nhiều hơn cái cây bạn đang trồng phía bên ngoài trong cánh đồng. Bạn biết ghen tuông có ~~ngĩa~~ gì? Tại ngay khoảnh khắc của ghen tuông, liệu bạn nói nó là sự tưởng tượng? Bạn đang hùng hực cùng nó, đúng chứ? Bạn đang tức giận, phẫn nộ, tại sao bạn không theo sát nó? Theo sát nó không ~~phải~~ như một ý tưởng, nhưng thực sự. Liệu bạn có thể nhặt nó ra, nhìn ~~ngắm~~ nó, và thấy rằng nó nở hoa? Để cho mỗi nở hoa là một tự-hủy diệt của chính nó và, thế là, không có ‘cái bạn’ tại khúc cuối để hỏi ai đang quan sát sự hủy diệt? Trong đó là sự sáng tạo thực sự.”

Lại nữa những giáo viên hỏi, “Khi bông hoa nở rộ, nó tự-phơi bày về chính nó. Chính xác ông có ý điều gì, thưa ông, khi ông nói rằng lúc sự ghen tuông nở rộ nó sẽ tự -hủy diệt chính nó?”

Krishnamurti nói, “Hãy ví dụ một cái nụ, một cái nụ thực sự từ một bụi hoa. Nếu bạn ngắt nó, nó sẽ không bao giờ nở hoa, nó sẽ chết thật mau lẹ. Nếu bạn thả cho nó nở rộ, thế là nó sẽ bộc lộ cho bạn màu sắc, sự tinh tế, phần hoa. Nó bộc lộ nó là gì thực sự, mà không cần bạn bảo nó là màu đỏ, màu xanh, nó là phần hoa. Nó hiện diện ở đó cho bạn nhìn ngắm. Trong cùng cách, nếu bạn cho phép sự ghen tuông nở hoa, vậy thì nó bộc lộ cho bạn mọi thứ nó thực sự là – mà là ganh tị, quyền luyến. Vì vậy, trong cho phép sự ghen tuông nở hoa, nó đã phơi bày cho bạn tất cả những màu sắc của nó, nó đã tiết lộ cho bạn điều gì đằng sau sự ghen tuông.

“Giải thích rằng sự ghen tuông là nguyên nhân của quyền luyến chỉ là sự diễn đạt bằng từ ngữ. Nhưng, trong thực sự cho phép sự ghen tuông nở hoa, sự kiện rằng bạn bị quyền luyến vào cái gì đó trở thành một sự kiện, một sự kiện thuộc cảm xúc, không phải một ý tưởng bằng từ ngữ thuộc trí năng. Và thế là mỗi nở hoa bộc lộ điều gì bạn đã không thể phát giác; và bởi vì mỗi sự kiện tự-tiết lộ về chính nó, nó nở hoa và bạn giải quyết nó. Bạn thả cho sự kiện nở hoa và nó mở toang những cánh cửa khác, cho đến khi không còn nở hoa thuộc bất kỳ loại nào và, thế là, không nguyên nhân hay động cơ thuộc bất kỳ loại nào.”

Thấy dáng vẻ trên khuôn mặt của những giáo viên. Krishnaji nói, “Trong chính động thái của lắng nghe, nở hoa đang xảy ra.”

Sự liên hệ của Krishnaji cùng những ngôi trường đang trải qua sự thay đổi thăm thẳm. Anh thấy ngôi trường như

một ốc đảo nơi lời giảng có thể được áp dụng và giữ gìn sinh động, dù vô trật tự và bạo lực trong thế giới dữ dội đến chừng nào. Một thể hệ mới mẻ, cái trí mới mẻ, phải hiện diện; và muốn có điều đó, không chỉ người dạy học và người được dạy học phải có những đôi mắt và những cái trí đang lắng nghe mà có thể thấy cùng một tầm nhìn xa, mà không nhận dạng hay phân chia, nhưng còn cả nền tảng phải được cày bừa và hạt giống phải được gieo xuống, mảnh đất phải được biến thành thiêng liêng cùng phước lành.

Radhika và tôi đi cùng Krishnaji trong xe hơi ở Rishi Valley đến Madras. Aldous Huxley và người vợ của ông ở Ấn độ, và sẽ viếng thăm Madras như những người khách cuối cùng trong tháng của Krishnaji. Tôi đã hứa sắp xếp cho họ ở tại Vasant Vihar, một hộ gia đình thanh đạm, dễ chịu. Đồ đạc trong những căn phòng phải được sắp xếp lại, và vài kiểu cách quốc tế được mang vào để phục vụ những bữa ăn. Tuy nhiên, khi đến Madras có một điện tín đang chờ tôi; người chồng của tôi bị bệnh, và thế là ngay lập tức Radhika và tôi đã rời đó để đi Delhi.

Sau đó Krishnaji cùng Madhavachari đi từ Madras đến Delhi. Bị tan nát bởi sự đau khổ cá nhân, tôi đến gặp Krishnaji. Tình yêu của anh tràn ngập vào tôi, giữ khuôn mặt của tôi để cho hai mắt tôi không thể chạy trốn chiều sâu thăm thẳm của hai mắt anh, và lặp lại những sự kiện về ngục tù của tôi cùng những ảo tưởng lẫn những hy vọng mà chới từ bị xua tan. Bỗng nhiên, nó tan biến. Sự ngăn chặn nào đó bên trong tôi đã bị cuốn đi trong những cơn sóng của năng lượng đang chảy từ anh. Trong những năm kế tiếp, nhiều lần tôi sẽ gặp anh một mình, chúng là những gặp gỡ liên quan đến những ngôi trường hay nói về lời giảng; rất hiếm khi tôi phải đưa ra một vấn đề cá nhân.

Sau đó năm 1962, q^uđịnh được thực hiện bởi Radhika, người con duy nhất của tôi, để kết hôn với một người triết lý trẻ tuổi từ Mỹ đã làm tan nát tôi. Tôi quyến luyến cháu nhiều lắm, và chắc chắn phản ứng của tôi là đề nghị họ chia tay. Thân thể và cái trí của tôi bị tan nát. Tôi không thể chịu đựng nổi việc theo cùng cháu đến Mỹ, nơi cháu sẽ kết hôn. Tôi tiễn cháu ra máy bay và sau đó chạy trốn khỏi những người còn lại trong gia đình, tìm kiếm để được ở một mình, tách khỏi mọi thứ thân thuộc.

Từ Calcutta tôi đi đến Birbhum, và khi quay lại đọc những đầu đề trên nhật báo. Tình trạng khẩn cấp đã được tuyên bố ở Ấn độ. Trung quốc đã phá vỡ những phòng vệ của Ấn độ và đang tiến đến gần. Sự đối đầu trực tiếp của Kennedy và Kruschev về cuộc khủng hoảng hỏa tiễn ở Cuba đã rung động thế giới. Vấn đề không lối thoát đã lên đến đỉnh điểm. Tôi nhìn những đầu đề, và mặt đất sụp đổ dưới chân tôi. Tôi phải đối diện sự kiện rằng có lẽ tôi sẽ không bao giờ gặp lại con gái của tôi nữa.

Nguyên một đêm, lặng lẽ, tôi ngồi ôm chặt sự khốn khổ, để cho sự đau đớn cực độ về tinh thần ngập đầy ý thức, chối từ thoát ra bằng sự hy vọng. Lo lắng, tuyệt vọng, những kỷ niệm nảy ra; ý thức của vĩnh viễn; sự khủng bố của từ ngữ đã làm tê liệt tôi, nhưng tôi thấy nó nảy ra và lại bỏ mặc. Qua buổi sáng tình yêu người con gái của tôi vẫn còn sâu thẳm, nhưng sự đau đớn và khốn khổ nảy ra khi nghĩ rằng có thể bị chấm dứt sự liên hệ đã tan biến. Sự quyến luyến đã mất đi một cái cọc để bám vào. Lúc này duy nhất chỉ còn lại sự phụ thuộc của tôi vào đạo sư, và cũng vậy điều đó sẽ được thách thức mau lẹ thôi.

Radhika gặp Krishnaji ở Gstadd trên đường cháu đi Mỹ vào tháng mười một năm 1962. Krishna viết cho tôi từ

Chalet Tannegg rằng anh đã gặp Radhika và dạo bộ lâu cùng cháu. “Thật tốt lành khi chúng tôi gặp nhau,” anh nói. Biết việc ra đi của cháu có ý nghĩa ra sao đối với tôi, anh viết, “Phải là một thử thách vô cùng khi tiễn Radhika đi.”

CHƯƠNG 23

***“Hạnh phúc thay cho con người không-là gì cả”:
Những lá thư gửi cho một người bạn trẻ***

Giữa năm 1948 và những năm 1960, Krishnaji dễ dàng tiếp cận và nhiều người đến gặp anh. Trên những đạo bộ, trong những gặp gỡ cá nhân, qua những lá thư, những liên hệ nở rộ. Anh viết những lá thư dưới đây cho một người bạn trẻ đến với anh khi bị thương tổn nặng nề trong thân thể cũng như cái trí. Những lá thư, được viết giữa tháng sáu năm 1948 và tháng ba năm 1960, lộ một từ bi và minh bạch là thường hiếm hoi: lời giảng và chữa trị được khai triển; sự tách rời và khoảng cách biến mất; những từ ngữ tuôn tràn; không một từ ngữ nào là không cần thiết; chữa trị và lời giảng hiện diện cùng một lúc.

Thuộc tinh thần hãy mềm mỏng. Sức mạnh không nằm trong vũng vàng và mạnh mẽ nhưng trong mong manh. Một cái cây uyển chuyển chịu đựng được cơn gió mạnh. Sử dụng sức mạnh của một cái trí mau lẹ.

Sống rất lạ thường, quá nhiều việc xảy ra bất ngờ, thuần túy kháng cự sẽ không giải quyết được bất kỳ vấn đề nào. Người ta cần tánh linh động vô hạn và một quả tim cô đơn.

Sống là cạnh sắc của một con dao cạo và người ta phải đi trên con đường đó bằng cẩn thận cực kỳ và bằng thông minh linh động.

Sống dư thừa phong phú, có quá nhiều của cải, chúng ta đi đến đó bằng những quả tim trống rỗng; chúng ta không biết làm thế nào để đỡ đầy những quả tim của chúng ta bằng sự phong phú của sống. Phía bên trong chúng ta nghèo khó và khi giàu có được trao tặng cho chúng ta, chúng ta chối từ. Tình yêu là một việc nguy hiểm, nó mang lại cách mạng duy nhất mà cống hiến hạnh phúc tuyệt đối. Thế là chẳng có bao

nhiều người trong chúng ta có thể thương yêu, quá ít người ao ước tình yêu. Chúng ta thương yêu dựa vào những điều khoản của chúng ta, sáng chế tình yêu thành một vật buôn bán. Chúng ta có tình ~~lắm~~ buôn bán và tình yêu không thể buôn bán được, một công việc cho và nhận. Nó là một trạng thái của hiện diện trong đó tất cả những vấn đề của con người được giải quyết. Chúng ta múc cái giếng nước bằng một ngum nhỏ và thế là sông trở thành một công việc hào nhoáng, nhỏ nhen và tầm thường.

Quả đất thật dễ thương làm sao, bởi vì có quá nhiều vẻ đẹp, quá nhiều vinh quang, quá nhiều thương yêu không thể hủy diệt. Chúng ta bị trói buộc trong đau khổ và không thêm quan tâm thoát khỏi nó, ngay cả khi người nào đó chỉ lối ra.

Tôi không biết, nhưng người ta bùng bùng cùng tình yêu. Có một ngọn lửa không thể dập tắt được. Người ta có nó quá nhiều đến độ người ta ao ước trao tặng nó cho mọi người và người ta thực hiện. Nó giống như một con sông chảy xiết đang nuôi dưỡng và cung cấp nước cho mọi thị trấn và làng mạc; nó bị ô nhiễm, những bản thủ của con người tuôn vào nó nhưng chốc lát sau nước làm tinh khiết chúng và vùn vụt trôi. Không gì có thể làm hư hỏng tình yêu, bởi vì tất cả mọi sự việc được hòa tan trong nó – những tốt lành và những xấu xa, những xấu xí và những đẹp đẽ. Nó là sự việc duy nhất mà là vĩnh hằng riêng của nó.

Những cái cây quá oai vệ và trợ trợ lạ lùng đối với những con đường trải nhựa và giao thông của con người. Những cái rễ của nó đâm xuống, sâu thẳm trong quả đất và những cái ngọn của chúng thọc lên tận bầu trời. Chúng ta có gốc rễ của chúng ta trong quả đất, mà chúng ta có và phải có, nhưng chúng ta bám và ~~b~~ trên quả đất; chỉ có một ít người bay vút lên ~~lầu~~ trời. Họ là những con người hạnh phúc và

sáng tạo duy nhất. Những người còn lại đều hư hỏng và tiêu diệt lẫn nhau trên quả đất dễ thương này, bởi những câu nói và những bàn tán gây tổn thương.

Hãy khoáng đạt. Sống trong quá khứ nếu bạn phải, nhưng đừng đấu tranh chống lại quá khứ; khi quá khứ đến, thâm nhập nó, không xua đuổi nó hay bám chặt vào nó quá nhiều. Trải nghiệm của tất cả những năm này, đau khổ và hân hoan, những tai họa kinh hồn và những thoáng hiện của bạn về sự chia ly, ý thức mơ màng, tất cả những việc này sẽ bồi bổ sự giàu có và vẻ đẹp. Điều gì quan trọng là điều gì bạn có trong quả tim của bạn; và bởi vì cái đó đang tràn trề, bạn có mọi thứ, bạn là mọi thứ.

Hãy tỉnh táo với tất cả những suy nghĩ và những cảm giác của bạn, đừng cho phép một cảm giác hay suy nghĩ nào len lén trốn đi mà không nhận biết được nó và thẩm thấu tất cả nội dung của nó. Thẩm thấu không là từ ngữ, nhưng thấy toàn bộ nội dung của cảm giác-suy nghĩ. Nó giống như đi vào một căn phòng và ngay tức khắc thấy tất cả mọi thứ căn phòng chứa đựng, bầu không khí của nó và những không gian của nó. Thấy và nhận biết được những suy nghĩ của người ta khiến cho người ta nhạy cảm, linh động, và tỉnh táo một cách lạ thường. Đừng chỉ trích hay bênh vực, nhưng rất tỉnh táo. Từ sự chia cắt phân ly, từ rỉ sắt hiện diện vàng tinh khiết.

Thật ra thấy “cái gì là” gian nan ảm. Làm thế nào người ta nhìn ngắm rõ ràng? Một con sông khi nó đối diện một chướng ngại không bao giờ đứng yên; con sông đập tan một chướng ngại bằng trọng lượng của nó và chảy chồm qua nó hay lượn dưới nó hay bọc quanh nó; con sông không bao giờ chịu đứng yên; nó không thể làm gì cả ngoại trừ hành động. Nó nổi loạn, nếu bạn có thể giải thích như thế, một

cách thông minh. Người ta phải nổi loạn một cách thông minh và thâm nhận “cái gì là” một cách thông minh. Muốn nhận biết “cái gì là” phải có tinh thần của nổi loạn thông minh. Đừng hiểu lầm một thách thức cần đến một thông minh nào đó; nhưng thông thường người ta quá hăm hở tóm thâu cái gì người ta ao ước, đến độ người ta lao vào chướng ngại; hoặc người ta tự-làm suy sụp chính mình khi chống đối nó hoặc người ta tự-làm kiệt quệ chính mình trong đấu tranh với nó. Muốn thấy sợi dây như sợi dây không cần đến sự can đảm, nhưng nhầm lẫn sợi dây với một con rắn rồi sau đó quan sát cần đến sự can đảm. Người ta phải nghi ngờ, luôn luôn sục sạo, thấy cái giả dối như cái giả dối. Người ta nhận được sức mạnh để thấy rõ ràng qua sự mãnh liệt của chú ý; bạn sẽ thấy nó sẽ hiện diện. Người ta phải hành động; con sông không bao giờ ngừng chảy, nó luôn luôn hoạt động. Người ta phải ở trong trạng thái của phủ nhận, để hành động; chính phủ nhận này sáng tạo hành động tích cực riêng của nó. Tôi nghĩ vấn đề là thấy rõ ràng, vậy thì chính nhận biết đó sáng tạo hành động riêng của nó. Khi có linh động không có nghi vấn của đúng đắn hay sai lầm.

Người ta phải rất minh bạch bên trong chính người ta. Vậy thì tôi cam đoan với bạn rằng mọi thứ sẽ xảy ra đúng đắn; hãy minh bạch và bạn sẽ thấy rằng mọi thứ sẽ tự-tiến triển đúng đắn mà không cần bạn phải làm bất kỳ việc gì cả. Đúng đắn không là điều gì người ta khao khát.

Phải có cách mạng hoàn toàn, không chỉ trong những sự việc to tát, nhưng còn cả trong những sự việc thông thường hàng ngày. Bạn đã có cách mạng đó, đừng nghi ngại, bám sát nó. Hãy giữ cho nó sôi động, phía bên trong.

Tôi hy vọng đêm qua bạn ngủ ngon, mặt trời mọc dễ thương phía bên ngoài cửa sổ của bạn và bạn có thể thấy

những vì sao đêm an bình trước khi bạn đi ngủ. Chúng ta chẳng biết bao nhiêu về tình yêu, về sự dịu dàng và “quyền năng” lạ thường, chúng ta sử dụng từ ngữ “tình yêu” quá dễ dãi; vị tướng lĩnh sử dụng nó; người bán thịt sử dụng nó; người giàu có sử dụng nó và cậu trai cô gái sử dụng nó. Nhưng họ chẳng biết bao nhiêu về nó, sự bao la của nó, sự chết chóc của nó, không đáy của nó. Tình yêu là nhận biết được vĩnh hằng.

Liên hệ là một sự việc lạ lùng, và chúng ta rơi vào thói quen của một liên hệ đặc biệt dễ dàng biết chừng nào, những sự việc đã trở thành quá quen thuộc, hoàn cảnh được chấp nhận và không thay đổi nào được khoan dung; không chuyển động nào hướng về không-chắc chắn, thậm chí trong một giây phút, được sẵn lòng xem xét. Mọi thứ được quy định quá tốt đẹp, được xếp đặt vững chắc, được ràng buộc, đến độ không còn   hội nào cho sự tươi trẻ, cho một hơi thở hồi sinh trong sáng ủa mùa xuân. Điều này và còn nhiều hơn nữa được gọi là sự liên hệ. Nếu chúng ta quan sát cận kề, sự liên hệ còn tinh tế hơn nhiều, tốc độ hơn sét đánh, bao la hơn quả đất, bởi vì sự liên hệ là sự sống. Sự sống là xung đột. Chúng ta muốn biến sự liên hệ thành thô tục, khắc nghiệt, và có thể điều khiển được. Thế là nó mất đi hương thơm của nó, vẻ đẹp của nó. Tất cả điều này nảy sinh bởi vì người ta không thương yêu, và dĩ nhiên thì nh yêu là sự việc vĩ đại nhất trong tất cả, bởi vì trong nó phải có sự từ bỏ tuyệt đối của cái tôi.

Chính chất lượng của trong sáng, của mới mẻ mới là cốt lõi, hoặc ngược lại sống trở thành một lẽ thói, một thói quen; và tình yêu không là một thói quen, m ột sự việc buồn chán. Hầu hết mọi người đã mất đi tất cả ý thức của kinh ngạc. Họ đã quá quen thuộc với mọi sự việc, ý thức của an

toàn này hủy diệt sự tự do và sự cảm thấy lạ thường của không-chắc chắn.

Chúng ta chiếu rọi một tương lai xa thật xa, chạy trốn khỏi hiện tại. Sự chú ý để hiểu rõ luôn luôn trong hiện tại. Trong chú ý luôn luôn có một hiểu rõ về điều sắp sửa xảy ra. Minh bạch trong những ý định của người ta là một nhiệm vụ thật gian nan; ý định giống như một ngọn lửa, đang liên tục thôi thúc người ta phải hiểu rõ. Hãy minh bạch trong những ý định của bạn và bạn sẽ thấy, mọi thứ sẽ vận hành tốt lành. Minh bạch trong hiện tại là tất cả mà người ta cần đến, nhưng thực hiện nó không dễ dàng lắm như nghe nói về nó. Người ta phải khai quang cánh đồng cho hạt giống mới mẻ và ngay khi hạt giống đã được gieo xuống, sức sống và sức mạnh riêng của nó sáng tạo quả và hạt. Về đẹp phía bên ngoài không bao giờ có thể bền vững, nó luôn luôn ô uế nếu không có hài lòng và hân hoan phía bên trong. Chúng ta vun đắp phía bên ngoài, chẳng chú ý bao nhiêu đến sự việc phía bên trong làn da; nhưng chính cái bên trong luôn luôn tăng thế cái bên ngoài. Chính là con sâu phía bên trong quào mới hủy hoại sự tươi mát của quả táo.

Cần đến thông minh vô cùng cho một người dà n ông và một người đàn bà để tha thứ, để sống cùng nhau, không chi phối lẫn nhau hay bị thống trị bởi người này hay người kia. Sự liên hệ là vấn đề khó khăn nhất trong sống.

Lạ lùng thay khi người ta dễ dàng bị xúc động bởi một cảm thấy trong một hoàn cảnh đặc biệt, người ta cần một căng thẳng thân thiện, một ý thức của chú ý nhiệt thành trong đó người ta có thể nở rộ một cách tự do và tự nhiên. Quá ít người có hoàn cảnh đặc biệt này; và thế là hầu hết mọi người đều bị choáng váng, cả phần thân thể cũng như phần tâm lý. Tôi rất ngạc nhiên khi bạn có thể sống sót mà không bị biến

dạng trong hoàn cảnh đặc biệt đó. Người ta có thể thấy tại sao bạn hoàn toàn không bị hủy hoại, không bị vấy bẩn và không bị biến dạng; phía bên ngoài bạn điều chỉnh hết sức mau lẹ, phía bên trong bạn cho phép mình ngủ yên. Chính sự vô cảm phía bên trong này đã cứu thoát bạn. Nếu bạn đã cho phép phía bên trong lay cảm, thức dậy, bạn không thể giữ vững lập trường và thế là đã có xung đột và bạn đã bị suy sụp, bị nhiễm bẩn. Lúc này, bởi vì phía bên trong bạn tỉnh táo và minh bạch, bạn không có xung đột với hoàn cảnh đặc biệt. Chính bởi xung đột này mới gây ra sự biến dạng. Bạn sẽ luôn luôn được hồn nhiên nếu phía bên trong bạn rất cảnh giác và hiểu rõ và dạn dàng điều chỉnh đến những sự việc phía bên ngoài.

Những thay thế sẽ tàn lụi mau lẹ. Người ta có lẽ vẫn theo thế gian mặc dù người ta chỉ sở hữu một ít đồ vật. Sự ham muốn uy quyền trong bất kỳ hình thức nào; uy quyền của người tu khổ hạnh, uy quyền của một người tư bản giàu có hay người chính trị hay đức giáo hoàng là theo thế gian. Thèm khát uy quyền nuôi dưỡng sự tàn nhẫn và luôn nhấn mạnh sự quan trọng của chính mình, trong bản thể của sự hung hăng tự-bành trướng là sự mê đắm thế gian. Khiêm tốn là mộc mạc, nhưng khiêm tốn được vun đắp là một hình thức khác của thế gian.

Chẳng mấy người nhận biết những thay đổi, những giạt lụi, những xung đột và những biến dạng phía bên trong của họ. Thậm chí nếu họ nhận biết được, họ lại cố gắng xua đuổi chúng hay chạy trốn chúng. Bạn không làm nó chứ. Tôi nghĩ bạn sẽ không làm, nhưng có một nguy hiểm của sống cùng những suy nghĩ và những cảm giác của bạn một cách quá mật thiết. Người ta phải nhận biết những suy nghĩ và những cảm giác của người ta, mà không lo lắng, mà không áp

lực. Cách mạng thực sự đã xảy ra trong sống của bạn, bạn nên nhận biết rõ ràng những suy nghĩ và những cảm giác của bạn – hãy thả cho chúng tuôn ra, đừng kiểm soát chúng, đừng kiềm chế chúng. Hãy cho phép chúng lộ diện, những cái hòa nhã cũng như những cái hung bạo, nhưng nhận biết chúng.

Bị bận tâm bởi những gì là những ham muốn của bạn, liệu bạn có bất kỳ ham muốn nào? Thế giới là một nơi tốt lành, chúng ta làm mọi việc để chạy trốn khỏi nó qua tôn thờ, cầu nguyện, những tình yêu và những sợ hãi của chúng ta. Chúng ta không biết liệu chúng ta giàu có hay nghèo khó, chúng ta đã chưa bao giờ thâm nhập sâu thẳm vào chính chúng ta và khám phá “cái gì là.” Chúng ta tẩu tẩu trên bề mặt, thỏa mãn cùng những quá nhỏ nhen và tạo tác hạnh phúc lẫn bất hạnh từ những việc nhỏ nhen như thế. Những cái trí tầm thường của chúng ta có những vấn đề tầm thường và những đáp lại tầm thường, và thế là chúng ta hoang phí những ngày của chúng ta. Chúng ta không thương yêu, và khi chúng ta có thương yêu nó luôn luôn theo cùng nỗi sợ hãi và tuyệt vọng, cùng đau khổ và khao khát.

Tôi đang suy nghĩ thật quan trọng biết bao khi sống hồn nhiên, có một cái trí hồn nhiên. Những trải nghiệm là điều không tránh khỏi, có lẽ cũng cần thiết; sống là một chuỗi của những trải nghiệm, nhưng cái trí không nhất thiết phải bị chứa đầy bởi những đòi hỏi thích tích lũy riêng của nó. Nó có thể xóa sạch mỗi trải nghiệm và tự-giữ gìn nó hồn nhiên – cởi bỏ gánh nặng. Điều này quan trọng lắm, ngược lại cái trí không bao giờ có thể trong sáng, cảnh giác và linh động. “Làm thế nào” để giữ cho cái trí linh động không là vấn đề, “làm thế nào” là sự tìm kiếm cho một phương pháp, và phương pháp không bao giờ có thể khiến cho cái trí hồn

nhiên; nó có thể làm cho cái trí có phương pháp, nhưng không bao giờ hồn nhiên, sáng tạo.

Chiều hôm qua lát đầu có mưa và buổi tối nó trút xuống như thác nước. Tôi chưa bao giờ nghe được bất kỳ thứ gì giống như thế. Nó giống như là bầu trời mở toang. Có yên lặng lạ thường cùng nó, sự yên lặng của trọng lượng, một trọng lượng vô bờ bên đang tự-trút xuống quả đất.

Giữ được đơn giản và minh bạch luôn luôn là điều khó khăn. Thế giới tôn thờ sự thành công, những vĩ đại hơn và những tốt đẹp hơn; khán giả càng đông hơn bao nhiêu thì diễn giả càng nổi tiếng bấy nhiêu; những cao ốc, những chiếc xe hơi, những máy bay và những con người siêu vĩ đại. Tánh đơn giản không còn nữa. Những con người thành công không còn là những con người đang xây dựng một thế giới mới mẻ. Là một người cách mạng thực sự cần đến một thay đổi hoàn toàn của quả tim và cái trí, và chẳng có bao nhiêu người ao ước tự-làm tự do cho chính họ. Người ta chặt đứt những gốc rễ trên bề mặt; nhưng muốn chặt đứt những gốc rễ sâu thẳm đang nuôi dưỡng sự tầm thường, sự thành công, cần đến cái gì đó còn nhiều hơn là những từ ngữ, những phương pháp, những ép buộc. Dường như cũng có ít người, nhưng họ là những người xây dựng thực sự – những người còn lại lao động trong ảo tưởng.

Người ta luôn luôn đang so sánh chính mình với một người khác, với người ta là gì, với người ta nên là gì, với người nào đó may mắn hơn. Thật ra, sự so sánh này gây hủy diệt. Sự so sánh gây thoái hóa, nó làm lệch lạc tầm nhìn của người ta. Và người ta lại được nuôi dưỡng khi liên tục so sánh. Tất cả giáo dục của chúng ta đều được đặt nền tảng trên nó và văn hóa cũng vậy. Thế là có sự đấu tranh liên tục để là cái gì đó khác hẳn người ta là gì. Hiểu rõ về người ta là gì mở

toang sự sáng tạo, nhưng so sánh nuôi dưỡng sự ganh đua, tàn nhẫn, tham vọng, mà chúng ta nghĩ nó tạo ra sự tiến bộ. Từ trước đến nay sự tiến bộ chỉ dẫn đến nhiều chiến tranh tàn bạo và đau khổ hơn là thế giới đã từng phải chịu đựng trước kia. Nuôi dưỡng trẻ em mà không so sánh là giáo dục thực sự.

Có vẻ lạ lùng làm sao khi đang viết, điều gì dường như quá không cần thiết. Sự việc mà có ý nghĩa hiện diện ở đây và bạn lại ở đằng đó. Những sự việc thực sự luôn luôn giống hết nhau, vì vậy không cần thiết phải viết ra hay nói về nó; và trong chính động thái viết hay nói, cái gì đó xảy ra để làm lệch lạc nó, làm hư hỏng nó. Có quá nhiều điều được nói ra tách rời khỏi sự việc thực sự. Thôi thúc để thành tựu này, mà tiêu hủy quá nhiều người trong những phương cách nhỏ nhoi và những phương cách to tát. Thôi thúc này có thể được thỏa mãn trong cách này hay cách khác, và kèm theo sự thỏa mãn những sự việc sâu thẳm hơn phai nhạt đi. Đó là điều gì xảy ra trong mọi trường hợp, đúng chứ? Sự thành tựu của ham muốn là một công việc nhỏ nhen, dù thú vị đến chừng nào; nhưng kèm theo sự thành tựu của nó, bởi vì nó cứ tiếp tục tự-làm thỏa mãn cho nó, lè thối, nhàm chán len lỏi vào và sự việc thực sự biến dần. Chính là sự việc thực sự mà phải được duy trì và điều kỳ diệu của nó là, nó làm – nếu không có sự suy nghĩ của thành tựu nhưng chỉ đang thấy những sự việc như chúng là.

Hiếm khi nào chúng ta một mình; luôn luôn cùng con người, cùng những suy nghĩ chồng chất, những hy vọng đã chưa được thành tựu, hay sẽ thành tựu – những hồi tưởng. Một mình rất cần thiết cho con người muốn không bị ảnh hưởng, cho cái gì đó không bị vấy bẩn sẽ xảy ra. Bởi vì trạng thái một mình này dường như không-thời gian, không có quá

nhiều công việc phải làm, không có quá nhiều trách nhiệm và vân vân. Muốn học hành yên lặng, tự-giam mình trong ăn phòng, cho cái trí nghỉ ngơi, trở thành một cần thiết. Tình yêu là bộ phận của một mình này. Đơn giản, minh bạch, và yên lặng phía bên trong, là có ngọn lửa đó.

Những vấn đề có lẽ không dễ dàng lắm nhưng khi người ta càng đòi hỏi về sống nhiều bao nhiêu, nó càng trở nên kinh hãi và đau khổ bấy nhiêu. Muốn sống đơn giản, không bị ảnh hưởng, mặc dù mọi thứ và mọi người đang cố gắng gây ảnh hưởng, muốn hiện diện mà không có những mong đợi và những tâm trạng đang thay đổi không dễ dàng lắm, nhưng nếu không có một sống yên lặng, thăm thẳm, tất cả mọi sự việc sự vật đều vô ích.

Bầu trời xanh quang đãng biết bao, minh mang, không thời gian, và không không gian. Khoảng cách và không gian là một sự việc của cái trí; đó và đây là những sự kiện, nhưng chúng trở thành những nhân tố thuộc tâm lý bởi sự thôi thúc của ham muốn. Cái trí là một hiện tượng lạ lùng. Quá phức tạp và tuy nhiên tại cơ bản lại đơn giản. Nó bị biến thành phức tạp bởi nhiều ép buộc thuộc tâm lý. Do bởi cái này mới gây ra xung đột và đau khổ, sự kháng cự và những kiếm được. Nhận biết chúng, và cho phép chúng trôi đi và không bị trói buộc trong chúng, gian nan vô cùng. Sống giống như một con sông minh mông đang chảy. Cái trí nhốt trong cái lưới của nó những sự vật của con sông này, đang loại bỏ và đang giữ lại. Không nên có lưới. Lưới thuộc thời gian và không gian, chính cái lưới này mới tạo ra đây và đó; hạnh phúc và đau khổ.

Kiều ngạo là một sự việc lạ lùng, kiêu ngạo trong những sự việc nhỏ nhen và những sự việc to tát; trong những sở hữu của chúng ta, trong những thành tựu của chúng ta,

trong những đạo đức của chúng ta, kiêu ngạo của chủng tộc, danh tánh và gia đình; trong khả năng, trong hình dáng, trong hiểu biết. Chúng ta biến tất cả điều này thành chất dinh dưỡng cho kiêu ngạo này, hay chúng ta chạy trốn đến khiêm tốn. Đối nghịch của kiêu ngạo không là khiêm tốn – nó vẫn còn là kiêu ngạo, chỉ vì nó được gọi là khiêm tốn; ý thức của khiêm tốn là một hình thức của kiêu ngạo. Cái trí phải là cái gì đó. Nó đấu tranh để là cái này hay cái kia, nó không bao giờ có thể ở trong một trạng thái của không-gì cả. Nếu không-gì cả là một trải nghiệm mới mẻ, nó phải có trải nghiệm đó, chính nỗ lực để yên lặng là một kiếm được khác. Cái trí phải vượt khỏi tất cả nỗ lực chỉ sau đó...

Những ngày của chúng ta quá trống rỗng, đầy ắp những hoạt động thuộc đủ mọi loại, kinh doanh, phỏng đoán, thiên định, đau khổ, và hân hoan. Nhưng bất kể tất cả những việc này, những sống của chúng ta quá trống rỗng. Lột bỏ một người khỏi vị trí, uy quyền, hay khỏi tiền bạc, anh ấy là gì? Anh ấy đã có tất cả hào nhoáng đó, phía bên ngoài, nhưng anh ấy trống rỗng, nông cạn, phía bên trong. Người ta không thể có cả hai, giàu có phía bên trong lẫn giàu có phía bên ngoài. Phong phú phía bên trong có giá trị hơn phong phú phía bên ngoài. Người ta có thể bị cướp đoạt những cái bên ngoài, những biến cố phía bên ngoài có thể hủy diệt điều gì đã được xây dựng cẩn thận; nhưng giàu có phía bên trong không thể bị hủy diệt, không gì có thể chạm được chúng, bởi vì chúng đã không bị sắp xếp vào chung bởi cái trí.

Ham muốn để thành tựu rất mạnh mẽ trong con người và họ theo đuổi nó bằng bất kỳ giá nào. Thành tựu này, trong mọi phương cách và trong bất kỳ phương hướng nào, duy trì con người; nếu thành tựu thất bại trong một phương hướng, vậy thì họ cố gắng trong một phương hướng khác. Nhưng

liệu có một sự việc như thành tựu? Thành tựu có lẽ mang lại một thỏa mãn nào đó, nhưng chẳng mấy chốc nó tan biến và lại nữa chúng ta săn đuổi. Trong hiểu rõ ham muốn toàn vấn đề của thành tựu kết thúc. Ham muốn là nỗ lực để là, để trở thành; và cùng một kết thúc cho trở thành, sự đấu tranh để thành tựu tan biến.

Những hòn núi phải một mình. Phải là một kỳ diệu khi có mưa nơi những hòn núi và những giọt mưa trên mặt hồ phẳng lặng. Mùi của quả đất tỏa ra khi mưa xối và tiếp theo lại có những tiếng ộp ộp của nhiều ếch nhái. Có một mê đắm lạ thường trong vùng nhiệt đới, khi có mưa. Mọi thứ được rửa sạch; bụi trên chiếc lá được quét đi; những con sông sống lại và có náo động của những dòng nước đang chảy. Những cái cây nhú ra những nụ xanh, có cỏ dại mới mẻ nơi đã là quả đất tro bụi; có hàng ngàn côn trùng không biết từ đâu đến và quả đất nứt nẻ được nuôi ăn và quả đất dường như thỏa mãn và an bình. Mặt trời có vẻ đã mất đi chất lượng xuyên thấu của nó và quả đất đã trở thành xanh tươi; một nơi của vẻ đẹp và phong phú. Con người liên tục tạo ra đau khổ riêng của anh ấy, nhưng một lần nữa quả đất lại phong phú và có vui thích trong không khí.

Lạ lùng làm sao khi hầu hết mọi người đều mơ ước sự công nhận và khen ngợi – được công nhận như một thi sĩ vĩ đại, như một triết gia, cái gì đó mà quảng bá cái tôi của người ta. Nó trao tặng sự thỏa mãn vô bờ bến nhưng nó lại chẳng có bao nhiêu ý nghĩa. Được công nhận bồi dưỡng sự kiêu ngạo của người ta và có lẽ túi tiền của người ta, rồi sau đó cái gì? Nó khiến cho người ta tách rời và sự tách rời nuôi dưỡng những vấn đề riêng của nó, luôn luôn gia tăng. Mặc dù nó có lẽ trao tặng sự thỏa mãn vô bờ bến, được công nhận không là một kết thúc trong chính nó. Nhưng hầu hết mọi người đều bị

trói buộc trong được công nhận, để thành tựu, để đạt được. Và thế là thất bại là điều không tránh khỏi, theo cùng sự đau khổ của nó. Được tự do khỏi cả thành công lẫn thất bại là nghi vấn thực sự. Từ khởi đầu không tìm kiếm một kết quả, làm những sự việc mà người ta thương yêu, và thương yêu không có phần thưởng hay hình phạt. Đây là một nghi vấn rất đơn giản nếu người ta có tình yêu.

Chúng ta chẳng chú ý bao nhiêu đến những sự vật sự việc chung quanh chúng ta, quan sát và cân nhắc. Chúng ta quá tự cho mình là trung tâm, quá bận tâm đến những lo âu của chúng ta, đến những lợi lộc riêng của chúng ta, chúng ta không có thời gian để quan sát và hiểu rõ. Bận tâm này khiến cho cái trí của chúng ta tối tăm và buồn chán, tuyệt vọng và đau khổ, và từ đau khổ chúng ta muốn tẩu thoát. Chừng nào cái tôi còn năng động phải có sự tối tăm và tuyệt vọng trì trệ. Con người bị trói buộc trong một chủng tộc chạy đua điên khùng, trong phần muộn của sự đau khổ tự cho mình là trung tâm. Đau khổ này là không chín chắn sâu thẳm. Người chín chắn, người cảnh giác được tự do khỏi đau khổ.

Con sông dễ thương làm sao. Một vùng quê không có một con sông phì nhiêu, rộng, đang chảy không là vùng quê gì cả. Ngồi trên bờ của một con sông và thả những dòng nước trôi qua, nhìn ngắm những con sóng lăn tăn và lắng nghe tiếng sóng vỗ vào bờ; thấy gió trên mặt nước tạo ra những khuôn mẫu; thấy những con chim nhạn đang chạm vào nước, nước đang chụp bắt những côn trùng; và xa xa, bên kia sông, phía bờ kia, tiếng nói của con người hay một cậu bé đang thổi sáo, của một buổi chiều yên lặng, làm bật tâm tất cả ồn ào quanh người ta. Trong chừng mực nào đó, dường như nước đang tinh lọc người ta, lau sạch bụi bặm của những kỷ niệm ngày hôm qua và dâng hiến chất lượng đó cho cái trí

của sự tinh khiết riêng của nó, như nước trong chính nó tự tinh khiết. Một con sông thu nhận mọi thứ – nước cống rãnh, những xác chết thú vật, rác rưởi của những thành phố nó chảy qua, và vẫn vậy nó tự lọc sạch chính nó trong vài ba dặm. Nó thu nhận mọi thứ và vẫn còn là chính nó, không cần quan tâm cũng không cần biết sự tinh khiết khỏi những không-tinh khiết. Chỉ những ao tù, những vũng nước nhỏ mới bị ô ứ mau lẹ, bởi vì chúng không đang sống, không đang chảy, như những con sông rộng lớn đang chảy có mùi vị ngọt ngào. Những cái trí của chúng ta là những vũng nước nhỏ, chẳng mấy chốc sẽ bị ô ứ. Chính là cái ao tù nhỏ nhoi này, được gọi là cái trí, mới nhận xét, cân nhắc, phân tích, và tuy nhiên vẫn còn ở trong cái ao tù nhỏ nhoi của trách nhiệm.

Suy nghĩ có một gốc rễ hay những gốc rễ, chính suy nghĩ là gốc rễ. Phải có phản ứng hoặc ngược lại có chết; nhưng thấy rằng phản ứng này không kéo dài gốc rễ của nó vào hiện tại hay vào tương lai là một nghi vấn. Suy nghĩ chắc chắn phải nảy sinh, nhưng nhận biết nó và kết thúc nó ngay tức khắc là nghi vấn cốt lõi. Suy nghĩ về suy nghĩ, tìm hiểu nó, đùa giỡn quanh nó, là kéo dài nó, cho nó gốc rễ. Rất quan trọng phải hiểu rõ điều này. Thấy cái trí suy nghĩ về suy nghĩ như thế nào là phản ứng đến sự kiện. Phản ứng là trạng thái buồn bã và vân vân. Bắt đầu cảm thấy buồn bã, suy nghĩ về sự quay lại của nó ở tương lai, đếm từng ngày, vân vân, là tạo ra gốc rễ của suy nghĩ đang quan tâm đến sự kiện. Thế là cái trí thiết lập những gốc rễ, và sau đó, nhổ bật gốc rễ của nó bằng cách nào, lại trở thành một vấn đề khác, một ý tưởng khác. Suy nghĩ về tương lai là có những gốc rễ trong mảnh đất của không-vĩnh hằng.

Thực sự một mình, không cùng những kỷ niệm và những vấn đề của hôm qua nhưng một mình và hạnh phúc,

một mình mà không có bất kỳ ép buộc phía bên trong hay phía bên ngoài nào, là thả cho cái trí không bị quấy rầy. Một mình. Có một chất lượng của tình yêu về một cái cây, che chở và tuy nhiên vẫn một mình. Chúng ta đang mất đi cảm thấy cho những cái cây, và thế là chúng ta đang mất đi tình yêu cho con người. Khi chúng ta không thể thương yêu thiên nhiên, chúng ta không thương yêu con người. Những Thượng đế của chúng ta đã trở nên quá nhỏ nhen và tầm thường và tình yêu của chúng ta cũng thế. Trong tầm thường chúng ta có thân tâm của chúng ta, nhưng có cây cối, những bầu trời khoáng đãng, và sự phong phú không cạn kiệt của quả đất.

Bạn phải có một cái trí minh bạch, một cái trí tự do không bị trói buộc; đây là cốt lõi, bạn không thể có một cái trí thâm thấu, minh bạch nếu có sợ hãi thuộc bất kỳ loại nào. Sợ hãi khóa chặt cái trí. Nếu cái trí không đối diện những vấn đề tự-tạo tác riêng của nó, nó không là một cái trí thăm thẳm, minh bạch. Đối diện những nét đặc biệt riêng của nó, nhận biết được những thôi thúc của nó, phía bên trong và sâu thẳm, chấp nhận tất cả điều này mà không chống đối, là có một cái trí minh bạch và thăm thẳm. Vậy là chỉ như thế không những có một cái trí tinh tế, nhưng còn cả một cái trí sắc bén. Một cái trí tinh tế là một cái trí chậm chậm, ngần ngừ; không phải một cái trí mà kết luận, nhận xét, hay hình thành công thức. Tinh tế này là cốt lõi. Nó phải biết lắng nghe và chờ đợi. Đùa giỡn cùng những thăm thẳm. Cái này không dành cho kết thúc tại khúc cuối, nhưng chất lượng này của cái trí phải hiện diện ở đó từ ngay khởi đầu. Bạn có lẽ có nó, cho nó một cơ hội trọn vẹn và thăm thẳm để nở hoa.

Thâm nhập vào cái không biết được; đừng thân thuộc với bất kỳ cái gì, đừng giả thuyết bất kỳ cái gì, hãy được tự

do để tìm ra, và thế là chỉ đến lúc đó có thể có chiều sâu và hiểu rõ.

Ngược lại người ta vẫn còn trên bề mặt. Điều gì quan trọng không là tán thành hay phản đối một mấu chốt, nhưng tìm ra sự thật.

Tất cả ý tưởng của thay đổi hay sự thật của thay đổi được thấy khi chỉ có “cái gì là.” “Cái gì là” không khác biệt người suy nghĩ. Người suy nghĩ là “cái gì là” đó, người suy nghĩ không tách khỏi “cái gì là” đó.

Không thể bình thản nếu có bất kỳ loại ao ước, bất kỳ loại hy vọng cho tình trạng nào đó thuộc tương lai. Đau khổ theo sau nếu có bất kỳ ao ước, thường thường sự sống đã dư thừa ao ước rồi; thậm chí chỉ có một ao ước cũng dẫn đến đau khổ vô tận. Muốn cái trí tự-làm tự do chính nó khỏi một ao ước đó, thậm chí muốn nhận biết một ao ước đó cần đến chú ý, và đó là một công việc gian nan vô cùng. Khi tìm được, đừng để cho nó biến thành một vấn đề. Kéo dài vấn đề là cho phép nó bám rễ. Đừng cho phép nó bám rễ. Một ao ước là một đau khổ duy nhất. Nó làm tối tăm sự sống; có tuyệt vọng và phiền muộn. Chỉ nhận biết được nó và hãy mặc kệ nó.

Một con suối chảy qua khu đất này. Nó không là một dòng nước yên lặng đang chảy êm ả tới một con sông to, nhưng một con suối vui vẻ huyên náo. Tất cả vùng quê vây quanh đây đều có đồi, con suối có nhiều thác nước và tại một nơi có ba cái thác với độ sâu khác hẳn. Cái thác cao hơn tạo ra sự huyên náo, ồn ào nhất, hai cái thác còn lại không ba hoa nhưng có âm điệu nhẹ nhàng. Tất cả ba thác nước này được xếp đặt cách nhau, và thế là có một chuyển động liên tục của âm thanh. Bạn phải lắng nghe âm nhạc đó. Nó là một dàn nhạc đang chơi giữa những vườn cây ăn quả, trong những

bầu trời khoáng đãng, nhưng âm nhạc hiện diện ở đó. Bạn phải tìm ra nó, bạn phải lắng nghe, bạn phải ở cùng những dòng nước đang chảy để nghe âm nhạc của nó. Bạn phải là tổng thể để nghe nó – những bầu trời, quả đất, cây cối vút cao, những cánh đồng xanh rì và những dòng nước đang chảy, thế là chỉ như thế bạn nghe nó. Nhưng tất cả việc này quá phiền toái, bạn mua một cái vé và ngồi trong một cái sảnh, được vây quanh bởi con người, và dàn nhạc chơi hay người nào đó hát. Họ làm mọi việc cho bạn; người nào đó sáng tác bài hát, âm nhạc, một người khác chơi hay hát, và bạn trả tiền để lắng nghe. Mọi thứ trong sống, ngoại trừ một vài thứ, đều là chuyên sang lần thứ nhất, lần thứ hai, lần thứ ba, lần thứ tư – những Thượng đế, những bài thơ, chính trị, âm nhạc. Thế là sống của chúng ta bị trống rỗng. Bị trống rỗng chúng ta cố gắng lấp đầy nó – bằng âm nhạc, bằng những Thượng đế, bằng tình yêu, bằng những hình thức của tẩu thoát, và chính lấp đầy này là trống rỗng. Nhưng vẻ đẹp không được mua bán. Vì vậy chẳng mấy người ao ước vẻ đẹp và tốt lành, và con người thỏa mãn với những sự việc được chuyển sang. Chẳng tất cả nó đi là cách mạng duy nhất và thực sự, và chỉ như thế mới có sự sáng tạo của sự thật.

Lạ lùng làm sao khi con người cứ khăng khăng vào sự tiếp tục trong tất cả những sự việc; trong những liên hệ, trong truyền thống, trong tôn giáo, trong nghệ thuật. Không có sự đột phá và một khởi đầu mới mẻ lại. Nếu con người không có sách, không người dẫn dắt, không ai để bắt chước, không ai để theo sau, để làm mẫu mực, nếu anh ấy hoàn toàn một mình, được cởi bỏ tất cả hiểu biết của anh ấy, anh ấy sẽ phải bắt đầu từ ngay khởi đầu. Dĩ nhiên sự cởi bỏ hoàn toàn anh ấy này phải tự phát và tự nguyện một cách tổng thể và trọn vẹn, ngược lại anh ấy sẽ trở nên điên khùng, tự cưỡng bách

chính anh ấy vào loại loạn thần kinh nào đó. Bởi vì dường như chỉ có một ít người có thể hoàn toàn một mình, thế giới tiếp tục cùng truyền thống – trong nghệ thuật của nó, âm nhạc của nó, chính trị của nó, những Thượng đế của nó – mà vĩnh viễn mang lại đau khổ. Đây là điều gì đang xảy ra trong thế giới tại thời điểm hiện nay. Không có gì mới mẻ, chỉ có đối nghịch và đối nghịch chống lại – trong tôn giáo công thức cũ kỹ của sợ hãi và giáo điều tiếp tục; trong những nghệ thuật có sự nỗ lực để tìm ra cái gì đó mới mẻ. Nhưng cái trí không mới mẻ, nó là cùng cái trí cũ kỹ, chứa đầy truyền thống, sợ hãi, hiểu biết, và trải nghiệm, đang nỗ lực để sục sạo cái mới mẻ. Chính là cái trí mà phải tự-cởi bỏ chính nó, tổng thể, cho cái mới mẻ hiện diện. Đây là cách mạng thực sự.

Gió đang thổi từ hướng bắc, những đám mây đen và mưa rơi, mọi thứ đang nảy mầm, đang vươn ra và đang gục - làm mới mẻ chính nó.

Người nông dân ở gần đây có một con thỏ xinh xinh, thật sinh động và tung tăng. Người phụ nữ của ông ấy mang nó lại cho ông ấy và một trong những người phụ nữ nói, “Tôi không thể nhìn nó,” và người đàn ông giết nó, và chỉ vài phút sau con vật sinh động, với một ánh sáng trong hai mắt của nó, đang bị lột da bởi một người phụ nữ. Ở đây họ quá quen thuộc với việc giết chết thú vật, giống như mọi nơi khác trong thế giới, tôn giáo không cấm đoán họ giết chóc. Ở Ấn độ trong hàng thế kỷ, trẻ em đều được dạy dỗ, ít nhất ở miền Nam trong số những người Brahmin, không giết chóc, giết chóc là việc vô nhân đạo nhất, có nhiều trẻ em khi lớn lên bị hoàn cảnh ép buộc phải thay đổi văn hóa của các em thật chóng vánh. Chúng ăn thịt, chúng trở thành sĩ quan quân đội để giết chóc và bị giết chóc. Những giá trị của chúng thay đổi quá mau lẹ. Những thế kỷ của một khuôn mẫu văn hóa đặc

biệt bị quăng đi và một văn hóa mới được nhận vào. Ham muốn được an toàn, trong một hình thức này hay một hình thức khác, quá thống trị đến độ cái trí sẽ tự-điều chỉnh chính nó đến bất kỳ khuôn mẫu nào mà có thể trao tặng cho nó an toàn và bảo đảm. Nhưng không có an toàn; và khi người ta thực sự hiểu rõ điều này, có cái gì đó hoàn toàn khác hẳn, mà sáng tạo cách sống riêng của nó. Sống đó không thể được hiểu rõ hay được bắt chước; tất cả mọi điều mà người ta có thể làm là hiểu rõ và nhận biết được những phương cách của an toàn, mà mang lại sự tự do riêng của nó.

Quả đất đẹp đẽ quá và bạn càng nhận biết nó nhiều bao nhiêu, nó càng đẹp đẽ thêm bấy nhiêu. Màu sắc, những khác biệt của những màu xanh, những màu vàng. Kinh ngạc làm sao về những sự việc người ta khám phá được khi người ta một mình cùng quả đất. Không chỉ những con côn trùng, những con chim, cỏ, vô số loại hoa, những tảng đá, những màu sắc và những cái cây, nhưng còn cả những suy nghĩ, nếu người ta thương yêu chúng. Chúng ta không bao giờ một mình cùng bất kỳ thứ gì. Cùng chính chúng ta, hay cùng quả đất. Quá dễ dàng khi ở một mình cùng một ham muốn, không phải kháng cự nó bằng một hành động của ý chí, không phải cho phép nó tẩu thoát vào hành động nào đó, không phải cho phép sự thành tựu của nó, không phải tạo tác sự đối nghịch của nó bằng bệnh vực hay chỉ trích; nhưng ở một mình cùng nó. Việc này sáng tạo một trạng thái rất lạ thường mà không có bất kỳ hành động nào của ý chí. Chính là điều đó mà tạo tác sự kháng cự và xung đột. Ở một mình cùng một ham muốn sáng tạo một thay đổi trong chính ham muốn. Hãy đùa giỡn cùng cái này và khám phá việc gì xảy ra; đừng ép buộc bất kỳ việc gì, nhưng nhìn ngắm nó một cách ung dung.

Giáo dục? Chúng ta có ý gì qua từ ngữ đó? Chúng ta học đọc và viết, kiếm được một phương pháp kỹ thuật cần thiết cho việc kiếm sống, và sau đó chúng ta buông thả trên thế giới. Từ niên thiếu chúng ta được dạy bảo phải làm gì, suy nghĩ ra sao, và phía bên trong chúng ta bị quy định chặt chẽ bởi ảnh hưởng môi trường và xã hội.

Tôi đang suy nghĩ, liệu chúng ta có thể giáo dục con người trên phía bên ngoài nhưng để lại trung tâm được tự do? Liệu chúng ta có thể giúp đỡ con người được tự do phía bên trong và luôn luôn tự do? Bởi vì chỉ trong tự do, anh ấy mới có thể sáng tạo và thế là hạnh phúc. Ngược lại, sống chỉ là một hành hạ, một trận chiến phía bên trong và thế là phía bên ngoài. Nhưng muốn được tự do phía bên trong cần đến chú ý và thông minh ặ thường ; nhưng chẳng có bao nhiêu người thấy sự quan trọng của điều này. Chúng ta quan tâm đến phía bên ngoài và không phải đến sáng tạo. Nhưng để thay đổi tất cả điều này, ít nhất phải có một vài người mà hiểu rõ sự cần thiết của điều này, mà chính họ phía bên trong đang sáng tạo tự do này. Nó là một thế giới lạ lùng.

Điều gì quan trọng là một thay đổi cơ bản nơi tầng ý thức bên trong. Bất kỳ hành động nào của ý muốn tầng ý thức bên ngoài đều không thể tác động vào tầng ý thức bên trong. Bởi vì ý muốn tầng ý thức bên ngoài không thể tác động vào những theo đuổi, những ao ước, những thôi thúc của tầng ý thức bên trong, cái trí tầng ý thức bên ngoài phải lắng xuống, yên tĩnh, và không cố gắng ép buộc tầng ý thức bên trong, phụ thuộc vào bất kỳ khuôn mẫu nào của hành động. Tầng ý thức bên trong có khuôn mẫu hành động riêng của nó, cái khung phía bên trong riênggiã nó mà nó vận hành. Cái khung này không thể bị phá vỡ bởi bất kỳ hành động phía bên ngoài nào, và ý muốn là một hành động phía bên ngoài.

Nếu điều này thực sự được thấy hay được hiểu rõ, cái trí tầng ý thức bên ngoài yên tĩnh; và bởi vì không có sự kháng cự, bị dựng lên bởi ý muốn, người ta sẽ phát hiện rằng tầng ý thức tạm gọi là bên trong bắt đầu tự-làm tự do chính nó khỏi những giới hạn riêng của nó. Vậy là chỉ đến lúc đó có một thay đổi cơ bản trong toàn bộ thân tâm của con người.

Cao quý là một sự việc lạ lùng. Một viên chức hay một vị trí của kính trọng trao tặng cao quý. Nó giống như mặc một cái áo khoác. Cái áo khoác, chức vụ, trao tặng cao quý. Một tước hiệu hay một vị trí trao tặng cao quý. Nhưng cởi bỏ con người khỏi những điều này, và rất ít người có chất lượng của cao quý đó mà hiện diện cùng tự do phía bên trong của không-là gì cả. Là cái gì đó là điều gì con người khao khát, và cái gì đó cho anh ấy một vị trí trong xã hội mà nó kính trọng. Đặt con người vào một bảng phân loại nào đó – thông minh, giàu có, một vị thánh, một người vật lý; nhưng nếu anh ấy không thể được đặt vào một bảng phân loại mà xã hội công nhận, anh ấy là một người kỳ cục. Cao quý không thể được công nhận, không thể được vun đắp, và ý thức được là cao quý là ý thức về chính mình, mà quá nhỏ nhen, tầm thường. Không-là gì cả là được tự do khỏi chính ý thức đó. Đang hiện diện, không thuộc về hay ở trong một trạng thái đặc biệt, là cao quý thực sự. Nó không thể bị lấy đi, nó luôn luôn hiện diện.

Cho phép dòng chảy tự do của sự sống, mà không có bất kỳ cản trở nào bị sót lại, là nhận biết thực sự. Cái trí của con người giống như một cái sàng mà giữ lại những thứ nào đó và bỏ đi những thứ khác. Cái gì nó giữ lại là chuẩn mực của những ham muốn riêng của nó; và những ham muốn, dù sâu sắc, to tát, cao cả đến chừng nào, đều nhỏ nhen, đều tầm thường, bởi vì ham muốn là một sự việc của cái trí. Không

giữ lại, nhưng cho tự do của sự sống được trôi chảy mà không kiềm hãm, mà không chọn lựa, là nhận biết tổng thể. Chúng ta luôn luôn đang **ch** lựa hay đang giữ lại, đang chọn lựa những sự việc có ý nghĩa và luôn luôn bám vào chúng. Điều này chúng ta gọi là trải nghiệm, và vô số những trải nghiệm chúng ta gọi là sự phong phú của sống. Sự phong phú của sống là tự do khỏi sự tích lũy trải nghiệm. Trải nghiệm mà còn giữ lại, mà bị giam giữ, ngăn cản trạng thái đó mà trong nó cái đã được biết không hiện diện. Cái đã được biết không là kho báu, nhưng cái trí bám vào nó và thế là hủy diệt hay làm ô uế cái không biết được.

Sống là một việc lạ thường. Hạnh phúc thay cho con người không-là gì cả.

Chúng ta là, ít ra hầu hết chúng ta, những sinh vật của những trạng thái, đủ loại trạng thái. Ít người trong chúng ta thoát khỏi nó. Với vài người, nó bị gây ra bởi điều kiện thân thể, với những người còn lại, nó là một trạng thái tinh thần. Chúng ta thích **ang** thái lên xuống này, chúng ta n ghĩ chuyển động của những trạng thái này là bộ phận của sự tồn tại. Nhưng chẳng có bao nhiêu người không bị trói buộc bởi chuyển động này, mà được tự do khỏi trận chiến của trở thành, để cho phía bên trong có một kiên định, không phải của ý muốn, một kiên định mà không bị vun đắp, cũng không phải kiên định của sự quan tâm bị tập trung, cũng không phải sản phẩm của bất kỳ một trong những hoạt động này. Nó áp vào người ta chỉ khi nào hành động của ý muốn kết thúc.

Tiền bạc có làm hư hỏng con người. Có một hung hăng kỳ cục của những người giàu có. Không có bao nhiêu ngoại lệ, trong mọi quốc gia, những người giàu có đều có cảm giác kỳ cục đó của có thể bóp méo bất kỳ thứ gì. Ngay cả những Thượng đế, và họ có thể mua những Thượng đế của

họ. Giàu có không chỉ thuộc của cải, nhưng còn cả khả năng có thể làm mọi thứ. Khả năng trao tặng con người một ý thức kỳ cục của tự do. Anh ấy cũng cảm thấy anh ấy ở trên những người khác, anh ấy khác biệt. Tất cả điều này cho anh ấy một ý thức của ưu việt; anh ấy ngả người và qu an sát những người khác đang quần quai; anh ấy quên bằng sự dốt nát của anh ấy, sự tối tăm của cái trí riêng của anh ấy. Tiền bạc và khả năng, trao tặng một tẩu thoát rất tốt khỏi sự tối tăm này. Rốt cuộc, tẩu thoát là một hình thức của kháng cự, mà nuôi dưỡng những vấn đề riêng của nó. Sống là một việc lạ thường. Hạnh phúc thay cho con người không-là gì cả.

Thâu nhận mọi sự việc một cách thân nhiên, nhưng phía bên trong giàu có và cảnh giác. Đùng buông thả cho một khoảnh khắc trôi qua mà không hoàn toàn nhận biết điều gì đang xảy ra phía bên trong và quanh quanh bạn. Thường thường, đây có nghĩa là nhạy cảm, không phải với một hay hai sự việc, nhưng nhạy cảm với mọi thứ. Nhạy cảm với vẻ đẹp và kháng cự xấu xí là tạo tác xung đột. Bạn biết, khi bạn quan sát bạn sẽ nhận biết rằng cái trí luôn luôn đang đánh giá – cái này đẹp và cái đó xấu, cái này đen và cái kia trắng – nhận xét mọi người, đang so sánh, đang cân nhắc, đang tính toán. Cái trí luôn luôn khuấy động. Liệu cái trí có thể quan sát, nhìn ngắm mà không nhận xét, không tính toán? Hãy nhận biết mà không đặt tên và chỉ thấy liệu cái trí có thể thực hiện nó. Hãy đùa giỡn cùng điều này. Đùng ép buộc nó, hãy cho phép nó tự-nhìn ngắm chính nó. Hầu hết mọi người gắng sức được đơn giản đều bắt đầu với phía bên ngoài, gạt đi, từ bỏ, và vân vân; nhưng phía bên trong; sự phức tạp của thân tâm của họ vẫn còn y nguyên. Bằng sự đơn giản phía bên trong, phía bên ngoài hòa hợp cùng phía bên trong. Đơn giản phía bên trong là tự do khỏi sự thôi thúc cho nhiều hơn, mà

không có nghĩa được thỏa mãn cùng “cái gì là.” Tự do khỏi sự thôi thúc cho nhiều hơn không phải là suy nghĩ dựa vào thời gian, tiến bộ, đạt được đó. Đơn giản dành cho cái trí tự-làm tự do chính nó khỏi tất cả những kết quả, dành cho cái trí tự-làm trông không chính nó khỏi tất cả xung đột. Đây là đơn giản thực sự.

Làm thế nào cái trí có thể đấu tranh giữa cái xấu xí và cái đẹp đẽ, đang bám vào một cái và xua đuổi cái còn lại. Xung đột này khiến cho cái trí vô cảm và loại trừ. Bất kỳ nỗ lực nào về phần của cái trí để tìm ra một đường giới hạn không định nghĩa được giữa hai cái vẫn còn là bộ phận của cái này hay cái kia. Suy nghĩ không thể, dù làm bất kỳ việc gì nó muốn, tự-làm tự do chính nó khỏi tất cả những đối nghịch; chính suy nghĩ đã sáng chế những đẹp đẽ và những xấu xí, và tốt lành và xấu xa. Vì vậy, nó không thể tự-làm tự do chính nó khỏi tất cả những hoạt động riêng của nó. Tất cả mọi việc mà nó cần làm là yên lặng, không chọn lựa. Chọn lựa là xung đột và cái trí quay lại những rối rắm riêng của nó. Yên lặng của cái trí là tự do khỏi sự phân hai.

Có quá nhiều bất mãn và người ta nghĩ rằng một học thuyết, cộng sản hay học thuyết khác, sẽ giải quyết được mọi thứ, thậm chí còn xóa sạch bất mãn, mà dĩ nhiên nó không bao giờ có thể thực hiện được. Chủ nghĩa cộng sản hoặc bất kỳ quy định thuộc tôn giáo có tổ chức nào không bao giờ có thể xóa sạch bất mãn; nhưng người ta lại cố gắng dùng đủ mọi cách để bóp chết nó, để định hình nó, để cho nó mãn nguyện, nhưng nó luôn luôn hiện diện ở đó. Bất mãn, người ta nghĩ rằng nó là sai lầm – thông thường không đúng, và vẫn vậy người ta không thể xua đuổi nó; nó phải được hiểu rõ. Hiểu rõ không là chỉ trích. Vì thế, thực sự thâm nhập nó, nhìn ngắm nó mà không có bất kỳ ham muốn nào để thay

đổi nó, để nhét nó vào một khe rãnh. Nhận biết nó khi nó vận hành suốt ngày, nhận biết những phương cách của nó và ở một mình cùng nó.

Tự do hiện diện khi cái trí một mình. Chỉ đùa giỡn cùng sự việc đó thôi, hãy giữ cái trí yên lặng, tự do khỏi tất cả suy nghĩ. Hãy vui đùa cùng nó, đừng biến nó thành một việc nghiêm trọng quá, không có bất kỳ đấu tranh nào, hãy nhận biết và thả cho cái trí yên lặng.

Có tuyệt vọng chừng nào người ta còn đang tìm kiếm sự thành tựu. Vui thú của thành tựu là một ham muốn liên tục và chúng ta muốn sự tiếp tục của vui thú đó. Không còn vui thú là tuyệt vọng mà trong nó có đau khổ. Lại nữa cái trí tìm kiếm sự thành tựu trong những phương hướng khác nhau và lại nữa nó gặp gỡ tuyệt vọng. Tuyệt vọng này là chuyển động của tự-ý thức mà là cô lập, tách rời, cô độc. Từ điều này cái trí lại muốn tẩu thoát vào hình thức nào đó của sự thành tựu. Đấu tranh để thành tựu tạo ra xung đột của phân hai. Khi cái trí thấy sự vô lý hay sự thật của thành tựu, trong nó luôn luôn có tuyệt vọng, vậy là chỉ như thế cái trí mới có thể ở trong trạng thái của cô đơn mà từ đó không còn tẩu thoát. Khi cái trí ở trong trạng thái cô đơn này, mà không có bất kỳ tẩu thoát nào, vậy thì chỉ như thế có tự do khỏi nó. Sự tách rời tồn tại bởi vì ham muốn để thành tựu; tuyệt vọng là tách rời.

Không choáng váng nào được xảy ra lúc này, ngay cả những choáng váng thoáng chốc. Những phản ứng thuộc tâm lý này tác động vào thân thể, cùng những hậu quả có hại của nó. Hãy ắt mạnh mẽ phía bên trong. Vững chắc và minh bạch. Trọn vẹn; đừng cố gắng trọn vẹn, trọn vẹn. Đừng phụ thuộc vào bất kỳ người nào hay vào bất kỳ điều nào hay vào bất kỳ trải nghiệm nào, hay ký ức; sự phụ thuộc vào quá khứ, dù hải lòng ra sao, chngăn cản sự trọn vẹn của hiện tại.

Nhận biết và cho phép nhận biết đó nguyên vẹn và không gián đoạn ngay cả nếu nó hiện diện được một phút.

Ngủ là cần thiết; trong giấc ngủ người ta dường như tiếp xúc những chiều sâu không biết được, những chiều sâu mà cái trí ăng ý thức bên ngoài không bao giờ có thể tiếp xúc hay trải nghiệm. Mặc dù người ta có lẽ không nhớ trải nghiệm lạ thường của một thế giới vượt khỏi cả tầng ý thức bên ngoài lẫn bên trong, nó có những ảnh hưởng của nó trên tổng thể ý thức của cái trí. Có thể điều này không rõ ràng lắm, nhưng chỉ đọc nó và vui đùa cùng nó. Tôi cảm thấy có những sự việc nào đó mà không bao giờ có thể được giải thích rõ ràng. Không có từ ngữ dành cho chúng, nhưng dấu vảy chúng hiện diện ở đó.

Đặc biệt với bạn điều này rất quan trọng, phải có một thân thể không bị bất kỳ bệnh tật nào hành hạ. Bạn phải thảo luận, tự nguyện, gạt đi tất cả những kỷ niệm và những hình ảnh vui thú, để cho cái trí của bạn được tự do, không bị ô uế cho cái sự việc thực sự. Làm ơn, vui lòng, chú ý đến điều gì được viết ra. Mỗi trải nghiệm, mỗi suy nghĩ phải kết thúc từng ngày, từng phút giây, khi nó nảy ra, để cho cái trí không sinh ra gốc rễ của nó vào tương lai. Điều này rất quan trọng, bởi vì đây là tự do thực sự. Vẫn vậy, không có sự phụ thuộc, bởi vì sự phụ thuộc tạo ra đau khổ, gây ảnh hưởng thân thể và nuôi dưỡng sự khán g cự tâm lý. Và như bạn đã nói, sự kháng cự tạo ra những vấn đề – để đạt được, để trở nên hoàn hảo, và vân vân. Trong tìm kiếm được bao hàm đấu tranh, nỗ lực, gắng sức; gắng sức này, đấu tranh này, luôn luôn kết thúc trong tuyệt vọng – tôi muốn cái gì đó và tôi muốn là cái gì đó – trong ngay tiến trình của đạt được, có sự khao khát cho nhiều hơn, và nhiều hơn không bao giờ có thể được nhìn thấy và thế là luôn luôn có một ý thức của đang bị ngăn cản.

Vì vậy có đau khổ. Vì vậy lại nữa người ta hướng đến một hình thức khác của thành tựu, cùng kết cục không tránh khỏi của nó. Hàm ý của đấu tranh, của nỗ lực, là vô tận, và tại sao người ta tìm kiếm? Tại sao cái trí luôn luôn tìm kiếm và cái gì khiến cho nó tìm kiếm? Liệu bạn ý thức hay liệu bạn nhận biết được rằng bạn đang tìm kiếm? Nếu bạn như thế, mục tiêu của sự tìm kiếm của bạn thay đổi từ từng thời kỳ sang từng thời kỳ. Bạn thấy ý nghĩa của sự tìm kiếm, cùng những tuyệt vọng và đau khổ của nó? Rằng trong tìm được cái gì đó mà gây nên thỏa mãn liên có sự trì trệ, cùng những hân hoan và những sợ hãi, cùng tiến triển và trở thành của nó? Nếu bạn nhận biết rằng bạn đang tìm kiếm, liệu cái trí có thể không tìm kiếm? Và nếu cái trí không tìm kiếm, phản ứng thực sự, tức khắc của một cái trí không tìm kiếm là gì?

Hãy đùa giỡn cùng nó, hãy tìm ra; đừng ép buộc bất kỳ việc gì, đừng cho phép cái trí tự-thôi thúc chính nó vào bất kỳ trải nghiệm đặc biệt nào, bởi vì nếu như thế nó sẽ tự-nuôi dưỡng ảo tưởng cho chính nó.

Tôi thấy người nào đó đang hấp hối. Chúng ta sợ hãi chết làm sao; điều gì chúng ta sợ hãi là sống; chúng ta không biết sống như thế nào; chúng ta biết đau khổ và chết chỉ là sự đau khổ cuối cùng. Chúng ta phân chia sống, như sống và chết. Vậy thì phải có sự đau đớn của chết, cùng sự phân ly, cô lập, cô độc của nó. Sống và chết là một chuyển động, không phải những trạng thái tách rời. Sống là chết, đang chết đi mọi thứ, được sống lại mỗi ngày. Đây không là một phát biểu thuộc lý thuyết nhưng phải được sống và được trải nghiệm. Chính là ý muốn, sự ham muốn liên tục này để tồn tại, mới hoàn toàn hủy diệt “đang hiện diện” đơn giản. “Đang hiện diện” này hoàn toàn khác hẳn giấc ngủ của thỏa mãn, thành tựu, hay những kết luận của lý lẽ. Đang hiện diện này

không nhận biết cái tôi. Một viên thuốc, một quan tâm, một mê mải, một “đồng hóa” hoàn toàn có thể tạo ra một trạng thái được ham muốn, mà vẫn còn là ý thức của cái tôi. Đang hiện diện thực sự là sự kết thúc của ý muốn. Hãy vui đùa cùng những suy nghĩ này và hãy trải nghiệm đây hạnh phúc.

Đó là một buổi sáng không mây, còn rất sớm, bầu trời thật trong lành, dịu dàng và thanh thanh. Dường như tất cả những đám mây đã tan biến, nhưng chúng có lẽ lại xuất hiện trong suốt ngày. Sau đợt lạnh này, gió này và mưa này, mùa xuân sẽ đâm chồi lại; mùa xuân đang xảy ra nhẹ nhàng, bất kể những cơn gió lạnh lẽo, nhưng lúc này mọi chiếc lá và nụ non sẽ vui mừng. Quả đất dễ thương làm sao! Những sự vật xuất hiện từ đó đẹp đẽ lạ thường – những tảng đá, những con suối, những cái cây, cỏ, những bông hoa, những sự vật vô tận mà quả đất sinh ra – chỉ con người đau khổ, chính anh ấy, một mình hủy hoại chủng loại riêng của anh ấy, loài riêng của anh ấy. Anh ấy là chủng loại đau khổ nhất và bất hạnh nhất, anh ấy là chủng loại có tài phát minh nhất và là chủng loại chinh phục thời gian và không gian. Nhưng cùng tất cả những khả năng của chúng, bất kể những đền chùa và những nhà thờ, những mosque, và những thánh đường nguy nga của anh ấy, anh ấy vẫn sống trong sự tối tăm riêng của anh ấy. Những thương đố của anh ấy là những sợ hãi riêng của anh ấy và những thương yêu của anh ấy là những hận thù riêng của anh ấy. Chúng ta có thể biến thế giới thành tuyệt vời làm sao đâu, mà không có ~~những~~ chiến tranh này, mà không có những sợ hãi này. Nhưng ích lợi gì đâu khi chỉ suy đoán; nó chẳng có ích lợi gì cả.

Vấn đề thực sự là sự bất mãn của con người, sự bất mãn không thể tránh khỏi. Nó là một vật quý báu, một món châu báu giá trị vô cùng. Nhưng người ta sợ hãi nó, người ta

làm tân mác nó, sử dụng nó hay cho phép nó được sử dụng để tạo ra những kết quả nào đó. Con người sợ hãi nó, nhưng nó là một món châu báu quý giá, vô giá. Sống cùng nó, nhìn ngắm nó ngày sang ngày, mà không can thiệp chuyển động của nó, vậy thì nó giống như ngọn lửa đang đốt cháy tất cả rác rưởi, đang để lại cái mà không-nhà ửa và khô ng-đo lường. Đọc tất cả điều này một cách thông minh.

Người giàu có lại dư thừa và người nghèo khổ sống đói khát, tìm kiếm lương thực và đấu tranh và làm việc suốt sống của anh ấy. Người không có gì cả hiểu rõ sống của anh ấy hay cho phép sống tự-làm cho chính nó giàu có, sáng tạo, và một người mà có tất cả những thứ của thế giới, lại phung phí và khinh mệt nó. Cho một người một mảnh đất, anh ấy biến nó thành đẹp đẽ, hữu ích, và một người khác bỏ bê nó và để cho nó cần cỗi, giống như anh ấy tàn tạ đi. Chúng ta có những khả năng vô tận, trong mọi phương hướng, để tìm ra cái không tên hay để tạo ra địa ngục trên quả đất. Nhưng hầu vậy, con người thích nuôi dưỡng cảm hờn và thù hận. Dễ dàng vô cùng khi thù hận, ganh tị, và bởi vì xã hội được đặt nền tảng trên nhu cầu của nhiều hơn, những con người lách vào mọi hình thức của tham lợi. Và thế là có đấu tranh liên tục, mà được bênh vực và được chuyển thành cao cả.

Có giàu có vô hạn của một sống khô ng-đấu tranh, không-ý muốn, không-chọn lựa. Sống này hiện diện khi sống của ý muốn kết thúc. Tôi hy vọng bạn không bực bội lắm khi đọc tất cả điều này; nếu bạn không bực bội vậy thì hãy đọc nó và lắng nghe nó đầy thanh thản.

Mặt trời đang gắng sức phá tan những đám mây, có thể nó sẽ xoay xở để phá tan suốt ngày. Một ngày nó là mùa xuân và ngày kế tiếp hầu như nó lại là mùa đông. Thời tiết đại diện cho những tâm trạng của con người, lúc thế này lúc

thế kia, tối tăm và sáng sửa chốc lát. Bạn biết, lạ lùng làm sao khi chúng ta mơ ước tự do và chúng ta lại làm mọi thứ để chúng ta bị nô lệ. Chúng ta mất đi tất cả những chủ động của chúng ta. Chúng ta nương nhờ những người khác để hướng dẫn chúng ta, để giúp đỡ chúng ta, để quảng đại, để an bình; chúng ta nương dựa những đạo sư, những người thầy, những người cứu rỗi, những người thiên định. Người nào đó viết ra những bản nhạc vĩ đại, người nào đó chơi nó, diễn giải nó trong cách riêng của anh ấy và chúng ta lắng nghe nó, thưởng thức nó hay phê bình nó. Chúng ta là khán giả đang quan sát những diễn viên, những cầu thủ bóng đá, hay màn hình chiếu phim. Những người khác viết những bài thơ và chúng ta ngâm nga; những người khác vẽ những bức tranh và chúng ta chăm chăm vào chúng. Chúng ta không có gì cả, thế là chúng ta nương dựa những người khác để giải trí cho chúng ta, để tạo hứng khởi cho chúng ta, để hướng dẫn chúng ta hay cứu rỗi chúng ta. Mỗi lúc một nhiều thêm, văn minh hiện đại đang hủy diệt chúng ta, đang tước đoạt chúng ta khỏi tất cả sáng tạo. Chính chúng ta bị trống rỗng phía bên trong và chúng ta nương nhờ những người khác để làm cho nó giàu có và thế là người lảng giềng lợi dụng điều này để bóc lột, hoặc chúng ta lợi dụng anh ấy.

Khi người ta nhận biết nhiều hàm ý dính dáng trong nương nhờ những người khác, chính sự tự do đó là sự khởi đầu của sáng tạo. Tự do đó là cách mạng thực sự và không phải là cách mạng giả dối của những điều chỉnh thuộc kinh tế hay xã hội. Cách mạng như thế là một hình thức khác của nô lệ.

Những cái trí của chúng ta dựng lên những lâu đài nhỏ xíu của sự an toàn. Chúng ta muốn được bảo đảm về mọi thứ, được bảo đảm về những liên hệ của chúng ta, hay những

thành tựu, những hy vọng của chúng ta, và về những tương lai của chúng ta. Chúng ta dựng lên những nhà tù phía bên trong này và cảnh cáo bất kỳ người nào quấy rầy chúng ta. Là lòng biết bao khi cái trí luôn luôn đang tìm kiếm một vùng đất nơi sẽ không có xung đột, không có phiền muộn. Sống của chúng ta là phá vỡ liên tục và xây dựng lại, trong những hình thức khác nhau, của những nhà tù an toàn này. Vậy là, cái trí của chúng ta trở thành một vật đỡ đỡ và kiệt sức. Sự tự do hiện diện trong không-an toàn thuộc bất kỳ loại nào.

Kinh ngạc ghê lắm khi có một cái trí yên lặng và rất bình thản, không còn một lẩn tẩn của suy nghĩ. Dĩ nhiên, sự bất động của một cái trí chết rồi không là cái trí yên lặng. Cái trí bị biến thành yên lặng bởi hành động của ý muốn. Nhưng, thăm thẳm, toàn thân tâm, liệu có khi nào nó có thể yên lặng? Vẫn vậy, khi cái trí yên lặng, điều gì xảy ra lạ thường lắm. Trong trạng thái đó tất cả ý thức, như là biết, công nhận, đều kết thúc. Sự theo đuổi thuộc bản năng của cái trí, ký ức, không còn nữa. Và rất lý thú khi cái trí bắt đầu vận dụng hết sức để nắm bắt trạng thái không-thể giới đó, qua suy nghĩ, diễn đạt bằng từ ngữ, hoàn hảo những biểu tượng. Nhưng muốn cho qui trình này kết thúc, một cách tự nhiên và tự phát, là gồng như chết đi mọi thứ. Người ta không muốn chết, và thế là luôn luôn có một đấu tranh vô ý thức đang xảy ra, và đấu tranh này được gọi là sống. Thật lạ lùng khi hầu hết mọi người đều muốn gây ấn tượng những người khác, bởi những thành tựu của họ, bởi những khôn ngoan của họ, bởi những quyền sách của họ – bởi bất kỳ phương tiện nào để khẳng định chính họ.

Mọi việc tiến triển ra sao? Liệu những ngày của bạn vùn vụt hơn con thoi của người dệt vải? Liệu bạn sống trong một ngày, một ngàn năm? Thật lạ lùng, bởi vì hầu hết mọi

người sự buồn chán là một việc rất thực sự; họ phải đang làm việc gì đó, bị bận rộn bởi việc gì đó, một hoạt động, một quyển sách, nhà bếp, trẻ em, hay Thượng đế. Ngược lại họ chỉ còn lại với chính họ, mà buồn chán lắm. Khi họ chỉ còn lại với chính họ, họ trở nên tự cho mình là trung tâm, bấn gắt, hay bị bệnh tật, rầu rĩ. Một cái trí không-bận tâm – không phải một cái trí ráo hoảnh tiêu cực, nhưng một cái trí tinh táo thụ động, một cái trí trống không hoàn toàn – là một việc ngọt ngào, có thể có những khả năng vô hạn. Những suy nghĩ là trì trệ, không sáng tạo, và khá chậm chạp. Một suy nghĩ có lẽ khôn ngoan, nhưng khôn ngoan giống như một dụng cụ sắc bén – chẳng mấy chốc nó sẽ tự cùn lụt, và đó là lý do tại sao những người khôn ngoan đều đờ đẫn.

Hãy có một cái trí khô ng-bận tâm mà không cố ý tạo ra nó. Hãy thả cho nó tự nhiên xảy ra hơn là vun đắp nó. Cùng sự thức dậy, hãy đọc điều này và thả cho nó xảy ra. Nghe nó hay đọc về cái trí khô ng-bận tâm là quan trọng, và bạn đọc như thế nào và bạn lắng nghe như thế nào.

Điều gì quan trọng là có loại vận động đúng đắn, ngu ngon, và một ngày có ý nghĩa. Nhưng người ta luôn lách quá dễ dàng vào một lẽ thói, và sau đó người ta vận hành trong khuôn mẫu dễ dàng của tự-thỏa mãn, hay trong khuôn mẫu của đạo đức tự-áp đặt. Tất cả những khuôn mẫu này luôn luôn dẫn đến chết – một tàn tạ từ từ. Nhưng có một ngày phong phú, trong nó không ép buộc, không sợ hãi, không so sánh, không xung đột, nhưng nhận biết một cách đơn giản, là sáng tạo.

Bạn thấy, có những khoảnh khắc hiếm hoi khi chúng ta cảm thấy điều này, nhưng hầu hết sống của chúng ta được tạo thành bởi những kỷ niệm, sự tuyệt vọng gây thoái hóa, và những nỗ lực hão huyền, và sự việc thực sự trôi qua. Đám

mây của tôi tắm che phủ mọi thứ và sự việc thực sự nhạt nhòa đi. Quá gian nan để xuyên thủng đám mây này vào trong sự rõ ràng tinh khiết của ánh sáng. Chỉ thấy những điều này và đó là tất cả. Đừng cố gắng đơn giản. Cố gắng này chỉ nuôi dưỡng sự phức tạp và đau khổ. Cố gắng là trở thành và trở thành luôn luôn là ham muốn, kèm theo những tuyệt vọng.

Quan trọng biết bao khi tự-làm tự do chính người ta khỏi tất cả sự choáng váng thuộc tâm lý, thuộc cảm xúc, mà không có nghĩa người ta phải tự-làm căn cỗi với chuyển động của sự sống. Do bởi những choáng váng này mới dần dần dựng lên vô vàn những kháng cự thuộc tâm lý mà cũng ảnh hưởng phần thân thể, tạo ra vô số những hình thức của bệnh tật. Sống là một chuỗi những sự kiện (được mong muốn hay không được mong muốn); và chừng nào chúng ta còn nặt nhanh, chọn lựa những sự kiện mà chúng ta sẽ giữ lại và những sự kiện mà chúng ta sẽ loại bỏ, chắc chắn phải có xung đột (của sự phân hai) mà là choáng váng. Chuỗi choáng váng này làm căn cỗi cái trí, quả tim; nó là một qui trình tự-khép kín và thế là có đau khổ. Muốn cho phép chuyển động của sự sống, mà không có chọn lựa, mà không có bất kỳ chuyển động đặc biệt nào, ham muốn hay không ham muốn, được bám rễ cần đến sự tinh tảo lạ thường. Nó không là vấn đề của luôn luôn cố gắng tinh tảo, mà gây kết sức, nhưng thấy sự cần thiết về sự thật của tinh tảo, vậy thì bạn sẽ phát giác rằng chính sự cần thiết tự-vận hành mà không có sự ép buộc phải tinh tảo của chính bạn.

Người ta có lẽ đi du lịch, được giáo dục trong những trường học tốt nhất, trong những vùng khác nhau của thế giới; trong điều kiện tốt nhất của những thực phẩm, giảng dạy, khí hậu; nhưng liệu tất cả việc này tạo ra thông minh?

Người ta quen biết những người như thế, và liệu họ thông minh? Những người Cộng sản đang cố gắng, gi ống như những người khác, những người Thiên chúa giáo, để kiểm soát và định hình cái trí. Chính sự định hình cái trí cũng có những ảnh hưởng rõ rệt nào đó – hiệu quả hơn, một sắc sảo và tinh táo nào đó của cái trí – nhưng tất cả những khả năng khác biệt này không tạo ra thông minh. Những người rất học thức, những người có nhiều thông tin, hiểu biết, và những người được giáo dục có khoa học, liệu họ thông minh? Bạn không nghĩ rằng thông minh là cái gì đó hoàn toàn khác hẳn, hay sao? Thật ra, nó là sự tự do tổng thể khỏi sợ hãi. Những người mà đạo đức được đặt nền tảng trên an toàn, an toàn trong mọi hình thức, đều không bình thường, bởi vì ham muốn an toàn là kết quả của sợ hãi. Sợ hãi và kiềm hãm sợ hãi, mà chúng ta gọi là đạo đức, thật ra không là đạo đức gì cả. Thông minh là sự tự do tổng thể khỏi sợ hãi, và thông minh không là phẩm chất đáng tôn trọng, nó cũng không là vô số đạo đức được vun đắp qua sợ hãi. Trong hiểu rõ sợ hãi có cái gì đó mà hoàn toàn khác hẳn những công thức của cái trí.

Thật tốt khi trải nghiệm bằng sự nhận dạng. Chúng ta trải nghiệm bất kỳ thứ gì bằng cách nào? Từ việc đơn giản nhất đến việc phức tạp nhất. Chúng ta nói đây là cái của tôi – đôi dép của tôi, ngôi nhà của tôi, gia đình của tôi, công việc của tôi, và thượng đế của tôi; kèm theo sự nhận dạng hiện diện sự đấu tranh để giữ lại. Kiểm chế nó trở thành một thói quen. Bất kỳ quấy rầy nào mà có lẽ phá vỡ thói quen đó là đau khổ, và tiếp theo chúng ta đấu tranh để khuất phục đau khổ đó. Nhưng sự nhận dạng, cảm giác của cái trí, phụ thuộc vào cái gì đó mà tiếp tục. Nếu người ta thực sự trải nghiệm điều này, chỉ đang nhận biết, mà không có bất kỳ ham muốn

để thay đổi hay chọn lựa, người ta khám phá quá nhiều việc lạ thường trong chính người ta. Cái trí là quá khứ, truyền thống, những kỷ niệm mà là nền tảng của sự nhận dạng. Liệu cái trí, như chúng ta biết nó lúc này, có thể vận hành mà không có qui trình của sự nhận dạng này? Hãy tìm ra, hãy vui đùa cùng nó, hãy nhận biết những chuyển động của sự nhận dạng bằng những hoạt động bình thường hàng ngày, bằng những sự việc trừu tượng nhất. Người ta phát hiện những điều kỳ cục này, suy nghĩ phai nhạt như thế nào, nó tự-chơi trò ma mãnh cùng chính nó ra sao.

Hãy để cho sự tỉnh táo theo sát sự suy nghĩ qua những hành lang của cái trí, đang lật tung, không bao giờ đang chọn lựa, luôn luôn đang theo sát.

Thật khó khăn lạ thường, khi người ta được đặt vào nơi tốt lành, để không-ham muốn, để không-khao khát những sự việc, những xảy ra nào đó; để không-so sánh. Nhưng dù ở bất kỳ điều kiện nào, những ham muốn, những khao khát, những so sánh cứ tiếp tục. Chúng ta luôn luôn khao khát cho nhiều hơn hay cho ít hơn, cho tiếp tục của vui thú nào đó và lẫn tránh đau khổ. Điều gì thực sự lý thú là thế này: Tại sao cái trí tạo ra một trung tâm, phía bên trong chính nó, mà quanh đó nó chuyển động và có sự tồn tại của nó? Sống là một ngàn lẻ một những ảnh hưởng, vô vàn những áp lực, nhận biết được và không nhận biết được. Trong số những áp lực và những ảnh hưởng này, chúng ta chọn lựa vài thứ và loại bỏ những thứ còn lại, và thế là chúng ta dần dần tạo ra một trung tâm. Chúng ta không thả cho tất cả những áp lực và những ảnh hưởng này trôi qua, không bị ảnh hưởng bởi chúng. Mọi ảnh hưởng, mọi áp lực đều gây ảnh hưởng chúng ta, hậu quả được gọi là tốt lành hay xấu xa, dường như chúng ta không thể nhìn ngắm, nhận biết những áp lực, và không

tham gia trong nó bằng cách này hay cách kia, không kháng cự nó hay không nghênh đón nó. Sự kháng cự hay nghênh đón này tạo ra trung tâm từ đó chúng ta hành động. Liệu cái trí có thể không tạo ra trung tâm này? Đáp án chỉ có thể được tìm ra bằng sự thử nghiệm, không phải qua bất kỳ hình thức nào của khẳng định hay phủ nhận. Vì vậy hãy thử nghiệm và tìm ra. Cùng sự kết thúc của trung tâm này có sự tự do thực sự.

Người ta có bị bối rối, lo lắng, và thỉnh thoảng sợ hãi. Những việc này có xảy ra. Chúng là những tai nạn của sống. Sống là một ngày nhiều mây. Nó quang đãng và có ánh nắng mặt trời vào ngày khác, nhưng lúc này nó đang mưa, đầy mây và lạnh lẽo; sự thay đổi này là tiến trình không tránh khỏi của sống. Lo lắng, sợ hãi, bỗng nhiên ập vào người ta; có những nguyên nhân cho nó, giấu giếm hay khá rõ ràng, và bằng một chút xiu nhận biết người ta có thể tìm được những nguyên nhân đó. Nhưng điều gì quan trọng, là nhận biết những biến cố và những tai nạn này và không cho chúng thời gian để bám rễ, thường xuyên hay nhất thời. Người ta có cho gốc rễ đến những phản ứng này khi cái trí so sánh; nó bênh vực, chỉ trích hay chấp nhận. Bạn biết, người ta phải luôn luôn sẵn sàng thoát khỏi, phía bên trong, mà không có bất kỳ căng thẳng. Căng thẳng nảy sinh khi bạn muốn một kết quả, và cái gì nảy sinh lại tạo ra căng thẳng mà phải bị phá vỡ. Hãy để cho sự sống trôi chảy.

Rất dễ dàng gây tai họa khi quen thuộc với bất kỳ thứ gì, với bất kỳ khó chịu, với bất kỳ tuyệt vọng, với bất kỳ thỏa mãn được tiếp tục. Người ta có thể tự-điều chỉnh đến bất kỳ những hoàn cảnh nào, đến những điên rồ hay đến những khắc khổ. Cái trí ưa thích vận hành trong những khe rãnh, trong những thói quen, và hoạt động này được gọi là đang sống.

Khi người ta thấy điều này, người ta lại cố gắng thoát khỏi tất cả điều này và cố gắng theo một sống không có ý nghĩa, không những ràng buộc, không những quan tâm. Những quan tâm, nếu người ta không tỉnh táo lắm, dẫn chúng ta rơi lại một khuôn mẫu của sống. Trong tất cả điều này bạn sẽ thấy ý muốn, những hướng dẫn, đang vận hành, ý muốn để là, để đạt được, để trở thành và vân vân. Ý muốn là chính trung tâm của người chọn lựa và chừng nào ý muốn còn tồn tại, cái trí chỉ có thể vận hành trong thói quen, hoặc tự-sáng chế hoặc bị áp đặt. Tự do khỏi ý muốn là nghi vấn thực sự. Người ta có thể sử dụng vô vàn ranh mãnh vào chính người ta, để làm tự do khỏi ý muốn, trung tâm của cái tôi, người chọn lựa, nhưng nó sẽ luôn lách dưới một danh nghĩa khác, dưới một cái áo choàng khác. Khi người ta thấy ý nghĩa thực sự của thói quen, của quen thuộc với những sự việc; đang chọn lựa, đang đặt tên, đang theo đuổi một quan tâm và vân vân; khi có một nhận biết được tất cả điều này, vậy thì một kỳ diệu thực sự xảy ra, sự kết thúc của ý muốn. Hãy thử nghiệm cùng điều này, hãy nhận biết tất cả điều này, từ khoảnh khắc sang khoảnh khắc, mà không có bất kỳ ao ước để đến bất kỳ nơi nào.

Những bầu trời phía nam và những bầu trời phía bắc khác nhau lạ lùng. Nơi này, ở London, để tạo ra một thay đổi, không có một đám mây trong bầu trời xanh dịu và những cái cây vút cao vừa đang lộ diện màu xanh của nó. Ở đây mùa xuân đến rồi, vừa mới bắt đầu. Ở đây con người đầy cái kính, sự vui vẻ trong con người không hiện diện như ở đó, miền Nam.

Một cái trí yên lặng, nhưng rất tỉnh táo, cảnh giác, là một phước lành; nó giống như quả đất, dư thừa những khả năng vô tận. Khi có một cái trí như thế, không đang so sánh,

không đang chỉ trích , chỉ như thế sự giàu có vô hạn mới có thể hiện diện.

Đừng cho phép khối của những nhỏ nhen làm cho bạn chết ngạt và hãy thả cho lửa lan ra. Bạn phải liên tục chuyển động, đập nát, hủy diệt, không bao giờ bám rễ. Đừng để cho bất kỳ vấn đề nào bám rễ, chấm dứt nó ngay tức khắc và mỗi sáng thức dậy trong sáng, tươi trẻ, và hồn nhiên...

Hãy thông minh và khẳng định về sự lãnh mạnh của bạn; đừng để cho cảm xúc và cảm tính can thiệp vào sự lãnh mạnh của bạn và cũng đừng giảm giá trị hành động của bạn. Có quá nhiều ảnh hưởng và áp lực liên tục đang định hình cái trí và quả tim, hãy nhận biết chúng, cắt đứt chúng và đừng là một nô lệ cho chúng. Là một nô lệ là một người tầm thường. Hãy tỉnh táo, hãy hùng hực.

Đổi diện sợ hãi, mời mọc nó, đừng để cho nó ập vào bạn bất thành linh, không mong đợi, nhưng đối diện nó liên tục; một cách siêng năng và quả quyết , theo sát nó. Hy vọng bạn sâu sắc và đừng sợ hãi bởi tất cả điều này; chắc chắn nó có thể khắc phục được và chúng ta sẽ theo sát nó. Đừng cho phép nó đe dọa bạn.

Phía bên trong, sâu thẳm, có lẽ có một tàn tạ dần dần; bạn có lẽ không nhận biết điều này, hay nếu nhận biết, cầu thả. Con sóng của thoái hóa luôn luôn trôi trên chúng ta , không đặt thành vấn đề chúng ta là ai. Muốn ở ngay phía trước của nó và gặp gỡ nó mà không phản ứng và thoát khỏi nó cần đến năng lượng vô hạn. Năng lượng chỉ hiện diện khi không có bất kỳ loại xung đột nào, nhận biết hay không nhận biết. Hãy rất tỉnh táo.

Đừng cho phép những vấn đề bám rễ. Quan sát chúng thật mau lẹ, cắt đứt chúng dứt khoát như cắt miếng bơ. Đừng cho phép chúng để lại một dấu vết, kết thúc chúng ngay khi

chúng nảy sinh. Bạn không thể ngăn cản có những vấn đề, nhưng kết thúc chúng ngay tức khắc.

Đã có một thay đổi rõ rệt trong bạn – sinh lực, sức mạnh và rõ ràng sâu thẳm phía bên trong – giữ nó – thả cho nó vận hành – trao tặng nó một cơ hội để trôi chảy lan rộng và thăm thẳm. Đừng, dù bất kỳ việc gì xảy ra, bị bóp nghẹt bởi những hoàn cảnh, bởi gia đình – bởi điều kiện thân thể riêng của bạn. Ăn uống đúng cách, vận động, và đừng trở nên trì trệ. Bởi vì đã đến một trạng thái nào đó, cứ tiếp tục, đừng ngủ quên ở đó – hoặc tiến về trước hoặc bạn thụt lùi. Bạn không thể đứng yên. Bạn đã bập bênh trên con sóng phía bên trong quá nhiều năm rồi, thối lui, bên trong, nhưng lúc này từ chuyển động phía bên trong đó bạn phải ra ngoài – gặp gỡ nhiều người hơn – cởi mở lan rộng.

Đã qua nhiều thiên định và đã tốt lành. Tôi hy vọng bạn cũng đang làm nó – bắt đầu bằng cách nhận biết được mọi suy nghĩ – cảm giác – suốt ngày, những dây thần kinh và bộ não – vậy thì trở nên yên lặng, bất động – đây là điều gì không thể thực hiện được qua kiểm soát – vậy thì thực sự bắt đầu thiên định. Làm nó trọn vẹn.

Dù bất kỳ việc gì xảy ra đừng cho phép thân thể định hình bản thể của cái trí – hãy nhận biết được thân thể, ăn uống đúng cách, hãy một mình trong suốt ngày khoảng vài tiếng đồng hồ – đừng len lén quay lại và đừng là một nô lệ cho những hoàn cảnh. Hãy lạ thường – hãy thức dậy.

Ngày bắt đầu dịch: 14 tháng 8 năm 2010

Xong: 08:30 thứ sáu ngày 17 tháng 10 năm 2010

Sửa lần cuối 16:00 thứ ba ngày 29 tháng 3 năm 2011

Đã dịch: [www.krishnamurtionghong.com]

- 1 – Sổ tay của Krishnamurti (Dịch 2005 - Sửa 3-2013)
Krishnamurti's Notebook
- 2 – Ghi chép của Krishnamurti (Dịch 2005 - Sửa 3-2013)
Krishnamurti's Journal
- 3 – Krishnamurti độc thoại (Dịch 2006- Sửa 3-2013)
Krishnamurti to Himself
- 4– Ngẫm nghĩ hàng ngày cùng Krishnamurti
Dịch 2005 - Sửa 3-2013
Daily Meditation with Krishnamurti
- 5 – Thiền định 1969 (Dịch 2005 - Sửa 3-2013)
Meditation 1969
- 6 – Thư gửi trường học (Dịch 7-2008 – Sửa 3-2013)

Letters to Schools

- 7 – Nói chuyện cuối cùng 1985 tại Saanen
Dịch 2007 - Sửa 2012
Last Talks at Saanen 1985
- 8 – Nghĩ về những điều này (Dịch 2006 - Sửa 3-2013)
Think on these things
- 9 – Tương lai là ngay lúc này (Dịch 9-2008)
The Future is now
- 10 – Bàn về Thượng đế (Dịch 10-2008)
On God
- 11– Bàn về liên hệ (Dịch 2008)
On Relationship
- 12 – Bàn về giáo dục (Dịch 2007 - Sửa 10-2012)
On Education
- 13 – Bàn về sống và chết (Dịch 2-2009)
On living and dying
- 14 – Bàn về tình yêu và sự cô độc (Dịch 2-2009)
On Love and Loneliness
-
- 15 – Sự thức dậy của thông minh- Tập I/II
Dịch 2009 - Sửa 2-2013
The Awakening of Intelligence
- 16 – Bàn về xung đột (Dịch 4-2009)
On Conflict
- 17 – Bàn về sợ hãi (Dịch 7-2009)
On Fear
- 18 – Vượt khỏi bạo lực (Dịch 6-2009)
Beyond Violence
- 19 – Bàn về học hành và hiểu biết (Dịch 8-2009)
On Learning and Knowledge
- 20 – Sự thức dậy của thông minh-Tập II/II
Dịch 2009 – Sửa 2-2013
The Awakening of Intelligence

- 21 – Nghi vấn không đáp án (Dịch 2009)
The Impossible Question
- 22 – Tự do đầu tiên và cuối cùng (Dịch 4-2010 - sửa 2013)
The First and Last Freedom
- 23 – Bàn về kiếm sống đúng đắn
Dịch 1-2010 - sửa 3-2013
On Right Livelihood
- 24– Bàn về thiên nhiên và môi trường (Dịch 5-2010)
On Nature and The Environment
- 25– Tương lai của nhân loại (Dịch 5-2010)
The Future of Humanity
- 26– Sự kết thúc của thời gian (Dịch 5-2010)
The Ending of Time
- 27– Sống chết của Krishnamurti (Dịch 2009)
The Life and Death of Krishnamurti
A Biography by Mary Lutyens
- 28–Trách nhiệm với xã hội (Dịch 6-2010)
Social Responsibility
- 29– Cá thể và xã hội (Dịch 7-2010)
Individual & society
- 30– Cái gương của sự liên hệ (Dịch 11-2010)
The Mirror of Relationship
- 31– Bàn về cái trí và suy nghĩ (Dịch 8-2010)
On mind & thought
- 32– Tại sao bạn đang được giáo dục? (Dịch 2-2011)
Why are you being educated?
- 33– Bàn về Sự thật (Dịch 3-2011)
On Truth
- 34– Tiểu sử của Krishnamurti – Tập I/II (Dịch 5-2011)
Krishnamurti's biography by Pupul Jayakar
- 35– Tiểu sử của Krishnamurti – Tập II/II (Dịch 6-2011)
Krishnamurti's biography by Pupul Jayakar
- 36- Truyền thống và Cách mạng (Dịch 7-2011)
Tradition & Revolution

- 37- Khởi đầu của học hành (Dịch 8-2011)
Beginnings of Learning
- 38- Giáo dục và ý nghĩa của sông (Dịch 9-2011)
Education and Significance of Life
- 39- Cuộc đời trước mặt (Dịch 10-2011)
Life Ahead
- 40- Gặp gỡ sự sống (Dịch 11-2011)
Meeting Life
- 41- Giới hạn của suy nghĩ (Dịch 12-2011)
The Limits of Thought
- 42- Lửa trong cái trí (Dịch 2-2012)
Fire in the mind
- 43- Nói chuyện tại Nhà bếp (Dịch 2011)
1001 Bữa trưa cùng J. Krishnamurti
The Kitchen Chronicles
1001 Lunches with J. Krishnamurti
- 44- Nói chuyện cùng sông Tập I/III (Dịch 2012)
Commentaries on living-First Series
- 45- Bàn về tự do (Dịch 12-2012)
On Freedom
- 46-Thâm nhập Thấu triệt (Dịch 3-2013)
Exploration Into Insight
- 47- Nói chuyện cùng sông Tập II/III (Dịch 3-2013)
Commentaries on living - Second Series
- 48- Nói chuyện cùng sông Tập III/III (Dịch 4-2013)
Commentaries on Living-Third Series